

MACXIM GORKI

KIỆM SỐNG



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Dịch từ nguyên văn tiếng Nga trong GORKI TOÀN TẬP
(trọn bộ 30 tập, tập 13)
Nhà xuất bản văn học Quốc gia. Maxcova - 1951

MACXIM GORKI

KIỆM SỐNG

THANH NAM

TRẦN KHUYẾN - CẨM TIÊU

dịch

In lần thứ ba

(đã có sửa chữa)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội - 2002

LỜI GIỚI THIỆU

Kiểm sống⁽¹⁾ là phần hai trong tác phẩm bộ ba tự thuật⁽²⁾ của M. Gorki, miêu tả thời niên thiếu của cậu bé Aliôsa Pêskốp, tức Gorki, từ năm 1878 đến năm 1884. Trong phần đầu, M. Gorki đã kết thúc thời thơ ấu của mình bằng những dòng chua chát:

*“Sau khi chôn cất mẹ tôi được vài ngày, ông tôi bảo tôi: -
Này Lêcxây, mày không phải là cái mẹ đày, mày không thể
lùng lẳng mãi trên cổ tao, mày hãy đi vào đời mà kiếm sống...*

Và thế là tôi bước vào đời”.

Mười mười tuổi đầu, cậu bé mồ côi Akiôsa đã bắt đầu ở với người đời, tìm hiểu cuộc sống và đấu tranh trong cuộc sống để tìm ra một lối thoát cho mình. Trong giai đoạn nhận thức cuộc sống này đã hình thành mối quan hệ mới của Akiôsa đối với con người và thế giới xung quanh. Bước vào đời để kiếm sống, Aliôsa luôn luôn va chạm với sự hèn hạ, đồi tệ của bọn “tiểu thị dân”, những kẻ luôn luôn tự cho mình là “ưu việt nhất thành phố”, họ tưởng rằng họ “biết những quy luật cư xử đúng nhất, và dựa trên những luật lệ mù mờ đó mà kết tội mọi người một cách tàn nhẫn, không thương tiếc”. Những người này thường có thái độ ganh tị, ghen ghét đối với những điều tốt đẹp ở những

(1) *Kiểm sống* được viết năm 1914-1915 và in năm 1915-1916

(2) Những nét khái quát của tác phẩm bộ ba tự thuật: *Thời thơ ấu*, *Kiểm sống*, *Những trường đại học của tôi*, chúng tôi đã giới thiệu trong cuốn *Thời thơ ấu* của M. Gorki.

con người mà họ không sao hiểu nổi. Để biện bạch cho cuộc sống nhỏ nhen và nghèo nàn của mình, làm cho nó tăng thêm cái vẻ quan trọng bề ngoài, họ giống như ông lão Kasirin keo kiệt, hung dữ, hay bà già Matriôna độc ác, ích kỷ, luôn luôn lôi kéo Chúa vào những việc tẹp nhẹp buồn tẻ của mình, hoặc biến Chúa thành một sức mạnh trừng phạt mù quáng để bảo vệ cho những tội lỗi và lợi ích cá nhân của mình...

Aliôsa càng ngày càng thấy rõ những “mặt trái” của cuộc sống, sự nhục mạ đối với nhân cách con người, sự lao động vô nghĩa đã bị bọn chủ biến thành khổ sai đối với những người nghèo khổ. Lúc ấy, theo như lời Gorki kể, cuộc sống đối với Aliôsa như vĩnh viễn bị qui định một cách chặt chẽ trong các hình thức và các mối quan hệ mà Aliôsa đã trông thấy ngày này qua ngày khác, mỗi ngày một buồn tẻ hơn, gay gắt hơn khiến khó mà nghĩ ra được những khả năng gì có thể tốt hơn là những điều vẫn thường có, vẫn thường hiện ra trước mắt hàng ngày đó.

Nhưng khi ấy sách vở - những kho tàng tư tưởng sáng tạo của con người - đã tới giúp Aliôsa. Những tác phẩm của các nhà văn Nga ưu tú, những tác phẩm của Oantơ Xcôt, của Dickenx v.v... mà Aliôsa đọc thời bấy giờ đã giúp cho cậu hiểu được rất nhiều điều mà trước đó Aliôsa vẫn băn khoăn. Sách vở, theo như lời Gorki sau này kể lại, đã giúp cho Aliôsa khắc phục tâm trạng bối rối, thiếu tin tưởng đối với con người. Mỗi cuốn sách hay như mở ra trước mắt Aliôsa một chiếc cửa sổ hướng về một thế giới mới mẻ với những con người, những tình cảm, ý nghĩ và quan hệ mà Aliôsa chưa từng biết, chưa từng thấy. Càng đọc nhiều sách, Aliôsa càng thấy gần gũi với thế giới hơn cuộc sống đối với cậu càng trở nên sáng sủa hơn, có ý nghĩa hơn. Sau này, Gorki nhớ lại: “Sách vở đã chỉ cho tôi chỗ đứng của mình trong cuộc sống, nói cho tôi biết rằng con người thật là vĩ đại và đẹp đẽ, luôn hướng về cái tốt đẹp hơn, rằng con người đã làm nên nhiều thứ trên trái đất và vì cái đó mà họ phải chịu biết bao đau khổ”⁽¹⁾

(1) *M. Gorki toàn tập*, tập 14, trang 239.

Một nhân vật trong *Kiểm sống* là Jikharep đã nói với Aliôsa với vẻ đồng tình như sau: "Cháu không có thái độ dửng dưng, mà luôn luôn nhìn thẳng vào mọi công việc. Cháu cứ nên như thế mãi, điều đó rất tốt!" Aliôsa đã dưng cảm lao vào cuộc sống, dưng cảm "bước vào đời", mặc dù nhiều khi va chạm phải mặt trái xấu xa ghê tởm của nó, Gorki viết:

"Trong tôi có hai con người: một người sau khi biết quá nhiều điều ghê tởm và bẩn thỉu, hơi sợ những điều đó; nản lòng trước sự hiểu biết những điều khủng khiếp xảy ra hàng ngày, hấn bắt đầu nhìn cuộc sống, nhìn mọi người với thái độ thiếu tin tưởng và hoài nghi, thương hại một cách bất lực tất cả mọi người cũng như chính bản thân mình. Con người ấy mơ ước một cuộc sống không cô độc, yên tĩnh, chỉ có sách vở, không dính líu đến ai...

"Còn con người kia, được nuôi dưỡng bằng ý chí thiêng liêng của những cuốn sách tốt và sâu sắc, mỗi khi quan sát thấy sức chiến thắng của những điều khủng khiếp xảy ra hàng ngày đó, và cảm thấy sức mạnh ấy có thể dễ dàng đè bẹp mình, làm nhor bẩn trái tim mình, liền cố sức tự vệ, cắn chặt răng, siết chặt nắm đấm, luôn luôn sẵn sàng xông vào bất kỳ cuộc tranh cãi và trận chiến nào. Con người này yêu thương một cách tích cực..."

Trên bước đường kiểm sống, Aliôsa đã gặp và sống với những con người lao động bình thường: những người thợ mộc, thợ nề, thợ làm tượng thánh, những người phu khuân vác v.v... trong đó có những nhà nghệ sĩ, nhà thơ, nhà triết học... Mỗi người, tùy theo mức độ đều cần thiết và quan trọng đối với Aliôsa, làm cho tâm hồn cậu thêm phong phú, làm cho cậu trở nên mạnh mẽ và khôn ngoan hơn, giúp cậu có đủ nghị lực đương đầu với cuộc sống. Trong quá trình tiếp xúc với những người này, tính cách của Aliôsa cũng dần dần hình thành.

Bác đầu bếp Xmurui, một trong những "người thầy" như vậy của Aliôsa, một người vốn nghiêm nghị và thích cô độc, có tâm hồn hiền hậu và tấm lòng công bằng, cao thượng. Khi Aliôsa đọc cho bác nghe chuyện *Tarax Bunba* của Gôgôn, tới cảnh

chết của Ataman⁽¹⁾ Cốtắc thì Xmurui, người mà tất cả mọi người trên tàu đều sợ, đã khóc lên nức nở. Chính cũng nhờ cuộc gặp gỡ với Xmurui mà Aliôsa bắt đầu say mê đọc sách. Càng tiếp xúc với những người Nga bình thường, càng tìm hiểu họ sâu hơn, Aliôsa càng thấy “những người chủ” là tầm thường, tẻ nhạt, thế giới của họ hoá ra không phải là hoàn toàn bền vững và chắc chắn như cậu tưởng.

Aliôsa đã trải qua cả một trường học đường đời khi làm việc ở xưởng làm tượng thánh. Những người thợ trong xưởng mà Aliôsa tiếp xúc nhiều là những người có tinh thần ham hiểu biết, có tâm hồn phong phú và có tài năng. Ở mỗi người, Aliôsa đều cảm thấy họ thực sự hiểu biết cuộc sống và nghệ thuật. Những người đó tuy sống tù túng trong xưởng nhưng tâm hồn vẫn cao thượng, sức mạnh và vẻ đẹp. Không phải vô cớ khi kể về Xitanôp, Gorki đã nhắc rằng trong anh hình như có một cái gì giống với “nhà qui tộc Tây Ban Nha”, nhân vật mà Xitanôp yêu thích hơn cả trong các sách vở.

Đặc biệt Jikharep đã làm cho Aliôsa rất đỗi ngạc nhiên; đó là một nghệ sĩ nhân dân, một người bị giày vò vì khát vọng hiểu biết và sáng tác tự do.

“Chúng ta biết được những gì? Chúng ta sống thật quá tầm thường... Còn đâu là tâm hồn? Tâm hồn ở đâu rồi? Nguyên bản thì có đấy, nhưng trái tim thì không...”, “Chúng ta sống như những con chó mù, chẳng biết cái quái gì cả...”. Aliôsa lo lắng và vui mừng nghe những lời lạ tai ấy của Jikharep.

Những người này càng ngày càng nhận thức được rõ cuộc sống bất công, sự vô nghĩa của thứ lao động cưỡng bách. Họ bị dồn vào cảnh lao động kiệt sức và đơn điệu, mất hết cả niềm vui và phúc lợi ở đời. Họ rất thèm muốn ánh sáng, trí thức, cái đẹp. Những cuốn sách mà Aliôsa đọc đã làm cho họ say mê, rung động. Khi Aliôsa đọc tập thơ *Con quỷ* của Lecmôntôp thì những người này đã làm cho cậu hết sức ngạc nhiên bởi sự thụ cảm nghệ thuật rất tinh vi và sâu sắc của họ.

(1) Thủ lĩnh Cốtắc

Qua những năm sống phiêu lãng ấy, trong Aliôsa đã nảy sinh tình yêu mạnh mẽ đối với con người, thứ tình yêu mà cậu sẽ mang suốt đời. “Chứ được cái tốt là đối với ai chứ cũng coi như họ hàng thân thích cả” - Kapendiu khin đã nói với Aliôsa như vậy.

Aliôsa luôn luôn có mặt trên con đường đi tìm chân lý, mục đích cuộc sống, đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi vẫn giày vò cậu: “Làm thế nào để giúp đỡ mọi người”. Đối với Aliôsa, việc tìm hiểu được ông lão thợ mộc Ôxip là một điều “hết sức cần thiết”. Tính tình phức tạp của Ôxip đã giúp cho Aliôsa hiểu được bản tính mâu thuẫn của nông dân. (Về Ôxip, năm 1897 Gorki đã viết trong truyện ngắn *Vanka Mazin* và năm 1912 trong truyện ngắn *Băng chuyển*). Aliôsa biết tìm ở mọi người những điều cần thiết đối với cậu, mặc dù những người ấy hoàn toàn khác xa hẳn cậu.

Trong ý thức, Aliôsa đã phân biệt được giữa giấc mơ và thực tế. Giờ đây trong việc tìm tòi cái đúng cảm, cậu không chỉ hướng về sách vở, thơ ca, truyện thần thoại, mà trước hết hướng về cuộc sống hiện thực: “Tôi đã cảm thấy rõ những mâu thuẫn giữa thực tế và sách vở. Trước mắt tôi là những con người sinh động, trong sách vở không thấy những con người như vậy: Không thấy bác Xmurui, anh thợ đốt lò Iakôp, ông khách lưu lạc Alêxăng Vaxiliep, bác Jikharep, chị thợ giặt Natalya...” Những hình tượng của những con người sinh động này đã choán một vị trí quan trọng trong tâm trí của cậu bé Aliôsa.

Trong chương trình cuối của *Kiểm sống* đã xuất hiện một hình tượng đầy ý nghĩa - cảnh “trái đất nửa thức nửa ngủ”. Aliôsa muốn đá tung tất cả trái đất và ngay cả chính mình nữa để cho tất cả mọi vật “xoay như một cơn gió lốc mừng vui trong điệu múa của những con người yêu nhau say đắm, những con người đang yêu cuộc sống này, cuộc sống mở đầu cho một cuộc sống khác đầy tươi đẹp, phấn khởi và ngay thật...”

Nhưng trong giai đoạn phát triển này, sự hiểu biết của Aliôsa còn hạn chế, cậu chưa trả lời được câu hỏi: phải làm gì một cách cụ thể để giúp mọi người, phải thực hiện lý tưởng xây

dựng một thế giới hợp lý và công bằng đối với mọi người như thế nào?

Tác phẩm *Kiểm sống* đã kết thúc bằng những suy nghĩ già dặn của cậu thiếu niên Aliôsa mười sáu tuổi, qua những năm lăn lộn với sóng gió của cuộc đời để kiểm sống.

“Tôi nghĩ bụng:

- Ta phải làm được một việc gì chứ, nếu không thì ta sẽ sống vô ích...

Vào những ngày thu ảm đạm, khi mà không những không nhìn thấy, không cảm thấy, mà còn quên cả mặt trời, vào những ngày thu như vậy, tôi thường bị lạc vào rừng. tôi bị chệch đường chẳng tìm được một hẻm nào; cuối cùng sau khi tìm kiếm đến mệt bã cả người, tôi cần rặng lại và cứ đi thẳng xuyên qua khu rừng rậm, trên những cành cây mục nát, trên những mô đất trông tránh của vũng lầy. Cuối cùng, bao giờ tôi cũng tìm ra được đường đi. Tôi quyết định cũng sẽ làm như vậy...”

Nhưng mãi đến sau này, phải qua nhiều năm được tôi luyện trong “những trường đại học” thực tế của cuộc đời, chàng thanh niên Aliôsa Pêskốp mới tìm thấy một hướng đi rõ rệt cho mình.

Truyện tự thuật không phải là một thể loại mới trong văn học. Trước kia, ở Nga, Xantukôp Sêđrin, Lep Tônxtôi, Pômialôpxki, Acxakôp... cũng đã từng sử dụng nó. Gorki đã phát triển một cách sáng tạo nhiều cái hay trong các truyền thống ưu tú của quá khứ và nâng cao tính tự tưởng của thể truyện này lên một mức.

Tác phẩm tự thuật của Gorki đóng một vai trò quan trọng trên con đường sáng tác của nhà văn. Chính nó là chiếc chìa khoá giúp ta hiểu thấu nguồn gốc thiên tài của Gorki, nắm chắc mối quan hệ vô cùng sâu sắc của Gorki đối với nhân dân, đất nước và cuộc sống. Con đường mà Gorki đã trải qua tiêu biểu cho nhiều người sống trong nước Nga cũ mòn mỏi trong cảnh bán cùng hoá bị thảm, trong việc lao động cực nhọc, các khả năng phong phú của tuổi trẻ vươn lên thường gặp nguy cơ áp chế, bóp nghẹt nhưng vẫn tràn trề lòng tin, vượt mọi trở

ngại trên con đường đi tìm lẽ sống. Gorki không coi tiểu sử của Aliôsa Pêskôp là một hiện tượng siêu việt, ông đã từng tuyên bố: "Lịch sử của Gorki" không phải là một trường hợp duy nhất và không phải là một trường hợp ngoại lệ đặc biệt"⁽¹⁾. Các đặc tính của Aliôsa là: lòng biết ơn nồng nhiệt đối với bà con và những người trong nhân dân đã có lòng tốt đối với mình hoặc nhiều hoặc ít, tình thương yêu bạn nghèo cùng lứa tuổi và đau khổ hơn mình vì tàn tật, nỗi khát vọng với bọn áp bức tàn bạo, tinh thần bất khuất, khắc phục khó khăn, lòng yêu lao động. Nổi bật nhất là tinh thần hiếu học, chí cầu tiến, óc quan sát tinh vi, nhìn thẳng vào sự việc để phân biệt cái tốt cái xấu. Aliôsa sống không hề thụ động mà tính cách của cậu dần dần được hình thành vững vàng trong cuộc đấu tranh chống lại những nguồn gốc xấu xa trong đời sống trong sự khao khát hướng tới những điều tốt đẹp, công bằng và nhân đạo.

Gặp Gorki lần đầu tiên năm 1905, Lênin nói: "Phải học ở Gorki cách nhìn và cách nghe". Tác phẩm tự thuật của Gorki là cả một kho vốn sống rất phong phú, diễn tả lại bước gian truân đã dắt Gorki tới tuổi trưởng thành, nêu lên những ấn tượng sâu sắc nhất đã gợi hình, gợi ý, chuẩn bị cho đời sống văn học của Gorki. Tác phẩm không phải chỉ là tiểu sử riêng của một cá nhân, mà còn cả một thế hệ, một bức hoạ rộng lớn về phong cảnh, đất nước và xã hội Nga cuối thế kỷ XIX với những nét khắc hoạ điêu luyện, sâu sắc về diện mạo và tâm lý rất sinh động của con người.

Tinh điển hình của những hiện tượng được miêu tả trong tác phẩm bộ ba được khái quát, điển hình đến cao độ làm rung động và chiếm được cảm tình lớn của độc giả. Nhà văn Alêxăng Sirvanzade⁽²⁾ đã nói về tác phẩm bộ ba tự thuật của Gorki như sau: "Theo quan điểm của tôi, toàn bộ cuốn sách tượng trưng cho cuộc sống của nhân dân Nga; cuốn sách đã kể về tâm hồn nặng trĩu không chỉ của dân tộc Nga, mà của tất cả dân tộc nói

(1) Báo *Sự thật* ngày 6-6-1992.

(2) A.Sirvanzade (1858-1935), nhà văn xuất sắc của người Acmeni.

chung. Anh xem, tôi có phải là người Nga đâu, tôi là người Acmeni, sinh trưởng và sống khác xa cuộc sống Nga, vậy mà tất cả những gì Anh đã miêu tả đều giống cuộc sống của dân tộc mà tôi xuất thân. Và Anh hãy tin rằng nhà văn Pháp, văn Anh, hay bất kỳ một nhà văn nào khác, xuất thân từ nhân dân hoặc hiểu biết cuộc sống của dân tộc mình, cũng sẽ nói với Anh những điều như vậy⁽¹⁾.

Nhà cách mạng Đức Roda Lucxambua⁽²⁾ trong bài luận văn Tinh thần văn Nga có lời bàn tới tác phẩm tự thuật của M.Gorki như sau: "Chú bé này đã kêu gào như một con sói con bị truy bức, nhe nanh vuốt sắc nhọn trước số mệnh. Cái tuổi thơ ấu đầy khốn quẫn, đau khổ, nhục nhã, hoài nghi, lưu lạc, gần gũi với cận bã của xã hội ấy, đã bao hàm tất cả những đặc trưng có tính chất điển hình của cuộc sống giai cấp vô sản đương thời. Chỉ có đọc những hồi ức của Gorki mới có thể lường được cái quá trình phát triển kinh khủng của ông - từ dưới đáy của xã hội vươn lên đến đỉnh cao của thế giới quan khoa học, của nghệ thuật thiên tài và sự tu dưỡng văn hoá. Về mặt này, cái vận mệnh cá nhân của Gorki là tượng trưng giai cấp của giai cấp vô sản Nga - giai cấp này nhìn bề ngoài thì thiếu văn hoá, thô lỗ và thô bạo, dưới thời đế quốc Nga hoàng đã trải qua những thử thách của cuộc đấu tranh tàn khốc và trong một thời gian ngắn ngủi đến kinh người, trong vòng hai mươi năm, người đã trở thành một lực lượng tích cực của lịch sử"⁽³⁾.

Đối với Gorki cuộc sống và số phận của ông cũng là cuộc sống và số phận của nhân dân ông; những điều khủng khiếp xảy ra xung quanh ông có ghê gớm đến thế nào đi chăng nữa cũng không thể làm ông mất lòng tin vào cuộc sống. Chính vì thế mà ông vẫn nhìn thấy trong cuộc sống những mầm non tốt đẹp của

(1) Trích cuốn Đọc Gorki "Nhà xuất bản Viện hàn lâm Khoa học Liên xô, 1949, trang 149)

(2) Roda Lucxambua (1871-1919), nhà hoạt động cách mạng nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và Balan.

(3) R. Lucxambua: Bàn về văn học, Academia, 1934, trang 144

tương lai và vạch ra con đường của quá trình phát triển lịch sử sau này. Đó cũng là một trong những điểm khác nhau có tính chất nguyên tắc giữa tác phẩm tự thuật của Gorki và các tác phẩm tự thuật cổ điển khác... trên cơ sở tài liệu tự thuật, Gorki đã đề ra một trong những vấn đề quan trọng nhất của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa - vấn đề hình thành tính cách của con người tiêu biểu cho những mối quan hệ xã hội mới - mà sau này nhiều nhà văn khác kế thừa. Có thể nói rằng tác phẩm tự thuật của Gorki là một tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa cổ điển đặc sắc, bởi vì Gorki đã cương quyết vạch trần chủ nghĩa tư sản theo lập trường quan điểm của Đảng, đồng thời cũng khẳng định tương lai vĩ đại của dân tộc Nga.

Các nhà nghiên cứu và phê bình văn học nhiều lần nhận định rằng chỉ xét về mặt miêu tả một cách tế nhị tinh vi tâm hồn, đặc điểm tâm lý, về mặt nghệ thuật thể hiện nội tâm thì tác phẩm bộ ba tự thuật của Gorki có thể sánh ngang hàng với tác phẩm ưu tú của nền văn học thế giới. Tuy nhiên, trung tâm chú ý của Gorki là quá trình tư tưởng cách mạng, quá trình con người nhận thức xã hội. Đó cũng chính là cái sáng tạo mà Gorki đã góp thêm vào truyền thống văn học vẻ vang của quá khứ, và chính điều đó đã xác định giá trị tác phẩm bộ ba tự thuật của Gorki đối với sự phát triển của nền văn học Xô viết và thế giới.

TRẦN KHUYẾN

I

Bước vào đời, tôi làm thằng nhỏ cho một hiệu giày "thời trang" ở phố chính của thành phố⁽¹⁾.

Lão chủ của tôi người nhỏ bé, tròn trĩnh, mặt nhăn lì ngăm ngăm nâu, răng nhờ nhờ xanh, cặp mắt đỏ đẫm màu xám đục. Tôi tưởng lão mù và muốn thử xem có thật như vậy không, tôi liền nhăn mặt lại.

- Này, đừng có nhăn cái mồm - lão nói nhỏ nhưng nghiêm khắc.

Thật là khó chịu khi cặp mắt mờ đục kia thấy được tôi. Và cũng khó mà tin được rằng chúng còn trông thấy rõ. Có lẽ lão chủ chỉ đoán mò là tôi nhăn nhó chẳng?

- Tao đã bảo mày là đừng có nhăn cái mồm - lão nói nhỏ hơn trước, cặp môi dày hầu như không động đậy.

(1) Mùa thu năm 1878, vài ngày sau khi mẹ chết chú bé Alêcxây Pêskốp mới mười tuổi đã bắt đầu (bước vào đời) làm thằng nhỏ cho một hiệu giày ở thành phố Nijni Nôvgôrôt (bây giờ là thành phố Gorki)

- Dừng gãi tay, - tiếng thì thào khô khan của lão vọng đến tôi. - Phải nhớ rằng mày làm việc trong một cửa hiệu sang nhất ở phố chính của thành phố. Làm thằng nhỏ thì phải đứng nghiêm bên cửa như một pho tượng...

Tôi không biết như pho tượng là thế nào và cũng không thể nào không gãi tay được: hai tay tôi đầy nốt đỏ và mụn lở đến khuỷu, ghe cấn nứt ngứa không chịu được.

Lão chủ xem tay tôi và hỏi :

- Mày làm những trò gì ở nhà ?

Tôi kể hết mọi chuyện. Lão lúc lắc cái đầu tròn có dính mớ tóc hoa râm và khinh bỉ nói :

- Cái nghề đi lượm lật và mua bán giẻ rách, đồ cũ của mày thật còn tồi tệ hơn cả nghề ăn mày, tồi tệ hơn cả nghề ăn cắp!

Tôi tuyên bố một cách kiêu hãnh :

- Thì cháu cũng đã từng ăn cắp rồi.

Lão chủ liền duỗi tay lên mặt quấy như con mèo duỗi chân, hoảng hốt nhìn chòng chọc vào mặt tôi bằng cặp mắt trống rỗng và rít lên:

- Sao... o ? Ăn cắp à ?

Tôi giải thích cho lão nghe tôi đã ăn cắp những gì và ăn cắp như thế nào.

Hừ, những cái đó thì không hề gì. Nhưng nếu mày ăn cắp giày hoặc tiền của tao, tao sẽ tống cổ mày vào nhà tù cho đến tuổi thành niên...

Lão nói câu đó một cách bình thản. Tôi sợ hãi và càng không ưa lão.

Ngoài lão chủ ra, trong hiệu còn có em họ tôi là Xasa Iakôvôp⁽¹⁾ giữ việc bán hàng, và một gã quản lý người hồng hào, lanh lợi, ăn nói ngọt ngào. Xasa mặc một chiếc áo khoác ngoài màu hoe, nâu, mang “plaxtrông”, thắt ca vát, quần bỏ ngoài ủng. Nó có vẻ kiêu hãnh, không để ý đến tôi, khi ông ngoại tôi dẫn tôi đến trước mặt lão chủ và nhờ Xasa giúp đỡ, dạy bảo tôi, nó cau mày ra vẻ trịnh trọng rồi giao hẹn :

- Cần nhất là nó phải nghe lời cháu mới được !

Ông ngoại đặt tay lên đầu tôi, giần cổ tôi xuống. Cháu hãy nghe lời nó nhé ! Nó vừa lớn tuổi hơn cháu, vừa chức vụ cao hơn...

Còn Xasa trợn mắt răn dạy :

Nhớ lời ông dặn đấy !

Và ngay từ buổi đó nó đã ra sức lợi dụng mọi quyền hành của nó.

- Kasirin⁽²⁾, đừng trợn mắt lên như vậy - lão chủ khuyên nó.

- Không... Có gì đâu, - Xasa trả lời và cúi đầu xuống, nhưng lão chủ chưa tha :

- Đừng có bướng. Khách mua hàng có thể nghĩ rằng mày là một con dê đấy...

(1) Xasa Iakôvôp là con của Iakôp Vaxilêvits kasirin (Xem thời thơ ấu của Gorki)

(2) Họ của Xasa.

Gã quản lý cười nịnh, lão chủ trẻ môi ra nom thật dị dạng, còn Xasa thì đỏ mặt tía tai chuồn ra phía sau quầy.

Tôi không thích những câu nói như vậy. Có nhiều chữ tôi nghe không hiểu. Đôi lúc tôi có cảm giác như họ nói với nhau bằng tiếng nước ngoài.

Khi nào có một bà khách vào hiệu, lão chủ liền rút tay ra khỏi túi vuốt vuốt bộ ria mép và gấn lên mặt một nụ cười đến là ngọt ngào làm cho má lão đầy những nếp nhăn, nhưng vẫn không thay đổi được cặp mắt gà mờ của lão. Gã quản lý đứng thẳng người lên, khép chặt cùi tay vào hông, bàn tay trang trọng duỗi ra trong không khí. Xasa thì sợ hãi chớp mắt lia lia, cố giấu đôi mắt loi đi. Tôi đứng cạnh cửa lên gãi tay và theo dõi mọi nghi thức bán hàng.

Gã quản lý quỳ trước bà khách, ướm giày cho bà. Những ngón tay của gã xoè ra khéo léo lạ thường. Tay run rẩy, gã thận trọng chạm vào chân người đàn bà như sợ làm gãy mất chân người ta, mà chân bà khách thì to tướng, giống như một cái chai bầu bầu dốc ngược.

Có lần một bà khách giẫy chân, co dúm người lại, thốt lên:

- Ôi! bác làm tôi buồn cười quá...

Dạ, chúng tôi làm theo phép lịch sự - gã quản lý nhanh nhẩu và sôi nổi giải thích.

Thật là buồn cười khi trông gã quán lấy các bà khách hàng. Tôi phải quay mặt vào tấm kính cửa ra vào để khỏi bật cười, nhưng không làm sao cưỡng lại được ý muốn theo dõi cảnh mua bán đó, những cử chỉ của gã quản lý làm tôi rất thích thú, bụng tôi thầm nghĩ rằng chẳng bao giờ mình lại có thể xòe tay ra nhả nhận được như thế kia, lại có thể ướm giày vào chân kẻ khác một cách khéo léo đến thế được.

Thường thường thì lão chủ hay bỏ vào căn buồng con ở sau quầy hàng và gọi cả Xasa vào theo để một mình gã quản lý ở ngoài với bà khách. Có lần, sau khi chạm vào chân một bà tóc hung, gã chụm ngón tay lại và hôn vào đầu mấy ngón tay đó.

- Ô, cái bác này thật là tinh nghịch ! - người đàn bà dài giọng ra nói:

Gã phồng má lên và nói một cách khó nhọc :

- Ph... u !

Tôi không nén được, cười phá lên đến nỗi, sợ đứng không vững, tôi phải bám vào nắm đấm cửa. Cánh cửa bật ra, tôi đập đầu vào tấm kính và làm vỡ mất một mảng. Gã quản lý lấy chân đạp lên người tôi, lão chủ gõ chiếc nhẫn vàng mặt đá nặng lên đầu tôi. Còn Xasa thì cố sức beo tai tôi, chiều tối lúc đi về nhà, nó nghiêm khắc bảo tôi :

- Người ta sẽ đuổi mày vì những trò ấy đấy ! Hừ, có cái gì đáng buồn cười đâu cơ chứ ?

Và nó giảng giải cho tôi rõ : nếu gã quản lý được các bà khách hàng thích thì hiệu sẽ đắt hàng hơn.

- Các bà ấy cũng chẳng cần giày dẫu, nhưng vẫn đến mua thêm một đôi cốt để nhìn bác quản lý dễ thương mà thôi. Có thể mà mày cũng không hiểu. Thật là vất vả vì mày.

Câu nói đó làm tôi rất ức. Có ai vất vả vì tôi đâu, nhất là đối với Xasa thì nó lại càng không hề dính dáng gì đến chuyện này.

Sáng nào mù bếp - một người đàn bà ốm yếu và hay cáu kỉnh - cũng đánh thức tôi dậy trước Xasa một giờ. Tôi đánh giày, chải áo cho chủ, cho gã quản lý và Xasa, đun ấm xamôva, chuyển củi vào tất cả các bếp lò, cọ rửa bát đĩa chuẩn bị cho bữa ăn trưa. Sau đó tôi ra ngoài hiệu quét nhà, lau bụi, pha trà, đi giao hàng cho khách, rồi về nhà ăn trưa. Trong thời gian đó Xasa làm nhiệm vụ canh cửa thay tôi. Cảm thấy công việc này làm giảm giá trị của mình, nó chửi tôi :

Đồ bì thối ! Tao phải làm thay cho mày như thế này đây...

Cuộc sống như vậy thật là nặng nề và buồn tẻ đối với tôi. Tôi đã quen sống độc lập từ sáng đến tối trên những đường phố đầy cát ở Kunavinô, trên bờ sông Ôka ngẫu đục, giữa đồng ruộng, trong rừng cây. Thiếu bà ngoại và bè bạn, tôi chẳng biết trò chuyện cùng ai. Mà cuộc đời thì cứ trêu chọc tôi, phớt ra trước mắt tôi cái mặt trái đầy dối trá xấu xa của nó.

Những khi khách ra khỏi hiệu mà không mua gì, cả ba đều có vẻ bức tức. Lão chủ cất ngay nụ cười ngọt ngào của mình vào tủ, ra lệnh :

- Kasirin, cất hàng đi !

Và chửi đồng :

- Hừ, đồ con lợn; vục mõm mãi ! Con mụ ngu ngốc đó ngồi mãi ở nhà buồn tình nên mới đi lang thang mò vào các hiệu. Mày mà là vợ tao thì cứ gọi là...

Vợ lão chủ là một người đàn bà khô đét, mắt đen, mũi to. Mụ ta thường giậm chân quất tháo lão như quất tháo đầy tớ.

Thường thường sau khi lịch sự cúi đầu chào và nói những câu nhã nhặn tiễn một bà khách quen, họ lại kể với nhau những điều bẩn thỉu, bỉ ổi về bà ta, khiến tôi chỉ muốn chạy ngay ra phố, đuổi kịp bà khách và kể hết cho bà ta nghe những điều người ta đã nói về bà.

Tất nhiên tôi cũng biết rằng người đời nói chung thường hay nói xấu nhau sau lưng, nhưng đảng này bọn họ bình phẩm mọi người một cách thật quá bỉ ổi, tựa hồ như họ đã được công nhận là những kẻ siêu việt nhất, có quyền phê phán cả thiên hạ. Vì lòng ganh tỵ nên chẳng bao giờ họ khen ai. Đối với người nào họ cũng moi ra được một điều xấu xa nào đó.

Một lần có một thiếu phụ trẻ tuổi vào hàng. Thiếu

phụ có đôi gò má ửng hồng, cặp mắt sáng long lanh. Bà ta khoác một chiếc áo choàng nhung, cổ bọc lông thú đen. Khuôn mặt thiếu phụ nhô lên trên đám lông thú trông như một bông hoa kỳ diệu.

Sau khi cởi áo choàng ra và ném lên tay Xasa, thiếu phụ trông càng diễm lệ. Thân hình cân đối của bà ta bó sát trong tấm áo lụa màu xanh xám, trên tai bà ta óng ánh những hạt kim cương. Trông bà ta giống như Vaxilixa xinh đẹp⁽¹⁾ và tôi chắc chính đó là bà tỉnh trưởng. Bà ta được đón tiếp một cách kính cẩn đặc biệt. Họ cúi rạp xuống trước mặt bà ta như trước mặt nữ hoàng⁽²⁾ và không ngớt lời tán tụng. Cả ba đến sắp sập ngửa ngửa lẳng xẳng trong cửa hàng như một lũ quỉ. Bóng của họ lướt trên các tấm gương của tủ hàng, tựa như xung quanh mọi vật đều bốc cháy, tan biến và sắp hiện ra một cảnh khác, những hình dáng khác.

Nhưng sau khi thiếu phụ chọn mua xong rất nhanh một đôi giày đắt tiền và ra khỏi hiệu rồi, lão chủ liền bập môi một cái và nói, giọng như huyết sáo:

- Đồ chó cái...

- Nữ tài tử mà lại ! - gã quản lý cũng phụ họa theo với một vẻ khinh khi.

Và họ kể cho nhau nghe về những tình nhân của thiếu phụ, về sự ăn tiêu hoang toàng của bà ta.

(1) Một nhân vật trong các chuyện cổ tích Nga.

(2) nguyên văn : trước lửa.

Ăn trưa xong, lão chủ ngủ trong căn buồng con sau cửa hiệu. Tôi mở chiếc đồng hồ vàng của lão ra và nhỏ dầu vào. Tôi rất thích thú thấy lão, sau khi thức giấc, cầm đồng hồ từ trong buồng ra ngoài hiệu ngơ ngác lăm bằm :

- Quái, sao lại thế này Tự dưng đồng hồ toát mồ hôi, chưa bao giờ lại có chuyện kỳ lạ như vậy ! Có lẽ là điếm gỡ chăng ?

Mặc dù suốt ngày chạy ngược chạy xuôi trong hiệu, bận rộn với những công việc ở nhà, tôi vẫn thấy buồn tẻ vô cùng. Càng ngày tôi càng hay nghĩ đến cách làm thế nào để họ có thể đuổi mình ra khỏi hiệu.

Ngoài cửa, những khách bộ hành người phủ đầy tuyết lặng lẽ thấp thoáng lướt qua. - có cảm giác như họ đi chôn cất ai, đưa tiễn ai ra nghĩa trang, nhưng vì chạm chân vào giờ khởi hành nên vội vã đuổi theo quan tài. Những con ngựa run rẩy vượt qua các tầng tuyết to một cách khó khăn. Đương tuần chay lớn, hàng ngày những tiếng chuông rầu rĩ từ gác chuông nhà thờ sau cửa hiệu vọng tới. Tiếng chuông như một chiếc gối bông đập vào đầu : không đau, nhưng nó làm cho mình dần dần đi và văng cả óc.

Một hôm giữa lúc tôi đang tháo một thùng hàng mới về ở ngoài sân cạnh cửa hiệu thì ông già coi nhà thờ đến. Ông già bị vẹo sườn, người mềm như làm bằng giẻ rách. Trông ông lồi thối lếch thếch như vừa bị chó cắn xé.

- Cháu là con của chúa, cháu hãy lấy trộm cho ông một đôi giày cao su⁽¹⁾ nào ! - ông già gạ gẫm.

Tôi lặng thinh. Ông già ngồi lên chiếc thùng rỗng, ngáp dài, làm dấu thánh giá lên miệng rồi lại nằn nì:

Thế nào, xoáy cho ông một đôi chứ ?

Tôi bảo ông ta :

- Không được ăn cắp !

- Thế mà người ta vẫn ăn cắp đấy cháu ạ. Cháu nên kính trọng tuổi già mới được !

Thật là dễ chịu khi thấy ông già chẳng giống những người đã sống với tôi một tí nào. Tôi cảm thấy rằng ông ta hoàn toàn tin tưởng vào việc tôi sẽ lấy cắp cho ông. Tôi đồng ý sẽ đưa qua chiếc cửa sổ thông hơi cho ông một đôi giày cao su.

- Thế là tốt rồi, - ông già thản nhiên nói, không tỏ vẻ gì là vui mừng - không lừa ông chứ ? Hề hề, ông cũng biết là cháu không lừa ông đâu...

Ông ngồi yên một lúc, lấy đế giày gạt lớp tuyết ướt bắn, kéo một hơi thuốc trong chiếc tẩu bằng đất nung rồi thỉnh linh dọa tôi:

- Nhưng nếu ta lừa chú thì sao ? Ta sẽ mang chính đôi giày cao su đó đến cho ông chủ và nói rằng chú đã bán cho ta để lấy nửa rúp. Chú nghĩ thế nào ? Giá đôi giày cao su những hơn hai rúp, vậy mà chú

(1) Một loại giày cao su bọc ngoài giày da để tránh ẩm.

bán chỉ có nửa rúp ? Để lấy tiền đi ăn quà mà lại !
Chú nghĩ sao?

Tôi sững sốt nhìn ông già tưởng đâu như ông đã thực hiện điều mình vừa nói, nhưng ông ta vẫn ngồi nhìn xuống đôi giày của mình, thở phì phèo những luồng khói xanh nhạt rồi nói nho nhỏ bằng giọng mũi:

- Giả sử như ông chủ bày kế cho ta rằng : lão hãy đi dò thử thằng bé con xem nó ăn cắp tới mức nào, lúc bấy giờ thì chú tính sao ?

- Tôi sẽ không cho ông nữa ! - tôi cúi kính nói.

- Bây giờ thì muộn mất rồi. Đã hứa là phải cho thôi.

Ông ta cầm tay tôi kéo lại gần, gõ ngón tay cóng lạnh lên trán tôi mà tiếp tục nói một cách uể oải.

- Tại sao tự dưng cháu lại cho như vậy, hả ?

- Tại ông xin chứ.

- Ông có thể xin đến hàng trăm thứ nữa ! Lỡ ông rủ cháu đi cướp nhà thờ cháu cũng đi à ? Có nên tin người như vậy không? Cháu còn đại dột lắm...

Ông đẩy tôi ra, rồi đứng dậy :

- Ông không cần những cửa ăn cắp đâu ! Chẳng phải là giàu có gì mà đi giày cao su. Ông đùa cháu đấy thôi... Còn để khen thưởng lòng chất phác của cháu thì khi nào đến lễ Phục sinh ông sẽ cho cháu lên gác chuông mà kéo chuông, xem thành phố...

- Cháu đã biết thành phố rồi.

- Nhưng đứng trên gác chuông trông xuống đẹp hơn nhiều...

Rồi ông chậm chạp đi về phía góc sau nhà thờ, mũi giày sục vào trong tuyết. Tôi nhìn theo, buồn bã và kinh hãi nghĩ : có thật là ông già đùa mình hay là do lão chủ phái đến để thử mình ? Tôi sợ không dám bước vào hiệu.

Bỗng Xasa vụt chạy ra sân và kêu lên :

- Mà làm quái gì mà lâu thế !

Tôi nổi cáu vung chiếc kim lên.

Tôi vẫn biết Xasa và gã quản lý thường lấy cấp của lão chủ. Họ giấu từng đôi giày đôi dép vào ống lò sưởi, đến khi về thì đút vào trong ống tay áo bành tô tôi không ưa việc đó và nhớ đến lời dọa của lão chủ, tôi đâm lo.

- Mà ăn cắp à ? - Tôi hỏi Xasa.

- Không phải tao mà là bác quản lý đấy, - Xasa nghiêm khắc giải thích - tao chỉ giúp bác ta thôi. Bác quản lý nhờ tao giúp. Tao phải nghe lời, nếu không bác ta sẽ gây nhiều trò ê đê tiện với mình. Lão chủ ấy à ! Lão ta trước kia cũng đã từng làm quản lý, lão còn lạ gì ! Còn mà thì cứ câm họng lại!

Vừa nói nó vừa nhìn vào gương, sửa lại chiếc ca vát với những ngón tay xò ra một cách thiếu tự nhiên như gã quản lý thường làm. Nó luôn luôn tỏ ra ta

đây hơn tuổi và có uy quyền đối với tôi, quát tháo tôi bằng một giọng ồm ồm, mỗi khi sai bảo điều gì thì lại vung tay ra phía trước nom đến ghét. Tôi cao hơn và khỏe hơn nó, nhưng gầy gò, vụng về, còn nó thì người đầy đặn, mỡ màng và mềm mại. Trông nó có vẻ đường hoàng trong chiếc áo khoác ngắn và chiếc quần bỏ ra ngoài ủng. Nhưng trông con người nó vẫn có một vẻ gì khó chịu, buồn cười. Nó rất ghét mẹ bếp, một mẹ đàn bà lạ lùng, khó mà biết được mẹ hiền lành hay độc ác.

- Trên đời này tao thích nhất các cuộc đánh nhau - mẹ nói, gương to cặp mắt đen, đầy nhiệt tình - bất kỳ cuộc nào: chọi gà, chó cắn nhau, người vật nhau đều thế cả.

Hễ ngoài sân có gà hay chim cu cu chọi nhau là mẹ vút ngay công việc đấy rồi đứng ngáy người nhìn qua cửa sổ theo dõi cuộc kịch chiến cho đến khi kết thúc mới thôi. Chiều nào mẹ cũng giục tôi và Xasa :

- Đây, lỗi con, sao lại ngồi xuống thế? Đánh nhau có hơn không?

Xasa cúi lên :

- Tôi không phải lỗi con của mẹ, mẹ nhầm ạ ! Tôi là phó quản lý!

- Hừ, tao chẳng biết phó phiếc gì cả, đối với tao thì đứa nào chưa vợ đều là nhóc con tất.

- Mẹ nhầm, sao mẹ ngu ngốc thế...

- Quí sứ dù có thông minh thì Thượng đế cũng chẳng yêu nào.

Những câu ví von của mụ làm Xasa càng câu tiết. Nó nhại lại mụ, Mụ lườm nó một cách khinh bỉ và nói :

- Mày là đồ bội hung⁽¹⁾ ! Trời nhảm đày thôi !

Nhiều lần Xasa xui tôi nhằm lúc mụ ngủ bới xi đen hay nhọ nổi lên mặt mụ, cắm đinh ghim vào chiếc gối của mụ! hoặc tìm cách gì đó “đùa” mụ, nhưng tôi sợ không dám làm. Hơn nữa mụ rất tỉnh ngủ và hay thức giấc. Thức dậy, mụ thắp đèn, ngồi trên giường nhìn vào một góc nào đó. Đôi khi mụ lại chỗ tôi nằm phía sau lò sưởi, đánh thức tôi dậy và nói, giọng khàn khàn :

- Mụ không sao ngủ được Lêcxâyka⁽²⁾ ạ. Trong người cứ bồn chồn lo sợ thế nào ấy ! Chú nói chuyện với mụ đi !

Trong lúc nửa mơ nửa tỉnh không hiểu tôi đã kể với mụ những gì. Mụ ngồi lặng lẽ, người lắc lư. Tôi có cảm giác như thân thể nóng bừng của mụ có thoảng mùi trầm, mùi nến và tưởng như mụ đã sắp chết đến nơi. Rất có thể là ngay bây giờ mụ sẽ ngã sấp mặt xuống sàn mà chết. Tôi nói to lên để át ý nghĩ kinh khủng đó nhưng mụ ngăn tôi lại:

(1) Nguyên văn : con gián.

(2) Túc Alêcxây, một lối gọi âu yếm.

- Xuyt..., nói khê chứ, kéo bọn đều cẳng kia thức giấc! lại ngờ chú là tình nhân của mẹ đấy...

Bao giờ mẹ cũng ngồi cạnh tôi theo một kiểu : lưng khom khom, hai tay thu vào bụng, hai đầu gối xương xẩu kẹp chặt lấy bàn tay. Vú mẹ lép kẹp. thậm chí những chiếc xương sườn nhô ra dưới lần áo gai, dày trông hết như những vành đai của một chiếc thùng khô rạn. Mẹ ngồi lặng hồi lâu rồi bỗng thăm thì :

- Thà chết quách đi còn hơn là cứ buồn phiền thế này...

Và như hỏi một người nào :

- Sống thế là đủ rồi đấy, còn gì nữa ?

- Thôi, ngủ đi ! - mẹ ngắt lời tôi đang kể, rồi vươn vai, lặng lẽ biến trong màn đen tối của căn bếp.

- Thật là một mẹ phù thủy ! ... Xasa nói sau lưng mẹ như vậy :

Tôi bảo nó :

- Mà cứ nói thẳng vào mặt mẹ ấy xem nào !

- Mà tưởng tao sợ à? - Xasa nói nhưng rồi nhăn mặt lại ngay - Thôi, chẳng đại gì mà nói. Lỡ mẹ là phù thủy thật thì cũng phiền...

Vốn tính quen khinh miệt và hay nổi nóng với mọi người nên đối cả với tôi, mẹ cũng chẳng nể nang gì. Mới sáu giờ sáng mẹ đã lôi chân tôi và quát tháo:

- Ngủ thế là đủ chảy thây ra rồi. Khuân củi vào đây ! Đặt ấm xamôva lên ! Gọt khoai đi!

Xasa chợt thức giấc cầu nhau :

Mụ réo cái gì đấy ? Không còn cho ai ngủ nữa.
Tôi sẽ mách ông chủ cho mà xem...

Di chuyển bộ xương khô khảnh của mình thoăn thoắt trong gian bếp, mụ ngoảnh nhìn Xasa bằng đôi mắt đỏ ngầu vì mất ngủ.

- Thật là trời nhảm ! Mày mà là con tao thì tao đã vật trụi lông mày đi.

- Đồ chết giấm, - Xasa rửa mụ, và khi đi từ nhà tới hiệu nó bảo tôi : - Phải làm cho người ta tống cổ mụ đi mới được. Phải lén bỏ muối vào các món thức ăn. Nếu cái gì cũng mặn quá người ta sẽ đuổi mụ đi. Không thì đổ dầu hỏa càng tốt ! Mày còn đợi gì nữa mà không làm ?

- Thế sao mày không làm ?

Nó “xi” một tiếng có vẻ cáu kỉnh :

- Đồ hèn nhát !

Mụ bếp đã chết ngay trước mắt chúng tôi : mụ đang cúi xuống để bung ấm xamôva lên, thì bỗng ngối thụp xuống sàn như bị người nào hích vào ngực. Mụ lạng lẹ ngã nghiêng người, hai tay duỗi ra phía trước, máu ộc ra miệng.

Hai đứa chúng tôi hiểu ngay là mụ đã chết, nhưng vì kinh hãi quá nên cứ đứng nép vào nhau nhìn mụ hồi lâu mà không thốt lên được một lời nào. Cuối cùng Xasa ba chân bốn cẳng chạy vụt ra khỏi bếp

còn tôi thì không biết làm gì, chỉ nép mãi người về phía ánh sáng bên cửa sổ.

Lão chủ vào, lo lắng ngồi xổm bên cạnh, đưa ngón tay sờ vào mặt mù bếp rồi nói :

- Chết thật rồi... Sao lại thế này ?

Lão đi tới góc nhà, làm dấu trước tượng thánh Nikôla anh linh . Cầu nguyện xong, lão truyền lệnh nhà ngoài :

- Kasirin, chạy đi báo cảnh sát !

Một viên cảnh sát đến. Y đứng quanh quẩn một lúc, nhận tiền thù lao rồi bỏ đi. Một lát sau y lại đến, mang theo một người đánh xe ngựa. Kề nâng đầu, người đỡ chân, họ khiêng mù bếp ra ngoài đường.

Từ nhà ngoài, mù chủ thò đầu ra sai tôi :

- Mày lau sàn đi nhé !

Lão chủ nói :

- Cũng may mà nó chết vào buổi chiều đấy...

Tôi không hiểu tại sao như thế lại là may. Khi đi ngủ, Xasa nói với tôi bằng một giọng dịu dàng khác thường :

- Đừng tắt đèn nhé !

- Mày sợ à ?

Nó kéo chăn trùm đầu và nằm yên lặng một lúc lâu. Đêm tĩnh mịch tựa như đang lắng nghe, chờ đợi một cái gì. Tôi có cảm giác như chỉ phút chốc nữa

người ta sẽ rung chuông báo động và nhân dân cả thành phố sẽ kéo nhau chạy, vừa hốt hoảng vừa la hét ầm ĩ.

Xasa lộ mũi ra khỏi chăn, khe khẽ rủ :

- Ta leo lên lò sưởi nằm với nhau đi !

- Trên ấy nóng lắm !

Sau một lúc yên lặng, nó nói :

- Mụ ta chết nhanh nhỉ ? Đúng là một mụ phù thủy...

- Tao không làm sao mà ngủ được !...

- Tao cũng khó ngủ quá.

Xasa liền kể cho tôi nghe những chuyện về người chết. Họ chui ra khỏi mộ, đi lang thang đến nửa đêm trong thành phố để tìm nơi ở cũ, tìm họ hàng thân thuộc của mình - Ma chỉ nhớ có thành phố thôi - Xasa thì thảo nói - nó không nhớ phố và số nhà đâu.

Không khí như trầm lắng hẳn xuống. Trời như tối hơn.

Xasa ngóc đầu lên hỏi tôi :

- Mà mày có muốn xem hòm của tao không ?

Đã từ lâu tôi muốn biết nó giấu những gì trong hòm. Nhưng nó khóa hòm bằng một ổ khóa treo, lúc nào mở cũng nhìn trước nhìn sau cẩn thận. Nếu bắt gặp tôi định ngó xem, nó hỏi một cách thô bạo :

- Mày muốn cái gì ? Hử ?

Thấy tôi đồng ý, nó ngồi trên giường không cho chân xuống sàn và lên giọng sai tôi bưng hòm đặt lên giường sát tận chân cho nó. Chiếc chìa khóa cùng với cây thánh giá được đeo ở trước ngực nó. Sau khi nhìn quanh các góc bếp tối om, nó trịnh trọng mở khóa, rồi thối lên nắp hòm tựa như nóng lắm, sau đó mới hé nắp hòm, lôi vãi bộ quần áo ra ngoài.

Một nửa hòm chất đầy những vỏ hộp thuốc, những bó giấy gói chè đủ các màu, những vỏ hộp đựng xi, đựng cá trích...

- Gì thế này ?

- Rồi mày sẽ thấy...

Nó cúi lom khom trên chiếc hòm, hai chân cặp chắc lấy và hát nho nhỏ :

- Lạy Cha ở trên trời...

Tôi chờ đợi được trông thấy các đồ chơi : xưa nay tôi chưa bao giờ có lấy một thứ đồ chơi gì. Bề ngoài, tôi có vẻ khinh thường, nhưng trong bụng vẫn ngầm ganh tị với những kẻ có đồ chơi. Tôi rất thích thấy một tay chững chạc như Xasa mà cũng có đồ chơi. Mặc dầu nó xấu hổ vì chuyện đó và che giấu tôi nhưng tôi rất thông cảm với sự xấu hổ đó.

Mở chiếc hộp đầu tiên, nó lôi ra một cái gọng kính, đeo lên mũi, rồi vừa nhìn tôi một cách đạo mạo vừa nói :

- Tuy không có mắt nhưng cũng chẳng sao. Như thế này cũng đã là kính rồi !

- Đưa tao xem nào !

- Không hợp với mắt mày đâu ! Kính này dùng cho mắt màu sẫm, còn mắt mày thì trong quá - nó giáng giải như vậy và đặng hăng như lão chủ, nhưng đột nhiên hốt hoảng nhìn quanh bếp.

Trong vỏ hộp xi có đựng nhiều loại khuy khác nhau- Nó kiêu hãnh giải thích :

- Tất cả những cái này tao đều nhặt ở ngoài phố đây. Đã được ba mươi bảy cái rồi...

Hộp thứ ba đựng đầy kim găm to bằng đồng cũng đều nhặt được ở ngoài phố. Rồi đến các loại cá đế giày, có cái mòn cũ, có cái đã gãy, có cái còn nguyên, những khóa giày, khóa dép, một quả đấm cửa bằng đồng, mảnh cán ngà gãy của chiếc can, một chiếc lược cài đầu của con gái, một quyển *Đoán mộng và bói toán* cùng vô số những vật linh tinh đại loại như thế.

Trong cái nghề đi lượm giẻ rách và xương xẩu của tôi, tôi có thể dễ dàng sưu tầm những của vớ vẩn này nhiều gấp mười lần trong vòng một tháng. Những đồ của Xasa làm tôi thất vọng. Tôi thấy ngượng ngùng và xót xa thương hại nó. Còn nó thì vẫn chăm chú xem xét từng cái một, vuốt ve chúng một cách trìu mến, đôi môi dày của nó trịnh trọng bấu ra, cặp mắt lồi nhìn một cách xúc động và lo âu. Nhưng cái kính làm cho khuôn mặt non trẻ của nó trở nên buồn cười.

- Mày lấy những cái này làm gì ?

Nó thoáng nhìn tôi qua cặp gọng kính rồi hỏi bằng giọng lạnh lạnh :

- Mày có muốn tao cho mày một cái gì không ?

- Không, tao chẳng cần...

Rõ ràng bị chạm tự ái vì tôi từ chối và hờ hững với kho tàng của mình, nó yên lặng một lúc rồi khẽ nói :

- Đem khăn mặt lại đây, ta cùng lau tất cả đi, bụi lắm...

Khi đã lau chùi và cất các đồ vật đi rồi, nó lại nhảy tót vào chần, nằm quay mặt vào tường. Trời đổ mưa, nước nhỏ giọt từ mái xuống. Gió đập vào cửa sổ.

Xasa nói, không quay mặt về phía tôi :

- Chờ đấy. Khi nào khô ráo, tao sẽ cho mày xem cái này trong vườn. Cứ gọi là choáng người ra kia !

Tôi lặng thinh nằm ngủ.

Sau chừng vài giây, Xasa đột nhiên vùng dậy cào vào tường và nói với giọng đầy khích động :

- Con sợ quá... Lạy Chúa, con sợ quá mất thôi ! Xin Chúa che chở cho con ! Sao thế này ?

Tôi sợ cứng người lại. Tôi tưởng như cạnh cái cửa sổ nhìn ra sân, mẹ bếp đang đứng quay lưng lại tôi, đầu cúi xuống trán áp vào cửa kính, giống hệt như hồi mẹ đang còn sống đứng xem chọi gà vậy.

Xasa nức nở, tay vịn vào tường, hai chân run giật. Tôi không nhìn xung quanh, lén qua bếp một cách khó nhọc như người bước trên đồng than hồng, lại nằm bên cạnh Xasa. Khóc một lúc mệt quá, chúng tôi ngủ thiếp đi.

Sau đó ít hôm là ngày hội. Cửa hàng mở bán đến trưa, sau đó mọi người ăn cơm ở nhà. Khi lão chủ ăn xong đi ngủ, Xasa bảo tôi với một vẻ bí mật :

- Đi ra đây !

Tôi đoán ngay là bây giờ tôi sẽ được xem "cái này" của nó - cái khiến tôi phải choáng người ra đây.

Chúng tôi ra vườn. Trên một dải đất hẹp, mười lăm cây bồ đề già đứng giữa hai ngôi nhà, thân to phủ rêu xanh mượt như nhung; những cành trụi lá đen đui nhô lên im lìm vắng lặng. Không có lấy một tổ quạ nào giữa những cành cây đó. Dây cây đứng như những tấm bia trên nghĩa địa. Ngoài những cây bồ đề ấy ra, trong vườn không có một bụi cây, một đám cỏ nào cả. Đất trên các lối đi bị giẫm nhiều, đen như gang. Ngay những khoảnh đất loang lổ phía dưới đám lá khô từ năm ngoái còn lại, cũng phủ một lớp mốc trông như váng bèo trên mặt nước ao tù.

Xasa đi ra phía góc hàng rào cạnh đường phố và dừng lại dưới một gốc cây bồ đề. Nó trở mặt nhìn lên những cửa sổ mờ đục của nhà hàng xóm, rồi ngồi xổm xuống, lấy tay bóc đám lá, để lộ ra một chiếc rễ cây lớn, hai bên chèn hai hòn gạch sâu xuống đất.

Nó nhấc gạch lên. Dưới hai hòn gạch là một tấm tôn. Dưới tấm tôn còn một mảnh ván hình vuông. Cuối cùng trước mắt tôi hiện ra một cái hang to nằm sâu dưới rễ cây.

Xasa đánh diêm, đốt một mẩu nến cháy dở, luôn mẩu nến vào trong hang và bảo tôi :

- Nhìn xem ? Cốt là đừng có sợ...

Nhưng rõ ràng là chính nó cũng sợ. Mẩu nến trong tay nó rung rung. Mặt nó tái lại, đôi môi trở ra nom rất khó coi, cặp mắt trở nên ươn ướt. Nó giấu cánh tay kia ra sau lưng. Sự kinh hãi của nó cũng lây sang tôi. Tôi dè dặt nhìn vào cái hang dưới rễ cây. Khúc rễ làm thành vòm hang. Trong cùng hang, Xasa đốt lên ba ngọn nến, khiến cả hang tràn ngập một ánh sáng xanh nhờ nhờ. Hang khá to, sâu như một chiếc thùng, nhưng rộng hơn, hai bên thành lát toàn bằng những miếng kính xanh đỏ và những mảnh ấm chén trà vỡ. Giữa hang trên một mô đất phủ vải đỏ là một chiếc quan tài nhỏ bọc giấy thiếc, một nửa quấn bằng một miếng vải liệm: giống như găm. Từ dưới tấm vải liệm nhô ra hai chiếc chân chim xám ngắt và một cái đầu chim sẻ mỏ nhọn hoắt. Một cái bàn thờ nhô cao lên sau chiếc quan tài, trên có để một cây thánh giá nhỏ bằng đồng mà người ta thường đeo trước ngực. Xung quanh bàn thờ, ba mẩu nến đang cháy trên những chân nến quấn giấy trắng kim bọc kẹo.

Những đầu ngọn lửa đều hướng về phía cửa hang. Các tia lửa, các đốm xanh đỏ tím vàng chiếu sáng lơ mờ bên trong. Mùi sáp nến, mùi xác rữa và mùi đất nồng nồng phả vào mặt tôi. Những mảnh cầu vồng nhảy nhót, lấp lánh trước mặt tôi. Tất cả những thứ đó gây nên một nỗi kinh ngạc nặng nề trong lòng tôi khiến tôi không cảm thấy sợ nữa.

- Có đẹp không ? - Xasa hỏi.

- Cái này để làm gì thế?

- Miếu thờ đấy - nó giải thích - Có giống không ?

- Tao cũng chẳng biết nữa.

- Con chim sẽ là người chết đấy ! Xác nó có thể thành thánh tích vì nó là kẻ vô tội bị hành hạ.

- Mày nhặt được xác nó à ? Không, nó bay vào nhà kho, tao lấy mũ úp được và bóp chết.

- Sao lại làm thế ?

- Thích thì làm...

Nó nhìn vào mắt tôi và lại hỏi:

- Có đẹp không ?

- Không !

Thế là nó cúi xuống hang, đập nhanh mảnh ván và tấm tôn lên, chèn hai hòn gạch, rồi đứng dậy, phủi bụi ở đầu gối và nghiêm khắc hỏi tôi :

- Tại sao mày không thích ?

- Tội nghiệp cho con sẽ quá !

Nó nhìn tôi với cặp mắt đờ đẫn như mắt người mù rồi hích vào ngực tôi, quát lên:

- Đồ ngốc ! Đó là vì mày ghen tị nên mới nói không thích. Mày tưởng trong vườn nhà mày ở phố Kanatnaia đẹp hơn thế đấy hử ?

Tôi nhớ đến chiếc nhà nghỉ mát con con của tôi và rần rỗi trả lời :

- Đẹp hơn hẳn chứ ỉ !

Xasa liền cởi áo ngoài ném xuống đất, xắn tay áo lên, rồi nhổ nước bọt vào lòng bàn tay, đề nghị:

- Nếu vậy thì đánh nhau !

Tôi không muốn đánh nhau. Một nỗi buồn man mác đè nặng lên người tôi. Nhìn bộ mặt hùng hổ của thằng em họ, tôi thấy khó chịu.

Nó nhảy xổ lại tôi, húc đầu vào ngực, đè ngửa tôi ra, rồi ngồi lên mình tôi, hét :

- Muốn sống hay chết ?

Nhưng tôi khỏe hơn nó và đã nổi cáu lên. Chỉ một phút sau, nó đã nằm úp xuống đất, tay duỗi sau đầu, thở khò khè. Tôi sợ hãi định nâng nó dậy, nhưng nó vùng, nó đạp khiến tôi càng thêm lo sợ. Tôi lùi sang một bên không biết làm thế nào, còn nó thì ngóc đầu lên nói :

- Thế nào, thắng rồi chứ ? Tao cứ nằm ở đây cho đến khi nào nhà chủ trông thấy. Bấy giờ tao mới kể tội mày và người ta sẽ tống cổ mày đi.

Nó la chửi, dọa dẫm. Những lời nói của nó làm tôi nổi xung. Tôi chạy lại cái hang, giật tung gạch ra, lôi chiếc quan tài cùng con chim sẻ ném qua bờ rào ra ngoài đường phá phách mọi thứ trong hang và giậm chân lên trên hang.

- Đây này thấy chưa ?

Trước hành động hung bạo của tôi, Xasa có một thái độ lạ lùng: nó ngồi trên mặt đất, miệng hơi mở, lông mày nhú lại, lặng lẽ theo dõi tôi, không nói một lời nào. Khi tôi làm xong, nó thông thả đứng dậy, phủi bụi, khoác áo ngoài lên vai rồi bảo tôi với vẻ bình tĩnh và dọa nạt:

- Rồi mày sẽ thấy hậu quả. Cứ chờ đấy. Đó là tao cố tình làm cho mày mắc phải. Chính là phép phù thủy đấy ! thế nào?...

Tôi ngồi thụp xuống, tựa như bị những lời nói của nó đánh gục. Toàn thân tôi lạnh toát. Còn nó thì bỏ đi không ngoái lại. Vẻ bình tĩnh của nó càng làm cho tôi cảm thấy nặng nề thêm.

Tôi định ngay ngày mai sẽ trốn khỏi thành phố, rời bỏ lão chủ, rời bỏ Xasa cùng với những trò phù thủy của nó, rời bỏ cái cuộc sống buồn tẻ và ngu ngốc này.

Sáng hôm sau, mẹ bếp mới đánh thức tôi dậy và bỗng kêu lên :

- Eo ơi! Mặt mũi sao thế kia ?...

"Chết, phép phù thủy bắt đầu rồi" - tôi lo lắng nghĩ bụng.

Nhưng mẹ bếp lại cười rũ rượi khiến tôi tự nhiên cũng phì cười và nhìn vào tấm gương của mẹ : mặt tôi bị trát đầy bồ hóng.

- Xasa bôi phải không ?

- Dễ thương tao đây hử ! - mẹ bếp vừa cười vừa kêu lên.

Tôi bắt đầu đánh giày. Vừa thò tay vào trong giày, thì một chiếc đinh ghim đã đâm vào ngón tay tôi.

"À phép phù thủy đấy !" - Trong chiếc giày nào cũng có kim và đinh ghim cắm rất khéo nên đã đâm vào lòng bàn tay của tôi. Tôi liền múc một gầu nước lạnh và gội: một cách vô cùng thích thú lên đầu tên phù thủy đang còn ngủ hoặc đang vờ ngủ kia.

Nhưng dầu sao tôi vẫn thấy khó chịu. Lúc nào tôi cũng mừng rỡ thấy chiếc quan tài với con chim sẻ, đôi chân xám ngắt, cong queo và chiếc mỏ màu sập vênh lên một cách đáng thương, xung quanh là những tia lửa nhiều màu sắc lập lòe nối tiếp nhau hiện ra như muốn kết thành một cái cầu vồng nhưng không sao kết được. Chiếc quan tài rộng ra, những móng chân chim phình to, kéo dài lên trên và run rẩy sống lại.

Tôi quyết định trốn vào buổi tối hôm ấy. Nhưng trước bữa ăn, trong khi nấu một nồi xúp cải bắp trên

bếp cồn, vì mãi suy nghĩ để canh sôi sùng sục, tôi bèn vội tắt lửa và làm đổ lật cả xoong canh lên tay. Thế là người ta đưa tôi vào nhà thương.

Tôi còn nhớ mãi cơn ác mộng nặng nề khi nằm ở nhà thương. Những hình dáng xám và trắng quần vải liệm cựa quây, ú ớ, rên rỉ trong khoảng không trống rỗng, rung rinh và nhờ nhờ vàng. Một người dài ngoẵng có bộ lông mày giống như đôi ria mép, đi chống nạng vừa lúc lắc bộ râu cầm rậm đen vừa nức nở rít lên:

- Ta sẽ thừa với giá... áo chủ... ử...

Dây giường giống như những chiếc quan tài. Bệnh nhân nằm hếch mũi lên như những con chim sẻ chết. Những bức tường vàng chập chờn. Trần nhà căng ra như một cánh buồm. Sàn nhà rung rinh, lúc thì đưa những dây giường lại gần nhau, lúc thì đẩy chúng rời xa nhau. Mọi vật đều không vững chắc, làm cho người ta sợ hãi. Ngoài cửa sổ, những nhánh cây nhô lên như những chiếc roi do một người nào đó lúc lắc.

Một "xác chết" gầy gò, tóc hung, đang nhảy nhót trong khung cửa ra vào. Anh ta kéo chiếc áo liệm của mình bằng đôi tay ngắn ngủi và rít lên the thé :

- Tôi không cần lũ điên ở đây !

Còn người chống nạng thì ghé vào tai người kia mà hét:

- Tao sẽ thừa với giá... áo chủ...ừ...

Ông bà tôi và mọi người thường nói ở nhà thương người ta làm chết bệnh nhân. Tôi cho rằng đời mình thế là xong. Một người đàn bà đeo kính đến bên tôi. Bà ta cũng mặc áo vải liệm trắng và viết gì đó trên một tấm bảng đen ở đầu giường tôi. Cục phấn vỡ ra, bụi phấn rắc lên đầu tôi.

- Tên em là gì ? - bà ta hỏi.

- Chẳng là gì cả.

- Em có tên cơ mà ?

- Không có.

- Nay đừng có trễ ranh, người ta nện cho đấy!

Trước khi bà ta nói, tôi cũng đã nghĩ rằng người ta sẽ nện tôi, vì thế nên tôi không trả lời nữa. Bà ta giận dữ phì phì như con mèo và cũng nhẹ nhàng như con mèo lẳng lẳng đi ra. Hai chiếc đèn được thắp lên, những ngọn lửa vàng lũng lũng dưới trần giống như những con mắt của ai bị bỏ quên đang treo và nhấp nháy, vừa chói sáng một cách khó chịu, vừa cố xích lại gần nhau.

Trong góc nhà? có người nói :

- Chơi bài nhé !

- Tớ mất tay rồi còn chơi gì nữa ?

- A, họ cắt mất tay cậu rồi nhỉ !

Tôi lập tức suy luận : đấy, họ đã cắt tay những người nào chơi bài. Còn tôi thì họ sẽ làm gì đây trước khi giết chết tôi ?

Tay tôi nóng bỏng và nhức nhối tựa như bị ai rút xương ra. Tôi khóc thút thít vì đau đớn và sợ hãi. Muốn cho người ta khỏi thấy nước mắt, tôi nhắm mắt lại. Nhưng nước mắt cứ nâng mí mắt lên, chảy qua thái dương, nhỏ vào tai.

Đêm đến, mọi người lăn kên ra giường và nấp dưới những chiếc chăn xám. Không khí mỗi lúc một trầm lặng hơn, chỉ có một người nào đó phía góc nhà làm bầm :

- Chẳng ăn thua gì đâu. Lão ta là đồ đều, còn mẹ ta cũng là loại bỏ đi...

Tôi muốn viết thư gọi bà tôi đến để đưa trộm tôi ra khỏi nhà thương trong lúc tôi đang còn sống, nhưng không sao viết được : tay tôi không cử động được và cũng chẳng có gì để mà viết. Hay thử xem có thể chuồn ra khỏi nơi này không.

Đêm càng trở nên trầm lắng như ngưng đọng lại mãi mãi. Tôi nhẹ nhàng thả chân xuống sàn và đi ra cửa. Chiếc cửa hé mở một cánh. Dưới ngọn đèn ngoài hành lang, trên một chiếc ghế gỗ dài có lưng tựa, một cái đầu tóc bạc lờm chớm như "lông nhím" đang nhô lên và tỏa khói, đôi hõm mắt đen ngòm đang nhìn về phía tôi. Tôi không kịp nấp nữa.

- Ai đi lang thang đây ? Lại đây !

Giọng nói nhẹ nhàng, không đáng sợ, Tôi lại gần và nhìn vào bộ mặt tròn lờm chớm những sợi râu

ngắn. Tóc trên đầu dài hơn và tủa ra khắp tứ phía bao lấy chiếc đầu bằng những sợi cước bạc. Bên sườn người ấy đeo một chùm chìa khóa. Giá râu tóc ông ta dài chút nữa thì ông ta sẽ giống thánh tông đồ Phêrô đấy.

- Tay bông à ? Đêm hôm sao cháu còn đi lang thang ở đấy. Ai cho phép ?

Ông ta phả hàng đồng khổi vào ngực và mặt tôi rồi lấy bàn tay ấm áp ôm cổ tôi, kéo lại gần mình:

- Cháu sợ hả ?

- Cháu sợ !

- Ở đây ai mới đến cũng sợ cả. Nhưng chẳng có gì đáng sợ đâu. Nhất là với bác. Chẳng bao giờ bác để cho ai phải mất lòng... Cháu có muốn hút thuốc không? Phải, đừng hút làm gì. Đang còn sớm đối với cháu, chờ chừng hai năm nữa... Cha mẹ cháu ở đâu ? Không có cha mẹ à ? Ờ, cũng chẳng sao. Không có họ, chúng ta vẫn cứ sống được, nhưng cốt đừng sợ. Cháu hiểu chứ ?

Đã từ lâu tôi không thấy ai biết nói chuyện một cách giản dị và thân mật bằng những lối dễ hiểu như vậy. Tôi lắng nghe bác ta một cách thích thú không thể tả được.

Khi bác dẫn tôi về giường của tôi, tôi yêu cầu :

- Bác ngồi đây với cháu !

- Được, - bác đồng ý.

- Bác là ai vậy ?

- Bác ấy à ? Bác là lính, một người lính chính công, lính Kapkaz. Bác đã từng tham gia chiến tranh. Làm thế nào khác được Lính sống vì chiến tranh mà lại ! Bác đã đánh nhau với người Hungari người Tseckec, người Ba Lan⁽¹⁾ nhiều vô kể. Chiến tranh là một trò đùa ghê gớm, cháu ạ !

Tôi nhắm mắt lại một lúc. Khi mở mắt ra tôi thấy bà tôi mặc áo sẫm đang ngồi ở chỗ người lính , còn bác ta thì đứng bên cạnh bà và nói :

- Thế nào, cụ ? ông bà ấy chết cả rồi à ?

Ánh nắng đùa giỡn trong phòng làm ông vàng mọi vật rồi trốn đi, sau đó lại ngo nhìn vào mọi người một cách chời chang tựa như một đứa trẻ nghịch ngợm.

Bà tôi cúi xuống hỏi tôi :

- Thế nào cháu ? Chúng hành hạ cháu như vậy đấy à ? Bà đã bảo ông cháu, cái lão qui tóc hung ấy rằng...

- Bây giờ tôi sẽ thu xếp mọi việc cho đâu, vào đấy - người lính nói và bỏ đi, còn bà tôi thì chùi nước mắt trên mặt và nói :

- Bác ấy là lính vùng ta, dân Balakhona đây...

Tôi vẫn tưởng rằng mình đang nằm mơ nên lặng thinh. Bác sĩ đến thay băng cho tôi. Thế rồi tôi cùng với bà tôi đi xe ngựa trên các đường phố. Bà tôi kể lể:

(1) Ý nói những cuộc đàn áp của quân đội Nga hoàng đối với cuộc cách mạng 1848 ở Hungari và cuộc khởi nghĩa 1863 ở Ba-lan.

- Ông cháu đến điên mất thôi. Ông trở nên bần xỉn quá quắt, thật đau lòng ! Đã thế gần đây lão thợ lông thú Kholuxto lại còn rút mất của ông một tờ bạc trăm rúp để ở trong quyển Thánh thi nữa chứ. Bạn mới của ông đây ! Thật đáng đời, cháu ạ !

Mặt trời chói lọi. Những đám mây trôi trên bầu trời như những con chim trắng. Hai bà cháu đi trên những tấm ván bắc qua sông Vonga. Mặt băng phồng lên kêu lào xào. Nước óc ách dưới những tấm ván cầu. Những chiếc thánh giá vàng rực trên ngôi nhà thờ màu đỏ loét bên hội chợ. Chúng tôi gặp một người đàn bà mặt to ôm một bó những cành liễu mềm mại trong tay - mùa xuân đang đến, sắp đến lễ Phục sinh rồi !

Tim tôi hồi hộp nhảy nhót như con chim sơn ca.

- Bà ơi, cháu yêu bà lắm !

Câu nói đó không làm bà ngạc nhiên. Bà tôi bình thản đáp:

- Bởi vì cháu là ruột thịt của bà. Bà chẳng nói khoe chứ ngay đến những người dưng nước lã cũng yêu bà nữa cơ. Lạy Đức mẹ !

Bà mỉm cười nói thêm :

- Đây, Đức mẹ sắp đến ngày vui mừng rồi, con của Đức mẹ sắp sống lại rồi. Còn Variusa⁽¹⁾, con gái tôi...

Và bà nín lặng.....

(1) Từ Vaevara, mẹ Gorki.

II

- Ông tôi gặp tôi ở ngoài sân. Ông đang quỳ cầm rìu đẽo một cái chêm. Ông giơ rìu lên tựa hồ định quăng nó lên đầu tôi, rồi bỏ mũ xuống mà nói với vẻ giễu cợt :

- Xin chào ngài, xin chào Đức ông ạ ? Ngài đã hết nhiệm kỳ phục vụ rồi à ? Thôi được, bây giờ ngài muốn sống thế nào thì sống, phải ! Ôi chao, lũ chúng bay... y... y thật là. .

- Chúng tôi biết rồi: chúng tôi biết rồi ! - bà tôi vội nói và xua tay đuổi ông tôi. Sau khi vào trong phòng và nhóm ấm xamôva lên, bà kể lể :

- Ông cháu bây giờ hết sạch sành sanh rồi. Có bao nhiêu tiền đều cho thằng Nicôlai con đỡ đầu vay lấy lãi, nhưng biên lai thì chắc lại không lấy. Bà cũng chẳng hiểu công việc ra sao, chỉ biết là sau đó ông cháu bị phá sản, tiền của mất hết. Tất cả những việc đó đều do tại chúng ta không giúp đỡ người nghèo khổ, không thương xót kẻ hoạn nạn. Chúa mới nghĩ: "Tại sao mình lại ban phúc cho nhà Kasirin?" "Chúa nghĩ thế và lấy hết...

Bà nhìn quanh, rồi nói cho tôi biết :

- Bà cũng cố gắng làm cho Chúa vui lòng đôi chút, để Chúa giảm bớt hình phạt đối với cháu. Đạo này bà thường lấy tiền kiếm được đêm đêm kín đáo mang đi bố thí. Cháu có muốn thì hôm nay đi với bà: bà có tiền đây !

Ông tôi chột tới, nheo mắt hỏi :

- Định chén đây à ?

- Không phải việc của ông ! - bà tôi nói - Nếu muốn ăn thì ngồi xuống đây với chúng tôi. Đủ cho cả ông nữa đây!

Ông ngồi vào bàn, nói khẽ :

- Rót cho một cốc..

Mọi vật trong phòng đều nằm nguyên ở chỗ cũ. Chỉ có góc của mẹ tôi là trông trải một cách buồn thảm và ở trên tường phía giường ông tôi có treo thêm một tờ giấy viết bằng chữ in to:

"Chúa hằng sống đời đời ! Danh Chúa đời đời cả sáng bên con, hằng ngày hằng giờ trong cuộc đời con".

- Ai viết thế ?

Ông tôi không trả lời. Bà tôi chờ một lúc rồi vừa cười vừa nói :

- Tờ giấy ấy giá một trăm rúp đây !

- Không phải việc của mẹ, - ông tôi hét lên - Tao sẽ đem cho người dùng hết ?

- Còn quái gì nữa mà cho. Khi có thì chẳng thấy cho, - bà tôi bình tĩnh trả lời.

- Câm hòng ? - ông tôi rít lên.

Ở đây mọi vật đều như xưa, cuộc sống cũng như xưa.

Phía góc nhà, thằng Kôlya⁽¹⁾ nằm trong thúng quần áo để trên mặt hòm sực tỉnh dậy nhìn ra, hai khe mắt xanh thấp thoáng dưới đôi mí mắt. Trông nó càng thiếu nảo, bủng beo, gầy gò hơn trước. Nó không nhận ra tôi, lặng thinh quay mặt đi và nhắm mắt lại.

Ra phố, tôi nhận được những tin buồn : thằng Viakhi bị ngộ gió chết trong Tuần lễ Thánh, thằng Khabi thì rời lên tỉnh ở, còn thằng Iaz thì chân bị liệt, không đi chơi được. Báo cho tôi những tin đó xong, thằng Kôxtrôma mắt đen cáu kính nói :

- Bọn trẻ con sắp chết hết mất !

- Chỉ mới có mình thằng Viakhi chết thôi mà ?

- Thì cũng thế cả : đi nơi khác ở thì cũng coi như là chết rồi. Vừa mới kết bạn, quen nhau xong, đưa thì đi học việc đưa thì chết. Ở nhà Tsêxnôkôp, bên nhà máy ấy, có gia đình nhà Epxênkô mới đến ở. Thằng Nhiuska tam được, nó ranh lắm. Nó có hai đứa em gái: một đứa còn nhỏ, còn đứa kia thì thọt chân phải chống nạng, trông xinh lắm.

Nghĩ ngợi một chút, nó nói thêm :

Tao và thằng Tsurka cùng yêu con bé ấy. Bọn tao thường cãi nhau luôn.

(1) Em cùng mẹ khác cha với Gorki.

- Với con bé ấy à ?

- Không ! Giữa tao với thằng Tsurka thôi. Với con bé ấy thì họa hoằn lắm.

Đĩ nhiên tôi đã biết những chuyện yêu đương của thanh niên và của người lớn nữa, tôi còn biết cả ý nghĩa thô bỉ của vấn đề đó. Tôi thấy khó chịu và thương hại thằng Kôxtrôma. Nhìn thân hình xương xẩu với cặp mắt đen câu kính của nó, tôi thấy lúng túng, ngượng ngập.

Ngay trong chiều hôm ấy, tôi trông thấy con bé thọt. Nó đánh rơi chiếc nặng trong khi bước từ bậc tam cấp xuống sân và đứng dừng lại, mảnh dẻ, yếu ớt, bất lực giữa bậc cửa, hai bàn tay trắng nhợt túm chặt lấy lan can. Tôi muốn nhặt... chiếc nặng lên, nhưng hai tay bị băng bó cử động rất khó khăn. Tôi loay hoay mãi với chiếc nặng và bực mình quá, còn nó thì đứng cao hơn tôi, cười rất dễ thương :

- Tay đằng ấy làm sao thế ?

- Bị bỏng

- Còn tứ thì phải đi khắp khiêng. Đằng ấy ở khu này đấy à ? Nằm ở nhà thương có lâu không? Tứ nằm ở đấy lâ... â... u... ghê... ê lắm !

Nó thở dài rồi nói thêm :

- Rất lâu !

Nó mặc một chiếc áo trắng chấm xanh da trời, cũ nhưng sạch sẽ. Tóc chải mượt, tết thành một bím

ngắn và to bỏ thông xuống ngực. Mắt nó to và nghiêm trang. Trong cái sâu thẳm dịu dàng của cặp mắt ấy ánh lên một ngọn lửa màu xanh nhạt làm ngời sáng cả khuôn mặt gầy nhợt với chiếc mũi nhọn. Nó cười rất có duyên, nhưng tôi thấy không thích. Toàn bộ cái thân hình ốm yếu của nó như muốn nói :

- "Xin chớ có đụng đến tôi !"

Không hiểu sao bọn bạn tôi lại có thể yêu được nó ?

- Tớ què đã lâu rồi, - nó sốt sắng kể, có vẻ như khoe khoang - Mụ láng giềng bỏ bùa cho tớ. Mụ ấy cãi nhau với mẹ tớ rồi bỏ bùa cho tớ để trêu tức mẹ tớ.... Đàng ấy nằm trong nhà thương có sợ không ?

- Có...

Tôi thấy lúng túng khi nói chuyện với nó và bỏ vào phòng.

Gần nửa đêm, bà tôi âu yếm đánh thức tôi.

- Bà cháu ta đi thôi chứ ? Cố giúp đỡ mọi người thì tay cháu sẽ chóng khỏi đấy !

Bà tôi nắm lấy tay tôi và dẫn tôi đi trong bóng tối như dẫn người mù. Đêm ẩm ướt và tối mò. Gió thổi liên tục tựa như một dòng sông đang chảy xiết. Cát lạnh giữ lấy chân. Bà tôi rón rén đến gần những chiếc cửa sổ tối om của những nhà nghèo, làm dấu ba lần, rồi đặt trên bậc cửa sổ năm cô-pêch cùng với ba chiếc bánh xoắn, sau đó bà lại làm dấu nhìn lên bầu trời không trăng sao, thì thầm:

- Đức mẹ Rất thánh, xin Mẹ hãy cứu giúp chúng con ! Tất cả chúng con đều là kẻ có tội đối với Mẹ !

Chúng tôi càng đi xa nhà thì xung quanh bóng tối càng dày đặc quanh hiu. Bầu trời đêm sâu thăm thẳm, tựa hồ như mãi mãi giấu trăng sao đi. Một con chó ở đâu chạy tới, dừng lại trước mặt chúng tôi sủa lên. Đôi mắt của nó lóe sáng trong màn đêm. Tôi sợ hãi nép vào bà tôi.

- Không có gì đâu, - bà nói - con chó đấy mà ! Bây giờ muộn rồi, không phải là giờ của ma quỷ nữa. Gà đã gáy rồi !

Bà vỗ con chó lại, vuốt ve nó và nói :

- Này cún, liệu hồn đấy, đừng có dọa cháu tao !

Con chó cọ cọ vào chân tôi Cả ba lại đi xa hơn nữa. Mười hai lần bà tôi đến bên cửa sổ, để lại chút quà kín đáo, trên bậc cửa. Trời bắt đầu hửng sáng. Từ bóng đêm những ngôi nhà xám hiện ra, chiếc gác chuông nhà thờ Đức mẹ. Ruộng đồng nhô lên trắng như đường ; bức tường gạch mắt cáo ở nghĩa địa trông thưa như tấm vải gai rách.

- Bà lão mệt rồi ! Về thôi ! - bà tôi nói. - Ngày mai họ sẽ thức dậy và thấy Đức mẹ đã dành chút ít cho con họ. Khi thiếu thốn đủ mọi thứ thì một chút cũng là quý rồi ! Chao ôi ! Aliôsa, dân chúng thì sống nghèo khổ mà chẳng có ai chú ý đến cả !

Người giàu đâu có nghĩ đến trời

Đâu có nghĩ đến tội chờ xét xử

*Đâu có nghĩ đến những người nghèo khổ
Chẳng họ hàng, chẳng bè bạn với ai !
Họ chỉ lo vàng bạc vét cho đầy
Nhưng mỗi thỏi vàng là một hòn than
địa ngục*

Đang chờ họ - lửa vạc dầu sôi sục...

Như vậy đấy ! Người này sống phải nghĩ đến kẻ khác, Còn Chúa, Chúa sẽ nghĩ đến mọi người. Bà rất mừng vì cháu lại trở về với bà...

Tôi cũng cảm thấy một niềm vui thanh thản. Tôi mơ hồ cảm thấy mình đang tham dự vào một việc mà không bao giờ tôi quên được. Cạnh tôi, con chó màu hung có chiếc mõm cáo, đôi mắt hiền lành, vẻ sợ sệt, đang run rẩy.

- Nó sẽ sống với chúng ta chứ bà ?

- Chứ sao ? Nó muốn ở thì ở. Để bà cho nó chiếc bánh xoắn, bà còn hai chiếc đây. Ta ngồi nghỉ ở ghế này đã, bà mệt mệt thế nào ấy....

Chúng tôi ngồi trên chiếc ghế dài gần một cái cổng. Con chó nằm dưới chân hai bà cháu, gặm chiếc bánh khô. Bà tôi kể:

- Ở nhà này có một bà Do thái. Bà ta có chín đứa con, sần sần như trứng gà trứng vịt. Bà hỏi bà ta : “Bà sống thế nào được hở bà Môxepna ?”. Bà ấy trả lời : “Tôi sống được là nhờ có Chúa phù hộ, chứ còn có ai nữa?”.

Tôi dựa vào bên sườn ấm áp của bà tôi và ngủ thiếp đi.

*

* *

Cuộc sống lại trôi qua một cách nhanh chóng và dồn dập.

Những dòng ấn tượng phong phú mỗi ngày lại mang đến cho tâm hồn tôi một điều gì mới mẻ khiến cho tôi phải say mê, lo âu, buồn tủi, nghĩ ngợi.

Chẳng bao lâu tôi cũng cố tìm mọi cách để có thể luôn luôn được trông thấy cô bé thọt chân, nói chuyện với nó hay ngồi yên lặng bên nhau trên chiếc ghế dài cạnh cổng. Bên nó, dù có im lặng cũng vẫn thấy dễ chịu. Nó ăn mặc sạch sẽ, như một con chim bông lau, kể chuyện rất hay về đời sống của những người Cô đặc vùng sông Đông. Nó đã sống ở đây rất lâu trong nhà người chủ làm thợ máy ở xưởng làm bơ, Sau đó bố nó làm thợ nguội chuyên đến Nijni ở.

- Tớ còn một chú thứ hai nữa ! Chú này được hầu gần Đức sa hoàng cơ đấy !

Những buổi chiều ngày hội, cả dân phố đều ra khỏi nhà. Nam nữ thanh niên đưa nhau ra nghĩa địa tổ chức các cuộc nhảy múa, ca hát. Đàn ông tản vào các quán ăn. Ở phố chỉ còn lại đàn bà và trẻ con. Các bà ngồi ngay dưới cát hay trên các ghế dài trước cổng chuyện trò huyên náo, vừa cãi nhau vừa đơm đặt

chuyện. Bọn trẻ con thì chơi bóng, chơi phát thành, chơi cầu. Các bà mẹ theo dõi các trò chơi, khuyến khích những đứa chơi hay, chế giễu những đứa chơi kém. Thật là ấm i và vui không thể tả được. Sự có mặt và chú ý của người lớn đã khích lệ bọn nhóc chúng tôi khiến cho các cuộc chơi đều mang một vẻ nao nhiệt khác thường, một sự ganh đua sôi nổi. Nhưng dù có say mê các cuộc chơi đến đâu chẳng nữa, ba đứa chúng tôi - Xôxtruma, Tsurka và tôi - vẫn cứ lần lượt thay nhau chạy đến khoe khoang với con bé thọt chân.

- Liutmila, có thấy tớ ném văng hết năm thanh gỗ ra ngoài thành không ?

Liutmila mỉm cười dịu dàng và gật đầu luôn mấy cái.

Trước kia bọn tôi thường cố tìm cách chơi chung với nhau trong mọi trò chơi. Nay tôi thấy Tsurka và Xôxtrôm luôn luôn chơi ở hai phe khác nhau. Chúng trở tài với nhau bằng mọi cách về khéo léo, về sức mạnh, nhiều khi dẫn đến những cuộc đánh nhau và khóc lóc. Có lần chúng đánh nhau một cách điên cuồng đến nỗi người lớn phải can thiệp và gọi nước vào hai địch thủ như vào hai con chó...

Liutmila ngồi trên ghế dài, giậm giậm chiếc chân lành xuống đất. Khi hai địch thủ lăn đến chỗ nó, nó lấy nạng đẩy chúng đi và sợ hãi kêu lên :

- Đừng đánh nhau nữa !

Mặt nó tái mét lại, mắt sầm xuống và đảo đi đảo lại như người bị động kinh.

Một lần khác, Kôxtrôma thua Tsurka một ván phá thành rất nhục nhã, nó liền ẩn sau thùng lúa mạch bên cửa hiệu tạp hóa, ngồi xồm ở đấy và lặng lẽ khóc. Cảnh tượng thật hầu như đáng sợ. Nó nghiến chặt răng, gò má nhô ra, bộ mặt xương xẩu đánh lại như đá. Từ cặp mắt đen cau có những giọt nước mắt to, nặng lặn xuống. Khi tôi an ủi nó, nó vừa nức nở, vừa thì thào :

- Được rồi xem... Tao sẽ tương cho nó một hòn gạch vào sọ cái...

Tsurka thì trở nên kiêu ngạo. Nó đi giữa phố với dáng điệu của một anh đến tuổi lấy vợ, chiếc mũ cát kết đội lệch sang một bên, tay dứt túi. Nó học được cách nhổ nước bọt qua kẽ răng với một vẻ ngạo nghễ và cam đoan :

- Tao sắp biết hút thuốc lá rồi. Tao đã thử hai lần, nhưng buồn nôn quá.

Những điều đó làm tôi khó chịu. Tôi thấy mình đang mất bạn và tôi có cảm giác rằng Liutmila là nguyên nhân của việc này.

Một buổi chiều, khi tôi đang sắp xếp các loại xương, giẻ rách và các đồ tạp nham ở ngoài sân thì Liutmila khập khiễng đến bên cạnh tôi, cánh tay phải của nó vung vẩy.

- Chào cậu, - nó nói gật gật cái đầu ba lần -
Kôxtrôma chơi với cậu đấy chứ ?

- Ừ.

- Thế còn Tsurka ?

- Tsurka không chơi với bọn tớ nữa rồi... Tại cậu
mà ra cả. Chúng nó yêu cậu cho nên mới đánh nhau...

Liutmila đỏ bừng mặt, nhưng trả lời với vẻ châm
biếm:

- Lại còn thế nữa ! Tớ có lỗi ở chỗ nào?

- Sao lại làm cho chúng nó yêu ?

- Tớ có cầu cho chúng nó yêu đâu ! - nó giận dữ
nói, rồi vừa bỏ đi vừa tiếp : - Thật là một trò ngu
xuẩn ! Tớ lớn hơn chúng, tớ đã mười bốn tuổi rồi ! Có
ai lại đi yêu con gái lớn hơn mình bao giờ...

- Mà biết nhiều lắm đấy ! - muốn chọc tức nó,
tôi liền hét lên - Đấy, mục chủ hiệu em gái lão Kholuxơ
đấy, mục ta đã già rồi mà vẫn còn đi lại với tụi con
traí đấy !

Liutmila quay lại phía tôi, ấn sâu chiếc nạng
trên sân cát.

- Chính cậu chẳng biết cái quái gì cả, - nó nói với
vã giọng như khóc. Cặp mắt xinh xinh của nó bỗng
sáng. ngồi một cách đẹp tuyệt - Mục chủ hiệu là một
mụ đàn bà đi thõa, còn tớ, tớ có như vậy đâu. Tớ
đang còn bé, không được đụng chạm, cấu véo tớ, không

được... gì sất... Cậu cứ thử đọc truyện - *Cô gái Kamsadan*⁽¹⁾, phần hai ấy, rồi hãy nói !

Nó ảm ức, bỏ đi. Tôi bỗng thấy thương nó quá. Trong những lời nói của Liutmila vang lên một sự thật nào đó mà tôi chưa hề biết tới. Tại sao bọn bạn tôi lại cấu véo nó ? Thế mà chúng còn nói rằng chúng yêu đấy...

Ngày hôm sau, muốn chuộc lỗi của mình đối với Liutmila, tôi mua hai kôpếch kẹo mạch nha là thứ kẹo mà tôi biết là nó rất thích.

- Có ăn không ?

Nó nói, cố tình làm ra vẻ bực bội :

- Đi đi, tớ không chơi với cậu nữa !

Nhưng lại cầm ngay lấy kẹo và nhận xét :

- Sao không lấy giấy mà bọc lại một chút ! Tay bẩn thế kia.

- Tớ rửa mãi nhưng không sao sạch được.

Nó đưa bàn tay khô ảm ra cầm lấy tay tôi và xem xét.

- Làm hỏng cả tay thế này...

- Ngón tay của cậu cũng bị châm thủng cả...

- Kim đâm đấy ? Tớ khâu nhiều lắm...

Sau vài phút, nó nhìn quanh rồi đề nghị với tôi :

(1) Kamsadan một dân tộc phương Bắc sống ở Kamsatka.

- Này, cậu có muốn chúng ta cùng nấp vào một chỗ và đọc quyển *Cô gái Kamsađan* không ?

Chúng tôi tìm mãi chỗ nấp nhưng chỗ nào cũng thấy bất tiện. Cuối cùng hai đứa quyết định rằng tốt nhất là chui vào phòng thay quần áo của nhà tắm. Ở đây tuy tối nhưng có thể ngồi ở bên cạnh chiếc cửa sổ trông ra một mảnh đất bán thiu của nhà kho và lò sát sinh bên cạnh. Ít người nhòm ngó tới chỗ này lắm.

Liutmila đã ngồi bên cửa sổ, duỗi chiếc chân đau trên ghế dài, chiếc chân lành thì bỏ thông xuống sàn, mặt khuất sau quyển sách đã nhàu nát, cảm động đọc những mớ chữ khó hiểu và buồn tẻ, nhưng cũng làm tôi xúc động. Tôi đang ở dưới sàn nhìn cặp mắt nghiêm trọng đang di động trên những trang giấy như hai đốm lửa xanh. Đôi khi cặp mắt lại ướm lẹ. Giọng nó run run, đọc vội vàng những chữ không quen thuộc trong những câu khó hiểu. Dầu sao, tôi cũng nhờ được những chữ đó và cố đảo lên đảo xuống để sắp xếp chúng thành những câu thơ. Việc đó đã hoàn toàn cản trở tôi hiểu được cuốn sách nói gì.

Con chó nằm ngủ thiu thiu trên đầu gối tôi. Tôi đặt tên cho nó là " Gió " vì nó có bộ lông xù, mình dài, chạy nhanh và kêu gầm gừ như tiếng gió mưa thu thổi trong ống khói lò sưởi.

- Cậu có nghe không đấy ? - cô bé hỏi.

Tôi lặng lẽ gật đầu. Đám chữ hỗn loạn càng khích động tôi - tôi càng bận bịu với ý định sắp xếp lại thứ

tự các chữ như trong một bài ca, mà mỗi chữ trong đó đều sinh động và ngời sáng như một ngôi sao trong bầu trời.

Khi trời tối, Liutmila buông bàn tay trắng nhợt cùng với quyển sách xuống và hỏi :

- Hay chứ nhỉ ? Cậu thấy chưa !...

Từ buổi chiều hôm ấy trở đi chúng tôi thường ngồi với nhau trong phòng thay quần áo của nhà tắm. May cho tôi là chẳng bao lâu Liutmila đã thôi không đọc quyển *Kamsađanka* nữa. Tôi không thể trả lời được cho nó về nội dung của quyển sách vô tận ấy - vô tận là vì tiếp theo phần hai mà chúng tôi đã bắt đầu đọc còn phần ba và, cô bé nói với tôi rằng tiếp theo đó lại còn phần tư nữa.

Chúng tôi thích nhất là những ngày mưa u ám, nếu những ngày đó không trùng vào ngày thứ bảy là ngày đốt lò tắm.

Ngoài trời mưa tầm tã. Không ai bước ra sân, nhòm ngó vào cái góc tranh tối tranh sáng này của chúng tôi làm gì. Liutmila rất sợ người ta sẽ “bắt” được chúng tôi.

- Cậu có biết lúc bấy giờ người ta sẽ nghĩ thế nào không? - nó hỏi thăm thì...

Tôi biết và cũng sợ người ta “bắt” được. Chúng tôi ngồi hàng giờ liền với nhau, nói những chuyện đầu đầu. Đôi khi tôi kể lại những chuyện cổ tích của

bà tôi. Liutmila thì kể cho tôi nghe về đời sống của những người Còđắc bên sông Medveditxa.

- Ôi chao, ở đây thật là tuyệt ! - nó thở dài nói - ở đây thì thế nào được. Ở đây chỉ để cho ăn mày sống.

Tôi định bụng khi nào lớn nhất định sẽ đến thăm con sông Medveditxa mới được.

Ít lâu sau chúng tôi không phải dùng đến căn phòng thay quần áo của nhà tắm nữa. Mẹ Liutmila đã tìm việc làm ở nhà lão thợ thuộc da. Bà đi khỏi nhà từ sáng. Đứa em gái học ở trường. Anh trai làm việc ở nhà máy gạch tráng men. Những ngày mưa u ám, tôi đến nhà Liutmila giúp nó nấu nướng, dọn dẹp trong phòng và trong bếp. Nó cười bảo:

- Tớ với cậu sống với nhau cứ như là vợ chồng ấy nhỉ. Chỉ có mỗi đứa ngủ riêng một nơi thôi ? Chúng mình sống lại có phần vui hơn vợ chồng nữa cơ vì chồng có giúp vợ bao giờ đâu...

Khi nào có tiền tôi liền mua bánh kẹo rồi chúng tôi cùng uống trà với nhau. Sau đó hai đứa lấy nước lạnh gội vào ấm xamôva để cho bà mẹ lẩm cẩm của Liutmila không thể đoán được là chúng tôi đã dùng đến ấm. Thỉnh thoảng bà tôi đến với chúng tôi. Bà vừa ngồi vừa làm dăng-ten hay thêu thùa, vừa kể những câu chuyện cổ tích tuyệt diệu. Còn khi nào ông tôi vào thành phố thì Liutmila lên nhà tôi, và ba bà cháu tha hồ cùng ăn uống, chuyện trò vui vẻ với nhau một cách tự do.

Bà tôi thường nói :

- Ôi! chúng ta sống thật là tuyệt. Có đồng nào xào đồng ấy, mặc sức!

Bà khích lệ tình bạn của chúng tôi :

- Con trai kết bạn với con gái là một việc rất tốt: Chỉ cốt đừng "nghịch nhảm"...

Và bằng những lời lẽ giản dị nhất, bà cắt nghĩa cho chúng tôi biết thế nào là "nghịch nhảm". Bà nói rất văn vẻ, đầy tình cảm. Tôi hiểu rõ được rằng không nên chạm đến hoa khi hoa chưa nở, nếu không thì hoa sẽ chẳng cho hương thơm, quả ngọt.

Chúng tôi không muốn "nghịch nhảm", nhưng điều đó không ngăn cản hai đứa nói với nhau những chuyện người ta thường kiêng nhắc đến. Tất nhiên chúng tôi không thể nhắc những chuyện ấy vì những quan hệ nam nữ dưới những hình thức thô鄙 đã quá thường xuyên đập vào mắt như trên người khiến chúng tôi vô cùng bức tức.

Bố Liutmila là một người đẹp trai, tóc ngắn, tuổi trạc bốn mươi. Bác ta để ria mép và thường nheo đôi lông mày rậm một vẻ đặc trưng đến là đặc biệt. Bác ít nói lạ thường - tôi chẳng nhớ được lấy một lời nào của bác nói. Khi vuốt ve lũ trẻ, bác thường ầm ừ như người câm. Cả đến khi đánh vợ bác cũng lặng thinh.

Vào những buổi chiều ngày hội, bác mặc một chiếc áo xanh da trời, quần xa tanh rộng, đi đôi ủng đánh

bóng lộn, đeo chiếc đàn phong cầm lớn ra sau lưng, rồi bước ra cổng, và đứng lại đấy giống hệt như người lính đứng gác. Lập tức một cuộc du hành “được diễn ra trước cổng nhà chúng tôi : đàn bà, con gái, người nọ nối tiếp người kia như một đàn vịt vừa đi vừa đưa mắt nhìn bác Epxêenkô, kẻ nhìn lên qua hàng lông mi, kẻ trắng tráo nhìn bằng cặp mắt thèm khát. Còn bác ta thì đứng đó, môi dưới trễ ra, nhìn tất cả bọn họ với cặp mắt lựa chọn sắc màu. Có một cái gì thật chướng mắt, dè tiện trong cuộc trao đổi thầm lặng bằng mắt kia, trong sự di động chậm chạp, yếu hèn của đám đàn bà quanh một người đàn ông kia. Tựa như chỉ cần người đàn ông nháy mắt ra lệnh cho bất kỳ một người nào trong bọn họ là kẻ đó sẽ ngoan ngoãn lăn ra ngay trước đám cát rác rưởi của đường phố như kẻ đã chết.

- Con dè xồm lại mò đi rồi, đồ mặt dày ! - Mẹ Liutmila cầu nhàu nói. Bác ta người dong dỏng cao, khuôn mặt dài và nhom nhóp. Sau trận sốt, tóc bác cắt ngắn. Trông bác giống như một chiếc chổi cùn xơ xác.

Liutmila ngồi bên mẹ, luôn mồm hỏi, cố gắng làm cho mẹ không chú ý đến cảnh ngoài phố, nhưng vô hiệu quả. - Thôi yên đi, mày hay quấy rầy lắm, đồ quái thai ! - mẹ nó vừa lẩm bầm vừa chớp mắt lo lắng. Cặp mắt Mông-cổ nhỏ tí của bác sáng lên một cách lạ thường, đôi con ngươi không động đậy, tựa như bị thu hút trước một cảnh vật gì đấy.

- Mẹ ơi, mẹ đừng giận, có được gì đâu ? - Liutmila nói - Mẹ nhìn xem mũ hàng bao gai diện mới đẹp làm sao !

- Nếu không có ba đứa chúng mày thì tao còn mặc đẹp hơn nhiều. Chúng mày xấu xí tao, hốc hết cả ! Người mẹ tàn nhẫn trả lời, giọng như khóc mắt nhìn chằm chằm vào mũ hàng bao gai góa chồng to béo.

Mũ này giống như một cái nhà nhỏ. Ngực mũ dô ra như mái hiên. Bộ mặt đỏ bị chiếc khăn xanh lá mạ che lại và hót đi một ít trông tựa một chiếc cửa sổ tròn lấp kính đang phản chiếu ánh nắng mặt trời.

Epxêenkô chuyển cây phong cầm ra trước ngực và bắt đầu chơi. Cây phong cầm có rất nhiều phím. Tiếng đàn ngân xa một cách lôi cuốn. Bọn trẻ con từ mọi ngõ của khu phố ulla đến, sà xuống chân người kéo phong cầm, ngồi ngay trên cát lắng nghe say sưa, thán phục.

- Coi chừng đấy, người ta sẽ vặn cổ anh ra đấy ! bà vợ dọa chồng.

Bác Epxêenkô lườm vợ, không nói gì.

Còn mũ hàng bao gai thì ngồi như một tảng đá trên chiếc ghế dài bên cửa hiệu của lão Kholuxto cách đó không xa. Mũ nghiêng đầu lắng nghe, mắt sáng rực.

Ráng chiều làm đỏ óng cả cánh đồng phía sau nghĩa địa. Những khối thịt to lớn, ăn mặc sặc sỡ,

lướt trên đường phố như trôi trên mặt sông. Trẻ con chạy loăng quăng như gió lốc. Không khí ẩm áp, dịu dàng làm cho người ta cảm thấy ngây ngất. Cát bị nung nóng suốt ngày tỏa lên một mùi máu và mùi lơ lợ ngây mỡ của lò sắt sinh. Từ phía khu nhà của thợ thuộc da thoảng đến mùi da lột mặn và hăng. Tiếng đàn bà nói chuyện, tiếng người say rượu la rống, tiếng trẻ con kêu lanh lảnh, tiếng phong cầm trầm trầm - tất cả những âm thanh ấy hòa trộn với nhau thành một tiếng ồn ào vang dội như tiếng thở dài mạnh mẽ của đất mẹ đang sáng tạo không ngừng, không mỏi. Tất cả mọi thứ đó đều thô鄙, lộ liễu và gây nên một cảm giác tin cậy vững chắc lớn lao vào cuộc sống đen tối, thu vật một cách trắng trợn này. Cuộc sống ấy vừa khoe khoang sức lực của mình, vừa buồn rầu cố gắng tìm nơi để trút nguồn sức lực đó.

Và qua đám ồn ào, thỉnh thoảng lại có một vài tiếng đặc biệt khùng khiếp nào đấy lọt tới trái tim, mãi mãi gắn sâu vào trí nhớ.

- Nhiều người không được cùng đánh một người! Phải lần lượt mọi được...

- Nếu ta không thương lấy thân thì có ai thương ta nữa...

- Hay là trời sinh ra đàn bà để làm trò cười ?...

Màn đêm từ từ xuống. Không khí trong lành hơn. Tiếng ồn ào nhỏ dần. Những ngôi nhà gỗ như phóng

ra, lớn lên, đắm mình trong bóng tối. Bọn con nít đã bị lôi về nhà đi ngủ. Một số ngủ ngay bên các hàng rào, dưới chân hay trong lòng các bà mẹ. Trong bóng đêm bọn trẻ lớn tuổi cũng trở nên hiền lành, dịu dàng hơn. Bác Epxêenkô không biết lần đi đâu từ lúc nào tựa như có phép biến. Mụ hàng bao gai cũng không còn đó. Tiếng phong cầm trầm trầm vang lên xa xa, sau nghĩa địa. Mẹ Liutmila ngồi trên ghé dài người dúm đó, lưng khòm khòm như một con mèo. Bà tôi đi uống nước trà ở nhà lán giếng - một bà đỡ kiêm bà mối. Mụ ta người to lớn, gân guốc, có chiếc mũi như mỏ vịt và một chiếc mề đay vàng "cứu người lâm nạn" đeo trên bộ ngực lép kẹp như ngực đàn ông. Cả phố đều sợ mụ vì cho mụ là phù thủy. Người ta đồn rằng mụ đã cứu khỏi vòng lửa ba đứa con và một người vợ ốm của một ông đại tá nào đó trong một vụ cháy nhà.

Bà tôi rất thân với mụ. Gặp nhau ngoài phố, cả hai đều cười với nhau từ xa với một vẻ thân thiện đặc biệt.

Kôxtrôma, Liutmila và tôi cùng ngồi với nhau trên chiếc ghé dài bên cổng, Tsurka rủ anh của Liutmila ra vật nhau. Hai đứa ôm nhau, giậm chân trên cát làm bụi mù cả lên.

- Thôi đừng vật nhau nữa ! - Liutmila sợ hãi nài nỉ.

Kôxtrôma liếc cặp mắt đen về phía Liutmila rồi bắt đầu kể chuyện lão thợ săn Kalinin mà cả xóm

đều biết vì những “thành tích” bất hảo của lão. Đó là một lão già râu tóc bạc phơ có đôi mắt láu lỉnh. Lão mới chết cách đây ít lâu, nhưng người ta không chôn lão xuống dưới đất trong nghĩa địa mà lại đặt quan tài lên trên mặt đất, nằm tách ra khỏi các ngôi mộ khác. Chiếc quan tài đen sì, có chân cao. Trên nắp quan tài có vẽ một thập ác, một cái giáo, một cái gậy và hai chiếc xương bằng sơn trắng.

Đêm nào cũng vậy, cứ trời tối xuống là lão già lại từ trong quan tài nhòe dậy đi lang thang trên nghĩa địa, cứ như tìm kiếm một cái gì đấy cho đến tận gà gáy lần thứ nhất.

- Đừng kể những chuyện kinh khủng ấy nữa ! -
Liutmila van nài.

- Buông ra ! - thằng Tsurka vừa kêu vừa tuôn ra khỏi tay ôm của thằng anh Liutmila và nói với thằng Xôtrôma với một vẻ giễu cợt - Mày nói láo cái gì thế? Chính tao đã trông thấy người ta lấp quan tài còn cái ở trên thì rỗng, đấy là cái mộ. Còn có cái chuyện người chết biết đi thì chẳng qua là do bọn thợ rèn say rượu bịa ra mà thôi.

Xôtrôma không nhìn Tsurka, cúi kính đề nghị:

- Nếu thế thì mày thử đến ngủ ở nghĩa địa xem nào.

Hai đứa bắt đầu cãi nhau, còn Liutmila thì lắc đầu một cách chán ngán rồi hỏi :

- Mẹ ơi, ban đêm người chết có thức dậy không ?

- Thức dậy, mẹ nó nhắc lại như một tiếng vang từ xa vắng đến.

Valiôc, con trai mù chủ hiệu: một thanh niên trạc hai mươi tuổi người to béo hồng hào, đi đến, lắng nghe cuộc tranh cãi của bọn tôi và nói:

- Trong ba đứa chúng mày, đứa nào nằm được trên quan tài đến sáng, tao sẽ cho hai mươi kôpếch và mười liều thuốc lá, còn đứa nào sợ thì tao sẽ xách tai đến kỳ chán mới thôi, thế nào? Cả bọn im lặng, bối rối, còn mẹ Liutmila thì nói :

- Bậy nào ! Ai lại đi xui bọn trẻ làm những chuyện ấy bao giờ...

- Đưa một rúp tôi đi cho, - thằng Tsurka cau có đề nghị.

Kôxtrôma liền hỏi ngay một cách xỏ xiên :

- Còn nếu chỉ được hai mươi kôpếch thì mày sợ à? - rồi nó bảo Valiôc - Anh cứ đưa cho nó một rúp nó cũng không dám đi đâu, nó chỉ nói phét thế thôi...

- Ừ thì tao cho một rúp !

Tsurka đứng dậy, lặng lẽ và thung thỉnh bỏ đi men theo bờ rào. Kôxtrôma cho mấy ngón tay vào mồm, huýt inh ỏi theo Tsurka, còn Liutmila thì bôn chồn lên tiếng :

- A, Chúa tôi, đồ anh hùng rơm... Ai ngờ lại thế !

- Một lũ hèn, chúng mày có làm được trò trống gì đâu! - Valiôc chế nhạo - Thế mà cứ tự cho mình là ngổ nhất phố đấy! Thật là một lũ mèo con...

Thật là tức khi phải nghe những lời giễu cợt của hắn. Chúng tôi không ưa cái thằng phì nộn đó, hắn hay xúi bầy trẻ con làm những trò nghịch ngợm tinh quái, kể cho chúng những chuyện bần thủ về đàn bà con gái và dạy chúng chòng ghẹo họ. Bọn trẻ nghe theo hắn ta và vì thế mà bị nhiều trận đòn khá đau. Không hiểu sao hắn rất căm ghét con chó của tôi, cứ lấy đá ném nó luôn, có lần cắm cả kim vào bánh mì rồi đưa cho nó ăn.

Nhưng tôi còn tức hơn khi trông thấy thằng Tsurka bỏ chuồn một cách co ro, hổ thẹn.

Tôi bảo Valiôc:

- Đưa đồng rúp đây, tôi đi cho ?...

Vừa giễu cợt, vừa dọa dẫm tôi, hắn đưa đồng rúp cho bác Epxêenkô gái, nhưng bác ta nghiêm khắc nói:

- Tao không thêm, không cần đâu !

Rồi bác giận dữ bỏ đi. Liutmila cũng không dám cầm đồng bạc khiến Valiôc càng lên nước thêm. Tôi đã định đi không cần đòi tiền hắn ta nữa, nhưng bà tôi đã tới. Sau khi biết rõ đầu đuôi câu chuyện bà cầm lấy đồng rúp và bình tĩnh bảo tôi :

- Cháu mặc thêm áo ngoài vào và mang chiếc chăn đơn theo kéo gần sáng lạnh đấy...

Lời của bà càng làm tôi thêm hy vọng rằng chẳng có gì đáng sợ có thể xảy đến với tôi.

Valiôc ra điều kiện rằng tôi phải nằm hoặc ngồi trên quan tài đến sáng, dù có xảy ra chuyện gì cũng không được rời khỏi chỗ, cả lúc lão Kalinin bắt đầu lắc quan tài để chui ra khỏi mộ cũng vậy. Nếu nhảy xuống đất, tôi sẽ thua.

- Liệu chừng - Valiôc giao hẹn trước - tao sẽ theo dõi mày suốt đêm đấy !

Khi tôi đi ra nghĩa địa, bà tôi làm dấu thánh cho tôi rồi khuyên rằng :

- Nếu có thấy gì cháu đừng có cựa quậy, cứ đọc kinh *Kính mừng*...

Tôi rảo bước, lòng muốn chóng bắt đầu và kết thúc tất cả mọi việc này. Valiôc, Kôtrôma và vài thanh niên nữa đi theo tôi. Khi leo qua dãy tường gạch, tôi vướng chân, ngã xoài xuống nhưng tôi vội đứng phắt ngay lên tựa như người bị nẩy trên mặt cát. Bên kia bức tường, bọn đi theo cười lên ha hả. Ngực tôi như thắt lại, lưng nổi gai ốc lên.

Vừa vấp ngã, tôi vừa đi đến chỗ chiếc quan tài đen. Nó bị lún một bên xuống cát, còn một bên thì để lộ ra những chân đế ngắn và to, tựa như có mặt người nào đó cố nâng nó lên và đẩy xiêu sang một bên. Tôi ngồi lên một góc quan tài, phía dưới chân, và nhìn quanh : những cây thánh giá màu xám dựng ngổn ngang chi chít trên khu nghĩa địa đầy gò đống, những

bóng đen vươn lên, nằm dài trên các ngôi mộ, ôm lấy những gò đất lởm chởm. Dây đỏ dăm cây bạch dương thanh mảnh, khẳng khiu nhô lên lác lõng giữa đám thánh giá, cành lá của chúng nối liền những ngôi mộ riêng biệt lại với nhau. Những ngọn cỏ thấp thoáng giữa bóng cây loang lổ như một tấm ren. Cái đám lởm chởm xám xịt ấy trông khủng khiếp nhất. Ngôi nhà thờ nhô lên bầu trời như một khối tuyết lớn. Mặt trăng lưỡi liềm nhỏ bé chiếu giữa những đám mây im lìm.

Bố thằng Iaz - "lão Mujich bán thiu" - uể oải điếm chuông cầm canh. Mỗi lần bác kéo dây chuông, chiếc dây lại mắc vào tấm tôn trên mái và kêu cọt két một cách ai oán, sau đó mới vang lên tiếng đập khô khan của chiếc chuông con ngấn ngủ và tẻ ngắt.

"Lạy Chúa đừng làm con mất ngủ !" - tôi chợt nhớ đến câu thành ngữ bác ta thường nói.

Thật là kinh khủng. Và không hiểu sao mà ngột ngạt đến thế. Tôi toát mồ hôi đầm đìa, tuy trời đêm mát mẻ. Nếu lão Kalinin mò ra khỏi mộ, liệu tôi có kịp chạy đến chòi canh không?

Khu nghĩa trang đối với tôi rất là quen thuộc. Tôi đã chơi đùa hàng trăm lần giữa những ngôi mộ này với thằng Iaz và chúng bạn. Chỗ kia kia, gần phía nhà thờ, là nơi chôn mẹ tôi...

Chưa phải là tất cả đều đã yên ngủ. Từ phía xóm vắng lại những chuỗi cười, những câu hát. Trên các

đồi, nơi người ta lấy cát để đắp đường tàu, hay là ở đầu từ phía làng Katurzôpka, vẳng đến tiếng phong cầm rên rĩ, nước nở. Bác thợ rèn Miasôp thường xuyên say rượu đang đi bên ngoài tường và hát. Tôi nhận ra bác nhờ bài hát.

Còn mẹ của chúng tớ.

Có tí lỗi nhỏ thôi:

Mẹ chẳng yêu một ai.

Chỉ yêu độc mình bố !...

Thật là dễ chịu khi nghe những hơi thở cuối cùng của sự sống ấy. Nhưng sau mỗi tiếng chuông, mọi vật trở nên lặng lẽ hơn. Sự tĩnh mịch như một con sông lan tràn trên đồng cỏ, làm chìm đắm và che giấu tất cả. Tâm hồn như chơi vơi trong khoảng không vô tận và tắt dần như ngọn lửa diêm trong bóng tối, rồi tan đi không một dấu vết để lại giữa một khoảng không trống trải như biển cả, nơi mà chỉ có những vì sao xa tít đang sống và sáng lấp lánh, còn mọi vật trên mặt đất đều không cần thiết, im lìm và bền lâu mất cả.

Tôi quán chẵn ngời co chân lên trên quan tài, mặt quay về phía nhà thờ. Mỗi khi tôi cựa quậy, chiếc quan tài lại cọt kẹt, cát phía dưới lại lạo xạo.

Có một vật gì rơi xuống đất phía sau lưng tôi. Một tiếng... hai tiếng... Rồi một hòn gạch, h rơi xuống ngay cạnh người tôi. Tôi sợ quá, nhưng đoán ngay là Valiôc và bọn của hắn ở phía sau tường ném vào để

dọa tôi. Biết có người ở gần mình, tôi lại cảm thấy dễ chịu hơn.

Tự dưng tôi nghĩ tới mẹ tôi... Một lần mẹ tôi đánh tôi vì bắt được tôi đang tập hút thuốc lá, tôi bảo :

- Đừng có đụng vào con. Chẳng cần đánh, con cũng đã khổ sở, buồn nôn lắm...

Bị đánh xong, tôi ngồi sau lò sưởi, còn mẹ tôi nói với bà tôi:

- Thằng bé trở như gỗ đá, chẳng yêu ai cả...

Nghe những lời nói đó tôi rất phật lòng. Những khi mẹ tôi phạt tội, tôi thường cảm thấy thương thương và lúng túng hộ cho mẹ tôi : ít khi mẹ tôi trừng phạt công bằng và đúng đắn.

Nhưng nói chung cuộc đời luôn luôn vẫn có rất nhiều điều đáng giận. Đây, chẳng hạn như những đứa đang đứng sau bức tường kia. Chúng thừa biết rằng chúng tôi đang sợ vì ngồi một mình giữa nghĩa địa, vậy mà chúng còn muốn làm cho tôi sợ hơn nữa. Tại sao lại như vậy?

Tôi muốn quát vào mặt chúng:

“Quý bắt chúng mày đi!”

Nhưng kêu như vậy cũng khá nguy hiểm. Ai biết được quý sẽ nghĩ như thế nào khi nghe tôi nói ? Có lẽ nó cũng gần đâu đây thôi!

Trên mặt cát có nhiều mẫu mica vụn lấp lánh mờ mờ dưới ánh trăng khiến tôi sợ nhớ đến một lần

nằm trên bè ở sông Ôka tôi đang nhìn xuống mặt nước, bỗng có một con cá mè nổi lên ngay trước mặt tôi. Khi nó nghiêng mình trông nó giống như má của người ; nó nhìn vào mặt tôi bằng con mắt tròn như mắt chim. Sau đó nó lặn xuống sâu, toàn thân rung động như một chiếc lá phong rụng.

Trí nhớ của tôi mỗi lúc một căng thẳng, nó hồi phục lại mọi chuyện linh tinh của cuộc đời tôi, dường như muốn dựa vào đó để chống lại óc tưởng tượng đang bước bình muốn tạo ra những hình ảnh khủng khiếp.

Một con nhím đang lăn, những cái chân cứng rắn của nó gõ gõ trên mặt đất. Trông nó giống như một vị gia thần - cũng nhỏ bé và bù xù như vậy !

Tôi lại nhớ đến bà tôi ngồi xồm trước bếp lò đọc thần chú :

- Gia thần từ bi, cầu Người khử sạch lũ gián đi...

Xa xa, phía sau thành phố mà ở đây tôi không thấy rõ, trời đã hửng sáng dần, hơi lạnh ban mai như chích vào má. hai mí mắt tôi cứ dính lại. Tôi nằm co dúm chân tay, lấy chăn trùm lên đầu , - thôi được, muốn ra sao thì ra!

Người đánh thức tôi dậy là bà tôi. Bà đứng bên tôi, kéo chăn ra và nói:

- Dậy đi cháu! Có lạnh không? Sao, sợ chứ?

- Sợ lắm. Nhưng bà chớ có nói với ai về chuyện ấy, bà đừng có cho bọn trẻ con biết nhé!

- Sao lại không nói? - bà tôi ngạc nhiên - Nếu mày không sợ thì chẳng có gì đáng khoe nữa...

Chúng tôi đi về nhà. Dọc đường bà tôi dịu dàng bảo tôi:

- Mọi việc đều phải tự mình trải qua, tự mình tìm hiểu, cháu ạ... Tự mình không chịu học hỏi thì chẳng có ai dạy được mình đâu.

Cho đến chiều, tôi đã trở thành một “anh hùng” của khu phố. Mọi người đều hỏi tôi:

- Không sợ thật à?

Và khi tôi nói: “Sợ chứ!” thì họ đều lắc đầu thốt lên:

- Ấy đấy, đã thấy chưa?

Mụ chủ hiệu thì tuyên bố thật to với một giọng đầy tin tưởng:

- Rõ ràng là người ta đã bịa đặt ra chuyện ông già Kalinin mò dây. Nếu lão đã dấy được thì đời nào lão lại sợ thằng bé? Lão cứ hất tay một cái nó cũng đủ văng ra khỏi nghĩa địa, chưa biết đến tận đâu nữa đấy.

Liumila nhìn tôi với một vẻ kinh ngạc đầy âu yếm. Cho đến ông tôi cũng có vẻ hài lòng về tôi. Ông luôn luôn mỉm cười, vẻ thoả mãn. Chỉ có thằng Tsurka thì nói cẩu rầu:

- Đối với nó thì dễ thôi: bà nó là phù thủy mà lại!

III

Kôlya, thằng em trai tôi chết lặng lẽ như một ngôi sao nhỏ tắt vào lúc bình minh. Bà tôi, nó và tôi thường ngủ trong căn nhà kho nhỏ. Chúng tôi nằm trên đồng củi, trên phủ một lô giẻ rách. Sau bức vách ván có nhiều khe hở, cạnh chỗ chúng tôi, là chuồng gà của nhà chủ. Ban đêm chúng tôi nghe tiếng gà mái no căng điều rũ lông cánh và vừa ngủ vừa cục cục. Buổi sáng, con gà trống có bộ lông vàng óng và tiếng gáy nhưc ộc đánh thức chúng tôi dậy.

- Quì sứ xé xác mày ra! - bà tôi sức tỉnh, cầu nhàu gắt.

Tôi đã thức từ lâu và đang quan sát những tia nắng lọt qua các khe hở của nhà chứa củi chiếu vào chỗ tôi nằm. Trong những tia nắng đó có những hạt bụi óng ánh như bạc đang nhảy múa - chúng giống như những câu ca trong các chuyện cổ tích. Trong đồng củi, chuột chạy sột soạt, những con bọ đo đỏ, cánh có chấm đen bò lung tung.

Đôi khi muốn tránh khỏi hơi bốc ngột ngạt của phân gà, tôi bò ra khỏi kho củi, leo lên mái kho và ngồi theo dõi những người trong nhà thức dậy, mặt nhắm tịt, người to xù ra sau giấc ngủ.

Từ cửa sổ thò ra cái đầu râu tóc lờm chờm của bác lái đò Fecmanôp, một tay nghiện rượu và hay cau có. Bác nhìn mặt trời bằng đôi mắt húp ti hí, rồi kêu hục hục như lợn rừng. Ông tôi chạy ra sân, hai tay vuốt mớ tóc hung: ông đang vội đi vào nhà tắm để tắm nước lạnh. Mụ bếp lẩm cẩm của nhà chủ có chiếc mũi nhọn và bộ mặt đầy tàn hương trông như con chim gáy. Còn chính ông chủ nhà thì giống như một con bồ câu già béo núc. Mọi người nom đều giống như súc vật, giống như chim, hoặc như thú dữ.

Buổi sáng thật là dịu dàng, trong sáng, nhưng tôi vẫn thấy buồn buồn và muốn đi ra ngoài đồng thanh vắng. Tôi biết rằng như thường lệ người ta sẽ lại bơi bản vào cái ngày trong sáng này.

Một hôm tôi đang nằm trên mái nhà thì bà tôi gọi xuống. Bà gật đầu về phía chỗ nằm của mình, nói khẽ:

- Kôlya chết rồi...

Thằng bé đã rời khỏi chiếc gối và nằm trên một miếng nỉ. Nó gần như trần truồng, da tái xám lại. Chiếc áo vén lên đến cổ để hở cái bụng chương phồng ra. Hai cái chân nhỏ không không của nó muốn nâng người lên. Đầu nó hơi lệch về một bên.

- Ông Chúa, thằng bé “đi” rồi. - bà tôi vừa nói vừa chải mớ tóc của mình - Tội nghiệp, nó tàn tật, sống thì làm gì được?

Ông tôi đến, chân giậm giậm như người nhảy múa. Ông thận trọng lấy ngón tay sờ vào cặp mắt đã nhắm nghiền của thằng bé. Bà tôi giận dữ nói:

- Tay chưa rửa ráy gì cả mà sờ như thế à?

Ông tôi lẩm bẩm:

- Thế đấy! Để nó ra... Nó sống, nó ăn chơi... Thế mà tự dưng...

- Ông cứ tỉnh lại đi, - bà tôi ngắt lời ông.

Ông tôi dờ dẩn nhìn bà, rồi đi ra sân và nói:

- Tôi không có tiền để chôn cất nó đâu, tùy ý bà muốn làm sao thì làm...

- Hừ! Đồ bất hạnh!

Tôi bỏ đi và mãi đến tận chiều tối mới trở về nhà.

Thằng Kôlya được chôn vào sáng hôm sau. Tôi không đến nhà thờ và suốt cả buổi lễ ngồi cùng với con chó và bố thằng Iaz bên ngôi mộ của mẹ tôi đã được đào lên. Bác đào một chiếc huyệt ấy với giá rẻ và luôn luôn khoe chuyện đó với tôi.

- Chỗ quen biết đấy nhé! Nếu không phải trả một rúp đấy!...

Nhìn xuống chiếc huyệt đất vàng bốc lên một mùi ngọt ngào, tôi thấy những tấm ván đen ẩm ướt

nằm ở một bên huyết. Mỗi lần tôi cử động nhẹ, những đống cát xung quanh huyết lại đổ xuống, những dòng cát nhỏ chảy xuống tận đáy, để lại những đường rãnh trên thành. Tôi cố ý cựa quậy để cho cát phủ kín những tấm ván ấy đi.

- Đừng nghịch! - bố thằng Iaz vừa hút thuốc vừa nói.

Bà tôi ôm trên tay một chiếc quan tài nhỏ màu trắng đến. Lão "Mujich bắn thiu" nhảy xuống huyết, đỡ lấy chiếc quan tài và đặt nó nằm bên cạnh những tấm ván đen. Sau đó bác nhảy ra khỏi huyết, dùng cả chân lẫn xẻng hất cát xuống. Chiếc tàu của bác bốc khói như bình hương. Ông bà tôi cũng lặng lẽ giúp bác ta. Không có cố đạo, cũng không có ăn mày, chỉ có bốn người chúng tôi giữa đám thánh giá mọc san sát.

Khi đưa tiền cho bác canh nghĩa địa, bà tôi nói về trách móc:

- Dầu sao bác cũng đã động đến vong linh con Varya⁽¹⁾ rồi đấy !

- Còn làm sao khác được ? Như vậy mà tôi vẫn còn phải lấn sang phần đất của người khác nữa đấy. Nhưng không sao!

Bà tôi cúi rạp mình xuống chào ngôi mộ lần nữa rồi nức nở, than khóc. Sau đó bà bỏ đi. Ông theo sau

(1) Tức Vacvara mẹ Gorki.

bà, mắt che kín dưới tấm lưới trai của chiếc mũ, tay xốc lại chiếc áo khoác ngoài đã sờn cũ.

- Chúng ta đã gieo hạt giống vào miếng đất hoang mất rồi, - ông bỗng nhiên nói, rồi rảo bước lên phía trước như con quạ trên thửa ruộng đã cày rồi.

Tôi hỏi bà:

- Ông nói gì thế, bà?

- Kệ ông! Ông có những ý nghĩ riêng của ông, - bà tôi trả lời.

Trời rất nóng. Bà tôi đi, vẻ nặng nhọc. Chân bà lún xuống cát nóng. Bà luôn luôn dừng lại, lấy khăn lau mồ hôi trên mặt.

Tôi đánh bạo hỏi bà:

- Cái đen đen ở trong huyết có phải là quan tài của mẹ cháu không hở bà?

- Phải, - bà tôi bực bội trả lời - Chó má thật... Chưa đầy một năm mà con bé Varya đã thối rửa ra rồi! Đây là do cát thấm nước đấy mà. Gặp chỗ đất sét có phải tốt hơn không...

- Ai cũng thối rửa ra à?

- Ai cũng vậy. Chỉ trừ có thánh thôi...

- Bà không rửa ra đâu!

Bà tôi dừng lại, sửa lại mũ lưới trai trên đầu tôi rồi nghiêm trang khuyên tôi:

- Cháu đừng nghĩ đến chuyện ấy làm gì. Không nên, cháu nghe chưa?

Nhưng tôi nghĩ: “Cái chết thật là đáng giận và đáng ghét. Thật là ghê tởm!”

Và tôi thấy trong người rất buồn bã.

Khi hai bà cháu về đến nhà thì ông tôi đã kịp đun ấm nước sôi, dọn cốc chén lên bàn rồi.

- Uống trà cái đã kéo trời bức quá - ông nói - Tôi đã bỏ trà của tôi vào rồi. Đủ dùng cho cả.

Ông đến cạnh bà và vỗ vai bà:

- Thế nào, bà nó?

Bà tôi phẩy tay:

- Còn thế nào nữa?

- Như thế đấy! Chúa giận chúng ta nên tước đi hết phần này đến phần khác... Giá như gia đình ta sống đoàn tụ được như những ngón tay thì tốt biết bao...

Đã lâu ông tôi không nói những câu hiền từ và dịu dàng như vậy. Tôi lắng nghe và mong ông tôi sẽ dập tắt được nỗi đau xót của lòng tôi, giúp cho tôi quên được cái huyết màu vàng và những mảnh ván ẩm ướt, đen sì nằm một bên huyết kia đi.

Nhưng bà tôi đã ngắt lời ông bằng giọng gay gắt:

- Thôi ông im đi! Suốt đời ông nói những câu ấy, nhưng có làm cho ai bớt đau khổ? Suốt đời, ông đã làm cho mọi người mòn mỏi như giẻ ăn mòn sắt...

Ông tôi húng hắng ho, nhìn bà và yên lặng.

Buổi chiều, ở bên cổng, tôi buồn rầu kể lại cho Luitmila những việc mà tôi đã chứng kiến lúc ban sáng. Nhưng những chuyện đó không gây cho nó một ấn tượng gì đáng kể.

- Sống mồ côi thích hơn. Cha mẹ tớ mà chết đi là tớ để đứa em gái lại cho anh tớ, còn tớ sẽ đi tu suốt đời. Tớ còn đi đâu được nữa? Lấy chồng không được, chân khập khiễng chẳng làm được việc gì. Mà lại còn đẻ ra những đứa con cũng thọt nữa chứ...

Nó nói một cách khôn ngoan giống như những bà ở phố chúng tôi, và có lẽ cũng vì thế mà từ buổi chiều hôm đó tôi mất hẳn cảm tình đối với nó. Hơn nữa cuộc sống đã đi theo một chiều hướng khiến tôi càng ngày càng ít gặp đứa bạn gái ấy nữa.

Qua vài ngày sau khi đứa em tôi chết, ông tôi bảo:

- Hôm nay cháu ngủ sớm hơn một chút. Mờ sáng ông sẽ đánh thức dậy, ông cháu ta vào rừng kiếm củi...

- Tôi cũng kiếm ít lá thuốc - bà tôi nói.

Khu rừng thông và bạch dương nằm trên một bãi lầy cách xóm khoảng ba vecsta⁽¹⁾. Khu rừng đầy rẫy những cây khô và cành gãy, một phía kéo dài đến sông Ôka, còn phía kia đến tận con đường cái đi

(1) Đơn vị đo chiều dài Nga: 1,06km.

Maxcova và còn trải sang cả phía bên kia đường nữa. Trên đỉnh rừng lượn khúc đó, đám rừng thông Xavêlôva Griva nhô cao lên như một cái mái tròn đen sẫm.

Tất cả tài nguyên đó đều thuộc về công tước Suvalốp. Chúng được bảo quản rất lỏng lẻo. Đám tiểu thị dân ở Kunavinô xem khu rừng đó như của riêng mình, đến kiếm củi, đẵn cây khô và cũng không từ cả những cây còn sống. Mùa thu để kiếm củi dự trữ cho mùa đông, hàng chục người, rìu và dây thừng giắt lưng, kéo nhau vào rừng.

Thế là từ tờ mờ sáng, ba chúng tôi đã đi trên cánh đồng xanh lấp lánh sương mai như bạc. Bên trái chúng tôi, phía bên kia sông Ôka, mặt trời của nước Nga uể oải chậm chạp thức dậy, giữa những đồi xanh của các vườn quả, những nóc tròn vàng óng của các nhà thờ, trên sườn núi “Chim gõ kiến” màu hung, trên thành phố Nijni - Nôpgôrôt trắng xoá. Một làn gió nhẹ nhàng ngái ngủ thổi từ phía sông Ôka êm đềm nước đục lơ lơ tới. Hoa mao lương vàng óng trĩu nặng sương mai khẽ lay động. Hoa chuông cánh màu tím thẫm lặng nghiêng mình sát đất. Hoa cẩm chướng - “nàng tiên nữ ban đêm”, - nở ra những ngôi sao hồng thắm...

Khu rừng tiến về phía chúng tôi như một đội quân màu sẫm. Những cây bạch dương giống những cô thiếu nữ. Một mùi chua chua của bãi lầy tràn lan

khấp cánh đồng. Con chó đi cạnh tôi thè lưỡi hồng ra, dừng lại, ngửi ngửi, rồi lắc lư chiếc đầu cáo của nó một cách bần khoản.

Ông tôi mặc chiếc áo cộc của bà, đội một chiếc mũ cát-ket cũ không có lưỡi trai. Ông nheo mắt, mỉm cười một mình, bước rón rén với đôi chân nhỏ nhắn tựa như người đi ăn trộm. Bà tôi mặc áo cánh xanh lơ, váy đen, trùm khăn trên đầu. Bà lướt nhanh trên mặt đất, khó mà theo kịp bà.

Càng gần tới rừng, ông tôi càng hoạt bát. Ông vừa hít không khí bằng mũi, vừa đằng hắng, vừa nói, lúc đầu còn đứt quãng, không rõ, sau cao hứng lên ông nói với giọng vui vẻ, bay bướm:

- Rừng là vườn cây của Chúa. Không ai gieo chúng cả, ngoài luồng gió của Chúa, hơi thở thiêng liêng của miệng Người. Ngày xưa, ở vùng Jiguli, khi ông còn trẻ và còn làm phu kéo thuyền... Chao ôi, Lêcxây, cháu sẽ không được thấy và chịu đựng những điều ông đã trải qua đâu! Dọc sông Ôka suốt từ Kaximôp đến Murôm toàn là rừng, phía bên kia sông Vonga cũng là rừng kéo dài đến tận Uran, chà!... Tất cả những khu rừng ấy thật là bao la, vô cùng tuyệt diệu...

Bà tôi liếc nhìn ông tôi và nháy mắt cho tôi. Còn ông tôi thì vừa vấp vào các mô đất, vừa đều đều tuôn ra những lời nói khô khan, mà tôi còn nhớ mãi:

- Bọn ông kéo một thuyền lớn chở bơ từ Xaratôp đến phiên chợ ở Makari. Trong bọn ông có một lão

quản lý là Kirilô ở Puriêc và một phu trưởng người Tacta ở Kaximôp hình như tên là Axap thì phải. Tới Jiguli thì gió từ phía bên trên thổi xuống phả vào mắt. Bọn ông kiệt sức, đứng chết gí một chỗ, người lão đảo... Cả bọn cùng nhau lên bờ nấu cháo. Bấy giờ là vào hồi tháng năm. Sông Vonga rộng mênh mông như biển, sóng trên mặt sông đùa giỡn trông như hàng ngàn con thiên nga bông bênh trên biển Kaxpiên. Những rặng núi Jiguli chìm trong màu xanh của mùa xuân vươn thẳng lên cao. Trên bầu trời những đám mây trắng nhón nhơ bay. Mặt trời như tưới vàng trên mặt đất. Bọn ông nghỉ ngơi, ngắm phong cảnh, mỗi người đối với nhau trở nên thân thiện hơn. Dưới sông thì ẩm thấp, lạnh lùng, còn ở trên bờ thì thật là ấm áp, dễ chịu. Đến chiều, lão Kirilô của bọn ông - một tay tính vốn âm thầm và đã đứng tuổi - đứng lên, bỏ mũ ra và nói: "Anh em ơi, tôi không còn là thầy cũng không còn là tớ của anh em nữa. Anh em hãy đi một mình, còn tôi, tôi vào rừng đây!". Bọn ông nhìn nhau, ngơ ngác. Làm thế nào? Bọn ông không thể nào không có người chịu trách nhiệm trước chủ được. Người mất đầu còn đi sao được? Tuy là sông Vonga đầy, nhưng trên con đường thẳng người ta cũng vẫn có thể lạc. Đôi lúc con người là một con thú dữ không có lương tri, không hề biết nể nang gì cả. Bọn ông hoảng cả lên. Còn lão Kirilô thì vẫn khẳng khái: "Tôi không muốn sống mãi cuộc

đời làm kẻ chặn dắt anh em đâu. Tôi đi vào rừng đây!”. Trong bọn ông, một số toan đánh và trói lão ta lại, một số thì đang suy nghĩ về lão ta nên kêu lên: “Khoan đã!”. Vừa lúc ấy lão phu trưởng người Tacta cũng kêu lên: “Tôi cũng bỏ đi đây!”. Thật là tai vạ. Lão Tacta này đã hai mùa đánh cá bị chủ quít tiền công rồi, lần này đang giữa mùa thứ ba. Số tiền ấy to lắm. Bọn ông la hét mãi, la hét đến tận tối mịt. Đến đêm thì có bảy người bỏ đi, bọn ông còn lại chừng mười sáu hoặc mười bốn người gì đó. Đây, rừng như thế đấy!...

- Họ đi làm kẻ cướp cả hả ông?

- Có thể là kẻ cướp, mà cũng có thể là ẩn sĩ. Hồi đó người ta cũng không chú ý đến những việc này lắm.

Bà tôi làm dấu.

- Lay Đức mẹ Rất thánh! Cứ nghĩ về con người bao nhiêu lại thấy thương cho họ bấy nhiêu.

- Người nào cũng có trí khôn cả, phải tự biết được ma quỷ muốn lôi cuốn mình về phía nào...

Chúng tôi đi vào rừng trên một con đường mòn ướt át, giữa những đám rừng thưa lầy lội và những đám thông xơ xác. Tôi nghĩ bụng cứ đi mãi vào rừng sâu trong rừng như bác Kirilô ở Puriêc chắc là thú vị lắm. Trong rừng không có những kẻ ba hoa, những cuộc gây gổ, những cảnh say rượu. Ở đây tôi sẽ quên

được cái tính keo cú đáng ghét của ông tôi, quên được ngôi mộ cát của mẹ tôi, quên được tất cả những điều đã làm tôi đau khổ, đã đè nén trái tim tôi bằng một mối buồn nặng nề.

Đến chỗ đất khô, bà tôi nói:

- Phải ăn cái đã, ngồi xuống đây!

Trong chiếc lẵng của bà có đủ các gói: bánh mì đen, hành tươi, dưa chuột, muối và pho mát tươi. Ông tôi nhìn các thứ đó một cách ngượng ngịu và nhấp nháy đôi mắt:

- Ôi, tôi chẳng mang cái gì đi ăn cả, bà nó ơi...

- Đủ cho cả ba người đấy...

Chúng tôi ngồi dựa vào thân một cây thông màu đồng thẳng đứng. Không khí tràn vào đầy mùi nhựa cây. Một làn gió nhẹ từ đồng nội thổi tới. Đám cây mọc tặc lay động. Bà tôi đưa bàn tay đen sạm ra ngắt đám cỏ lá và kể cho tôi nghe về tác dụng chữa bệnh của cây ban, cây hoắc dương, cây mã đề, về hiệu lực mầu nhiệm của cây dương xỉ, cây liễu diệp, cây "cỏ bay".

Ông tôi dẫn những cây khô và tôi phải mang xếp vào một chỗ. Nhưng tôi lên bỏ đi vào rừng theo bà tôi. Bà nhẹ nhàng bơi giữa đám thân cây to lớn và luôn luôn cúi xuống mặt đất phủ đầy lá thông nhọn. Bà vừa đi vừa nói một mình:

- Năm apiônôle mọc sớm thì sẽ lại mất mùa nấm!

Chúa ơi, Chúa còn thiếu chăm sóc đến kẻ nghèo khó. Đối với kẻ nghèo thì chút nắm cũng là một thức ăn ngon lành rồi!

Tôi im lặng rón rén đi sau bà, cố làm cho bà không để ý đến tôi. Tôi không muốn ngăn trở bà nói chuyện với Chúa, với cỏ cây, với ếch nhái...

Nhưng bà tôi đã trông thấy tôi:

- Chạy trốn ông đấy à?

Và vừa cúi chào mặt đất đen khoác một chiếc áo lễ xanh lộng lẫy, bà vừa kể chuyện ngày xưa có lần Chúa giận loài người, bèn đổ nước ngập mặt đất và làm chết đuối mọi sinh vật.

- Nhưng Đức Mẹ nhân từ đã thu nhặt trước cả các hạt giống cho vào lãng và giấu đi. Sau đó Đức mẹ cầu xin mặt trời: "Người hãy làm khô tất cả mặt đất đi, loài người sẽ ca tụng Người vì công ơn đó!". Mặt trời liền làm khô trái đất. Đức Mẹ bèn đem gieo những hạt giống đã giấu. Chúa nhìn xuống thấy trên mặt đất lại đầy rẫy sinh vật - cỏ cây, thú vật và người... Chúa phán hỏi: ai là kẻ đã cưỡng lại ý ta? Bấy giờ Đức Mẹ mới thú lỗi với Chúa. Chính Chúa lúc ấy cũng hối tiếc vì thấy mặt đất trơ trụi quá, Chúa mới nói với Đức Mẹ rằng: Người làm như vậy thật là tốt!

Câu chuyện làm tôi rất thích. Nhưng ngạc nhiên quá, tôi nghiêm trang hỏi lại:

- Có thật như vậy không bà? Sau đời Hồng thủy lâu lắm rồi mới sinh ra Đức Mẹ cơ mà.

Bây giờ đến lượt bà tôi kinh ngạc.

- Ai nói với cháu như vậy?

- Ở trường, trong các sách đều có nói...

Câu trả lời đó làm bà tôi yên lòng, bà khuyên tôi:

- Cháu đừng có nhớ tất cả cái đó làm gì. Sách vở đều nói láo tuốt. Sách với vở!

Và bà tủm tỉm cười vui vẻ.

- Cái bọn ngu ngốc ấy thật khéo là bịa chuyện! Có Chúa mà lại không có mẹ Chúa, hừ! Thế thì Chúa do ai sinh ra?

- Cháu không biết.

- Quý chữa! Học được đến cái “cháu không biết” cơ à?

- Ông cố đạo nói rằng Đức Mẹ là con của Joasim và Ana.

- Tức là Marya Jôximôva ấy à?

Bà tôi nổi cáu lên. Bà đứng trước mặt tôi và nghiêm khắc nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Nếu mày con nghĩ như vậy, tao sẽ dẫn cho một trận đấy!

Nhưng sau một lát bà lại giải thích cho tôi:

- Đức Mẹ hằng có đời đời, có trước cả muôn loài... Chúa do Đức Mẹ sinh ra, sau đó...

- Thế còn Chúa Giêsu thì ai sinh ra?

Bà tôi lúng túng nhắm mắt lại và im lặng.

- Chúa Giêsu do ai sinh ra à...?

Tôi thấy rằng mình đã thắng và làm được bà rối trí về những điều bí ẩn của các vị Chúa, nhưng tôi không cảm thấy thích thú với việc đó.

Chúng tôi mỗi lúc một đi sâu vào rừng, giữa bóng tối mờ mờ xanh đang bị những tia nắng vàng chói của mặt trời xuyên qua. Trong bầu không khí ẩm cúng của khu rừng có những tiếng rì rào đặc biệt, đầy mơ màng như đang dịu dàng thở, kêu gọi những niềm mơ ước. Chim mỏ chéo kêu ken két, chim sẻ ngô hót lanh lảnh, chim cu cu cười, chim vàng anh huýt sáo, tiếng hót ghen tuông của chim mai hoa ngân lên không ngừng, chim ác là - một giống kỳ lạ - hót trầm ngâm. Những con nhái con lóng lánh như ngọc bích nhảy dưới chân. Giữa những rễ cây một chàng rắn nước đang nằm ngóc chiếc đầu vàng óng lên rình chúng. Một chú sóc kêu lách tách, chiếc lông đuôi xù tơi của nó thấp thoáng giữa những cành thông. Tôi thấy được bao nhiêu là cảnh tượng, nhưng vẫn còn muốn thấy nhiều hơn nữa, muốn đi xa hơn nữa.

Giữa những thân cây thông, những bóng người to lớn trong suốt và lung linh hiện ra rồi lại biến mất trong đám lá xanh rậm rạp. Qua tấm màn xanh đỏ hé ra một mảnh trời xanh lơ trắng bạc. Đám rêu nằm dưới chân trông như một tấm thảm lông lầy, thêu bằng những bụi việt quất nhỏ và những dây leo

khô. Những quả hạch lấp lánh trong các bụi cỏ như những giọt máu. Mùi nấm sực nức như cố ý chọc tức người ta.

- Đức Mẹ Rất thánh, Người là ánh sáng trong lành của trái đất - bà tôi thở dài cầu nguyện.

Ở trong rừng, bà tôi giống như một bà chủ, một người thân thích của mọi cảnh vật xung quanh. Bà bước đi như một mẹ gấu cái gì cũng thấy hết, bà luôn ngợi khen và cảm ơn chung quanh. Từ người bà toát ra một hơi ấm tràn lan khắp khu rừng. Tôi thích nhất khi trông thấy những đám rêu bị chân bà giẫm nhàu trở lại phẳng phiu vươn lên như cũ.

Tôi vừa đi vừa nghĩ: "Làm một tên tướng cướp thật là khoái. Cứ cướp hết của bọn tham lam, giàu có rồi đem phân phát những đồ đã cướp được đó cho những người nghèo; thế là mọi người đều được sống no nê, vui vẻ, không ghen ghét nhau, không cắn xé nhau như những con chó dữ. Và cũng tốt nếu đi được đến tận Chúa và Đức Mẹ của bà tôi để kể tất cả mọi sự thật về cuộc sống vô cùng khổ sở của con người, về việc họ chôn nhau một cách thật là tủi nhục trong những lớp cát bẩn thỉu. Và nói chung, còn biết bao nhiêu điều tủi nhục trên mặt đất, những điều hoàn toàn chẳng cần thiết gì cả. Nếu Đức Mẹ tin tôi, Người hãy ban cho tôi một trí tuệ thông minh, để có thể xếp đặt mọi công việc một cách khác, cho tốt hơn lên. Hãy để cho mọi người tin và nghe lời tôi, tôi sẽ tìm ra

được con đường cho họ sống tốt hơn. Tôi tuy còn nhỏ đấy nhưng cũng chẳng sao. Chúa Giêsu chỉ hơn tôi có một tuổi, vậy mà lúc đó mọi nhà hiền triết đều đã chẳng nghe lời người đó sao?

Một lần đang say sưa với những suy nghĩ, tôi ngã lăn xuống một hố sâu, gáy bị toạc da và một bên hông bị rễ cây cào xước. Ngồi dưới đáy hố trong đám bùn lạnh, dính nhớp nháp như nhựa, tôi thấy không thể leo lên được và xấu hổ quá. Mà kêu la để cho bà phải sợ hãi thì thật là không tiện. Nhưng rồi tôi cũng phải gọi bà lại.

Bà tôi lôi mạnh tôi ra khỏi hố rồi làm dấu và nói:

- Lạy Chúa tôi! Cũng may mà hang gấu trống không, chứ nếu chủ nó nằm nhà thì chết.

Bà dờ cười dờ khóc. Sau đó bà dẫn tôi ra suối rửa ráy cho tôi, lấy áo cánh của bà buộc các vết thương cho tôi sau khi đã đặt vào đấy những mớ lá gì đó để làm dịu bớt chỗ đau. Rồi bà dẫn tôi đến chòi canh bên đường xe lửa vì tôi mệt quá không thể đi về nhà được.

Từ đó hầu như ngày nào tôi cũng nài xin bà tôi:

- Bà ơi, vào rừng đi!

Bà luôn sẵn sàng ưng thuận ngay. Chúng tôi sống như vậy suốt cả mùa hè cho đến cuối mùa thu, chuyên đi hái lá thuốc, quả, nấm và hồ đào. Bà tôi mang bán những thứ hái được và hai bà cháu sống bằng số tiền kiếm được đó.

- Quân ăn bám! - ông tôi hay rít lên như vậy, tuy chúng tôi hoàn toàn không đụng đến bánh mì của ông.

Rừng cây mang đến cho chúng tôi một cảm giác thư thái và ấm cúng. Trong nguồn cảm giác đó, tôi quên hết mọi nỗi buồn rầu, mọi điều bực dọc, đồng thời trong người tôi lại thấy nẩy sinh tính nhạy cảm đặc biệt: thính giác và thị giác trở nên sắc bén hơn, trí nhớ tinh tế hơn, và sức thấu nhận các ấn tượng cũng sâu sắc hơn.

Bà tôi ngày càng làm tôi ngạc nhiên. Tôi đã quen coi bà tôi là một người vượt lên trên tất cả mọi người, một người hiền từ nhất và thông minh nhất đời, và bà vẫn không ngừng củng cố thêm lòng tin đó. Có một lần vào buổi chiều, sau khi hái xong mớ nấm trắng, chúng tôi đi trên đường về nhà. Ra tới cửa rừng, bà tôi ngồi nghỉ, còn tôi thì đi lũng sau đám cây xem có nấm nữa hay không.

Bỗng nhiên tôi nghe thấy giọng nói của bà tôi. Nhìn ra, tôi thấy bà ngồi trên con đường mòn đang bình tĩnh cắt rễ nấm. Cạnh bà là một con chó xám, gầy guộc đứng thè lưỡi.

- Mày đi đi, đi nơi khác đi, bà tôi nói - cút đi!

Cách đó không lâu, Valiôc đã đánh bả chết mất con chó của tôi, nên tôi rất muốn thu phục con chó mới này. Tôi liền chạy ra đường mòn. Con chó cong lưng lại một cách kỳ lạ. Không ngoái cổ, nó nhìn tôi

bằng cặp mắt xanh lè háu đói rồi cụp đuôi nhảy vào rừng. Điều bộ của nó không giống các con chó thông thường. Khi tôi huýt sáo, nó nhảy xộc vào bụi rậm.

- Thấy chưa? - bà tôi mỉm cười, hỏi tôi - Thoạt đầu mới trông thấy, bà nghĩ nó là chó, nhưng nhìn kỹ thì mới thấy rằng nanh chó sói, cả cổ cũng vậy. Bà sợ quá. Bà bảo: "Thôi được, nếu mày là chó sói thì đi nơi khác đi!" Cũng may mà mùa hè chó sói còn hiền đấy...

Bà tôi không bao giờ lạc trong rừng, bao giờ bà cũng xác định được rất đúng con đường trở về nhà. Ở một chỗ nhất định, qua mùi cỏ, bà có thể biết được có loại nấm nào mọc và bà luôn luôn khảo sát tôi:

- Nấm sữa hay mọc dưới cây nào? Cháu làm thế nào để phân biệt nấm russle lành với nấm độc? Còn loại nấm nào thích cây dương xỉ?

Dựa theo những vết xước khó thấy trên vỏ cây, bà chỉ cho tôi những hốc của sóc ở. Tôi leo lên cây và khoắng sạch tổ của chúng, lấy hết những hạt hồ đào dự trữ cho mùa đông. Có khi tôi lấy được mười funt⁽¹⁾ trong một hốc...

Một lần, tôi đang làm công việc đó thì một người đi săn đã tươg vào sườn bên phải hai mươi bảy viên đạn chì săn chim dẽ. Bà tôi lấy kim khâu ra được mười một viên: những viên còn lại cứ nằm lì trong da nhiều năm, rồi cũng dần dần thò ra.

(1) funt = 409,5gr.

Bà tôi rất hài lòng khi thấy tôi chịu đau một cách kiên trì.

- Cừ lắm, - bà tôi khen - Có kiên trì là khắc có bản lĩnh.

Một khi bán nấm và hồ đào mà dành dụm được ít tiền, bà tôi lại phân phát số tiền đó trên các bậc cửa sổ để “bố thí kín đáo”, còn chính bà thì lại mặc áo rách đầy mụn vá, cả trong những ngày lễ.

- Bà ăn mặc tồi tệ hơn cả ăn mày, làm xấu hổ cả tôi, - ông tôi càu nhàu.

- Không sao! Tôi chẳng phải là con gái của ông, mà cũng không phải đến tuổi lấy chồng.

Những cuộc cãi cọ giữa ông bà tôi mỗi ngày mỗi thường xuyên.

- Tôi không nhiều tội hơn kẻ khác nhưng lại bị trừng phạt nhiều hơn thế này đây! - ông tôi tức giận kêu lên.

Bà nhạo báng ông tôi:

- Ma quỷ chúng biết thừa kẻ nào đáng tội gì.

Và bà nói riêng với tôi:

- Ông lão sợ ma quỷ lắm! Ấy đấy, ông cháu già nhanh chỉ vì sợ... Thật tội nghiệp...

Suốt mùa hè tôi khoẻ hẳn ra và thường sống cô độc trong rừng, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của lũ bạn cùng lứa tuổi, đến Liutmila nữa - đối với tôi, nó có vẻ khôn ngoan một cách vô vị...

Một hôm, ông tôi từ thành phố trở về, khắp người ướt đầm - trời đã sang thu, mưa rơi tầm tã - ông đứng ở ngưỡng cửa giữ quần áo như một con chim sẻ và trịnh trọng nói:

- Này, ôn con, mai sửa soạn đi nhậm chức nhé!

+ Còn đi đâu nữa? - bà tôi giận dữ hỏi.

+ Đến ở với thằng con của mẹ Matriôna, em gái bà ấy...

+ Chao ôi, ông ơi, ông tính sai mất rồi!

- Thôi im đi, mẹ ngốc! Có thể người ta sẽ dạy dỗ cho nó thành thợ vẽ đấy!

Bà tôi cúi đầu yên lặng.

Buổi chiều, tôi nói cho Liutmila biết rằng tôi sẽ ra tỉnh và sẽ sống ở đó.

- Tớ cũng sắp bị đưa ra ngoài ấy đấy - nó đảm chiêu báo tin cho tôi - Bố tớ muốn người ta cắt hẳn chân tớ đi. Không có chân, tớ sẽ khoẻ lên...

Mùa hè qua nó gây hấn đi. Da mặt nó xanh nhợt ra, mắt to hơn.

- Có sợ không? - tôi hỏi.

- Sợ chứ! Nó nói và khóc nức nở lên không thành tiếng.

Tôi chẳng biết an ủi nó bằng cách gì vì chính tôi cũng sợ cuộc sống ở thành thị. Chúng tôi ngồi sát vào nhau rất lâu trong một bầu không khí lặng lẽ âm thầm.

Nếu là mùa hè thì tôi đã rủ bà tôi đi ăn xin như bà đã từng đi hồi còn nhỏ, chúng tôi có thể mang Liutmila đi theo và tôi sẽ kéo nó đi trên một chiếc xe con...

Nhưng bây giờ đang là mùa thu. Gió ẩm ướt thổi trên đường phố. Bầu trời luôn luôn bị mây che phủ. Mặt đất thì nhẵn nhéo và trở nên bẩn thỉu, buồn tẻ quá chừng...

IV

Tôi lại ra tỉnh ở, trong một ngôi nhà hai tầng quét vôi trắng, giống như một chiếc quan tài chung cho rất nhiều người. Nhà thì mới, nhưng trông có vẻ ọp ẹp, sưng húp như một người ăn mày bỗng dưng giàu có và vội vã nhồi nhét đến phát phì ra. Ngôi nhà đứng quay sườn ra đường phố. Mỗi tầng có tám cửa sổ, còn phía mặt chính của nhà thì có bốn cửa sổ. Cửa sổ các tầng dưới trông ra sân và một ngõ hẹp. Cửa sổ tầng trên thì trông qua hàng rào sang căn nhà nhỏ của một mục thợ giặt và một cái rãnh bẩn thỉu.

Không có phố nào cho ra phố. Một cái rãnh bẩn thỉu chạy dài trước nhà, có hai tấm ván hẹp bắc ngang. Bên trái, cái rãnh dẫn đến trại lính phạt tù. Rác rưởi của mọi nhà đều mang ra đổ xuống đấy; dưới đáy rãnh là một vũng bùn xanh thẫm đặc sệt. Bên phải, ở phía cuối rãnh là một chiếc đầm Zvezdin nhiều bùn toả lên mùi chua chua. Giữa rãnh, vừa đứng đối diện với ngôi nhà.

Một nửa bên này đầy rác rưởi, mọc đầy những cây gai, cây ngư bàng, cây chua me ngựa. Nửa bên kia, linh mục Đôrimêđôn Pôkrôpxki sửa sang thành một khu vườn. Trong vườn có một ngôi nhà hóng mát làm bằng phen mỏng sơn xanh. Nếu liệng vài hòn đá to vào chiếc nhà đó, những tấm phen sẽ toạc ra kêu bùng bùng.

Chỗ ở thật là buồn tẻ và bẩn thỉu kinh khủng. Mùa thu làm biến dạng hẳn mặt đất sét đầy rác rưởi, biến nó thành một lớp nhựa vàng khè dính lấy nhầy lấy chân. Tôi chưa bao giờ thấy nhiều bùn như vậy trong một khoảng không gian nhỏ chừng ấy! Vốn quen với sự sạch sẽ của đồng ruộng, rừng cây, cái góc này của thành phố gây cho tôi nỗi buồn nhớ và chán ghét.

Phía bên kia rãnh là những dãy hàng rào xám cũ thối nát nối nhau chạy dài. Xa xa, giữa đám hàng rào, tôi trông thấy ngôi nhà nhỏ màu nâu xám mà tôi đã sống ở đấy dạo mùa đông, khi còn làm thằng nhỏ đứng coi hàng cho cửa hiệu. Sự gần gũi với ngôi nhà ấy càng làm cho tôi thấy nặng nề. Tại sao một lần nữa tôi lại phải sống ở khu phố này?

Tôi đã biết người chủ của tôi từ trước. Cậu ấy thường đến thăm mẹ tôi cùng với người em của cậu, một người hay kêu the the một cách buồn cười:

- Bố Andrây, bố Andrây!

Cả hai cậu trông vẫn như xưa: cậu anh mũi khoằm, để tóc dài, người trông dễ thương và có vẻ tốt

bụng; cậu em là Victo vẫn còn giữ bộ mặt ngựa đầy tàn hương như trước kia. Mẹ của họ, tức là em bà ngoại tôi, là một người bần tính và hay la hét. Cậu anh đã có vợ. Vợ cậu trông rất diêm dúa, trắng như bột mì. Mợ có cặp mắt to màu huyền.

Ngay những ngày đầu, mợ đã hai lần bảo tôi:

- Tao đã tặng cho mẹ mày một chiếc áo dài lụa ngắn tay có đính hạt cườm...

Không hiểu sao tôi không muốn tin rằng mợ đã tặng và mẹ tôi đã nhận món quà đó. Khi thấy mợ nhắc lại với tôi về chiếc áo đó một lần nữa, tôi bèn khuyên mợ:

- Đã tặng rồi thì đừng có khoe khoang nữa.

Mợ sợ hãi nhảy lùi lại phía sau, cách xa tôi.

- Sao? Mày nói với ai đấy?

Mặt mợ nổi lên những đốm đỏ, mắt trợn lên, mợ gọi chồng lại.

Người chồng đi vào bếp, tay cầm cái compa, bút chì giắt trên tai, lắng nghe vợ nói rồi bảo tôi:

- Phải xưng hô với mợ và với mọi người cho tử tế. Không được xác láo!

Sau đó, cậu sốt ruột bảo vợ:

- Em đừng có quấy rầy anh với những chuyện vớ vẩn như vậy!

- Sao, chuyện vớ vẩn à? Nếu thành cháu họ của anh...

- Quí bắt nó đi, họ với hàng! - cậu la lên và chạy mất.

Tôi cũng không thích cho những người đó là họ hàng với bà tôi. Theo sự quan sát của tôi thì người trong họ đối đãi với nhau còn tồi hơn là người ngoài. Họ biết những chuyện xấu và lỗi bịch của nhau nhiều hơn người ngoài, và họ càng đặt điều cho nhau một cách thâm độc hơn, càng cãi nhau và đánh nhau nhiều hơn.

Tôi thấy mến cậu chủ. Cậu thường có kiểu hất tóc rất đẹp, rồi giắt ra sau mang tai, khiến cho tôi thấy cậu có một cái gì giống như bác Tốt Lắm⁽¹⁾. Cậu thường cười một cách khoái trí; cặp mắt xám nhìn thật hiền hậu; những nếp nhăn nho nhỏ hằn lên hai bên mũi khoằm rộng trông thật ngộ nghĩnh.

- Đồ quí⁽²⁾, cãi nhau thế là đủ rồi đấy! - cậu nói với vợ và mẹ, để lộ ra bộ răng nhỏ và sít qua nụ cười dịu dàng.

Mẹ chồng và con dâu chửi nhau hàng ngày. Tôi rất lấy làm lạ thấy họ cãi nhau một cách dễ dàng và nhanh chóng. Từ sáng sớm, cả hai còn chưa kịp chải đầu, cài áo, họ đã bắt đầu lồng lộn lên trong phòng như là nhà bị cháy. Họ chạy ngược chạy xuôi suốt ngày, chỉ nghỉ khi ngồi vào bàn ăn trưa, uống trà chiều và ăn tối mà thôi. Họ ăn, họ uống nhiều đến

(1) Xem chương VIII trong Thời thơ ấu của Gorki.

(2) Nguyên văn : đồ muông thú.

nổi say túy lúy và mệt phờ ra. Trong bữa ăn, họ bàn tán về các món ăn và uể oải nói kháy nhau để chuẩn bị cho cuộc cãi nhau sắp tới. Dù cho mẹ chồng có nấu nướng như thế nào, nàng dâu cũng cứ nói:

- Mẹ tôi không làm như thế này đâu.
- Không làm như thế thì chỉ có tôi hơn thôi!
- Không, hơn chứ!
- Thế thì xéo về mẹ mày mà ở.
- Tôi là chủ nhà ở đây!
- Thế còn tao thì là cái gì?

Cậu chủ xen vào:

- Thôi đủ rồi, đồ quỷ! Các người điên cả rồi hay sao?

Mọi việc trong nhà đều lạ lùng và buồn cười hết sức. Lối đi từ bếp vào phòng ăn xuyên qua một chuồng xí độc nhất trong nhà, vừa nhỏ vừa hẹp, người ta phải đi qua đó để mang ấm xamôva và các món ăn vào phòng ăn. Cái chuồng xí này là một đề tài của những trò đùa vui nhộn và thường là nguyên nhân của những sự hiểu lầm tức cười. Tôi có nhiệm vụ phải đổ nước vào thùng trong chuồng xí. Còn ngủ thì ở trong bếp, đối diện với cửa chuồng xí và cạnh chiếc cửa dẫn ra bậc hiên chính. Đầu tôi thì nóng vì cái bếp lò, mà chân thì bị gió lạnh ngoài hiên lùa vào. Khi đi ngủ, tôi thu nhặt tất cả các miếng thảm chùi chân và đắp lên chân.

Trong phòng khách lớn có hai tấm gương treo ở bức tường giữa các cửa sổ, những bức tranh được giải thưởng trong *Niva*⁽¹⁾ lồng khung thiếp vàng, hai chiếc bàn để đánh bài và một tá ghế mây kiểu Viên. Gian phòng hoang vắng và buồn tẻ. Gian phòng khách nhỏ thì chật ních những đồ gỗ linh tinh có đệm, những cái giá hình tháp để của “hồi môn”, những đồ dùng bằng bạc, ấm chén trà. Ba chiếc đèn lớn nhỏ khác nhau tô điểm cho căn phòng. Trong phòng ngủ tối om không có cửa sổ, ngoài chiếc giường rộng ra, còn có những hòm xiểng và tủ đứng toả ra mùi thuốc lá và mùi hoa cúc Ba-Tư. Ba căn phòng trên luôn luôn bỏ trống, còn chủ nhà thì chen chúc nhau trong gian phòng ăn nhỏ bé, người nọ vương người kia. Khoảng tám giờ, ngay sau bữa uống trà sáng, hai người cậu kéo bàn rộng ra và bày lên trên những tờ giấy trắng, hộp đồ vẽ, bút chì, đĩa mực đen rồi bắt đầu làm việc, mỗi người ngồi một đầu bàn, đối diện nhau. Chiếc bàn cứ gập ghềnh. Nó choán khắp cả căn phòng. Vì vậy mỗi khi mụ vú nuôi và mợ chủ đi từ buồng trẻ ra, họ lại vương phải các cạnh bàn.

- Đừng có quanh quẩn ở đây! - Cậu Victo kêu lên.

Mợ chủ tức giận bảo chồng:

(1) *Niva* - tên một tờ hoạ báo có những phụ trương in các tranh được giải thưởng. Tạp chí mang tính chất bảo thủ và phổ cập trong các giới quan lại, viên chức, giới tu hành, giới thị dân giàu có.

- Vaxya⁽¹⁾, anh phải bảo cậu ấy đừng có mà quát tháo tôi!

- Nhưng em đừng có làm rung bàn, - cậu chủ giọng dần hoà, ôn tồn khuyên vợ.

- Em bụng mang dạ chửa, mà ở đây thì chật chội...

- Thôi được, chúng tôi sẽ vào phòng lớn làm việc.

Nhưng mợ chủ tức giận kêu lên:

- Trời ơi, có ai làm việc trong phòng khách lớn bao giờ?

Từ sau chiếc cửa chuồng xí lộ ra bộ mặt tức tối, nóng đỏ vì lửa bếp của bà lão Matriôna Ivanôpna. Bà ta kêu lên:

- Đây, Vaxya, con thử nhìn xem: con làm việc, còn nó thì rặn đẻ trong cả bốn phòng vẫn chưa đủ. Cứ như bà chúa ấy, mà nào có giới giang gì...

Cậu Victo cười một cách châm chọc, còn cậu chủ thì quát lên:

- Thôi, đủ rồi!

Nhưng người con dâu sau khi đã trút như thác đổ lên đầu mẹ chồng những lời lẽ văn vẻ cay độc nhất, bèn lăn ra ghế và rên rỉ:

- Tôi sẽ đi đây! Tôi chết mất thôi!

- Yên cho tôi làm việc, quỉ bắt các người đi! - cậu chủ quát tướng lên, mặt tái đi vì phải cố sức - Thật là

(1) Tức Vaxili

một cái nhà điên. Chính vì để nuôi các người mà tôi phải làm việc đến gãy lưng ra đây! Chao ôi, đồ quý!...

Thoạt đầu những cuộc cãi cọ ấy làm tôi sợ hãi. Tôi sợ nhất hôm mợ chủ túm lấy con dao ăn và chạy vào chuồng xí. Mợ khoá trái cửa lại rồi gào khóc dữ dội ở trong đó. Trọng nhà lặng đi một phút, rồi cậu chủ tì hai tay vào cánh cửa, cúi khom xuống và quát tôi:

- Trèo lên lưng tao đập vỡ kính rồi nhấc cái móc ra!

Tôi vội nhảy phát lên lưng cậu, đập vỡ tấm kính trên cửa. Nhưng khi tôi định cúi người vào trong thì mợ chủ liền lấy chuôi dao cứ thế gõ vào đầu tôi một thôi. Dầu sao tôi cũng mở được cửa và cậu tôi phải trầy trật lắm mới kéo được mợ ra phòng ăn và tước lấy con dao. Ngồi trong bếp xoa bóp chỗ đầu bị đánh, tôi đoán ngay ra rằng mình đã uống công chịu đau: con dao đã cùn đến nỗi cắt bánh mì còn khó thì cửa cổ thế nào được? Tôi không cần phải nhảy lên lưng cậu chủ làm gì. Đứng trên ghế, tôi cũng có thể đập vỡ tấm kính ra rồi. Và cuối cùng tốt nhất là để cho người lớn mở khoá ra vì tay của họ dài hơn! Sau câu chuyện đó, những cuộc cãi cọ trong nhà không còn làm tôi sợ hãi nữa.

Cả hai cậu cùng hát trong đội đồng ca ở nhà thờ. Có khi đang làm việc, họ cất tiếng khe khẽ hát, cậu anh mở đầu, giọng hơi trầm:

*Tôi đã đánh rơi xuống biển
Chiếc nhẫn của người trinh nữ... ⁽¹⁾*

Cậu em tiếp, giọng nam cao:

*Và cùng với chiếc nhẫn của nàng
Tôi đã mất cả hạnh phúc trần gian.*

Từ trong phòng trẻ vẳng ra tiếng kêu khê khê của
mợ chủ:

- Các người điên đấy à? Thằng bé đang ngủ...

Hoặc:

- Vaxya, anh đã có vợ rồi, có thể không cần hát
về những nàng trinh nữ nữa, hát để làm gì mới được
chứ? Mà bây giờ cũng sắp chuông châu rồi...

- Thế thì bọn tôi hát một bài thánh ca vậy...

Nhưng mợ chủ khuyên rằng, nói chung không
nên hát thánh ca bất cứ ở chỗ nào, nhất là... - và mợ
chỉ tay một cách hùng hồn về chiếc cửa nhỏ.

- Phải chuyển nhà mới được. Không thì tôi đến
điên lên mất! - cậu chủ nói.

Cậu cũng nói không ít về việc phải đổi bàn, nhưng
cậu cứ nói như vậy suốt hơn ba năm trời.

Nghe những câu chuyện của nhà chủ bàn về
người đời, tôi lại luôn luôn nhớ cửa hiệu giày, ở đấy
người ta cũng hay nói đến những chuyện như vậy.
Tôi thấy rõ rằng những người chủ này của tôi cũng

(1) Bài hát cổ, lời của V.A. Jukôpxki.

tự cho mình là ưu việt nhất trong thành phố. Họ biết những phép cư xử đúng đắn nhất, và dựa trên những phép tắc mù mờ đối với tôi đó mà kết tội mọi người một cách tàn nhẫn, không thương tiếc. Sự kết tội đó làm cho tôi bức điên cả người và cứ muốn chống lại những lệnh của nhà chủ. Phá vỡ những luật lệ đó là một nguồn thích thú đối với tôi.

Công việc của tôi rất nhiều: tôi phải làm nhiệm vụ của con sen, thứ tư lau sàn bếp, đánh ấm xamôva và các đồ đồng, thứ bảy - lau sàn cả nhà và hai chiếc cầu thang. Tôi chẻ củi và mang đến các bếp lò, rửa bát đĩa, nhặt rau, đi chợ với mợ chủ, xách giỏ thức ăn đi theo sau, chạy đi mua hàng lật vặt, mua thuốc...

Người cai quản sát tôi nhất là em gái bà tôi - bà già hay làm âm ỉ, lúc nào cũng nổi giận. Bà ta dậy sớm, vào khoảng sáu giờ sáng. Sau khi rửa mặt rất nhanh, mặc có độc một chiếc áo cánh, bà quỳ trước tượng Chúa và than thở rất lâu với Chúa về cuộc đời của mình, về con cái, nàng dâu.

- Lạy Chúa! - bà ghen ngào thốt lên, chụm ngón tay áp vào trán - Lạy Chúa, con không cầu xin gì cả, con không cần gì cả. Chỉ xin Chúa cho con được nghỉ ngơi. Chúa hãy ban phúc lành cho con!

Những tiếng kêu cầu của bà làm tôi tỉnh giấc. Tôi nằm trong chăn nhìn ra và sợ hãi lắng nghe những lời cầu nguyện sôi nổi đó. Buổi sáng mùa thu lờ mờ hiện trên những tấm kính đầm nước mưa của chiếc

cửa sổ nhà bếp. Trong bóng tối mờ mờ lạnh lẽo, một bóng xám lắc lư trên sàn nhà, vẩy vẩy bàn tay một cách lo lắng. Phía dưới chiếc khăn vuông đã xoắn, vài mớ tóc nhạt màu từ trên đầu nhỏ xuống cổ và vai. Chiếc khăn mỗi lúc tụt khỏi đầu. Bà già đưa tay trái lên sửa vội chiếc khăn, miệng lầm bầm:

- Ma quỷ xé xác mày ra!

Bà run rẩy đập vào trán, vào bụng và hai vai rồi kêu rít lên:

- Xin Chúa hãy vì con mà trừng phạt đứa con dâu. Chúa hãy trút cho nó tất cả mọi nỗi bức tức của con! Xin Chúa hãy mở mắt cho đứa con trai của con, cho đứa con dâu và cho cả thằng Victoruska⁽¹⁾ nữa! Lạy Chúa, Chúa hãy giúp đỡ thằng Victoruska, ban phước lành cho nó...

Victoruska đang nằm ngủ trên gác lửng cạnh lò sưởi ở ngay trong bếp. Bị đánh thức bởi tiếng rên rỉ của mẹ, cậu ta quát lên bằng giọng ngái ngủ:

- Mới bánh mắt ra, mẹ đã lại bù lu bù loa lên rồi! Thật là khốn khổ!

- Thôi được, thôi được, ngủ đi, - bà già thì thào về hối lỗi. Bà im lặng lắc lư một hai phút rồi bỗng lại kêu lên, giọng đầy thù hận: - Làm sao cho chúng đau nhức khắp trong xương, không nhà không cửa, lạy Chúa...

(1) Tức Victo.

Ngay đến ông tôi cũng không cầu nguyện một cách kinh khủng đến thế.

Cầu nguyện xong, bà đánh thức tôi dậy:

- Dậy đi thôi. Nuôi mày có phải là để nằm ườn ra đấy đâu!... Đi đặt ấm xamôva lên, mang củi vào. Hôm qua không chẻ đóm rồi phải không? Hừ!

Tôi cố gắng làm thật nhanh mọi công việc để khỏi phải nghe những tiếng léo nhéo của bà già; nhưng không thể nào làm vừa ý bà được. Bà lỏng lên trong bếp như một cơn bão tuyết mùa đông, vừa gầm rống vừa kêu rít lên:

- Khê chứ, thằng quỷ sứ! Mày mà làm cậu Victoruska thức dậy thì tao sẽ cho mày một trận! Chạy ra hiệu...

Ngày thường, họ mua cho mẹ chủ hai funt bánh mì trắng và hai kôpếch bánh mì loại rẻ tiền để dùng cho bữa uống trà sáng. Khi tôi mang bánh mì về, hai người đàn bà ngắm nghía miếng bánh với vẻ nghi ngờ, cầm trên lòng bàn tay cân nhắc thử rồi hỏi:

- Còn có mẩu thêm nào nữa không? Không có à? Há mồm ra xem nào! - rồi họ đắc thắng kêu lên - Nó chén mất miếng thêm ấy rồi. Thấy chưa, còn dính một chút ở răng kia kia!

...Tôi làm việc một cách tự nguyện. Tôi thích làm cho nhà cửa sạch sẽ, tôi lau sàn, đánh đồng hồ, lau ống thông hơi và các nắm đấm cửa. Đã nhiều lần tôi

nghe thấy bọn đàn bà nói về tôi trong những giờ phút họ hoà thuận với nhau.

- Thằng bé chịu khó đấy chứ.
- Nó ưa sạch sẽ.
- Chỉ phải cái xấu lão quá.
- Thì có ai giáo dục nó đâu, hờ mẹ!

Và cả hai đều cố giáo dục tôi kính trọng họ, nhưng tôi cho rằng họ là những kẻ điên dở nên không thích, không nghe lời hay và ăn miếng trả miếng với họ. Mẹ chủ có lẽ nhận thấy nhiều câu nói của mình không có tác dụng gì đối với tôi nên hay nói:

- Mày phải nhớ rằng mày là con một gia đình hèn kém! Tao đã cho mẹ mày một chiếc áo dài lụa ngắn tay. Có dính hạt cườm nữa.

Một hôm, tôi đáp lại:

- Có lẽ vì chiếc áo đó mà cháu phải lột da ra để trả nợ chắc?

- Cha mẹ ơi, thằng này có thể đốt nhà được đấy!
- Mẹ chủ sợ hãi kêu lên.

Tôi vô cùng ngạc nhiên: tại sao phải đốt nhà!

Cả hai người đàn bà luôn luôn than phiền về tôi với cậu chủ. Cậu nghiêm khắc bảo tôi:

- Này anh bạn, liệu hồn đấy!

Nhưng có lần, cậu thờ ơ bảo vợ và mẹ:

- Còn các người thì cũng tốt lắm đấy! Các người

làm tình làm tội thằng bé, như cười một con ngựa thiện ấy. Giá như đứa khác thì nó chuồn từ lâu rồi, hay cũng chết rấp vì bấy nhiêu công việc...

Những lời đó làm cho hai mẹ tức đến phát khóc lên được. Vợ cậu giậm chân, vừa la hét như điên:

- Có thể nào lại nói như vậy trước mặt thằng bé được, hờ đồ ngốc tóc dài kia? Nói như thế thì tôi còn ra cái quái gì đối với nó nữa? Tôi đang bụng mang dạ chửa...

Bà mẹ thì gào lên, nước mắt ròng ròng:

Vaxili, lạy Chúa tha tội cho mày. Nhớ lấy lời mẹ nói: mày sẽ làm hỏng mất thằng bé thôi!

Khi họ giận dữ bỏ đi cả rồi, cậu chủ nghiêm khắc bảo tôi:

- Thấy chưa, thằng quý con? Vì mày mà ầm lên như thế đấy! Tao mà đưa mày về với ông mày thì lại nhất giẻ rách sớm!

Không chịu được tủi nhục, tôi nói:

- Thà nhất giẻ cũng còn sướng hơn ở với cậu. Nhận cháu làm học trò, mà dạy được những gì nào? Đi đổ nước rác...

Cậu chủ tóm lấy tóc tôi, nhưng khẽ thôi, khiến tôi không cảm thấy đau, rồi nhìn vào mắt tôi mà nói, vẻ kinh ngạc:

- Thì ra ông bạn cũng bướng bỉnh thật! Người anh em ạ, điều đó không hợp với tao đâu, khô.ô...ông...

Tôi tưởng người ta sẽ đuổi tôi. Nhưng sau đó một hôm, cậu chủ xuống bếp, tay cầm một cuộn giấy dày cùng với bút chì, thước vuông góc và thước kẻ.

- Mài dao xong thì vẽ cái này!

Trên tờ giấy có vẽ hình mặt trước của một ngôi nhà hai tầng với rất nhiều cửa sổ và những hình trang trí đắp nổi.

- Compa của mày đây! Mày hãy đo một đường vẽ, đánh dấu điểm cuối của các đường lên mặt giấy bằng những dấu chấm. Sau đó lấy thước và bút chì gạch nối chấm này với chấm kia. Đầu tiên đặt ngang - kẻ những đường ngang, sau đặt dọc - kẻ những đường thẳng đứng. Cứ thế mà làm!

Tôi rất vui mừng với công việc sạch sẽ và bước đầu của việc học tập này. Nhưng tôi nhìn tờ giấy và những dụng cụ với một vẻ hết sức kinh sợ và không hiểu gì cả.

Tuy nhiên tôi lập tức rửa tay rồi ngồi học. Tôi kẻ tất cả những đường ngang trên tờ giấy và soát lại - tốt lắm! Nhưng thừa mất ba đường. Tôi kẻ tất cả đường thẳng đứng và ngạc nhiên thấy mặt nhà bị sai lệch một cách lộ bịch: cửa sổ rời sang chỗ tường giữa hai cửa, có một chiếc cửa sổ chạy ra khỏi tường và treo lửng lơ trong không khí bên cạnh ngôi nhà. Thêm chính diện thì cũng lửng lơ trong không khí và nằm chót vót ở tầng thứ hai. Đầu hồi thì lọt ngay vào giữa mái. Cửa sổ tò vò thì nằm trên ống khói.

Tôi suýt phát khóc lên mà nhìn rất lâu vào những hình thù kỳ dị không thể nào sửa chữa lại được ấy, cố tìm hiểu xem tại sao chúng lại thành ra như thế này, nhưng không sao hiểu được. Tôi bèn quy định sửa chữa lại việc đó bằng trí tưởng tượng. Tôi vẽ la liệt những quạ, bồ câu, chim sẻ ở mặt chính diện ngôi nhà, trên các đầu hồi và trên nóc nhà. Còn trên mặt đất phía trước cửa sổ thì tôi vẽ những người chân cong queo cầm ô, nhưng ô không che hết được hình thù xấu xí của họ. Sau đó tôi gạch những đường chéo đề lên tất cả những hình ảnh ấy và mang tác phẩm của mình nộp thầy giáo.

Cậu tôi rướn cao lông mày lên, vò tóc và cau có hỏi:

- Cái gì thế này?

- Trời mưa, - tôi cất nghĩa - Khi mưa nhà nào hình như cũng xiên xẹo, vì chính mưa cũng luôn luôn xiên mà lại! Còn tất cả đều là chim hết, chúng nó nấp ở đầu hồi. Khi trời mưa thì bao giờ cũng như vậy mà! Và đây là những người đang chạy về nhà. Đây là một bà quý phái bị ngã. Còn đây là người bán chanh rong...

- Cảm ơn lắm lắm - cậu chủ nói và cúi gập mình xuống mặt bàn để tóc quét cả lên giấy; cậu vừa cười phá lên, vừa kêu: - Hừ, con chim sẻ ngang ngạnh này, phải cho mày một trận tơi bời mới được!

Mợ chủ tới, dung đưa chiếc bụng như chiếc thùng con, nhìn công trình của tôi rồi bảo chồng:

- Anh phải dẫn cho nó một trận!

Nhưng cậu chủ ôn tồn nói:

- Không sao. Chính anh bắt đầu cũng không hơn gì nó...

Sau khi lấy bút chì đỏ đánh dấu những chỗ hư hỏng ở mặt chính diện ngôi nhà, cậu đưa thêm giấy cho tôi.

- Làm lại một lần nữa! Cứ vẽ cái này cho đến khi nào được thì thôi...

Bức hoạ thứ hai của tôi khá hơn, chỉ có một cửa sổ nằm đè lên cửa ra vào ở bậc tam cấp. Nhưng tôi không thích cảnh nhà cửa vắng vẻ, nên cho đủ các khách trọ các nơi đến ở: những bà quý phái tay cầm quạt ngồi ở các cửa sổ, những tình nhân của họ đang ngồi hút thuốc lá, một người trong bọn họ không hút thuốc thì trêu chọc mọi người; trước bậc tam cấp có một người đánh xe ngựa đang đứng và một con chó đang nằm.

- Sao mày lại bôi bẩn ra như thế này? - cậu chủ giận dữ hỏi.

Tôi giải thích cho cậu rằng không có người thì rất buồn, nhưng cậu liền chửi ầm lên.

- Hồng hét cả rồi! Nếu mày muốn học hỏi thì phải học cho tử tế. Còn cái này chỉ là trò tinh nghịch mà thôi...

Cuối cùng, khi tôi sao lại được hình mặt chính diện ngôi nhà giống như bản chính, cậu rất vui lòng.

- Cháu thấy chưa, cháu cũng biết đấy chứ! Cứ như thế này thì chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ làm được nhiều việc đấy!

Và trao nhiệm vụ cho tôi:

- Cháu hãy vẽ bản đồ một căn nhà: các phòng ở chỗ nào, cửa ra vào và cửa sổ ở đâu, đồ đạc đặt ở đâu... Cậu sẽ không chỉ dẫn gì cả, cháu cứ tự xoay xở lấy!

Tôi đi xuống bếp và suy nghĩ - bắt đầu vẽ gì bây giờ?

Nhưng đến đây thì việc học nghệ thuật vẽ đồ án của tôi cũng đồng thời chấm dứt.

Một hôm bà mẹ cậu chủ đến gần tôi và hỏi với giọng chẳng lấy gì làm tốt đẹp:

- Mà muốn vẽ à?

Rồi túm tóc tôi, bà đập đầu tôi xuống bàn khiến tôi bị dập cả mũi lẫn môi, rồi bà vừa nhảy chồm chồm, vừa xé tan tờ giấy vẽ, vứt các dụng cụ ra sàn, rồi chống nạnh hai tay vào hông, bà la lên vẻ đắc thắng:

- Đấy, vẽ đi! Không, Không thể thế được! Ai lại để cho một đứa xa lạ tận đâu đến làm việc, còn đứa em độc nhất, ruột thịt của mình thì đuổi đi bao giờ?

Cậu chủ chạy đến, rồi vợ cậu cũng lạch bạch mò đến và bắt đầu một cuộc cãi lộn kinh khủng: cả ba người lẫn xả vào nhau, nhổ nước bọt vào mặt nhau, gào rống lên. Cuối cùng khi hai người đàn bà khóc lóc bỏ đi, cậu chủ bảo tôi:

- Tạm thời cháu hãy gác mọi công việc lại đã, đừng học nữa. Đây, cháu cũng thấy sự thể như vậy đấy!

Tôi thấy thương hại thay cho cậu, một kẻ bị giày vò, bất lực và suốt đời bị điếc tai vì những tiếng kêu la của hai mẹ đàn bà.

Trước đây tôi cũng biết rằng bà già không muốn cho tôi học, cố tình cản trở tôi trong việc đó. Trước khi ngồi vào bàn vẽ, bao giờ tôi cũng hỏi bà:

- Có việc gì làm không ạ?

Bà cau có trả lời:

- Khi nào có, tao khắc bảo. Cứ việc ngồi ở bàn mà nghịch ngợm đi...

Nhưng một lát sau bà lại sai tôi đi đâu đó, hoặc là nói:

Cầu thang chính mày quét đấy à? Rác, bụi còn đây ở các góc! Đi quét lại đi...

Tôi đến xem, chẳng thấy tí bụi nào.

- Mày lại cãi tao à? - bà la lên.

Một lần bà lấy nước cơ-vát⁽¹⁾ đổ lên các bản vẽ của tôi. Một lần khác, bà làm đổ ngọn đèn dầu thấp trước tượng thánh lên. Bà ta tinh quái như một con ranh con có tính ranh vặt và thói giấu đầu hở đuôi của trẻ con mỗi khi định giấu diếm những trò tinh nghịch của chúng. Tôi chưa từng thấy và sau này

(1) Nước men chua làm từ bánh mì, hoa quả.

cũng không bao giờ thấy lại một người nổi nóng dễ dàng và nhanh chóng đồng thời thích than vãn về mọi người và mọi việc một cách say sưa như bà ta. Người ta, nói chung, ai cũng thích than vãn nhưng bà ta làm việc này với một vẻ thích thú đặc biệt tựa như bà ta ngâm thơ vậy.

Tình yêu của bà ta đối với con trai thật là mù quáng. Sức mạnh của tình yêu đó, mà tôi không thể nào gọi khác hơn được là sức mạnh cuồng bạo, đã làm tôi vừa buồn cười, vừa sợ hãi. Thỉnh thoảng, sau khi cầu nguyện buổi sáng, bà lại trèo lên bậc lò sưởi, chống khuỷu tay vào miếng ván ngoài cùng của gác lửng và sôi nổi rít lên:

- Dứa con, trời tình cờ của mẹ, giọt máu nóng, trong sạch, quý báu của mẹ, chiếc lông thiên thần nhẹ nhàng của mẹ! Con ngủ đi, ngủ đi, con của mẹ! Cầu cho hồn con tràn ngập một giấc mơ vui vẻ! Cầu cho con mơ thấy một người vợ chưa cưới, một người con gái đẹp nhất trần đời, một nàng công chúa, một cô gái giàu có, con của một đại thương nhân! Cầu cho những kẻ thù của con chưa đẻ đã chết tiệt. Còn bạn bè của con thì sống đến trăm tuổi. Cầu cho con gái chạy theo con hàng đàn như vịt cái theo vịt đực!

Tôi buồn cười không thể chịu được: cậu Victo thì thô lỗ và lười nhác giống như con chim gõ kiến - cũng sắc sảo và mũi cũng dài như vậy, cũng ương bướng và đần độn như vậy.

Đôi khi tiếng rì rầm của bà mẹ làm cho Victo tỉnh giấc, cậu ngái ngủ càu nhàu:

- Mẹ cút ra chỗ khác đi, sao lại cứ thổi phì phì vào mặt tôi như thế này!... Không tài nào sống nổi nữa!

Có lúc bà ngoan ngoãn tụt khỏi bậc lò và cười nhạt:

- Thôi được, mày cứ ngủ đi, ngủ đi... đồ thô lỗ!

Nhưng cũng có khi chân bà khuyu xuống, vấp vào mép lò sưởi; bà há mồm ra, thở hồng hộc như bị bỏng lưỡi và réo lên những lời lẽ cay nghiệt:

- Thế đấy ư? Mày đuổi mẹ mày cút đi à, hử thằng khốn nạn kia? Chao ôi, cái đồ nhục nhã kia, cái dằm đáng nguyên rửa kia! Quý sứ đã bắt mày đầu thai vào người tao, sao mày không chết rửa ra từ lúc chưa đẻ?

Bà ta thốt ra những lời thật bẩn thỉu, những lời của dân say rượu ngoài đường phố. Nghe bà ta nói mà rợn cả người.

Bà ta ngủ ít, hay trở mình. Trong một đêm có khi bà ta nhồm dậy khỏi lò sưởi đến mấy lần, vấp ngã vào chiếc đi-văng của tôi và làm tôi thức dậy.

- Gì thế bà?

- Im đi, - bà ta thì thào, vừa làm dấu, vừa chăm chú nhìn vật gì trong bóng tối - Lạy Chúa... Lạy Thánh Ilya... đức thánh Vavara tử vì đạo... xin Người hãy bảo vệ cho khỏi những cái chết bất ngờ...

Bà ta đốt nến với bàn tay run rẩy. Khuôn mặt tròn với chiếc mũi to của bà ta căng phồng lên. Cặp mắt xám nhấp nháy một cách lo lắng, chăm chú nhìn những vật xung quanh đã bị bóng tối làm thay hình đổi dạng. Căn nhà bếp vốn to, nhưng bị những tủ và hòm choán lấp, ban đêm trông nó như bé hẳn lại. Ánh trăng lặng lẽ chiếu vào bếp, ngọn lửa nhỏ của chiếc đèn dầu thấp suốt ngày đêm như băng nhũ, trên các ngăn tủ những chiếc chảo đen sì trông như những bộ mặt không mắt của người nào đó.

Bà già rón rén tụt khỏi lò sưởi như người tụt từ trên bờ sông xuống nước. Rồi cứ nguyên chân đất, bà đi lại góc nhà, chỗ có treo, phía trên chậu nước rác, một cái chậu rửa tay có quai sách trông như một cái đầu lâu. Ở chỗ này còn có để một thùng nước lã.

Bà ta vừa uống nước, vừa sặc vừa thở. Sau đó bà ta nhìn ra cửa sổ qua những hình màu xanh nhạt của những hạt băng đọng trên kính nom như những đường thêu.

- Xin Chúa hãy tha thứ cho con, lạy Chúa, tha thứ cho con - bà ta thầm thì cầu xin.

Đôi lúc, sau khi nến tắt rồi, bà ta quỳ xuống và rít lên:

- Lạy Chúa, có ai yêu con, có ai cần đến con đâu?

Rồi bà leo lên lò sưởi và sau khi làm dấu thánh giá vào cửa lò, bà ta sờ xem các chốt lò đã cài chặt chưa. Tay bị quệt bẩn vào bồ hóng, bà ta chửi vung

lên và chột ngủ thiếp đi ngay lúc nào không biết, tựa như bị một sức mạnh vô hình nào đó quật chết. Khi nào tôi bị bà ta làm tủi nhục, tôi thường nghĩ: “Tiếc rằng ông ngoại tôi không lấy bà làm vợ. Bà ta sẽ trị được ông! Và ông cũng sẽ trị bà ta đến nơi đến chốn”. Bà ta luôn luôn làm tôi bực mình; nhưng cũng có những ngày bộ mặt húp híp nhũn như bông của bà ta trở nên rầu rĩ; mắt đầy lệ, bà ta nói một cách rất tâm đắc:

- Mày tưởng tao nhẹ nhõm lắm à? Để con ra, chăm bẵm nuôi nấng, dạy thành người - nhưng để làm gì? Đấy, bây giờ tao sống như con mụ bếp của chúng nó; có sung sướng gì đâu? Con trai mang một đứa đàn bà lạ mặt đến và coi vợ hơn cả máu mủ của mình, mày thử nghĩ xem có được không? Hở?

- Không được, - tôi thành thật nói.

- Đấy! Thế đấy...

Và bà bắt đầu kể một cách trắng trợn về con dâu:

- Tao đã cùng tắm với nó, tao thấy hết. Có cái gì mà nó say mê con ấy mới được chứ? Những của ấy mà gọi là đẹp à?...

Bà ta luôn luôn nói về quan hệ giữa đàn ông và đàn bà một cách bần thiêu lạ lùng. Thoạt đầu những lời nói của bà ta làm cho tôi ghê tởm, nhưng chẳng bao lâu tôi đã quen nghe một cách chăm chú và rất

hứng thú. Tôi cảm thấy có một phần sự thật trong những lời nói của bà.

- Đàn bà là sức mạnh. Nó đã lừa dối đến cả Chúa nữa, ghê gớm như vậy đấy! - Bà ta nói giọng đều đều, tay khẽ vỗ vỗ trên bàn - Vì Eva mà cả loài người phải xuống địa ngục đấy, thấy chưa?

Về sức mạnh của đàn bà, bà ta có thể nói hàng tràng giang đại hải. Tôi luôn có cảm giác rằng bà ta dùng những câu chuyện đó để dọa ai. Tôi nhớ nhất là chuyện "Eva lừa dối Chúa".

Ở khu nhà chúng tôi có một chái nhà nhìn ra sân, cũng to như một ngôi nhà. Trong số tám căn của hai toà nhà thì các sĩ quan ở bốn, căn thứ năm có lính mục của trung đoàn ở. Cả khu nhà đầy những lính cần vụ và loong toong. Các thợ giặt, con sen, thợ bếp thường lui tới với bọn này. Trong mọi nhà bếp đều thường xuyên diễn ra những thiên tình sử và những tấn bi kịch kèm theo nước mắt và những lời chửi rủa, những vụ ẩu đả. Lính tráng lúc thì đánh lẫn nhau, lúc thì đánh thợ đấu, hoặc thợ mướn của nhà chủ. Họ đánh cả bọn đàn bà. Cả khu nhà thường xuyên sục sôi một không khí mà người ta thường gọi là dâm dăng, truy lạc - đó là sự đói khát đầy thú tính, không kìm chế nổi của đám trai trẻ khỏe mạnh. Cuộc sống đó ứ thừa những tính dâm dục tàn nhẫn, sự bạo dâm vô nghĩa, lý sự khoe khoang đầy bản thủ của những kẻ chiến thắng. Cuộc sống đó được

nhà chủ của tôi mang ra bàn tán trong các bữa ăn trưa, uống trà chiều và bữa ăn tối một cách tỉ mỉ và trắng trợn. Bà già thường biết hết mọi chuyện trong khu nhà và kể một cách say sưa, thích thú trên những đau khổ của kẻ khác.

Mợ chủ ngồi nghe những câu chuyện đó, lặng thinh mỉm cười bằng cặp môi căng mọng. Victo cười ha hả, còn cậu chủ thì nhăn mặt nói:

- Thôi đủ rồi, mẹ ạ!...

Lạy Chúa, đến cả nói chuyện tao cũng không được nói hay sao! - bà ta than vãn.

Victo khuyến khích bà ta:

- Kể đi, mẹ, có gì mà phải e ngại! Người nhà cả...

Người con cả đối với mẹ có một thái độ thương hại lẫn khinh miệt, cậu tránh đối diện một mình với mẹ. Nếu có xảy ra trường hợp ấy thì bà mẹ thường phun ra những lời than vãn với cậu về nàng dâu và cuối cùng thế nào cũng xin tiền. Cậu vội vàng nhét vào tay mẹ vài ba rúp, hoặc một vài đồng hào bạc.

- Mẹ ạ, mẹ lấy tiền thật là vô ích, con không tiếc tiền đâu, nhưng... thật là vô ích!

- Mẹ dùng để bố thí cho ăn mày, mua nến, đi nhà thờ...

- Ăn mày ăn miếng gì! Mẹ đến làm hỏng thằng Victo mất thôi.

- Con chẳng thương em chút nào, tội lớn đấy con ạ!

Cậu khoát tay, bỏ đi.

Victo thì lúc nào cũng thô bỉ, giễu cợt đối với mẹ. Cậu rất háu ăn và luôn luôn đói. Chủ nhật, bà mẹ thường rán bánh bột và hay giấu vài cái vào chiếc chậu rồi để xuống dưới gầm đi-văng của tôi. Dự lễ sáng về, cậu Victo lôi chiếc chậu ra và cầu nhàu:

- Không thể để phần nhiều hơn nữa ư, hờ mụ quân gia?

- Tọng nhanh lên, kéo chúng nó thấy bây giờ...

- Con sẽ kể lại chuyện mẹ đã ăn cắp bánh bột cho con như thế nào, thật là cứng họng nhé!⁽¹⁾

Có một lần tôi lôi chiếc chậu ra, ăn mất hai chiếc bánh bột và bị Victo đánh cho một trận. Cậu không ưa tôi cũng như tôi không ưa cậu. Cậu làm tình làm tội tôi, bắt tôi ngày ba lần đánh giầy cho cậu. Khi nằm ngủ trên gác lửng, cậu còn dịch những tấm ván ra và nhổ nước bọt qua kẽ hở, cố làm sao cho rơi trúng đầu tôi.

Hắn là muốn bắt chước người anh luôn luôn nói câu “đồ quý”, cậu Victo cũng hay dùng “chữ”, nhưng tất cả những câu cậu nói thật là lỗ bịch và vô nghĩa lý một cách kỳ lạ.

- Mẹ ơi, “đằng sau... quay bên phải!” - đôi tất của con đâu rồi?

Cậu truy tôi bằng những câu hỏi ngu xuẩn:

(1) Nguyên văn: dĩa xiên vào gáy.

- Aliôska⁽¹⁾, mày thử trả lời xem tại sao lại viết là “màu xanh” mà lại nói là “mầu xanh”? Tại sao người ta nói “cái chuông” mà không nói “cái boong”? Tại sao nói “đến cái cây”, mà không nói “đến con cây”

Tôi không thích nghe bọn họ nói như vậy. Được giáo dục bằng thứ ngôn ngữ bóng bẩy của ông bà ngoại tôi, thoát đầu ở đây tôi không hiểu được những tiếng không thể ghép với nhau được như: “buồn cười kinh khủng”, “muốn ăn đến chết được” “vui khiếp”. Tôi có cảm tưởng rằng cái mà đã buồn cười thì không thể nào lại kinh khủng, đã vui thì không khiếp mà mọi người đều ăn uống cho đến tận khi chết cơ mà.

Tôi hỏi họ:

- Chẳng lẽ lại có thể nói như vậy được sao?

Họ chửi tôi:

- Ra cái điều ông giáo lắm! Thử ngắt hai tai mày xem thử...

Nhưng chữ “ngắt tai” đối với tôi cũng lại sai nốt: người ta chỉ có thể ngắt cỏ, ngắt hoa, ngắt quả hồ đào...

Họ cố gắng chứng minh cho tôi rằng tai cũng có thể ngắt được, nhưng điều đó không thể thuyết phục được tôi. Tôi nói với vẻ đắc thắng:

- Dầu sao thì tai cũng không thể dứt rời ra được!

(1) Tức Alêcxây.

Xung quanh tôi toàn là những trò đùa giả tàn nhẫn, những cảnh trơ trẽn bẩn thỉu, chúng nhiều vô kể, nhiều hơn ở những phố của Kunavinô, nơi có nhiều “nhà thổ” và “gái điếm”. Tại Kunavinô, ở phía sau những trò bẩn thỉu và đùa giả ấy, người ta còn cảm thấy có một cái gì có thể giải thích cho cái tính tất yếu của những trò bẩn thỉu và đùa giả kia: đời sống khó khăn, đói khát, công việc nặng nề. Còn ở đây người ta sống no đủ, dễ dàng. Công việc được thay bằng những cảnh hỗn độn, chạy ngược xuôi thật là khó hiểu và không cần thiết. Và tất cả mọi thứ ở đây đều chứa đựng một vẻ chán ngắt hết sức bức bối.

Tôi sống rất khổ, nhưng tôi còn khổ tâm hơn khi bà ngoại đến thăm tôi. Bà đi từ cửa sau vào bếp, làm dấu trước tượng thánh, rồi cúi mình chào em gái. Cái chào đó như một gánh nặng hàng tấn⁽¹⁾ đè lên tôi làm nghẹt thở.

- À, chị Akulina đấy à! - bà chủ của tôi tiếp bà tôi với vẻ lạnh nhạt và khinh bạc.

Tôi không nhận ra bà tôi nữa: môi bà mím lại một cách khiêm tốn, bộ mặt bà thay đổi trông như xa lạ hẳn, bà sẽ sàng ngồi xuống chiếc ghế dài gần cửa ra vào, ngay bên chậu nước rác và lặng yên như kẻ có lỗi. Bà ngoan ngoãn và nhỏ nhẹ trả lời những câu hỏi của em gái.

(1) Nguyên văn: nhiều pút.

Điều đó làm tôi thấy đau đớn. Tôi tức giận nói:

- Sao bà lại ngồi ở đây?

Âu yếm nháy tôi, bà tôi đáp lại, vẻ quở trách:

- Cháu im đi, cháu không phải là chủ ở đây!

- Nó luôn luôn xen vào việc của người khác, dù có đánh, có chửi nó cũng vậy - bà chủ bắt đầu than vãn.

Bà ta thường hỏi bà tôi về ác ý:

- Thế nào, Akulina, chị vẫn sống như ăn mày vậy à?

- Rõ thật khốn khổ...

- Ai cũng thế, nếu không biết xấu hổ thì cũng chẳng khổ đâu.

- Người ta nói rằng Chúa Kirixitô cũng đã sống bằng của bố thí...

- Cái mục già ngốc này, chị lại đi nghe bọn ngu độn, bọn vô đạo nó nói thế à? Chúa Kirixitô không phải là kẻ ăn xin mà là con Đức Chúa Trời. Người ta nói rằng Chúa sẽ đến giữa muôn hào quang xét xử những người đang sống và đã chết - cả người chết nữa, chị hãy nhớ lấy điều đó! Không thể nào trốn nổi Chúa đâu, bà chị ạ, dù là thành tro bụi cũng không thoát... Chúa đã trả thù chị với anh Vaxili vì tính kiêu ngạo của các người, và trả thù cho tôi nữa, vì đã có lần tôi đến cầu xin anh chị lúc anh chị giàu có...

- Tôi cũng đã giúp đỡ di trong mức độ có thể được - bà tôi thờ ơ nói - Mà di cũng biết Chúa đã trừng phạt chúng tôi...

- Còn ít lắm, còn ít...

Bà dì còn đay nghiến, xói móc bà tôi rất lâu. Tôi nghe những tiếng rít độc ác của bà ta mà buồn bã thắc mắc: sao bà tôi lại có thể chịu đựng được điều đó? Và tôi thấy không ưa bà tôi trong những giờ phút này.

Mợ chủ từ trong phòng đi ra, thân thiện gật đầu chào bà tôi.

- Mời bác vào phòng ăn; không sao, cứ vào thôi!

Bà dì còn kêu thêm bà tôi:

- Chùi chân đi, bà nhà quê nhá!

Cậu chủ vui vẻ đón chào bà tôi:

- A, bác Akulina đây à? Bác có khoẻ không? Cụ Kasirin nhà ta còn sống chứ?

Bà tôi mỉm cười với cậu bằng một nụ cười biểu lộ tất cả tâm hồn của bà.

- Cháu vẫn phải làm việc còm cộm suốt ngày đấy à?

- Vâng. Cháu vẫn phải làm việc suốt ngày y như một tên khổ sai!

Bà tôi âu yếm và thân mật nói chuyện với cậu, nhưng với thái độ của người trên. Đôi khi cậu lại nhắc đến mẹ tôi:

- Kiếm đâu ra được một người đàn bà khoẻ như chị Vacvara Vaxiliepnà nữa?

Vợ cậu quay lại phía bà tôi và nói xen vào:

- Bà còn nhớ cháu tặng chị ấy chiếc áo dài lụa đen có đính hạt cườm chứ?

- Nhớ...

- Chiếc áo ấy còn tốt lắm...

- Ủ hừ..., cậu chủ lắm bả - áo với hạt, đời là lường gạt.

- Anh nói cái gì đấy? - người vợ nghi ngờ hỏi chồng.

- Anh ấy à? Có gì đâu... Những ngày tươi đẹp trôi qua, những con người tốt đẹp cũng không còn nữa...

- Em không hiểu anh nói điều đó để làm gì? - mẹ chủ bản khoăn nói.

Sau đó họ dẫn bà tôi đến thăm đứa bé mới đẻ. Tôi dọn ấm chén bản trên bàn. Cậu chủ khế nói với tôi, về trầm ngâm:

- Bà mày là một bà cụ rất tốt...

Tôi vô cùng biết ơn cậu vì những lời đó. Khi còn riêng hai bà cháu với nhau, tôi xót xa hỏi bà tôi:

- Sao bà lại đến đây làm gì? Đến để làm gì cơ chứ? Bà còn không biết bọn họ như vậy hay sao...

- Chao ôi, Aliôsa⁽¹⁾, bà biết hết cả, cháu ạ! - bà tôi trả lời và nhìn tôi với nụ cười hiền hậu trên khuôn mặt kỳ diệu. Tôi cảm thấy hổ thẹn: phải rồi, tất nhiên

(1) Tức Alêxây.

là bà thấy tất cả, biết tất cả mọi việc, biết tất cả đến những điều tôi đang suy nghĩ trong đầu óc lúc này.

Cẩn thận nhìn quanh xem có ai đến không, bà ôm lấy tôi và thân mật nói:

- Nếu cháu không ở đây thì bà cũng chẳng đến đâu, bà có cần gì đến họ? Hơn nữa, ông lại ốm, bà phải chăm sóc ông nên không làm được việc gì, tiền thì không có... Cậu Mikhain thì đuổi thẳng Xasa đi, cũng phải nuôi nấng nó chứ. Ở đây họ hứa sẽ trả cho cháu sáu rúp một năm, thế là bà mới nghĩ bụng: may ra họ có thể đưa cho mình được một rúp chẳng? Cháu ở đây đã gần nửa năm rồi còn gì nữa... - và bà ghé vào tai tôi thì thầm: - Họ bảo bà phải quở mắng, phải chửi cho cháu một trận, họ nói rằng cháu chẳng chịu nghe ai cả. Cháu yêu của bà ạ, cháu cứ sống ở đây với họ, chịu đựng độ hai năm nữa, chờ đến khi cứng cáp đã. Cháu cố chịu đựng chứ?

Tôi hứa sẽ chịu đựng. Điều đó thật là rất khó khăn. Cuộc sống cơ cực, tẻ ngắt, chạy ngược chạy xuôi chỉ vì miếng ăn này đè nặng lên người tôi, khiến tôi có cảm giác như sống trong một cơn mộng vậy.

Đôi lúc tôi nghĩ bụng: “Phải trốn đi nơi khác!” Nhưng mùa đông đáng nguyên rủa đã đến. Đêm đêm bão tuyết rít lên, gió rú trên gác thượng, những kèo nhà bị giá lạnh làm co lại, kêu răng rắc. Còn biết chạy trốn đi đâu bây giờ?...

*

* *

Người ta không cho tôi đi chơi, nhưng cũng chẳng có thì giờ mà đi chơi nữa: ngày đông ngắn ngủi tiêu tan đi một cách nhanh chóng không ngờ vì những công việc bận rộn trong nhà.

Nhưng tôi còn phải đi nhà thờ nữa: thứ bảy đi chầu, và ngày hội đi dự lễ cuối.

Tôi thích có mặt ở nhà thờ. Đứng trong một góc nào đó rộng hơn và tối hơn các chỗ khác, tôi thích nhìn từ xa lại phía bức tường có hình các thánh. Dưới các ngọn lửa nến, bức tường như bị chảy ra, tuôn thành từng dòng suối vàng óng đặc chảy xuống nền đá màu xám của giảng đài trên giáo đường. Những hình tượng thánh màu xám nhẹ nhàng lay động. Những diềm mạ vàng của các vòm cửa thánh đường rung rinh một cách vui vẻ. Những ngọn lửa nến lừng lờ trong không khí xanh nhạt như những chú ong vàng, còn đầu những người đàn bà và các cô gái thì giống như những đoá hoa.

Mọi vật xung quanh như hoà nhịp với tiếng đồng ca. Tất cả như đang sống trong một thế giới thần tiên kỳ lạ. Nhà thờ chậm chạp đu đưa như một chiếc nôi, chao đi chao lại trong khoảng không đen tối dày đặc như nhựa.

Đôi lúc tôi có cảm giác như khu nhà thờ bị chìm sâu xuống đáy một cái hồ. Nó trốn khỏi mặt đất để

sống một cuộc đời lập dị, không giống một cuộc đời nào khác. Có lẽ cái cảm giác đó được gây nên do câu chuyện về thành phố Kitiêc mà bà tôi đã kể. Tôi thường mơ mơ màng màng lắc lư cùng với mọi vật xung quanh, chập chờn ngủ trong tiếng ru của bài hợp xướng, tiếng cầu nguyện rì rầm, tiếng thở dài của mọi người và lẩm nhẩm một mình câu chuyện buồn bã và êm ái:

*Quân Tácta binh hùng tướng dữ
Kéo nhau đi gươm giáo rợp đường
Tới vây thành Kitiêc vinh quang
Vào buổi sáng đang trong giờ lễ...*

*Ôi! Lạy Chúa! Vinh quang thay Đức Mẹ!
Xin chở che cho nô lệ của Người,
Cho chúng con được dự lễ ban mai,
Được nghe xong những lời Chúa dạy!
Xin hãy ngăn dừng cho quân giặc tới,
Bọn Tácta sẽ nhạo báng nhà thờ,
Con gái, đàn bà sẽ bị chúng làm nhơ,
Lũ trẻ con là trò đùa cho chúng,
Các cụ già chúng sẽ đem chôn sống!*

*Lời kêu van của đám dân hiền,
Lời cầu xin của những con chiên
Đã lọt tới Đức Chúa Xavaôp
Tới Đức Mẹ trên cao chót vót.*

*Chúa bèn truyền cho thánh Mikhailô:
- Hãy tới vùng Kitiêc của ta*

*Làm rung chuyển đất đai ở đó,
Cho thành phố chìm sâu dưới hồ nọ,
Để con chiêm được sống tự do,
Không nghỉ ngơi, không mỗi mết, buồn lo,
Sáng đến khuya chúng yên tâm cầu nguyện
Dưới đáy hồ đời đời vĩnh viễn!...*

Hồi đó, tâm hồn tôi chứa chất đầy thơ của bà tôi như một tổ ong đầy ắp mật. Hình như tôi nghĩ cũng bằng những vần thơ của bà tôi.

Tôi không cầu nguyện trong nhà thờ. Nhắc lại những lời cầu nguyện bức bối của ông tôi và những câu nảo nuốt trong Thánh thi trước mặt Chúa của bà tôi thật là một điều khó xử. Tôi tin chắc rằng Chúa của bà tôi cũng như tôi không thể thích những cái đó được. Hơn nữa, những câu cầu nguyện đó đều đã được in trong sách, có nghĩa là Chúa cũng như những người có học đã thuộc lòng chúng rồi.

Vì thế nên ở nhà thờ, vào những phút mà tim tôi thất lại bởi một môi buồn dịu dàng man mác, hoặc bị những điều tủi nhục nhỏ nhen trong ngày dày vò, cắn rứt, tôi cố sáng tác ra những lời cầu nguyện của mình. Tôi chỉ cần nghĩ đến cái số phận buồn tủi của mình là những chữ cứ tự nhiên sắp xếp thành những lời than thở một cách dễ dàng:

*Chúa ơi! Chúa ơi! Con buồn quá!
Làm sao mà chóng lớn được lên!
Cuộc sống này không chịu được nữa,*

*Dù con tự tử - Chúa đừng phiền!
Học hành chẳng được cái gì cả,
Bà Matriôna như quý dữ,
Như con chó sói cứ găm gù
Cuộc sống thế này - ôi khổ quá!*

Nhiều lời “cầu nguyện” của tôi cho đến ngày hôm nay tôi vẫn còn nhớ. Hoạt động trí não của tuổi thơ thường hằn thành những vết sâu trong tâm hồn, đôi khi không sao lành lại được.

Trong nhà thờ thật là dễ chịu. Ở đây tôi thấy thoải mái cũng như ở trong rừng hay ngoài đồng ruộng. Trái tim nhỏ bé của bà tôi, đã quen thuộc với nhiều điều tủi nhục và bị những điều cực cần độc đáo của cuộc đời làm hoen ố, được rửa sạch trong những nguồn ước mơ sôi nổi, không rõ rệt.

Nhưng tôi chỉ thấy nhà thờ trong những ngày thật giá lạnh hoặc vào khi bão tuyết lồng lộn điên cuồng ngoài phố, khi mà bầu trời như đông cứng lại và bị gió phá vụn thành từng đám mây tuyết, còn mặt đất thì rét cứng dưới những đồng tuyết lớn không bao giờ hồi sinh, tươi vui lại được.

Vào những đêm tĩnh mịch, tôi thường thích đi lang thang trong thành phố hơn cả. Từ phố này sang phố khác, tôi đi sâu vào những góc ngách thanh vắng nhất. Có lúc, tâm hồn như chấp cánh bay bổng, tôi đi một mình như vùng trắng giữa bầu trời, chiếc bóng của tôi bò đi trước, làm tắt ngấm những đốm

sáng óng ánh trên tuyết, và leo lên cột hay hàng rào một cách đến tức cười. Một người tuần đêm đi giữa đường, mình mặc một chiếc áo da nặng, tay cầm mõ. Bên cạnh lão, một con chó run rẩy chạy theo.

Con người kỳ dị đó trông giống như một cái ổ chó trốn khỏi sân và chạy rông trên đường phố với một con chó run rẩy lẻo đẻo theo sau.

Đôi khi gặp những cô tiểu thư và những chàng công tử nói cười vui vẻ, tôi nghĩ bụng họ cũng đã bỏ buổi cầu nguyện.

Thỉnh thoảng, qua các cửa con thông hơi trên những cửa sổ sáng ánh đèn, thoảng đến những mùi thơm dịu dịu, xa lạ, gợi lên một cuộc sống khác mà tôi chưa từng biết. Tôi đứng dưới cửa sổ hít hít, lắng nghe, và cố đoán xem cuộc sống ở đây như thế nào và những người sống trong nhà này là những ai? Đang giờ nguyện mà họ vẫn âm ỉ vui vẻ, cười đùa với nhau. Họ chơi một thứ đàn ghita đặc biệt, tiếng dây đồng hồ âm vang trào qua những cửa sổ thông hơi ra ngoài.

Tôi đặc biệt chú ý tới một ngôi nhà một tầng thấp nhỏ ở góc của hai khu phố vắng người, phố Tikhônôpxkaia và phố Mactumôpxkaia. Tôi phát hiện ra nó trong một đêm trăng vào tiết trời đông ấm áp, trước ngày hội giả trang. Một âm thanh kỳ lạ tuôn ra phố, cùng với hơi ấm, qua chiếc lỗ thông hơi vuông của cửa sổ tựa hồ như có một người nào đó rất khỏe và hiền hậu vừa hát, vừa che miệng; lời hát nghe

không rõ, nhưng tôi thấy bài hát quen thuộc và dễ hiểu một cách lạ thường, mặc dù có tiếng đàn ngắt quãng tiếng ca ra nghe rất bức. Tôi vừa ngồi lên trên một cái trụ cửa, vừa nghĩ bụng rằng người ta đang chơi một chiếc đàn vĩ cầm nào đó có một sức mạnh huyền diệu đến không thể chịu được, vì nghe tiếng vĩ cầm đó trong lòng tôi thấy gần như đau nhói. Đôi khi tiếng đàn vang lên mạnh quá khiến cả ngôi nhà tựa hồ rung chuyển, kính cửa ngán theo. Nước nhỏ giọt từ mái nhà xuống và mắt tôi cũng nhỏ lệ.

Một người tuần đêm đến sau tôi từ lúc nào không biết. Bác ta lôi tôi khỏi trụ cửa và hỏi:

- Mày quần quanh ở đây làm gì?
- Nghe âm nhạc, - tôi giải thích
- Không được! Cút ngay...

Tôi chạy rất nhanh vòng quanh cả khu phố rồi lại trở về dưới chiếc cửa sổ. Nhưng trong nhà đã ngừng tiếng đàn. Những tiếng ồn ào náo nhiệt tuôn mạnh qua lỗ thông hơi ra ngoài phố khác hẳn, khiến tôi tưởng như vừa được nghe nhạc ảo não trong mơ.

Hầu như thứ bảy nào tôi cũng chạy lại ngôi nhà đó. Nhưng chỉ có một lần vào mùa xuân, tôi mới lại được nghe tiếng đại vĩ cầm ở đó. Tiếng đàn liên tục vang lên đến tận nửa đêm; khi mò về nhà, tôi bị một trận đòn nên thân.

Những cuộc dạo chơi đêm dưới vòm sao mùa đông giữa những phố xá thanh vắng của thành phố, làm

cho tâm hồn tôi thêm phong phú. Tôi cố ý chọn những phố xa trung tâm hơn, vì đèn ở các phố trung tâm rất nhiều, những người quen của nhà chủ có thể trông thấy tôi và như thế thì chủ nhà sẽ biết là tôi trốn các buổi cầu nguyện đi chơi. Rồi những người say rượu, cảnh sát và gái điếm lại làm rầy tôi nữa. Ở các phố xa, tôi có thể nhìn qua được các cửa sổ tầng dưới, nếu chúng không bị băng đóng hay bị rèm che bên trong.

Những cửa sổ đó đã cho tôi xem nhiều bức tranh khác nhau. Tôi thấy người ta cầu nguyện, hôn nhau, đánh nhau, chơi bài, chuyện trò thì thảo và vớ vẩn lo âu. Trước mắt tôi diễn ra một cuộc sống câm lặng của loài cá, giống trong máy chiếu ảnh giá xem một kôpếch.

Trong một tầng hầm, tôi thấy hai người phụ nữ ngồi sau bàn, một cô còn trẻ, một cô lớn tuổi hơn. Ngồi đối diện họ là một học sinh trung học tóc dài, tay vung vẩy, đang đọc cho họ nghe một quyển truyện. Cô trẻ lắng nghe, lông mày nhíu lại một cách khó khổ, người ngả trên lưng ghế. Còn cô nhiều tuổi hơn, người thanh mảnh, tóc bông, bông dưng lấy bàn tay che mặt, hai vai rung lên. Cậu học sinh quăng quyển sách lên bàn và khi cô trẻ vùng dậy bỏ chạy thì cậu ta quỳ ngay xuống trước cô tóc bông và hôn tay cô ta.

Trong một cửa sổ khác tôi nhìn trộm thấy một người rậm râu đang bế một người đàn bà mặc áo cánh đỏ đặt lên đùi mình. Ông ta đứng đưa người

đàn bà ấy như ru một đứa bé và có lẽ đang hát thì phải, mồm há rộng, mắt long lanh. Người đàn bà lại cười rũ ra. Tôi nhì họ hồi lâu và bỏ đi sau khi biết rằng họ đã định vui đùa như thế suốt cả đêm.

Nhiều cảnh tượng tương tự còn đọng mãi trong tâm trí tôi. Nhiều khi, quá say sưa với chúng, tôi về nhà rất muộn khiến nhà chủ nghi ngờ và tra hỏi tôi:

- Mày đi nhà thờ nào? Cố đạo nào làm lễ?

Họ biết tất cả các cố đạo trong thành phố, họ biết rõ khi nào thì giảng đến phần nào trong Thánh kinh. Họ biết tất cả nên dễ lột trần được những câu nói dối của tôi.

Cả hai người đàn bà đều thờ vị ác Chúa của ông tôi, vị Chúa hay bắt người ta phải sợ hãi trước mình. Tên của vị Chúa ấy luôn luôn nằm trên miệng bọn đàn bà, thậm trí, khi cãi nhau họ cũng dọa nhau:

- Rồi mà xem! Chúa sẽ trừng trị mày. Chúa sẽ làm cho mày điêu đứng, con dê tiện kia!...

Một ngày chủ nhật của tuần chay đầu tiên, bà già rán bánh bột bị cháy hết cả; mặt đỏ bừng vì lửa, bà giận quá kêu lên:

- A, quỷ bắt chúng mày đi...

Và bỗng nhiên bà ngửi chiếc chảo. Mặt sa sầm lại, bà quăng chiếc chảo xuống sàn và tru tréo lên:

- Cha mẹ ơi! Chảo có mùi mỡ, ô uest cả rồi! Lạy Chúa, con chưa đốt chảo trong ngày đầu của tuần chay rồi!...

Bà quỳ xuống, nghẹn ngào van xin:

- Lạy Chúa, xin Chúa lòng lành tha tội cho con, cho con沐浴 đáng nguyên rửa này! Xin Chúa đừng trừng phạt con沐浴 già ngu ngốc này...

Bánh bột cháy được quăng cho chó ăn, chiếc chảo được đốt lên, còn người con dâu thì trách mẹ chồng trong lúc cãi nhau:

- Đến tuần chay mà mẹ còn rán bánh trong chiếc chảo uế tạp ấy ư...

Họ lôi cuốn Chúa của họ vào mọi công việc trong nhà, vào mọi ngóc ngách của cuộc sống nhỏ nhen của họ, nhờ đó mà cuộc sống nghèo nàn được mang thêm ý nghĩa lớn lao và quan trọng bên ngoài, có vẻ như được phục vụ cho một sức mạnh cao cả từng giờ từng phút. Sự lôi cuốn Chúa vào những công việc vụn vặt chán ngắt ấy đè nặng lên tâm hồn tôi, khiến tôi tự nhiên cứ phải nhìn quanh quẩn vào các góc nhà, cảm thấy như mình dưới quyền kiểm soát vô hình của một người nào đó. Đêm đêm nỗi lo sợ quẩn lấy tôi như một đám mây lạnh toát: nó đến với tôi từ góc bếp - chỗ có ngọn đèn thờ cháy suốt ngày đêm trước những tượng thánh đen sẫm.

Cạnh giá gỗ trên tường là một chiếc cửa sổ lớn, hai khung cửa bị một cột chống cắt đôi. Một khoảng không gian trống rỗng xanh thẫm nhìn vào cửa sổ. Tựa như cả khu nhà, căn bếp và tôi đều treo lủng lẳng bên rìa khoảng trống đó. Chỉ cần cử động mạnh là

tất cả sẽ tuột xuống một cái hố xanh lạnh lẽo rồi bay đi, lướt qua các vì sao, vào một khoảng không lặng lẽ, không một tiếng động như một hòn đá bị chìm ngấm khi ném xuống nước. Tôi nằm yên rất lâu, sợ không dám trở mình và chờ đợi cái kết thúc kinh khủng của đời mình.

Không nhớ tôi đã chữa khỏi bệnh sợ hãi đó như thế nào, nhưng tôi chữa rất nhanh. Lẽ dĩ nhiên trong việc đó vì Chúa nhân từ của bà tôi đã giúp đỡ tôi. Tôi nghĩ rằng ngay lúc đó tôi đã cảm thấy cái chân lý đơn giản: mình chưa làm điều gì xấu. Không có luật lệ nào có thể trừng phạt tôi nếu tôi không có lỗi. Còn đối với những tội lỗi của kẻ khác thì tôi không chịu trách nhiệm.

Những buổi lễ tôi bỏ đi chơi. Nhất là vào mùa xuân, sức mạnh không gì ngăn cản nổi của nó đã nhất định không cho tôi đến nhà thờ. Nếu người ta đưa cho tôi hai kôpếch để mua nến là cũng đủ làm hại tôi rồi: tôi mua cờ xương⁽¹⁾ chơi suốt cả buổi lễ sáng và nhất định thế nào cũng về muộn. Có lần tôi chơi thua sạch cả mười kôpếch mà nhà chủ giao cho tôi để đi trả tiền lễ và bánh thánh. Tôi đành phải ăn trộm bánh thánh của người khác đặt trên đĩa mà thấy phụ lễ mang từ bàn thờ ra.

Tôi rất ham chơi và bị các trò chơi lôi cuốn đến mê mẩn. Tôi tương đối khoẻ và khéo léo nên chẳng

(1) Một trò chơi bằng xương nhỏ.

bao lâu đã nổi tiếng là tay chơi cờ, chơi bi, chơi phá thành cừ khôi trong những phố lân cận.

Vào tuần chay lớn, người ta bắt tôi phải đi xưng tội. Tôi liền đến xưng tội với cha Đôrimêđôn Pôkrôpxki ở cạnh nhà tôi. Tôi thường cho ông ta là một người khắt khe. Riêng tôi có nhiều tội đối với ông: ném đá vào nhà hồng mát trong vườn của ông, gây sự với lũ con ông. Nói chung, ông có thể nhắc lại cho tôi nghe không ít những hành động ngang ngược của tôi đã làm ông khó chịu. Điều đó làm tôi rất bối rối, và khi đứng trong ngôi nhà thờ nghèo nàn đến lượt vào xưng tội, tôi lo lắng, tim đập thình thịch.

Nhưng cha Đôrimêđôn đã tiếp tôi với vẻ hiền hậu. Cha lúng búng thốt lên:

- A, chú láng giềng... Nào, con hãy quỳ xuống! Có tội gì?

Cha phủ lên đầu tôi một miếng nhung nặng. Tôi bị ngạt thở trong mùi sáp và trầm, nói rất khó khăn và cũng chẳng muốn nói.

- Con có nghe lời người lớn không?

- Không.

- Hãy nói: con có tội!

Bỗng nhiên tôi buột miệng nói ra:

- Con đã ăn trộm bánh thánh.

- Ô, sao lại thế? Ở đâu? - cha nghĩ ngợi rồi thông thả hỏi.

- Ở nhà thờ Ba Ngôi, nhà thờ Pôkrôp, nhà thờ Nikôla...

- Ô, thế là đủ hết các nhà thờ! Chú em ạ, điều đó không tốt đâu. Có tội lớn đấy, con hiểu chứ?

- Hiểu ạ.

- Hãy nói: "Con có tội!" Con đã làm vậy! Con lấy trộm để ăn à?

- Có lúc thì ăn, có lúc vì chơi cờ thua mất tiền, mà bánh thánh thì phải mang về nhà, thế là con lấy trộm...

Cha Đôrimêdon liền thì thào cái gì không rõ và có vẻ mệt mỏi, rồi cha hỏi thêm vài câu nữa. Bỗng nhiên cha nghiêm khắc hỏi:

- Con có đọc những sách in bí mật không?

Tất nhiên tôi không hiểu và hỏi lại:

- Cái gì ạ?

- Những cuốn sách cấm, con có đọc không?

- Không, con chẳng đọc quyển nào cả...

- Cha tha tội cho con... Đứng dậy!

Tôi ngạc nhiên nhìn thẳng vào mặt cha. Khuôn mặt có vẻ trầm ngâm và hiền từ. Tôi thấy lúng túng, hổ thẹn khi cho tôi đi xưng tội, các người chủ của tôi đã kể biết bao những điều đáng sợ, kinh khủng về buổi xưng tội này, họ đã thuyết phục tôi phải thành thật thú hết mọi tội lỗi của mình.

- Con đã ném đá vào nhà hóng mát của cha, - tôi nói.

Cha Đôrimêdon ngẩng đầu lên nói:

- Điều đó cũng không tốt! Thôi con đi ra...

- Và ném cả vào nhà chó nữa...

- Người tiếp theo! - cha Đôrimêdon gọi, mắt nhìn qua người tôi.

Tôi đi ra và cảm thấy như mình bị lừa dối, bị sỉ nhục. Tinh thần tôi căng thẳng vì sợ hãi trước buổi xưng tội biết bao, thế mà mọi việc lại xảy ra chẳng có gì đáng sợ, có phần đáng chán nữa là khác! Chỉ có câu hỏi về những sách mà tôi chưa biết là còn đáng chú ý. Tôi nhớ lại cậu học sinh đọc sách cho những người phụ nữ nghe ở dưới tầng hầm. Tôi nhớ đến bác Tốt Lắm. Bác ta cũng có nhiều sách bìa đen, dày cộp với những hình vẽ khó hiểu.

Ngày hôm sau, nhà chủ cho tôi mười lăm kôpếch và bảo tôi chịu đi lễ. Lễ phục sinh năm ấy đến muộn. Tuyết đã tan từ lâu, phố xá khô ráo. Bụi bay mù trên mặt đường. Suốt ngày vui và nắng ấm.

Một toán đông thợ đang say sưa mê chơi cờ bên cạnh hàng rào nhà thờ. Tôi nghĩ mình cũng còn kịp đi chịu lễ nên nài xin bọn họ:

- Cho cháu chơi với!

- Bỏ ra đây một kôpếch thì sẽ được chơi, - một người mặt đỏ, tóc hung kiêu ngạo nói.

Nhưng tôi cũng không kém phần kiêu ngạo lên tiếng:

- Đặt ba kôpếch ở cạnh đôi thứ hai từ trái sang!
- Chồng tiền ra đấy!

Thế là cuộc chơi bắt đầu.

Tôi đổi đồng mười lăm kôpếch, đặt ba kôpếch ở cạnh đôi quân cờ và chồng tiền ở một ô dài, ai hạ được đôi ấy, người ấy sẽ nhận tiền, nếu trượt, tôi sẽ nhận được của anh ta ba kôpếch. May cho tôi: hai người rình cuôm số tiền của tôi đều không trúng cả, thế là tôi thắng thêm được sáu kôpếch ở bọn người lớn - ở bọn mujich ấy. Điều đó làm cho tôi cao hứng hẳn lên...

Nhưng có một người trong bọn họ bỗng nói:

- Các cậu ạ, phải để ý thằng bé, kéo nó ăn non đấy...

Câu nói đó làm tôi bực mình, tôi liền hấp tấp tuyên bố như người đánh trống cơm:

- Đặt chín kôpếch ở dưới đôi cuối bên trái!

Tuy nhiên điều đó không làm cho những người chơi chú ý tới chút nào. Chỉ có một thằng bé trạc tuổi tôi kêu lên để ngăn ngừa mọi người:

- Các bác coi chừng đấy, số nó đỏ lắm. Nó là thằng vẽ đồ án ở phố Zviôzdinka đấy! Cháu còn lạ gì nó nữa!

Một anh thợ gầy gò mà chỉ cần ngửi mùi cũng biết anh ta là thợ da nói một cách thâm độc:

- Quí con⁽¹⁾ à? Càng tốt...

Ngắm nghía quân cờ cẩn thận, anh ta hạ ngay được ô tiền của tôi, rồi khom lưng xuống nhìn tôi mà hỏi.

- Có khóc không đấy?

Tôi trả lời:

- Đặt ba kôpếch ở dưới đôi cuối bên phải!

- Tớ sẽ hạ cho mà xem! - anh thợ thuộc da nói khoác, nhưng lần này anh ta thua.

Không thể đặt tiền lên một ô quá ba lần, thế là tôi bèn đánh ô tiền của những người khác và được thêm bốn kôpếch cùng một lô quân cờ nữa. Nhưng khi lại đến lượt tôi, tôi đặt tiền ba lần và đều thua hết sạch. Vừa lúc đó lễ sáng cũng tan, chuông nhà thờ vang lên, nhân dân kéo nhau rời khỏi nhà thờ.

- Có vợ chưa? - anh thợ thuộc da vừa hỏi vừa muốn túm lấy tóc tôi, nhưng tôi vùng ra được và bỏ chạy. Tôi đuổi kịp một thanh niên ăn mặc diện và lễ phép hỏi:

- Thưa anh, anh đã chịu lễ chưa?

- Ừ, thì sao kia? - anh ta trả lời và nhìn tôi với vẻ nghi ngờ.

Tôi đề nghị anh kể cho tôi nghe chịu lễ như thế nào, ông cố đạo nói những gì và tôi sẽ làm gì lúc đó.

(1) Tiếng Nga chữ "người vẽ đồ án" nói trái đi thành "con quý con".

Anh thanh niên cau có vẻ nghiêm khắc và quát to, giọng đáng sợ:

- Mày bỏ không đi chịu lễ à, thằng vô đạo kia? Đã thế tao sẽ không nói đâu. Để cho bố mày lột da mày ra mới được!

Tôi chạy về nhà, tin chắc rằng mọi người sẽ tra hỏi và tất nhiên họ sẽ biết được tôi không chịu đi lễ.

Nhưng sau khi chúc mừng tôi, bà già chỉ hỏi có một điều:

- Cháu cho thầy phụ lễ bao nhiêu tiền?

- Năm kôpếch - tôi trả lời bừa.

- Đưa cho thầy ta ba kôpếch đã là phúc lắm rồi, giữ lại hai kôpếch có phải hơn không, mày rõ thật ngốc nghếch!

... Mùa xuân. Mỗi ngày như được khoác thêm một chiếc áo mới. Mỗi ngày mới lại rực rỡ hơn, đáng yêu hơn. Cỏ non và màu xanh tươi mát của những cây bạch dương toả ra một mùi say ngây ngất. Như có một sức mạnh nào không thể cưỡng được lôi cuốn tôi ra đồng, nằm ngửa mặt trên mảnh đất ấm áp, lắng nghe tiếng chim sơn ca hát. Nhưng tôi còn phải chải quần áo rét, giúp chủ nhà xếp vào hòm, thái lá thuốc, lau bụi trên các đồ đạc, và suốt từ sáng đến tối phải quần quanh với những đồ vật không cần thiết, khó chịu đối với tôi.

Trong những giờ rảnh rang tôi hoàn toàn không biết làm gì. Khu phố nghèo nàn của chúng tôi thì

vắng tanh vắng ngắt, đi xa hơn nữa thì không được phép; trong sân nhà toàn những người thợ đấu bản tính và mệt mỏi, những mục bếp và những mục thợ giặt nhếch nhác: chiều tối nào cũng có những trò bù khú chó má, điều đó làm tôi rất khó chịu và tức mình đến muốn mù hắt mắt đi cho rảnh.

Tôi trèo lên tầng gác thượng, mang theo chiếc kéo và những tờ giấy màu; tôi cắt những hình bướm và trang trí các kèo nhà... Tuy thế công việc đó càng kêu gọi thêm nỗi buồn. Tôi náo nức muốn đi đến một nơi nào mà người ta ít ngủ hơn, ít cãi nhau hơn, nơi mà người ta không làm chán tai Chúa bằng những lời than vãn, không hay làm cho kẻ khác buồn tủi vì những câu nhận xét bực tức của mình.

... Thứ bảy, nhân dịp lễ Phục sinh, người ta rước bức tượng mẫu nhiệm của Đức Mẹ vùng Vladimira từ tu viện Oranxki vào thành phố. Tượng Đức Mẹ sẽ ở thăm thành phố cho đến trung tuần tháng sáu và sẽ đến thăm từng ngôi nhà, từng căn gác của mỗi tín đồ.

Tượng Đức Mẹ tới nhà của cậu chủ tôi vào một buổi sáng ngày thường. Tôi đang đánh nồi đồng trong bếp thì nghe thấy tiếng kêu hốt hoảng của mợ chủ từ trong phòng vắng tới.

- Mở cửa chính ra! Người ta rước tượng Đức Mẹ đến rồi!

Tôi nhẩy xổ xuống dưới nhà mở cửa, người lem lốc, hai tay dính đầy mỡ và gạch vụn. Một thầy tu

trẻ một tay cầm đèn, một tay cầm bình hương khê cầu nhau:

- Ngủ đấy à? Hãy giúp một tay...

Hai người dân thành phố khiêng một cái kiệu nặng trong đó để tượng Đức Mẹ bước lên cầu thang gác hẹp. Tôi ghé vai và lấy hai bàn tay bần đờ lấy mép kiệu khiêng giúp họ. Phía sau, những thầy tu nặng nề giậm chân và ngân nga bằng một giọng trầm vẻ miễn cưỡng:

- “Lạy Đức Mẹ Rất thánh, cầu cho chúng con...”

Tôi buồn rầu định ninh trong bụng: “Đức Mẹ sẽ giận mình vì mình bần thủ thế này mà dám đỡ Người. Tay mình sẽ bị tê liệt mất...”

Tượng Đức Mẹ được đặt trên hai chiếc ghế có phủ một tấm vải sạch ở góc trước cửa nhà. Hai thầy tu, đứng đỡ hai bên kiệu, trẻ và đẹp như thiên thần, mắt sáng ngời, vui vẻ, tóc phồng lên.

Họ bắt đầu làm lễ.

- “Ôi Đức Mẹ lòng lành” - một cố đạo to lớn cất tiếng hát giọng lanh lảnh, ngón tay đỏ tía cứ mân mê chiếc dải tai sừng phồng lẩn sau đám tóc dài.

- “Đức Mẹ Rất thánh, thương xót chúng con!” - các thầy tu mệ nhọc ngân nga.

Tôi yêu Đức Mẹ. Theo lời bà tôi kể thì chính Đức Mẹ đã gieo những hoa, những niềm vui - tất cả những cái gì tốt lành và đẹp đẽ - trên mặt đất để an ủi những

kẻ nghèo khổ. cho nên, khi phải đến hôn tay Đức Mẹ vì không để ý xem người lớn làm như thế nào, tôi hồi hộp hôn vào mặt, vào môi bức tượng.

Một bàn tay khoẻ túm lấy tôi, quăng tôi vào góc nhà gần ngưỡng cửa. Tôi không nhớ các thầy tu đã ra khỏi nhà và mang bức tượng như thế nào, nhưng tôi còn nhớ rất rõ cảnh những người chủ của tôi quây lấy tôi - lúc bấy giờ tôi vẫn ngồi ở trên sân - và vô cùng sợ hãi bàn tán với nhau một cách lo lắng về số phận sắp tới của tôi.

Phải nói chuyện với một linh mục hiểu biết hơn cả - cậu chủ nói và mắng tôi với vẻ không có gì là ác ý:

- Đồ ngu, lẽ nào mày lại không biết rằng không được hôn vào môi hay sao? Thế mà cũng đòi... đã học ở trường rồi cơ đấy...

Suốt mấy ngày, tôi thấp thỏm chờ đợi cái gì sẽ xảy ra bây giờ đây? Mớ tay bẩn vào kiệu này, lần này nhất định không thể thoát được rồi, không hòng thoát được!

Nhưng có lẽ Đức Mẹ đã tha thứ tội lỗi vô tình do lòng yêu chân thành gây nên. Hay là sự trừng phạt của Người quá nhẹ, đến mức tôi không nhận thấy giữa những sự trừng phạt thường xuyên do những người lương thiện đối với tôi.

Thỉnh thoảng muốn chọc tức bà già tôi lại ra về buồn rầu nói với bà:

- Có lẽ Đức Mẹ đã quên không trừng phạt cháu rồi...

- Được, - bà già hẹn với vẻ độc địa - cứ chờ đấy...

Vừa trang trí những chiếc kèo ở gác thượng bằng những hình cắt từ giấy trà màu hồng, giấy thiếc, bằng những lá cây và đủ mọi thứ linh tinh, tôi vừa ngâm nga những câu thơ chọt đến trong đầu óc theo điệu cầu nguyện ở nhà thờ, như những người Kanmuc thường làm khi đi đường:

*Tôi ngồi trên gác
Chiếc kéo cầm tay
Cắt giấy, cắt hoài...
Thằng ngốc buồn quá!
Nếu tôi là chó
Tôi sẽ chạy rông.
Nhưng giờ ai cũng
Mắng tôi đủ đường:
"Cầm đi thằng nhãi,
Ngồi yên, liệu hồn!"*

Bà già nhìn công trình của tôi, cười nhạt lắc đầu:

- Mày trang hoàng trong bếp như vậy có hơn không...

Một hôm cậu chủ lên gác thượng. Cậu nhìn những trò tôi làm, thờ dài và nói:

- Mày cũng ngộ nghĩnh đấy, Pêskôp⁽¹⁾ ạ. Quí bắt mày đi. Có lẽ mày sẽ thành một tay ảo thuật mát! Chẳng đoán được ra cái gì cả...

(1) Họ của Alécxây.

Cậu cho tôi một đồng năm kôpếch to có hình Nicôlai.

Tôi lấy dây thép nhỏ, làm một cái móc rồi treo đồng tiền vào như một chiếc mề-day lên trên một chỗ nổi nhất giữa các công trình sặc sỡ của tôi.

Nhưng sang ngày hôm sau, đồng tiền cùng với những dây chằng của nó đều biến mất. Tôi biết chắc là bà già đã xoáy mất đồng tiền ấy.

V

Dầu sao, mùa xuân tôi cũng đã trốn khỏi nơi này⁽¹⁾. Một buổi sáng, tôi đi ra hiệu mua bánh mì về uống trà sáng. Người chủ hiệu đang cãi nhau với vợ; anh ta lấy quả cân nện vào trán chị. Chị vợ chạy ra phố và ngã lăn ra đấy. Lập tức mọi người xúm quanh lại. Người ta đặt chị lên một chiếc xe ngựa bốn bánh và đưa đến bệnh viện. Tôi chạy theo sau xe rồi sau đó không biết thế nào lại lạc đến tận bờ sông Vonga với đồng hai mươi kôpếch trong tay.

Ngày xuân dịu dàng ngời sáng. Nước sông Vonga tràn ngập menh mông. Trên mặt đất đầy vẻ nhộn nhịp, phóng khoáng. Thế mà cho đến hôm đó tôi vẫn sống như một con chuột nhắt dưới hầm nhà. Tôi liền quyết định đi không quay về nhà chủ và cũng không về với bà tôi ở xóm Kunavinô nữa - tôi ngượng không muốn gặp bà tôi vì đã không giữ lời hứa, còn ông tôi sẽ lại càng đắc chí hơn đối với tôi.

(1) Mùa xuân năm 1880 Gorki bắt đầu làm việc trên tàu thủy "Đôbrui" chạy giữa các thành phố Nijni và Pecmơ.

Tôi lang thang suốt hai ba ngày trên bờ sông, ăn uống bên cạnh những người phu khuân vác hiên lành giản dị, ngủ với họ trên các bến tàu. Sau đó một người trong bọn họ nói với tôi:

- Này chú bé, tớ thấy chú lang thang ở đây thật là vô ích. Hãy lại tàu “Đôbrui”⁽¹⁾ xem, ở đó người ta đang cần người rửa bát đĩa đấy...

Tôi đến tàu. Người chủ tiệm ăn cao lớn, râu ria xồm xoàm, đội chiếc mũ lụa đen không vành, nhìn tôi bằng đôi mắt mờ đục qua cặp kính và khẽ nói:

- Hai rúp một tháng. Giấy thông hành đâu?

Tôi không có giấy thông hành. Người chủ tiệm suy nghĩ và bảo:

- Dẫn mẹ mày tới đây.

Tôi chạy về gặp bà ngoại. Bà tán thành hành động của tôi và dụ ông đi đến sở thú công nghiệp xin giấy thông hành cho tôi, còn bà thì thân chinh đi với tôi xuống tàu thủy.

- Được - người chủ tiệm nhìn chúng tôi rồi nói - Chúng ta đi xuống dưới này.

Ông ta dẫn tôi ra sau lái. Ở đấy có một người đầu bếp phục phịch mặc áo cánh trắng, đội mũ chụp trắng đang ngồi sau chiếc bàn con, vừa uống trà, vừa hút một điều thuốc to tướng. Người chủ tiệm đẩy tôi lại phía bác đầu bếp:

(1) Có nghĩa là: Tốt lành.

- Đưa rửa bát đĩa đây!

Và ông ta bỏ đi thẳng. Bác đầu bếp thở phì phì, vênh bộ ria mép đen lên, nói với theo người chủ tiệm:

- Muốn về đây đủ thứ quí sứ, cốt rẻ mà...

Rồi cái kính ngẩng chiếc đầu to với bộ tóc đen cắt ngắn lên, bác trợn tròn cặp mắt đen thẫm, vươn vai phùng má, làm ra vẻ quan trọng và quát oang oang:

- Mà là thằng nào?

Tôi rất không ưa con người ấy. Tuy mặc toàn bộ đồ trắng, nhưng bác ta vẫn có vẻ nhem nhuốc, lông mọc đầy ngón tay bác ta và tua tủa cả trong hai lỗ tai to.

- Cháu đói quá, - tôi bảo bác ta.

Bác nheo mắt, và bỗng nhiên một nụ cười rộng mở đã làm thay đổi hẳn bộ mặt hung dữ của bác; đôi má đầy đặn, đỏ tía như những làn sóng chạy đến tận mang tai, để lộ ra những chiếc răng to như răng ngựa; bộ ria mép mềm mại buông thõng xuống; bác bỗng giống như một người đàn bà hiền lành, béo phịch phịch.

Hất chỗ nước trà còn lại ở cốc qua thành tàu, bác rót cho tôi một cốc mới, rồi đẩy về phía tôi một chiếc bánh mì trắng kiểu Pháp còn nguyên và một-khúc xúc xích to.

- Chén đi! Có cha mẹ không? Có biết ăn cắp không? Không sao, đừng sợ. Ở đây toàn là một lũ trộm cắp cả, chúng nó sẽ dạy mày!

Bác ta nói như sữa. Khoảng gần mũi của khuôn mặt to lớn được cao nhẵn hoá ra xanh, chẳng chịt những vạch máu đỏ; chiếc mũi đỏ hồng cúi nhìn bộ ria; môi dưới của bác trề ra, vẻ nặng nề và khinh miệt: một miếng thuốc dính chặt bên mép và đang bốc khói. Có lẽ bác mới ở nhà tắm ra - người bác còn thoảng mùi bạch dương⁽¹⁾ và lá ớt. Thái dương và cổ bác đầm đìa những hạt mồ hôi lóng lánh.

Khi tôi uống trà xong, bác dúi cho tôi tờ giấy bạc một rúp.

- Đi mua lấy hai chiếc tạp dề có yếm che mà mặc. Hượm, để tao mua cho cũng được!

Bác sửa lại chiếc mũ chụp rồi đi ra, người lác lư nặng nề, chân dò dẫm trên boong tàu như một con gấu.

... Trời về đêm. Mặt trăng chiếu sáng và chạy từ tàu thủy sang bên trái, về mạn những cánh đồng cỏ. Chiếc tàu thủy cũ màu gạch, với một viên trắng trên ống khói, thông thả và giậm giậm đập cánh quạt vào làn nước bạc. Hai bờ sông đen ngòm lặng lẽ trôi về phía con tàu, in bóng xuống mặt sóng. Trên bờ, cửa sổ của các ngôi nhà gỗ toả sáng màu đỏ quanh quách. Trong làng vang lên những tiếng hát: đó là các cô thôn nữ đang ca múa, điệp khúc "ailiuli" vẳng đến tai tôi nghe như khúc "aliluya"⁽²⁾...

(1) Tắm bằng hơi nước nóng, lấy cành cây đập vào người để ra mồ hôi.

(2) Một khúc hát ở nhà thờ.

Chiếc tàu thủy móc một sợi dây cáp dài kéo theo sau chiếc sà lan cũng màu gạch. Boong sà lan được che bằng hàng rào sắt. Trong chiếc lồng sắt đó là những tù nhân bị đi đày hay đi làm khổ sai. Ở mũi sà lan, chiếc lưới lê của người lính canh sáng loáng như một ngọn nến. Trên bầu trời xanh, những ngôi sao nhỏ cũng lấp lánh như những ngọn nến. Một không khí yên lặng bao trùm lên chiếc sà lan. Ánh trăng tràn ngập trên mình nó. Những đốm tròn xám lơ lờ sau dây hàng rào sắt đen ngòm - đó là những người tù đang nhìn dòng sông Vonga. Nước sông nức lên, không hiểu nó đang khóc hay đang cười gượng gạo. Cảnh vật xung quanh trang nghiêm như không khí của nhà thờ, mùi dầu mỡ cũng xông lên nồng nặc như ở nhà thờ vậy.

Tôi nhìn chiếc sà lan và hồi tưởng lại hồi còn bé, nhớ đến đoạn đường đi từ Axtrakhan đến Nijni, đến bộ mặt danh thép của mẹ tôi, nhớ đến bà tôi, người đã dẫn tôi vào cuộc đời tuy khó khăn nhưng đầy thú vị này⁽¹⁾. Và khi tôi nghĩ đến bà tôi, thì tất cả những điều xấu xa, tủ nhục như tan biến đi, như thay đổi khác hẳn, mọi vật lại trở nên thú vị hơn, dễ chịu hơn, mọi người trở nên tốt hơn, đáng yêu hơn...

(1) Mùa thu năm 1872, sau khi bố chết, chú bé Aliôsa Pêskôp lúc bấy giờ mới bốn tuổi, đi tàu thủy cùng với bà và mẹ từ Axtrakhan đến Nijni để sống tại nhà ông ngoại (xem chương trình 1 trong tập Thời thơ ấu)

Tôi xúc động gần muốn khóc trước cảnh đẹp ban đêm và cả trước chiếc sà lan kia, nó giống như một chiếc quan tài và như thừa hửn trong khoảng không gian lỏng lẻo trên dòng sông mênh mông, trong bầu không khí thanh bình huyền ảo của trời đêm ấm áp này. Những đường nét nhấp nhô của bờ sông, khi lên, khi xuống, làm trái tim tôi bồi hồi một cách dễ chịu. Tôi muốn mình trở thành một người tốt, có ích cho tất cả mọi người.

Hành khách trên chuyến tàu thủy của chúng tôi thật đặc biệt. Tất cả - già, trẻ, đàn ông, đàn bà - tôi thấy hình như giống nhau hết. Tàu chúng tôi đi chậm chậm. Những người bận công việc thì đi tàu chở thư; còn tàu của chúng tôi thì chỉ thu hút các loại vô công rồi nghề. Từ sáng đến chiều họ ăn, uống, làm giầy, bán hàng đóng bát đĩa, dao, dĩa, thìa. Công việc của tôi là rửa bát đĩa, lau đĩa và dao. Tôi làm những việc đó từ sáu giờ sáng và hầu như đến tận nửa đêm. Ban ngày, khoảng từ hai giờ đến sáu giờ và buổi tối từ mười giờ đến nửa đêm, công việc của tôi ít hơn: hành khách trong giờ nghỉ sau các bữa ăn thường chỉ uống nước trà, bia và rượu. Trong những giờ đó tất cả những người phục vụ trong tiệm - những kẻ phụ trách tôi - đều được rỗi rãi. Bác đầu bếp Xmurui, bác phụ bếp Iakôp Ivannuts, anh rửa bát trong bếp Macxim và gã hầu bàn Xecgây gù lưng chuyên phục vụ hành khách trên boong, có bộ mặt sẵn sùì có những nốt

đầu, gò má dô ra, cặp mắt dâm dăng, tất cả cùng ngồi với nhau quanh một chiếc bàn gần cửa ra vào uống nước trà. Bác Iakôp Ivanuts vừa kể những câu chuyện đùa giả vừa cười hô hô để lộ ra những chiếc răng sâu xanh nhợt. Xecgây thì toác cái mồm nhái rộng ra đến tận mang tai. Macxim râu rĩ thì ngồi lặng thinh nhìn mọi người bằng cặp mắt nghiêm khắc không rõ màu gì.

- Lũ châu Á! Bọn Mordvin⁽¹⁾! - thỉnh thoảng bác đầu bếp lại thốt lên giọng ồm ồm.

Tôi chẳng ưa bọn người đó tí nào. Bác Iakôp Ivanuts to béo, hói đầu, chỉ toàn nói chuyện về đàn bà và luôn luôn nói một cách bẩn thỉu. Bộ mặt bác ta phèn phẹt, điểm những nốt tím bầm. Ở một bên má có một nốt ruồi với một đám lông đỏ hoe, mà bác xoắn nhọn lại như một cái kim. Khi có một mụ hành khách nào điệu bộ suồng sã, dễ tính lên tàu, là bác quần quanh bên mụ ta và với một vẻ rụt rè, nhút nhát đặc biệt như một anh hành khất. Bác nói với mụ ta bằng một giọng ngọt ngào và râu rĩ; nước bọt sùi ra cả bên mép, thỉnh thoảng bác lại lia nhanh một chiếc lưỡi ghê tởm ra để quét nước bọt. Không hiểu sao, tôi cứ có cảm giác rằng những tên đao phủ cũng đều phì nộn như vậy cả.

- Phải biết cách kích thích bọn đàn bà mới được,

(1) Ý nói: đồ thô lỗ, đồ mọi rợ!

- bác ta dạy Xecgây và Macxim. Bọn này phồng má, đỏ mặt chăm chú nghe bác ta nói.

- Đồ châu Á, - Bác Xmurui khàn khàn nói ra vẻ khinh tòm rồi nặng nề đứng dậy, ra lệnh cho tôi - Pêskôp, đi thôi!

Về buồng riêng, bác vút vào tay tôi một quyển sách nhỏ bìa da, rồi nằm dài lên chiếc giường kê áp vách buồng ướp lạnh.

- Đọc đi!

Tôi ngồi lên một thùng mì ống và đọc rất tận tâm:

“Umbrakun, sặc sỡ những tinh cầu, có nghĩa là có thể giao thông thuận lợi với vũ trụ, nhờ đó mà họ có thể giải thoát mình khỏi bọn phạm tặc và bọn phóng đảng”...⁽¹⁾.

Bác Xmurui hút xong điếu thuốc, phào khói ra và càu nhàu:

- Đồ lạc đà! Viết với lách...

- “Để hờ ngực ở bên trái chứng tỏ sự trịnh bạch của lòng mình”.

- Ai để hờ?

- Không thấy nói đến.

- Thế có nghĩa là đàn bà đấy... Hừ, bọn phóng đảng!

(1) Đây là một loại sách bói toán.

Bác nằm nhắm mắt lại, tay duỗi ra làm gối, điều thuốc lá dính vào bên mép thông thả bốc khói. Bác đưa lưỡi sửa lại điều thuốc, hít mạnh đến nỗi trong ngực bác có tiếng réo lên, cả bộ mặt to lớn của bác chìm trong đám khói thuốc. Đôi khi tưởng bác ngủ, tôi ngừng đọc và ngắm nghía quyển sách đáng nguyên rủa ấy, nó làm tôi chán đến phát lợm.

Nhưng bác ta lại khàn khàn lên tiếng:

- Đọc đi!

- “Vênêrap trả lời: hãy nhìn đây, anh Xuvoranh đáng mến của tôi...”

- Xêvêrian chứ...

- Đây in là Xuvoranh...

- Thế à? Khi thật! Ở cuối sách có thơ đấy, lướt qua xem nào...

Tôi lướt qua:

Bọn phàm tục tò mò muốn biết công việc của chúng ta,

Không bao giờ cặp mắt kém cỏi của các người thấy được!

Và các người cũng không thể biết chư huynh đã hát...

- Thôi! - bác Xmurui nói - đấy có phải là thơ đâu! Đưa quyển sách đây...

Bác giận dữ lật lật những trang giấy xanh dày rồi nhét quyển sách xuống dưới đệm.

- Lấy quyển khác xem...

Không may cho tôi, trong chiếc hòm đen bịt sắt của bác còn nhiều sách, đại loại: *Những lời giáo huấn của Omir*, *Hồi ký pháo binh*, *Những bức thư của Lor⁽¹⁾ Xêđigan*, *Bàn về giống rệp nguy hại*, *phương pháp diệt trừ rệp có kèm theo chỉ dẫn*. Nhiều quyển mất cả đầu lẫn đuôi. Thình thoảng bác đầu bếp lại bắt tôi lục đống sách ra và đọc hết các tên sách lên. Tôi đọc, còn bác thì bực tức cầu nhàu:

- Đồ vô lại, viết với lách... Cứ như là họ đâm vào tai⁽²⁾ mình ấy, chẳng hiểu ý nghĩa ra sao cả! Gecve à! Cái lão Gecve ấy, tao cần tới lão ta làm cái của nợ gì cơ chứ? Lại Umbrakun?...

Những chữ kỳ quặc, những tên lạ tai in sâu vào trí nhớ tôi, ám ảnh tôi, rung rung ở đầu lưỡi tôi, khiến tôi cứ muốn nhắc đi nhắc lại chúng mãi, rồi may ra trong âm thanh có hé mở được ý nghĩa của chúng chẳng? Trong khi đó thì phía ngoài cửa sổ, nước vẫn oàm oap và róc rách không mệt mỏi. Thú biết bao nếu được chuồn ra đằng lái, nơi thủy thủ và thợ đốt lò đang quây quần giữa những kiện hàng và đang bóc lột hành khách bằng quân bài, đang ca hát, đang kể những chuyện lý thú! Thú biết bao khi ngồi bên cạnh họ, nghe những câu nói giản dị, dễ hiểu, nhìn

(1) Tiếng tôn xưng người quý tộc và nghị viên ở Thượng nghị viện nước Anh.

(2) Nguyên văn: đánh vào răng.

lên bờ sông Kama, nhìn những cây thông thẳng như những sợi dây đồng, nhìn những cánh đồng cỏ mà cơn lũ chỉ để lại những hồ nhỏ nom như những mảnh gương vỡ phản chiếu vòm trời xanh thẳm! Chiếc tàu thuỷ của chúng tôi như tách biệt khỏi mặt đất và chạy xa dần. Trong bầu không khí lặng lẽ của một ngày mới mẻ, tiếng chuông từ những gác chuông khuất không thấy vắng đến, nhắc ta nhớ đến cảnh thôn xóm và dân làng. Một chiếc thuyền đánh cá tròn trành trên sóng như một miếng vỏ bánh mì. Và đây, trên bờ hiện ra một thôn nhỏ, lũ trẻ vùng vẫy tắm dưới sông, một người nông dân mặc áo đỏ đang đi trên dải cát vàng. Nhìn từ xa, từ sông lên, mọi vật đều có vẻ duyên dáng, nhỏ bé, sắc sỡ, ngộ nghĩnh như những đồ chơi. Tôi muốn kêu vọng lên bờ và tới cả sà lan những câu nói thân ái, dịu dàng.

Chiếc sà lan màu gạch này rất lôi cuốn tôi. Tôi có thể ngồi liên hàng giờ nhìn nó rẽ sóng bằng chiếc mũi bèn bẹt. Chiếc tàu thuỷ, lôi nó đi như lôi một con lợn. Thỉnh thoảng sợi dây cáp chùng, đập xuống mặt nước, rồi lại căng ra, ròn ròn những hạt nước và lôi giật mũi chiếc xà lan. Tôi rất muốn được thấy mặt những người bị nhốt như thú dữ trong chiếc lồng sắt đó. Tại Pecmơ, khi người ta dẫn họ lên bờ, tôi len được đến cầu sà lan. Hàng chục người xanh xám đi ngang qua mặt tôi, chân giậm thỉnh thỉnh, vòng xích kêu loảng xoảng, lom khom dưới những chiếc bị nặng vai. Có đủ cả đàn bà, đàn ông, người già, người trẻ,

kẻ đẹp, kẻ xấu. Họ giống hệt như mọi người, chỉ có điều là ăn mặc khác hơn và râu ria cạo lam nhám. Dĩ nhiên, họ là bọn kẻ cướp, nhưng bà tôi đã kể cho tôi nghe biết bao nhiêu chuyện tốt lành về những tên cướp.

Bác Xmurui giống như một tên hung đồ hơn ai hết. Bác bực bội nhìn chiếc sà lan và cầu nhâu:

- Cầu trời đừng ban cho ta cái số phận như thế này!

Có một lần tôi hỏi bác:

- Bác thì nấu nướng, mà những kẻ khác thì giết người cướp của, sao lại thế nhỉ?

- Tao không nấu nướng mà chỉ chuẩn bị thức ăn thôi, còn bọn đàn bà thì mới nấu nướng - bác cười khẩy, nói; rồi nghĩ một chút, bác nói thêm: - Người ta khác nhau ở mức độ ngu ngốc. Người này thông minh, người khác kém thông minh một chút, còn hạng người thứ ba thì ngu hoàn toàn. Muốn trở nên thông minh hơn, phải đọc những cuốn sách đứng đắn - đó là cái "ma thuật" hay còn gọi là cái gì nữa đây? Phải đọc tất cả các sách, rồi khi đó mới tìm được những quyển đứng đắn...

Bác thường bảo tôi:

- Cháu cứ đọc đi! Nếu đọc cuốn sách một lần chưa hiểu thì đọc bảy lần, bảy lần vẫn chưa hiểu thì đọc mười hai lần...

Bác Xmurui nói với mọi người trên tàu thủy, kể cả với người chủ tiệm lăm lì, bằng một giọng nhất gừng, môi dưới trề ra với vẻ khinh miệt, ria mép vênh lên. Bác nói như ném đá vào mọi người. Với tôi, bác đối xử dịu dàng và có vẻ chăm sóc, nhưng trong đó như có cái gì khiến tôi sờ sợ. Đôi lúc tôi thấy bác cũng có vẻ điên dờ như bà Matriôna, em bà ngoại tôi.

Thỉnh thoảng bác lại bảo tôi:

- Khoan hãy đọc...

Và bác nằm thật lâu, mắt nhắm nghiền, mũi thở phì phò, cái bụng to tướng của bác lúc lắc, những ngón tay đầy lông lá rộp bồng xếp trước ngực như của những người chết đang động đậy tựa hồ chúng đang đan một chiếc bát tất vô hình bằng những que đan vô hình.

Đột nhiên bác lắc đầu nói:

- Hừ! - Đấy, trời phú cho mày trí tuệ đấy, đi mà sống với nó! Nhưng trí tuệ mà trời phú cho ấy thật là ít ỏi và có đều đâu. Giá như mọi người đều có một trí tuệ như nhau, nhưng đâu có được... Người này hiểu, kẻ khác không hiểu, và cũng có những đứa lại chẳng muốn hiểu gì tuốt. Thế đấy!

Ngắc ngư từng câu, bác kể lại những mẩu chuyện trong cuộc đời đi lính của bác. Tôi không sao nắm được ý nghĩa của những mẩu chuyện ấy vì tôi thấy chúng không lý thú lắm, hơn nữa bác lại không kể từ đầu, mà chỉ nhớ đâu nói đấy.

- Trung đoàn trưởng liền gọi tên lính này đến và hỏi: "Trung úy đã nói với mày những gì?". Lính có nhiệm vụ phải trả lời cho thật đúng, thế là tên lính nói hết đầu đuôi câu chuyện. Còn tay trung úy thì nhìn tên lính như nhìn một bức tường, rồi quay lưng đi, cúi đầu xuống. Thế đấy...

Bác đầu bếp cúi kính chào khỏi ra rồi cầu nhàu:

- Lúc bấy giờ tao đâu có biết điều gì nên nói, điều gì nên không? Thế là người ta bỏ tù tay trung úy, còn mẹ tay ấy thì nói rằng... Ôi, trời ơi, tao có biết gì đâu...

Trời nóng nực. Mọi vật xung quanh khẽ rung rinh, rì rào. Bên ngoài bức vách sắt của buồng tàu, chiếc bánh xe tàu thủy khuấy động mặt nước âm âm. Dòng sông chảy thành một dải rộng lướt qua trước mặt chiếc cửa sổ tròn, xa xa hiện ra dải bờ cỏ và những hàng cây lơ mờ. Thính giác đã quen với mọi âm thanh - tựa như xung quanh đều lặng lẽ, mặc dầu ở mũi tàu có một người thủy thủ vẫn rầu rĩ rống lên:

- Bà... ấy, bà... ấy...

Tôi thấy chẳng muốn tham dự vào một việc nào cả, chẳng muốn nghe, cũng chẳng muốn làm. Tôi chỉ muốn ngồi dưới một bóng râm nào đấy - nơi không có mùi mỡ ngầy ngậy và oi nồng của bếp núc - mơ mơ màng màng nhìn xem cuộc sống lặng lẽ, mỗi mẹt này đang lướt trên mặt nước.

- Đọc đi! - bác đầu bếp giận dữ ra lệnh.

Cả đến những người hầu bàn hạng trên cũng sợ bác. Và ngay người chủ tiệm hiền lành ít nói, giống như con cá vược hình như cũng sợ bác Xmurui.

- Ê, thằng này, đồ con lợn! - bác quát những người phục vụ trong tiệm - lại đây, thằng ăn cắp kia! Đồ châu Á... Umbrakun...

Bọn thủy thủ và thợ đốt lò cũng kính trọng và nịnh nọt bác vì bác cho họ thịt ninh, hay hỏi họ về chuyện gia đình, làng xóm.

Những người thợ đốt lò đen thủi đầy dầu mỡ người Biêlôrutxi bị liệt vào hạng thấp kém nhất trên tàu. Người ta gọi họ chỉ bằng một tên "Iagut" và trêu chọc:

- Iagu, chạy rong sống trên bờ sông.

Khi nghe câu đó, bác Xmurui tức khí máu nóng bốc lên, bác quát anh thợ đốt lò:

- Sao mày lại để cho chúng nó chế giễu như vậy, hờ thằng mặt thót kia? Quại vào mồm thằng Katxap⁽¹⁾ ấy.

Có lần anh đội trưởng thủy thủ - một người đẹp trai và hung dữ - nói với bác Xmurui:

- Iagut và Khôkhôn⁽²⁾ thì cũng cùng một duộc!

(1) Tên gọi người Nga trước cách mạng với ý khinh miệt.

(2) Tên gọi người Ukraina trước cách mạng với ý khinh miệt.

Bác đầu bếp túm lấy cổ áo và thắt lưng anh đội trưởng nhấc bổng lên trên không rồi vừa lắc vừa hỏi:

- Có muốn tao quật chết không?

Những trận cãi nhau thường xảy ra đôi khi dẫn tới chỗ đánh nhau nữa, nhưng không ai dám đụng đến bác Xmurui: bác có một sức mạnh phi thường, hơn nữa bà vợ thuyền trưởng lại hay dịu dàng nói chuyện với bác. Đó là một người đàn bà cao lớn, đầy đà, có khuôn mặt như đàn ông và mớ tóc cắt ngắn phẳng phiu như đứa con nít.

Bác uống rượu rất dữ, nhưng không bao giờ say. Bác bắt đầu uống từ sáng, tu bốn hơi hết một chai, rồi nốc bia suốt cho đến tận chiều. Mặt bác dần dần biến thành màu nâu sẫm, đôi mắt đen thẫm ngơ ngác giương to.

Chiều chiều bác thường ngồi trên một chiếc ghế đầu, người to lớn, trắng toát. Bác ngồi yên hàng giờ, neho mắt nhìn về phía xa xa đang lùi dần. Trong những giờ phút đó, mọi người đặc biệt sợ bác, còn tôi thì thấy thương bác.

Từ bếp, bác Iakôp Ivanuts đi ra, mặt đỏ bừng và ướt đầm mồ hôi. Bác đứng gãi gãi chiếc đầu nhẵn thín rồi phất tay một cái, bỏ đi hoặc từ xa nói vọng lại:

- Cá *xtériliat* nghèo cả rồi...

- Thôi được, cho vào món canh thập cẩm...

- Nhưng nếu họ đòi canh cá hay cá hấp thì sao?

- Cứ làm đi. Chúng nó khắc tọng hết.

Đôi lúc tôi quyết định đi đến chỗ bác đầu bếp. Bác nặng nề đảo cặp mắt nhìn tôi.

- Cái gì?

- Không, có gì đâu!

- Tốt!

Dẫu sao, có một lần tôi cũng hỏi được bác trong những giờ phút ấy.

- Tại sao bác lại làm cho mọi người phải sợ? Bác vốn hiền từ cơ mà?

Trái với sự chờ đợi của tôi, bác không nổi câu.

- Đây là tao chỉ hiền từ với mình mày mà thôi.

Nhưng rồi bác lập tức nói thêm, vẻ hiền hậu và trầm ngâm:

- Mà thực thế, có lẽ tao hiền với tất cả mọi người. Có điều là tao không tỏ ra ngoài mặt thôi. Không nên để cho người ta biết điều đó, vì chúng sẽ dè dặt cười cổ ngay. Người ta thường trèo lên cổ những thằng hiền lành như một mô đất khô giữa bãi lầy... Rồi chà đạp lên ngay. Đi mang bìa lại đây...

Uống cốc này sang cốc khác, hết cả chai, bác liếm rìa mép và nói:

- Chú em ạ⁽¹⁾, chú mà lớn hơn chút nữa thì tao có thể dạy cho được nhiều điều đấy. Tao không phải là

(1) Nguyên văn: con chim ạ.

thằng ngốc, tao cũng có những điều có thể nói được cho kẻ khác nghe... Mà cứ đọc sách đi. Trong đó có đủ tất cả những điều cần biết đấy. Sách vở không phải là trò vô bổ đâu! Có muốn uống bia không?

- Cháu không thích.

- Tốt. Đừng uống làm gì. Nghiện ngập khổ lắm! Rượu chè là của ma quỷ. Tao mà giàu có thì tao đã cho mày đi học rồi. Người vô học chỉ là một con bò đực. Muốn đeo cái ách lên cổ hay muốn xẻo thịt nó ra thì nó cũng chỉ biết vẫy đuôi...

Bà vợ thuyền trưởng cho bác mượn một tập truyện của Gô-gôn⁽¹⁾. Tôi đọc *Chuyện báo thù khủng khiếp* và rất thích truyện ấy, nhưng bác Xmurui lại cáu kỉnh kêu lên:

- Tầm bậy, chuyện bịa cả! Tao biết có những quyển sách khác...

Bác tức mất của tôi quyển sách, rồi mượn được của bà vợ thuyền trưởng một quyển khác, bác cau có ra lệnh:

- Đọc *Tarat*⁽²⁾... xem sao? Mà tìm xem tên ông ta là gì. Bà ta khen hay lắm. Hay đối với ai mới được chứ? Đối với bà ta có lẽ hay, nhưng với tao có thể lại không hay thì sao? Bà ta đã cắt tóc ngắn rồi! Sao không cắt luôn cả tai một thể?

(1) Nhà văn Nga vĩ đại (1809-1852).

(2) Đây muốn nói đến cuốn *Tarat Bunba* của Gô-gôn.

Khi Tarat thách Ôxtap ra độ sức, bác đầu bếp cười rống lên:

- A! Khá lắm! Mà có học, còn tao thì có sức! Sách thế mới là sách chứ! Lũ lạc đà!...

Bác nghe chăm chú, nhưng thường cầu nhàu:

- Ê, tầm bậy! Không thể nào có thể chém đứt đôi người từ bả vai xuống đến mông được, không thể được! Và cũng không thể xóc vào ngọn dáo mà nâng lên được - dáo gãy mất còn gì? Tao cũng đã từng là lính...

Sự phản bội của Andri làm cho bác ghê tởm.

- Thằng nhãi ranh đốn mạt! Chỉ vì đàn bà mà thôi! Phì...

Nhưng khi Tarat bắn chết đứa con thì bác đầu bếp liên bỏ thông chân xuống giường, cúi mặt, tỳ tay vào giường mà khóc. Nước mắt chảy từ từ trên má, nhỏ giọt xuống sàn tàu. Bác sụt sịt và lẩm bầm:

- Ôi, lạy Chúa... lạy Chúa tôi...

Rồi bỗng quát tôi:

- Đọc đi chứ, ranh con⁽¹⁾.

Bác lại khóc, và khi mà Ôxtap trước khi chết kêu lên "Cha ơi! Cha có nghe không đấy?" thì bác khóc oà lên một cách dữ dội hơn và cay đắng hơn.

- Tất cả đều chết hết, - bác Xmurui nức nở - tất cả! Hết rồi à? Ôi, thật là tệ hại! Người như Tarat ấy mới là người! Phải, đấy mới thật là những con người...

(1) Nguyên văn: cái xương quai này!

Bác giăng quyển sách ở tay tôi rồi vừa chăm chú ngắm nghía nó vừa nhỏ lệ xuống bìa sách.

- Quyển sách hay thật! Thú vị thật!

Sau khi đó chúng tôi đọc truyện *Aivanhô*. Bác Xmurui rất thích *Risa Plantagênet*⁽¹⁾.

- Đó mới là một ông vua chân chính! - bác nói một cách tin tưởng.

Còn tôi thì lại cho câu chuyện ấy đáng chán.

Nói chung sở thích của chúng tôi không giống nhau. Tôi rất say mê *Truyện chú bé Tômat Iônet*⁽²⁾ - bản dịch cũ của *Truyện Tôm Jôn*, đứa bé bỏ rơi, nhưng bác Xmurui thì lại cầu nhàu:

- Vớ vẩn! Tao cần cóc gì thằng Tôm ấy? Nó có giúp cho tao được quái gì đâu, cần phải có những quyển sách khác.

Một hôm tôi bảo bác rằng tôi biết có những quyển sách khác, những sách bí mật, sách cấm ấy chỉ có thể đọc vào ban đêm, ở dưới các hầm nhà.

Bác tròn tròn mắt, vênh râu lên.

- Sao? Mà nói bịa gì thế?

- Cháu không nói dối đâu. Có một cố đạo hỏi cháu trong buổi xưng tội về những quyển sách ấy. Và trước đó, chính cháu đã trông thấy người ta đọc những quyển sách ấy, họ còn khóc nữa...

(1) Tiểu thuyết của W.Scôt (1771-1831).

(2) Tiểu thuyết của Henri Findin (1707-1754).

Bác đầu bếp cau mày nhìn thẳng vào mặt tôi hỏi:

- Ai khóc?

- Cô tiểu thư ngồi nghe. Còn cô kia thì sợ đến nỗi bỏ chạy mất.

- Mày nói mê đấy, tỉnh lại đi - bác Xmurui vừa nói vừa từ từ nhắm mắt lại. Sau một phút yên lặng, bác lẩm bầm:

- Tất nhiên là ở một nơi nào đó, phải có... một điều gì thầm kín. Không thể nào không có được... Tao không còn ở vào lứa tuổi đó nữa, và tính tao cũng không... Tuy nhiên...

Bác có thể nói một cách hùng hồn như vậy hàng giờ...

Dần dần tôi tự nhiên quen đọc và mượn sách đọc một cách hứng thú. Những điều kể trong sách đều khác hẳn với cuộc sống. Chúng dễ chịu hơn, còn cuộc sống thì mỗi ngày một nặng nề hơn.

Bác Xmurui cũng ham đọc sách hơn. Bác thường bắt tôi bỏ dở công việc.

- Pêskôp, đi lấy sách ra đọc.

- Cháu còn nhiều bát đĩa chưa rửa lắm.

- Thằng Macxim sẽ rửa cho.

Với giọng gắt gỏng, bác xua người rửa bát chính đi làm thay công việc cho tôi. Anh ta tức tối đập vỡ

cốc để trả thù. Người chủ tiệm hiền lành báo trước cho tôi biết:

- Tao sẽ đuổi mày khỏi tàu đấy!

Một lần Macxim cố ý để sót mấy chiếc cốc trong chậu nước bồn lặn nước trà uống thừa. Tôi hắt nước ra ngoài thành tàu và hắt luôn cả những chiếc cốc xuống sông.

- Đó là lỗi của tôi! - bác Xmurui nói với người chủ tiệm - ông ghi vào tài khoản tôi.

Bọn người phục vụ trong tiệm bắt đầu lườm nguyệt tôi và bảo tôi:

- Ê, thằng kia, con một sách! Người ta thuê mày để làm gì?

Và họ thường làm bắn bát đĩa một cách vô duyên cớ, cố đùn công việc cho tôi thật nhiều. Tôi hiểu rằng những việc đó sẽ đưa đến một kết thúc không tốt đối với tôi và tôi đã không lầm.

Gần tôi, một mù đàn bà mặt đỏ tía cùng với một cô gái trùm khăn vàng, khoác áo bu-lu mới màu hồng, từ một bến nhỏ lên tàu của chúng tôi. Cả hai đều ngà ngà say. Mù đàn bà tùm tùm cúi chào mọi người và nói nghe rõ chữ "ô" như thấy phụ lễ.

- Xin lỗi anh em nhé, tôi có uống một đôi tí rượu! Người ta kết án tôi, rồi lại tuyên bố trắng án cho tôi. Vì thế tôi mới uống mừng...

Cô gái cũng vừa cười khúc khích, vừa nhìn mọi người bằng cặp mắt mờ đục và đẩy mù đàn bà:

- Đi đi, đồ thổ tả⁽¹⁾, đi đi, liệu đấy...

Họ ở gần khoang hạng nhì, đối diện với buồng ngủ của bác Iakôp Ivanôvits và Xecgây. Chẳng bao lâu mù đàn bà đã biến đâu mất, còn Xecgây thì ngồi gần cô gái và há hốc chiếc mồm nhái ra một cách khao khát.

Đến khuya, lúc tôi đã làm xong công việc, và sắp nằm ngủ trên bàn, Xecgây đến bên cạnh và kéo tay tôi.

- Lại đây, chúng tao sẽ cưới vợ cho mày...

Hắn đang say rượu. Tôi cố gỡ tay ra, nhưng hắn liền quai cho tôi một cú.

- Đi đi!

Macxim chạy đến. Anh ta cũng say rượu. Cả hai lôi tôi lên boong tàu, đến buồng của mình ngang qua chỗ các hành khách đang ngủ. Nhưng bác Xmurui đã đứng ở cửa buồng. Bác Iakôp Ivanuts thì đứng giữ chặt lấy khung cửa, còn cô con gái thì đang lấy tay thụi vào lưng bác ta và kêu lên bằng một giọng say chénh choáng:

- Bỏ ra...

Bác Xmurui lôi tôi ra khỏi tay của Xecgây và Macxim rồi túm lấy tóc họ, đập đầu họ vào nhau và đẩy họ ra. Cả hai cùng ngã quỵ xuống...

(1) Nguyên văn: đồ dịch hạch.

- Đồ châu Á! bác nói với Iakôp, rồi đóng sập cửa ngay trước mặt bác này. Vừa đẩy tôi, bác vừa rống lên:

- Cút đi ngay!

Tôi chạy ra đằng lái. Bầu trời đêm đầy mây. Sông đen sẫm. Hai con đường nhỏ màu xám sau đuôi tàu đang sôi lên và tách ra về phía đôi bờ không thấy rõ. Chiếc sà lan được kéo theo giữa hai con đường đó. Những đốm lửa đỏ hiện ra, lúc ở bên phải, lúc ở bên trái, không soi rõ được gì, rồi lại biến mất sau những chỗ ngoặt bất ngờ của bờ sông. Sau đấy, đêm càng như đen tối thêm và tôi càng thấy khổ sở hơn nữa.

Bác đầu bếp chợt đi đến, ngồi xuống cạnh tôi, thở dài với vẻ mặt nặng nề và đánh diêm châm thuốc hút.

- Chúng nó kéo mây đến với con ấy à? Hừ, lũ đốn mạt! Tao nghe được chúng nó mưu tính với nhau...

- Bác đã cứu cô ta khỏi bọn họ chứ?

- Cô ta ấy à? - bác chửi cô con gái mấy câu thô tục và nói tiếp, giọng nặng nề - Tất cả bọn ở đây đều là một lũ chó chết. Cái tàu thủy này còn tệ hơn ở thôn quê nhiều. Mà đã sống ở nhà quê chưa?

- Chưa ạ.

- Thôn quê hoàn toàn hỏng cả! Nhất là mùa đông.

Vứt mẩu thuốc qua thành tàu, bác lặng yên một lúc rồi lại nói:

- Trong cái chuồng lợn này, mày đến hông mất! Tao thương hại cho mày, con chó ạ. Và thương cho cả mọi người. Đôi khi tao chẳng biết làm thế nào nữa... đến nỗi muốn quỳ xuống mà hỏi họ: "Các người làm gì thế, hở lũ chó má kia? Sao lại thế, hở lũ mù quáng kia?" Thật là lũ ngu xuẩn...

Còi tàu rúc lên một hồi dài. Chiếc dây cáp lại đập xuống mặt nước. Trong bóng đêm dày đặc, một đốm đèn lồng lắc lư chỉ cho biết chỗ nào là bến tàu. Từ trong bóng tối lại hiện ra vài đốm lửa nữa.

- Rừng "Say", - bác đầu bếp cầu nhàu - và có cả sông "Say" nữa. Có một tay quân nhu tên là "Say", rồi thư ký cũng "Say"... Thôi, phải lên bờ cái đã...

Một đám đàn bà và con gái to lớn vùng sông Kama khiêng củi trên những chiếc cáng dài từ trên bờ xuống tàu. Khom lưng dưới dây đeo, họ đi từng đôi, nhún nhảy như nhảy múa, tới phía hầm lò và trút những thanh củi dài nửa xajen⁽¹⁾ vào chiếc hầm đen ngòm, miệng kêu vang:

- Từ từ chứ!

Khi họ mang củi xuống, bọn thủy thủ liền sờ soạng vào vú, vào đùi họ. Lũ đàn bà hét inh ỏi và nhổ nước bọt vào bọn đàn ông. Khi quay lên bờ, họ dùng cáng để chống đỡ, và đánh những người định véo và xô đẩy họ. Tôi thấy những cảnh tượng đó hàng chục

(1) Một xajen bằng 2,13m.

lân: trong mỗi chuyến đi, ở tất cả những bến mà tàu dừng để lấy thêm củi đều xảy ra những trò như vậy.

Tôi có cảm giác như mình đã già, đã sống nhiều năm trên chiếc tàu thủy này và biết hết mọi điều xảy ra ở trên tàu trong ngày mai, tuần sau, trong mùa thu và cả sang năm sau nữa.

Trời đã hửng sáng. Trên bờ cát dốc cao hơn bến tàu hiện ra một khu rừng thông rậm rạp. Những người đàn bà leo dốc đi về phía rừng, vừa hát, vừa cười, vừa hú... Vũ trang bằng những chiếc cáng dài, trông họ như những người lính.

Tôi muốn khóc lên. Nước mắt sục sôi trong ngực. Trái tim như bị nung nấu trong đám nước mắt nóng bỏng đó. Tôi thấy đau nhói cả người.

Nhưng khóc thì thật xấu hổ, nên tôi đi giúp anh thủy thủ Bliakhin rửa boong tàu.

Bliakhin là một con người tầm thường không có gì đặc sắc. Vẻ nhợt nhạt, ủ rũ, lúc nào cũng cúi vào các xó xỉnh và từ đó chỉ thấy ánh lên hai đốm mắt nhỏ xíu.

- Thực ra tên tục của tớ không phải là Bliakhin mà là... Bởi vì mẹ tớ đã sống một cuộc đời sa đoạ, chú mày hiểu chứ? Tớ có em gái, nhưng nó cũng giống mẹ. Có lẽ số phận đã dành cho cả hai như vậy. Số phận dành cho tất cả bọn chúng ta là cái neo, chú em ạ! Sao chú mày không đi nơi khác đi, à, hãy khoan...

Anh ta vừa kéo lê chiếc chổi trên boong tàu vừa thủ thủ nói với tôi:

- Chú mày thấy chúng nó chọc ghẹo lũ đàn bà như thế đấy! Thế đấy! Đến thanh củi ẩm đốt lâu rồi cũng phải cháy! Tớ không ưa điều đó, không thích chút nào, chú em ạ. Nếu như tớ sinh ra là đàn bà thì tớ sẽ tự vẫn ngay ở chỗ nước xoáy đen ngòm cho rảnh. Chúa Giêsu che chở cho chúng sinh thế đấy!... Như thế này cũng đã chẳng ai muốn gì, thế mà chúng nó lại còn khơi lửa lên nữa chứ! Tớ nói thật đấy, bọn hoạn không phải là dân ngu ngốc đâu. Mày đã nghe nói về bọn hoạn rồi chứ? Thật là một bọn thông minh, chúng đã đoán rất đúng: hãy vứt bég mọi vật nhỏ nhặt và dốc lòng thờ phụng Chúa...

Bà vợ ông thuyền trưởng, váy xắn cao, đi tránh những vũng nước ngang qua chỗ chúng tôi. Bà luôn luôn dậy sớm. Người bà cao lớn, cân đối, khuôn mặt của bà rất là giản dị, sáng sủa... Tôi chỉ muốn chạy theo bà ta và thành khẩn van xin:

- "Bác hãy kể cho cháu nghe một chuyện gì đi, bác kể nhé!..."

Con tàu chậm chạp rời bến. Anh Bliakhin vừa làm dấu vừa nói:

- Tàu đi rồi...

VI

Đến Xarapun, Macxim rời bỏ tàu. Anh ra đi lặng lẽ, không chào ai, dáng điệu nghiêm trang và bình thản. Theo sau anh là mẹ đàn bà vui tính, vừa đi, vừa cười tủm tỉm và cô con gái, váy áo nhàu nát, cặp mắt sưng húp. Còn Xecgây thì quỳ rất lâu trước buồng thuyền, hấn hôn tám ván cửa, đập trán vào đó mà gào lên:

- Xin ông tha thứ cho con, con không có lỗi đâu. Đây là Macxim...

Thủy thủ, bọn hầu bàn và cả một vài hành khách tuy biết là hấn nói dối, nhưng cũng khích lệ:

- Cứ thế, cứ thế! Ông ấy sẽ tha tội cho đấy!

Thuyền trưởng đuổi cổ hấn ra, thậm chí còn lấy chân đạp cho một cái khiến Xecgây ngã lộn nhào, nhưng cuối cùng cũng tha thứ cho hấn. Xecgây lập tức lại chạy khắp boong tàu, bưng các khay đựng âm chén trà tới các bàn và nhìn thẳng vào mặt mọi người với vẻ xu nịnh như con chó.

Để thay chân Macxim, người ta tuyển trên bờ xuống một anh lính miền Viaxka nhỏ bé, gầy gò, có cái đầu nhỏ xúi, với cặp mắt màu nâu. Người phụ bếp liền sai anh đi cắt tiết gà. Anh lính cắt được hai con, còn lại bao nhiêu thì đánh xống ở trên boong. Hành khách chạy đi bắt gà. Ba con gà mái bay mất ra ngoài thành tàu. Anh lính bèn ngồi ngay trên đồng củ cạnh bếp, khóc rưng rức...

- Mày làm sao thế hả đồ ngốc? - bác Xmurui ngạc nhiên hỏi anh - Lính tráng mà lại khóc à?

-Cháu ở đại đội hậu cần, - anh lính khề nói:

Việc mất gà và khóc lóc này đã làm hại anh lính. Nửa giờ sau, mọi người trên tàu thủy đều giễu cợt anh, họ đến sát bên anh, đưa mắt nhìn thẳng vào mặt anh và hỏi:

- Anh chàng này đây à?

Và họ phá lên cười rũ rượi, cái lối cười chọc tức thật lố bịch.

Ban đầu anh lính không nhìn ai, không nghe thấy tiếng cười. Anh lấy tay áo bằng vải hoa đã cũ quệt nước mắt trên mặt, tựa như giấu những giọt nước mắt vào trong tay áo. Nhưng chẳng bao lâu cặp mắt nâu của anh loé lên vẻ giận giữ, anh cất giọng miền Viaxka nói líu ríu như tiếng chim ác - là:

- Sao các người lại cứ giương nhỡn cầu ra mà nhìn tôi như thế? Đem mà bằm vằm các người ra...

Điều đó càng làm cho người xem vui nhộn thêm. Họ chọc vào người anh, túm lấy áo, lấy tạp dề của anh, trêu anh như trêu một con dê và cứ như vậy chòng ghẹo anh cho đến tận bữa ăn trưa. Sau bữa ăn, một người cầm một miếng chanh vắt rồi vào đuôi một chiếc thìa gỗ rồi buộc vào dải tạp dề sau lưng anh lính. Khi anh ta đi, chiếc thìa lủng lẳng sau lưng. Mọi người cười rộ lên, còn anh thì cứ chạy ngược chạy xuôi như một con chuột nhắt bị bắt, không hiểu vì sao người ta lại cười.

Bác Xmurui lặng lẽ theo dõi anh lính với vẻ đứng đắn, bộ mặt của bác giống hệt như mặt đàn bà.

Tôi thấy thương hại anh lính. Tôi hỏi bác đầu bếp:

- Có thể bảo anh ấy biết chuyện cái thìa không, bác?

Bác yên lặng gật đầu.

Khi tôi nói cho anh lính biết người ta cười cái gì, anh liền quờ ngay được cái thìa, giật ra, ném xuống sàn và lấy chân giậm lên, rồi anh dùng hai tay túm lấy tóc tôi. Chúng tôi bắt đầu đánh nhau. Đám người đứng xem rất khoái chí, họ lập tức vây tròn lấy chúng tôi.

Bác Xmurui gạt đám người, tách hai đứa tôi ra và đầu tiên kéo tai tôi, sau kéo tai anh lính. Khi đám người đứng xem trông thấy cảnh anh lính bé nhỏ lắc lư cái đầu và nhảy nhót dưới cánh tay của bác đầu

bếp, họ lại điên cuồng la hét, huýt sáo, giậm chân và cười rũ ra.

- Hoan hô chú lính! Húc đầu vào bụng lão bếp ấy!

Sự hân hoan mọi rợ của bấy người đó khiến tôi muốn nhảy xổ vào họ, cầm thanh củi và phang thẳng vào những cái đầu bẩn thỉu kia.

Bác Xmurui thả anh lính ra rồi chấp hai tay sau lưng, bác đi về phía đám người xem như một con lợn lòi, râu vểnh lên, răng nhe ra một cách ghê sợ.

- Ai về chỗ nấy - bước! Đồ châu Á...

Anh lính lại xông đến chỗ tôi, nhưng bác Xmurui dùng một cánh tay kẹp lấy anh, mang đến vòi nước và bơm nước giội lên đầu anh lính, lật ngang lật ngửa cái thân hình ốm yếu của anh ta như vằn một con búp bê vải.

Các thủy thủ cùng người hoa tiêu và người giúp việc cho thuyền trưởng chạy đến; đám người lại xúm lại. Ông chủ tiệm đứng cao hơn mọi người đến một cái đầu. Như mọi khi, ông lặng thinh không nói một lời.

Anh lính ngồi thụp xuống đồng cúi cạnh bếp, hai tay run run tháo đôi ủng và bắt đầu vắt nước ở các miếng giẻ quấn chân. Nhưng những miếng giẻ ấy đều khô, mà nước thì lại nhỏ từ đám tóc lưa thưa của anh xuống. Cảnh tượng đó lại làm cho những người đứng xem phì cười.

- Các người đều cùng một duộc cả, - anh lính nói bằng giọng the thé - tôi sẽ giết chết thằng bé!

Vừa vịn vai tôi, bác Xmururi vừa nói gì đó với người giúp việc thuyền trưởng. Các thủy thủ giải tán đám đông. Khi mọi người đã tản đi hết, bác đầu bếp hỏi anh lính:

- Bây giờ biết xử trí với mày sao đây?

Anh ta lặng thinh, nhìn tôi bằng cặp mắt man rợ, người rung lên một cách lạ thường:

- Nghiê...iêm, thằng động kinh kia! - bác Xmururi nói.

Anh lính trả lời:

- Gì mà la lên như cái kèn ấy? Đây không phải là trong trại lính!

Tôi thấy bác đầu bếp đỡ người ra vì mắc cỡ. Đôi má đang phồng của bác xẹp hẳn xuống và nhả nhúm lại. Bác nhổ một bãi nước bọt và bỏ đi, kéo tôi đi theo. Tôi bâng hoàng bước sau bác, chốc chốc lại ngoái nhìn anh lính, còn bác Xmururi thì nói lẩm bẩm, vẻ như băn khoăn:

- Hừ, gớm chữa? Thôi mặc chúng bay...

Xecgây đuổi theo chúng tôi và không hiểu vì sao lại nói thì thầm:

- Nó định cắt cổ tự tử đấy!

- Đâu? - Bác Xmururi hét lên và chạy lại.

Anh lính đứng ở cửa buồng của những người hầu bàn, tay cầm một con dao to. Con dao này người ta thường dùng để chặt đầu gà và chẻ củi nên nó đã cùn và sứt mẻ như một cái răng cưa. Đám người đứng trước buồng đang theo dõi anh chàng bé nhỏ buồn cười đầu óc ướt đầm đẫm. Chiếc mũi tẹt của anh lính rung rung như miếng thịt đông, mồm há hốc ra, vẻ mệt mỏi, đôi môi mấp máy. Anh rống lên:

- Quân hành hạ người... Quân hành hạ... ạ...

Nhảy lên một chỗ cao, qua đầu đám đông, tôi nhìn vào mặt họ: đám người tím tím, khúc khích cười và bảo nhau:

- Xem kìa, xem kìa...

Khi thấy anh lính đưa bàn tay gầy guộc như tay trẻ con nhét chiếc áo tuột ra ngoài quần, một người đàn ông nom dễ coi đứng bên tôi thở dài nói:

- Sắp chết mà vẫn còn sửa quần...

Đám người đứng xem liền cười ồ lên. Rõ ràng là không ai tin anh lính có thể tự tử, cả tôi cũng vậy. Bác Xmurui liếc nhìn anh lính, rồi vừa xô đẩy mọi người bằng cái bụng của mình vừa nói:

- Cút ngay, đồ ngốc!

Bác gọi chung mọi người là “đồ ngốc”, rồi bác đi về phía một tốp, quát lên:

- Về chỗ, đồ ngốc!

Cái đó nghe cũng buồn cười, nhưng hình như vậy: ngày hôm nay, từ sáng tới giờ, mọi người chỉ là một thằng đại ngốc.

Đuổi xong đám đông, bác đi lại phía anh lính và giờ tay ra:

- Đưa con dao đây...

- Tất cả đều cùng một duộc cả, - anh lính vừa nói, vừa chìa lưỡi dao ra. Bác đầu bếp dúi con dao cho tôi rồi đẩy anh lính vào buồng.

- Nằm ngủ đi một lát! Sao mày lại thế, hở?

Anh lính lặng lẽ ngồi lên giường.

- Nó sẽ đưa rượu vodka và thức ăn đến cho. Có uống được vodka không?

- Cũng uống được chút ít...

- Mày coi chừng đấy, đừng có đụng vào nó. Nó có chế nhạo mày đâu, hở? Tao bảo là không phải nó...

- Thế tại sao người ta lại làm tình làm tội cháu thế? - anh lính hỏi khe khẽ.

Bác Xmurui chưa nói ngay, sau một lúc bác cau có trả lời:

- Tao biết đâu đấy!

Khi đi với tôi vào bếp, bác lắm bầm:

- Hừ, thật vậy, chúng nó châu đầu vào mà vằn thằng khố rách ấy! Mày thấy thế nào? Đấy! Chú em ạ, chúng có thể làm cho người khác phát điên lên

được, có thể... chúng cứ bám lấy như một lũ rệp, thế là - tong! Rệp đã thấm vào đầu! Chúng còn độc ác hơn loài rệp nhiều...

Khi tôi mang bánh mì, thịt và rượu vốtka tới thì anh lính đang ngồi trên giường, người lắc lư nghiêng ngả và khóc ti tỉ, sụt sịt như đàn bà. Tôi đặt đĩa lên chiếc bàn con và nói:

- Ăn đi...

- Đóng cửa lại.

- Đóng thì tối om.

- Đóng, không có chúng nó lại mò vào...

Tôi bỏ đi. Tôi không thích anh lính. Anh không gọi được lòng trắc ẩn, lòng thương hại của tôi. Điều đó thật là khó xử, vì bà tôi nhiều lần vẫn dạy tôi:

“Phải biết thương người. Mọi người đều bất hạnh, đều sống chật vật...”

- Mang đến chưa? - bác đầu bếp hỏi tôi. - Thế nào, nó làm gì ở đằng ấy?

- Đang khóc.

- Hừ... đồ bị thịt! Lính tráng gì nó!

- Cháu không thể thương được nó đâu.

- Thế nào? Mà nói sao?

- Phải biết thương người...

Bác Xmurui nắm lấy tay tôi kéo lại gần mình rồi trang trọng nói:

- Không nên thương người một cách miễn cưỡng, nhưng nói càn cũng không tốt đâu, hiểu chưa? Cháu không nên nghĩ vớ vẩn làm gì, hãy hiểu lấy mình đã...

Và đẩy tôi ra, bác cau có nói thêm:

- Đây không phải là đất sống của mày đâu! Này, hút một điếu...

Hành vi của hành khách dẫn dắt tôi, làm tôi bị xúc động mạnh. Tôi cảm thấy trong việc họ chế nhạo anh lính, việc họ cười hô hố một cách khoái trá khi bác Xmurui xách tai anh ta, có một cái gì đáng sỉ nhục khó tả, nó đè nặng lên tâm hồn tôi. Sao họ lại có thể thích thú với những trò ghê tởm, đáng thương ấy? Có gì đáng làm cho họ buồn cười một cách khoái trá đến như vậy?

Và giờ đây họ lại đang ngồi hoặc nằm dài dưới mũi tàu thấp lè tè, ăn uống, đánh bài, nói chuyện với nhau một cách bệ vệ và hoà thuận, ngắm dòng sông, tựa hồ như không phải họ là những kẻ một giờ trước đã la ó, nhạo báng người khác vậy. Tất cả bọn họ đều có vẻ trầm lặng, uể oải như mọi khi. Từ sáng đến chiều họ chậm rãi chen lẫn nhau trên tàu như lũ ruồi con hay đám bụi trong tia nắng. Và đây, hàng chục người đang chen nhau ở cầu tàu, vừa làm dấu vừa rời tàu lên bến. Và từ bến tàu lại có những người giống hệt như họ đang xô vào họ để xuống tàu, những người này cũng còng lưng dưới sức nặng của bị, bọc, hòm xiểng, cũng ăn mặc y như vậy...

Sự thay đổi hành khách thường xuyên đó không làm thay đổi tí nào cuộc sống trên con tàu. Những hành khách mới sẽ nói đến những chuyện mà các hành khách trước đã nói: chuyện ruộng đất, chuyện công ăn việc làm, chuyện Chúa, chuyện đàn bà - và cũng với những lời lẽ như vậy.

- Chúa đã bắt phải chịu đựng thì con người phải chịu đựng! Số phận của chúng ta là như thế, biết làm sao được...

Những lời nói ấy nghe thật buồn tẻ và làm tôi rất bức tức. tôi không thể nào chịu đựng được sự nhơ bẩn, tôi phẫn nộ trước những thái độ độc ác, bất công, sỉ nhục đối với tôi. Tôi cảm thấy rõ ràng tôi không đáng phải chịu những điều như thế. Và anh lính cũng không đáng phải chịu. Có thể là chính anh ta muốn trở thành trò cười cũng nên...

Anh Macxim - một thanh niên đứng đắn, hiền lành thì bị người ta đuổi khỏi tàu. Còn Xecgây - một tên đê tiện thì người ta để lại. Toàn là chuyện ngược đời. Mà tại sao những kẻ có thể làm tình làm tội người ta, khiến người ta gần như phát điên lên ấy, lại luôn luôn ngoan ngoãn phục tùng những tiếng la hét giận dữ của thủy thủ, lại có thể bình thản nghe những lời chửi rủa của họ?

- Gì mà đổ xô ra thành tàu thế này? - người hoa tiêu quát to, cặp mắt đẹp nhưng dữ tợn nheo lại - Làm nghiêng cả tàu rồi. Giải tán đi, lũ quỷ mặc áo dạ này...

Lũ “quỉ” liền ngoan ngoãn kéo nhau sang thành bên kia, nhưng ở bên đó người ta lại đuổi họ đi chỗ khác như đuổi một đàn cừu.

- A, cái lũ đáng nguyên rủa này...

Vào những đêm nóng rực, nằm dưới mái tôn bị thiêu đốt suốt cả ngày thật là ngột ngạt. Hành khách như những con gián bò lổm ngổm khắp boong tàu, bọ đậu nằm đấy. Trước khi tàu cập bến, các thủy thủ lấy chân đá họ dậy.

- Ê, sao lại nằm ườn cả ra lối đi thế này! Cút về chỗ ngay...

Họ dậy và mơ màng chuyển về phía mà người ta đẩy tới.

Những người thủy thủ cũng giống như họ thôi, có điều là ăn mặc khác họ, nhưng lại chỉ huy họ như những viên cảnh sát vậy.

Điều nổi bật trước hết trong những con người ấy là cái vẻ lặng lẽ, rụt rè, phục tùng một cách thâm hại của họ. Và cũng thật là lạ lùng, thật là đáng sợ khi thấy dưới lớp vỏ của sự phục tùng đó bỗng nhiên nổ ra một trò tình quái tàn nhẫn, vô nghĩa và hầu như luôn luôn là những trò đùa đáng buồn. Tôi có cảm giác rằng họ không biết người ta sẽ chở họ tới đâu. Người ta cho họ lên bến nào họ cũng chẳng cần. Họ có lên một bến nào đi chẳng nữa thì sau một thời gian không lâu ở trên bờ, họ lại xuống một chiếc tàu

này hay tàu khác để đi đến một nơi nào đó. Họ như những kẻ lạc đường, không người thân thích. Mọi bến bờ đều xa lạ đối với họ. Và tất cả bọn họ đều hèn nhát đến mức không thể tưởng tượng được.

Một lần vào lúc quá nửa đêm, trong máy có một bộ phận nào đó bị vỡ và nổ nghe như súng đại bác. Lập tức boong tàu bị bao phủ bởi một đám hơi nước trắng như mây từ hầm máy toả lên dày đặc và lọt qua mọi khe ngách. Một người đứng khuất ở đâu đó kêu thất thanh:

- Gavrilô, sơn đỏ, nỉ...

Tôi ngủ gục buồng máy, trên chiếc bàn vẫn dùng làm chỗ rửa bát đĩa. Khi tiếng nổ và sự rung chuyển làm tôi thức dậy thì trên boong còn yên lặng. Hơi nóng phun phì phì trong máy, tiếng búa đập hồi hả. Nhưng một phút sau, tất cả hành khách trên boong đã rống lên, la ó hỗn loạn khiến cho tình hình bỗng chốc trở nên vô cùng khủng khiếp.

Trong đám sương mù trắng xoá đang tan rất nhanh, những người đàn bà để đầu trần, đàn ông quần áo tả tơi, mắt tròn xoe như mắt cá, chạy nhón nháo, xô nhau ngã dúi dụi. Mọi người lôi kéo tay nải, bao bị, hòm xiểng chẳng biết đưa đi đâu. Họ vừa vấp ngã vừa cầu Chúa, cầu thánh Nikôla thần thông, vừa đánh lẫn nhau. Cảnh tượng thật là khủng khiếp, nhưng đồng thời cũng rất thú vị. Tôi chạy theo mọi người và luôn luôn theo dõi xem họ làm những gì.

Lần đầu tiên tôi được thấy cảnh hốt hoảng ban đêm như thế và không hiểu tại sao tôi biết ngay là hành khách đã hoảng sợ một cách vô lý. Tàu thủy vẫn chạy với tốc độ như cũ, không hề chậm lại. Phía bên phải thành tàu rất gần, có những đồng lửa của những người cắt cỏ đang cháy. Mặt trăng tròn lơ lửng trên cao, giữa bầu trời trong sáng.

Nhưng trên boong người ta vẫn nhốn nháo mỗi lúc một dữ hơn. Những hành khách ở các phòng hạng nhất lao lên boong. Một người nhảy ùm xuống sông, người thứ hai nhảy theo, rồi người nữa... Hai người đàn ông và một thầy tu cầm những thanh củi ra sức phá long chiếc ghế dài gắn ở boong tàu. Phía đuôi tàu người ta quăng một cái lồng gà lớn xuống nước. Giữa boong tàu, bên cạnh chiếc thang lên đài thuyền trưởng, một người đàn ông vừa quỳ lạy những kẻ chạy qua trước mặt mình, vừa gào lên như một con chó sói:

- Các đồng hữu chính giáo ơi, tôi là kẻ có tội...

- Cho thuyền lại đây, lũ quỷ sứ kia! - một lão quý phái to béo mặc độc một chiếc quần, không áo, nắm tay đâm vào ngực quát tháo.

Các thủy thủ chạy lại, túm lấy cổ áo từng người, nện lên đầu họ rồi quật họ xuống sàn tàu. Bác Xmurui khoác một chiếc áo bành tô ra ngoài bộ quần áo ngủ, vừa đi đi lại lại với dáng nặng nề, vừa thuyết phục mọi người bằng một giọng oang oang.

- Các người không biết xấu hổ à? Chuyện gì mà làm loạn cả lên thế? Tàu đã dừng lại rồi, nó vẫn đứng yên, có việc gì đâu! Đấy, bờ sông kia kìa! Cái bọn ngu ngốc vội nhảy xuống sông đã được những người cắt cỏ vớt và lôi lên rồi. Kìa, họ kia kìa! Hai chiếc thuyền đấy, có thấy không?

Còn đối với hành khách hạng ba thì bác lấy nắm tay nện vào đầu họ, và họ lặng lẽ ngã lăn quay ra trên sàn tàu như những cái bao tải.

Cuộc hỗn loạn chưa yên thì một bà mặc áo choàng dài, tay cầm một chiếc thìa xúp, nhảy xổ lại phía bác Xmurui, vung nó sát vào mũi bác ta, kêu lên:

- Mà dám nói như thế à?

Một ông ướm lướt thướt giữ bà ta lại, vừa liếm hàng ria mép vừa bực tức nói:

- Thây kệ cái lão ngốc ấy... .

Bác Xmurui buông hai tay xuống, nhấp nháy mắt với vẻ lúng túng và hỏi tôi:

- Thế là thế nào, hở? Tại sao mụ ấy nhảy xổ vào tao? Xin đa tạ! Đúng là tao mới thấy mụ lần đầu!...

Một người đàn ông khác, khắc ra một cục máu, kêu lên:

- Con người như vậy đấy! Thật là một lũ ăn cướp!

Suốt mùa hè, tôi đã hai lần thấy sự kinh hoàng như vậy trên tàu thủy, và cả hai lần đều không phải do sự nguy hiểm trực tiếp gây nên, mà do sự khiếp sợ

trước khả năng có thể xảy ra tai nạn. Lần thứ ba, hành khách tóm được hai thằng ăn cắp, một trong hai đứa ăn mặc như người lữ hành. Họ bí mật đánh chúng gần suốt một tiếng đồng hồ không cho thủy thủ biết. Khi thủy thủ dẫn bọn ăn cắp đi, họ liền chửi cả thủy thủ.

- Ai còn lạ gì, phường ăn cắp lại bao che cho phường ăn cắp!

- Chính các người cũng là bọn lừa đảo nên các người phải dung túng cho bọn lừa đảo...

Hai tên ăn cắp bị đánh đến ngất đi. Khi người ta trao chúng cho đồn cảnh sát ở bến tàu tiếp đó thì chúng đứng không vững được nữa.

Và còn rất nhiều sự kiện như vậy khiến cho tôi lo lắng, vừa làm tôi không sao hiểu được tâm địa con người - không biết họ hiền hay ác? Ngoan ngoãn hay tinh quái? Và không hiểu tại sao họ đang giận dữ tàn nhẫn bỗng trở thành nhịn nhục một cách đáng hổ thẹn nhanh như vậy?

Tôi đem chuyện đó hỏi bác đầu bếp, nhưng bác phà khói thuốc mù mịt che kín cả khuôn mặt, rồi thường nói với vẻ miễn cưỡng:

- Xi, chuyện ấy làm mày băn khoăn à? Con người bao giờ cũng vẫn là con người... Đứa này thông minh, đứa kia ngu dốt. Mày nên tìm sách mà đọc, đừng có hỏi vớ vẩn. Trong sách, nếu là sách tốt chắc mọi điều đều được người ta nói đến...

Bác không ưa những sách nói về đạo và sự tích các vị thánh.

- Thôi, của này nhường cho các cố đạo, cho con cái cố đạo...

Tôi muốn làm vui lòng bác nên định tặng bác một quyển sách. Tại bến tàu ở Kazan tôi mua quyển *Truyện thuyết về chuyện một người lính đã cứu sống Piôt Đại đế* giá năm kôpếch. Nhưng lúc ấy bác đầu bếp đang say rượu và cáu giận nên tôi không dám tặng bác, mà đầu tiên tự mình đọc trước quyển truyện ấy đã. Tôi rất thích truyện ấy - nó thật là giản dị, dễ hiểu, lý thú và ngắn gọn. Tôi định ninh quyển sách ấy sẽ làm cho ông thầy của tôi vui lòng.

Nhưng khi tôi mang sách đến cho bác, bác lặng thính vò nhàu nó trong lòng bàn tay thành một cục tròn rồi ném xuống sông.

- Đấy, sách của mày đấy, thằng ngốc kia! - bác cau có nói - Tao dạy cho mày như dạy một con chó săn, vậy mà mày vẫn cứ muốn nuốt sống những giống thú săn được à?

Bác giậm chân và quát tướng lên:

- Cuốn sách đó là sách như thế nào? Tao đã đọc hết những điều ngu xuẩn ấy rồi. Những gì viết trong đó mày tưởng là thật cả đấy à? Sao, nói đi.

- Cháu không biết.

- Còn tao thì tao biết! Khi một đứa đã bị chặt đầu và ngã lăn từ bậc thang xuống đất, thì những

đứa khác còn dại gì mà leo lên vừa cỏ khô nữa - bọn lính không phải là những đứa ngốc! Chúng nó chỉ việc đốt phăng vừa cỏ đi là xong chuyện! Hiểu chưa?

- Hiểu ạ.

- Thế đấy! Tao biết vua Piôt mà - với ông ta không thể có những chuyện như vậy được! Thôi, xéo ngay...

Tôi hiểu rằng bác đầu bếp nói đúng, nhưng đầu sao tôi vẫn thích quyển sách ấy. Tôi bèn đi mua một cuốn *Truyện thuyết*... khác về đọc lại một lần nữa và ngạc nhiên thấy rằng quyển sách đó quả thực là tội. Điều đó làm tôi bối rối và tôi càng tin bác đầu bếp hơn, chú ý đến bác hơn. Còn bác thì không hiểu sao ngày càng hay nói với về bực dọc:

- Chà, phải làm thế nào cho mày đi học mới được! Đây không phải là đất sống của mày...

Tôi cũng cảm thấy rằng đây không phải là đất sống của tôi. Xecgây đối xử với tôi rất khả ố. Đã một vài lần tôi thấy hắn ta đánh cắp những đồ trà trên bàn của tôi và lén lút đưa cho hành khách, không cho người chủ tiệm biết. Tôi hiểu đó là trò ăn cắp. Bác Xmurui nhiều lần đã dặn tôi:

- Coi chừng đấy, đừng để bọn hầu bàn lấy những đồ trà trên bàn cháu!

Còn nhiều chuyện không hay đã xảy đến với tôi. Tôi thường muốn trốn khỏi tàu thủy, xuống ngay bên đầu tiên và bỏ vào rừng. Nhưng bác Xmurui đã giữ

tôi lại: bác đối với tôi ngày một dịu dàng hơn. Và sự di chuyển không ngừng của con tàu cũng làm cho tôi say mê một cách kỳ lạ. Mỗi khi nó dừng lại tại bến là tôi lại cảm thấy khó chịu. Tôi chỉ mong xảy ra một chuyện gì đấy để chúng tôi rời sông Kama sang sông Biêlaia, sông Viaka hoặc là đi dọc sông Vonga. Tôi sẽ được trông thấy những bến bờ mới, những thành phố mới, những con người mới...

Nhưng việc đó lại không xảy ra. Cuộc sống của tôi ở trên tàu bị gián đoạn một cách bất ngờ và nhọc nhằn đối với tôi. Một buổi chiều, khi chúng tôi từ Kazan đi tới Nijni, người chủ tiệm gọi tôi tới. Khi tôi vào, ông ta liền khép cửa lại và nói với bác Xmurui đang âu sầu ngồi trên ghế đầu lót thảm:

- Nó đấy.

Bác Xmurui hỏi tôi một câu cộc lốc.

- Mày đưa đồ trà cho thằng Xêriôska⁽¹⁾ phải không?

- Anh ấy tự lấy lúc nào mà cháu không trông thấy.

Người chủ tiệm khẽ nói:

- Không trông thấy nhưng mà biết.

Bác Xmurui nắm tay đấm vào đầu gối mình rồi vừa xoa đầu gối vừa nói:

- Khoan đã, còn kịp...

(1) Xecgây

Và bác ngồi suy nghĩ. Tôi nhìn người chủ tiệm, ông ta nhìn tôi, nhưng sau cặp kính hình như ông ta không có mắt.

Ông ta sống lặng lẽ, đi đứng nhẹ nhàng không có tiếng động, nói năng thường hạ thấp giọng. Đôi khi bộ râu cằm đã bạc màu và đôi mắt lơ đãng của ông ta nhô ra từ một xô nào đó rồi lại biến ngay mất. Trước khi đi ngủ, ông ta quỳ rất lâu trước tượng thánh bên ngọn đèn dầu cháy suốt ngày đêm ở trong tiệm. Tôi nhìn thấy ông ta qua một lỗ cửa giống như hình con át cơ, nhưng tôi thấy được ông ta cầu nguyện như thế nào: ông ta chỉ quỳ và nhìn lên bức tượng thánh và ngọn đèn dầu, rồi vừa vuốt râu vừa thở dài.

Lặng yên một lúc, bác Xmurri lại hỏi:

- Thăng Xêriôska có cho mày tiền không?

- Không.

- Không bao giờ cho à?

- Không bao giờ.

- Nó không nói dối đâu, - bác Xmurri bảo người chủ tiệm, nhưng ông này khê trả lời:

- Dầu sao cũng thế thôi. Anh cứ thế mà làm.

- Thôi đi ra! - bác đầu bếp quát bảo tôi rồi đi lại phía chiếc bàn của tôi, lấy tay búng khê vào đỉnh đầu tôi - Mày là thằng ngốc! Và tao cũng là thằng ngốc! Lẽ ra tao phải để mắt đến mày...

Đến Nijni người chủ tiệm tính tiền công cho tôi.

Tôi nhận được gần tám rúp - món tiền lớn đầu tiên do công sức của mình làm ra.

Lúc từ biệt tôi, bác Xmurui buồn rầu bảo:

- Thế đấy... Từ nay về sau phải mở mắt ra, hiểu chưa? Đừng có lơ mơ mà chết đấy...

Bác nhét vào tay tôi một cái túi con đựng hạt cườm sắc sỡ.

- Cho cháu cái này! Đây là một đồ thêu rất đẹp, do đứa con gái nuôi của bác thêu đấy... Thôi, từ biệt! Hãy đọc nhiều sách vào, đó là điều tốt nhất!

Bác bế xốc nách tôi lên, hôn tôi và thông thả đặt tôi xuống sàn bến tàu. Tôi thấy thương bác và thương cả mình nữa. Suýt nữa thì tôi khóc oà lên khi nhìn thấy bác chen lẫn những người phu khuân vác để trở về tàu. Trông bác to lớn, nặng nề và cô đơn làm sao.

Sau này tôi còn gặp biết bao nhiêu người hiền từ cô đơn và tách lìa khỏi cuộc sống như bác!...

VII

Ông bà tôi lại rời ra thành phố ở. Tôi về nhà ông bà với tâm trạng bức bối và muốn gây gổ, trong lòng nặng trĩu. Vì sao người ta lại xem tôi như là ăn cắp?

Bà tôi âu yếm đón tôi và đi đặt ngay ấm xamôva. Ông tôi hỏi tôi với vẻ giễu cợt như mọi khi:

- Có để dành được nhiều vàng không?

- Được bao nhiêu thì cũng đều là của cháu cả, - tôi trả lời và ngồi xuống bên cửa sổ. Trịnh trọng rút bao thuốc lá ra khỏi túi, tôi làm bộ làm tịch châm lửa hút.

- Hừ, - ông tôi nói và chăm chú quan sát những hành động của tôi, - ra thế đấy. Mà đã hút cái thứ lá quỷ độc ấy rồi à? Có hơi sớm không?

- Người ta còn tặng cháu cả túi đựng thuốc nữa đây này - tôi khoe khoang nói.

- Túi đựng thuốc à! - ông tôi rít lên - Sao, mà muốn nhạo tao phải không?

Ông xô về phía tôi, hai cánh tay xương xương nhưng cứng rắn vươn ra, cặp mắt xanh long lên sòng sọc. Tôi chồm dậy, húc đầu vào bụng ông. Ông tôi ngã xuống sàn, mồm há hốc, mắt nhấp nháy với vẻ kinh ngạc. Ông nhìn tôi đến mấy giây, những giây phút đó thật là nặng nề. Sau đó ông bình tĩnh hỏi:

- Mày húc ông mày đấy à? Húc bố đẻ ra mẹ mày đấy ư?

- Ông đã đánh cháu nhiều lắm rồi, - tôi làu bàu nói, trong bụng nghĩ rằng mình đã làm một việc rất không phải.

Ông tôi đứng lên. người gầy guộc, mảnh khảnh. Ông ngồi bên cạnh tôi, nhanh nhẹn giằng lấy điều thuốc của tôi ném ra ngoài cửa sổ rồi nói với một giọng sợ hãi:

- Thằng ranh con mọi rợ, mày có hiểu rằng suốt đời mày Chúa sẽ không bao giờ tha thứ cho cái việc mày vừa làm đấy không? Bà nó ơi, - ông tôi quay về phía bà tôi - bà thử xem, chính nó, nó đã đánh tôi đấy! Bà cứ hỏi nó mà xem!

Bà tôi không hỏi han gì cả, bà chỉ đi lại túm lấy tóc tôi, vừa lắc vừa tuyên án:

- Cái tội ấy thì phải như thế này nó mới chữa...

Tôi không đau, nhưng bức không thể chịu được. Nhất là tiếng cười gằn độc địa của ông tôi lại càng làm cho tôi bức tức. Ông nhảy nhót trên chiếc ghế, vỗ hai tay vào đầu gối, vừa cười vừa nói quàng quạc:

- Thế, cứ... thế...

Tôi vùng thoát, bỏ chạy ra phòng ngoài. Nằm trong một góc nhà nghe tiếng nước sôi reo, tôi thấy lòng thật nặng nề và trống trải.

Bà tôi đến cạnh tôi, cúi xuống nói thì thào rất nhỏ:

- Cháu đừng giận bà làm gì, bà kéo tóc cháu có đau đâu. Bà cố tình làm như vậy. Không còn cách nào khác nữa. Ông cháu đã già rồi, phải kính trọng ông mới được. Xương của ông cũng đã long gãy cả rồi; ông đã chịu biết bao nhiêu điều đau khổ, cháu không nên chọc tức ông làm gì. Cháu đã lớn rồi, phải hiểu điều đó... Aliôsa ạ, cháu phải hiểu rằng ông cũng như một đứa trẻ con mà thôi...

Lời nói của bà như một dòng nước nóng đã rửa sạch lòng tôi. Những tiếng thì thào thân mật đó làm tôi cảm thấy vừa nhẹ nhõm, vừa hổ thẹn. Tôi ôm chặt lấy bà tôi, hai bà cháu cùng hôn nhau.

- Cháu hãy lại với ông. Cứ đi đi, không sao đâu! Có điều là đừng có hút thuốc ngay trước mặt ông, phải để cho ông quen dần đấy...

Tôi vào phòng, nhìn ông và suýt nữa phì cười: ông tôi quả thực hơn hờ như một đứa trẻ con, mặt mày tươi tỉnh, hai chân vung vẩy chạm vào nhau, bàn tay đầy lông màu hung gỗ gỗ trên mặt bàn.

- Thế nào hả con dê kia? Lại đến để húc nữa chăng? Mà thật là một thằng tướng cướp! Giống

thằng bố mày như đúc! Thật là đồ vô lại, vào nhà chưa làm dấu thánh đã giở ngay thuốc ra hút. Hừ, quân Bônapactơ⁽¹⁾ kia, đồ chỉ đáng một xu nhỏ kia!

Tôi lặng thinh. Ông tôi nói hết rồi cũng lặng yên, vẻ mệt mỏi. Nhưng đến lúc uống trà ông lại bắt đầu dạy tôi:

- Người ta cần phải sợ Chúa như con ngựa cần dây cương vậy. Trừ Chúa ra thì không có ai là bạn của mình đâu! Người với người là kẻ thù tàn bạo nhất!

Tôi cảm thấy trong câu người là kẻ thù của nhau có phần nào sự thật, nhưng còn các câu khác đều không làm tôi động lòng.

- Bây giờ mày lại đến nhà bà dì Matriôna mà ở. Bao giờ đến mùa xuân thì sẽ làm việc trên tàu thủy. Mùa đông ở nhà họ. Nhưng đừng có nói cho họ biết là mùa xuân mày sẽ đi đấy!...

- Chà, lừa dối người ta làm gì? - bà tôi nói sau khi vừa mới lừa ông tôi bằng cách giả vờ đánh tôi xong.

- Không lừa dối thì sống sao được, - ông tôi vẫn giữ ý của mình - Bà thử nói xem có ai sống mà không lừa dối nào?

(1) Họ của Napôlêôn. Sau khi quân Pháp do Napôlêôn dẫn đầu xâm chiếm nước Nga, người Nga dùng chữ Bônapactơ để chửi rủa.

Buổi chiều, khi ông tôi ngồi đọc Thánh thi, tôi và bà tôi ra cổng đi về phía cánh đồng. Căn nhà lụp xụp có hai cửa sổ của ông tôi nằm ở ngoại ô thành phố, phía sau của phố Kanatnaia, nơi mà ngày trước ông tôi đã có nhà ở đó.

- Đấy, chúng ta lạc mãi đến chỗ này đấy! - bà tôi giễu cợt nói - Lão già không sao tìm được chỗ ở vừa ý, cứ rời hết chỗ này đến chỗ khác. Ở đây ông cháu cũng không thích, nhưng bà thì lại thích.

Trước mặt chúng tôi là một đồng cỏ xơ xác kéo dài đến ba *vecxta*, bị khe rãnh cắt ra thành nhiều mảnh, bao quanh bởi một đám rừng nhấp nhô và một hàng bạch dương ven đường cái đi Kazan. Từ dưới các khe rãnh nhô lên những cành cây như những chiếc roi. Ánh nắng hoàng hôn lặng lẽ nhuộm những bụi cây thành một màu đỏ máu. Làn gió chiều nhẹ nhàng lay động những thân cỏ khô màu xám. Phía sau khe gần nhất, những bóng đen của đám nam nữ thanh niên tiểu thị dân cũng lác lác như những thân cỏ khô. Xa xa, phía bên phải, là bức tường màu đỏ của nghĩa địa những người cự giáo, mà người ta thường gọi là "tu viện Bugrôpxki". Bên trái, trên miệng khe có một đám cây xanh thẫm từ phía cánh đồng nhô lên - nơi đó là nghĩa địa của những người Do-thái. Mọi vật xung quanh đều nghèo nàn, đều thẫm lặng nép mình xuống mảnh đất đầy thương tích. Những căn nhà nhỏ của ngoại ô thành phố dè

dật mở cửa sổ nhìn ra con đường đầy bụi có những con gà mái nhỏ, gầy đói đi lang thang. Một đàn bò vừa đi vừa rống ầm ĩ bên cạnh nhà tu kín. Từ trại lính vẳng lại tiếng nhạc binh với những tiếng kèn đồng đình tai nhức óc.

Một người say rượu vừa đi vừa kéo mạnh chiếc phong cầm. Gã ta vấp ngã và lảo bầm:

- Tao sẽ đi tới nhà mà... nhất định...

- Thằng ngốc, - bà tôi nhíu mày nhìn mặt trời đỏ lôm và nói - Mày còn đi được tới đâu kia chứ? Mày sắp ngã dúi bây giờ, rồi sẽ nằm đấy mà ngủ một giấc, trong khi đó thì người ta sẽ lột hết... Cả cây phong cầm, niềm vui của mày, rồi cũng sẽ mất nốt...

Tôi kể cho bà tôi nghe cuộc sống của tôi trên tàu thủy và nhìn xung quanh. Sau những điều tôi đã từng trông thấy, cảnh vật ở đây khiến cho tôi buồn rầu, tôi cảm thấy mình như một con cá nằm trên chảo. Bà tôi yên lặng và chăm chú nghe, giống hệt như tôi thường thích lắng nghe bà nói. Khi tôi kể đến chuyện bác Xmurri, bà tôi làm dấu thật nhanh và nói:

- Đó là một con người tốt, cậu Đức Mẹ che chở cho bác ta! Cháu đừng có quên bác ta nhé! Những điều gì tốt cháu cần phải luôn luôn nhớ kỹ, còn điều gì xấu thì hãy quên nó đi...

Khó khăn lắm tôi mới kể được cho bà tôi nghe chuyện vì sao mà người ta đuổi tôi, nhưng tôi cố dẫn

lòng để nói ra. Câu chuyện đó chẳng làm cho bà tôi kinh ngạc mấy may, bà chỉ thờ ơ nhận xét:

- Cháu còn bé, cháu chưa biết sống...

- Đấy, ai cũng cứ bảo nhau là chưa biết sống: từ những người mujich đến những người thủy thủ, cả bà Matriôna cũng nói với các cậu như vậy. Nhưng phải biết những gì mới được chứ?

Bà tôi cắn môi, lắc đầu:

- Cái đó thì bà cũng chịu!

- Thế sao bà còn nói làm gì?

- Sao lại không nói? - bà tôi bình tĩnh đáp - Cháu đừng bực mình, cháu đang còn nhỏ, nên cháu cũng không cần biết. Và cũng có ai biết sống? Có lẽ chỉ có bọn chuyên lừa đảo. Đấy, ông cháu cũng là người thông minh, có học thức, vậy mà ông cũng có biết gì đâu...

- Thế còn bà, bà sống có sung sướng không?...

- Bà ấy à? Sung sướng chứ! Và cả khổ sở nữa, thôi thì đủ thứ...

Bên cạnh chúng tôi, người qua lại đi thông thả, kéo theo những chiếc bóng dài bụi dưới chân họ bốc lên như khói che phủ. Cảnh chiều buồn càng trở nên nặng nề. Từ các cửa sổ giọng cầu nhau của ông tôi vẳng ra:

- "Lạy Chúa, xin Chúa hãy nguôi cơn thịnh nộ đối với con, xin Chúa tha thứ cho con..."

Bà tôi mỉm cười, nói:

- Chắc chắn là ông cháu làm Chúa đến chán ngấy! Chiều nào cũng rên rỉ, chẳng hiểu để làm gì? Ông cháu đã già lắm rồi, có cần gì nữa đâu, ấy thế mà vẫn cứ luôn luôn kêu ca than vãn... Chúa cứ nghe những lời cầu nguyện buổi chiều ắt sẽ mỉm cười và nói: "Lại lão Vaxilj Kasirin cầu nhàu rồi!..." Thôi, bà cháu ta về đi ngủ...

*

* *

Tôi quyết định đi đánh bẫy những loài chim biết hót. Tôi thấy hình như việc này có thể đủ nuôi sống cho hai bà cháu: tôi sẽ bẫy chim, còn bà tôi thì mang chim đi bán. Tôi mua lưới, vòng, bẫy và một lô lồng. Thế là cứ mờ sáng tôi đã ngồi trong bụi cây dưới khe, còn bà tôi thì mang lẵng và bị đi vào trong rừng kiếm những nấm cuối mùa, quả tú cầu đỏ và quả hồ đào.

Mặt trời tháng chín mỗi một vừa thức dậy. Những tia nắng trắng trẻo của nó lúc thì tắt đi trong những đám mây, lúc thì rọi xuống khe của tôi như một chiếc quạt bằng bạc. Đáy khe còn tối mờ mờ, một màn sương mù trắng đục từ dưới đáy dâng lên. Một bên bờ khe bằng đất sét thì dốc đứng, trần trụi và đen sẫm. Bờ bên kia đỡ dốc hơn, bao phủ bằng những đám cỏ úa vàng, những bụi rậm có đủ các màu lá: vàng, hung hung, đỏ. Những luồng gió trong lành ngắt lá ném xuống khe.

Dưới đáy khe những con chim oanh nhỏ đang hót vang trong các bụi ngưu bàng. Trong những đám cỏ dại nham nhở màu xám, tôi thấy thấp thoáng những chiếc mào màu đỏ tươi trên những cái đầu linh lợi của đám chim. Đàn chim sẽ ngơ tò mò riu rít quanh tôi, phồng đôi má trắng lên kêu âm ỉ và nháy nhót lung tung một cách ngộ nghĩnh như đám thanh niên tiểu thị dân ở Kunavinô trong ngày hội. Chúng nhanh nhẹn, láu lỉnh, dữ tợn, cái gì cũng muốn biết, muốn đụng tới và lần lượt con nọ tiếp con kia sa vào bẫy. Trông chúng lẫn lộn vùng vẫy thật đáng thương, nhưng công việc của tôi là việc buôn bán, việc quan trọng chứ không phải chơi. Tôi chuyển những con chim đó sang các lồng dự trữ và lấy bao phủ lên: trong bóng tối, lũ chim sẽ ngồi yên.

Một đàn chim yến hạ cánh đậu xuống một bụi gai chan hoà ánh nắng. Những chú chim yến say sưa với ánh nắng lại càng hót líu lo vui hơn. Điều bộ của chúng giống như những chú học trò. Một con bách thiết tham lam và to chưa kịp bay đến những miền ấm áp, đang đậu trên một cành hồng dại dẻo và lấy mỏ rửa lông cánh. Đôi con sơn ca bay vụt lên cao, bắt được một chú ong đất, cẩn thận găm nó vào một cái gai rồi lại đậu yên một chỗ, chiếc đầu xám gian xảo đung đưa. Con chim ác là báo điềm lành, bay ngang qua không một tiếng động. Nó là đối tượng của lòng ước muốn sôi nổi nhất của tôi. Tóm được nó thì thích biết là nhường nào! Một chú sơn thước lạc bầy đậu

trên một cây trần, lông đỏ chói, đường bệ như một ông tướng, vừa cẩu kính kêu ken két, vừa lúc lắc chiếc mỏ đen.

Mặt trời càng lên cao, chim chóc càng nhiều và tiếng hót líu lo của chúng nghe càng rộn rã. Khắp cả khe vực tràn ngập một điệu nhạc mà chủ âm của nó là tiếng rì rào không ngớt của những bụi cây trong gió. Tiếng hót sôi nổi của đám chim không sao át được tiếng rì rào buồn dịu và êm đềm đó, tôi nghe như khúc hát từ biệt của mùa hè; nó thì thầm với tôi những lời thật là đặc biệt, những lời đó, cứ tự nhiên kết thành bài ca. Và đồng thời trí nhớ, bất chấp ý muốn của tôi, cứ gọi lại những cảnh tôi đã sống trong những ngày qua.

Từ phía trên, bà tôi gọi vắng xuống:

- Cháu ở đâu đấy?

Bà ngồi trên miệng khe, trải chiếc khăn vuông ra và đặt bánh mì, dưa chuột, củ cải, táo lên đấy. Giữa đám thức ăn ngon lành đó, một chiếc bình nhỏ nhiều mặt rất đẹp, với chiếc nút pha lê hình đầu Napôlêôn óng ánh dưới ánh nắng. Trong bình có chừng hơn trăm gam rượu vốtka ngâm dế cây ban.

- Lạy Chúa, như thế này cũng là tốt rồi! - bà tôi nói với vẻ biết ơn.

- Cháu vừa đặt xong được một bài ca, bà ạ!

- Thật à? Đọc bà nghe!

Tôi liền đọc cho bà tôi nghe một bài tựa tựa như thơ:

*Mùa đông đã đến gần rồi,
Vĩnh biệt mùa hè nắng của tôi!...*

Nhưng bà tôi chưa nghe hết đã ngắt lời:

- Có một bài ca giống như vậy, có điều hay hơn nhiều! Và bà ngâm nga:

*Nắng hè đã tắt trong đêm tối,
Và đã khuất sau rừng cây xa!
Riêng tôi đứng một mình thui thủi,
Niềm vui xuân trẻ đã vèo qua...*

*Buổi sáng tôi đi ra khỏi làng,
Nhớ lại những ngày vui chứa chan;
Đồng vắng giờ đây sao tẻ ngắt,
Như tuổi xuân tôi để nhớ nhàng.*

*Chị em bạn gái mến thương ơi!
Chờ đến mùa đông giá tuyết rơi;
Hãy móc tìm tôi ra khỏi ngục,
Và chôn trong đám tuyết giùm tôi!...*

Lòng tự ái nhà nghề của tôi không bị tổn thương chút nào. Tôi rất thích bài hát ấy và rất thương người con gái trong bài hát.

Bà tôi nói:

- Đây, nỗi đau khổ đã trở thành lời ca như vậy đây! Chính một cô thanh nữ đã làm bài thơ ấy: mùa

xuân cô ta đi chơi với người yêu, nhưng đến mùa đông thì tình nhân của cô ta bỏ rơi cô, có thể là hắn đã đến với cô khác, thế là cô gái với trái tim đau khổ đó đã khóc than số phận của mình... Những điều mà ta không trải qua, thì không sao nói lên được thật đúng, thật hay như thế. Cháu thấy đấy, cô ta đã đặt được một bài ca hay biết chừng nào!

Khi bà tôi lần đầu tiên bán chim được bốn mươi kôpếch, bà rất ngạc nhiên.

- Lạ thật! Bà cứ tưởng đó là một việc vô ích, một trò nghịch ngợm của trẻ con, ấy thế mà lại ra tiền chứ!

- Bà bán vẫn còn rẻ...

- Thật à?

Gặp những ngày phiên chợ, bà tôi bán được một rúp hoặc hơn nữa. Bà luôn luôn ngạc nhiên không hiểu vì sao những việc vớ vẩn này lại có thể kiếm được nhiều tiền đến như vậy!

- Bọn đàn bà suốt ngày giặt quần áo hoặc lau sàn cũng chỉ được có hai mươi lăm kôpếch một ngày, thế mà ta kiếm được hàng rúp, có ai mà hiểu được chứ! Mà việc này có tử tế gì đâu! Cả việc nhốt chim vào lồng cũng là không tốt rồi. Aliôsa ạ, cháu hãy bỏ cái trò này đi!

Nhưng thú bắt chim đã hấp dẫn tôi rất mãnh liệt. Tôi thích nó, vì tôi vừa được tự do, vừa không

làm cho ai phải khó chịu, trừ lũ chim ra. Tôi sắm sửa đủ các loại lồng bẫy tốt. Các cuộc nói chuyện với những nhà bẫy chim lão luyện đã dạy tôi rất nhiều điều. Tôi đi bẫy chim một mình ở xa hàng ba chục vecta, trong khu rừng Kxtôpxki, trên bờ sông Vonga, nơi trong đám rừng thông cao, có những loại chim mỏ chéo và loại chim sẻ ngô apôlôn mình trắng đuôi dài có một vẻ đẹp hiếm có đã được những người yêu chim ưa chuộng.

Có khi tôi ra đi từ chiều và suốt đêm lẫn mò trên đường cái Kazan, đôi lúc lội giữa bùn sâu dưới những cơn mưa thu. Sau lưng tôi một cái túi vải sơn, trong túi có lồng chim, bẫy với chim mồi. Tay tôi cầm một cái gậy to chắc bằng gỗ hồ đào. Đêm mùa thu tối mịt, thật là lạnh lẽo và đáng sợ, sợ đến rợn cả người!... Những cây bạch dương già cỗi bị sét đánh đứng hai bên đường, vươn dài cánh lá ẩm ướt trên đầu tôi. Bên trái, dưới chân núi, những đốm lửa thừa thốt trên các cột của những chiếc tàu thủy và sà lan cuối cùng đang trôi trên sông Vonga đen ngòm tựa như đang đi vào một cái vực sâu không đáy. Bánh xe đập nước âm ỉ. Tiếng còi tàu rú lên ù ù.

Từ trên mặt đất đen sì, hiện ra những căn nhà gỗ lụp sụp của những làng ven đường. Vài con chó găm gừ chạy sấn đến chân. Người tuần canh gõ keng và sợ hãi kêu lên:

- Ai đi đấy? Đêm khuya thế này, quý bắt các người đi hay sao đấy?

Tôi sợ nhất là người ta sẽ tước mất đồ nghề của mình nên luôn mang theo những đồng năm kôpếch để cho bọn tuần canh. Bác tuần phu ở làng Fôkinô thân với tôi, luôn luôn kêu lên:

- Lại chú mày đấy à? Chà, thật là một tay ăn sương gan dạ, không chịu ngồi yên đêm nào!

Tên bác là Nifôn. Bác người nhỏ bé, tóc bạc, trông giống như một vị thánh. Bác thường móc ở trong áo ra một nắm đậu, một củ cải, một quả táo và vừa nhét vào tay tôi, vừa nói:

- Cầm lấy, chú bé. Tao dự trữ cho chú mày ít quà đấy, ăn cho vui.

Bác tiễn tôi đến tận cuối làng rồi nói:

- Thôi, cầu Chúa che chở cho cháu!

Hừng sáng thì tôi vào tới rừng. Sủa sang lồng bầy, treo mỗi lên xong, tôi nằm ngay ở cửa rừng chờ trời sáng. Cảnh vật thật là tĩnh mịch, như còn chìm đắm trong giấc ngủ say sưa của mùa thu. Những đồng cỏ rộng dưới chân núi thấp thoáng hiện qua đám màn đêm xam xám. Đồng cỏ bị con sông Vonga cắt ngang, chạy lan sang bờ bên kia, tản ra nhiều nơi rồi tan biến đi trong sương mù. Xa xa, sau đám rừng phía đồng cỏ, mặt trời hừng sáng từ từ lên. Ánh hồng bừng sáng trên các đỉnh rừng đen hình răng lược và cảnh vật bỗng sinh động lên một cách kỳ lạ: sương mù dâng lên khỏi mặt đồng cỏ mỗi lúc một nhanh hơn và lóng lánh như bạc dưới ánh nắng mặt trời,

tiếp theo đó là những bụi rậm, những cây cối, những đồng cỏ khô cứng từ mặt đất hiện lên. Những cánh đồng cỏ như tan ra dưới ánh mặt trời và bị ánh vàng rực quét lên, chảy lan ra khắp chốn. Kìa, mặt trời đã chạm được tới làn nước êm ả ven bờ sông. Cả con sông tựa như dâng cao lên, đổ dồn về phía mặt trời đang chìm ngập. Mặt trời mỗi lúc một cao, hân hoan chào mừng và sưởi ấm cho mặt đất xơ xác, cứng lạnh. Còn mặt đất thì toả lên nghi ngút hơi thu ngọt ngào. Lớp không khí trong suốt làm cho đồng ruộng như to ra, rộng mênh mông không bờ không bến. Mọi cảnh vật như bơi về phía xa xăm và lôi cuốn mình đi tới tận chân trời xanh thẳm. Tôi đã từng ngắm cảnh mặt trời lên ở chỗ ấy không biết bao nhiêu lần, và mỗi lần trước mắt tôi lại hiện ra một thế giới mới với một vẻ đẹp luôn luôn mới...

Tôi yêu mặt trời một cách khác thường. Tôi thích ngay chính cả tên gọi của nó, với những âm thanh ngọt ngào, với tiếng ngân huyền bí ẩn trong đó. Tôi ưa nhắm mắt lại và hứng những tia nắng nóng ấm trên mặt, ưa đưa bàn tay ra bắt một tia nắng như một lưỡi gươm đang xuyên qua kẽ hàng rào hay qua đám cành lá. Ông tôi rất thích quyển *Ông hoàng Mikhain Tsecnigôpxki và Fêôđor*, những kẻ không khuất phục mặt trời. Tôi hình dung họ như những người Txugan⁽¹⁾ đen đui, cau có, hung dữ, mắt luôn

(1) Một dân tộc sống lang thang trên các nước châu Âu và châu Á.

luôn bị đau như dân Mordvin nghèo khổ. Khi mặt trời lên cao dần trên đồng cỏ, tôi tự dung mím cười vui sướng.

Trên đầu tôi, rừng thông reo vi vút và rũ những hạt sương mai khỏi đám cành lá xanh của mình. Dưới bóng cây, những hạt băng đọng vì cơn rét buổi sáng, óng ánh như một tấm vóc thêu chỉ bạc trên đám lá lố chỗ của cây dương xỉ. Đám cỏ úa vàng bị những cơn mưa làm rạp xuống, nằm nghiêng bất động trên mặt đất. Nhưng khi có một tia nắng rơi tới, thân cỏ tựa như rung rinh, có lẽ đây là sự cố gắng cuối cùng của cuộc sống.

Chim chóc đã thức giấc. Những con chim sơn tước đen xám như những búp lông tơ, rơi từ cành nọ xuống cành kia. Chim mỏ chéo đỏ như lửa mổ vụn quả trên đỉnh cây thông bằng chiếc mỏ khoằm. Ở cuối một cành thông, một con chim sẻ ngô apôlôn trắng lắc lư, xoè mỏ lông cánh dài, con mắt của nó đen như hạt cườm, liếc nhìn chiếc lưới của tôi căng với vẻ nghi ngại. Và tự dung, cả khu rừng vừa đây trầm ngâm là thế, oai nghiêm là thế bỗng vang lên trăm ngàn tiếng chim hót liú lo, tràn ngập tiếng ồn ào của những sinh vật trong sạch nhất trên trần gian; chính dựa vào hình ảnh của chúng mà con người - vị thầy của sắc đẹp trần gian - đã tạo ra các vị thần để giải khuây cho mình.

Tôi thấy thương thương những chú chim non khi bắt chúng và thấy ngượng với lương tâm khi nhốt

chúng vào lồng. Tôi thích được ngắm nghĩa chúng hơn. Nhưng lòng say mê săn bắt và ý muốn kiếm tiền đã lấn át cả tình thương.

Lũ chim làm tôi buồn cười vì vẻ rảnh mái của chúng: con chim sẻ lông cánh màu xanh da trời chăm chú xem xét tỉ mỉ chiếc bẫy, nó hiểu ngay sự nguy hiểm đang chờ đợi nó và đi sang phía bên cạnh lồng, mổ trộm những hạt lúa một cách khéo léo và yên ổn qua những nan lồng. Lũ chim sẻ ngô là giống chim thông minh, nhưng chúng quá tò mò. Chính tính tò mò đó đã làm hại chúng. Những chú chim sơn thước bệ vệ thì ngốc nghếch: chúng kéo hàng bẫy vào lưới như đám tiểu thị dân no béo kéo nhau vào nhà thờ. Khi bị tôi tóm bắt, chúng rất ngạc nhiên. Chúng tròn xoe mắt ra và mổ vào tay tôi bằng những chiếc mỏ to lớn. Chim mỏ chéo thì bước vào lồng bẫy với vẻ bình tĩnh, đường hoàng. Chim sittelle⁽¹⁾ bí ẩn, không giống một con chim nào cả, đậu rất lâu trước lưới, dựa trên chiếc đuôi to và lắc lắc chiếc mỏ dài. Nó chạy trên thân cây như con chim gõ kiến và luôn luôn có chim sẻ ngô bay kèm. Con chim màu khói đỏ có một vẻ gì thật đáng sợ; nó có vẻ cô độc, không chim nào ưa nó và nó cũng chẳng ưa con nào. Nó giống như con chim ác-là, thích ăn trộm và thích giấu những vật nhỏ sáng lóng lánh.

(1) Một giống chim tước.

Tôi bắt chim đến trưa thì xong và trở về nhà bằng đường xuyên qua rừng, xuyên qua các cánh đồng. Nếu tôi theo đường cái đi qua các làng thì sẽ bị bọn lỏi con, lỏi nhón tước lông, xé lưới và bẻ gãy mất bấy - điều đó tôi đã từng có kinh nghiệm.

Chiều tối, tôi mới về nhà, người mệt nhừ và đôi chân cào, nhưng cảm thấy mình lớn hẳn lên trong ngày qua, biết thêm được nhiều điều mới lạ và trở nên cứng cáp hơn. Sức mạnh mới đó đã cho tôi khả năng bình tĩnh chịu đựng những lời mỉa mai độc ác của ông tôi. Ông tôi cũng cảm thấy điều đó và bắt đầu bảo tôi với vẻ nghiêm chỉnh, thông minh:

- Cháu hãy bỏ cái trò vô bổ ấy đi, bỏ quách nó đi! Không có ai có thể bán chim mà làm nên sự nghiệp, ông đã biết không có một trường hợp nào như vậy đâu! Cháu hãy chọn cho mình lấy một chỗ trong đời và trên cơ sở đó mà phát triển trí tuệ của cháu. Con người không phải chỉ sống vì những trò nhỏ mọn, mà là một hạt giống của Chúa, nó phải đâm hoa kết quả. Con người cũng tựa như đồng rúp vậy: xoay xở cho khéo thì nó sẽ thành ngay ba rúp đấy! Cháu tưởng rằng sống dễ dàng lắm hay sao? Không, không dễ một chút nào đâu! Thế giới đối với con người như một đêm tối âm u, mỗi người phải tự mình soi sáng lấy cho mình. Ai cũng chỉ có mười ngón tay, nhưng người nào cũng muốn lấy được nhiều hơn bằng hai bàn tay của mình. Phải có sức khỏe, nếu không khỏe

thì phải lấu cá. Kề nào đã nhỏ lại yếu thì khó lên thiên đường, cũng khó mà xuống địa ngục! Cháu hãy sống tựa như với tất cả mọi người, nhưng phải nhớ rằng cháu chỉ sống có một mình. Ai nói gì cũng nghe hết, nhưng đừng có tin một ai. Ước lượng bằng mắt thì không bao giờ đo được chính xác đâu! Đừng có nói nhiều - người ta xây nhà dựng phố không phải bằng cái lưỡi, mà bằng đồng rúp với cái rìu. Cháu không phải dân Kanmuc cũng không phải là người Baskia, là những kẻ mà tất cả của cải của họ chỉ là cừu và rận...

Ông tôi có thể nói thế suốt cả tối, và tôi nhớ chúng đến thuộc lòng. Tôi thích những lời đó, nhưng không hoàn toàn tin tưởng vào ý nghĩa của chúng. Trong những câu nói của ông, tôi thấy rõ được một điều là: có hai lực lượng - Chúa và thế gian - ngăn cản không cho con người được sống theo ý của mình.

Bà tôi ngồi bên cửa sổ xe chỉ để thêu đấng-ten. Búp chỉ kêu vù vù trong hai bàn tay khéo léo của bà. Bà lặng yên nghe ông tôi nói hồi lâu rồi bỗng nhiên cất tiếng:

- Tất cả mọi việc đều do Đức Mẹ sắp xếp cả rồi.

- Thế nào - ông tôi kêu lên - Chúa à! Tôi không quên Chúa đâu, tôi biết Chúa như thế nào rồi! Mụ già ngu ngốc kia ời, thế có phải Chúa đã cho những lũ ngu xuẩn xuống trần gian này không?

*

* *

...Tôi có cảm tưởng rằng người Côđắc và binh lính là những kẻ sống sung sướng nhất trên trái đất này. Cuộc sống của họ thật là giản dị và tươi vui. Những hôm tốt trời, họ đã tập trung từ sáng sớm trước nhà tôi, ở phía sau vực và đứng rải rác như những chiếc nấm trắng trên cánh đồng trơ trụi, rồi bắt đầu chơi một trò chơi phức tạp và thú vị: nhanh nhẹn, mạnh khỏe, áo sơ mi trắng, súng cầm tay, họ vui vẻ chạy trên cánh đồng, biến xuống vực, rồi bỗng nhiên lại ủa ra cánh đồng theo tiếng gọi của chiếc kèn trăn. Dưới nhịp trống thúc dũ dội, họ kêu “ura”⁽¹⁾ và chạy thẳng tới phía nhà tôi, lưỡi lê tua tủa, tựa như họ sắp phá trụi cả mặt đất, đâm nát ngôi nhà của chúng tôi ra như xới một đồng cỏ khô.

Tôi cũng kêu “ura” và hăng hái chạy theo họ. Tiếng trống dồn dập thúc đẩy tôi thêm sôi nổi muốn đập phá một cái gì đó, muốn đập đổ hàng rào và đánh đắm bọn lính con.

Trong giờ nghỉ, những người lính mời tôi hút thuốc loại rẻ tiền, cho tôi xem những cây súng nặng nề, đôi lúc có người lại chia lưỡi lê vào bụng tôi và hét lên ra bộ hung dữ:

- Xiên chết con gián này!

(1) Xung phong.

Chiếc lưới lê sáng loáng, sinh động như một con rắn đang uốn mình và muốn cắn tôi, tôi thấy hơi rợn rợn, nhưng rất khoái.

Anh lính đánh trống, người Mordvin, dạy tôi gõ dùi trên mặt trống. Đầu tiên anh túm chặt hai bàn tay tôi, làm cho chúng mỏi như đến đau điếng, rồi sau đó mới dùi đôi dùi trống vào những ngón tay đã rã rời của tôi.

- Gõ đi! Một, hãy! Một, hãy! Tram-ta-ta-tam! Gõ vào mặt trống. Bên trái nhẹ, bên phải mạnh, tram-ta-ta-tam! - anh ta quát lên nghe phát khiếp, cặp mắt chim của anh mở to.

Tôi chạy theo những người lính trên cánh đồng đến hết buổi tập rồi tiễn chân họ đi suốt cả thành phố cho tới trại lính mới thôi. Tôi vừa đi vừa nghe những bài hát vang vang vừa ngắm nghía những khuôn mặt hiền lành, tất cả đều còn mới mẻ tựa như những đồng năm kôpếch mới dập.

Khối người đồng nhất đây đặc đó vui vẻ trôi trên đường phố với một sức mạnh thống nhất đã gây được thiện cảm, khiến cho người ta cũng muốn hoà vào làm một như trôi trên một dòng sông hoặc đi giữa một khu rừng. Những người đó không biết sợ là gì, họ nhìn mọi sự vật một cách dũng cảm, họ có thể chiến thắng được tất cả, họ có thể đạt được những điều gì mà họ muốn, và cái chính là tất cả bọn họ đều giản dị, hiền hậu.

Nhưng một hôm, trong giờ nghỉ, một viên hạ sĩ quan trẻ tuổi cho tôi một liều thuốc to tướng và nói:

- Hút chơi! Loại thuốc này tao rất quý, tao không cho ai mấy khi, chỉ có chú mày ngoan tao mới cho đấy!

Tôi châm thuốc lá hút. Viên hạ sĩ lùi lại một bước. Bỗng nhiên một luồng lửa đỏ loé lên làm tôi mờ cả mắt và bị cháy sém cả tay, mũi, lông mày. Đám khói xám mẩn mẩn khiến tôi phải hắt hơi và ho sặc sụa. Tôi sợ hãi nhắm tịt mắt lại, giậm chân, còn những người lính thì vây lấy tôi thành một vòng tròn dày đặc, vui vẻ cười lên hô hô. Tôi đi về nhà, nhưng tiếng huýt sáo, tiếng cười vẫn còn đuổi theo tôi. Có một cái gì quất vào lòng tôi như chiếc roi dây da của người mục đồng. Những ngón tay bị bỏng của tôi nhức nhối, mặt ngứa ngáy, nước mắt trào ra, nhưng điều đã làm cho tôi khổ tâm nhất, không phải là sự đau đớn, mà là sự kinh ngạc lơ mờ, nặng nề không hiểu tại sao người ta đối với tôi lại như vậy? Tại sao điều đó lại làm cho đám thanh niên vốn hiền lành thích thú đến như thế?

Về tới nhà, tôi leo lên gác thượng và ngồi trên đấy rất lâu để hồi tưởng lại tất cả những điều tàn nhẫn không sao giải thích được mà tôi đã gặp rất nhiều lần trên đường đời. Hình ảnh sáng rõ và sinh động nhất mà tôi nhớ lại là hình ảnh của anh lính nhỏ bé ở Xarapun. Anh đứng trước mặt tôi như thật và hỏi tôi:

- Thế nào? Mà đã hiểu chưa?

Chẳng bao lâu tôi còn phải chịu đựng một cảnh tượng nặng nề và quái gở hơn nữa.

Tôi hay chạy đến trại lính của những người Côđắc ở gần xóm Pêtsecxkaia. Những người Côđắc này có vẻ khác hẳn những người lính, không phải họ cười ngựa giỏi hơn và ăn mặc đẹp hơn, mà vì họ nói năng khác hơn, hát những bài hát khác hẳn và nhảy múa rập nhịp. Có lần, vào buổi chiều, sau khi chải cho ngựa xong, họ quây lại thành một nhóm cạnh chuồng ngựa, rồi một anh chàng Côđắc nhỏ bé tóc hung hát mớ tóc xoã lên, nhẹ nhàng vươn dài người ra và cất cao giọng như kèn đồng, lên tiếng ca một bài buồn thảm về sông Đông êm đềm, về dòng sông Đanuyx xanh biếc. Anh nhắm nghiền mắt lại như con chim “cổ đỏ” nhắm mắt và thường hát cho đến khi ngã lộn từ trên càn xuống đất mà chết. Cổ sơ mi của anh không cài để lộ ra cặp xương quai xanh giống bộ hàm thiếc ngựa bằng đồng. Con người anh ta cũng như được đúc bằng đồng. Anh lắc lư trên cặp chân dong dỏng tựa hồ đất dưới chân anh bị chấn động, tay anh dang ra, mắt nhắm nghiền lại, giọng vang vang, hình như anh không phải là người nữa mà đã biến thành chiếc kèn của người thổi kèn đồng, chiếc sáo của người mục đồng. Đôi lúc tôi có cảm tưởng anh sẽ ngã lộn nhào, lưng úp xuống đất chết như con chim “cổ đỏ”, vì anh đã dốc hết cả nghị lực, hết cả tâm hồn của mình vào bài ca rồi.

Bạn của anh đứng vây quanh lấy anh như một vòng hoa, tay dứt túi hoặc chấp sau lưng, nghiêm nghị nhìn vào khuôn mặt như đồng của anh và theo dõi bàn tay đang bơi trong không khí. Họ hát trịnh trọng, bình tĩnh như trên bục hát nhà thờ. Trong giờ phút đó tất cả bọn họ, kể cả người rậm râu lẫn không râu, đều giống như những pho tượng thánh: họ cũng đều mang vẻ hăm dọa và xa lạ hẳn với những con người bình thường. Bài hát dài như một con đường thênh thang, cũng bằng phẳng, menh mông và sáng suốt làm sao. Khi nghe tiếng hát, tôi quên hết tất cả mọi thứ trên đời, không hiểu bây giờ là ngày hay đêm, tôi là trẻ con hay đã thành ông lão! Giọng hát đã tắt và chỉ còn nghe thấy tiếng thở dài của bầy ngựa buồn nhớ cảnh tự do phóng khoáng trên thảo nguyên, tiếng đêm thu từ đồng nội đang chầm chậm lan tới không gì ngăn chặn được. Và trái tim thì cứ lớn mãi lên, như muốn vỡ tung ra vì đã tràn trề những nguồn cảm xúc phi thường, vì tình yêu vĩ đại thâm lắng đối với con người, với trái đất.

Đối với tôi, anh chàng Côđắc nhỏ bé và như được đúc bằng đồng ấy không phải là một con người bình thường mà là một nhân vật siêu quần - một nhân vật thần thoại, tốt đẹp hơn, cao thượng hơn tất cả mọi người. Tôi không thể nào nói chuyện được với anh, khi anh hỏi tôi một điều gì, tôi sung sướng mỉm cười và lúng túng lặng yên. Tôi sẵn sàng nín thinh

và ngoanngoãn như một con chó đi theo anh, chỉ cốt để trông thấy anh nhiều hơn và nghe anh hát.

Có lần, tôi thấy anh đứng trong một xó chuồng ngựa đưa tay lên mặt để ngắm nghía chiếc nhẫn trơn bằng bạc đeo trên ngón tay. Đôi môi xinh đẹp của anh mấp máy, bộ ria mép ngắn đỏ hoe rung rung, khuôn mặt có vẻ buồn rầu, bực bội.

Một hôm vào lúc tối, tôi xách lồng chim vào một quán ăn ở quảng trường Xennaia cũ. Người chủ quán vốn là một tay thích chơi loại chim hót và thường mua chim của tôi.

Anh Côđắc ngồi trong góc quán cạnh bàn bán thức ăn, giữa chiếc lò sưởi và bức tường. Ngồi cạnh anh là một người đàn bà đầy đà to gầy gáp đôi anh. Khuôn mặt tròn trĩnh của bà ta nhẵn bóng như một miếng da dê thuộc. Người đàn bà nhìn anh ta bằng cặp mắt âu yếm của người mẹ, hơi pha chút lo âu. Anh say mê, đôi chân duỗi ra kéo lê trên sàn và có lẽ chạm mạnh vào chân người đàn bà nên thấy bà ta giật mình nhả mặt lại và nhẹ nhàng bảo anh ta:

- Đừng có vớ vẩn...

Anh Côđắc cố giương lông mày lên, nhưng chúng lại uể oải hạ xuống. Anh ta nóng quá bèn cởi cả cúc áo khoác ngoài lẫn cúc áo sơ mi để hở cổ ra. Người đàn bà tụt chiếc khăn trùm đầu xuống vai rồi đặt hai cánh tay trắng trẻo, khoẻ mạnh lên bàn, những ngón tay cấu vào nhau đỏ cả lên. Tôi càng nhìn họ kỹ

bao nhiêu thì lại thấy anh ta càng giống một đứa con có lỗi đối với một người mẹ hiền từ bấy nhiêu. Bà ta nói với anh bằng một giọng âu yếm và trách móc, còn anh thì lúng túng yên lặng vì không có cách gì để trả lời được những lời quở mắng xứng đáng kia.

Bỗng nhiên anh đứng bật lên như người bị kim châm. Anh chụp chiếc cát két xuống quá trán rồi lấy lòng bàn tay đập đập vào chiếc mũ. Không cài áo, anh đi ra cửa. Người đàn bà cũng đứng dậy nói với chủ quán:

- Chúng tôi sẽ trở lại ngay, bác Kuzmits ạ...

Mọi người tiễn chân họ bằng những chuỗi cười, những câu nói đùa. Có một người thốt lên bằng một giọng oang oang và nghiêm khắc:

- Lão hoa tiêu mà trở về thì nó sẽ cho mụ một trận!

Tôi đi theo sau hai người. Họ đi trước tôi chừng mười bước. Trong bóng đêm họ đi chéo qua quảng trường lầy lội về phía bờ dốc cao của sông Vonga. Tôi trông thấy người đàn bà vừa đỡ anh chàng Côđắc, vừa đi lắc lư và nghe thấy tiếng bùn kêu lép nhép dưới chân họ. Người đàn bà khẽ hỏi anh ta với giọng van xin:

- Anh đi đâu thế? Hở, còn đi đâu nữa?

Tôi lội bùn đi theo họ, mặc dù không phải là đường mà tôi phải đi. Khi họ đi tới lề đường bên bờ

dốc, anh Côtắc dừng lại, lùi cách xa người đàn bà chừng một bước rồi thỉnh lĩnh thui vào mặt bà ta. Người đàn bà kêu lên vẻ ngạc nhiên và sợ hãi:

- Ồi, sao lại như vậy?

Tôi cũng kinh hoàng và chạy đến gần họ. Nhưng anh Côtắc đã ôm ngang lưng người đàn bà, quăng bà ta, qua lan can xuống sườn dốc rồi nhảy theo bà ta. Cả hai cùng lăn trên lớp cỏ của sườn dốc xuống dưới như một bao cát đen sì. Tôi rụng rời tay chân, đứng yên không nhúc nhích, nghe tiếng váy áo bị xé soàn soạt ở phía dưới, tiếng anh Côtắc gầm gừ và tiếng lấp bắp trầm trầm, đứt quãng của người đàn bà:

- Tôi kêu lên bây giờ... tôi kêu...

Bà ta kêu ối lên một tiếng thật to và đau đớn, rồi xung quanh bỗng trở nên yên lặng. Tôi sờ soạng tìm được một hòn đá ném xuống. Có tiếng cỏ kêu lào xào. Trên quảng trường có tiếng đập cửa kính ở một quán rượu. Ai đó bỗng kêu ái lên, có lẽ là bị vấp ngã. Và yên lặng lại trở lại như chuẩn bị đe dọa một điều gì đấy, từng giây phút một.

Dưới chân dốc bỗng hiện ra một cục gì to và trắng. Nó vừa nức nở, vừa thở phì phò và chập chững, chậm chạp tiến lên dần phía trên. Tôi nhận ra được ngay người đàn bà. Bà ta bò lên bằng hai chân và hai tay như một con cừu. Tôi trông thấy bà ta trần đến thắt lưng, hai chiếc vú to lủng lẳng, tựa như bà ta có ba cái mặt. Cuối cùng, bà ta lên được tới dây lan can và

ngồi ngay lên bờ lan can cạnh tôi. Bà thở hổn hển như một con ngựa bị quăn mệ như, sửa lại mớ tóc rối bù. Trên tấm thân trắng nõn của bà, trông thấy rõ những vết bunn đen kịt. Bà ngồi khóc và chùi nước mắt trên má như một con mèo ngồi rửa mặt. Trông thấy tôi, bà kêu khe khe.

- Trời ơi, ai đấy? Đi đi, rõ dơ!

Tôi không thể nào đi được. Sừng sốt vì ngạc nhiên, vì cảm giác cay đắng, tê tái, tôi lại nhớ đến câu nói của bà dì Matrêna:

"Đàn bà là sức mạnh. Eva còn lừa dối cả Chúa nữa đấy..."

Người đàn bà đứng dậy lấy những mảnh vá che ngực lại, để hở chân ra và vội vã bỏ đi thẳng. Phía dưới chân dốc, anh chàng Côđắc hiện ra, vẫy vẫy những mảnh giẻ trắng rách trong không khí. Anh khê huýt sáo, lắng nghe một lúc rồi cất tiếng vui vẻ nói:

- Đarya ơi! Sao thế? Người Côđắc là bao giờ cũng đoạt được thứ mà anh ta cần... Em tưởng anh say rượu hay sao? Không đâu, đấy là anh vờ vĩnh với em thôi... Đarya ơi!

Anh ta đứng vững vàng, giọng giễu cợt và không có vẻ gì là say rượu cả. Anh khom lưng lấy những mảnh giẻ lau ủng và cất tiếng nói:

- Đây, cầm lấy áo... Đaska⁽¹⁾ ơi! Thôi đừng có uốn éo nữa...

(1) Tức Đarya, cách gọi thân mật.

Và anh văng lên một câu tục tĩu thật to với người đàn bà.

Tôi ngồi trên đồng đá dăm và nghe thấy giọng nói đó thật là đơn độc trong màn đêm tịch mịch và cũng thật là hách dịch quá chừng.

Những đốm lửa của những chiếc đèn lồng trên quảng trường nhảy nhót trước mặt tôi. Bên phải, ngôi trường cao đẳng quét vôi trắng dành cho các tiểu thư quý phái nổi bật lên giữa đám cây cối đen sì. Anh Côđắc vừa uể oải tuôn ra hàng tràng những tiếng tục tằn, vừa đi trên quảng trường, tay vẩy vẩy mảnh giẻ trắng. Cuối cùng anh biến mất như một giấc mộng dữ.

Ở dưới chân dốc, một ống thoát hơi đang phụt hơi ở trạm máy bơm. Trên bến sông một chiếc xe ngựa đang chạy. Xung quanh vắng vẻ không một bóng người. Tôi đi ven bờ dốc, người mê mẩn, tay vẫn nắm chặt hòn đá lạnh giá mà tôi không kịp ném vào người anh chàng Côđắc. Đến gần nhà thờ Thánh Gêorgê Pabêđônôx⁽²⁾ tôi bị một người tuần đêm ngăn lại. Bác ta giận dữ hỏi tôi là ai và mang cái gì trong bị sau lưng.

Tôi kể cho bác nghe tỉ mỉ về anh chàng Côđắc. Bác cười hô hố và hét lên:

- Tài quá nhỉ! Chú mày ạ, bọn Côđắc vốn là dân

(1) Chiến thắng

sành sỏi, họ không như chúng ta đâu? Còn mẹ kia thì thật là đồ chó đẻ.

Bác ta cười rữ rượi, còn tôi thì tiếp tục đi xa hơn, lòng vẫn không hiểu bác ta cười cái gì?

Và tôi bỗng kinh khủng khi nghĩ rằng: nếu sự việc này cũng xảy ra với mẹ tôi, với bà tôi thì sẽ ra sao nhỉ ?

VIII

Khi tuyết bắt đầu rơi, ông tôi lại dẫn tôi đến nhà bà di.

- Việc này đối với cháu không phải là việc xấu đâu, không tồi đâu, - ông tôi bảo tôi.

Tôi có cảm tưởng trong mùa hè qua tôi đã sống quá nhiều, đã già đi và khôn hơn trước, còn ở nhà chủ thì trong thời gian đó lại càng buồn tẻ hơn. Mọi người vẫn thường xuyên đau ốm như trước vì nhồi nhét quá nhiều thức ăn làm hỏng cả dạ dày. Họ vẫn kể cho nhau nghe tỉ mỉ về tình hình bệnh tật như trước. Bà già vẫn cầu Chúa với vẻ khủng khiếp và hần học. Mợ chủ sau khi đẻ rồi có gầy và thon người lại, nhưng đi đứng vẫn ra vẻ đường bệ và chậm chạp như khi có mang. Khi mợ ngồi khâu quần áo cho các con, mợ thường khe khẽ hát một bài độc nhất:

Xpiria, Xpiria, Xpiridôn

Xpiria, chú em mến yêu ơi,

Chị sẽ ngồi vào xe trượt tuyết,

Cho Xpiria ngồi kèm bên mép...

Hễ thấy tôi đi vào phòng, vợ vội thôi hát và cúi kính quất:

- Mà muốn gì?

Tôi tin rằng ngoài bài hát ấy ra vợ chẳng biết được một bài hát nào nữa.

Chiều đến, nhà chủ gọi tôi vào phòng và bảo:

- Nào, kể xem mày đã sống trên tàu thủy ra sao!

Tôi ngồi xuống một chiếc ghế cạnh cửa nhà xí và kể chuyện. Tôi khoan khoái ôn lại cuộc sống khác hẳn với cuộc sống hiện nay mà người ta nhét tôi vào, trái với ý nguyện của tôi. Tôi say sưa quên cả người nghe, nhưng không được lâu; bọn đàn bà chưa bao giờ đi tàu thủy liền hỏi tôi:

- Dầu sao, cũng thấy sợ chứ?

Tôi không hiểu họ sợ cái gì.

- Lỡ nó sa vào chỗ sâu và chìm mất thì chết!

Cậu chủ cười phá lên. Còn tôi thì tuy biết rằng tàu thủy không chìm ở chỗ nước sâu nhưng không thể làm thế nào nói cho bọn đàn bà tin được. Bà già tin chắc là tàu thủy không nổi trên mặt nước mà đi bằng bánh xe trên đáy sông như chiếc xe ngựa đi trên mặt đất vậy.

- Nếu nó bằng sắt thì sao mà nổi được? Đây cái búa có nổi đâu...

- Thế cái gầu có chìm trong nước không?

- Cũng đòi so sánh! Cái gầu vừa nhỏ lại vừa rộng...

Khi tôi kể chuyện bác Xmurui và những quyển sách của bác, họ nhìn tôi với vẻ nghi ngờ. Bà già nói rằng sách đó là do bọn ngu ngốc và lữ vô đạo viết ra.

- Thế còn Thánh thi? Còn vua Davit thì sao?

- Thánh thi là quyển sách thiêng liêng. Và chính vua Davit còn phải xin Chúa tha tội vì quyển Thánh thi đấy.

- Ở đâu nói như vậy?

- Ở lòng bàn tay của tao chứ đâu. Tao mà túm lấy gáy mày, thì mày khắc biết ở đâu!

Chuyện gì bà già cũng biết. Bà già nói về mọi việc với vẻ tin chắc và luôn luôn bằng một giọng thô lỗ.

- Ở Pêtsôrka có một lão Tacta vừa chết. Hồn của lão chảy từ cuống họng ra, đen như hắc ín!

- Hồn lão là thần đấy, - tôi nói như vậy, nhưng bà khinh bỉ quát lên:

- Cả hồn của lão Tacta ấy à? Đồ ngốc!

Mợ chủ cũng sợ sách vở.

- Đọc sách vào là hại lắm, nhất là khi còn trẻ tuổi - mợ nói - Ở quê tôi tại Grêbiôska có một cô gái con nhà tử tế cứ miệt mài đọc sách mãi, thế rồi phải lòng ngay thầy phụ lễ. Vợ thầy ta làm cho cô này đến nhục nhã điêu đứng. Thật là khủng khiếp! Ngay giữa phố trước mặt mọi người...

Đôi khi tôi dùng chữ lấy trong sách của bác Xmurui. Trong một quyển có một câu không đầu

không đuôi như sau: “Nói đúng ra, thì không có ai sáng chế ra thuốc súng cả. Như thường lệ, nó xuất hiện ra sau một thời gian tìm tòi, khám phá lâu dài”.

Không hiểu sao tôi lại nhớ kỹ câu ấy đến thế, tôi thích nhất ba chữ “nói đúng ra” và cảm thấy chúng có một hiệu lực lớn. Nhưng chúng cũng mang lại cho tôi nhiều điều buồn phiền đến tức cười. Có những chuyện như vậy đấy.

Một hôm, khi chủ nhà đề nghị tôi kể chuyện thêm về tàu thủy, tôi trả lời:

- Nói đúng ra thì cháu cũng chẳng còn gì để kể nữa...

Câu ấy làm cho tất cả mọi người kinh ngạc, họ kêu lên nhốn nháo:

- Sao? Mà nói sao?

Và cả bốn người cùng đồng thanh cười rống lên, nhại lại:

- Nói đúng ra, ôi, cha mẹ ơi!...

Cho đến cả cậu chủ cũng bảo tôi:

- Thằng quỷ quái này, mày bịa ra những chữ thật là dở!

Từ đó mãi về sau họ cứ thường gọi tôi:

- Này, nói đúng ra ơi! Đi chùi sàn cho thằng bé đi, nói đúng ra...

Sự giễu cợt vô nghĩa lý đó không làm cho tôi bức tức, nhưng làm cho tôi rất ngạc nhiên.

Tôi sống trong một đám mây mù của sự buồn tẻ làm cho người như ngầy độn ra. Để khỏi buồn, tôi cố gắng làm việc thật nhiều. Công việc cũng chẳng thiếu đâu; trong nhà có hai đứa bé, các vú nuôi không hợp ý nhà chủ nên luôn luôn phải thay đổi. Tôi phải trông coi bọn nhỏ, hàng ngày giặt tã lót và hàng tuần đi giữ quần áo ở suối "Sen đầm". Bọn đàn bà thợ giặt ở đây thường chế nhạo tôi:

- Sao mày lại đi làm công việc của đàn bà thế kia?

Đôi khi họ làm tôi tức quá, tôi cầm cả bó quần áo ướt mới vắt đập vào người họ; họ cũng trả miếng tôi như vậy. Nhưng có họ bên cạnh cũng thấy vui vui thú vị.

Suối "Sen đầm" chảy dưới đáy vực sâu và đổ vào sông Ôka. Khe vực ngăn cách thành phố với một cánh đồng mang tên của một vị thần cổ đại là Iarilô⁽¹⁾. Vào ngày hội Xêmic⁽²⁾, đám tiểu thị dân của thành phố thường tổ chức những cuộc dạo chơi trên cánh đồng đó. Bà ngoại tôi có nói với tôi rằng hồi bà còn trẻ, nhân dân ở đây còn tin vào thần Iarilô và thường dâng lễ vật cho thần: họ lấy một cái bánh xe và lấy dây bôi nhựa quấn chặt lại rồi thả cho lăn xuống sườn dốc. Họ la hét, ca hát và theo dõi xem bánh xe

(1) Thần mặt trời của người Xlavơ ngay xưa.

(2) Ngày hội đón mùa xuân của tôn giáo.

lửa đó có lần được tới sông Ôka không. Nếu lần tới được, tức là thần Iarilô đã nhận tế vật đó, và mùa hè năm ấy nhất định sẽ mưa thuận gió hoà.

Bọn thợ giặt phần đông là người vùng Iarilô. Họ đều nhanh nhẩu, lắm mồm lắm miệng. Họ biết hết mọi chuyện trong thành phố. Những câu chuyện họ kể về nhà chủ của họ là những thương gia, viên chức, sĩ quan nghe rất thú vị. Mùa đông giặt quần áo trong nước suối giá như băng thật không khác gì công việc khổ sai. Tay bà nào cũng bị cồng buốt đến nổi da nứt nẻ hết ra. Dưới tấm mái che ọp ẹp có nhiều khe hở không thể nào chắn được giá và tuyết, họ khom lưng giặt giữ quần áo trên dòng suối đã được đóng khung trong những khúc gỗ. Giá buốt cắn xé nát mặt họ khiến cho máu đỏ dồn lên cả mặt, những ngón tay ướm cứng đờ không co lại được, nước mắt ứa ra, nhưng bọn họ vẫn tán chuyện không ngớt và kể cho nhau nghe đủ thứ chuyện linh tinh; đối với mọi người, mọi sự việc, họ đều có một cách nhận xét đặc biệt táo bạo.

Trong đám thợ giặt có chị Nataya Kôzlôpxkaia kể chuyện hay nhất. Chị trạc ngoài ba mươi tuổi, người tươi tắn, mạnh khoẻ, mắt luôn nhìn với vẻ mặt giễu cợt. Những câu nói của chị rất linh hoạt và sắc sảo. Các bạn của chị đều vì nể chị. Họ thường hỏi ý kiến chị vì chị khéo léo trong công việc, vì chị ăn mặc đứng đắn và vì chị đã cho con gái mình theo học ở trường trung học. Khi thấy chị khom lưng dưới hai

thúng nặng quần áo ướt đi xuống dốc, trên con đường trơn nhỏ, họ đều chào chị một cách vui vẻ săn sóc và hỏi han:

- Cháu gái ra sao rồi?

- Cám ơn bác, không đến nỗi tồi. Ơn Chúa, cháu nó vẫn đi học.

- Trông chừng cô ấy rồi sẽ thành bà quý phái đấy!

- Tôi cho cháu đi học cũng vì thế. Bọn quý phái, cái bọn được nâng niu, chiều chuộng ấy ở đâu mà ra? Tất cả bọn họ đều từ chúng ta, từ đám dân đen mà ra cả chứ còn từ đâu nữa? Học được nhiều bao nhiêu, tay càng dài ra bấy nhiêu. Mà kẻ nào đã thu nhặt được nhiều thì kẻ ấy muốn làm vương làm tướng gì cũng được.... Chúa đày chúng ta xuống dưới trần gian làm những đứa trẻ ngu dại, nhưng đòi hỏi khi trở về, chúng ta phải là những người già thông minh hiểu biết. Có nghĩa là phải học mới được!

Khi chị nói, mọi người đều lặng yên chăm chú nghe những câu chuyện có mạch lạc đúng đắn kia. Trước mặt chị cũng như sau lưng chị, họ đều ngợi khen và ngạc nhiên về sức bền bỉ và trí thông minh của chị, nhưng không có người nào bắt chước chị cả. Chị khâu thêm vào chiếc áo khoác của mình những ống tay áo làm bằng da màu hung lấy ở ống giày ủng ra, nhờ đó mà tay chị khỏi bị để trần đến khuỷu và không bị ướt áo. Mọi người đều ca ngợi sáng kiến của

chị, nhưng không ai làm theo cả. Khi tôi cũng làm như vậy, họ giễu cợt tôi.

- Ô, mày lại phải học trí khôn của đàn bà sao!

Về con gái của chị, người ta nói:

- Có hay hóm gì đâu! Ừ thì thêm lên một bà quý phái nữa đấy, nhưng cuộc sống có dễ dàng được hơn chẳng? Mà đã chắc đâu nó học được đến nơi đến chốn, khéo lại chết giữa chừng...

- Ngay đến những người có học cũng sống chẳng ra gì: đấy con gái nhà Bakhilốp, học chết học sống, sau cùng đi dạy học. Mà đã là cô giáo thì rồi đến làm "bà cô" suốt đời thôi...

- Còn phải nói gì nữa! Chọn vợ có thể chọn người không có học thức, để còn sai bảo được chứ...

- Trí óc đàn bà con gái có ra gì...

Thật lạ lùng và khó hiểu khi nghe thấy chính họ nói về bản thân họ với một vẻ trắng trợn như vậy. Tôi đã từng biết những người thủy thủ, binh lính, thợ đấu nói về đàn bà như thế nào, tôi đã từng được nghe những người đàn ông luôn luôn khoe khoang trước mặt nhau sự khéo léo của mình trong việc lừa dối những người đàn bà, sự dẻo dai của mình trong khi tiếp xúc với phụ nữ như thế nào, tôi cảm thấy rằng họ có một quan niệm thù ghét đối với đàn bà, nhưng hình như trong hầu hết những câu chuyện của đám đàn ông về những thắng lợi của họ, thì ngoài

sự khoe khoang ra còn có một cái gì khiến tôi thấy những câu chuyện đó có nhiều lời khoe mẽ và bịa đặt hơn là sự thật.

Những người đàn bà thợ giặt không kể cho nhau nghe về những cuộc tình duyên của mình, nhưng trong tất cả những điều mà họ nói về đàn ông, tôi đều thấy có mang một vẻ giấu cợt, độc ác. Tôi nghĩ rằng câu: “đàn bà là sức mạnh” có lẽ đúng thật!

- Dù có đi đến đâu, có quen với ai rồi cũng phải tìm đến đàn bà, không sao thoát khỏi đâu, - một hôm chị Natalya nói như vậy. Một bà già thốt lên phụ hoạ với chị bằng giọng người bị cúm:

- Còn đi đâu nữa! Cả tu sĩ lẫn ẩn sĩ cũng bỏ Chúa để mò đến với chúng ta nữa là...

Những câu chuyện bên tiếng nước róc rách khóc than, bên tiếng giẻ ướt vô bì bạch trong khe bản, dưới một đáy vực mà cả những bông tuyết mùa đông trong sạch cũng không thể phủ kín được; những câu chuyện trao đổi một cách trắng trợn ấy về điều bí mật sinh ra mọi bộ lạc, mọi dân tộc đã gây nên trong lòng tôi một sự ghê tởm kinh sợ, xua đẩy ý nghĩ và cảm giác của tôi lánh xa những “thiên tình sử” chỗ nào cùng đầy dẫy đến phát ngấy. Đối với tôi khái niệm về “thiên tình sử” đã trở thành khái niệm về những chuyện bản thiêu và ghê tởm.

Nhưng dầu sao giữa đám thợ giặt phụ nữ ở dưới vực, bên bọn lính cần vụ trong các nhà bếp, hoặc bên

những người thợ đấu trong các tầng hầm, tôi vẫn thấy thích thú hơn ở nhà nhiều. Những câu nói, những ý nghĩ, những sự việc, đều đều tẻ ngắt ở nhà, khiến cho lòng tôi thấy nặng nề và buồn chán khủng khiếp. Nhà chủ sống trong một thế giới chật hẹp và toàn những chuyện ăn uống bệnh tật, ngủ ngáy, những sự chuẩn bị lằng xằng suốt ngày cho ăn và ngủ. Họ nói chuyện về tội lỗi, về cái chết và rất sợ phải chết. Họ chen chúc nhau như những hạt gạo quanh cối xay, luôn luôn chờ đợi giây phút bị nghiền nát.

Vào những giờ rỗi rãi, tôi vào nhà kho chẻ củi, mong được yên tĩnh một mình ở đấy; nhưng ít khi tôi đạt được ý nguyện, những người lính cần vụ thường vào và kể những chuyện về đời sống của khu nhà.

Những người hay vào nhà kho với tôi, nhất là Ecmôkhin và Xedôrôp. Ecmôkhin quê ở Kaluga, người gân guốc, cao lêu nghêu, lưng gù gù, đầu bé, mắt lơ dờ. Hắn lười biếng và gốc không chịu được, đi đứng thì chậm chạp vụng về. Nhưng khi trông thấy đàn bà thì hắn ta rống lên và vươn người ra phía trước, tựa hồ muốn nằm phủ phục xuống dưới chân họ. Mọi người trong khu nhà đều ngạc nhiên vì thấy hắn chinh phục được bọn mục bếp, con sen một cách nhanh chóng. Họ ghen tị với hắn và đều sợ sức khỏe như gấu của hắn. Xidôrôp quê ở vùng Tula, người gầy gò xương xẩu, lúc nào cũng có vẻ ủ ê. Anh nói năng nhỏ nhẹ, ho hắng thận trọng, đôi mắt anh thường có vẻ

sợ sệt. Anh ưa nhìn vào những góc tối. Khi thăm thì kể một câu chuyện gì đấy hoặc khi ngồi lặng yên, anh đều luôn luôn nhìn vào xó tối nhất.

- Anh nhìn cái gì thế?

- Có lẽ một con chuột sắp chạy ra... Tao thích chuột lắm. Chúng bò mới nhẹ nhàng làm sao...

Tôi viết thư gửi về gia đình họ cho những người cần vụ, viết những mảnh giấy hò hẹn để gửi cho tình nhân của họ. Việc đó làm tôi thích thú, nhưng tôi thích viết thư cho anh Xidôrôp hơn viết cho những người khác. Thứ bay nào anh cũng gửi thư cho em gái ở Tula một cách chu đáo.

Anh mời tôi vào bếp rồi ngồi bên cạnh tôi. Tay xoa mái chiếc đầu húi ngắn, anh thì thầm vào tai tôi:

- Nào, viết đi! Đầu tiên hãy viết: "Em gái mến yêu nhất của anh, chào em!" như thường lệ. Bây giờ viết: "Anh đã nhận được một rúp rồi. Cảm ơn em nhé, có điều là không cần gửi làm gì. Anh chẳng cần gì cả đâu. Các anh sống rất dễ chịu", bọn tao sống chẳng dễ chịu tí nào đâu, mà chỉ như những con chó ấy, nhưng mày đừng có viết điều đó vào, mà chỉ viết là: dễ chịu. Nó đang còn bé, mới mười bốn tuổi đầu, để nó biết làm gì? Bây giờ thì mày tự viết lấy như người ta đã dạy mày...

Anh ép sườn trái sát vào tôi, hơi thở nóng phì phào vào tai tôi, anh thì thầm nhấn mạnh:

- Bảo nó đừng để cho bọn con trai ôm và sờ vào ngực. Mà viết đi: "Nếu có kẻ nào nói dụ dăng với em, em đừng có tin nó. Đó là nó muốn lừa dối em, muốn làm em khổ..."

Vì cố giữ cho khỏi ho nên khuôn mặt đen sạm của anh đỏ tía lên: anh phồng má, nước mắt ứa ra; anh cựa quậy trên ghế và thúc vào tôi.

- Anh làm vương tay quá!

- Không sao, viết đi! "... Nhất là bọn nhà chủ thì em đừng có tin chúng. Gặp dịp là chúng sẽ lừa dối em ngay. Chúng biết cách nói và hứa hẹn đủ mọi chuyện, nhưng nếu em tin lời bọn chủ là em sẽ rơi ngay vào nhà thổ đấy thôi. Nếu có để dành được rúp nào thì cứ giao cho giáo trưởng; nếu là người tốt thì ông ta sẽ giữ cho. Nhưng tốt hơn hết là em cư chôn nó xuống đất, đừng để cho ai thấy và phải nhớ chỗ đã chôn".

Nghe những tiếng thì thâm lẫn trong tiếng cọt két của cái quạt máy bằng sắt tây trên tấm cửa thông hơi thật là buồn. Tôi đảo mắt nhìn chiếc cửa lò bị ám khói, chiếc tủ đựng bát đĩa đầy cứt ruồi. Căn bếp vô cùng bẩn thỉu đầy những rệp, sặc mùi mỡ cháy, mùi dầu hoả và khói. Những con gián bò sột soạt trong mớ đóm trên lò. Tâm hồn tôi tràn ngập sự buồn chán, tôi thấy thương anh lính và cô em của anh ta đến suýt phát khóc lên được. Lẽ nào có thể sống như vậy được? Lẽ nào sống như vậy tốt chăng?

Tôi viết lia lịa, không để ý nghe lời thăm thi của anh Xiđôrôp nữa. Tôi viết rằng cuộc sống thật buồn chán và đầy tủi nhục, còn anh thì thở dài bảo tôi:

- Chú viết dài thế, cảm ơn chú nhé. Bây giờ ít ra thì nó sẽ biết là phải sợ những gì...

- Chẳng có gì phải sợ cả, - Tôi bực tức nói, tuy trong thâm tâm, chính tôi vẫn sợ rất nhiều thứ.

Anh lính ho húng hắng và cười:

- Thăng bé này lạ thật! Sao lại không sợ? Thế còn bọn chủ, còn Chúa? Và còn bao nhiêu là điều đáng sợ khác!

Khi nhận được như của em gái, anh lo lắng cầu khẩn tôi:

- Đọc đi, chú mày, đọc nhanh lên...

Và anh bắt tôi đọc đi đọc lại hàng ba bốn lần bức thư nguệch ngoạc, ngắn ngủi và vô vị khiến tôi rất bực mình.

Tính tình hiền hậu, dịu dàng, nhưng đối với phụ nữ anh cũng có thái độ giống như mọi người: đơn giản và thô鄙 một cách chó má. Trong khi vô tình hay chủ tâm quan sát những quan hệ mà chúng thường phát triển một cách nhanh chóng lạ lùng và đáng tởm trước mắt tôi từ đầu chí cuối đó, tôi thấy anh Xiđôrôp thoát đầu thường làm cho đàn bà động lòng trắc ẩn vì những lời than vãn về cuộc đời lính của mình, quyến rũ họ bằng sự lừa dối dịu dàng, và

sau khi mọi việc đã xong xuôi, anh lại nhìn mặt kể những chiến công của mình cho Ecmôkhin nghe, miệng nhổ nước bọt với một vẻ ghê tởm, tựa hồ như anh vừa uống xong một liều thuốc đắng. Điều đó làm cho tim tôi như thắt lại, tôi bực bội hỏi anh lính rằng tại sao tất cả bọn họ lại hay lừa bịp, nói dối phụ nữ, rồi sau đó lại chế giễu họ, chuyển họ từ người này sang người khác, tại sao họ lại hay đánh phụ nữ như vậy?

Anh chỉ cười nhạt và nói:

- Mà mày chưa nên biết chuyện ấy làm gì. Đó là những chuyện xấu, những tội cả đấy! Mày còn ít tuổi, những chuyện đó đối với mày đang còn sớm...

Nhưng có một lần tôi đã đạt được một câu trả lời rõ ràng hơn mà tôi còn nhớ mãi:

- Mày tưởng bọn đàn bà không biết tao lừa dối họ hay sao? - anh nói vừa nháy mắt, vừa ho - Họ biết quá đi chứ! Chính họ cũng muốn để cho người khác lừa dối mình. Trong việc này mọi người đều lừa dối nhau tuốt. Đó là một việc mà ai cũng thấy hổ thẹn. Có người nào yêu người nào đâu, chẳng qua chỉ là trò đùa đấy thôi. Thật quả là một điều vô cùng đáng xấu hổ! Đấy, cứ chờ ít lâu rồi mày sẽ biết. Chỉ cần trời tối là được. Còn ban ngày thì tìm chỗ nào tôi tối hay vào trong nhà kho ấy, thế đấy! Cũng vì thế mà Chúa đã đuổi loài người ra khỏi thiên đường, vì thế mà ai cũng đều phải khổ sở...

Anh nói thật hay, giọng anh có vẻ ăn năn buồn bã khiến cho tôi cũng bớt khắc nghiệt với những thiên tình sử của anh. Tôi thích chơi với anh hơn là Ecmôkhin. Gã này, tôi rất ghét và luôn tìm mọi cách để chế nhạo, làm cho hắn phát khùng. Tôi thường đạt được mục đích đó và hắn phải chạy đuổi tôi khắp sân với những ý đồ không có gì tốt lành cho tôi cả. Chỉ vì vụng về mà ít khi hắn có dịp thực hiện ác ý đó.

- Chuyện ấy cấm đấy! - anh Xidôrôp thường bảo tôi như vậy.

Tôi hiểu đó là chuyện cấm, nhưng nói rằng vì thế mà ai cũng đều khổ sở thì tôi không tin. Tôi đã từng trông thấy nhiều người khổ sở nhưng không tin, vì tôi vẫn thường quan sát thấy những nét biểu lộ khác thường trên đôi mắt của những người yêu nhau, và cảm thấy sự hiền hậu đặc biệt của những cặp tình nhân. Thật dễ chịu khi trông thấy niềm vui sướng của tình yêu đó.

Nhưng dầu sao tôi cũng còn nhớ rằng cuộc sống đối với tôi mỗi ngày một buồn tẻ hơn, gay gắt hơn, nó vĩnh viễn bị ấn định một cách chặt chẽ trong các hình thức và mối quan hệ mà tôi đã trông thấy ngày này qua ngày khác. Khó mà nghĩ ra được những khả năng gì có thể tốt hơn là những điều vẫn thường có, những điều vẫn hiện ra trước mắt mình hàng ngày không sao xóa bỏ được.

Một hôm, những người lính kể cho tôi nghe một câu chuyện làm cho tôi vô cùng xúc động.

Trong một căn nhà, có một anh thợ chuyên cắt quần áo cho một hiệu may nổi tiếng của thành phố. Anh ta không phải người Nga, tính nết hiền lành, khiêm tốn. Anh có một người vợ nhỏ bé, không có con, ngày đêm chỉ đọc sách. Hai vợ chồng sống một cách kín đáo và thâm lặng, giữa một khu huyên náo, bên những căn nhà đầy nính ních những người say rượu. Họ không tiếp khách, cũng chẳng đi đâu, chỉ đi xem hát với nhau trong những ngày hội.

Anh chồng từ sáng đến chiều tối ở nơi làm việc. Còn chị vợ thì giống như một cô thiếu nữ cứ mỗi tuần đến thư viện hai lần vào buổi trưa. Tôi thường thấy chị bước những bước ngắn trên đường, lắc lư như một người khập khiễng, sách vở bó dây, trông như một cô nữ sinh giản dị, dễ thương, váy áo mới và sạch sẽ, đôi tay nhỏ nhắn đeo găng. Với bộ mặt chim, cặp mắt đảo nhanh, nom chị đẹp như pho tượng bằng sứ trên giá gương. Những người lính nói rằng chị thiếu một chiếc xương sườn bên phải, vì thế nên chị mới lắc lư và đi trông lạ lùng như vậy, nhưng điều đó làm cho tôi thấy chị càng dễ thương và càng khác hẳn những bà vợ sĩ quan của khu nhà. Những người này, mặc dầu giọng nói vang vang, váy áo sặc sỡ, dáng điệu cao kỳ, nhưng vẫn có một vẻ cũ kỹ, tựa hồ như họ đã bị bỏ quên rất lâu trong nhà kho, giữa đống đồ đạc không cần thiết.

Mọi người trong khu nhà này đều cho chị vợ anh thợ cắt nhỏ bé đó là người dở ngây dở dại. Họ cho rằng chị bị mất trí vì ham đọc sách quá, và không thể làm công việc nội trợ; chồng chị phải đích thân đi chợ mua thức ăn và đặt các món ăn trưa, ăn chiều cho mẹ bếp, một mẹ đàn bà to béo, cau có, không phải người Nga, một mắt đỏ ngầu và luôn lèm nhèm, còn mắt kia chỉ là một khe nhỏ màu hồng. Còn chính bà chủ thì người ta đồn rằng không thể phân biệt thịt lợn thăn với thịt bê và đã có lần thật đến nhức, mua lầm rau mùi tây ra củ cải ngựa! Các người nghĩ xem, thật là một điều kinh khủng đến nhường nào!

Cả ba đều như người xa lạ ở trong khu nhà, hình như họ tình cờ lạc vào chung một ngăn trong chiếc chuồng gà lớn này. Họ giống như con chim sẻ ngô vì tránh băng giá mà bay qua cửa thông hơi vào khu nhà ngột ngạt và bẩn thỉu của loài người.

Bỗng một hôm những người cần vụ kể cho tôi biết bọn sĩ quan đang bày ra một trò chơi ác đối với chị vợ bé nhỏ của anh thợ cắt. Hầu như ngày nào họ cũng thay phiên nhau, lúc người này, khi người khác, gửi thư cho chị bày tỏ tình yêu, những nỗi đau khổ của mình và ca ngợi sắc đẹp của chị. Chị viết thư trả lời họ để cho chị được yên tĩnh và tiếc rằng mình đã là nguyên nhân gây nên nỗi đau khổ của họ. Chị cầu Chúa mong Người giúp họ có thể quên được chị đi. Khi nhận được bức thư như vậy, đám sĩ quan liền

đem ra đọc chung rồi cười nhạo người đàn bà và lại viết ngay một lá thư tình khác ký tên một người nào đó gửi chị.

Khi kể cho tôi nghe chuyện đó, những người cần vụ cũng giễu cợt chửi rửa chị.

- Đồ ngu xuẩn! Nó làm bộ đấy mà! - Ecmôkhin nói, giọng trầm trầm, còn anh Xidôrôp thì phụ hoạ theo, giọng nhỏ nhẹ:

- Đàn bà ả nào cũng muốn cho người ta lừa dối mình cả. Nó còn lạ gì...

Tôi không tin rằng chị vợ anh thợ cắt biết chuyện mọi người giễu cợt mình như thế nào, nên lập tức quyết định kể cho chị biết điều đó. Chờ khi mẹ bếp nhà chị đi xuống hầm rượu, tôi liền đi vào phòng. Chị đang ngồi bên bàn, một tay cầm một chiếc tải nặng mạ vàng, tay kia cầm một quyển sách đang mở. Chị kinh hãi ép quyển sách vào ngực và kêu lên khe khẽ:

- Ai đấy? Em là ai?

Tôi liền kể cho chị nghe rất nhanh, câu nọ xọ câu kia, định ning là chị sẽ ném quyển sách hay chiếc tách vào người tôi. Chị ngồi trong một chiếc ghế bành to màu tím, mặc một chiếc áo choàng màu xanh da trời có tua dưới gấu, cổ áo và tay áo có viền ren. Mớ tóc màu hạt dẻ buông xoã xuống vai như những làn sóng. Trông chị giống như một nữ thiên thần trước thánh đường. Chị ngả người vào lưng ghế và nhìn tôi

bằng cặp mắt tròn xoe. Đầu tiên chị nhìn tôi với vẻ giận dữ, nhưng sau chị có vẻ ngạc nhiên và hơi mỉm cười.

Khi tôi kể hết mọi điều muốn nói rồi, thấy mọi dũng khí của mình đã tiêu tan đâu mất cả, tôi bèn quay về phía cửa, nhưng chị đã gọi tôi:

- Đứng lại đã!

Dần tách xuống khay, chị quăng sách lên bàn và nắm bàn tay lại rồi thốt lên với giọng nói âm vang của người lớn:

- Em thật là một đứa bé kỳ dị... Em lại gần đây!

Tôi thận trọng nhích vài bước lại gần. Chị nắm lấy tay tôi, vuốt ve chúng bằng những ngón tay nhỏ nhắn lạnh mạnh, rồi hỏi:

- Không ai bắt cho em nói những chuyện đó với chị chứ? Thật chứ? Được rồi, được rồi, chị cũng biết như vậy. Chị tin rằng em đã tự nghĩ như vậy...

Buông tay tôi ra, chị nhắm mắt lại và chậm rãi nhẹ nhàng nói:

- Bọn lính bắn thủ nói như vậy đấy!

- Chị nên rời nhà đi chỗ khác mà ở, - tôi khuyên chị với vẻ đường hoàng.

- Tại sao vậy?

- Họ sẽ làm khổ chị đấy.

Chị cười rất dễ thương, rồi hỏi tôi:

- Trước em có đi học chứ? Em có thích đọc sách không?

- Em chẳng có thì giờ nào mà đọc sách nữa.

- Nếu em đã thích thì khác sẽ tìm được thì giờ. Thôi được, cảm ơn em nhé!

Chị đưa tay cho tôi, trong những ngón tay chụm lại đó có một đồng hai mươi kôpếch bằng bạc. Tôi thấy nguyệt phải cầm đồng hào lạnh lẽo ấy, nhưng tôi không dám từ chối. Khi ra về, tôi để lại đồng hào đó lại trên đầu một chiếc cột cầu thang.

Người đàn bà đó đã cho tôi một ấn tượng sâu sắc và mới mẻ. Trước mắt tôi, tựa như tuyền một màu hồng của buổi bình minh. Suốt mấy ngày sau tôi sống trong một niềm vui sướng, mỗi khi hồi tưởng lại căn phòng rộng thênh thang và chị vợ anh thợ cắt mặc chiếc áo màu xanh da trời, giống như một nữ thiên thần trong căn phòng đó. Mọi cảnh vật xung quanh đều đẹp một cách lạ lùng, tấm thảm lông lầy óng ánh vàng trải dưới chân chị; ánh sáng ngày đông lọt qua những tấm kính cửa sổ sáng như bạc vào trong phòng, như đến để sưởi ấm bên người chị.

Tôi bỗng muốn được nhìn chị một lần nữa. Cứ thử đến mượn sách của chị xem sao?

Tôi bèn làm như vậy và thấy chị vẫn ngồi ở chỗ cũ cũng với quyển sách trên tay, nhưng một bên má chị băng mùi soa màu vàng và mắt chị sưng vù. Chị

đưa cho tôi một quyển sách bìa đen và nói lí nhí những gì không rõ. Tôi buồn rầu mang quyển sách về nhà. Quyển sách sực nức mùi creôzôt⁽¹⁾ và dầu hôi. Tôi bọc quyển sách vào trong một chiếc áo sạch, lấy giấy bọc ra ngoài rồi giấu lên gác thượng vì sợ nhà chủ lấy mất hay làm hỏng mất.

Nhà chủ thường xuyên nhận được tờ *Niva* chỉ cốt để lấy các mẫu cắt quần áo và giải thưởng. Họ không đọc, nhưng sau khi xem các tranh ảnh trong tạp chí xong, họ đóng bìa lại và giấu xuống dưới gầm giường, chỗ vẫn để ba tập *Bình luận về hội hoa*⁽²⁾. Khi tôi lau sàn trong phòng ngủ, nước bẩn chảy lênh láng phía dưới những quyển sách ấy. Cậu chủ đặt mua tờ báo *Tin nhanh nước Nga*⁽³⁾ và chiều chiều, mỗi khi đọc lại chữ đồng:

- Có quỷ biết tại sao chúng nó lại viết những thông tin này! Chán quá chừng...

Thứ bảy, trong khi đang phơi quần áo trên gác thượng tôi sực nhớ tới quyển sách bèn lấy nó ra, mở gói và đọc ngay dòng đầu tiên: "Nhà cửa cũng như con người, cái nào cũng có bộ mặt riêng của nó." Câu ấy đúng quá làm tôi sững sốt cả người. Tôi bèn đứng bên chiếc cửa tò vò đọc tiếp, đọc cho đến khi khắp người bị lạnh cóng mới thôi. Buổi chiều khi nhà chủ

(1) Một thứ nhựa cây dùng làm thuốc.

(2) Một loại tạp chí tính chất như tờ *Niva*

(3) Một tờ báo lưu hành rộng trong từng lớp tiểu tư sản.

đi cầu nguyện ở nhà thờ, tôi mang sách xuống bếp và chúi đầu vào trang sách sờn rách đã úa vàng như những chiếc lá mùa thu. Chúng đưa tôi tới một cuộc sống mới mẻ, những quan niệm mới mẻ, chỉ cho tôi thấy những nhân vật nhân hậu, những kẻ tàn ác đến tôi không giống những con người mà tôi đã chán ngấy. Đó là một quyển tiểu thuyết của Xaviê đơ Môngtêpin⁽¹⁾ dài như tất cả những truyện khác của ông, quyển truyện đầy nhân vật và sự việc, mô tả một cuộc sống mãnh liệt mà trước đây tôi không biết. Tất cả mọi sự việc trong truyện đều giản dị và rõ ràng một cách lạ lùng, tựa như có một nguồn ánh sáng nào đó ẩn giữa các hàng chữ soi sáng điều lành và điều dữ, giúp cho tôi biết yêu biết ghét và bắt tôi phải chăm chú theo dõi số phận những con người chen chúc trong đó. Đột nhiên tôi nảy ra ý muốn sôi nổi giúp đỡ người này, cản trở người khác, quên mất rằng tất cả các cuộc sống đang hé mở đột ngột đó chỉ là chuyện bịa đặt thuần túy trên giấy tờ. Trong những diễn biến của cuộc đấu tranh, tôi quên hết mọi chuyện, tâm hồn tràn ngập buồn rầu trước trang sách khác.

Tôi đọc mãi mê đến nỗi, khi nghe tiếng chuông réo ở ngoài cổng chính, tôi chưa hiểu được ngay là ai giật chuông và giật chuông để làm gì.

(1) Xavier de Montépin: một nhà văn pháp vào thế kỷ XIX. Quyển sách đầu tiên mà chị vợ anh thợ cắt cho Gorki mượn là quyển *Bí kịch của Pari*.

Ngọn nến hầu như cháy gần hết. Cái chân nến sáng nay tôi vừa mới lau chùi xong bây giờ đã nhoè nhoẹt mờ. Chiếc đèn thờ mà tôi phải trông nom tụi bác và tất ngấm. Tôi chạy ngược chạy xuôi trong bếp, cố giấu mọi vết tích tội lỗi của mình. Tôi nhét quyển sách vào hộc lò sưởi và loay hoay sửa chiếc đèn thờ. Mụ vú ở trong buồng nhảy vào và quát tôi:

- Mày điếc sao? Chuông gọi kìa!

Tôi vội chạy ra mở cửa.

- Ngủ à? - Cậu chủ nghiêm khắc hỏi, vợ cậu vừa khệ nệ leo lên thang gác vừa than phiền rằng tôi đã làm cho mợ bị cảm lạnh, bà già cũng chửi mắng lâu bầu. Vào tới bếp, bà trông thấy ngay những mẩu nến bị đốt và tra hỏi tôi ở nhà làm gì.

Tựa hồ bị rơi từ chín tầng mây xuống, tôi nín thính, chân tay bủn rủn vì sợ bà già tìm thấy quyển sách, nhưng bà ta chỉ kêu la rằng tôi sẽ đốt nhà mất. Khi cậu chủ và mợ xuống ăn tối, bà lại phàn nàn:

- Đấy, chúng mày nhìn xem, nó đốt hết cả nền rồi, cả cái nhà này rồi nó cũng sẽ thiêu nốt...

Bốn người vừa ăn vừa đay nghiến tôi bằng đủ mọi giọng lưỡi của mình. Họ nhắc lại những lỗi lầm vô tình hay hữu ý của tôi và mang cái chết ra để dọa tôi. Nhưng tôi biết rằng họ nói tất cả những điều đó với tôi không phải vì ác tâm, cũng không phải vì lòng thiện, mà chỉ vì buồn chán. Thật là kỳ lạ khi thấy họ

rỗng tuếch, lỗ bịch làm sao, so với những nhân vật trong truyện.

Ăn uống xong, người nặng nề thêm, họ uể oải đi ngủ, mỗi người một nơi. Bà già, sau khi quấy rầy Chúa bằng những lời than phiền của mình, đã leo lên mặt bệ lò và im tiếng. Khi đó tôi mới nhóm dậy, lôi quyển sách trong hộc lò ra và đi đến bên cửa sổ. Trời đêm trong sáng, ánh trăng chiếu thẳng vào cửa sổ, nhưng chữ nhỏ quá không sao đọc được. Mà lòng tôi thì háo hức muốn đọc sách không thể chịu được. Tôi bèn lấy ở chạn ra một chiếc xanh đồng và thử dùng nó để phản chiếu ánh trăng lên trang sách, nhưng kết quả lại càng tồi hơn, càng tồi hơn. Tôi liền trèo lên ghế kê ở góc nhà, chỗ có tượng thánh, và đứng trên ghế đọc, dưới ánh sáng của ngọn đèn thờ. Đến lúc mệt quá, tôi ngồi xuống ghế và ngủ thiếp đi! Tiếng bà già vừa réo vừa đập làm cho tôi chột tỉnh. Bà già cầm quyển sách trong tay và cứ thế quật mạnh vào vai tôi. Di chân đất, mặc áo ngủ, bà ta thịnh nộ lắc lắc chiếc đầu hung hung, mặt đỏ bừng lên vì giận dữ. Cậu Victo rên rỉ từ phía trên phản:

- Mẹ ơi, đừng có la ầm lên như vậy! Sống làm sao yên được...

"Thế là đi đời quyển sách, họ đến xé nát mất!" - tôi nghĩ thầm trong bụng.

Sau bữa trà sáng, mọi người xét xử tôi. Cậu chủ nghiêm khắc hỏi:

- Mà lấy sách ở đâu ra?

Hai người đàn bà cũng hò hét, người nọ át lời người kia. Cậu Victo ngửi những trang giấy với vẻ nghi ngờ và nói:

- Có mùi nước hoa, thật đấy...

Khi nghe tôi nói quyển sách đó của cha cố, cả bọn xem xét quyển sách lại một lần nữa, vừa ngạc nhiên, vừa bất bình rằng sao cha cố lại đọc tiểu thuyết, nhưng dầu sao câu trả lời đó cũng làm cho họ dịu xuống. Tuy nhiên cậu chủ vẫn nhắc đi nhắc lại với tôi rằng đọc sách là có hại và nguy hiểm.

- Đấy, cái bọn đọc sách báo ấy đã phá đường sắt, muốn giết...

Mợ chủ quát chồng với một vẻ giận dữ và sợ hãi:

- Anh điên à! Anh nói cái gì vậy!

Tôi mang quyển truyện của Môm-tê-pin đến chỗ anh Xiđô-rôp và kể cho anh nghe đầu đuôi câu chuyện. Anh lính cầm lấy quyển sách, lặng lẽ mở chiếc hòm con của mình, lấy ra một chiếc khăn mặt sạch, bọc cuốn sách lại, rồi cất cả vào hòm ... Anh bảo tôi:

- Em đừng nghe lời họ làm gì. Cứ đến nhà anh mà đọc sách, anh không nói cho ai biết đâu! Nếu em đến không thấy anh ở nhà thì cứ lấy chìa khoá treo sau tượng thánh, mở hòm lấy sách ra mà đọc...

Thái độ của chủ nhà đối với sách vở đã đề cao ngay chúng lên trước mắt tôi ngang với những sự bí

mật quan trọng và khủng khiếp. Cái việc mà “những người đọc sách báo” đã phá đường sắt để giết ai đó không làm tôi bận tâm, nhưng tôi lại nhớ đến vị linh mục trong buổi xưng tội, đến việc đọc sách của người học sinh trung học dưới tầng hầm, đến những lời nói của bác Xmurui về “những quyển sách đúng đắn”, và tôi lại nhớ đến những câu chuyện của ông ngoại tôi kể về những nhà ảo thuật biết sử dụng âm binh:

- “Dưới triều vua Alêxandơ Paplôvits thái bình, có một bọn quý tộc bị bọn phù thủy và bọn ảo thuật lôi cuốn đã âm mưu bán rẻ toàn dân Nga cho giáo hoàng La-mã, thật là bọn vô đạo! Tướng Aracsêep bắt được quả tang bọn chúng đang mưu đồ, bèn đẩy cả bọn đi Xibêri làm khổ sai, không kể gì đến chức tước, cấp bậc. Chúng chết mòn ở đấy như giống bọ xanh”...

Tôi nhớ đến câu “umbrakun sắc sở những tinh cầu”, đến “Gecvaxi” và đến những câu trang trọng đáng buồn cười:

“Bọn phạm tặc tò mò muốn biết công việc của chúng ta!”

“Không bao giờ cập mắt kém cỏi của các người thấy được!”

Tôi cảm thấy như mình đang được đứng trước ngưỡng cửa của những bí mật lớn lao nào đó và sống như người mất trí. Tôi muốn đọc hết quyển sách, nhưng lại sợ nó mất ở nhà anh lính hoặc vì sao đó mà

anh làm hỏng mất quyển sách. Lúc bấy giờ tôi biết ăn nói với chị vợ anh thợ cắt ra sao?

Còn bà già thì vừa ráo riệt theo dõi tôi không cho tôi chạy đến chỗ anh lính cần vụ, vừa nhieếc móc tôi:

- Con mọt sách! Sách vở chỉ dạy đọc những điều phóng đảng. Đây, con mẹ ấy cũng mải mê với sách vở đến nỗi không thể nào đi chợ được, chỉ luẩn quẩn với bọn sĩ quan, tiếp chúng giữa ban ngày ban mặt, tao còn lạ gì mà không biết!

Tôi muốn quát to lên:

- “Không đúng! Chị ấy không luẩn quẩn...”

Nhưng tôi sợ không dám che chở cho chị vợ anh thợ cắt. Lỡ bà già thỉnh linh đoán được quyển sách đó của chị thì sao?

Trong suốt mấy ngày, tôi sống thật là vô cùng khổ sở. Tôi vừa đãng trí, vừa buồn, vừa hoảng hốt; tôi không sao ngủ được vì lo lắng cho số phận của Môtêpin, cho đến một hôm mụ bếp của chị vợ anh thợ cắt chặn tôi lại ở ngoài sân và bảo:

- Mang sách đến trả nhé!

Tôi chọn lúc ăn trưa xong, khi nhà chủ đã nằm nghỉ, để đến nhà chị vợ anh thợ cắt, về ngưỡng nghịu chán nản.

Chị tiếp tôi như lần đầu tôi gặp chị, chỉ có ăn mặc thì khác hẳn: váy xám, áo cánh bằng nhung đen, chiếc thánh giá bằng ngọc xanh đeo trên chiếc cổ để trần. Trông chị giống như một con chim sơn tước mái.

Khi tôi nói với chị rằng tôi không kịp đọc hết quyển sách và người ta cấm tôi không được đọc sách, thì tôi rưng rưng nước mắt vì tôi nửa tủi nửa mừng được trông thấy chị.

- Chà, cái bọn mới ngu xuẩn làm sao! - chị nhún cặp lông mày thanh tú lại - Thế mà trông khuôn mặt của cậu chủ em cũng có vẻ sáng sủa đấy chứ. Em đừng buồn, để chị nghĩ xem đã. Chị sẽ viết thư cho chủ em...

Nghe thế tôi sợ quá. Tôi bảo chị rằng tôi đã nói dối nhà chủ là mượn sách của cha cố chứ không phải của chị.

- Không nên đâu, chị đừng viết! - tôi yêu cầu chị - Họ sẽ chế nhạo chị và sẽ nói chị không ra gì đâu. Ở khu nhà này không có ai thích chị đâu. Ai cũng chế giễu chị, họ nói rằng chị gàn và chị thiếu mất xương sườn...

Nói một mạch xong điều đó tôi hiểu ngay rằng mình đã nói những điều vô ích và đáng bực mình đối với chị. Chị cắn môi trên và vỗ tay vào hai bên hông tựa như người cười ngửa. Tôi ngượng ngịu cúi đầu, muốn chui xuống đất cho rảnh nhưng chị ngả người trên ghế, cười khanh khách và nhắc đi nhắc lại:

- Ôi, ngu xuẩn... ôi ngu xuẩn! Nhưng biết làm thế nào? - chị tự hỏi thế và chăm chú ngắm nghía tôi, sau đó chị thở dài và nói: - Em là một đứa bé kỳ dị, rất...

Tôi liếc mắt vào tấm gương để cạnh chị và thấy một khuôn mặt có cái mũi tẹt, hai gò má cao, một vết tím bầm to trên trán, và mớ tóc từ lâu chưa cắt dựng tua tủa từng đám; đây phải chăng là “một đứa bé kỳ dị”?... Đứa bé kỳ dị đó chẳng giống cái hình dáng thanh tú như đồ sứ kia chút nào...

- Hôm trước em không lấy đồng tiền chị cho à? Tại sao vậy?

- Em không cần.

Chị thở dài.

- Biết làm thế nào được! Nếu người ta cho phép em đọc sách thì cứ đến, chị sẽ cho mượn sách...

Trên giá gương có đặt ba quyển sách, quyển tôi mang đến là quyển dày nhất. Tôi buồn rầu nhìn nó. Chị chìa bàn tay xinh xinh màu hồng ra cho tôi.

- Thôi, chào em nhé!

Tôi thận trọng chạm vào tay chị và đi rất nhanh khỏi phòng.

Người ta bảo chị chẳng hiểu gì hết, có lẽ cũng đúng. Đây, đồng hai mươi kopech thì chị gọi là đồng tiền, cứ như là một đứa trẻ con vậy.

Nhưng điều đó khiến tôi càng mến chị...

IX

Thật là buồn vui lẫn lộn mỗi khi nhớ lại lòng say mê đọc sách bùng cháy của tôi đã mang lại cho tôi biết bao nhiêu điều quý lụy, bực bội và lo âu nghiệt ngã!

Thấy sách của chị vợ anh thợ cắt đất tiền quá, và sợ bà chủ già sẽ thiêu chúng vào lò mất, nên tôi cố gắng không nghĩ đến chúng nữa. Tôi bắt đầu đi mượn những loại sách nhỏ đủ các màu sắc khác nhau ở quầy hàng nhỏ, nơi sáng nào tôi cũng tới mua bánh mì về uống trà sáng.

Chủ là một gã thanh niên rất đáng ghét lúc nào cũng nhể nhại mô hôi, mặt nhăn nheo trắng bệch đầy những đốm và sẹo trằng nhac, môi dày, mắt trắng dã và nhỏ, những ngón tay thì thật là vụng về trên hai bàn tay to mập. Buổi tối, quầy hàng của gã là nơi tụ tập của đám con trai mới lớn lên và lũ con gái nhẹ dạ hàng phố. Hầu như chiều nào người em cậu chủ tôi cũng đến quầy để uống bia và đánh bài. Tôi thường phải đi gọi cậu về ăn bữa tối, và thường trông thấy

người vợ hồng hào, đàn độn của gã chủ ấy ngồi trên đùi cậu Victoruska hay trên đùi một thanh niên khác, trong căn phòng nhỏ hẹp phía sau quầy hàng. Điều đó có lẽ không làm cho gã chủ khó chịu. Cả khi bọn ca sĩ, bọn lính tráng và những bọn cùng một duộc ôm chặt lấy đứa em gái của gã vẫn giúp gã bán hàng trong quầy, gã cũng chẳng bức bối tí nào. Hàng hóa ở quầy không nhiều lắm, gã giải thích rằng mình mới mở cửa hàng nên chưa kịp sửa sang tu bổ, mặc dầu quầy hàng đã mở từ dạo mùa thu. Gã đưa cho khách đến chơi và khách mua hàng xem những bức tranh khoả thân, cho người ta chép lại những bài thơ tục tĩu, nếu ai muốn.

Tôi đọc những quyển sách vô vị của Misa Epxtignêep, mỗi quyển phải trả một kôpếch. Tiền thuê thì đắt mà sách thì chẳng làm cho tôi hài lòng chút nào. Những quyển: *Guak hay là lòng chung thủy vô song*, *Franxun Vênêxian*, *Cuộc chiến đấu giữa người Nga và người Kabarda⁽¹⁾*, hay là *Người nữ tín đồ Hồi giáo tuyệt mỹ đã chết trên quan tài chồng⁽²⁾* và tất cả những sách loại tương tự như vậy không thoả mãn được tôi, chúng thường làm cho tôi cáu giận: tựa hồ như chúng giấu cốt tôi như đối với một thằng

(1) Một dân tộc ở bắc Kaxikaj, hiện nay nằm trong liên bang cộng hòa Nga.

(2) Những quyển sách nêu trên là những loại sách phóng tác dựa theo những truyện hiệp sĩ thời cổ.

ngốc, bằng cách kể cho tôi nghe những chuyện phi lý với những câu văn hiểm hóc.

Tôi thích những quyển *Những người xạ thủ, Iuri Milôxlapxki, Người thầy tu bí mật*⁽¹⁾ *Iapantsa, người kỵ sĩ Tacta* và những quyển cùng loại hơn. Sau khi đọc xong, những quyển ấy còn như giữ lại được một chút gì trong trí óc. Nhưng tôi thích hơn cả là loại sách sự tích các Thánh. Trong những sự tích đó có một vẻ nghiêm chỉnh đáng tin và đôi lúc khiến tôi vô cùng xúc động. Những thánh tử vì đạo, tôi thấy họ đều hao hao giống bác Tốt Lắm, những thánh nữ thì tựa như bà ngoại tôi, còn những tu sĩ thì giống ông ngoại tôi vào những giờ mà ông vui vẻ, dễ dãi.

Tôi đọc sách trên gác thượng hoặc khi chẻ củi trong nhà kho, chỗ nào cũng đều bất tiện và lạnh lẽo. Thỉnh thoảng, gặp quyển sách hay hoặc phải đọc cho chóng xong, tôi thức dậy lúc nửa đêm và đốt nến lên. Nhưng bà chủ già để ý thấy nến chóng hết quá nên đã dùng một que đóm để đo chúng và giấu cái thước ấy vào một chỗ. Nếu sáng hôm sau, cây nến thiếu đi một mẫu⁽²⁾, hoặc nếu tôi tìm thấy que đóm mà không hề gãy nó đi một đoạn bằng đoạn nến đã

(1) *Những người xạ thủ, Iuri Milôxlapxki* và *Người thầy tu bí mật* cũng là những truyện phóng tác dựa theo các tiểu thuyết lịch sử của Maxanxki, Zagôxki và Zôtôp.

(2) Nguyên văn: một vecsôc (đơn vị đo lường cũ của nước Nga bằng 4,4cm).

cháy, thì trong bếp lại âm ỉ huyền não lên. Một hôm cậu Victoruska nằm trên phản phát bực đã tuyên bố:

- Đừng có bù lu bù loa mãi lên như thế, mẹ ơi! Không tài nào sống được! Tất nhiên là nó đã thấp nển vì nó đọc sách mượn của thằng chủ quầy hàng, con còn lạ gì nữa. Mẹ cứ xem trên gác thượng của nó ấy...

Bà già vội trèo lên gác, tìm được một quyển không biết là quyển gì và xé nát nó ra.

Lẽ dĩ nhiên việc đó làm tôi rất buồn phiền, nhưng lòng ham muốn đọc sách vẫn càng ngày càng mạnh. Tôi hiểu rằng nếu có một vị thánh nào đến nhà này thì các chủ nhân của tôi cũng sẽ dạy vị đó, cải tạo vị đó theo lối sống của họ; họ sẽ làm điều ấy vì buồn chán. Nếu họ không được buộc tội mọi người, không được la lối, chế giễu những người khác thì họ sẽ quên dần mất tiếng nói, sẽ trở thành những kẻ câm và sẽ không biết đến chính bản thân mình nữa. Con người muốn cảm thấy sự tồn tại của mình, cần phải có một thái độ nhìn nhận nào đó đối với những người xung quanh. Các chủ nhân của tôi không có thái độ nào hơn đối với những người thân cận là thái độ lên mặt dạy đời, thái độ chỉ trích. Và nếu có người nào cũng bắt đầu sống theo như họ, cũng suy nghĩ, cũng cảm giác như họ, thì rồi họ vẫn chỉ trích người ấy như thường. Bản chất họ là như vậy.

Tôi lập đủ mọi mưu mẹo để đọc sách. Bà già xé sách của tôi mất mấy lần. Và bỗng nhiên tôi nợ gã

chủ quầy hàng một món tiền ketch xù là bốn mươi bảy kôpếch... Gã đòi tiền và dọa rằng khi tôi đến quầy mua hàng, gã sẽ lấy tiền của nhà chủ để trừ vào món nợ của tôi.

- Lúc đó mày sẽ thế nào? - gã vừa giễu cợt tôi vừa hỏi như vậy.

Tôi ghét gã vô ngần. Có lẽ gã cũng cảm thấy điều đó và dùng đủ mọi lời dọa dẫm để hành hạ tôi với một sự khoái trá đặc biệt. Khi tôi vào quầy hàng, khuôn mặt lồm đồm của gã phình to ra, và gã ngọt ngào hỏi tôi:

- Chú mang tiền nợ đến đây chứ?

- Không.

Câu trả lời đó làm gã khá hoảng, gã cau mặt và nhíu lông mày lại.

- Thế nào? Không lẽ tao lại đưa mày ra toà à? Để cho người ta tống vào trại nhé?

Tôi không biết lấy tiền ở đâu ra bây giờ. Tiền công của tôi người ta đã trả cho ông ngoại tôi rồi. Tôi bối rối không biết nên xử trí thế nào đây? Mà gã chủ quầy hàng thì trả lời đề nghị khát nợ của tôi bằng cách giơ bàn tay to mập đầy dầu mỡ như chiếc bánh bột lọc rán ra cho tôi và nói:

- Mày hôn đi, tao sẽ cho khát.

Nhưng khi tôi túm lấy quả cân trên quầy hàng, vung lên định đánh gã thì gã ngồi thụp xuống quát:

- Ấy, mày làm gì thế, mày làm gì thế, tao nói đùa đấy mà!

Hiểu rằng gã không nói đùa, tôi bèn quy định ăn cấp tiền để trả nợ cho xong. Sáng sáng, khi tôi chải quần áo cho cậu chủ, tiền trong túi quần của cậu thường kêu xúng xoảng, đôi khi chúng văng ra ngoài túi và lăn trên sàn. Một hôm có đồng rơi xuống khe trong chỗ chứa củi dưới cầu thang. Tôi quên nói với cậu và mãi mấy hôm sau mới chợt nhớ đến khi thấy đồng hai mươi kopech nằm trong đồng củi. Lúc tôi trao tiền cho cậu chủ, vợ cậu bảo cậu:

- Đấy anh thấy chưa? Tiền nong khi bỏ vào túi phải đếm chứ!

Nhưng cậu cười với tôi và bảo vợ:

- Anh biết là nó không ăn cắp đâu!

Bây giờ khi quy định ăn cấp tiền, tôi lại nhớ đến những lời nói đó, nhớ đến nụ cười tin tưởng của cậu và tôi cảm thấy mình khó mà ăn cắp được. Đã một vài lần, tôi móc mấy đồng trong túi ra đếm, nhưng tôi không thể nào bỏ vào túi mình được. Suốt trong ba ngày tôi loay hoay vắt óc nặn trán vì chuyện đó. Tình cờ sao mọi việc lại được giải quyết một cách thật là vô cùng nhanh chóng và đơn giản; cậu chủ bỗng nhiên hỏi tôi:

- Mày sao trông ủ rũ thế, Pêskôp⁽¹⁾? Ốm à?

(1) Họ của Alêcxây.

Tôi thú thực hết với cậu chủ nguồn cơn. Cậu cau mày lại.

- Đấy, mày thấy chưa, sách vở làm cho người ta phải như vậy đấy! Không thể này thì thế khác - chúng chỉ mang lại độc có tai họa...

Cậu cho tôi năm mươi kôpếch và nghiêm khắc bảo:

- Liệu đấy, đừng có nói cho mẹ và bà biết, kéo lại âm lên bây giờ!

Sau đó cậu cười với vẻ thân mật và nói thêm:

- Mày cũng là thằng bé kiên gan đấy, đồ quỷ bất! Không sao, cái đó cũng tốt thôi. Nhưng đừng đọc sách nữa. Sang năm tao sẽ đặt mua một loại báo thật hay lúc bấy giờ tha hồ mà đọc...

Thế là chiều chiều, từ bữa uống trà đến bữa ăn tối tôi đọc cho nhà chủ nghe những tiểu thuyết của Vaskôp; Rôksanin, Rutnikôpski và những bài khác trên tờ *Nhật báo Maxcova*⁽¹⁾ để tiêu khiển cho những con người đang bị chết dần chết mòn vì buồn tẻ.

Tôi không thích đọc to vì như thế khó hiểu được những điều mình đọc, nhưng các chủ nhân của tôi thì lại nghe rất chăm chú với vẻ như là say sưa một cách tôn kính. Họ ngạc nhiên kêu lên trước những tội ác của các nhân vật và kiêu hãnh nói với nhau:

(1) Một tờ báo lá cải có khuynh hướng phản động.

- Còn chúng ta thì ơn Chúa, chúng ta sống êm
đềm, yên ổn như thế này, chẳng biết gì đến những
chuyện xấu xa đó cả!

Họ hay lẫn lộn các sự việc, gán nhiều hành động
của tên tướng cướp nổi tiếng Tsuôckin cho người đánh
xe ngựa Fôma Krutsina, lẫn lộn các tên với nhau.
Tôi thường phải sửa những chỗ sai đó của những
người nghe. Điều đó làm họ rất ngạc nhiên.

- Nó nhớ mới gồm chứ!

Trong *Nhật báo Maxcova* thường đăng thơ của
Lêônit Gravê. Tôi thích những bài thơ ấy và chép
một bài vào vở, nhưng các chủ nhân của tôi thì lại
nói về thi sĩ như sau:

- Lão đã già rồi mà còn làm thơ với thần.

- Rượu chè be bét, nửa điên nửa dại, lão có thiết
gì đâu.

Tôi thích thơ của Xtrujkin, của bá tước Mémentô-
Môri⁽¹⁾, còn hai người đàn bà, cả già lẫn trẻ, đều khẳng
định rằng thơ chỉ là trò hát xẩm.

- Chỉ có lũ rồi và bọn đào kép mới nói bằng thơ
mà thôi.

Những tối mùa đông, phải ngồi trước mặt nhà
chủ, trong căn phòng nhỏ hẹp này, đối với tôi thật là
nặng nề. Ngoài cửa sổ, trời đêm thanh vắng. Thỉnh

(1) Lêônit Gravê, Xtrujkin và bá tước Mémentô Môri là những
nhà thơ của những năm tám mươi của thế kỷ mười chín.

thoảng băng giá lại kêu lách tách. Mọi người ngồi trên bàn, cảm lạnh như những con cá bị ướp lạnh. Có lúc bão tuyết lại quất vào mặt kính, tường nhà, kêu ù ù trong ống khói, đập nắp lò sưởi càn cạch. Lũ trẻ khóc văng lên trong buồng trẻ con. Tôi chỉ muốn ngồi trong một xó tối và cọ dùm người lại rống lên như chó sói.

Hai người đàn bà ngồi ở cuối bàn, khâu vá hoặc đan tất. Cậu Victoruska, ngồi phía đầu bàn, khom lưng đồ lại bản vẽ một cách miễn cưỡng, thỉnh thoảng lại kêu lên:

- Đừng có rung bàn! Không tài nào sống được, cứ như là chó với mèo ấy!

Cậu chủ ngồi sau chiếc khung thêu to rộng kê ở bên cạnh và thêu theo kiểu chữ thập một tấm khăn bàn vải gai. Dưới bàn tay cậu hiện dần ra những con tôm đỏ, cá xanh, bướm vàng và những chiếc lá thu màu đỏ hoe. Chính cậu đã vẽ ra những mẫu thêu và đã ngồi thêu như thế ba mùa đông rồi. Công việc này đã làm cậu chán ngấy. Nhiều lúc vào buổi trưa, thấy tôi rồi rỗi, cậu bảo tôi:

- Pêskôp này, ngồi thêu khăn bàn một lúc xem!

Tôi ngồi xuống và cầm chiếc kim to chọc lên chọc xuống. Tôi thương cậu và luôn luôn muốn hết sức giúp đỡ cậu trong mọi việc. Tôi vẫn cảm thấy rằng một ngày nào đó cậu sẽ dứt hết những việc vẽ, thêu, chơi bài đi và sẽ bắt đầu làm một việc gì khác thật

thú vị, việc mà cậu thường suy nghĩ đến. Đôi khi đang làm, cậu bỗng dừng tay lại và nhìn công trình của mình với cặp mắt ngạc nhiên bất động, tựa như nhìn một cái gì xa lạ; tóc xoã xuống trán, xuống má, trông cậu giống như một thầy dòng tu viện.

- Anh nghĩ về điều gì thế? - vợ cậu hỏi.

- Chẳng nghĩ gì cả, - cậu trả lời và lại cúi xuống làm việc.

Tôi ngạc nhiên yên lặng: sao lại có thể hỏi người ta nghĩ về điều gì nhỉ? Không thể nào trả lời câu hỏi ấy, vì người ta thường nghĩ một lúc về đủ mọi thứ: tất cả những cái gì đang phơi bày ra trước mắt mình, về những điều mà người ta đã trông thấy hôm qua, năm trước. Tất cả những điều ấy đều mơ hồ, khó nắm được, luôn luôn di chuyển và thay đổi.

Những truyện đăng nhiều kỳ phía dưới tờ *Nhật báo Maxcova* không đủ để đọc trong buổi tối nữa. Tôi đề nghị đọc thêm những tạp chí xếp dưới gầm giường trong phòng ngủ. Vợ chủ nói với giọng thiếu tin tưởng:

- Đấy có gì đâu mà đọc? Rặt những tranh ảnh...

Nhưng dưới gầm giường, ngoài những tạp chí *Bình luận về hội họa* ra còn có tạp chí *Tia lửa nhỏ*⁽¹⁾. Tôi bèn đọc truyện *Công tước Tiatin Bantixki* của Xaliat⁽²⁾. Cậu chủ rất thích nhân vật ngây ngô trong

(1) Thời bấy giờ tạp chí này cũng cùng một tính chất như tờ *Niva*.

(2) Nhà văn Nga thế kỷ XIX, tác giả của những tiểu thuyết lịch sử có khuynh hướng phản động.

truyện. Cậu cười hô hô một cách không thương xót, cười đến chảy nước mắt, trước những cảnh rủi ro đáng buồn của cậu ấm, cậu kêu lên:

- Chà, thật là tuyệt!

- Chuyện bịa cả, có ra cái gì đâu! - mợ chủ nói để tỏ ra mình cũng có nhận xét riêng của mình.

Đống sách dưới gầm giường đã giúp cho tôi rất nhiều việc: tôi đã được phép mang tạp chí xuống bếp, nhờ đó mà có thể đọc ban đêm được.

Cũng may cho tôi là bà già lại vào ngủ trong phòng trẻ và mụ vú thường uống rượu say bí tỉ. Cậu Victoruska cũng không cản trở gì tôi. Khi mọi người trong nhà ngủ rồi, cậu lén dậy mặc quần áo và biến mất cho đến sáng mới về. Nhà chủ mang hết nến vào phòng, không để cho tôi đèn đóm gì cả. Tôi không có tiền để mua nến. Tôi bèn lén cạo mỡ ở các chân nến, và bỏ vào một cái vỏ hộp cá trích bằng sắt tây, rồi rót thêm dầu trong chiếc đèn để trước tượng thánh vào đó. Tôi lấy chỉ xe thành bắc, và đêm nào cũng đốt một ngọn lửa con tí khói um trên lò sưởi.

Mỗi khi tôi lật một trang của tạp tạp chí to nặng, đóm lửa đỏ của chiếc bắc lại rung rinh run rẩy dọa tắt. Chiếc bắc mỗi lúc ngập sâu vào lớp mỡ chảy hôi rích, khói cay sè cả mắt. Nhưng tất cả những điều bất tiện đó đều tiêu tan hết khi tôi say sưa xem những bức tranh và đọc những lời giải thích ở dưới.

Những bức tranh đó đã mở ra trước mắt tôi những đất đai ngày một rộng mãi ra, tô điểm chúng bằng những thành phố thần tiên, cho tôi thấy những núi cao, những bờ biển đẹp. Cuộc sống phong phú lên một cách kỳ diệu. Mặt đất đầy sức khêu gợi, quyến rũ, người đông đúc hơn, thành phố cũng nhiều hơn, mọi cảnh vật đều muôn hình muôn vẻ. Bây giờ mỗi khi nhìn xa tít sang phía bên kia sông Vonga, tôi biết rằng ở đấy không phải chỉ là không gian trống rỗng nữa. Trước kia nhiều lần tôi nhìn sang phía bên kia sông Vonga và thấy trong lòng không hiểu sao buồn chán lạ lùng: những cánh đồng bằng phẳng, xen lẫn với những bụi cây đen sì sì như những mụn vá: cuối các đồng cỏ là dãy rừng như bức tường đen nhấp nhô; phía trên các đồng cỏ là một bầu trời xanh nhờ, vẫn đục, lạnh lẽo. Trái đất thật hoang vắng, cô độc. Tâm hồn tôi cũng trống rỗng theo, một mối buồn man mác đến xâm chiếm trái tim. Mọi ước vọng như tiêu tan mất cả, tôi chỉ muốn nhắm mắt lại và không nghĩ ngợi gì nữa. Khoảng không gian trống rỗng buồn bã đó chẳng hứa hẹn một điều gì tốt đẹp, nó chỉ khiến cho trái tim trở thành lơ lửng, trống rỗng.

Những lời giải thích dưới các bức tranh kể rất rõ ràng về những xứ sở khác, những con người khác, nói về những sự kiện khác nhau trong thời trước và nay. Có nhiều điều tôi không sao hiểu được, khiến tôi thật là thấy thật khổ sở. Đôi lúc có những chữ kỳ

quái xuyên vào óc tôi: “siêu hình học”, “khiliazm”⁽¹⁾, “sartist”⁽²⁾. Chúng quấy rầy tôi không cho tôi yên ổn phút nào, mỗi ngày chúng nảy nở đến khủng khiếp, luôn luôn chúng cứ hiện ra mờ mờ ảo ảo. Tôi cảm thấy rằng nếu không khám phá ra được ý nghĩa của những chữ đó thì tôi sẽ chẳng bao giờ hiểu được một điều gì cả, vì chính những chữ đó đã đứng chặn ở ngưỡng cửa của tất cả những điều huyền bí tựa như những bác gác cổng vậy. Nhiều khi có những câu hỏi còn đọng mãi trong óc tôi như cái dằm nằm trong ngón tay, ngăn cản tôi nghĩ đến những điều khác.

Còn nhớ có một lần tôi đọc những câu thơ lạ lùng như sau:

*Như ngôi mộ, âm thầm câm lặng
Atila⁽³⁾ - vua của Hung-nô
Nịt giáp sắt đi trên đường vắng*

Theo sau ông là một đoàn quân đi như một đám mây đen và la hét:

La-mã đâu? Đâu La-mã hùng cường?

La-mã là một thành phố, điều đó tôi đã biết, thế nhưng Hung-nô là ai? Nhất thiết phải hỏi cho ra mới được.

(1) Một học thuyết tôn giáo.

(2) Người theo chủ nghĩa cải lương hiến pháp.

(3) Lãnh tụ của Hung-nô, thế kỷ thứ V sau công nguyên, quân Hung-nô đã tàn phá miền Đông đế quốc La-mã và miền Bắc nước Ý.

Lựa được giây phút thuận lợi, tôi hỏi cậu chủ.

- Hung-nô à? - Cậu ngạc nhiên nhắc lại - Có qui biết được nó là cái gì! Chắc là chữ nhầm nhí gì đấy...

Và cậu lắc đầu khiến trách tôi:

- Đầu óc mày chỉ chứa rặt những trò vớ vẩn cả, không tốt lành gì đâu, Pêskôp ạ!

Tốt hay xấu cũng chẳng sao, tôi chỉ cần biết cái đã.

Tôi nghĩ rằng linh mục Xôlôviôp của trung đoàn hẳn phải biết Hung-nô là gì, nên khi gặp ông ta ở ngoài sân, tôi liền hỏi ngay.

Linh mục người xanh xao ốm yếu và luôn luôn cúi kính. Mắt đỏ ngầu, lông mày không có, râu cằm vàng hoe, cha vừa nói với tôi vừa chọc chiếc gậy đen xuống đất.

- Nhưng mày cần biết để làm gì, hả?

Trung úy Nexterôp thì trả lời câu hỏi của tôi bằng một vẻ hung dữ:

- Cái gì...ì?

Tôi bèn quy định phải vào hiệu thuốc hỏi ông dược sĩ xem Hung-nô là gì. Ông ta vẫn thường nhìn tôi với một vẻ dịu dàng. Khuôn mặt của ông trông rất thông minh. Ông có chiếc gọng kính vàng đeo trên chiếc mũi thật là to.

- Hung-nô là một dân tộc du mục, tựa như người Kiêcghi ấy! - Dược sĩ Paven Gônbec bảo tôi - Dân tộc đó bây giờ không còn tồn tại nữa đâu, họ chết hết rồi.

Tôi đâm ra buồn và phát bực - không phải vì dân Hung-nô bị chết, mà vì cái chữ đã giày vò tôi khôn khổ suốt một thời gian lâu như vậy lại chỉ mang một nghĩa thật quá đơn giản chẳng đem lại cho tôi cái gì cả.

Nhưng tôi rất cảm ơn quân Hung-nô, vì sau cuộc va chạm với họ, những chữ trong sách đã ít quấy rầy tôi hơn và nhờ có Attila mà tôi đã làm quen được với được sĩ Gôbec.

Con người ấy biết được những ý nghĩ đơn giản của tất cả những chữ thông thái trên đời. Ông ta có cái chìa khoá để mở mọi kho tàng bí mật. Ông lấy lại hai ngón tay sửa kính và chăm chú nhìn qua lớp kính dày vào mắt tôi. Tiếng ông nói như những chiếc đinh nhỏ đóng vào trán tôi:

- Chú bạn nhỏ ạ, chữ cũng giống như lá trên cây vậy. Muốn hiểu tại sao lá như thế này mà không thể khác thì cần phải biết cây đã sinh trưởng như thế nào, tức là phải học mới được ! Chú em ạ, sách vở như một khu vườn tuyệt diệu, nơi đây có tất cả: những điều lý thú và bổ ích...

Tôi cũng thường phải chạy tới hiệu thuốc của ông để mua xút và bột ôxyt manhêdi cho chủ vì họ thường xuyên bị ăn không tiêu hoặc mua thuốc mỡ và thuốc tẩy cho bọn trẻ con. Những lời khuyên bảo vắn tắt của ông được sĩ khiến tôi ngày càng có thái độ kính trọng sách vở. Dần dần chúng đã trở thành gắn bó với tôi như rượu vốtka đối với người nghiện rượu vậy.

Sách vở dẫn dắt tôi tới một cuộc sống khác hẳn - một cuộc sống đầy những tình cảm và mơ ước lớn lao có thể đưa người ta tới những sự nghiệp cao cả và những tội lỗi. Tôi thấy những người sống quanh tôi không có khả năng làm điều hay hoặc điều dở, họ sống ở ngoài rìa cuộc sống nêu lên trong sách và thật khó mà tìm được trong cuộc sống của họ một cái gì thú vị. Tôi không muốn sống một cuộc sống như vậy... Điều đó tôi đã biết rõ, tôi không muốn...

Qua những lời giải thích dưới các bức tranh ảnh tôi biết rằng ở Praha, Luân-đôn, Pari, không có hào rãnh và đường sá bẩn thỉu đầy rác giữa thành phố. Ở đây phố xá thẳng và rộng, nhà ở, nhà thờ cũng đều khác cả. Ở đây không có những mùa đông dài hằng nửa năm trời hăm người ta phải ngồi ở nhà, không có những tuần chay lớn chỉ có thể được ăn dưa cải chua, nấm muối, bột lúa mạch và khoai với cái món dầu gai đáng ghét kia.

Trong tuần chay lớn không được đọc sách. Nhà chủ tước mất tập *Bình luận về hội họa* của tôi và cái cuộc sống ảo não trống rỗng này lại đến kèm sát tôi. Bây giờ, tôi đã có thể so sánh cuộc sống ấy với những cuộc sống mà tôi được biết qua sách vở, tôi thấy nó lại càng nghèo nàn và quái gở hơn nữa. Khi đọc sách, tôi cảm thấy mình khoẻ hơn, mạnh hơn. Tôi làm việc trôi chảy và khéo léo vì có một mục tiêu rõ ràng: việc càng chóng xong bao nhiêu thì thời gian để đọc sách

càng thừa ra bấy nhiêu. Bị lấy mất sách, tôi đâm ra uể oải, lười biếng. Tôi bắt đầu lãng trí bất thường, việc mà trước kia chưa bao giờ xảy ra với tôi cả.

Tôi còn nhớ chính trong những ngày trống rỗng đó đã xảy ra một chuyện thật là bí ẩn: một hôm vào lúc tối, khi mọi người đã đi nằm, bỗng nhiên chuông nhà thờ vang lên. Tiếng chuông làm chấn động cả mọi người trong nhà, họ để nguyên quần áo ngủ chạy vội ra cửa sổ hỏi nhau:

- Cháy nhà à? Chuông báo động hay sao?

Trong nhà nào cũng nghe thấy tiếng người chạy xón xác, tiếng cửa đập sầm sầm. Một người cầm cương dắt một con ngựa chạy qua sân. Bà già la tướng lên là có kẻ cướp đến phá nhà thờ; cậu chủ bảo bà:

- Thôi đủ rồi mẹ ơi, mẹ cũng nghe thấy đấy có phải chuông báo động đâu!

- Thế thì chắc là đức giáo chủ đã mất rồi...

Cậu Victoruska tụt từ trên phản xuống, mặc quần áo và lăm bắm:

- Tôi biết cả rồi. Tôi biết cái gì đã xảy ra rồi!

Cậu chủ sai tôi lên gác thượng xem có thấy ánh lửa không. Tôi cầm đầu chạy, chui qua chiếc cửa tò vò và leo lên mái nhà - chẳng thấy có gì là lạ cả. Tiếng chuông thông thả âm vang trong làn không khí giá buốt tĩnh mịch. Thành phố ngái ngủ thu mình xuống sát mặt đất. Những bóng người vô hình chạy

trong bóng tối làm tuyết kêu lạo sạo, tiếng bánh xe trượt tuyết rít lên. Tiếng chuông vẫn cứ rền ngân báo hiệu tin chẳng lành. Tôi trở lại phòng.

- Không có ánh lửa gì cả!

- Hừ, trời với đất! - cậu chủ đã khoác áo đội mũ, vừa nói vừa bật cổ áo lên. Cậu lưỡng lự xỏ chân vào giày cao su. Mợ chủ nài cậu:

- Anh đừng đi! Thôi, đừng đi nữa, anh ơi...

- Có việc quái gì đâu!

Cậu Victoruska cũng đã quần áo chỉnh tề, giễu cợt mọi người:

- Tôi biết cả rồi...

Khi hai anh em đã đi ra phố, hai người đàn bà liền sai tôi đặt ấm xamôva, còn họ thì chạy ra phía cửa sổ. Nhưng hầu như cũng ngay lúc đó, cậu chủ đã giật chuông ngoài ngõ. Cậu lặng thinh chạy lên thang, mở cửa phòng ngoài và nói bằng giọng trầm trầm:

- Đức vua bị ám sát rồi!⁽¹⁾

- Họ giết được ư! - bà già kêu thốt lên.

- Họ giết chết rồi, một sĩ quan đã nói với con như vậy... Bây giờ sẽ ra sao đây?

Cậu Victoruska cũng quay về. Cậu vừa miễn cưỡng cởi quần áo, vừa giận dữ nói:

(1) Vua Alêcxăng II bị những người dân tuý ám sát vào 1-3-1881.

- Thế mà mình cứ tưởng là chiến tranh xảy ra!

Rồi tất cả bốn người lại cùng ngồi uống trà và chuyện trò một cách thân nhiên, nhưng khe khẽ và thận trọng. Ngoài phố không khí cũng lại yên tĩnh như cũ, tiếng chuông đã lặng. Suốt trong hai ngày họ cứ thì thào với một vẻ bí mật, họ đi không biết những đâu; khách khứa cũng đến chơi với họ và kể tỉ mỉ những chuyện gì không rõ. Tôi cố gắng tìm hiểu xem chuyện gì xảy ra. Nhưng nhà chủ đã cất báo đi không cho tôi đọc. Khi tôi hỏi anh Xiđô-rôp vì sao đức vua bị giết, anh thăm thì trả lời:

- Người ta cấm không được nói đến chuyện ấy...

Những sự việc đó rồi cũng dần dần mờ nhạt đi và bị những công việc vất vả hàng ngày bao phủ lên. Chẳng bao lâu tôi lại vấp phải một chuyện thật đáng buồn.

Một hôm, vào ngày chủ nhật, khi nhà chủ đi lễ, tôi đặt ấm xamôva nấu nước và đang dọn dẹp trong phòng thì đứa con lớn của cậu tôi lên vào bếp tháo khoá vòi nước ở chiếc xamôva ra và chui xuống gầm ban ngồi nghịch với chiếc khoá ấy. Than chất rất nhiều trong chiếc ống ở giữa ấm xamôva nên khi nước chảy ra ngoài hết, chiếc ấm bị rung long cả mối hàn. Ngay từ lúc còn ở trong phòng, tôi đã nghe thấy tiếng ấm xamôva kêu rít lên một cách dữ dội khác thường. Khi vào bếp tôi hoảng cả người khi trông thấy chiếc ấm đã xanh lè và lắc lư tựa như muốn nhảy lên khỏi

sàn. Chiếc vôi ấm nằm trật nghiêng sang một bên, những giọt thiếc chảy ra ở chỗ quai ấm. Chiếc xamôva màu xanh tím tưa như một anh chàng uống rượu say mềm. Tôi lấy nước gội vào ấm. Nó kêu xèo xèo và lăn kênh xuống sàn một cách đáng buồn.

Ngoài cổng chính có tiếng chuông gọi. Tôi ra mở cửa và khi bà già hỏi tôi đã đun xong nước pha trà chưa, tôi trả lời cụt lủn:

- Xong rồi!

Có lẽ vì lúng túng và sợ hãi mà tôi nói như vậy, nhưng bà già lại cho là tôi giấu cọt bà vì thế mà tội tôi càng nặng thêm. Tôi bị một trận đòn nên thân. Bà già cầm một nắm đóm gỗ thông vụt tôi. Tuy bà đánh không đau lắm, nhưng vô số dằm cắm sâu vào da lưng tôi. Đến chiều thì lưng tôi sưng vù lên như một cái gối. Trưa hôm sau, cậu chủ phải chở tôi đến nhà thương.

Ông bác sĩ người cao lênh khênh và gầy gò trông đến buồn cười. Sau khi xem cho tôi xong, ông điềm tĩnh với giọng trầm ồ ồ:

- Cần phải lập biên bản về việc hành hạ thằng bé đã!

Cậu chủ đỏ bừng mặt lên. Cậu di di hai bàn chân và nói lí nhí gì đấy với ông bác sĩ. Ông này nhìn qua chiếc đầu của cậu và trả lời cộc lốc:

- Tôi chịu thôi. Không được đâu.

Rồi ông hỏi tôi:

- Em có khiếu nại không?

Tôi đau khắp cả người, nhưng tôi nói:

- Cháu không muốn. Bác chữa nhanh cho cháu...

Người ta đưa tôi sang một phòng khác và đặt tôi lên bàn.

Ông bác sĩ rút những chiếc dầm ra bằng một chiếc cặp nhỏ và lạnh đến là dễ chịu, rồi ông nói khôi hài:

- Họ trang điểm cho chú một bộ da cứng thật tuyệt đấy chứ, chú em? Bây giờ chú đã trở thành xương đồng da sắt rồi đấy...

Cái cặp của ông làm tôi buồn không chịu được. Khi nhổ hết dầm, ông nói:

- Bốn mươi hai chiếc dầm đã được lôi ra rồi đấy chú em ạ! Nhớ lấy để mà còn khỏe! Ngày mai cũng vào giờ này em đến đây để thay băng. Họ hay đánh em lắm à?

Tôi nghĩ một lúc và nói:

- Trước kia cháu bị đánh nhiều hơn...

Ông bác sĩ cười ồ ồ:

- Mọi việc mỗi ngày một tốt hơn, chú em ạ! Việc nào cũng vậy!

Khi dẫn tôi đến với cậu chủ, ông nói với cậu:

- Xin trao trả cho ngài, em bé đã được chữa xong rồi. Ngày mai cho em đến, chúng tôi sẽ băng lại. Cũng

may cho ngài, chú bé này là một tay bông lơn tốt bụng...

Lúc ngồi trên xe ngựa, cậu chủ bảo tôi:

- Trước kia, cậu cũng bị đánh, Pêskôp ạ! Biết làm sao được? Cậu vẫn bị đánh luôn, cháu ạ. Đối với cháu dù sao cũng còn có cậu thương, chứ cậu thì có ai thương đâu, chẳng có ai thương cậu cả! Trên thế gian này đầy dẫy bao nhiêu là con người, thế mà chẳng có lấy một đứa chó đẻ nào biết thương mình cả. Chao ôi, thật là lũ quỷ...

Cậu chửi rửa suốt dọc đường. Tôi thấy thương cậu và cũng cảm ơn cậu vì cậu đã nói chuyện với tôi như với một con người thật sự.

Ở nhà, mọi người đón tiếp tôi như trong ngày sinh nhật của tôi. Lũ đàn bà bắt tôi phải kể tỉ mỉ chuyện ông bác sĩ đã chữa cho tôi như thế nào, ông ta đã nói những gì. Họ vừa nghe vừa xuýt xoa, lúc thì khoái chí chặc lưỡi, khi thì nhăn mặt. Sự chăm chú nhiệt thành của họ đối với bệnh tật, đối với tất cả những điều đau khổ bất hạnh khiến tôi phải sửng sốt.

Tôi thấy họ hài lòng khi biết tôi từ chối không làm đơn khiếu nại họ. Lợi dụng điều đó, tôi bèn xin phép được mượn sách của chị vợ anh thợ cắt. Họ không dám từ chối tôi. Chỉ có bà già kinh ngạc thốt lên:

- May thật là thằng quỷ sứ!

Sau đó một ngày, tôi đã tới đến nhà chị vợ anh thợ cắt. Tôi đứng trước mặt chị, còn chị thì âu yếm bảo tôi:

- Thế mà người ta nói với chị rằng em ốm, phải chờ đến nhà thương. Em có thấy thiên hạ hay nói dối không?

Tôi nín thinh. Nói cho chị biết sự thật thì xấu hổ quá. Kể cho chị biết những điều thô bỉ và đáng buồn ấy để làm gì? Tôi rất sung sướng thấy chị không giống chút nào với những kẻ khác.

Tôi lại tiếp tục đọc những tập sách dày của Duymacha, Pôn-xôn đuy Terai, Mông-tê-pin, Zakôn, Gabôriô, Emar, Goagôbê⁽¹⁾. Tôi đọc ngấu ngiến hết quyển này đến quyển khác rất nhanh và thấy lòng phơi phới. Tôi cảm thấy mình là thành viên của một cuộc sống lạ kỳ, khiến cho tâm hồn tôi xúc động nhẹ nhàng và gây thêm cho tôi niềm hưng phấn. Chiếc đèn của tôi tự làm lấy lại ấm đầy muối khói. Tôi thường đọc suốt đêm đến sáng. Mắt tôi dần dần sưng lên. Bà già nhắc khéo tôi:

- Cứ chờ ít lâu nữa mà xem, con một sách ạ. Rồi mày sẽ nổ con người mà mù mắt thôi!

Nhưng chẳng bao lâu tôi đã hiểu rằng trong tất cả những quyển sách rắc rối một cách thú vị đó, mặc

(1) Các nhà văn Pháp: Dumas pere, Ponson du Terrail, Zaccane, Gaboriau, Aymard, Boisgobey.

dầu có những sự kiện phong phú khác nhau, những đất nước, những thành phố khác nhau, tất cả đều chỉ quy tụ vào một điểm: những người tốt thường đều bất hạnh, đều bị bọn người xấu xua đuổi, còn những kẻ xấu thường may mắn và khôn ngoan hơn người tốt, nhưng mặc dù vậy cuối cùng thì một điều bí ẩn nào đấy sẽ đánh bại lũ người xấu, còn con người tốt nhất định sẽ giành được phần thắng. Cái “tình yêu” mà tất cả đàn ông và đàn bà nói đến cũng một giọng lưỡi đã khiến tôi chán ngấy. Cái trò đơn điệu ấy không những chán ngắt, mà còn gợi lên trong lòng tôi một tình cảm nghi hoặc vớ vẩn nữa.

Đôi khi, ngay từ những trang đầu, tôi bắt đầu đoán được ai thắng, ai bại, và khi mà đầu mối của các sự kiện ấy đã rõ ràng, tôi liền cố gắng tìm cách gỡ các mối ấy bằng trí tưởng tượng của mình. Đọc sách xong, tôi suy nghĩ về câu chuyện như nghĩ về một bài toán trong sách giáo khoa số học. Mỗi ngày tôi càng giải đúng hơn việc sắp xếp nhân vật nào trong sách sẽ được sống vinh hoa phú quý, nhân vật nào sẽ bị khổ ải đầy đoạ.

Nhưng ngoài điều đó ra, tôi còn thấy được những tia sáng mờ mờ của một sự thật sinh động và đáng kể đối với tôi, còn thấy được những nét cạnh của một cuộc sống khác, của những quan hệ xã giao khác. Tôi nhận thấy rằng ở Pari những người đánh xe ngựa, thợ thuyền, binh lính và tất cả “đám dân đen” đều

không giống như ở Nijni, Kazan, Pecmơ. Họ nói chuyện với các ông chủ một cách mạnh dạn hơn, đối xử với chủ đơn giản hơn và thoải mái hơn. Đây, cũng người lính, nhưng anh chàng lính này không giống một người nào trong số những người mà tôi biết - chẳng giống anh Xiđôrôp, cũng không giống anh lính miền Viatka trên tàu thủy, lại càng không giống Ecmôkhin nữa. Anh chàng lính này là một con người hơn tất cả bọn họ. Trong con người anh ta có một điều gì gần giống như bác Xmurui, nhưng anh không dữ tợn và cục cằn như bác. Và đây là một người chủ quây hàng, nhưng người này cũng tốt hơn tất cả những người chủ các quây hàng tôi biết. Cho đến các linh mục trong truyện cũng không giống như linh mục mà tôi được biết - họ chân thành hơn và đối xử với mọi người một cách thông cảm hơn. Nói chung, tất cả cuộc sống ở nước ngoài đã nêu lên trong sách đều thú vị hơn, dễ dãi hơn, tốt đẹp hơn cuộc sống mà tôi biết; ở nước ngoài người ta không đánh nhau thường xuyên và dữ dội như vậy, không nhạo báng con người một cách đau đớn ê chề như họ nhạo báng anh lính miền Viatka, không cầu Chúa một cách cuồng bạo như bà chủ già vẫn thường cầu nguyện.

Điều thấy rõ nhất là trong nhiều truyện khi nói đến những kẻ tàn ác, những con người tham lam, đê tiện, thường không thấy nói đến cái tính tàn nhẫn khó hiểu trong những con người ấy, không thấy nói

đến cái khát vọng nhạo báng con người, điều mà tôi rất quen thuộc, vì hàng ngày thường quan sát thấy. Những kẻ tàn ác trong truyện đều tàn nhẫn một cách có ý thức, hầu như lúc nào cũng có thể hiểu được vì sao mà họ tàn nhẫn như vậy. Còn tôi nhìn thấy sự tàn nhẫn vô ý thức, vô bằng cớ. Người ta tàn nhẫn chỉ cốt để tiêu khiển mà không chờ đợi ở đấy một lợi ích gì.

Mỗi một quyển sách mới càng làm tôi thấy rõ thêm sự khác biệt giữa cuộc sống của người Nga với cuộc sống của các nước khác, gọi lên trong lòng tôi một nỗi bất bình lờ mờ, khiến tôi càng thêm ngờ vực những sự thật mà tôi đã đọc được trên những trang giấy vàng úa, mép lem luốc kia.

Nhưng bỗng một hôm tôi kiếm được cuốn tiểu thuyết *Anh em nhà Zemgannô* của Gôngcua⁽¹⁾. Tôi đọc xong quyển truyện trong một đêm và sửng sốt vì một điều gì đấy mà từ trước tới nay chưa hề cảm thấy, tôi bèn bắt đầu đọc lại câu chuyện đơn giản và buồn thảm ấy. Câu chuyện đó không có gì là rắc rối, bề ngoài chẳng hấp dẫn tí nào; từ những trang đầu tiên, nó đã có vẻ như một chuyện nghiêm trang và khô khan như cuộc đời các vị thánh. Thoạt đầu lối hành văn chính xác, không tô vẽ thêm của quyển truyện làm tôi ngạc nhiên một cách khó chịu, nhưng những chữ hàm xúc, những câu chặt chẽ đã thấm chặt vào trái tim tôi, đã hùng hồn kể lại tấn bi kịch

(1) Edmond de Goncourt: nhà văn Pháp (1822-1896)

của anh em nhà nghệ sĩ nhào lộn khiến cho tôi run lên vì cảm xúc khi đọc quyển sách đó. Tôi vừa khóc nức nở vừa đọc đoạn nhà nghệ sĩ bất hạnh lê cặp chân gầy leo lên gác thượng, nơi mà người em của anh ta thường bí mật luyện tập nghệ thuật ưa thích của mình.

Khi trả quyển sách tuyệt diệu đó cho chị vợ anh thợ cắt, tôi đề nghị cho tôi mượn một quyển như thế nữa.

- Quyển như thế là như thế nào? - chị mỉm cười, hỏi tôi.

Nụ cười của chị làm tôi lúng túng. Tôi không sao cắt nghĩa được cho chị rõ là mình muốn gì. Và chị nói với tôi:

- Quyển này chán lắm. Em chờ ít lâu, chị sẽ cho em mượn một quyển khác hay hơn...

Sau ít ngày chị cho tôi mượn cuốn *Câu chuyện có thật về một chú bé lang thang* của Grinvut⁽¹⁾. Đầu đề sách hơi xúc phạm đến tôi, nhưng ngay từ trang đầu trong lòng tôi đã ngời lên một niềm vui thích thú. Với niềm vui đó tôi đã đọc toàn bộ cuốn sách đến trang cuối cùng, có trang tôi đọc đi đọc lại tới hai, ba lần.

Thì ra cả lũ trẻ con ở nước ngoài cũng có những đứa phải sống cực khổ, vất vả biết bao! Như vậy thì

(1) Greenwood, nữ văn sĩ Mỹ thế kỷ XIX.

cuộc sống của tôi cũng chưa lấy gì làm khổ lắm, có thể không cần buồn nản làm gì!

Nhà văn Grinvut đã mang lại cho tôi rất nhiều niềm phấn khởi. Ít lâu sau tôi lại tìm được một quyển sách thật là “đúng đắn” - quyển *Ogiêni Grăngđê*⁽¹⁾.

Ông lão Grăngđê khiến cho tôi hình dung ngay tới ông ngoại tôi. Tôi bực mình vì quyển sách ngắn quá, nhưng ngạc nhiên vì thấy trong đó chứa đựng bao nhiêu là sự thật. Cái sự thật rất quen thuộc đối với tôi và đã làm tôi ngấy lên trong cuộc sống đó đã được cuốn sách diễn đạt lên với một màu sắc hoàn toàn mới mẻ: vô tư, bình thản. Những sách mà tôi đã đọc trước đây, trừ sách của Gôngcua ra, đều kết tội con người một cách khe khắt và hay la lối hết như những chủ nhà của tôi vậy. Những cuốn sách đó thường làm cho mình cảm mến những kẻ phạm tội ác và bất bình đối với những con người đức hạnh. Thật là đáng tiếc vì lúc nào cũng thấy rằng con người tuy hao phí bao nhiêu tâm não và ý chí cũng không sao đạt được điều mong muốn - những con người đức hạnh từ trang đầu tới trang cuối vẫn đứng trước mặt họ như những chiếc cột đá không gì lay chuyển nổi. Mặc dầu mọi dự định xấu xa độc ác đều không khỏi tan tành trước những chiếc cột đó, những cột đá vẫn không gây được cảm tình với người đọc. Cũng như một bức tường dù có đẹp và vững chắc đến chừng

(1) Của văn hào Pháp Honore de Balzac (1799-1850)

nào, nhưng khi mình đã muốn hái táo trên cây phía sau tường thì không nên ngắm nghĩa mãi bức tường làm gì. Tôi cứ nghĩ rằng cái điều quý hơn, sinh động hơn phải là điều nằm ẩn nấp ở đâu phía sau những đức hạnh ấy...

Trong các sách của Gôngcua, Grinvut, Balzắc, ta không gặp những kẻ hoàn toàn ác cả hoặc thiện cả, mà chỉ có những nhân vật rất sinh động một cách tuyệt diệu; không thể nào nghi ngờ được: tất cả những điều họ nói và làm nhất thiết phải như vậy chứ không thể nào khác.

Nhờ đó mà tôi hiểu được rằng gặp một “quyển sách hay”, “một quyển sách đúng đắn” thật là một niềm vui lớn. Nhưng làm thế nào để mà tìm ra được những sách ấy? Chị vợ anh thợ cắt cũng không thể giúp được tôi trong việc lựa chọn đó.

- Đây là một quyển sách hay, - chị nói và đưa cho tôi quyển *Những bàn tay đầy hoa hồng, vàng và máu* của Arxen Huxe⁽¹⁾, cùng với những tiểu thuyết của Belô⁽¹⁾, Pôn đơ Kốc⁽¹⁾, Pôn Fêvan⁽¹⁾ nhưng tôi phải đọc những quyển ấy với một sự căng thẳng cao độ.

Chị thích những tiểu thuyết của Mariet⁽²⁾, Vecne⁽³⁾, nhưng tôi thì lại cho chúng là buồn tẻ. Truyện của Spinhagen⁽³⁾, tôi cũng không thích, nhưng

(1) Nhà văn Pháp

(2) Nhà văn Anh

(3) Nhà văn Đức

rất thích những truyện của Auerbach⁽¹⁾. Xuy⁽²⁾ và Huygô⁽³⁾ không lôi cuốn được tôi bằng Oantơ Xcôt⁽⁴⁾. Tôi muốn đọc những cuốn sách làm tôi phải xúc động, phải vui sướng như những sách của nhà văn Banzac tuyệt diệu. Người phụ nữ như pho tượng sứ cũng càng ngày tôi càng ít thích hơn.

Khi đến nhà chị, tôi thường mặc một chiếc áo sơ mi sạch, đầu tóc chải gọn ghê, cố gắng tìm mọi cách cho ra vẻ tề chỉnh. Chưa chắc tôi đã đạt được điều đó, nhưng tôi vẫn cứ chờ mong chị sẽ chú ý đến vẻ chỉnh tề của tôi và sẽ nói chuyện với tôi một cách giản dị hơn thân mật hơn, mà bỏ cái nụ cười mỉm nhạt nhẽo trên khuôn mặt trau chuốt, luôn luôn hờ hững ấy. Nhưng chị cứ vừa mỉm cười, vừa hỏi tôi bằng một giọng mệt mỏi và dịu dàng:

- Em đọc xong rồi à? Có thích không?

- Không ạ.

Khẽ nhích đôi lông mày thanh tú lên, chị nhìn tôi, thờ dãi và nói bằng giọng mũi quen thuộc:

- Tại sao thế?

- Em đã đọc về những chuyện ấy rồi.

- Về chuyện gì kia?

(1) Nhà văn Đức

(2) Nhà văn Pháp

(3) Đại văn hào Pháp (1802-1885)

(4) Nhà văn Anh (1771-1832)

- Về tình yêu...

Chị nheo mắt lại, cười ngọt ngào:

- À, nhưng có sách nào mà lại chẳng nói đến tình yêu?

Ngồi trong một chiếc ghế bành lớn, đôi chân nhỏ nhắn vung vẩy trong đôi dép da bọc lông thú, mình khoác một chiếc áo choàng màu xanh da trời, chị vừa ngáp vừa gõ gõ những ngón tay hồng lên bìa sách để trên đùi.

Tôi muốn hỏi chị:

“Sao chị chưa rời nhà đi chỗ khác? Bọn sĩ quan vẫn cứ viết thư cho chị, cười giễu chị cơ mà...”

Nhưng tôi không đủ can đảm để nói với chị điều đó và tôi ra về, mang theo tập sách dày cộp về “tình yêu”, với một mối thất vọng sâu sắc trong lòng.

Trong khu nhà, người ta bàn tán về chị mỗi ngày một thậm tệ hơn, khả ố hơn, độc ác hơn. Tôi rất bức tức khi nghe thấy những lời bịa đặt bẩn thỉu và chắc chắn là không đúng sự thực đó. Sau lưng chị tôi thấy thương và lo thay cho chị. Nhưng khi tới nhà chị, trông thấy cặp mắt nhỏ nhắn tinh anh của chị, tấm thân nhỏ bé mềm mại như con mèo của chị và khuôn mặt luôn luôn tươi vui của chị thì lòng thương hại và lo sợ của tôi lại tan biến như mây khói.

Sang mùa xuân chị bỗng bỏ đi đâu mất. Sau đó vài ngày chồng chị cũng rời chỗ ở.

Khi căn phòng đã dọn trống để chờ đợi khách thuê mới, tôi ghé tới xem những bức tường chơ vơ với những ô vuông ở chỗ trước kia vẫn treo tranh, với những chiếc đỉnh cong queo và những lỗ đỉnh đóng. Trên mặt sàn đánh xi vương vãi những miếng vải màu, giấy vụn, những hộp thuốc rách, những lọ nước hoa, một chiếc đinh ghim to bằng đồng óng ánh.

Lòng buồn rười rượi, tôi ước gì được gặp chị vợ nhỏ bé của anh thợ cắt một lần nữa để nói với chị rằng tôi rất biết ơn chị...

X

Ngay từ hồi chị vợ anh thợ cắt chưa đi, phía dưới nhà của cậu chủ tôi đã có một người thiếu phụ mắt đen đến thuê. Bà có một đứa con gái nhỏ và một người mẹ già tóc bạc lúc nào cũng hút thuốc lá trong chiếc tàu bằng hồ phách. Thiếu phụ người rất đẹp, trông có vẻ quyền thế, kiêu hãnh. Giọng nói của bà âm vang, dễ nghe. Nhìn mọi người bà thường ngừng cao đầu hơi ngửa về sau, mí mắt hơi nheo lại, tựa như người ta đứng cách bà quá xa và bà không thấy rõ họ. Hầu như ngày nào anh lính đen đến Chufaiet cũng dắt một con ngựa lông hung hung chân nhỏ đến trước hiên nhà bà. Thiếu phụ đi ra hiên. Bà mặc một chiếc áo nhung dài màu thép, tay đeo găng xoè trắng, chân đi ủng vàng. Một tay cầm vạt áo và chiếc roi ngựa nam mặt đá màu tím, tay kia bà âu yếm vuốt ve chiếc mõm ngựa đang há ra. Con ngựa liếc nhìn bà bằng con mắt đỏ như lửa; người rung lên bần bật nó khê đập móng xuống mặt đất đã bị dẫm nát.

- Rôbe, Rô... ôbe - bà khẽ nói và vỗ mạnh tay lên cái cổ vươn thẳng rất đẹp của con ngựa.

Rồi đặt chân lên đầu gối anh Chufaiép, bà nhảy rất gọn lên yên ngựa. Con ngựa kiêu hãnh nhảy nước kiêu trên mặt đường. Bà ngồi rất khéo trên yên ngựa.

Thiếu phụ có một sắc đẹp hiếm có, một vẻ đẹp lúc nào trông cũng như mới, khiến người ta bồi hồi và làm cho tâm hồn ta lúc nào cũng ngập tràn một niềm vui sướng say sưa. Nhìn bà, tôi cứ nghĩ rằng đây chính là hình ảnh của Dianơ Poachiê, của Nữ hoàng Macgô, của cô Đơ La Valie và của những nữ nhân vật điển hình khác trong các cuốn tiểu thuyết lịch sử!⁽¹⁾

Đám sĩ quan của sư đoàn đóng trong thành phố lúc nào cũng quần lấy bà. Tối nào họ cũng chơi đàn dương cầm, vĩ cầm, ghi-ta, khiêu vũ và ca hát ở nhà bà. Bám sát bà nhất là ông thiếu tá Ôlêxôp. Ông ta có đôi chân ngắn cùn cùn, người to béo, tóc đốm bạc, mặt đỏ gay và nhầy mỡ hệt như anh thợ máy trên tàu thủy. Ông chơi đàn ghi-ta rất hay và xử thế giống như một người đầy tớ trung thành và ngoan ngoãn của thiếu phụ.

Dứa con gái nhỏ năm tuổi tóc quăn, mồm mím trông cũng đẹp lộng lẫy như mẹ. Cặp mắt xanh to

(1) Dianơ đơ Poachiê là nhân vật trong nhiều truyện lịch sử phiêu lưu. Nữ hoàng Macgô là nhân vật trong truyện *Nữ hoàng Macgô*. Cô Đơ La Valie là nhân vật trong truyện *Hai mươi năm sau của A Đuyma* cha.

của nó nhìn với một vẻ nghiêm trang, điềm tĩnh chờ đợi. Trong dáng điệu của con bé có một vẻ chín chắn như người lớn.

Người đàn bà thì từ sáng đến chiều tối bận rộn công việc nội trợ với anh Chufaiep lăm li, cau có và với một người hầu gái to béo mắt hiếng. Con bé không có vú nuôi. Nó sống hầu như không có người chăm sóc, suốt ngày chơi ở ngoài hiên hay trên đồng gỗ trước hiên. Chiều chiều tôi thường đến chơi với nó và thấy rất mến con bé ấy. Còn nó thì cũng rất chóng quen tôi. Khi tôi kể chuyện cổ tích cho nó nghe, nó nằm ngủ thiếp đi trên tay tôi. Khi nó ngủ, tôi bế nó vào giường. Chẳng bao lâu nó quen tôi đến nỗi khi đi ngủ thế nào cũng đòi được tôi đến để chia tay với nó. Khi tôi đến nó trịnh trọng duỗi bàn tay mồm mồm ra cho tôi và nói:

- Chào anh, đến ngày mai gặp lại nhé! Bà ơi, phải nói thế nào hả bà?

- Cầu Chúa che chở cho anh, - người bà nói, tuôn những luồng khói xám ra khỏi miệng và qua cái mũi nhọn.

- Cầu Chúa che chở cho anh đến ngày mai nhé, còn em thì đi ngủ đây, - con bé nhắc lại rồi chui vào chiếc chăn viền đăng-ten.

Người bà khuyên:

- Không phải “đến ngày mai” mà là “mãi mãi” chứ!

- Nhưng ngày mai vẫn là mãi mãi cơ mà, hờ bà?

Nó thích dùng chữ “ngày mai” và tất cả những cái gì mà nó thích đều được nó chuyển về tương lai cả. Khi cắm xuống đất những bông hoa, những cành gậy, nó nói:

- Ngày mai đây sẽ là một vườn hoa...

- Ngày mai em cũng sẽ mua một *coong* ngựa và em sẽ cười *lêêng trêêng* như mẹ em ấy...

Nó rất thông minh, nhưng không vui lắm. Nhiều lúc nó đang chơi đùa âm ỉ bỗng nhiên dừng lại tư lự và đập hỏi:

- Tại sao cố đạo lại có tóc dài như *đàang* bà nhỉ?

Khi bị cái gai làm sây sát, nó chỉ tay vào cây và dọa:

- Mày liệu *hông* đấy, tao sẽ cầu Chúa để Chúa *phaac* mày. Ai Chúa cũng có thể *phaac* được cả. Đến cả mẹ cũng bị Chúa *phaac* đấy...

Đôi khi khuôn mặt của nó trở nên trầm lặng, phảng phất một vẻ buồn nghiêm trang. Nó nép vào người tôi, nhìn bầu trời với cặp mắt xanh như chờ đợi và nói:

- Bà còn có lúc câu *giặng*, chứ mẹ thì không bao giờ *giặng* đâu. Mẹ chỉ cười thôi. Ai cũng y...êu mẹ cả vì lúc nào mẹ cũng *bặng* cả. Khách đến nhiều nhiều là, ai cũng thích ngắm mẹ vì mẹ *đẹp* lắm. Mẹ đáng y...êu lắm. Bác Ôlêxôp cũng nói thế.

Tôi rất thích nghe con bé nói chuyện. Nó kể cho tôi nghe về cái thế giới rất xa lạ đối với tôi. Nó luôn luôn nói về mẹ nó với một vẻ sốt sắng và nói mãi không hết chuyện. Một cuộc sống mới êm đềm mở ra trước mắt tôi, tôi lại nhớ đến nữ hoàng Macgô; điều đó càng làm tăng thêm lòng tin tưởng của tôi vào sách vở cũng như lòng thiết tha với cuộc sống.

Một buổi chiều, tôi đang ngồi ở ngoài hiên chờ nhà chủ đi dạo chơi ở Ôtkôt chưa về, và con bé đang thiu thiu ngủ trên tay tôi, thì mẹ nó cười ngựa về. Bà nhẹ nhàng nhảy xuống đất, hất đầu hỏi tôi:

- Sao, nó ngủ rồi à?

- Vâng.

- Ra thế đấy...

Anh lính Chufaiep chạy ra dẫn ngựa đi. Thiếu phụ dắt roi vào thắt lưng và chìa tay ra bảo tôi:

- Cháu đưa nó cho bác!

- Bác để cháu bế em vào nhà cho!

- Nào!.. - thiếu phụ quát tôi như quát con ngựa của bà, chân bà giậm lên bực tam cấp.

Con bé sức tỉnh dậy, hấp háy mắt nhìn mẹ và cũng chìa tay ra cho thiếu phụ. Hai mẹ con vào nhà.

Tôi đã quen với việc người ta quát tôi, nhưng thật là khó chịu khi thấy người thiếu phụ cũng quát như vậy. Ai mà chẳng nghe lời bà, dù bà chỉ khẽ ra lệnh thôi.

Sau đó vài phút chị hầu gái mắt hiếng chạy đến gọi tôi: con bé làm nũng không chịu đi ngủ nếu chưa được chia tay với tôi ngon giấc.

Tôi bước vào phòng khách, không khỏi có phần kiêu hãnh trước người mẹ. Con bé đang ngồi trong lòng mẹ, bà đang khéo léo nhẹ nhàng cởi áo cho nó.

- Đây, - bà nói - nó đến rồi đây, con quái vật đấy!

- Không phải con quái vật mà là *bàang* của con...

- Ra thế đấy! Được, tốt lắm. Chúng ta sẽ tặng cho cậu bạn của con một món quà nhé. Con có muốn như thế không?

- Có, có!

- Được rồi, mẹ sẽ tặng cho nó. Còn con thì đi ngủ nhé.

- Chào anh, đến ngày mai lại gặp nhé! - con bé vừa chìa tay cho tôi vừa nói - Cậu Chúa che chở cho anh đến ngày mai...

Thiếu phụ ngạc nhiên kêu lên:

- Ai dạy con như vậy đấy - bà phải không?

- Vâng...âng.

Khi nó đi ra khỏi phòng, thiếu phụ vẫy vẫy một ngón tay gọi tôi lại.

- Tặng cháu cái gì được đây?

Tôi nói rằng chẳng cần tặng gì cả, nhưng bà có quyển sách nào cho tôi mượn để đọc không?

Thiếu phụ nâng cầm tôi lên bằng những ngón tay thơm tho nóng hôi hổi và hỏi tôi với một nụ cười dịu dàng:

- Ra thế đấy, cháu thích đọc sách à? Cháu đã đọc những quyển gì rồi?

Khi cười, trông bà lại càng đẹp hơn. Tôi lúng túng kể ra vài tên sách. .

- Cháu thích những gì trong sách ấy? - bà hỏi tôi, tay để trên bàn, ngón tay khẽ động đậy.

Người bà như toả một mùi thơm vừa đậm vừa dịu dàng của một thứ hoa nào đấy, hòa lẫn một cách lạ thường với mùi mồ hôi ngựa. Thiếu phụ trầm ngâm và nghiêm trang nhìn tôi qua hàng mi dài - xưa nay chưa ai nhìn tôi như vậy cả.

Căn phòng ngổn ngang những bàn ghế đẹp có nệm khiến nó hẹp lại giống như một tổ chim. Các cửa sổ được che bằng một màu xanh thẫm như hoa lá. Những tấm gạch tráng men trắng như tuyết trên lò sưởi lấp lánh trong bóng tối; chiếc dương cầm đen đặt bên cạnh đó cũng phản chiếu ánh sáng trông óng ánh lên. Trên tường, trong những chiếc khung mạ vàng nhợt nhạt, có những tấm bằng khen sẫm màu đầy những chữ in Xlavơ to, và dưới mỗi tấm đều có treo một cái ấn to màu đen lủng lẳng ở đầu một sợi dây. Tất cả những đồ vật ấy đều nhìn thiếu phụ với một vẻ phục tùng, nhút nhát như tôi vậy.

Tôi cố cắt nghĩa cho bà hiểu rằng cuộc sống của

tôi thật là nặng nề, buồn tẻ và tôi đọc sách là để quên đi những điều đó.

- À, ra thế đấy? - bà đứng dậy nói - Cháu nói cũng có lý, cũng đúng đấy... Nào, chúng ta sẽ làm gì đây. Bác sẽ cho cháu mượn sách, nhưng bây giờ bác chưa có... Thôi được, cháu lấy tạm quyển này nhé...

Bà lấy quyển sách để trên đi-văng bìa vàng đã sờn nát.

- Cháu đọc xong, bác sẽ cho mượn tập thứ hai. Tất cả bốn tập...

Tôi ra về mang theo quyển *Những sự bí mật của Pêterxbua* của công tước Mêsecxki và bắt đầu đọc rất chăm chú. Nhưng ngay từ những trang đầu, tôi đã thấy “những sự bí mật” của kinh thành Pêterxbua có phần nhạt nhẽo hơn “những sự bí mật” của Madrit, Luân-đôn hay Pari nhiều. Chỉ có bài ngụ ngôn về Tự do và Chiếc gậy là làm tôi thích thú.

“Tao hơn mày, - Tự do nói - vì tao thông minh hơn”

Nhưng Chiếc gậy trả lời:

“Không, tao hơn mày, vì tao mạnh hơn mày”.

Hai bên cãi nhau mãi, cãi nhau mãi, sau cùng chúng đánh nhau. Chiếc gậy đánh quy Tự do, còn Tự do thì tôi nhớ là đầu như bị chết trong nhà thương vì bị đánh dữ quá.

Trong quyển sách có đoạn nói về người theo phái vô thần. Tôi còn nhớ công tước Mêsecxki cho người

theo phái vô thần là một loại người độc ác đến mức độ anh ta nhìn gà thì gà chết. Tôi cảm thấy chữ vô thần hơi thô lỗ, dễ làm mình khó chịu, nhưng tôi không hiểu được gì hơn, nên đâm ra buồn nản. Tất nhiên là tôi không biết đánh giá những quyển sách hay, tôi tin chắc rằng đây là một quyển sách hay vì chẳng nhẽ một thiếu phụ đường bệ và xinh đẹp như thế kia mà lại đi đọc những loại sách tồi hay sao?

- Thế nào, cháu có thích không? - thiếu phụ hỏi tôi, khi tôi trả bà quyển tiểu thuyết bìa vàng Mêsecxki.

Tôi trả lời “không” một cách khó khăn, tôi sợ rằng điều đó sẽ làm bà tức giận.

Nhưng bà chỉ cười to và đi ra phía sau rèm cửa phòng ngủ mang ra một cuốn sách nhỏ bìa da dê thuộc màu xanh.

- Quyển này hẳn cháu sẽ thích, nhưng cháu đừng làm bẩn nhé!

Đó là tập thơ của Puskin. Tôi đọc một hơi tất cả những bài thơ đó, lòng tràn ngập một cảm giác khát khao như một người lạc vào một nơi đẹp chưa từng thấy, muốn chạy khắp mọi nơi để xem ngắm. Đó cũng là cảm giác của ta, sau khi đi rất lâu trên những mỏm đất đầy rêu của một khu rừng lầy, bỗng nhiên thấy hiện ra trước mắt một bãi cỏ khô ráo, đầy hoa và tràn ngập ánh nắng. Ta đứng lại, sững sờ nhìn cảnh tượng đó trong phút giây, rồi hớn hở tung tăng

chạy khắp nơi: mỗi một lần chân ta chạm vào một lớp cỏ mềm mại trên miếng đất màu mỡ đó là mỗi lần lòng ta rung lên một niềm vui man mác.

Về giản dị và nhạc điệu của thơ Puskin làm cho tôi ngạc nhiên đến mức độ suốt một thời gian dài, văn xuôi đối với tôi trở thành những câu văn giả tạo, đọc lên không thấy tự nhiên chút nào. Phần mở đầu của truyện thơ *Ruxlan* khiến tôi nhớ đến những câu chuyện cổ tích hay nhất của bà tôi đã được cô đọng lại thành một khối trong thơ. Có những dòng thơ khiến tôi rất đổi kinh ngạc vì sự đúng đắn rõ ràng của chúng.

*Nơi kia trên những đường hoang vắng
Có dấu chân thú dữ đi kỳ.*

Tôi thầm nhắc đi nhắc lại mãi câu thơ tuyệt diệu đó trong óc và tôi nhìn thấy hình ảnh những con đường mòn hẻo lánh rất quen thuộc đối với tôi, tôi nhìn thấy những dấu vết bí ẩn đã làm nhàu nát lớp cỏ còn trĩu nặng những giọt sương long lanh như thủy ngân. Những dòng thơ âm vang, dễ nhớ một cách lạ lùng: chúng tôi thấm cho tất cả những gì mà chúng gợi lên. Tôi cảm thấy sung sướng vô cùng, cuộc sống của tôi trở nên nhẹ nhàng và dễ chịu. Những lời thơ vang lên như những tiếng chuông báo hiệu một cuộc sống mới. Hạnh phúc biết bao khi mình biết đọc, biết viết!

Những chuyện cổ tích tuyệt mỹ của Puskin đều dễ hiểu và gần gũi với tôi hơn tất cả. Tôi đọc đi đọc

lại nhiều lần và đã thuộc lòng. Lên giường, tôi vẫn nhắm mắt đọc thì thầm những câu thơ, cho đến khi ngủ thiếp đi mới thôi. Đôi khi tôi kể những chuyện ấy cho những người lính cần vụ nghe. Họ vừa nghe vừa cười ha hả, vừa văng tục không chút ác ý. Anh Xidô-rôp vỗ đầu tôi, khẽ nói:

- Chà, lay Chúa, thật là tuyệt!

Những người trong nhà đều biết tôi đang sống trong một trạng thái kích động. Bà chủ già chửi tôi:

- Cái thằng chết dẫm ấy suốt ngày chỉ chúm đầu vào sách! Còn cái ấm xamôva kia đã bốn ngày chưa chùi đấy! Tao mà vợ được một cái gậy⁽¹⁾ thì cứ gọi là...

Cái gì - gậy à? Tôi bèn dùng mấy câu thơ giễu bà để tự vệ:

Tâm hồn đen tối xấu xa

Mụ già phù thủy chỉ ưa oán thù... ⁽²⁾

Người thiếu phụ lại càng vượt cao hẳn lên trước mặt tôi. Đấy, bà ta đã đọc được những quyển sách như vậy đấy! Đâu có phải như chị vợ anh thợ cắt giống pho tượng sứ kia!...

Khi tôi mang quyển sách đến nhà bà và ngúi ngúi đưa trả, bà ta nói với tôi bằng một giọng đầy tin tưởng:

(1) Nguyên văn: *con lộn*

(2) Thơ của Púskin.

- Cháu đọc thích chứ? Cháu đã nghe nói về Puskin chưa?

Tôi đã đọc một bài nói về cuộc đời thi sĩ trong một tờ tạp chí, nhưng muốn được chính bà kể cho nghe, nên tôi bảo tôi không biết gì về nhà thơ cả.

Sau khi kể vắn tắt cho tôi nghe về cuộc đời và cái chết của Puskin, bà mỉm cười tươi như một ngày xuân và hỏi tôi:

- Yêu đàn bà nguy hiểm như thế đấy, cháu thấy chưa?

Qua những quyển sách đã đọc, tôi cũng biết đó quả thực là một điều nguy hiểm, nhưng cũng là một điều vui sướng nữa. Tôi nói:

- Nguy hiểm thật đấy, nhưng mà người ta vẫn cứ yêu! Ngay cả phụ nữ cũng đau khổ vì tình yêu mà...

Qua lớp lông mi, đôi mắt người thiếu phụ nhìn lướt qua tôi như nhìn mọi sự vật... Bà nghiêm trang nói:

- Ra thế đấy? Cháu hiểu điều ấy à? Vậy thì bác cũng mong cho cháu đừng quên điều ấy!

Và bà bắt đầu hỏi tôi thích những bài thơ nào?

Tôi trả lời câu được câu chăng, vừa giơ tay làm điệu bộ, vừa đọc thuộc lòng những bài thơ. Bà yên lặng chăm chú nghe tôi, rồi đứng lên đi đi lại lại trong phòng, trầm ngâm nói:

- Con quỉ đáng yêu này, cháu phải đi học mới được! Bác sẽ chú ý đến việc này... Chủ nhà có họ với cháu phải không?

Khi tôi nói "vâng", bà thốt lên:

- Ô! - tựa như muốn chê trách tôi.

Bà cho tôi mượn tập *Thi ca của Bêranjê*⁽¹⁾ in rất đẹp kèm theo những bản vẽ khắc, cạnh vàng, bìa da đỏ. Tâm thần tôi như mê mẩn trong những mối buồn đau gắn bó chặt chẽ một cách kỳ lạ với những niềm vui dạt dào trong tập thơ.

Tôi thấy tê tái trong lòng khi đọc những câu thơ đầy cay đắng của *Người hành khất già*:

*Là giun độc, tôi phiền ngài lắm nhĩ?
Vây xin ngài cứ dẫm chết tôi đi!
Dẫm bẹp đi, đừng thương tiếc làm gì!
Tại sao ngài không cho tôi được học,
Để sức mạnh của tôi dùng đúng lúc?
Từ kiếp giun thành kiếp kiến tái sinh,
Khi chết còn ôm ấp được cha anh!
Nhưng thân già giờ chơ vơ mòn mỏi
Đang gọi kêu lòng căm thù nhân loại.*

Tiếp theo đó tôi cười đến chảy nước mắt khi đọc bài *Người chồng hay khóc*. Tôi còn nhớ nhất là câu sau đây của Bêranjê:

(1) Beranger: nhà thơ cách mạng Pháp (1780-1857)

*Bí quyết của cuộc sống vui tươi
Không khó gì đối với người bình dị...*

Bêranjê đã khuấy động lên một niềm vui không gì kiềm chế nổi trong lòng tôi, khiến tôi muốn nghịch ngợm, muốn nói với mọi người bằng những câu bướng bỉnh, châm chọc, và chỉ trong một thời gian ngắn, tôi đã quá thành thạo trong những món đó. Tôi cũng học thuộc lòng những bài thơ của ông và hào hứng đọc cho những người lính cần vụ nghe mỗi khi tạt qua bếp của họ trong vài phút.

Nhưng chẳng bao lâu, tôi không đến với họ nữa, vì hai câu thơ:

*Chiếc mũ nào mà chẳng vừa
Với cô gái mười bảy tuổi!⁽¹⁾*

đã trở thành đầu đề cho những câu chuyện khả ố về phụ nữ. Tôi tức điên lên, cầm một cái xoong phang vào đầu gã Ecmôkhin. Anh Xiđôrôp và những người khác gỡ được tôi ra khỏi đôi tay hung dữ của Ecmôkhin, nhưng từ đó tôi không dám xuống các bếp của cánh sĩ quan nữa.

Tôi không được đi chơi phố. Mà cũng chẳng còn có thì giờ nào mà đi chơi nữa. Công việc mỗi ngày một nhiều. Bây giờ, ngoài những công việc thường ngày của con sen, người quét sân và của “thằng nhỏ để sai

(1) Thơ của Puskin.

vật" ra, hàng ngày tôi còn phải đóng đinh căng vải lên những tấm bảng to, dán các bản vẽ lên đó, chép lại bản dự toán của các công trình xây dựng cho cậu chủ, tính lại tiền trả cho những chủ thầu. Cậu chủ cặm cui làm việc từ sáng đến tối như một cái máy.

Hồi đó những dãy nhà công cộng của hội chợ sắp được chuyển thành tư hữu của các thương gia. Những dãy hàng quán đều được tu sửa gấp, cậu chủ tôi nhận thầu sửa chữa các cửa hàng và xây dựng các công trình mới. Cậu lập các bản vẽ: "sửa chữa lại các đầu hồi giáp nhau, đục cửa tò vò trên mái" và những bản vẽ tương tự, còn tôi thì mang bản vẽ đó tới một ông kiến trúc sư già kèm theo với một chiếc phong bì bên trong có nhét một tờ hai mươi lăm rúp. Ông kiến trúc sư nhận tiền và phê chuẩn: "Bản vẽ đúng với nguyên bản. Mọi công việc đã được ông "Mô" kiểm soát". Lẽ dĩ nhiên là có bao giờ ông trông thấy nguyên bản đâu, còn kiểm soát các công việc thì ông cũng không sao làm được vì ông ốm không bao giờ đi ra khỏi nhà.

Tôi cũng mang của hồi lộ đến cho ông quản lý khu hội chợ và cho một số công chức quan trọng khác nữa, và đều nhận được ở họ những "giấy phép để làm những việc phi pháp" như lời cậu chủ tôi thường mệnh danh cho những giấy tờ đó. Nhờ đó mà tôi được phép chiêu chiêu chờ nhà chủ ở cửa, ở ngoài hiên, khi họ đi đến các nhà quen thuộc chơi. Những dịp như thế cũng không phải là thường xuyên lắm. Nhưng nhà chủ

thường về vào lúc quá nửa đêm, và suốt trong mấy tiếng đồng hồ liền, tôi ngồi trên thềm hiên hay trên đồng gỗ trước hiên, nhìn vào cửa sổ bà thiếu phụ của tôi và khát khao lắng nghe tiếng nhạc, tiếng chuyện trò vui vẻ.

Các cánh cửa đều mở. Qua tấm rèm cửa và màn lưới hoa tôi thấy những bóng dáng cân đối của những sĩ quan đang di động trong các phòng khách, ông thiếu tá to béo đang đi đi lại lại, bóng dáng thiếu phụ uyển chuyển lướt qua, bà mặc giản dị và đẹp một cách lạ thường.

Tôi thầm gọi bà là Nữ hoàng Macgô.

“Chính đây là cuộc sống vui thú mà các tiểu thuyết Pháp thường miêu tả”, - tôi nghĩ vậy khi nhìn vào các cửa sổ. Những lúc đó khiến tôi thường thấy buồn buồn: lòng ghen trẻ thơ của tôi khiến tôi phải đau lòng khi thấy có nhiều đàn ông xung quanh Nữ hoàng Macgô. Họ quán lấy bà như đàn ong bò vẽ quán quanh một bông hoa.

Một sĩ quan cao dong dỏng và lúc nào cũng ủ ê ít đến hơn những người khác. Trán ông bị nhiều vết chém và mắt hõm sâu. Lần nào ông cũng mang theo một cây vĩ cầm và chơi rất hay đến nỗi khách qua đường phải dừng lại dưới cửa sổ, dân trong phố kéo ra tập hợp trên các đồng gỗ, ngay cả đến nhà chủ của tôi, nếu họ không đi vắng, cũng mở cửa sổ ra và vừa nghe vừa khen ngợi người chơi đàn. Tôi không nhớ

rằng ngoài thầy phụ lễ ở nhà thờ ra, họ còn khen ai nữa, và cũng biết rằng dầu sao họ vẫn thích bánh rán với mỡ cá hơn là thích âm nhạc.

Thỉnh thoảng ông sĩ quan lại hát và ngâm thơ bằng một giọng trầm trầm. Ông vừa thở hỗn hển một cách khác thường, vừa áp lòng bàn tay vào trán. Một hôm, khi tôi đang chơi với con bé dưới cửa sổ. Nữ hoàng Macgô đề nghị ông ta hát, ông từ chối năm lần bảy lượt, và cuối cùng cũng tuyên bố bằng một giọng rành rọt:

*Chỉ bài ca mới cần vẽ đẹp,
Còn vẽ đẹp đâu cần đến bài ca...⁽¹⁾*

Tôi rất thích hai câu thơ đó và không hiểu tại sao lại thấy thương thương ông sĩ quan.

Tôi thích nhất khi được nhìn bà thiếu phụ của tôi ngồi trước dương cầm chơi đàn một mình trong phòng. Tiếng nhạc làm cho tôi ngây ngất say sưa. Tôi không còn thấy gì ngoài chiếc cửa sổ và hình ảnh thanh tú của người đàn bà dưới ánh sáng vàng của ngọn đèn bên trong cửa sổ, ngoài vẻ mặt trông nghiêng kiêu hãnh của thiếu phụ và những ngón tay trắng trẻo lướt nhanh thoăn thoắt như những cánh chim trên phím đàn.

Tôi vừa nhìn thiếu phụ, vừa lắng nghe tiếng đàn rầu rĩ và tôi mơ ước: nếu tôi tìm được một kho tàng

(1) Hai câu cuối trong bài thơ "Vừa thấy nụ cười của em" của Phiêt.

thì tôi sẽ đem biếu bà hết, để bà trở thành một người thật giàu có. Còn nếu tôi là Xkôbêlep⁽¹⁾ thì tôi sẽ tuyên chiến với Thổ-nhĩ-kỳ, để rồi lấy tiền bồi thường của họ xây một ngôi nhà trên bờ dốc Ôtkôt - nơi đẹp nhất của thành phố. Tôi sẽ tặng bà ngôi nhà đó, chỉ mong sao cho bà rời khỏi khu phố này, rời khỏi căn nhà này, nơi mà người ta đồn đại nhiều điều đáng bực và xấu xa về bà.

Những người láng giềng và những người phục vụ trong khu nhà ở của chúng tôi, nhất là nhà chủ của tôi, đều nói xấu Nữ hoàng Macgô một cách độc địa cũng như họ nói về chị vợ anh thợ cắt, nhưng có điều thân trọng hơn, mỗi khi nói, họ lại nhìn xung quanh và hạ thấp giọng xuống.

Họ sợ bà, có lẽ vì bà là vợ goá của một nhân vật rất quyền quý. Anh lính Chufaiép - một con người có chữ nghĩa, luôn luôn đọc kinh Phúc Âm - nói với tôi rằng những bằng khen treo trên tường trong phòng của bà đều do các vua Nga cổ xưa: Gôđunôp, Alêcxây và Piôt Đại đế tặng cho ông cha của chồng bà. Cũng có lẽ người ta sợ bà cầm chiếc roi ngựa cán nạm mặt đá màu tím vụt vào mình nữa. Người ta đồn rằng có lần bà đã cầm roi vụt vào một viên chức quan trọng nào đấy.

(1) Một tướng Nga nổi tiếng trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ-nhĩ-kỳ (1877-1878).

Nhưng những lời nói thì thâm ấy cũng chẳng hơn gì những lời đồn đại âm ỉ. Bà thiếu phụ của tôi sống trong một không khí hằn thù, khó hiểu đối với tôi và nó cứ giày vò tôi. Cậu Victoruska kể rằng có lần về nhà vào lúc quá nửa đêm, cậu thoáng nhìn vào cửa sổ phòng ngủ của Nữ hoàng Macgô và trông thấy bà ngồi trên đi-văng chỉ mặc độc một chiếc áo lót, còn thiếu tá thì quỳ gối cắt móng chân cho bà rồi lấy bọt biển đánh bóng móng chân cho bà.

Bà già nhỏ nước bọt và chửi rủa. Mợ chủ thì đỏ mặt tía tai réo lên:

- Xi, chú Victo! Chú thật là trơ trẽn! Mà các ông bà kia thì cũng thật là lũ đốn mặt!

Cậu chủ lặng yên mỉm cười. Tôi rất biết ơn cậu vì cậu đã nín lặng, nhưng cũng phấp phỏng lo cậu sẽ đồng tình tham gia vào những chuyện nói xấu kia. Hai người đàn bà vừa xuýt xoa, vừa kêu ới ới lên, vừa tỉ mỉ hỏi cậu Victoruska xem thật bà ta đã ngồi như thế nào, ông thiếu tá đã quý ra sao. Cậu Victoruska không ngừng tô thêm những chi tiết mới vào:

- Mặt ông ta đỏ ửng lên, lưỡi thè ra...

Tôi thấy chẳng có gì xấu xa trong việc ông thiếu tá cắt móng chân cho thiếu phụ cả, nhưng tôi không tin rằng ông ta đã thè lưỡi. Tôi bảo rằng đó là một chuyện bịa đặt có tính chất lãng mạn, và tôi bảo cậu Victoruska:

- Nếu đây là chuyện xấu thì cậu còn đứng nhìn vào cửa sổ làm gì? Cậu có còn bé bỏng gì cho cam...

Tất nhiên là tôi bị chửi một trận nên thân, nhưng những lời chửi mắng không làm tôi bực tức. Tôi chỉ muốn một điều chạy ngay xuống nhà dưới, quỳ trước mặt thiếu phụ như ông thiếu tá và cầu xin bà:

“Bác ơi, bác hãy rời khỏi khu nhà này đi!”

Từ ngày tôi biết có một cách sống khác, những con người, những tình cảm và ý nghĩ khác, thì khu nhà này với những người ở trong đó càng gây thêm trong lòng tôi sự chán ghét sâu sắc. Cả khu nhà bị bao trùm trong những màn dây bẩn thỉu của những câu chuyện đơm đặt vô liêm sỉ, trong đó không có ai là không bị nói xấu. Ông cố đạo ốm yếu đáng thương của trung đoàn bị mang tiếng là tay rươi chề bẻ bét và truy lạc. Theo lời kể của nhà chủ tôi thì các sĩ quan và vợ của họ đều sống trong những hố lầy tội lỗi. Những câu chuyện đơn điệu của đám lính về phụ nữ làm cho tôi khó chịu. Đáng ghét nhất là nhà chủ của tôi. Tôi hiểu rất rõ cái chân giá trị của những lời phê phán người đời một cách tàn nhẫn vẫn được họ ựa chuộng. Việc quan sát những thói hư tật xấu của họ. Nhà chủ của tôi chỉ giải trí bằng cách dùng lời nói để dẫn dắt, châm chọc những người lân cận, tựa như họ muốn trả thù tất cả mọi người vì chuyện chính họ phải sống lương thiện, chắt vật và buồn tẻ như vậy.

Khi nghe người ta kể những điều bỉ ổi về Nữ hoàng Macgô, tôi rất phẫn nộ. Ôi! Đâu có phải là sự phẫn nộ của trẻ thơ nữa! Tim tôi sôi sục lòng căm ghét những kẻ hay bịa đặt điều nọ tiếng kia, tôi không sao nín được ý muốn chọc tức tất cả mọi người, làm những điều tai quái. Đôi lúc tôi lại thấy trong lòng bị dằn vặt vì lòng thương hại bản thân, thương hại mọi người. Lòng thương hại thâm lạnh đó còn làm cho tôi khổ sở hơn là lòng căm ghét.

Tôi biết về Nữ hoàng nhiều hơn là những người xung quanh, và tôi ngại rằng họ không thể biết hết được những điều mà tôi biết.

Vào những ngày lễ, khi nhà chủ kéo nhau đến nhà thờ xem lễ lớn đến trưa mới về, tôi sang nhà thiếu phụ cả buổi sáng. Bà gọi tôi vào phòng ngủ của mình. Tôi ngồi trên một chiếc ghế bành nhỏ bọc lụa vàng. Con bé leo lên đùi tôi ngồi. Tôi kể cho bà nghe về những sách tôi đã đọc. Bà nằm trên chiếc giường rộng, hai lòng bàn tay nhỏ nhắn của bà úp vào nhau tỳ dưới má.

Thân hình bà khuất dưới chiếc chăn màu vàng óng, như mọi đồ đạc trong phòng ngủ. Mớ tóc đen tết thành bím vắt trên vai, nằm ra phía trước và đôi khi thông từ trên giường xuống sàn nhà.

Vừa nghe, bà vừa nhìn vào mặt tôi bằng cặp mắt dịu dàng, rồi hơi mỉm cười nói:

- Ra thế đấy?

Cho đến cả nụ cười đầy thiện cảm của bà trước mặt tôi cũng chỉ là một nụ cười độ lượng bề trên của một bà hoàng. Bà nói bằng một giọng ấm dịu và tôi có cảm tưởng như lúc nào bà cũng nói một câu:

“Ta biết rằng ta tốt hơn hẳn, trong sạch hơn hẳn mọi người. Ta không cần đến một kẻ nào trong bọn họ cả”.

Đôi khi tôi gặp bà ngồi chải tóc trước gương, trên một chiếc ghế bành thấp. Đuôi tóc của bà xoã ra trên đầu gối, trên tay ghế bành, vắt qua lưng ghế và buông thõng xuống tận sàn. Tóc bà cũng dài và tốt như tóc của bà ngoại tôi. Tôi trông thấy bộ ngực nở và ngăm ngăm của bà trong gương. Bà mặc áo nịt và đi tất ngay trước mặt tôi. Nhưng vẻ khoả thân trong sạch của thiếu phụ không gợi cho tôi một ước muốn xấu xa nào; tôi chỉ thấy vui sướng và hãnh diện về bà. Người bà lúc nào cũng toả ra một mùi hoa thơm ngát ngăn chặn người khác khỏi có những ý nghĩ xấu về bà.

Lúc bấy giờ tôi là một thiếu niên khoẻ mạnh, cường tráng, và đã biết rõ những điều bí mật trong quan hệ giữa đàn ông và đàn bà. Nhưng người ta đã nói trước mặt tôi về những điều bí mật ấy với một ác ý thật nhẫn tâm, với một sự tàn bạo thật phũ phàng, một cách bẩn thỉu đến nỗi tôi không thể nào hình dung được rằng người đàn bà ấy lại có thể để cho một người đàn ông nào ôm ấp. Tôi rất khổ tâm khi nghĩ rằng một người nào đó có quyền đụng chạm tới người

bà một cách táo bạo và suồng sã, rằng bàn tay của người đó lại có thể làm chủ thân thể của bà được. Tôi tin chắc rằng Nữ hoàng Macgô không biết đến những loại tình ái trong xô bếp hoặc góc kho. Bà biết những niềm vui khác cao cả hơn, một tình yêu khác hơn...

Nhưng có một hôm, vào lúc xế chiều, khi đi vào phòng khách tôi bỗng nghe thấy ở phía sau chiếc màn của phòng ngủ vang lên tiếng cười giòn giã của Nữ chủ trái tim tôi và một giọng đàn ông đang yêu cầu.

- Hăng hượm đã nào... Trời ơi! Anh không tin...

Tôi hiểu rằng mình phải quay ra, nhưng không làm sao mà bỏ đi được...

- Ai đấy? - thiếu phụ hỏi - cháu đấy à? Vào đây...

Trong phòng ngủ mùi hoa ngọt ngào. Ánh sáng chiếu lờ mờ. Các cửa sổ đều buông rèm kín. Nữ hoàng Macgô nằm trên giường, chăn phủ kín đến cằm. Ông sĩ quan chơi vĩ cầm ngồi bên tường ngay cạnh bà. Ông mặc một chiếc áo lót để hở ngực. Trên ngực ông cũng có một vết sẹo. Nó kéo dài thành một dải đỏ từ vai phải đến đầu vú và nổi lên rõ ràng đến nỗi mặc dầu ánh sáng lờ mờ tôi vẫn trông thấy rõ. Tóc của ông sĩ quan bị vò rối trông thật là buồn cười. Lần đầu tiên tôi trông thấy một nụ cười trên khuôn mặt đầy sẹo buồn rầu của ông. Ông cười trông đến lạ. Còn đôi mắt to như mắt phụ nữ của ông thì nhìn Nữ hoàng tựa hồ như lần đầu tiên ông mới được ngắm nghía sắc đẹp của bà.

- Đây là bạn của tôi - Nữ hoàng Macgô nói, không hiểu là với tôi hay với ông sĩ quan.

- Cháu sợ cái gì? - giọng của bà như từ xa vọng tới. - Cháu lại đây...

Khi tôi đến gần, bà ôm lấy cổ tôi bằng cánh tay trần ấm áp và nói:

- Lớn lên cháu cũng sẽ được hạnh phúc... Thôi, cháu ra đi!

Tôi đặt quyển sách lên giá sách, lấy một quyển khác rồi ra khỏi phòng, bàng hoàng như trong một giấc mơ.

Một cái gì tan vỡ trong tim tôi. Tất nhiên, không một giây phút nào tôi lại nghĩ rằng Nữ hoàng của tôi cũng yêu đương giống như những người đàn bà khác. Và cả người sĩ quan cũng không cho phép tôi nghĩ vậy. Tôi trông thấy gương mặt ông, nụ cười của ông hiện ra trước mắt. Ông cười với một vẻ sung sướng như một đứa trẻ con ngạc nhiên trước một điều bất ngờ nào đấy. Khuôn mặt buồn rầu của ông bỗng đổi mới một cách kỳ diệu. Chắc ông phải yêu Nữ hoàng lắm, - lẽ nào lại không yêu được người đàn bà ấy? Và bà cũng có thể rộng lượng mà ban tình yêu cho ông: ông ta chơi đàn hay biết chừng nào, và ngâm thơ mới tình cảm làm sao...

Nhưng chính cũng vì phải tìm những điều an ủi đó mà tôi càng thấy rõ rằng mọi việc không phải đều

tốt đẹp, đều đúng đắn cả trong thái độ của tôi đối với những điều tôi đã trông thấy và đối với chính bản thân Nữ hoàng Macgô. Tôi cảm thấy mình bị mất một cái gì và suốt mấy ngày tôi sống trong một trạng thái hết sức buồn rầu.

... Một hôm, tôi gây ra một trò nghịch ngợm tai quái và ngu xuẩn. Khi tôi đến nhà thiếu phụ để mượn sách, bà nghiêm khắc bảo tôi:

- Thế mà bác cũng nghe người ta nói rằng cháu nghịch lắm đấy! Bác thật không ngờ...

Tôi không nín được nữa, bèn kể cho bà biết rằng tôi sống thật đau khổ, thật nặng nề, mỗi khi nghe người ta nói xấu bà. Thiếu phụ đứng trước mặt tôi, tay đặt lên vai tôi, thoát đầu bà nghiêm trang chăm chú nghe tôi nói, nhưng sau đó bà phì cười và khẽ ẩy tôi ra.

- Thôi đủ rồi, bác đã biết đến tất cả những chuyện đó, cháu hiểu chứ? Bác biết cả!

Rồi bà nắm lấy hai tay tôi mà nói với một giọng rất trìu mến:

- Cháu càng ít chú ý đến những chuyện dè tiện ấy bao nhiêu thì càng tốt cho cháu bấy nhiêu... Mà sao cháu lại để tay bẩn thế này...

Chao ôi, còn phải nói làm gì điều đó! Nếu như bà cũng phải đánh các đồ đồng, lau sàn, giặt tã lót thì tôi chắc tay bà cũng sẽ không hơn gì tay tôi.

- Biết sống thì thiên hạ căm tức, ganh tị. Còn không biết sống thì người ta khinh, - thiếu phụ ôm lấy tôi trầm ngâm nói. Bà vừa kéo tôi sát vào người, vừa nhìn vào mắt tôi mỉm cười - Cháu có yêu bác không?

- Có.

- Yêu lắm chứ?

- Vâng.

- Nhưng yêu như thế nào?

- Cháu không rõ.

- Cám ơn nhé. Cháu thật là tốt! Bác rất thích khi thấy mình được người ta yêu quý...

Bà mỉm cười, muốn nói với tôi một điều gì, nhưng bỗng thở dài rồi nín thình hồi lâu, tay vẫn chưa buông tôi ra.

- Cháu cứ đến chơi luôn với bác nhé. Lúc nào đến được thì cứ đến...

Tôi tận dụng đặc quyền đó và nhờ lui tới luôn nên tôi thấu nhận được nhiều điều bổ ích. Sau bữa ăn trưa, nhà chủ của tôi thường ngủ, còn tôi thì chạy xuống nhà dưới và nếu bà có nhà, tôi ngồi chơi với bà hàng giờ, có khi còn lâu hơn.

- Phải đọc những sách Nga, phải hiểu biết được cuộc sống của người Nga chúng mình mới được - bà vừa găm cặp tóc vào mớ tóc thơm thơm bằng những ngón tay đỏ hồng khéo léo, vừa bảo tôi như vậy.

Rồi bà kể ra những tên của các nhà văn Nga và hỏi tôi:

- Cháu nhớ chứ?

Bà hay nói với một vẻ suy nghĩ và hơi bực tức:

- Cháu phải đến trường học mới được, phải học mới được! Khổ, thế mà bác vẫn cứ quên mất chuyện ấy!...

Sau những buổi ngồi dưới nhà bà, tôi lại chạy lên gác với một quyển truyện mới trong tay, lòng lâng lâng nhẹ nhõm.

Tôi đã đọc quyển *Ký sự gia đình* của Acxakôp, thiên trường ca nổi tiếng của nước Nga *Trong rừng*⁽¹⁾, tập *Nhật ký của người đi săn* hay tuyệt diệu, những tập truyện ngắn của Grêbiônka⁽²⁾ và Xôlôgup⁽³⁾, các tập thơ của Vênevítinôp⁽⁴⁾, Ôđôepxki⁽⁵⁾, Chyutsêp⁽⁶⁾. Những sách ấy đã gột rửa khỏi tâm hồn tôi lớp vỏ ngoài của những ấn tượng về cuộc sống thực tế trần cùng đầy cay đắng. Tôi đã cảm thấy được thế nào là

(1) *Ký sự gia đình* của Acxakôp (1791-1859) mô tả những sinh hoạt của tầng lớp địa chủ thời xưa. *Trong rừng* của Menikôp Pétserki (1819-1883) mô tả cuộc sống của những thương gia cự giàu vùng ven sông Vônga.

(2) Grêbiônka (1812-1848), nhà văn và nhà thơ người Ukraina.

(3) Xôlôgup (1814-1882), nhà văn nhà viết kịch.

(4) Vênevítinôp (1805-1827) nhà thơ.

(5) Ôđôepxki (1802-1839) nhà thơ trong nhóm những người tháng Chạp.

(6) Chyutsêp

một quyển sách hay và hiểu được sự cần thiết của sách vở đối với tôi. Đọc những quyển sách ấy, tâm hồn tôi thư thái lại vì một niềm tin tưởng vững chắc: không phải chỉ có mình tôi trên trái đất này và tôi sẽ không trở nên vô ích đâu!

Khi bà ngoại tôi đến thăm, tôi thích thú kể cho bà nghe về Nữ hoàng Macgô. Bà tôi vừa khoan khoái hít thuốc lá vừa nói với một vẻ tin tưởng:

- Hừ, tốt thế đấy! Trên đời thiếu gì người tốt, cứ chịu tìm là sẽ gặp thôi!

Có lần bà đề nghị:

- Có lẽ bà nên đến nhà người ta để cảm ơn cho cháu?

- Không cần đâu, bà ạ...

- Ừ thì thôi... Lạy Chúa tôi, cuộc sống thật là tốt đẹp! Con chỉ muốn sống mãi!

Nữ hoàng Macgô chưa kịp lo đến việc cho tôi đi học, thì ngày lễ Ba Ngôi đã xảy ra một chuyện bực mình suýt nữa làm hại tôi.

Trước dịp lễ ít ngày, hai mí mắt tôi sưng vù lên làm mắt nhắm tịt hẳn lại. Nhà chủ lo tôi mù, chính tôi cũng hoảng. Người nhà đưa tôi đến bác sĩ sản khoa quen là ông Henri Rôtzvits. Ông ta nạo phía trong mí mắt tôi. Suốt mấy ngày tôi phải nằm đeo băng trên mắt buồn chán trong màn đen tối nặng trĩu. Trước ngày lễ hội một hôm, người ta tháo băng

ra cho tôi. Tôi lại đi đứng như thường, tựa như mình vừa bị chôn sống nhưng đã lần mò được ra khỏi ngôi mộ. Không có gì khủng khiếp bằng cảnh mù, đó là một điều đau khổ không sao diễn tả nổi, nó tước đoạt mất của con người đến chín phần mười thế giới xung quanh.

Trong ngày lễ Ba Ngôi tung bừng ấy, vì còn đau nên từ trưa trở đi tôi được miễn hết mọi công việc lật vật trong nhà. Tôi tha thẩn đến các nhà bếp thăm những anh chàng cần vụ. Trừ Chufaiep nề nếp ra, ai cũng đều say mềm. Chập choạng tối, Ecmôkhin cầm thanh củi phang vào đầu Xiđôrôp. Anh này nằm lăn ra bất tỉnh nhân sự ở phòng ngoài, còn Ecmôkhin thì hoảng sợ chạy xuống khe trốn.

Tiếng đồn xôn xao đã truyền đi rất nhanh khắp khu nhà rằng Xiđôrôp đã bị đánh chết. Người ta xúm lại trước cửa hiên đứng nhìn anh lính nằm thẳng đờ, đầu vất qua ngưỡng cửa từ nhà bếp ra nhà ngoài. Họ xì xào là phải gọi cảnh sát đến, nhưng chẳng ai chịu đi và cũng chẳng ai dám đụng đến người anh lính.

Bỗng chị thợ giặt Natalya Kôzlôpxkaia hiện ra. Chị mặc một chiếc áo dài mới tinh màu phơn phớt tím với chiếc khăn vuông trắng quàng trên vai. Chị giận dữ xô đẩy mọi người, bước vào phòng ngoài, ngồi xổm xuống và nói to:

- Thật là lũ gốc - anh ta còn sống đây này! Mang nước lại đây...

Người ta khuyên chị:

- Đừng có nhúng tay vào việc của người khác làm gì!

- Tôi bảo là mang nước lại đây cơ mà! Chị ta quát lên như người la chày nhà, rồi với vế thông thạo, chị vén chiếc váy mới của mình lên quá đầu gối, sửa lại váy lót bên trong và đặt cái đầu đầm đìa máu của anh lính lên đầu gối mình.

Đám người đứng xem sợ xệt bỏ ra về, về không tán thành hành động của chị. Trong bóng tối nhá nhem của căn phòng ngoài, tôi trông thấy cặp mắt đầy lệ của chị thợ giặt long lanh một cách giận dữ trên khuôn mặt trắng trẻo tròn trĩnh. Tôi bèn xách một thùng nước đến. Chị bảo tôi gội lên đầu, lên ngực anh Xiđrôp và dặn trước tôi:

- Đừng có gội vào người chị. Chị còn phải đến thăm nhà một người bạn nữa...

Anh lính hồi tỉnh lại, mở đôi mắt đờ đẫn ra và cất tiếng rên rĩ.

- Đỡ anh ta lên, - chị Natalya vừa nói vừa xốc nách anh lính lên, không cho chạm vào người vì chị sợ bẩn váy. Chúng tôi khiêng anh lính vào bếp và đặt anh lên giường. Chị lấy một miếng giẻ lau mặt cho anh ta và dặn tôi:

- Em thấm nước vào giẻ rồi đặt lên đầu anh ấy để chị đi lòng cho ra cái thằng khốn kiếp kia. Đồ quỷ

này, cứ rượu chè bê tha rồi cũng có ngày đi đầy sớm.

Chi tụt chiếc váy lót đã bị giầy bẩn xuống sàn rồi quăng vào một xó nhà, cẩn thận sửa lại chiếc váy ngoài nhàu kêu sột soạt và bỏ đi.

Anh Xidôrôp cựa quậy đuôi tay chân, vừa nấc, vừa kêu ú ớ. Những giọt máu đặc thắm nặng nề rơi từ đầu anh xuống bàn chân không của tôi. Thật là khó chịu, nhưng tôi sợ quá, không dám nhích chân tránh những giọt máu đó.

Tôi thấy đau khổ vô cùng. Ngày hội tung bồng khắp khu nhà. Ngoài hiên, cổng ra vào được trang trí bằng những cây bạch dương nhỏ. Những cành phong, cành thanh lương trà mới chặt được buộc vào các cột ven đường. Cả khu phố ngập trong một màu xanh trông thật vui mắt. Cảnh vật như trẻ lại, mới ra. Từ sáng sớm tôi đã có cảm giác rằng ngày hội xuân sẽ trong sạch hơn, sáng sủa hơn, vui tươi hơn.

Anh lính bông nôn nửa. Căn bếp sặc mùi rượu và mùi hành sống. Thỉnh thoảng lại có những bộ mặt to lớn, lơ mơ, mũi bẹp gí dán vào tấm cửa kính. Những bàn tay tì vào má làm cho những khuôn mặt đó như có thêm những chiếc tai to một cách quái dị.

Anh lính hồi tỉnh lại, lẩm bẩm:

- Tôi làm sao thế này? Ngã à? Thằng Ecmôkhin phải không? Thằng bạn quý thật...

Rồi anh ho húng hắng và khóc lè nhè. Anh rên rĩ:

- Em gái của anh ơi... em gái...

Anh đứng được lên, người loạng choạng, ướt át và hôi thối, nhưng lại lão đảo ngã phịch xuống giường. Anh đảo mắt một cách kỳ quái và nói:

- Chúng nó giết mình chết mất rồi...

Tôi phì cười lên.

- Ai cười đấy, đồ quỉ? - anh lính dờ dãn nhìn tôi hỏi - Mày cười thế à? Chúng nó đã giết tao hử rồi...

Anh lấy hai tay đẩy tôi ra và lăm bắm:

- Hạn thứ nhất Ilya phát nguyện; hạn thứ hai Êgôri lên ngựa; hạn thứ ba chớ có đến tôi! Cút ngay, đồ chó sói...

Tôi nói:

- Đừng có vớ vẩn!

Bỗng dưng anh nổi cáu, giậm chân và quát tôi:

- Chúng nó đã giết chết tao, thế mà mày còn...

Và anh tổng mạnh bàn tay khẳng khiu, bắn thiu vào mắt tôi. Tôi hét to, mắt hoa lên chẳng thấy gì nữa và chạy ra ngoài sân, về phía chị Natalya đang đi đến. Chị nắm tay tôi Êcmôkhin tôi và kêu:

- Đi đi, cái con ngựa này! Em làm sao thế? - chị túm lấy tôi và hỏi:

- Anh ấy đánh em...

- Đánh à... à...? - chị ngạc nhiên kéo dài giọng ra rồi kéo Êcmôkhin, nói với hửn:

- Đồ quỷ này, may nhé, hãy cảm tạ Chúa đi!

Tôi lấy nước rửa mắt. Đứng từ phòng ngoài nhìn vào cửa, tôi thấy hai anh lính đã làm lành với nhau, ôm nhau khóc, rồi họ cùng ôm chầm lấy chị Natalya. Còn chị thì dấn vào mặt họ, quát lên:

- Bỏ tay ra, lũ chó này! Tôi là nhân tình, nhân ngãi của các người đây hử? Đi ngủ cả đi trong lúc nhà chủ của các người chưa về. Nào, nhanh lên! Không có thì thôi thôi đấy!

Chị đặt họ ngủ như đặt lũ trẻ con, một người nằm dưới sàn, một người nằm trên giường. Khi họ đã ngáy cả rồi, chị đi ra nhà ngoài.

- Áo xống của chị bán hết cả rồi, thế mà định mặc để đi thăm bạn đấy! Nó đánh em à?... Thằng ngu xuẩn đến thế thì thôi! Rượu chè tai hại như vậy đấy! Đừng uống làm gì, em nhé, đừng có bao giờ uống rượu...

Sau đó tôi ngồi với chị trên chiếc ghế dài ngoài cổng và hỏi chị sao không sợ những người say rượu.

- Cả những người tỉnh chị cũng không sợ. Chị trị được tuốt! - Chị giờ nắm dấm đỏ hồng siết chặt lên - Hồi còn mồ ma chồng chị, hử cũng rượu chè bí tỉ; có lần hử say rượu bị chị trói cả tay lẫn chân lại. Khi hử tỉnh, chị lột quần áo ra, lấy roi phết cho một trận. Chị bảo: đừng có rượu chè say sưa. Anh đã lấy vợ thì vợ anh sẽ tiêu khiển cho anh, chứ không phải là rượu! Chị nói thế và nện cho hử như tử rồi mới

cởi trói, đến nỗi sau trận đòn đó ai nấy chẳng cứ gọi là hiền như bụt...

- Chị khỏe thật - tôi bảo chị và lại nhớ đến bà Eva đã lừa cả Chúa Trời.

Chị Natalya thở dài nói:

- Đàn bà phải khỏe hơn đàn ông mới được. Lẽ ra là phải khỏe gấp đôi ấy, nhưng Chúa đã ăn bớt mất cả. Đàn ông là loại người hay thay đổi tính nết.

Chị bình thần nói không có vẻ gì là ác ý cả. Chị ngồi dựa lưng vào bờ rào, tay khoanh trước bộ ngực nở nang, buồn rầu đưa mắt nhìn chiếc đập đầy gạch đá rác rưởi. Tôi quên cả thời gian, mãi mê nghe những lời nói thông minh đó. Thình lình tôi trông thấy mợ chủ khoác tay chồng hiện ra ở phía cuối chiếc đập. Họ bước khoan thai, đường bệ như một cặp gà trống mái. Họ chăm chú nhìn chúng tôi và nói gì với nhau không rõ.

Tôi chạy lại mở cửa chính. Mợ chủ vừa lên thang vừa bảo tôi một cách thâm hiểm:

Mày đã đánh bạn với lũ thợ giặt rồi đấy à? Đã học đòi cách tán tỉnh lũ đàn bà hạ lưu rồi cơ à?

Câu nói đó ngu xuẩn đến nỗi tôi không buồn để ý. Điều đáng bực hơn là cậu chủ cũng cười nhạt nói:

- Còn sao nữa, cũng đến tuổi rồi!...

Sáng hôm sau, khi xuống nhà kho lấy củi, tôi bắt được một cái túi đựng tiền, rỗng không, bên cạnh

tám cửa vuông của chuồng mèo ở cửa kho. Tôi đã nhiều lần thấy cái túi này trong tay anh Xidôrôp, nên tôi mang ngay đến cho anh.

- Thế còn tiền đâu? - anh khoắc tay vào trong túi và hỏi - Một rúp ba mươi kôpếch đâu rồi? Đưa tiền đây!

Đầu anh quấn một khăn mặt như kiểu tín đồ Hồi giáo, người vàng vố, gầy gò, anh cúi kính hấp háy cặp mắt sưng vù và vẫn không tin rằng tôi đã tìm thấy cái túi rỗng kia.

Ecmôkhin chợt đi đến, hất đầu về phía tôi và chợt xúi thêm anh Xidôrôp:

- Chính nó ăn cắp rồi! Nó đấy! Mày cứ lôi nó đến nhà chủ của nó! Lính không ăn cắp của lính đâu.

Câu nói đó đã thâm mách với tôi rằng chính hắn là kẻ ăn cắp tiền, và cũng chính tay hắn ném chiếc túi tiền vào nhà kho để cho tôi bắt được.

Tôi liền hét thẳng vào mặt hắn:

- Nói láo, chính anh ăn cắp thì có!

Và tôi hoàn toàn tin tưởng rằng mình đã đoán đúng, vì bộ mặt thốt của hắn nhăn nhó lại vì sợ hãi và tức giận; hắn lồng lộn và hét lên the thé:

- Mày cứ đưa bằng chứng ra đây!

Tôi biết lấy gì làm bằng chứng được? Ecmôkhin vừa la hét vừa kéo tôi ra sân, anh Xidôrôp đi theo sau chúng tôi và cũng la lên những gì không rõ.

Những chiếc đầu nhô ra ở các cửa sổ; bà mẹ của Nữ hoàng Macgô vừa nhìn vừa bình thản hút thuốc. Tôi hiểu rằng mình đã bị mất hết tín nhiệm trước mắt Nữ hoàng của tôi và cứ điên cả người lên.

Tôi còn nhớ cảnh bọn lính túm lấy tay tôi, còn nhà chủ thì đứng trước mặt họ vừa nghe những lời buộc tội, vừa đồng tình phụ họa. Mợ chủ thì nói một cách quả quyết:

- Tất nhiên là nó lấy rồi! Hôm qua nó tán tỉnh với con mụ thợ giặt ở ngoài cổng chứng tỏ rằng nó có tiền. Với mụ ta mà không có tiền thì đừng có hòng...

- Đúng như vậy đấy ạ! Ecmôkhin kêu lên.

Sàn dưới chân tôi như sụt xuống, một mối căm phẫn điên cuồng thiêu đốt người tôi, tôi liền chửi mợ một thôi và bị một trận đòn nên thân.

Nhưng không phải chỉ có trận đòn hành hạ tôi mà còn cả ý nghĩ không hiểu bây giờ Nữ hoàng Macgô sẽ nghĩ về tôi ra sao đã giày vò tôi. Làm sao mà bào chữa được trước mặt bà? Lòng tôi thật vô cùng đau khổ trong những giờ phút đen tối ấy.

May mắn sao cho tôi, bọn lính lại phao truyền rất nhanh câu chuyện này đi khắp khu nhà, khắp dãy phố và đến chiều, khi đang nằm trên gác thượng tôi bỗng nghe thấy tiếng kêu của chị Natalya Kôzlôpxkaia ở phía dưới.

- Không, việc gì mà tôi phải im! Không được, chú mình ạ, đi đi, đi đi! Tôi đã bảo là anh đi cơ mà! Không

có tôi sẽ đến thưa với chủ của anh, ông ta sẽ bắt anh phải...

Tôi linh cảm thấy ngay rằng chuyện ồn ào đó có liên quan tới tôi. Chị Natalya kêu gần phía hiên nhà của chúng tôi, giọng của chị vang lên mỗi lúc một to hơn, đặc thảng hơn.

- Hôm qua anh đã đưa cho tôi bao nhiêu tiền? Anh lấy tiền đó ở đâu ra, nói xem nào?

Tôi ghen lên vì sung sướng nghe thấy anh Xidôrôp rên rĩ:

- Chà... chà... Ecmôkhin...

- Còn thằng bé thì bị người ta bêu riếu, đánh đập như thế đấy, hở?

Tôi muốn chạy ngay xuống dưới sân, nhảy múa lên vì vui sướng, và hôn đền ơn chị thợ giặt, nhưng vừa lúc đó mợ chủ của tôi đã kêu lên - có lẽ mợ từ cửa sổ nói xuống:

- Thằng bé bị đòn vì nó hỗn láo, chứ không ai cho nó là đứa ăn cắp, trừ nhà chị ra thôi, đồ điều ngoa!

- Thưa bà, chính bà là đồ điều ngoa, bà là đồ con bò cái, xin phép được nói với bà như vậy!

Tôi nghe câu chửi ấy như nghe một điệu nhạc. Những giọt lệ nóng hổi vì tủi cực, vì biết ơn chị Natalya như đốt bỏng lòng tôi; tôi ghen ngào vì cố ngăn cầm chúng lại.

Sau đó, cậu chủ thông thả trèo lên gác áp mái, ngồi xuống chỗ giáp đòn tay nhà cạnh tôi và vừa vuốt tóc, vừa nói:

- Sao, Pêskôp, bị xúi quẩy à, chú em?

Tôi lặng thinh quay mặt đi.

- Dầu sao thì cháu chửi cũng thật là quá quắt, -
cậu nói tiếp.

Tôi khẽ bảo cậu:

- Khi nào khỏi, cháu sẽ không ở đây nữa...

Cậu ngồi lặng yên một lúc, vừa hút thuốc, vừa
chăm chú nhìn vào đầu điếu thuốc và nói nhỏ nhẹ:

- Biết làm thế nào được, đó là việc của cháu! Cháu
chẳng phải còn bé bỏng gì nữa, tự mình nghĩ lấy, cái
gì có lợi cho mình nhất thì làm...

Rồi cậu bỏ đi. Như những lần khác, tôi thấy
thương thương cậu.

Bốn ngày sau, tôi rời bỏ khu nhà đó. Tôi khao
khát muốn đến từ biệt Nữ hoàng Macgô, nhưng tôi
không đủ can đảm để đến gặp bà. Thú thực, tôi cũng
mong rằng tự bà sẽ gọi tôi đến.

Khi chia tay với con bé, tôi nhờ nó:

- Em nhớ nói với mẹ rằng anh rất cảm ơn mẹ
nhé! Em có nói không?

- Em sẽ nói, - nó hứa và dịu dàng, âu yếm mỉm
cười. - Tam biệt anh đến ngày mai nhé, phải không?

Hai mươi năm sau, tôi gặp lại cô bé, lúc bấy giờ
đã là vợ của một sĩ quan hiến binh...

XI

Tôi lại làm nghề rửa bát trên tàu thuỷ Pecmo⁽¹⁾, một chiếc tàu rộng lớn, chạy nhanh và trắng như một con thiên nga. Bây giờ tôi là tay rửa bát “chuyên nghiệp” hay còn gọi là “hầu bếp” nữa. Nhiệm vụ của tôi là giúp đỡ các đầu bếp, hàng tháng tôi được trả bảy rúp.

Chủ tiệm ăn là một người to béo, đầy vẻ dương dương tự đắc. Đầu lão hơi như một quả bóng. Tay chấp sau lưng, suốt ngày lão đi đi lại lại một cách nặng nề trên boong tàu tựa như con lợn thiến đi tìm chỗ râm mát trong ngày oi bức. Tiệm ăn do vợ lão phụ trách, một người đàn bà tuổi ngoài bốn mươi, đẹp nhưng sỗ sê, mặt trát bột phấn đến nổi bụi nhòn trắng rơi từ má xuống đầy chiếc áo màu rực rỡ của mẹ.

Bác đầu bếp hạng giỏi Ivan Ivanôvits, bí danh là “Gấu con”, cai quản khu bếp. Bác người thấp nhỏ,

(1) Gorki bỏ nhà người cậu đến làm trên tàu Pecmo từ mùa xuân năm 1882.

đầy đặn, có chiếc mũi nhỏ như mỏ kền kền và cặp mắt giễu cợt. Bác ăn mặc rất chải chuốt, mang cổ cồn hồ bột, ngày nào cũng cạo râu. Đôi má của bác xanh, bộ ria đen vênh ngược lên. Hễ rồi là bác lại làm tình làm tội bộ ria, vôn vê chúng bằng những ngón tay đỏ hồng vì lửa bếp và không ngừng soi ngắm trong một chiếc gương tròn con tí.

Người đáng chú ý nhất trên tàu thủy là anh thợ đốt lò Iakôp Sumôp, một người mujich vuông vức ngực rộng. Khuôn mặt với chiếc mũi hếch của anh ta bèn bẹt như một cái xẻng. Cặp mắt gấu nhỏ như bị đôi lông mày rậm che lấp. Má anh lún phún lông như râu trên bãi lầy. Tóc trên đầu như một chiếc mũ lông rậm, khiến anh phải khó khăn lắm mới lùa được những ngón tay cong queo vào.

Anh chơi bài ăn tiền rất cừ và háu ăn một cách kinh khủng. Như một con chó đói, anh thường luẩn quẩn gần bếp để xin những mẩu thịt, khúc xương. Chiều nào anh cũng uống trà với bác Gấu con và kể nhiều chuyện kỳ lạ về đời mình.

Hồi nhỏ anh giúp việc cho người chăn cừu của thành phố ở Riazan, sau đấy một ông thầy tu qua đường đã dụ dỗ anh vào tu viện và anh đã ở đấy trong bốn năm.

- Lẽ ra thì tớ cũng thành thầy tu, một ngôi sao đen của Chúa rồi đấy, - anh nói đùa giọng liến thoắng - nếu không có một nữ tín đồ ở Penza đến viếng tu

viện của bọn tớ. Bà ta thật ngộ nghĩnh, bà ta đồ dành tớ: “Anh trông đẹp như thế này, khoẻ như thế này, còn tôi là một người đàn bà lương thiện, sống cô đơn goá bụa, thôi thì anh cứ đến ở với tôi, trông nom sân vườn cho tôi, tôi có nhà riêng và buôn bán các loại lông thú, lông chim...”

- Thế là bà ta chọn tớ làm người quét sân, còn tớ thì thành tình nhân của bà ta. Suốt ba năm trời, tớ được ăn no mặc ấm ở nhà bà ta...

- Mà nói phét khá lắm! - bác Gấu còn ngắt lời và dăm dăm nhìn những nốt sần sùi trên mũi mình - Nếu nói phét mà được tiền thì chẳng mấy lúc mày có bạc nghìn!

Anh Iakôp vẫn nhai, những mớ lông xanh xám chuyển động trên bộ mặt đờ đẫn của anh, hai vành tai đầy lông lá nhúc nhích. Nghe xong lời nhận xét của bác đầu bếp, anh lại nói nhanh và nhịp nhàng như trước:

- Bà ta nhiều tuổi hơn tớ, nên tớ đâm ra chán bà ta, tớ buồn quá bèn lén phéng với hai đứa cháu gái của bà ấy; không ngờ bà ta biết chuyện và tống cổ tớ ra khỏi nhà...

- Với mày, phải như vậy mới được, không còn cách gì hơn đâu, - bác đầu bếp nói, giọng cũng nhẹ nhàng và mạch lạc như anh Iakôp.

Sau khi nhét một miếng đường vào miệng, anh thợ đốt lò lại tiếp tục:

- Tớ sống vất va vất vưởng một thời gian, sau đó lại đi theo một ông già bán hàng rong người vùng Vladimira. Thế là tớ đi với ông ta khắp mọi chân trời góc biển: trên dãy núi Bancăng, đến xứ sở người Thổ-nhĩ-kỳ, người Rumania, người Hylạp, đủ thứ người Áo; dân tộc nào chúng tớ cũng đều gặp, mua hàng chỗ này, bán lại chỗ khác...

- Thế có ăn trộm không? - bác đầu bếp nghiêm trang hỏi.

- Không bao giờ! Ông già không muốn thế! Ông ta bảo tớ: "Con hãy sống cho lương thiện ở đất nước người. Luật lệ ở đây không nể con đâu. Chỉ một tí là người ta chặt mất đầu đấy!" Thực ra tớ cũng có thử đi ăn trộm, nhưng chẳng ăn thua gì: một lần tớ định dắt ngựa của một lão nhà buôn ra khỏi sân, nhưng không dắt được. Người ta tóm tớ và tất nhiên họ nện tớ như tử, nện xong họ lôi tớ đến sở cảnh. Chúng tớ có hai đứa, thằng kia cừ khôi lắm, nó mới thực là tay ăn trộm ngựa chính cống, còn tớ thì chỉ vào loại xoàng, tò mò nhiều hơn. Tớ vốn làm việc với tay nhà buôn kia, xây lò trong nhà tắm mới cho lão. Thế rồi lão ta bỗng ốm và nằm mơ thấy tớ; giấc mơ rất kinh khủng. Lão ta hoảng lên bèn xin với sở cảnh: "Xin các ông tha cho hần ta - tức là tớ đây, - các ông tha cho hần ta kéo hần ta báo mộng cho tôi là nếu không thả hần ra thì không khoẻ được đâu, có lẽ hần là phù thủy đấy!" - tức là tớ là phù thủy đấy! Chà, lão nhà buôn đó là

một tay có tiếng tăm nên người ta mới tha cho tớ ra...

- Tha mày ra làm gì, cứ đem ngấm mày xuống nước lấy ba ngày để cho mọi tật xấu trong người mày tan hết đi mới được, - bác đầu bếp nói chen vào.

Anh Iakôp cũng phụ hoạ ngay theo câu nói đó:

- Đúng đấy, tớ có nhiều tật xấu lắm, có thể nói là những tật xấu của tớ chứa cả làng không hết...

Luôn ngón tay vào chiếc cổ áo cài chặt, bác đầu bếp cúi kính kéo căng nó ra. Bác vừa lắc đầu vừa bực bội than vãn:

- Thật là một điều vô nghĩa lý! Một tên tội nhân sống trên trái đất như vậy đấy, nó ăn, nó uống, nó đi lang thang, để làm gì mới được chứ? Nào, mày thử hỏi xem mày sống để làm gì.

Anh thợ dệt lò vừa nhai tốp tốp vừa trả lời:

- Tớ chẳng biết gì sất. Sống là sống, có thể thôi. Người này nằm, kẻ khác đi, công chức thì suốt ngày ngồi, nhưng ăn thì người nào cũng phải ăn cả...

Bác đầu bếp lại càng thêm cúi kính.

- Thế nghĩa là mày là đồ con lợn, thật không biết gọi thế nào hơn được nữa! Đồ cặn bã...

- Sao đằng ấy lại không chửi tớ? - anh Iakôp ngạc nhiên hỏi - Bọn mujich chúng mình đều cùng một gốc mà ra cả thôi ⁽¹⁾. Đằng ấy đừng chửi nữa, tớ cũng chẳng nhờ thế mà khá hơn được đâu...

(1) Nguyên văn: những quả sồi của cùng một cây sồi.

Con người ấy hấp dẫn tôi rất nhanh và mãnh liệt. Lúc nào tôi cũng ngạc nhiên nhìn anh ta, mồm há hốc ra để nghe anh ta nói. Theo tôi, anh ta có một hiểu biết vững vàng, theo lối phán đoán riêng của anh ta, về cuộc sống. Anh dùng chữ “đằng ấy” để gọi tất cả mọi người. Với ai anh cũng nhìn thẳng vào mặt họ một cách đàng hoàng dưới cặp lông mày rậm của mình. Kể từ thuyền trưởng đến chủ tiệm ăn và các hành khách sang trọng ở buồng hạng nhất anh đều coi ngang hàng như mình, như những người thủy thủ, đám hầu bàn và những hành khách trên boong vây.

Có lần anh đứng trước mặt thuyền trưởng hoặc thợ máy, hai cánh tay anh dài như tay khỉ chấp sau lưng và lặng lẽ nghe người ta mắng anh vì tội lười biếng hay vì đã chơi bài ăn hết tiền của một hành khách. Anh cứ đứng trơ ra như vậy; rõ ràng là những lời chửi mắng chẳng có tác dụng gì đối với anh, và những câu dọa đuổi anh khỏi tàu khi cập bến sắp tới cũng chẳng làm anh kinh sợ.

Trong con người anh có một cái gì khác hẳn mọi người, như ở bác Tốt Lắm, và có lẽ chính anh cũng tin vào cái đặc điểm ấy của mình mà cho là không ai có thể hiểu được mình.

Tôi chưa bao giờ thấy anh ta giận dữ hay suy nghĩ. Cũng không nhớ có lần nào anh nín lặng được một lúc. Hầu như ngoài cả ý muốn của anh, lời nói cứ lộn lộn tuôn ra như một dòng suối bất tận từ

cái mồm râu ria xồm xoàm ấy. Khi người ta chửi rửa anh hoặc khi anh nghe ai kể một câu chuyện thú vị, môi của anh cứ lắp bắp, tựa hồ anh nhắc thắm lại những điều đã nghe hay là tiếp tục nói thắm ý nghĩ của mình. Ngày ngày, sau phiên trực, anh chui từ chiếc cửa hầm lò ra, chân không, người đầm đìa mồ hôi và dầu mỡ. Chiếc áo không đai của anh ướt đầm để hở bộ ngực phủ đầy những sợi lông rậm loăn xoăn. Và lập tức trên boong tàu lại vang lên giọng nói đều đều, đơn điệu, hơi khàn khàn của anh. Những câu nói ấy cứ rào rào xuống như những giọt mưa.

- Chào mẹ! Mẹ đi đâu đấy? Đi Tsixtôpôn à? Biết rồi, con đã ở đấy, đã đi làm thuê cho một lão Tacta giàu sụ ở đấy, tên là Uxan Gubaidulin. Lão già ấy có ba vợ, lão khỏe lắm, mặt đỏ như gấc. Mụ vợ trẻ người Tacta của lão thật là ngộ nghĩnh, con cũng có tí tội lỗi với mụ ta...

Anh đã ở khắp mọi nơi; với tất cả những người đàn bà đã gặp trong đời anh đều có dính líu "tí tội lỗi". Anh ta kể mọi chuyện với một vẻ vô tâm, bình thản, tựa như trong cuộc sống, anh không hề gặp những điều tủ nhục, những lời xỉ vả. Chỉ một lúc sau, tiếng nói của anh lại vang lên ở phía đuôi tàu.

- Bà con đáng kính, nào ai là người biết cờ bạc! Chơi xtukônka, chơi bài ba lá, chơi rê-mê-sôc... Chà, nghề cờ bạc cũng hay hay đấy chứ! Ngồi một chỗ, hái ra tiền, có khác gì đi buôn...

Tôi thấy anh ít khi nói những chữ: tốt, xấu, tồi, nhưng hầu như lúc nào cũng nói: ngộ nghĩnh, hay hay, thú vị. Người đàn bà đẹp đối với anh là một con bướm ngộ nghĩnh, một ngày nắng đẹp là một ngày hay hay. Nhưng anh thường nói nhất chữ:

- Cóc cần!

Ai cũng cho anh là lười biếng, nhưng tôi cảm thấy anh làm công việc nặng nhọc của mình trước lò, trong hơi nóng cực kỳ ngọt ngào, hơi hám, cũng tận tụy như mọi người. Hơn nữa chưa bao giờ tôi thấy anh kêu mệt mỏi như những người thợ đốt lò khác vẫn hay phàn nàn.

Một hôm có một bà hành khách già bị đánh cắp mất túi tiền. Lúc bấy giờ đang là buổi chiều quang đãng, yên tĩnh, mọi người sống với nhau trong một bầu không khí nhân hậu và hoà thuận. Thuyền trưởng cho bà cụ nắm rúp, các hành khách cũng lạc quyền được một số tiền như thế. Khi người ta đã trao tiền cho bà cụ, bà vừa làm dấu vừa khom lưng cảm tạ mọi người và nói:

- Bà con ơi, đây nhiều hơn số tiền của tôi ba rúp mười kopech.

Một hành khách vui vẻ thốt lên:

- Cứ giữ cả lấy, bà cụ ạ, việc gì phải kêu lên thế? Ba rúp chẳng bao giờ thừa đâu...

Một hành khách khác nói rất ý nhị:

- Tiền không như người, chẳng bao giờ thừa đâu...

Còn anh Iakôp thì đi tới trước mặt bà cụ và đề nghị với một vẻ thành thật:

- Cho con số tiền thừa ấy cho, để con đánh bạc.

Chung quanh cười âm lên, nghĩ rằng anh thợ đột lò nói đùa, nhưng anh ta vẫn nằng nặc đồ dành bà cụ già đang bối rối kia:

- Nào đưa đây, cụ! Cụ giữ tiền làm quái gì? Cụ cũng sắp sửa về châu trời đến nơi rồi còn gì nữa...

Người ta chửi rủa và đuổi anh đi chỗ khác. Anh lắc đầu, ngạc nhiên nói với tôi:

- Thật là lũ người quái gở! Sao họ cứ dây vào việc của người khác làm gì? Chính bà cụ nói số tiền ấy là thừa cơ mà! Mà tớ thì chỉ ba rúp là đủ vui rồi...

Tiền bạc hình như làm cho anh vui thích với cái vẻ bên ngoài của chúng.

Trong khi nói chuyện, anh ưa mài những hào bạc và xu đồng vào quần cho thật sáng bóng lên, rồi cầm giơ lên bằng mấy ngón tay cong queo trước chiếc mũi hếch và nhú lông mày lại ngấm. Nhưng không phải là người hám tiền.

Có lần anh rủ tôi chơi xtukônka, nhưng tôi không biết chơi.

- Không biết à? - anh ngạc nhiên hỏi - Sao mày lại như vậy? Thế mà cũng gọi là biết đọc biết viết đấy! Phải dạy cho mày mới được. Chơi xtukônka ăn đường nhé!

Anh được tôi nửa funt đường cục và nhét dần tất cả vào cái mồm lông lá của mình. Sau khi thấy tôi đã biết chơi, anh đề nghị:

- Bây giờ chơi ăn tiền hẵn hoi nhé! Mà có tiền không?

- Em có 5 rúp.

- Tao có hơn 2 rúp đây.

Lẽ dĩ nhiên chỉ thoág một chốc là tôi nhẵn túi. Cay gở, tôi liền đổi chiếc áo khoác lấy năm rúp để đánh tiếp và lại thua. Đôi ủng mới đổi lấy ba rúp cũng thua nốt. Anh Iakôp bèn bất bình bảo tôi với một vẻ gần như cáu giận:

- Xi, mà không thể chơi được đâu! Mà nóng nảy quá. Bây giờ cái áo này xếp lại, cả đôi ủng này nữa. Tao lấy làm gì. Thôi, cầm lấy cả giấy lẫn tiền. Mà lấy bốn rúp, còn một rúp thì tao lấy coi như tiền công dạy... Được chứ?

Tôi rất cảm ơn anh ta.

- Cóc cần! - anh trả lời câu cảm ơn của tôi - Cờ bạc là cờ bạc, là một thú tiêu khiển, thế mà mà thì cứ lao vào như đi đánh nhau ấy. Ngay lúc đánh nhau cũng không nên nóng nảy. Đánh phải có suy nghĩ hẵn hoi. Nóng nảy thì được gì? Mà đang còn trẻ, phải biết tự nén mình mới được. Một lần không xong, năm lần không đạt, bảy lần không được, thì nhổ một bãi nước bọt vào đấy. Khi nào thấy nguôi nguôi thì lại chơi! Thế mới thật là biết chơi!

Càng ngày tôi càng thích và cũng càng ghét anh hơn. Đôi khi những câu chuyện anh kể làm tôi nhớ đến bà ngoại tôi. Con người của anh có nhiều cái lỗi cuốn tôi, nhưng tính thờ ơ với mọi người của anh, có lẽ nó thành một tính suốt đời của anh, làm cho tôi rất ghét anh.

Một hôm vào lúc mặt trời sắp lặn có một hành khách hạng nhì say rượu ngã xuống sông. Đó là một thương gia đầy đà người vùng Pecmơ. Ông ta vừa vùng vẫy, vừa trôi trên dòng nước vàng óng pha sắc đỏ. Người ta vội vã hăm máy. Chiếc tàu thủy tuôn ra những đám bọt từ phía dưới những bánh xe và dừng lại. Những tia sáng đỏ chói của chiều tà nhuộm những đám bọt thành màu máu. Xa xa, phía sau đuôi tàu, một thân hình đen đen chơi vơi trong đám máu đang sôi sục đỏ. Trên mặt sông, tiếng kêu thất thanh vang lên làm nôn nao cả người. Hành khách cũng la ó và túm tụm, chen lấn nhau trên boong, tụ họp lại ở đuôi tàu. Ông bạn đồng hành của người bị đắm có bộ tóc hung hung, trán hói cũng say rượu. Ông ta nắm tay đám lung tung để len tới boong tàu và rên rĩ:

- Cút đi! Tôi sẽ cứu...

Đã có hai người thủy thủ nhảy xuống nước và bơi sải tới phía người bị ngã tàu. Xuống được thả từ đuôi tàu xuống, nhưng giữa những tiếng la ó của thủy thủ, giữa những tiếng kêu thét của phụ nữ, giọng nói khàn khàn của anh Iakôp vẫn tuôn ra như một giọng suối yên tĩnh và đều đều:

- Ông ta chết đuối mất thôi, không thoát được đâu. Vì ông ta mặc áo khoác ngoài! Quần áo lung thụng là thế nào cũng chìm thôi. Xem như đàn bà đấy, tại sao họ lại chóng chìm hơn đàn ông? Là vì họ mặc váy! Đàn bà đã rơi xuống nước thì cứ gọi là chìm xuống tận đáy như quả tạ⁽¹⁾ vậy! Đấy, các người cứ nhìn xem, lão ta chìm nghiêm rồi đấy, tớ nói có sai đâu...

Người lái buôn bị chết đuối thật. Người ta lung vớt ông ta suốt hai tiếng đồng hồ nhưng không thấy. Người bạn của ông ta sau khi tỉnh rượu cứ ngồi ở đuôi tàu thở hổn hển và lăm bắm một cách rầu rĩ:

- Hừ! Cơ sự thế đấy! Bây giờ tôi biết làm thế nào? Biết nói năng ra sao với gia đình bác ta đây? Gia đình bác ấy...

Anh Iakôp đến đứng trước mặt ông ta, tay chấp ra phía sau lưng và tìm cách an ủi:

- Không việc gì đâu, bác lái ạ! Có ai biết được số mình phải chết ở chỗ nào. Có người chỉ vì ăn nấm và lặn dùng ra chết thì sao? Hàng ngàn người ăn nấm không việc gì, còn anh ta ăn thì nghèo! Đấy là tôi chỉ nói về nấm thôi!

Người to lớn, lực lưỡng, anh đứng trước mặt người lái buôn và tuôn ra hàng tràng lý lẽ như chiếc cối xay tuôn trấu. Thoạt đầu ông khách vừa lặng lẽ khóc,

(1) Nguyên văn: quả cân nặng một pút.

vừa lấy lòng bàn tay to lớn quạt nước mắt trên râu, nhưng sau khi nghe lọt những câu nói của anh Iakôp, ông lại rít lên:

- Đồ quỷ! Tại sao mày còn đến đây hành hạ tao nữa? Các ông bà ơi, lôi nó đi chỗ khác, không có tôi giết chết nó bây giờ đây! Anh Iakôp bình tĩnh rút lui và nói:

- Con người thật là lạ! Mình muốn điều hay cho họ thế mà người ta lại định gây sự cả với mình...

Có lúc tôi có cảm giác như anh Iakôp là một người ngốc nghếch. Nhưng nhiều khi tôi lại cho rằng anh cố ý làm ra vẻ ngu ngốc. Tôi háo hức rất muốn hỏi anh cho kỳ hết những chuyện anh đã đi lang thang trên trái đất này như thế nào, đã thấy những gì, nhưng ít khi tôi đạt được mục đích đó. Đầu ngẩng lên, đôi mắt gấu đen thẫm lim dim, anh lấy tay vuốt khuôn mặt lông lá của mình, vừa hồi nhớ, vừa nói chậm rãi:

- Ở chỗ nào người cũng đông như kiến ấy, chú em ạ. Chỗ này người, chỗ kia cũng người. Đông nhất tất nhiên là nông dân. Có thể nói là trên mặt đất này dân mujich đông như lá thu rụng vậy. Người Bungari ấy à? Tôi đã thấy họ rồi, cả người Hy-lạp nữa. Tôi còn thấy cả người Xecbi, người Rumanian và đủ các dân du mục nữa, nhiều lắm, đủ mọi thứ người. Họ thế nào ấy à? Còn thế nào nữa? Ở thành phố thì là dân thành thị, còn ở thôn quê thì là dân quê, cũng hết như chúng

ta vậy. Nhiều cái giống nhau lắm. Có cả những người cũng nói tiếng Nga nữa, nhưng họ nói tồi như người Tacta hay người Mordvin ấy. Người Hy-lạp thì không nói được tiếng Nga. Họ nói liên thoảng lấp bắp, nghe như có câu cú hần hoi, mà chẳng hiểu đầu vào đâu cả. Với bọn họ thì chỉ có xoe tay ra làm hiệu mà thôi. Còn ông già của tớ thì hay làm ra vẻ như ta đây biết nói tiếng Hy-lạp. Ông cứ nói lúng ba lúng búng những karamara với kalimera, ông cụ lấu cá lắm. Ông ta xoay xở chúng nó ra trò!... Mày lại hỏi chúng nó là ai à? Thằng nỡm, còn ai vào đấy nữa? Tất nhiên là bọn da đen chứ còn ai nữa. Cả người Rumanian cũng đen. Họ cũng thờ một Chúa. Người Bungari cũng đen, nhưng họ theo đạo chúng ta. Còn người Hy-lạp thì cũng tựa như người Thổ-nhĩ-kỳ ấy...

Tôi có cảm giác như anh nói chưa hết được những điều anh biết. Còn có một đôi điều nào đấy nữa mà anh không muốn nói ra.

Xem các tranh trên tạp chí tôi biết rằng thủ đô Aten của Hy-lạp là một thành phố cổ kính và rất đẹp, nhưng anh Iakôp thì lại lắc đầu một cách nghi ngờ, phủ nhận Aten.

- Họ nói láo với chú em đó. Chẳng có Aten nào cả, mà chỉ có Atôn thôi. Nhưng Atôn không phải là thành phố, mà là một ngọn núi, trên đó có tu viện ⁽¹⁾.

(1) Núi Atôn ở Ma-kê-đô-ni-a có nhiều tu viện.

Ngoài ra chẳng có gì hết. Núi ấy gọi là núi thánh Atôn, có những bức tranh như vậy. Ông già cũng đã từng buôn bán những bức tranh ấy. Còn có thành phố Bengôrôt⁽¹⁾ trên sông Đanuyt cũng như Iarôxlap hay Nijni của ta vậy. Thành phố của họ trông xấu xí, nhưng làng quê thì lại đẹp. Đàn bà cũng vậy thôi. Chà, đàn bà của họ cũng dễ làm say đắm lòng người lắm! Tớ suýt nữa thì ở lại hẳn đấy với một cô ả... không hiểu tên là gì nhỉ?

Anh lấy tay vuốt mạnh khuôn mặt dờ dẩn của mình. Mớ râu cứng khê lạo xạo. Từ phía trong cuống họng anh vẳng lên một tiếng cười giống như tiếng trống cơm vỡ.

- Con người ta cũng hay quên thật! Thế mà hai đứa đã có lúc... Khi chia tay cô ả khóc ghê quá, cả tớ cũng khóc, thật đấy.

Trắng trợn một cách thản nhiên, anh bắt đầu dạy tôi cách đối xử với phụ nữ như thế nào.

Chúng tôi ngồi ở phía đuôi tàu. Trời đêm ập ập và mặt trăng như trôi về phía chúng tôi. Bờ cỏ thấp thoáng nhô lên trên làn nước bạc. Những đốm lửa vàng nhấp nháy trên phía bờ dốc như những ngôi sao đang bị trái đất giam giữ. Mọi vật xung quanh đều di chuyển, như thảo thức thì thầm, như sống một cuộc sống trầm lặng, nhưng rất kiên trì. Trong

(1) Tức là Bengrat bây giờ.

bầu không khí tĩnh mịch buồn buồn và dịu dàng đó lọt thỏm vào những tiếng khàn khàn:

- Đôi khi cô ta duỗi tay, dang chân...

Những câu chuyện của anh Iakôp thường trắng trợn, nhưng không chối tai; trong đó không có vẻ gì khoe khoang tàn nhẫn, mà chỉ đượm một vẻ chất phác pha đôi chút buồn bã. Mặt trăng trên bầu trời cũng trần trụi một cách trơ trẽn, nhưng cũng khiến cho tôi phải cảm động, phải buồn vô duyên cớ. Trong tâm trí, tôi chỉ nhớ lại những điều tốt lành, tươi đẹp nhất trong đời. Tôi nhớ đến Nữ hoàng Macgô, đến những câu thơ không thể nào quên được vì cái chân lý đúng đắn của chúng:

Chỉ bài ca mới cần vẻ đẹp

Còn vẻ đẹp đâu cần đến bài ca...

Xưa đuổi cơn mộng đó như xưa đuổi một giấc ngủ chập chờn, tôi lại tiếp tục gắng hỏi anh thơ đốt lò về cuộc đời của anh và những điều anh đã thấy.

Chú mày thật là kỳ khôi, - anh nói - chú muốn tớ kể gì với chú? Tớ thấy đủ mọi thứ trên đời này rồi. Tu viện đã thấy chưa? Thấy rồi! Quán ăn thấy chưa? Cũng thấy rồi! Tớ thấy cả cuộc sống của quý tộc lẫn cuộc sống của mujich. Tớ đã từng lúc no lúc đói...

Anh hồi tưởng lại chuyện cũ, thông thả như người đi trên một chiếc cầu tròn tránh, nguy hiểm trên một dòng suối sâu.

- À, thí dụ chuyện này nhé. Một lần vì ăn trộm ngựa, tớ bị giải đến đồn cảnh sát. Tớ nghĩ bụng: thôi chuyện này phải đi Xibêri mất rồi! Nhưng lão đồn trưởng lúc ấy đang gất âm ỉ vì chiếc lò toả khói um khắp căn nhà mới của lão. Tớ bèn nói: “Thưa ngài, việc này tôi có thể sửa chữa được”. Lão ta quát tớ: “Câm mồm! Ngay đến thợ lành nghề nhất cũng còn chịu bó tay nữa là mày...”. Tớ bảo lão: “Thưa ngài, cũng có lúc anh chặn cừu lại còn khôn hơn ông đại tướng cơ đấy”. Kể tớ lúc bấy giờ cũng táo gan thật: đằng nào thì cũng bị đày đi Xibêri rồi! Lão ta bảo tớ: “Thôi được, mày cứ làm đi. Nhưng coi chừng đấy, nếu lại tồi hơn trước thì tao sẽ tán vụn xương mày ra!” Trong hai ngày tớ sửa xong chiếc lò sưởi. Lão đồn trưởng ngạc nhiên thốt lên: “Chà, đồ ngu, đồ ngu xuẩn thật! Mày là một tay thợ lò giỏi, sao mày lại đi làm cái chuyện ăn trộm ngựa như vậy, hả”. Tớ bèn nói: “Thưa ngài, đó chỉ là do sự ngu xuẩn mà thôi”. - “Đúng, - lão nói - đó là sự ngu xuẩn đấy thôi. Đáng thương cho mày thật”. Đấy, lão nói rằng lão thương tớ, chú mày thấy đấy chứ? Một lão cầm, vì chức vụ, không biết thương ai bao giờ, ấy thế mà lão ấy thương tớ...

- Rồi sao nữa? - tôi hỏi.

- Chẳng sao cả. Lão ấy thương tớ chứ còn gì nữa?

- Thương anh làm gì cơ chứ. Anh như hòn đá ấy!

Anh Iakôp cười hiền hậu:

- Thằng bé mới lạ chứ! Chú nói hòn đá à? Vậy thì chú hãy biết thương hòn đá đi, hòn đá cũng có ích của hòn đá, có đá mới lát được đường phố đấy. Bất cứ vật liệu nào cũng phải biết thương tiếc chúng, chẳng có cái gì là vô ích đâu. Cát là gì? Ấy thế mà cỏ vẫn mọc trên cát đấy!

Khi anh Iakôp nói những câu như vậy, tôi càng thấy rõ ràng rằng anh biết nhiều điều mà tôi chưa thể hiểu được.

- Anh thấy bác đầu bếp thế nào? - tôi hỏi anh.

- Lão Gấu con ấy à? - anh Iakôp thân nhiên nói - Thấy lão ta thế nào ư? Chẳng có cái quái gì mà phải nghĩ với ngợi về lão ấy cả.

Đúng, Ivan Ivanôvits quá đứng đắn, quá phẳng lặng, không hề làm cho người khác phải nghĩ ngợi về mình. Chỉ có một điều đáng chú ý là bác không thích anh thợ đốt lò, luôn luôn chửi rủa anh ta, nhưng lại luôn luôn mời anh ta uống trà.

Một lần bác bảo anh Iakôp:

- Đồ khốn kiếp, nếu như còn chế độ nông nô mà tao lại là chủ của mày thì mỗi tuần tao phải dằn mày ít nhất là bảy lần.

Anh Iakôp nhận xét một cách thành thật:

- Bảy lần thì hơi nhiều một chút đấy!

Tuy chửi rủa anh Iakôp, nhưng không hiểu sao bác đầu bếp lại vẫn cứ cho anh ăn đủ thứ tạp nham. Bác dúm cho anh một miếng ăn rồi bảo:

- Tụng đi.!

Anh Iakôp nhai thông thả và nói:

- Ivan Ivanôvits ạ, nhờ đảng ấy mà tớ mới lấy lại sức được đấy.

- Mà cần sức lực làm gì hử đồ lười kia?

- Làm gì à? Sống, tôi còn sống lâu...

- Mà sống để làm gì? Ivan Ivanôvits ạ, cuộc sống thú vị lắm...

- Thật là đồ ghêch!

- Cái gì?

- Đồ ghêch!

- Chử với nghĩa, - anh Iakôp ngăn người ra, còn bác Gấu con thì bảo tôi:

- Đấy, mà thấy không: chúng mình thì đổ mồ hôi, sôi nước mắt bên cái bếp nóng như địa ngục này, ấy thế mà nó, xem đấy, vẫn cứ tụng nhét mãi y như một con lợn thiện vậy!

- Mỗi người một số phận, - anh thợ đốt lò vừa nhai vừa nói.

Tôi biết rằng làm việc bên cái lò đốt của anh còn vất vả và nóng nực hơn ở bếp nhiều. Có nhiều đêm tôi đã thử đốt lò cùng với anh Iakôp, cho nên tôi lấy làm lạ rằng tại sao anh không muốn nói cho bác đầu bếp biết những nỗi cực nhọc trong công việc của mình. Không, con người ấy lại biết đến một điều gì đấy khác thường nữa...

Thuyền trưởng, thợ máy, đội trưởng và mọi người đều chửi rủa anh, nhưng có một điều lạ là người ta không đuổi anh. Những người thợ đốt lò đối với anh rõ ràng là tốt hơn đối với người khác, mặc dù họ cũng chế giễu anh vì tội hay ba hoa và tội đánh bạc. Tôi hỏi họ:

- Anh Iakôp có tốt không?

- Iakôp ấy à? Tốt chứ! Hắn ta không hay tự ái. Muốn làm gì hắn thì làm, cho đến cả gấp than nóng bỏ vào áo hắn cũng vậy...

Mặc dầu phải làm việc vất vả bên nồi hơi và ăn khoẻ như voi ⁽¹⁾, anh Iakôp ngủ rất ít. Nhiều khi hết ca làm, anh chẳng thay quần áo gì cả, cứ để người đầm đìa mồ hôi và bẩn thỉu như vậy mà ngồi lì suốt đêm ở đuôi tàu để nói chuyện với hành khách hoặc để đánh bạc.

Anh đứng trước mặt tôi y như một cái hòm khoá kín. Tôi cảm thấy trong hòm có chứa một cái gì cần thiết đối với tôi và tôi cứ muốn tìm được cái chìa khoá để mở nó ra.

- Này chú em, tớ chẳng hiểu là chú muốn gì nữa?
- anh vừa hỏi vừa nhìn tôi bằng cặp mắt khuất sau đám lông mày - Ủ thì tớ đã đi đây đi đó nhiều nơi trên trái đất chứ sao? Thằng bé mới lạ chứ! Thôi, hãy nghe tớ kể cho một câu chuyện đã xảy ra với tớ nhé.

(1) Nguyên văn: như ngựa.

Và anh bắt đầu kể. Hồi ấy ở một tỉnh lỵ có một ông thẩm phán trẻ tuổi. Ông ta bị lao phổi. Còn vợ ông là người Đức thì lại khoẻ mạnh, chưa con cái gì cả. Chị ta phải lòng một thương gia đã có một người vợ đẹp và ba đứa con. Tay này biết rằng chị người Đức kia yêu mình, bèn muốn đùa chơi để chế giễu chị này. Hắn ta hẹn chị đến vườn nhà hắn vào ban tối, rồi lại rủ hai người bạn quen đến nấp sau bụi trong vườn nhà hắn nữa.

Thật là thú vị! Thế là chị người Đức đến đấy. Hắn ta bảo chị: “Thưa cô, tôi không thể nào yêu cô được. Tôi đã có vợ rồi. Nhưng tôi đã dự trữ cho cô hai người bạn, một người goá vợ và một người chưa vợ con gì cả”. Chị người Đức kêu lên một tiếng và tát cho hắn một cái vào mặt. Hắn ngã lộn nhào qua chiếc ghế dài. Còn chị ta thì cứ quật giày vào mồm hắn tới tấp. Chính tớ dẫn chị ta đến, vì tớ làm vườn cho tay thương gia ấy mà lại. Tớ nhìn qua khe rào thấy cứ tíu mù tíu cả lên ⁽¹⁾. Hai người bạn vô tội chạy tới túm lấy tóc chị ta. Tớ bèn nhảy qua rào vào và ẩy họ ra: “Các ông ơi, không nên như vậy”. Chị ta thật tâm mà đến với hắn, thế mà hắn nở bầy trò làm nhục chị. Tớ dẫn chị ấy đi khỏi nơi đó. Còn bọn họ lấy gạch ném tớ sưng vù cả đầu... Chị ta buồn rầu quá, cứ đi đi lại lại trong sân như người mất hồn và bảo tớ: “Anh Iakôp, tôi sẽ về Đức thôi, khi nào chồng tôi chết, tôi sẽ đi

(1) Nguyên văn: như cháo sôi sục

khỏi đây!”. Tớ bảo: “Tất nhiên rồi, phải đi thôi”. Ông thẩm phán chết, chị ta cũng đi biệt. Thật là một người đàn bà dịu dàng, khôn ngoan. Và ông thẩm phán cũng thật là một người hiền lành, cầu Chúa thương xót đến ông ta...

Tôi im lặng vì thắc mắc không hiểu được ý nghĩa của câu chuyện. Tôi cảm thấy trong đó có một cái gì quen thuộc, tàn nhẫn, vô nghĩa, nhưng chẳng biết nói như thế nào.

- Chuyện có hay không? - anh Iakôp hỏi.

Tôi nói lung tung một thôi và chửi rửa một cách phần nộ, nhưng anh chỉ bình tĩnh giải thích:

- Người ta sống no đủ rồi, cái gì cũng thích. Có lúc muốn đùa chơi một chút, nhưng không thành vì họ không biết cách. Dân buôn tất nhiên là loại người thực tế. Việc buôn bán đòi hỏi phải dùng đến mưu mẹo nhiều. Sống mãi với tính toán cũng buồn, thế là họ muốn chơi đùa chút chút mà!

Dòng sông sủi bọt trôi nhanh sau đuôi tàu. Nghe thấy rõ tiếng sôi sục của nước chảy. Bờ sông đen ngòm chậm chạp chạy theo dòng nước. Hành khách ngáy ngủ trên boong tàu. Một người đàn bà cao gầy mặc áo dài đen, đầu trần, tóc bạc, lò dò lần bước giữa những đám người đang thiu thiu ngủ trên những hàng ghế dài, đi về phía chúng tôi... Anh thợ đốt lò hích vai tôi, khẽ nói:

- Nhìn kia, đang buồn đấy...

Tôi có cảm giác như anh ta thấy thú vị trước nỗi buồn của kẻ khác.

Anh kể rất nhiều chuyện. Tôi say sưa lắng nghe, nhớ hết mọi chuyện anh kể, nhưng không nhớ có chuyện nào vui. Anh nói với một giọng bình thản hơn cả sách. Trong sách tôi thường thấy được tình cảm của nhà văn, thấy được sự giận dữ, niềm vui sướng, nỗi lo âu, vẻ giấu cợt của tác giả. Còn anh thờ ơ đốt lò thì không cười, không phê phán; hình như chẳng có gì khiến anh phải tức giận và cũng không có gì làm anh thấy vui sướng rõ rệt. Anh nói như một người làm chứng bâng quang trước quan toà, như một người hờ hững với cả bên nguyên, bên bị lẫn quan toà. Sự bâng quang đó càng ngày càng gây thêm trong lòng tôi một nỗi bức tức, khiến tôi thấy ghét anh Iakôp.

Cuộc sống sôi sục trước mặt anh như ngọn lửa trong lò, phía dưới nồi hơi. Anh đứng trước lò, bàn tay sẵn sù cầm chiếc búa gỗ khẽ gõ vào van vòi hơi để điều hoà sức đốt.

- Họ có làm anh bức mình không?

- Ai dám làm tớ bức? Tớ khoẻ như thế này, chỉ quái cho một cái...

- Em không nói đến chuyện đánh đấm, mà muốn nói về tâm hồn anh. Họ có làm cho tâm hồn anh bức tức không?

- Không thể nào làm bực tức tâm hồn. Những chuyện bên ngoài không sao chạm được đến tâm hồn - anh nói. - Không có gì có thể chạm tới tâm hồn của con người cả.

Hành khách trên boong, thủy thủ và mọi người thường hay nói nhiều đến chữ tâm hồn như nói đến đất đai, lúa gạo, công việc, hoặc phụ nữ. Đó là chữ đầu lưỡi trong những câu chuyện của mọi người và thông dụng như đồng năm kôpếch. Tôi không muốn nghe chữ ấy trên đầu lưỡi cay độc của mọi người. Khi những người mujich mang chữ tâm hồn ra để chửi rửa nhau, dù là đùa vui hay với ác ý, tôi thấy tim tôi như bị thất lại.

Tôi còn nhớ rất kỹ bà tôi đã nói về tâm hồn một cách trân trọng biết dường nào. Đó là đài hoa thần bí của tình yêu, của sắc đẹp, của niềm vui. Tôi tin rằng sau khi những con người lương thiện chết đi thì các thiên thần cánh trắng sẽ mang tâm hồn của họ lên tận trời xanh, tới chỗ vị Chúa hiền từ của bà tôi. Chúa âu yếm đón những tâm hồn đó và nói:

- Thế nào, tâm hồn yêu quý, trong sạch của ta, chắc con đã đau khổ nhiều, và mệt mỏi lắm phải không?

Và Người ban cho tâm hồn sáu chiếc cánh trắng của thiên sứ.

Anh Iakôp Sumôp cũng ít nói về tâm hồn và nói với một vẻ thận trọng, miễn cưỡng giống như bà tôi. Khi chửi, anh không dả động đến tâm hồn. Chòn khi

những người khác tranh cãi nhau về tâm hồn thì anh cúi chiếc cổ bỏ đồ tía xuống và im lặng. Khi tôi hỏi anh tâm hồn là gì, anh trả lời:

- Là linh hồn, là hơi thở của Chúa...

Tôi chưa thỏa mãn và gắng hỏi thêm. Anh bèn cúi đầu xuống bảo tôi:

- Về chuyện linh hồn thì ngay đến các cha cố cũng chẳng hiểu thêm được là mấy đâu, chú em ạ. Đó là một chuyện bí ẩn...

Anh khiến tôi phải luôn luôn nghĩ đến anh, phải gắng sức một cách rất căng thẳng để hiểu anh. Nhưng sự gắng sức của tôi vô hiệu. Ngoài anh ra, tôi chẳng thấy gì cả. Với thân hình to lớn của anh, anh đã che lấp mất tất cả.

Mụ vợ người chủ tiệm đối với tôi có vẻ dịu dàng rất khả nghi. Sáng sáng tôi phải bưng nước cho mụ rửa mặt, mặc dù đó là nhiệm vụ của cô hầu gái hành khách hạng hai Lusa - một cô gái sạch sẽ và tươi tắn. Đứng trong buồng tàu chật hẹp, bên cạnh mụ chủ tiệm cúi trần đến tận thắt lưng, và trông thấy tấm thân vàng ệch nhăn nheo như bột của mụ, tôi lại nhớ đến thân hình chắc mịn với nước da ngăm ngăm của Nữ hoàng Macgô và thấy khó chịu vô cùng. Còn mụ chủ tiệm thì vẫn nói huyền thuyên, lúc thì than vãn cần nhần, lúc thì giận dữ mĩa mai.

Ý nghĩa những lời nói của mụ không lọt vào tiềm thức của tôi, mặc dầu tôi cũng có đoán mang máng

ra được. Nhưng tôi không thấy tức giận, vì tôi sống xa lạ hẳn với người đàn bà kia và với tất cả những gì xảy ra trên tàu. Tôi như được ẩn sau một tảng đá lớn phủ đầy rêu. Nó ngăn cách tôi với cái thế giới kia, cái thế giới lênh đênh suốt ngày đêm đến một nơi nào đó không rõ.

- Gavrilôpna của chúng tôi đã phải lòng anh rồi đấy. Há miệng ra mà đón hạnh phúc đi, - tôi nghe những lời nói giấu cọt của cô Lusa như thoảng đến tai tôi trong một giấc mơ.

Không riêng mình cô ta nhạo báng tôi. Tất cả đám người hầu trong tiệm đều biết rõ nhược điểm của bà chủ. Bác đầu bếp nhăn mặt nói:

- Mụ ta cái gì cũng ném rồi, bây giờ lại muốn ăn quả đầu mùa đấy! Thật là đồ... Cẩn thận, Pêskôp ạ!

Cả anh Iakôp cũng khuyên tôi như tình cha con:

- Tất nhiên nếu mày lớn thêm hai tuổi nữa thì tao sẽ khuyên mày nên thế nào, nhưng bây giờ, vào tuổi mày, tốt hơn hết là đừng có dây vào làm gì! Còn thì tùy mày thôi...

- Anh đừng nói đến những trò đê mạt đó - tôi nói.

- Tất nhiên rồi...

Nhưng ngay đó, anh lại đưa mấy ngón tay lên xoa bụ thêm đám tóc rối trên đầu rồi lại tuôn ra những lời thao thao bất tuyệt của anh:

- Nhưng cũng phải hiểu cho mụ ta mới được. Nhu

cầu không thoả mãn, tuổi già lại đến nơi... Ngay đến chó còn thích được vuốt ve nữa là con người! Đàn bà sống bằng mơn trớn cũng như cây nấm sống nhờ sự ẩm ướt vậy. Chính bản thân mẹ ta cũng gương chứ, nhưng biết làm thế nào? Xác thịt đòi hỏi phải được mơn trớn, chỉ có thế thôi...

Tôi cố nhìn thẳng vào cặp mắt khó hiểu của anh và hỏi:

- Anh có thương hại bà ta không?

- Tứ ấy à? Mẹ ta là mẹ tứ hay sao? Đến mẹ người ta còn không thương nữa là. Còn mày thì thật là kỳ quặc!

Anh cười hềnh hếch như tiếng trống cơm vỡ.

Đôi lúc nhìn anh và có cảm giác như mình rơi vào một khoảng không trống rỗng im lìm, lọt xuống một cái hố không đáy, đen tối.

- Anh Iakôp này, anh xem, ai cũng có vợ cả, tại sao anh không lấy vợ đi!

- Để làm gì? Đàn bà thì lúc nào tứ cũng có thể kiếm được, điều đó ơn Chúa cũng dễ dàng thôi... Có vợ rồi thì phải sống yên một nơi mà làm ruộng, còn tứ thì chỉ một tí ruộng đất, ruộng xấu, mà cũng bị ông chú chiếm mất rồi. Thằng em tứ mãi hạn lính trở về, cãi nhau với ông chú, kiện cáo rồi lấy cộc nện lên đầu ông ta một cái. Máu phụt ra. Thế là nó phải ngồi tù mất năm rưỡi. Ở nhà tù ra thì chỉ có một con đường là lại vào tù nữa. Còn vợ nó là một người đàn

bà trẻ trông cũng hay hay... chà, nhưng kể đến làm gì mới được chứ! Lấy vợ có nghĩa là phải ngồi quanh quẩn bên chiếc cũi chó của mình làm một ông chủ gia đình, nhưng lính tráng thì đâu có được làm chủ cuộc đời mình.

- Anh có cầu nguyện không đấy?

- Thằng mới kỳ chứ! Tất nhiên là tớ có cầu nguyện....

- Cầu như thế nào?

- Đủ mọi thứ.

- Anh đọc kinh gì?

- Tớ không thuộc kinh. Tớ chỉ nói: "Lạy Chúa Giêsu, xin Chúa hãy ban phước cho con lúc con sống, và cho con được thanh thản lúc nào con chết... Xin Chúa hãy cứu con khỏi ốm đau...". Đấy, tớ còn nói thêm ít câu nữa...

- Cầu như thế nào?

- Còn thế nào nữa? Nói gì thì Chúa cũng đều nghe được hết!

Anh đối xử với tôi dịu dàng và với một vẻ hiếu kỳ như đối với một con chó khôn ngoan biết làm những trò ngộ nghĩnh. Có lần tôi ngồi với anh ban đêm; người anh lúc nào cũng có mùi dầu hoả, mùi khói và mùi hành, - anh thích ăn hành sống như ăn táo - bỗng anh đề nghị:

- Nào, Aliôsa, đọc thơ đi chứ!

Tôi thuộc lòng nhiều bài thơ, ngoài ra tôi còn có một quyển vở dày trong đó có ghi những bài thơ tôi

thích. Tôi đọc *Ruxlan*⁽¹⁾ cho anh nghe. Anh ngồi ngây người ra nghe như một người mù và câm, không thở khò khè nữa, rồi anh nói nhỏ nhỏ:

- Câu chuyện cũng có mạch lạc và hay hay đấy chứ! Mà nghĩ ra đấy ư? Puskin à? Có một người tên là Mukhin-Puskin, tớ đã thấy ông ta...

- Không phải đâu, ông này bị người ta giết từ lâu rồi!

- Vì sao thế?

Tôi kể vắn tắt cho anh nghe những câu chuyện đã đọc trước kia. Những câu chuyện ấy lẫn lộn với nhau, quện lại trong đầu óc tôi thành một câu chuyện dài dằng dặc về một cuộc sống đẹp đẽ, sôi nổi, hừng hực những nhiệt tình nồng cháy, đầy đầy những chiến công điên cuồng, những gương cao thượng sáng ngời, những may mắn kỳ diệu, những cuộc đọ súng và những cái chết, những lời nói cao thượng cùng những hành vi bỉ ổi. Tôi cho Rôcambôn có những nét hào hiệp của La Môle, Anniba và Côlônna; Luy XI có tính tình như cụ Grăng-đê; còn chuẩn úy Ôlêtaep thì giống như Hăngri IV⁽²⁾. Câu

(1) Truyện thơ của Puskin.

(2) La Môle và Côlônna là các nhân vật trong truyện Nữ hoàng Macgô, của Đuyma-cha; Anniban là tướng Cactajơ sống khoảng thế kỷ thứ 3, thứ 2 trước công nguyên; Luy XI (1423-1483) vua Pháp, người củng cố cho chính thể chuyên chế, nhân vật trong tiểu thuyết của Oantơ Xkôt; Grăngđê - nhân vật trong chuyện Ôjêni Grăngđê của Banzăc; Ôlêtaep - nhân vật trong chuyện Thiếu úy kỵ binh Ôlêtaep của bá tước Kugusep; Hăngri IV - vua Pháp.

chuyện mà vì hứng lên tôi đã thay đổi tính tình của nhân vật và xáo trộn các sự kiện đó đi, đối với tôi là một thế giới trong đó tôi được tự do, giống như vị Chúa của ông tôi đã sắp đặt mọi người tùy theo ý muốn của Người. Cái mớ hỗn độn sách vở đó không ngăn cản tôi trông thấy được những điều hiển nhiên của thực tế, cũng không làm tôi nguội lạnh cái ý muốn tìm hiểu những con người sống thực; nó bao trùm lấy tôi như một làn mây trong suốt, nhưng không thể xuyên qua, không để cho những nhớ bản truyền nhiệm, những nọc độc của cuộc sống lọt vào.

Sách vở giúp tôi trở nên vững vàng trước nhiều sự kiện: biết con người có thể yêu như thế nào và đau khổ như thế nào, tôi không thể nào lui tới những nơi nhà thổ; cái kiểu ăn chơi dung tục và thấp hèn khiến tôi ghê tởm và thương hại những kẻ thoả mãn với nó. Rôcampôn dạy tôi phải kiên cường, không để cho hoàn cảnh khuất phục được mình, các nhân vật của Đuyma trau dồi cho tôi ý nguyện đem hết sức mình để phụng sự một sự nghiệp lớn lao và cao cả. Nhân vật mà tôi thích nhất là vua Hăngri IV vui vẻ. Tôi nghĩ rằng bài hát nổi tiếng của Baranjê chính là nói đến vua Hăngri IV:

*Vua ban cho dân cày nhiều quyền lợi ⁽¹⁾
Còn riêng vua vui thú rượu với đầy;*

(1) Trong bài ca Vua Ivotô (ám chỉ vua Hăngri IV) của Bêranjê.

*Có gì đâu, nếu toàn dân hạnh phúc
Thì việc gì vua chẳng uống cho say?*

Những cuốn tiểu thuyết thường mô tả Hăngri IV là một người nhân hậu, gần gũi với nhân dân nước Pháp. Trong sáng như thái dương, nhà vua làm cho tôi tin tưởng rằng nước Pháp là một nước tuyệt mỹ nhất trên trái đất, là quê hương của những nhà hiệp sĩ, dù khoác áo vua hay là mặc quần áo nông dân cũng đều cao thượng như nhau: Anjơ Pitu cũng là một hiệp sĩ khác nào Đờ Actanhăng⁽¹⁾. Khi vua Hăngri IV bị giết, tôi buồn ứa nước mắt và căm thù nguyên rủa Ravaiac⁽²⁾. Vua Hăngri hầu như lúc nào cũng là nhân vật chính trong các chuyện mà tôi kể cho anh thợ dệt lò nghe, và tôi nhận thấy rằng anh Iakôp cũng thích nước Pháp với Hăngri. Anh nói:

- Vua Hăngri là một người tốt đấy chứ! Với ông ta có muốn đi bắt cá chép hay muốn làm gì cũng được.

Anh không biểu lộ tình cảm một cách âm ỉ, không ngắt lời kể chuyện của tôi bằng những câu hỏi. Anh im lặng ngồi nghe, lông mày nhú xuống, khuôn mặt bất động tựa như một hòn đá lâu đời bị mốc bao phủ. Nhưng nếu vì một lý do gì đó mà tôi ngừng kể là anh lập tức hỏi ngay:

(1) Anjơ Pitu - nhân vật trong truyện Anjơ Pitu của Duyma. Đờ Actanhăng - nhân vật trong chuyện *Ba chàng ngự lâm pháo thủ* của Duyma.

(2) Người giết vua Hăngri IV.

- Hết rồi à?

- Chưa.

- Thế thì đừng có ngừng làm gì!

Anh thử dài nói về người Pháp:

- Họ sống thoải mái thật...

- Anh bảo cái gì?

- Đấy, tớ với chú thì sống và làm việc quần quật như thiêu đốt, còn họ thì sống thoải mái quá. Họ có công việc gì làm đâu, chỉ uống rượu và rong chơi, kẻ sống như vậy cũng hay hay đấy!

- Họ cũng có làm việc chứ!

- Trong những những chuyện chú kể, tớ có thấy điều đó đâu, - anh thợ dệt lò nhận xét một cách đúng đắn như vậy, và tôi bỗng nhiên cũng thấy rõ ràng là đại đa số những sách mà tôi đã đọc hình như hoàn toàn không nói đến chuyện những nhân vật cao thượng đã sống bằng gì và làm việc như thế nào.

- Thôi, tớ ngủ một chút đã, anh Iakôp nói và nằm lẩn lụng ngay tại chỗ mình vừa ngồi. Chỉ một lúc, anh đã thở phì phò một cách đều đặn.

Mùa thu, khi bờ sông Kama đã ngả sang màu đỏ hoe, cây cối đã óng vàng và những tia nắng xiên đã nhợt nhạt, anh Iakôp bỗng rời bỏ tàu thủy một cách đột ngột. Mới hôm trước đó, anh còn bảo tôi:

- Aliôsa, ngày kia chúng ta sẽ tới Pecmơ, ta sẽ đi nhà tắm cho tâm hồn được sáng khoái, rồi sau đó

thăng bộ vào, đi tới quán ăn nghe nhạc, cũng hay hay đấy chứ! Tớ thích nghe máy hát lắm.

Nhưng tới Xarapun thì có một hành khách lên tàu. Ông ta người to béo, mặt nhăn nheo và không có râu ria y như mặt đàn bà. Chiếc áo dạ dài ấm với chiếc mũ có tai bằng lông cáo càng làm cho ông giống đàn bà. Ông lập tức chiếm ngay lấy chiếc bàn con gần bếp là chỗ ấm hơn cả, gọi pha trà và bắt đầu uống nước nóng, mặc cho mồ hôi ra nhễ nhại mà không chịu cởi áo và bỏ mũ ra.

Những đám mây mùa thu không ngọt reo xuống những hạt mưa nhỏ. Hình như cứ mỗi lần người hành khách đó lấy chiếc khăn tay kẻ ô ra lau mồ hôi trên mặt thì mưa rơi nhẹ hơn, nhưng lúc nào ông ta ra nhiều mồ hôi, thì mưa lại càng nặng hạt.

Chẳng bao lâu anh Iakôp đã quần quanh bên ông ta. Họ bắt đầu cùng nhau xem bản đồ trong lịch. Người hành khách lấy tay chỉ lên bản đồ, còn anh thợ đốt lò thì bình thản nói:

- Cũng được! Chẳng sao. Tớ cóc cần...

- Thế thì tốt, - người hành khách nói với giọng nhỏ nhẹ, sau khi đã nhét quyển lịch vào chiếc túi da hé mở ở phía dưới chân. Họ bắt đầu uống trà và nói chuyện thì thầm với nhau.

Trước khi anh Iakôp đi làm việc, tôi hỏi anh người hành khách kia là ai. Anh cười tủm tỉm nói:

- Thấy chưa, hình như dân hoạn đấy, chú em ạ! Ông ta từ Xibêri tới, xa lắm! Ông ta cũng ngộ nghĩnh đấy chứ, sống theo kế hoạch hẳn hoi...

Anh bỏ đi, hai gót chân đen xì và rắn chắc như móng ngựa của anh dậm trên boong tàu, nhưng anh lại dừng lại và gãi hông.

- Tớ sẽ đi giúp việc cho ông ta đấy! Khi nào tới Pecmơ, tớ sẽ xuống tàu và vĩnh biệt Aliôsa nhé! Tớ sẽ đi tàu hoả sau đó đi đường thủy, rồi lại còn đi ngựa nữa. Phải đi mất đâu những năm tuần cơ đấy. Chà, con người ta đã lạc tới đâu kia chứ.

- Anh quen ông ta à? - tôi hỏi và lấy làm ngạc nhiên vì quyết định bất ngờ của anh Iakôp.

- Quen ở đâu? Tớ chưa bao giờ gặp ông ta trước đây và cũng chưa từng sống ở những nơi ông ta đã sống...

Sáng hôm sau, anh Iakôp mặc chiếc áo khoác ngắn đầy dầu mỡ, chân đi giày cũ, đầu đội chiếc mũ cối rách long vành của bác Gấu con, nắm chặt tay tôi trong những ngón tay cứng như gang của anh mà nói:

- Có đi với tớ không? Nếu nói, ông ta sẽ nhận cả chú nữa đấy. Có muốn đi thì tớ sẽ bảo ông ta. Người ta sẽ hoạn cái của thừa của chú đi, và sẽ cho chú tiền. Làm tàn tật con người là cái thú của họ, họ còn thưởng tiền nữa là khác...

Ông khách hoạn đứng bên thành tàu, chiếc tay nải trắng cặp nách. Ông ta nhìn chăm chú vào anh

Iakôp bằng cặp mắt của người chết, người phục phịch, chương phình như kẻ chết trôi. Tôi lăm bầm nguyên rửa ông ta. Anh Iakôp xiết chặt bàn tay tôi một lần nữa:

- Kệ ông ta, cóc cần! Kẻ nào có Chúa của kẻ ấy, việc quái gì đến ta. Thôi, vĩnh biệt nhé! Tớ mong cho chú được hạnh phúc!

Rồi anh Iakôp Sumôp ra đi, như một con gấu, để lại trong lòng tôi một cảm giác nặng nề, phức tạp. Tôi vừa thương anh, vừa bực cho anh, lại vừa có vẻ như hơi ganh tỵ với anh. Tôi lo lắng suy nghĩ: người ta đi tới những nơi xa lạ để làm gì?

Còn anh Iakôp Sumôp thì là người như thế nào nhỉ?

XII

Cuối mùa thu, khi những chuyến đi của tàu thủy chấm dứt, tôi xin vào học việc trong một xưởng làm tượng thánh⁽¹⁾. Nhưng qua hai ngày sau, bà chủ của tôi - một cụ già mềm mòng và lúc nào cũng ngà ngà say - bảo tôi với giọng nói của dân miền Vladimira:

- Ngày bây giờ ngắn, đêm thì dài. Cho nên buổi sáng cháu sẽ ra cửa hiệu đứng coi hàng, buổi chiều sẽ học việc!

Và bà giao tôi cho một gã quản lý nhỏ bé sai bảo. Gã này còn trẻ, chân bước thoăn thoắt, bộ mặt bảnh trai, ngọt ngào. Sáng sáng, trong bóng mờ mờ lạnh lẽo của ban mai, tôi đi với gã qua suốt thành phố dọc theo đường phố buôn Ilinka còn đang mơ màng ngái ngủ về phía chợ Nijni. Cửa hiệu nằm ở tầng hai của toà nhà buôn. Đó là một căn phòng tối, trước đây là

(1) Gorki làm việc ở xưởng làm tượng thánh từ cuối mùa thu 1882 đến mùa thu 1883.

kho. Nó có một cửa ra vào bằng sắt và một cửa sổ nhỏ trông ra sân gác có mái che bằng tôn. Cửa hiệu xếp đầy chật những tượng thánh đủ các cỡ, những tủ đựng tượng, nhẫn có, chạm trổ có, những sách kinh in bằng chữ Xlavơ cổ, bìa da vàng. Bên cạnh cửa hiệu của chúng tôi là một cửa hiệu khác cũng bán tượng thánh và sách. Chủ hiệu ấy là một thương gia râu đen có họ với một nhà thông thái, cựu giáo, nổi tiếng ở vùng Kecjênet phía bên kia sông Vonga. Lão thương gia này có một đứa con trai trạc tuổi tôi, khô khảnh và linh lợi, khuôn mặt xám nhỏ choắt như mặt cụ già, mắt luôn luôn nhìn ngược nhìn xuôi như mắt chuột.

Mở xong cửa hiệu, tôi phải chạy đi mua nước sôi ở quán ăn. Uống trà xong, tôi phải dọn dẹp cửa hàng, lau bụi trên hàng hoá. Sau đó tôi đứng ở sân và chú ý theo dõi để khách hàng khỏi vào cửa hiệu bên cạnh.

- Khách hàng là một lũ ngốc, - gã quản lý bảo tôi với giọng đầy tin tưởng - Họ mua ở đâu cũng được, chỉ cốt rẻ thôi, chứ có biết quái gì đến hàng tốt xấu!

Gỗ gỗ những tượng thánh bằng gỗ vào nhau khoe khoang sự am hiểu tinh tế về công việc của mình, gã dạy tôi:

- Những hàng này đều là hàng rẻ tiền. Loại 12x16 phân giá là..., loại 24x28 phân giá là... Mà lại hiểu biết các thánh ấy chứ? Phải nhớ lấy: thánh Vônifati chuyên trị bệnh nghiện rượu, thánh Vacvanra tử vì

đạo chữa đau răng và chết bất ngờ; thánh Vaxili Hạnh phúc trị cảm, sốt... Các Đức mẹ này cũng biết đây chứ? Nhìn đây này! Đức mẹ Thương khó, Đức Bà Ba Ngôi, Đức Mẹ Alaba Báo mộng, Đức Mẹ Đứng khóc con, Hãy an ủi con, Đức Mẹ Kazan, Đức Mẹ Pôkrôp, Đức Mẹ Xemixtrenaia...

Tôi thuộc rất chóng giá các tượng thánh, tuy theo cỡ và phẩm chất của chúng, tôi nhớ những chỗ khác nhau giữa các tượng Đức Mẹ, nhưng khó mà nhớ được tài đức của các vị thánh.

Có khi tôi đang đứng ngoài cửa hiệu và suy nghĩ về một điều gì đó thì gã quản lý bỗng thỉnh thoảng kiểm tra lại kiến thức của tôi:

- Ai giúp đỡ được những trường hợp khó đẻ?

Nếu tôi lầm lẫn, gã hỏi một cách khinh bỉ:

- Thế đầu óc mày để làm gì?

Việc mời mọc khách đối với tôi lại càng khó khăn hơn nữa. Tôi không thích những tượng thánh vẽ xấu xí đó, bán những của nợ này thật ngượng ngùng. Theo những câu chuyện bà tôi kể, tôi hình dung Đức Mẹ hiền từ, trẻ đẹp. Trên các tranh trong tạp chí, hình của Đức Mẹ cũng đúng như vậy. Thế mà những bức tượng ở đây lại trình bày Đức Mẹ già, nghiêm khắc với chiếc mũi vừa cong vừa dài và những cánh tay cứng đờ như gỗ.

Những ngày phiên chợ, thứ tư và thứ sáu hàng bán rất chạy; trên sàn gác luôn luôn có những ông

mujich và những bà già, đôi khi đầy đủ cả từng gia đình một nữa. Họ đều là những người dân theo cựu giáo vùng ven sông Vonga, những người dân vùng rừng rú ít nói và đa nghi. Có một lần tôi gặp một người to lớn nặng nề, quần da cừu và nỉ dày dẹt lầy, đi rón rén trên sàn gác, tựa như sợ bị ngã xuống dưới. Trước mặt bác ta, tôi đâm ra lúng túng, xấu hổ. Thật phải gắng gượng lắm tôi mới dám chặn lối đi của bác, quần quanh bên đôi ủng khổng lồ của bác, và vo ve như một con muỗi:

- Thưa ngài, ngài muốn mua gì ạ? Xin ngài xem, đây là những sách Thánh thi giáo huấn và diễn giảng, đây là sách của Efrem Xirin, của Kirin, đây là luật Thánh, sách kinh. Đây là các tượng thánh sơn đậm màu, loại tốt nhất, đủ mọi giá, ngài muốn thứ nào cũng có! Theo ý muốn của khách hàng, chúng tôi nhận đặt vẽ tất cả các thánh và các Đức Bà Đồng Trinh. Có lẽ ngài muốn đặt một bức cá nhân, hay một bức gia đình chẳng? Xưởng chúng tôi là xưởng nổi tiếng nhất nước Nga! Cửa hàng của chúng tôi là cửa hàng lớn nhất trong thành phố!

Người khách hàng khó hiểu và kín đáo ấy im lặng hồi lâu; ông ta nhìn tôi như một con chó, rồi bỗng đưa cánh tay thô kệch ra gạt tôi sang một bên, đi vào cửa hàng bên cạnh. Còn gã quản lý của tôi thì vừa vãn về đôi tai to vừa giận dữ cầu nhau:

- Mày để lọt lưới mất rồi... thế mà cũng đòi mời khách đấy...

Ở cửa hiệu bên cạnh vắng lên một giọng nói mềm mỏng, ngọt ngào, tuôn ra những câu dễ mê hoặc lòng người:

- Anh bạn thân mến ạ, chúng tôi không phải loại buôn da cừu, buôn giày dép. Chúng tôi bán những lời phán truyền của Chúa, những thứ mà vàng bạc cũng không thể nào đo được, những vật vô giá...

- Quí quá! thật - gã quản lý của tôi lắm bầm với một vẻ ganh tị và khâm phục - Nó câu bọn mujich mới giỏi chứ! Mà học lấy! Học lấy!

Tôi học rất tận tình, - mọi việc đều cần làm cho ra trò nếu đã bắt tay vào làm. Nhưng tôi đã đạt được những kết quả rất tốt trong khoa mời chào khách và bán hàng. Những người mujich cau có, lắm lì, những bà già giống như những con chuột nhắt ấy, luôn luôn khúm núm như sợ sệt một cái gì làm cho tôi thấy thương hại họ; tôi muốn mách cho họ biết giá thật của các bức tượng thánh mà không lấy một kôpếch lãi nào. Đối với tôi, tất cả họ đều có vẻ nghèo đói cùng khổ. Thật là lạ khi thấy họ có thể bỏ ra ba rúp để mua một quyển Thánh thi là quyển sách được nhiều người mua nhất.

Kiến thức của họ về các sách và về giá trị lỗi về tượng thánh làm tôi rất ngạc nhiên. Một lần có một ông già tóc bạc bị tôi lừa vào hiệu đã nhẹ nhàng bảo tôi:

- Chú em ơi, xướng làm tượng thánh của chú

không phải là xưởng giỏi nhất nước Nga đâu. Xưởng nổi tiếng nhất là xưởng của Rôgôjin ở Maxcova kia!

Tôi ngượng quá, rút lui. Còn ông ta lại tiếp tục thông thả đi, không buồn ghé vào cửa hiệu bên cạnh.

- Chết cứng lưỡi chứ? - gã quản lý hỏi tôi với một vẻ thâm độc.

- Anh có nói cho em biết xưởng Rôgôjin đâu...

Gã bắt đầu chửi rủa:

- Cái bọn tầm ngấm tầm ngấm ấy la lết mọi nơi, cái gì cũng biết, quân vô lại, cái gì cũng hiểu, lũ chó già...

Bánh trai, no đủ và giàu tự ái, gã rất ghét những người mujich. Trong những phút thân mật gã than phiền với tôi:

- Tao là người thông minh, ưa sạch sẽ, ưa những mùi thơm tho như mùi hương, mùi nước hoa. Thế mà với một phẩm chất như vậy, tao phải cúi rạp mình xuống đến thắt lưng trước cái bọn mujich hôi hám ấy để chúng cho bà chủ dăm kôpếch tiền lãi! Còn thích thú gì đối với tao nữa cơ chứ? Bọn mujich là cái gì? Đó là một lũ lông lá hôi hám, rận chấy đầy người, ấy thế mà...

Gã lặng im một cách cay đắng.

Tôi thích những người mujich. Ở mỗi người trong bọn họ tôi đều thấy có một vẻ gì bí ẩn giống như ở anh Iakôp.

Có lần, có một người to lớn mặc tsapan⁽¹⁾ phủ ngoài áo lông cừu ngắn bước vào hiệu. Bác ta bỏ chiếc mũ lông xuống, vừa lấy hai ngón tay làm dấu thánh, vừa nhìn về phía góc nhà có ngọn đèn thờ leo lét cháy, cố ý không liếc mắt vào những bức tượng thánh khác, sau đó bác lặng lẽ đưa mắt nhìn quanh và hỏi:

- Cho một tập Thánh thi diễn giảng.

Bác xóc ống tay áo lên, đọc rất lâu trang đầu, cặp môi xám nứt nẻ đến rớm máu khe động đây.

- Không có quyển cổ hơn à?

- Ông cũng biết đấy, sách cổ giá hàng ngàn rúp cơ...

- Chúng tôi biết!

Bác ta thấm nước bọt vào tay, rồi lật trang khác, chỗ bác ta vừa chạm tới hằn lại vết ngón tay đen sì. Gã quản lý lườm ông khách hàng với một vẻ hung dữ rồi nói:

- Sách thánh nào cũng đều cổ như nhau cả, Chúa có bao giờ thay đổi lời phán truyền của Người đâu...

- Chúng tôi cũng đã biết, đã nghe nói như vậy rồi! Chúa không thay đổi, nhưng mà Nikôn thay đổi⁽²⁾

(1) Một loại áo của nông dân.

(2) Nikôn (1605-1681), giáo chủ nước Nga, người thực hiện việc tập trung quyền hành của nhà thờ để củng cố chế độ nông nô. Nhiều địa chủ, thương gia, nông dân đã tập hợp lực lượng để chống đối lại. Khởi đầu cho việc phân hoá này là việc Nikôn cho sửa lại những sách kinh theo kiểu mẫu của Hy-lạp

Rồi ông khách gấp quyển sách lại, lặng lẽ bỏ đi.

Đôi lúc những con người rừng núi ấy tranh cãi với gã quản lý, và tôi thấy rõ ràng rằng họ giỏi đạo lý hơn gã.

- Gồm những cái lưỡi đâm lầy - gã quản lý cầu nhàu.

Tôi cũng thấy rằng tuy sách mới không được những người mujich thích lắm, nhưng họ vẫn kính cẩn nhìn chúng, sờ vào chúng một cách thận trọng tựa hồ như những quyển sách ấy có khả năng bay khỏi tay họ như chim vậy. Được thấy điều đó lòng thật dễ chịu, vì đối với tôi, sách vở là một vật kỳ diệu, trong đó chứa đựng tâm hồn của người viết ra nó. Khi mở sách ra, tôi đã giải thoát cho tâm hồn đó và nó bí mật nói chuyện với tôi.

Nhưng ông già, bà già thường hay mang tới hiệu để bán những sách in cổ trước thời Nikôn, hoặc bản sao các sách do những bà phước ở Irgiz và Kecjenet chép rất đẹp, bản sao sự tích các thánh chưa bị Đimitri Rôxtôpxki sửa chữa lại, những tượng thánh cổ, những thánh giá, thánh tích bằng đồng tráng men được đúc ở vùng biển phương Bắc, những bình bạc mà những ông hoàng ở Maxcova đã tặng cho những tiệm rượu. Tất cả những thứ đó, họ đều bí mật giấu giếm trong áo và nhìn ngó quanh quẩn rồi mới đưa ra.

Các gã quản lý của tôi lần lão láng giềng đều rình đón những người mang đồ tới bán đó và ra sức

hót tay trên của nhau. Mua những thứ đồ cổ đó chỉ mất một vài rúp hay vài chục rúp, nhưng họ bán lại cho những người theo cựu giáo giàu có ở hội chợ để lấy hàng trăm rúp.

Gã quản lý dạy tôi:

- May phải theo dõi bọn quỷ quái, bọn phù thủy ấy nhé, nhìn cho kỹ vào! Chúng nó mang vận may tới đấy.

Khi có một người đến bán những đồ kể trên, gã quản lý liền sai tôi đi mời lão già thông thái Piôt Vaxiliêvits, một tay am hiểu rất thông thạo những sách vở, tượng thánh và các đồ cổ khác.

Lão cao lêu nghêu, có bộ râu dài như râu của Vaxili Hạnh Phúc, với một cặp mắt thông minh trên khuôn mặt dễ có cảm tình. Một bàn chân của lão bị chặt đứt nên lão đi khắp khiêng, tay chống một chiếc gậy dài. Mùa đông lẫn mùa hè lão đều mặc một chiếc áo mỏng, nhẹ, trông tựa như áo thầy tu, đội một chiếc mũ nhưng hình thù kỳ quái hết như một chiếc xoong. Người lão còn dồi dào khí lực, lưng còn thẳng, nhưng khi bước vào hiệu, lão liền xuôi vai xuống, còng lưng lại, khe khẽ rên rỉ, luôn luôn lấy hai ngón tay làm dấu thánh giá và lúc nào cũng lẩm rầm cầu nguyện, đọc kinh. Sự trọng đạo đó cùng vẻ già yếu của lão dễ khiến cho người mang đồ tới bán tin lão.

- Có việc gì đấy? - lão già hỏi.

- À, có bác này mang tượng tới bán, bác ta bảo là của Xtrôganôp.

- Cái gì?

- Của Xtrôganôp.

- À ra thế. Tôi nghe kém quá. Chúa đã ngăn tai tôi lại không cho nghe những câu ghê tởm của bọn Nikôn...

Lão bỏ mũ xuống, để bức tượng nằm ngang, nhìn dọc nhìn nghiêng, nhìn thẳng các nét vẽ, xem xét cái chốt trên tấm gỗ rồi nheo mắt lại và nói phì phì như mèo:

- Cái bọn, Nikôn vô đạo này, cái lũ quỷ quái này biết chúng ta ưa chuộng đồ cổ, chúng bày ra đủ thứ giả mạo thâm thuý. Chà, bây giờ người ta làm những tượng thánh giả mới khéo chứ, khéo lắm! Trông bên ngoài thì hình như đúng là tượng thời Xtrôganôp, Uxtiugoxky hay Xuzđan. Nhưng nhìn kỹ thì hoá ra là của giả mạo!

Nếu lão nói “của giả mạo” thì câu ấy có nghĩa là bức tượng vào loại đắt và hiếm. Một số tiếng lóng mách cho gã quản lý biết số tiền cần phải trả để mua một bức tượng hay một quyển sách là bao nhiêu. Tôi biết rằng chữ “đáng buồn và đáng giận” có nghĩa là mười rúp, chữ “con hùm Nikôn” có nghĩa là hai mươi lăm rúp. Tôi hồ thẹn khi thấy họ lừa dối những người mang đồ tới bán, nhưng cái trò chơi khôn ngoan của lão già thông thái đã lôi cuốn tôi.

- Cái bọn Nikôn, lũ con đen đui của con hùm Nikôn ấy có thể làm đủ mọi chuyện. Chúng nó bị quỷ

sai khiến mất rồi. Trông nước sơn tưởng như thực, thế nhưng toàn thân thì do một người vẽ, còn khuôn mặt thì cứ nhìn kỹ mà xem, nét bút lại là của người khác. Những thợ vẽ ngày xưa như Ximôn Usakôp tuy là kẻ vô đạo nhưng ông ta đã vẽ được toàn chân dung từ thân đến đầu, tự tay ông ta bào gỗ quét sơn. Ấy thế mà bây giờ lũ dân vô đạo này không sao làm được như thế nữa! Ngày xưa việc vẽ tượng thánh là một việc thiêng liêng, bây giờ nó chỉ còn là một nghệ thuật, đấy các con ạ!

Cuối cùng lão thận trọng đặt bức tượng lên quầy hàng rồi đội mũ và nói:

- Thật là tội lỗi!

Câu nói đó có nghĩa là: mua được đấy!

Bị ngập trong những câu ngọt ngào của lão, và choáng váng trước kiến thức của lão, người mang đồ tới bán kính cần hỏi:

- Dạ thưa cụ, thế bức tượng này thế nào ạ?

- Thế nào à? Đó là tượng thời Nikôn.

- Vô lý! Cha ông, cố kính nhà cháu đều thờ tượng thánh này...

- Nikôn còn sống trước cả cụ cố nhà bác nữa cơ đấy.

Lão già giở bức tượng vào sát mặt người mang bán rồi nghiêm nghị giảng giải:

- Bác thử nhìn xem, khuôn mặt tươi cười như

thế này, như vậy mà gọi là tượng thánh à? Đó chỉ là một bức tranh, một lối vẽ vô nghĩa, một trò đùa của bọn Níkôn. Bức tranh, chẳng có một chút tinh thần nào cả! Chẳng lẽ tôi lại nói điều hay sao? Tôi đã già rồi, chỉ biết có sự thật mà thôi. Tôi cũng sắp đến ngày về chầu trời rồi, còn nói dối làm gì cơ chứ!

Lấy bấy và già yếu, lão đi từ cửa hiệu ra sân gác, ra vẽ bực mình vì người ta đã không tin vào sự đánh giá của mình. Gã quản lý trả vài rúp để mua bức tượng. Người bán tượng cúi rạp xuống chào lão Piôt Vaxiliêvits rồi đi ra. Người ta sai tôi đến quán đồ ăn để mua nước sôi về pha trà. Khi trở về, tôi đã thấy lão già đầy phấn chấn, vui vẻ. Lão thích thú ngắm nghía món hàng mới mua được và dạy gã quản lý:

- Nhìn xem, bức tượng rất trang nghiêm, nét vẽ rất nhã, đầy lòng thành kính Chúa, không có một chút nào phạm tục...

- Ai vẽ thế? - gã quản lý sung sướng nhún nhảy cả người lên, hỏi.

- Anh chưa cần biết cái đó vội.

- Thế bọn sành chơi sẽ trả được bao nhiêu tiền?

- Tôi biết thế nào được! Anh đưa tôi, tôi muốn cho một vài người xem đã...

- Chà cụ Piôt Vaxiliêvits...

- Nếu bán được, tôi sẽ đưa cho anh năm chục, còn lại bao nhiêu là phần của tôi!

- Chà...

- Chỉ cần anh đừng có la lên như vậy thôi...

Họ uống trà và mặc cả với nhau một cách trắng trợn, nhìn nhau với cái nhìn của những tên lừa đảo. Gã quản lý đã hoàn toàn nằm trong tay lão già, điều đó thật là rõ ràng. Khi lão già ra về, gã bảo tôi:

- Mày liệu hồn đấy, đừng có nói gì với bà chủ về bức tượng này, nghe chưa!

Thoả thuận xong với nhau về việc bán tượng, gã quản lý hỏi:

- Có tin gì mới trong thành phố không, cụ Piôt Vaxiliêvits?

Lão già đưa ngón tay vàng khè lên vuốt râu, để hở ra cặp môi nhòn mồm và bắt đầu kể chuyện về đời sống của những thương gia giàu có: chuyện buôn bán phát tài, chuyện ăn chơi hoang phí, chuyện ốm đau, chuyện cưới xin, chuyện tình phụ vợ chồng... Lão thêu dệt những câu chuyện phong phú ấy một cách nhanh chóng và khéo léo như một thợ bếp giỏi tráng bánh bột blinur và tưới thêm vào những câu chuyện ấy những tiếng cười khe khẽ. Bộ mặt tròn trĩnh của gã quản lý xám lại vì thèm thuồng và khâm phục, cặp mắt gã phủ một vẻ mơ màng. Gã vừa thở dài, vừa rên rĩ:

- Người ta sống như thế đấy! Vậy mà cháu thì cứ vất vương thế này đây...

Số kiếp mỗi người một khác, - lão già thông thái nói giọng trầm trầm - người thì được thiên thần dùng búa bạc rèn cho một số phận tốt đẹp, kẻ thì do quỷ sứ lấy đầu rìu đẽo...

Lão già rắn giỏi, quốc thước ấy cái gì cũng biết. Lão biết mọi sinh hoạt trong thành phố, mọi điều bí mật của các thương gia, quan lại, của các cha cố và các tiểu thị dân. Không một việc gì lọt qua con mắt ác diệu của lão. Trong người lão trà trộn những tính chất của loài cáo và loài chó sói. Tôi luôn luôn muốn trêu tức lão, nhưng lão nhìn tôi với một vẻ xa lạ tựa như qua một lớp mây mù. Đối với tôi, lão như bị bao bọc trong người lão có một cái gì giống như anh thợ đốt lò Sumôp.

Tuy gã quản lý khâm phục trí thông minh của lão trước mặt cũng như sau lưng, nhưng cũng như tôi, có những lúc gã muốn trêu chọc, làm cho lão già tức mình.

- Nhưng bác cũng là một tay lừa đảo thiên hạ đấy chứ! - gã bỗng nói và nhìn thẳng vào mặt lão với một vẻ thách thức.

Lão già uể oải cười nhạt và đáp lại:

- Chỉ có một mình Chúa là không lừa đảo thôi. Còn chúng ta thì đều sống với những kẻ ngu ngốc. Nếu không lừa những thằng ngốc, thì chúng còn có công dụng gì nữa cơ chứ?

Gã quản lý hăng lên:

- Bọn mujich không phải đều ngu ngốc cả đâu. Ngay bọn thương gia thì cũng xuất thân từ mujich mà ra chứ còn từ đâu nữa?

- Chúng ta không nói đến bọn thương gia làm gì! Bọn ngu ngốc không biết lừa đảo. Chúng là những ông thánh, trí óc của chúng không hoạt động...

Lão nói một lúc một uể oải hơn, điều đó dễ làm cho người nghe nổi cáu. Tôi có cảm giác như lão đứng trên một mỏm đất, còn xung quanh lão toàn là đồng lầy. Lão không bao giờ nổi cáu, hoặc có thể là lão biết cách tự chủ được mình.

Nhưng cũng có nhiều lúc chính lão lại khiêu khích tôi. Lão đến sát tôi, tùm tùm cười trong bộ râu và hỏi:

- Cháu gọi cái anh chàng viết văn người Pháp ấy là gì - Pônôx⁽¹⁾ phải không?

Tôi rất ghét cái lối xỏ xiên hay xuyên tạc tên người ấy, nhưng cũng kịp giữ bình tĩnh để trả lời:

- Pônxon đơ Terai.

- Mát⁽²⁾ ở đâu?

- Ông đừng có vớ vẩn! Ông có phải là trẻ con nữa đâu!

- Đúng, ông có phải là trẻ con nữa đâu. Cháu đọc gì đấy?

(1) Nghĩa tiếng Nga là bệnh đi ngoài.

(2) Âm của chữ terai gần giống chữ "mát" tiếng Nga.

- Sách của Efrem Xirin.

- Thế cái anh người Nga ấy với cái anh người Pháp kia ai viết hay hơn?

Tôi nín thinh.

- Người Nga chúng ta viết về chuyện gì nhiều nhất? - lão vẫn không thôi, gặng hỏi nữa.

- Họ viết đủ mọi chuyện có trên đời này.

- Tức là họ viết cả chuyện chó chết⁽¹⁾ nữa à, chuyện ấy cũng có đấy.

Gã quản lý cười rống lên, tôi tức quá, cảm thấy nặng nề, khó chịu, nhưng nếu tôi tìm cách lảng thì gã quản lý liền ngăn tôi lại:

- Mà đi đâu?

Còn lão già lại vẫn hành hạ tôi:

- Nào, con người có học thức, cháu thử giải câu đố này xem nào: Trước mặt cháu có một ngàn người đứng trần truồng: năm trăm đàn bà, năm trăm đàn ông. Trong số họ có Adam và Eva. Đố cháu làm thế nào để nhận ra được Adam và Eva?

Lão truy hỏi tôi rất lâu và cuối cùng đắc thắng tuyên bố:

- Chú ngốc ơi, Adam và Eva không do ai đẻ ra, mà do Chúa tạo nên, như vậy tức là họ không có rốn!

Lão già biết vô số những loại “câu đố” như trên. Lão có thể làm khổ tôi mãi với những câu đố ấy.

(1) Nguyên văn: chuyện chó và ngựa.

Trong thời gian đứng trông hàng, tôi thường kể cho gã quản lý nghe nội dung một vài quyển truyện mà tôi đã đọc. Bây giờ họ dùng những câu chuyện ấy phản lại tôi; gã quản lý kể lại cho lão Piôt Vaxiliêvits nghe, nhưng cố tình lằm lẩn và xuyên tạc một cách đê tiện. Lão già khéo léo giúp đỡ hắn bằng cách đặt những câu hỏi nhảm nhí. Miệng lưỡi bắn thiu của họ tuôn ra rất những câu bình phẩm trơ tráo về Ojêni Grăngđê, Liutmila, Hăngri IV.

Tôi hiểu họ làm điều đó chỉ vì vô công rồi nghề, chứ không có ác tâm gì, nhưng tôi vẫn không kém phần đau khổ. Sau khi khoáng bùn lên, họ sục sạo trong chỗ bắn thiu ấy như những con lợn và rống lên vì thích thú được bơi lội, được chế giễu những điều đẹp đẽ nhưng quá xa xôi, khó hiểu và buồn cười đối với họ.

Tất cả những thương gia và quản lý của khu buôn bán đều sống một cuộc đời bất thường, đầy những trò tiêu khiển ngu xuẩn, trẻ con, nhưng lúc nào cũng độc ác. Nếu có người mujich nào ở xa đến hỏi thăm đường đi gần nhất tới một nơi nào đó trong thành phố, bao giờ người ta cũng chỉ cho anh ta đi theo hướng khác. Cái chuyện đó đã quá quen thuộc với mọi người đến nỗi bản thân kẻ nói dối cũng chẳng lấy làm thích thú gì với cái trò đùa của mình nữa. Bắt được một đôi chuột cống, họ bèn buộc đuôi chúng lại với nhau, thả ra ngoài đường rồi thích thú đứng

xem chúng giằng co nhau về mọi phía và cắn xé nhau. Đôi khi họ tẩm dầu hoả lên mình chuột rồi thiêu sống chúng. Họ còn lấy một cái xô sắt tây buộc vào đuôi chó; con vật điên cuồng sợ hãi vừa chạy vừa sủa giữa tiếng loảng xoảng, còn họ thì đứng nhìn, cười hô hố với nhau.

Những trò tiêu khiển tương tự như trên nhiều vô kể. Tôi có cảm giác như mọi người - nhất là những người dân quê - sống chỉ để làm trò tiêu khiển cho khu buôn bán này. Hầu như bọn họ luôn luôn muốn đem con người ra mà giễu cợt, mà làm cho anh ta lúng túng, đau đớn. Một điều lạ là những cuốn sách mà tôi đọc qua đều không nói đến khuynh hướng đốn mạt nhưng rất phổ biến ấy.

Một trong những trò tiêu khiển dưới đây của khu buôn bán làm cho tôi thấy vô cùng bức tức và khó chịu.

Lão chủ một hiệu bán đồ len và giày ủng ở phía dưới cửa hiệu của chúng tôi có nuôi được một anh quản lý nổi tiếng khắp chợ Nijin về tính phàm ăn. Lão khoe khoang khả năng ấy của người giúp việc cho mình như người ta thường khoe tính hung dữ của một con chó hoặc sức khoẻ của một con ngựa. Lão thường hay đòi đánh cuộc với các nhà buôn bên cạnh:

- Ai dám đặt cuộc mười rúp nào? Tôi cam đoan rằng thằng Miska sẽ ăn hết mười funt Jambông trong hai giờ đấy!

Nhưng mọi người đều biết rằng Miska có khả năng ăn hết nên họ nói:

- Đánh cuộc làm gì. Nhưng có thể mua Jămbông về đây để xem nó ăn ra sao được đấy!

- Nhưng cần phải mua tuyền thịt nạc chứ không được có xương đâu nhé!

Họ uể oải tranh cãi nhau một lúc. Và thế là từ căn nhà kho tối om om hiện ra một anh thanh niên gầy còm, cằm không râu, gò má to. Anh ta mặc một chiếc áo varơ, quần một chiếc thắt lưng đỏ lấm tấm, người dính đầy những mẩu len. Trịnh trọng trật mũ khỏi cái đầu bé nhỏ, anh ta đưa đôi mắt sâu hoắm sừng sờ nhìn vào khuôn mặt tròn, đỏ như gấc và râu ria tua tủa của lão chủ.

- Cậu có chén hết được tảng⁽¹⁾ thịt này không?

- Trong bao lâu ạ? - Anh Miska nhỏ nhẹ hỏi, vẻ thông thạo.

- Trong hai tiếng đồng hồ.

- Thưa cũng khó đấy!

- Có gì mà khó!

- Xin cho thêm hai chai bia nữa ạ!

- Được, - lão chủ nói và khoe khoang - các ngài đừng nghĩ rằng hấn đói đâu nhá. Từ sáng hấn đã

(1) Nguyên văn: batman - đơn vị đo lường Nga (bằng 4 cân rưỡi).

ngón hai funt bánh mì, buổi trưa cũng đã ăn như thường lệ...

Người ta mang đùi jămbông tới. Khán giả quây quần lại. Tất cả đều là những thương gia béo tốt, quần chặt trong áo khoác lông nặng nề như những quả tạ khổng lồ. Bụng phình to, mắt ti hí, người nào cũng có những báng mỡ và bị day dứt bởi những nỗi buồn tẻ đang vây bọc họ như một đám mây mù chập chờn.

Tay luôn ống tay áo, họ vây thành một vòng tròn chặt ních quanh anh quản lý đang cầm một con dao và một tảng bánh mì đen to tướng. Anh thành kính làm dấu thánh giá rồi ngồi lên một bao len, đặt tảng jămbông lên một cái thùng bên cạnh và đưa cặp mắt lơ đãng ước lượng món ăn đó.

Sau khi cắt một miếng bánh mỏng và một miếng thịt dày, anh cẩn thận chồng chúng lên nhau rồi dùng cả hai tay nâng lên miệng. Môi rung rung, anh thè cái lưỡi dài như lưỡi chó ra liếm môi, để lộ hàm răng nhỏ và nhọn, rồi vục mồm xuống miếng thịt, khéo léo như con chó.

- Bắt đầu rồi!

- Nhìn đồng hồ đi!

Mọi con mắt đều nghiêm chỉnh hướng về bộ mặt anh quản lý, về phía hàm dưới và những utròn nổi quanh tai anh. Người ta nhìn vào chiếc cằm nhọn

đang đều đặn nâng lên, hạ xuống và uể oải trao đổi với nhau:

- Nó ăn cứ như gấu ấy!

- Thế bác đã thấy gấu ăn như thế nào chưa?

- Dễ thường tôi sống trong rừng đầy hản? Chẳng qua là người ta thường ví: ăn như gấu ấy.

- Người ta hay nói ăn như lợn chứ.

- Lợn không ăn thịt lợn đâu...

Người ta cười gượng gạo và ngay lúc đó một người hiểu biết trong bọn họ chữa lại:

- Giống lợn ăn đủ mọi thứ. Nó ăn cả con nó, cả chị em của nó...

Bộ mặt của anh quản lý sẫm dần, tai xám ngất lại, cặp mắt sâu lồi ra khỏi hốc. Anh thở dài một cách nặng nhọc, nhưng cảm anh chuyển động đều đặn.

- Cố lên, Miska, chú ý đến thời gian đấy! - Người ta khuyến khích anh. Anh bồn chồn lấy mắt ước lượng khối thịt còn lại uống bia và nhai tóp tép. Người xem nhón nháo, mỗi lúc càng nhìn nhiều hơn vào chiếc đồng hồ trong tay lão chủ của Miska. Họ dặn nhau:

- Cầm lấy đồng hồ kéo ông ấy vặn lùi lại đấy!

- Chú ý nhìn Miska, khéo nó bỏ thịt vào ống tay áo đấy!

- Nó ăn không kịp đâu!

Lão chủ nhìn Miska nói to vẻ thách thức:

- Đánh cuộc hai mươi lăm rúp nào! Miska, đừng phụ lòng tao nhé!

Mọi người cũng thách thức lão chủ, nhưng không ai nhận đặt cuộc với lão cả.

Còn Miska thì vẫn cứ điềm nhiên nhai không biết mỏi. Mặt anh đã giống chiếc đùi lợn. Chiếc mũi nhọn sắc sùì thở phì phò một cách thiếu não. Trông anh thật khiếp. Tôi có cảm giác anh sẽ khóc oà và kêu lên:

- “Hãy thương tôi một chút...”

Hay là anh sẽ nhét thịt đến tận cuống họng rồi ngã đập đầu xuống chân khán giả và chết.

Cuối cùng anh ăn hết sạch mọi thứ, gương tròn cặp mắt say lên và nói thều thào một cách mệt nhọc:

- Cho xin hùm nước...

Còn lão chủ của anh thì nhìn vào đồng hồ và cầu nhàu:

- Chậm bốn phút rồi, thằng đốn mạt...

Mọi người chế giễu lão:

- Tiếc rằng không đánh cuộc với bác, chứ không thì bác thua rồi còn gì!

- Dầu sao thằng bé cũng khoẻ như một con thú ấy!

- Ừ, cho nó đi làm xiếc được đấy...

- Chà, Chúa có thể làm cho con người đến nông nổi thế ư?

- Thôi, đi uống trà chứ?

Họ lũ lượt kéo nhau vào quán ăn như đám thuyền trôi dạt.

Tôi muốn hiểu điều gì đã tập hợp được những con người nặng nề phục phịch ấy lại xung quanh anh chàng bất hạnh kia, tại sao tính phàm ăn xấu xa của anh lại làm cho họ thích thú đến như vậy?

Trong dãy hành lang hẹp xếp chặt ních những đồng len, da cừu, dây gai, dây thừng, ủng da, yên cương ngựa trông thật là tối tăm, ảm đạm. Những cột gạch thô kệch, vụng về, ngăn cách hành lang với vỉa hè đã bị thời gian gặm mòn và bụi bẩn của đường phố phủ lên. Mọi hòn gạch, mọi khe hở chắc đã được thăm đếm đi đếm lại hàng ngàn lần và vĩnh viễn ghi trong trí nhớ với cái mạng lưới nặng nề đầy những hình thù quái gở.

Khách bộ hành thông thả đi trên vỉa hè. Những chiếc xe ngựa, xe trượt tuyết chở hàng chậm rãi di chuyển trên đường phố. Phía sau phố, giữa một ô vuông của những cửa hiệu hai tầng bằng gạch đỏ là một quảng trường ngổn ngang những thùng hộp, rơm rác, giấy bọc nhàu nát và phủ đầy những lớp tuyết bẩn thỉu đã bị dẫm nát.

Tất cả những cảnh vật đó cùng với người ngựa, tuy di chuyển nhưng dường như không nhích thêm một chút nào, mà chỉ lười biếng xoay quanh một chỗ. Sự di chuyển đó như bị gắn chặt vào chỗ ấy bằng

những sợi dây vô hình. Tôi bỗng cảm thấy cuộc sống đó hầu như không có lấy một tiếng vang, nó nghèo nàn âm thanh đến căm lặng. Những thanh trượt của xe trượt tuyết kêu ken két, cửa các hiệu đập thành thành, những người bán bánh rán, chè mật ong bánh bàng rao hàng, nhưng tiếng của họ vang lên với một vẻ buồn buồn, miễn cưỡng. Những âm thanh ấy đều đơn điệu khiến ta nghe chóng quen và không chú ý tới chúng nữa.

Tiếng chuông nhà thờ ảo não như đưa tang. Tiếng ngân ai oán ấy lúc nào cũng như còn vọng mãi trong tai. Đường như từ sáng đến tối nó không ngớt chơi vơi trong khoảng không gian của khu chợ. Nó phân chia mọi ý nghĩ, mọi cảm xúc thành từng lớp và như những lớp cặn đồng nằm chặn lên trên mọi cảm tưởng.

Sự buồn chán lạnh lẽo toả lên từ khắp mọi nơi: từ mặt đất phủ đầy tuyết bản, từ những đống tuyết xám trên mái nhà, từ những viên gạch đỏ bầm của những ngôi nhà to lớn. Nỗi buồn toả ra từ các ống khói trong làn khói xám tràn lan trên bầu trời âm ỉ, thấp và trống rỗng. Nỗi buồn toả ra trong hơi thở của người và ngựa. Nó có mùi vị riêng của nó, một mùi nặng nề phảng phất của mồ hôi, của mỡ, của dầu gai, của bánh nướng và của khói. Mùi vị đó siết chặt lấy đầu ta như một chiếc mũ ấm và chặt, nó ùa vào ngực ta khiến ta choáng váng, gây cho ta một ý muốn đen tối: muốn nhắm mắt lại, la hét lên một

cách tuyệt vọng rồi bỏ chạy đến một nơi nào đấy và theo đà mà đâm đầu vào bức tường đầu tiên.

Tôi chăm chú nhìn những bộ mặt phì nộn của những thương gia đang bị băng giá day dứt, chúng mọng căng những tia máu ngầy ngầy và bất động như đang ngủ. Họ hay ngáp, mồm há hốc như cá bị quăng lên bãi cát khô.

Mùa đông hàng quán thưa khách và trong ánh mắt của các nhà buôn không còn vẻ gian xảo, đề phòng như mùa hè nữa. Những chiếc áo lông nặng làm cho cử động khó khăn và kéo con người khom thêm xuống mặt đất. Các thương gia nói chuyện với vẻ uể oải. Khi nào nổi cáu thì họ tranh cãi nhau. Tôi nghĩ rằng họ cố tình làm như vậy cốt để tỏ cho nhau biết mình đang còn sống đây.

Tôi thấy rõ nỗi buồn đè nặng lên họ, làm cho họ mòn mỏi, dần dần. Và chỉ có kinh qua cuộc đấu tranh vô hiệu quả với sức mạnh toàn năng của nỗi buồn đó, tôi mới tự giải thích được nguyên nhân những trò tiêu khiển ngu xuẩn và tàn nhẫn kia của họ.

Đôi lúc tôi nói ý nghĩ đó với Vaxiliêvits. Tuy nói chung lão hay giễu cợt, chế nhạo tôi, nhưng lão thích tính ham mê đọc sách của tôi và nhiều khi lão nói với tôi bằng một vẻ nghiêm trang, dạy dỗ.

- Cháu không thích những nhà buôn sống như vậy, - tôi nói.

Lão lấy ngón tay dài quần một mớ râu lại rồi hỏi:

- Làm sao cháu biết được họ sống như thế nào? Hay là cháu thường được đến chơi với họ? Cậu cả ạ, ở đây là đường phố, mà trên đường phố thì không có ai ở cả. Người ta buôn bán trên đường phố, hoặc đi lại trên đó chốc lát rồi lại trở về nhà. Khi đi ra phố mọi người đều ăn mặc chỉnh tề, nhưng sau lớp quần áo ấy, ai biết được họ như thế nào. Con người ta chỉ sống cởi mở ở nhà, trong bốn bức tường của mình. Nhưng họ sống ở đây như thế nào thì cháu làm sao mà biết được!

- Nhưng mà ý nghĩ của họ thì dù ở nhà hay ở ngoài phố cũng đều giống nhau cả cơ mà?

- Thế mà ai biết được người láng giềng của mình có những ý nghĩ gì? - lão trợn tròn mắt lên vẻ nghiêm khắc và nói với một giọng trầm đầy sức nặng - Các cụ vẫn nói: ý nghĩ cũng giống như rận, không sao đếm xuể được chúng! Có thể là khi về nhà, người ta sẽ quỳ xuống, kêu khóc và cầu xin Chúa: "Lạy Chúa, xin Chúa tha cho con những tội lỗi con đã phạm trong ngày tốt lành của Chúa!" Có thể rằng nhà của anh ta là một tu viện và anh ta chỉ sống ở đó một mình với Chúa. Có thể như vậy đấy! Mỗi con nhện cần biết xó nhà của mình đã, có chăng lưới thì cũng phải biết liệu sức nặng của mình sao cho đỡ được...

Khi lão nói nghiêm trang, giọng lão thấp xuống, trầm hơn, như muốn báo những điều bí mật quan trọng.

- Đây, cháu hãy suy luận, nhưng việc suy luận đối với cháu còn sớm quá.

Tuổi cháu chưa phải tuổi sống bằng trí óc, mà bằng con mắt. Nói thế có nghĩa là cháu cứ quan sát và nhớ lấy mọi sự việc, còn đối với tâm hồn thì cần phải có lòng tin. Cháu hay đọc sách, đó là điều tốt, nhưng cái gì cũng phải có chừng mực: có kẻ đọc nhiều quá hoá điên, có kẻ trở thành vô đạo...

Tôi tin tưởng lão là người bất tử, thật khó hình dung được lão có thể già và thay đổi thêm nữa. Lão thích kể chuyện về các thương gia, về bọn ăn cướp, về những tay làm bạc giả mà trở nên những nhân vật nổi tiếng. Những chuyện ấy tôi đã nghe ông tôi kể rất nhiều. Ông tôi kể hay hơn ông lão thông thái này, nhưng ý nghĩa của các câu chuyện đều tương tự nhau: sự giàu sang luôn luôn đạt được bằng con đường tội lỗi đối với người và với Chúa. Piôt Vaxiliêvist không thương hại con người, nhưng lão nhiệt tình nói về Chúa, vừa thờ dài, vừa như giấu mặt đi.

- Thế đấy, chúng lừa dối cả Chúa. Còn chúa thì trông thấy tất cả những điều đó và Chúa than khóc: "Các con ơi, những đứa con đáng thương của ta ơi, địa ngục đang chờ các con đó!".

Một lần tôi cả gan nhắc lão:

- Nhưng chính ông cũng lừa dối những người mujich cơ mà...

Điều đó không mấy may làm cho lão tức giận.

- Việc của ông làm thì có nghĩa lý gì? - lão nói -
chăm mút dăm ba rúp; quanh quẩn chỉ có thể thôi.

Bất gặp tôi đang đọc sách, lão giảng quyển sách
khỏi tay tôi, bẻ hoe tra hỏi tôi về những điều tôi vừa
đọc xong, rồi ngán người ra với vẻ phân vân bảo già
quản lý:

- Trông kia, thằng lỏi con này nó cũng hiểu sách
đấy chứ!

Và lão giảng giải cho tôi một cách rõ ràng, dễ
nhớ:

- Cháu nghe đây, những lời ông nói đều sẽ có ích
cho cháu cả. Có hai Kirin. Cả hai đều là giáo chủ.
Người thứ nhất ở Alêxăngđria, còn người thứ hai thì
ở Eruxalim. Người thứ nhất nổi dậy chống lại tên vô
đạo đáng nguyên rủa Nextôri. Tên này trắng trợn
giảng dạy rằng Đức Mẹ là người trần tục, vì thế nên
không đẻ ra Chúa được, mà chỉ đẻ ra một con người
bình thường tên là Giêsu, tức là đấng Cứu thế. Như
vậy thì không nên gọi là Đức Mẹ mà gọi là Mẹ đẻ ra
Giêsu thôi, cháu hiểu chưa? Đó là bọn vô đạo! Còn
Kirin ở Eruxalim thì đấu tranh chống lại tên vô đạo
Ari...

Tôi rất phục sự hiểu biết của lão về lịch sử đạo.
Còn lão thì đưa bàn tay chau chuốt như tay cố đạo
vuốt râu và khoe khoang:

- Về mặt này thì ông có thể làm vương làm tướng được. Ông đã từng đi dự lễ Ba Ngôi ở Maxcova và tranh luận lý lẽ với bọn theo học thuyết Nikôn thâm độc, với các cha cố và cả giới thượng lưu nữa. Chú bé ạ, ông cũng đã từng nói chuyện với các giáo sư nữa đấy! Có một cha cố bị ông dồn cho như roi quất vào mặt đến nổi chảy cả máu mũi ra, thật đấy!

Má lão ửng đỏ, mắt sáng lên hơn hờ.

Việc đối phương chảy máu mũi có lẽ lão cho là đỉnh thắng lợi cao nhất, một viên ngọc đỏ rực rỡ nhất giữa vòng hoa vinh quang vàng chói của mình nên lão thường kể chuyện ấy với một giọng say sưa:

- Ông cố đạo ấy người to lớn và đẹp ra phết! Ông ta đứng trước giá kính giữa giáo đường, còn máu ở mũi thì cứ... tí tách, tí tách! Mà ông ta cũng không biết đến cái điều nhục nhã ấy nữa. Ông ta hung dữ lắm, cứ như là con sư tử ở giữa sa mạc vậy. Giọng ông ta sang sảng như chuông! Còn ông thì cứ nhẹ nhàng nói, nói câu nào trúng tim câu ấy, những câu của ông thì cứ như một cái lò lửa bùng bùng những tư tưởng hằn thù của lũ phản đạo... Chà, chuyện đời còn là lắm thứ!...

Hay đến cửa hiệu còn có những lão già thông thái khác: lão Pakhomi bụng to, mắt chột, người béo phì, hay lầu bầu trong họng như lợn kêu và lúc nào cũng mặc một chiếc áo choàng nhón mõ: lão Lukian, một lão già nhỏ bé, nhẵn nhụi như con chuột nhắt,

tính dịu dàng, hoạt bát. Đi với lão là một người to lớn điệu bộ râu rĩ, giống như người đánh xe ngựa. Người này râu đen, khuôn mặt đỏ đẫm với cặp mắt bất động, trông đẹp, nhưng thật đáng ghét.

Hầu như lần nào họ cũng mang đến bán những sách, tượng thánh, lư hương cổ và những loại cốc chén cổ. Đôi khi họ dẫn khách bán - những ông già, bà lão ở phía bên kia sông Vonga tới. Xong công việc mua bán, họ ngồi bên cạnh quầy hàng trông giống như lũ quạ đậu trên bờ ruộng, uống trà với bánh mì vòng và đường rồi kể cho nhau nghe những chuyện truy nã do phe đạo Nikôn gây ra: chỗ này người ta khám xét và tịch thu những sách kinh, chỗ kia cảnh sát đóng cửa thánh đường và kiện cáo các chủ nhân trước toà theo Điều luật 103⁽¹⁾. Điều luật 103 đó thường xuyên là đề tài trong các buổi nói chuyện của họ nhưng họ nói về chuyện ấy với vẻ bình thản như nói về một điều tất nhiên nào đó chẳng hạn như mùa đông người ta thường nói về chuyện giá buốt vậy.

Những chữ cảnh sát, khám xét, nhà tù, toà án, Xibêri là những chữ thường được nhắc tới luôn trong các câu chuyện của họ về việc truy nã đạo giáo. Những chữ đó thấm vào tâm hồn tôi như những hòn than hồng, nung nấu thiện cảm và lòng thông cảm với những ông già đó. Những sách mà tôi đã đọc đều dạy

(1) Điều luật của Nga hoàng nhằm trừng trị những người theo cụu giáo.

tôi biết kính trọng những người kiên trì để đạt được mục đích của mình, biết quý trọng tinh thần kiên định của họ.

Tôi quên tất cả những điều xấu xa mà tôi đã thấy ở những ông thầy dạy tôi về cuộc đời đó. Tôi chỉ cảm thấy sự kiên trì bình tĩnh của họ, và phía sau sự kiên trì đó tôi cảm thấy như còn ẩn giấu một niềm tin không gì lay chuyển nổi vào chân lý đó của họ.

Sau này, khi được thấy nhiều kẻ bảo vệ cực giáo tương tự như trên ở trong nhân dân cũng như ở trong các tầng lớp trí thức, tôi hiểu rằng sự kiên trì đó là tính thụ động của những kẻ không còn chỗ nào khác để đi, ngoài chỗ đứng của mình. Và chính họ cũng không muốn đi đâu cả vì bị ràng buộc chặt chẽ trong khuôn khổ của những chữ cổ, của những khái niệm đã lỗi thời; họ trở nên đần độn trong những chữ và khái niệm đó. Ý chí của họ đã cố định, không có khả năng phát triển để hướng về tương lai, và khi có một sự tấn công nào từ ngoài tới, hất họ ra khỏi vị trí quen thuộc thì họ lăn lông lốc như một hòn đá lăn từ trên núi xuống. Họ cố bảo vệ cái nghĩa trang của những chân lý lỗi thời đó bằng sức mạnh đã tàn tạ của những ký ức về dĩ vãng và bằng một tình yêu yếu đuối đối với sự đau khổ áp bức; nhưng nếu họ bị tước mất khả năng đau khổ thì họ sẽ trở nên trống rỗng và bị biến mất như những đám mây trong một ngày gió mát.

Lòng tin mà họ sẵn sàng chịu đau khổ với một vẻ hào hứng và hỷ xả lớn lao ấy quả là một lòng tin vững vàng, nhưng nó giống như bộ quần áo đã sờn cũ vì được phủ một lớp nhờn bẩn nên nhờ thế mà ít bị thời gian huỷ hoại. Tư tưởng và tình cảm, một khi đã quen với cái vỏ nặng nề, chật hẹp của những thành kiến, giáo điều, thì cho dù chúng có gãy cánh và bị mòn mỏi, chúng vẫn sống một cách thoải mái thuận tiện.

Lòng tin theo thói quen ấy là một trong những hiện tượng đáng buồn và có hại hơn cả trong cuộc sống của chúng ta. Trong phạm vi của lòng tin đó, tựa như trong bóng râm của một bức tường đá, những cái mới phát triển một cách chậm chạp, méo mó và lớn lên một cách cằn cỗi. Lòng tin u ám đó thiếu rất nhiều ánh sáng của tình yêu, mà chỉ mang nặng những điều nhục mạ, những tính độc ác ganh tị và cùng với lòng căm ghét. Ngọn lửa của lòng tin ấy là những ánh lân tinh ở những chỗ thối nát.

Nhưng để hiểu rõ điều đó, tôi còn phải sống qua nhiều năm cay cực, phải khắc phục nhiều điều trong tâm hồn, phải gạt bỏ nhiều điều ra khỏi trí nhớ của mình. Tuy nhiên trong lúc này, khi lần đầu tiên tôi gặp những ông thầy của cuộc sống trong một thực tại tẻ nhạt và bất lương này, thì tôi cho họ đều là những người có sức mạnh tinh thần lớn, những con người giỏi nhất trên đời. Hầu hết mỗi người trong họ

đều can án, bị ngồi tù, bị trục xuất ra khỏi các thành phố khác nhau, và cùng với các tù nhân khác bị giải đi khắp nơi này đến nơi nọ. Họ sống một cách edè, lẫn tránh mọi người.

Tuy nhiên tôi chú ý thấy rằng trong khi than phiền về “sự áp đảo tinh thần” của phái Nikôn, chính những ông già này cũng rất sẵn sàng áp đảo nhau và thậm chí có phần hào hứng với chuyện đó là khác.

Lão già chột Pakhômî khi uống rượu say thường khoe trí nhớ thật kỳ dị của mình. Lão thuộc lòng một vài quyển sách như học trò trường đạo Do-thái thuộc *tanmuf*⁽¹⁾ vậy. Lão chỉ tay vào bất kỳ một trang nào và bắt đầu đọc lòng những câu tiếp theo kể từ chữ ở ngón tay chỉ với một giọng mũi dịu dàng. Lúc nào lão cũng nhìn xuống sàn. Con mắt độc nhất của lão lo lắng nhìn trên mặt sàn như đang tìm kiếm một vật gì quý giá bị mất. Lão hay giở trò ảo thuật ấy nhất đôi với quyển *Dân nhỏ Nga* của bá tước Musetxki. Đặc biệt lão rất nhớ những “nỗi đau khổ đầy nhằn nại và đầy dưng cảm của những kẻ đau khổ gan dạ và kỳ diệu”. Còn lão Piôt Vaxiliêvits thì cố tìm mọi cách để bắt lỗi của Pakhômî:

- Nói láo! Chuyện đó không xảy ra với Kiprian Chí cao, mà là với Ênít Chí Thánh.

- Ênít nào nữa? Êđônixi nói rằng...

- Ông không nên bám lấy lời nói!

(1) Đạo lý của người Do-thái.

- Ông đừng có dạy tôi!

Một lúc sau cả hai đều bùng bùng nổi giận, nhìn thẳng vào mặt nhau mà nói:

- Đồ phàm ăn tục uống, cái mặt thì trơn trơn ra thế kia, cái bụng thì tọng đầy vào...

Pakhomi trả lời như đếm trên bàn tính:

- Đồ hiếu sắc, đồ con dê, đồ nịnh đầm.

Gã quản lý luồn tay vào ống tay áo, mỉm cười vẻ thâm độc và khích lệ những nhà bảo vệ nền cựu giáo như xúi bẩy lũ trẻ con:

- Đứng đây! Cho ông ấy một trận! Thế!

Có lần các ông già đánh nhau. Lão Piôt Vaxiliêvits nhanh như cắt, tát vào mặt đối thủ khiến đối thủ phải bỏ chạy, rồi một nhọc chúi mồ hôi trên mặt, lão kêu với theo kẻ bỏ chạy:

- Liệu thân hồn. Tội lỗi là ở ông cả đấy! Đồ qui quái, làm cho tay của người ta phải phạm giới rồi. Phì...

Lão đặc biệt thích chê bai tất cả bạn bè của mình rằng họ còn thiếu lòng tin vững chắc và họ đều rơi vào cái thuyết “phủ định” mất rồi.

- Đó đều là do lão Alêcxăng làm các ông lung tung cả lên. Thật cứ như con gà trống ấy.

Thuyết phủ định làm lão bực tức và hình như còn làm cho lão sợ nữa. Nhưng khi hỏi đến nội dung của học thuyết đó như thế nào, thì lão trả lời lơ mơ:

- Bọn theo thuyết phủ định là bọn vô đạo cay cú nhất, chúng chỉ tin vào lý trí thôi chứ chẳng tin trời đất gì cả đâu! Như bọn Kôzác ấy, ngoài Kinh thánh ra, chúng chẳng tôn trọng cái gì nữa. Mà Kinh thánh là của bọn Đức ngụ ở Xaratôp, của Lute⁽¹⁾ viết ra chứ còn ai! Người ta đã nói về Lute như sau: “Cái tên của hắn nghe tưởng như là tao nhã, nhưng thực ra thì Lute ở chữ *liut* mà ra, có nghĩa là hung dữ!”. Bọn phủ định còn gọi là bọn *salôput* hoặc *stunda* tất cả những chữ ấy đều là của phương Tây, của bọn vô đạo ở đó cả.

Lão giậm giậm cái chân tàn tật của mình và nói một cách lạnh nhạt, nghiêm trang:

- Đấy, chính là phải đuổi cổ cái bọn tân đạo ấy đi, phải tiêu diệt và thiêu chết bọn chúng nó, chứ không phải chúng ta! Chúng ta gốc gác là người Nga. Đạo của chúng ta là đạo chính thống, đạo phương Đông, đạo gốc của người Nga. Còn tất cả những trò kia đều là của phương Tây, đều toàn là chuyện bịa đặt xuyên tạc cả! Bọn Đức, bọn Pháp có mang lại cái gì tốt đẹp đâu? Đấy chúng nó hồi năm một ngàn tám trăm mười hai...

Trong lúc cao hứng, lão quên rằng trước mặt lão chỉ là một đứa trẻ; lão túm lấy thất lưng tôi bằng bàn tay rắn chắc rồi, lúc kéo lại gần, lúc đẩy ra xa,

(1) Luther (1483-1546), người cải cách đạo giáo.

lão xúc động nói thao thao một cách nồng nhiệt như trẻ hân lai.

- Trí khôn của con người mò mẫm trong những điều bịa đặt rắc rối của mình giống như con chó sói hung dữ. Nó bị lạc lõng, rồi thì nghe lời quỷ sứ mà hành hạ linh hồn con người vốn là của trời phú cho. Cái lũ tội tớ của quỷ ấy đã bịa đặt ra những gì? Bọn Bôgômin cũng giống như bọn phủ định đã dạy người ta rằng: quỷ Xa-tăng cũng là con trời, là anh cả của Chúa Giêsu, đấy, chúng nó tệ đến thế thì thôi! Chúng nó còn dụ người ta không nghe lời người trên, bỏ công ăn việc làm, bỏ vợ bỏ con đi nữa. Con người không cần gì cả, không theo một tôn ti trật tự nào cả. Cứ để cho con người sống theo ý mình, quỷ bảo sao thì tao làm vậy. Đấy cái lão Alêxăng lại xuất hiện, ôi, cái lũ sâu bọ này...

Có lần, giữa lúc đó thì gã quản lý sai tôi đi làm một việc gì đấy. tôi rời khỏi lão, nhưng còn lại một mình ở hành lang, lão vẫn tiếp tục nói vào khoảng không quanh mình:

- Ôi, cái lũ tâm thường này, cái bọn mèo mù từ khi mới đẻ này, ta bỏ các người để đi đâu đấy?

Rồi sau đó lão chống tay vào đầu gối, ngửa đầu ra và lặng thinh hồi lâu, mắt chăm chú nhìn chòng chọc vào bầu trời mùa đông xám ngắt.

Đối với tôi, lão trở nên chú ý và dịu dàng hơn. Thấy tôi đọc sách, lão vỗ vai tôi và nói:

- Cứ đọc đi chú em ạ, cứ đọc đi, cái đó sẽ có lợi cho cháu. Hình như cháu cũng có trí khôn đấy. Chỉ tiếc là cháu không chịu kính trọng người lớn, đối với ai cũng bốp chát, thẳng thừng. Cháu nghĩ xem, cái tính tình nghịch đó sẽ dẫn cháu tới đâu? Chú bé ạ, cái đó chẳng có gì khác hơn là dẫn cháu vào vòng tù tội. Đọc sách thì cứ đọc, nhưng sách là một chuyện, mà phải biết suy nghĩ theo ý mình lại là một chuyện khác. Đấy, có một tay trưởng giáo thuộc giáo phái Kluxt⁽¹⁾ tên là Đanilô. Lão ta cho rằng các loại sách cả cũ lẫn mới đều không cần thiết. Lão thu các sách lại thành một đống rồi đem quẳng hết xuống sông. Thật đấy... Tất nhiên, đó cũng là trò ngu xuẩn mà thôi! Đấy, cái lão Alêcxăng, cái đầu óc chó má ấy đang đi khuấy động...

Càng ngày lão càng nói về cái ông Alêcxăng đó nhiều hơn, cho đến một hôm lão đến hiệu với vẻ lo âu, cúi kính và bảo gã quản lý:

- Lão Alêcxăng Vaxilep hiện đang ở đây, trong thành phố này. Lão đến từ hôm qua. Tôi tìm lão mãi mà vẫn chẳng thấy đâu. Lão giấu mặt rồi! Ngồi chờ đấy một lát xem lão có ghé qua không...

Gã quản lý đáp lại với một vẻ thiếu thiện ý:

- Tôi không biết chuyện gì và cũng không biết đến ai đâu!

(1) Một nhánh đạo của đạo Thiên chúa tại nước Nga trước cách mạng.

Lão già gật đầu nói:

- Thế cũng phải. Đối với anh thì ai cũng là kẻ mua hoặc người bán, chứ còn thứ người nào khác nữa đâu? Thôi, mang trà ra đây mời khách chứ...

Khi tôi mang ấm nước sôi to bằng đồng tới thì trong cửa hiệu đã có khách đến: lão già Lukian tươi cười vui vẻ, còn trong góc tối phía sau cửa thì có một khách lạ ngồi. Ông ta mặc áo bành tô ấm, đi ủng da cao, thắt lưng bằng vải xanh. Ông ta đội chiếc mũ chụp tới lông mày trông thật vụng về. Mặt ông ta không có gì đặc biệt. Ông ta có vẻ hiền lành, khiêm tốn, tựa như một người quản lý vừa bị mất việc và đang đau khổ vì điều đó.

Lão Piôt Vaxiliep không nhìn về phía người lạ mặt; lão nói gì đó với vẻ quả quyết, nghiêm khắc. Còn ông này thì vẫn cứ lấy bầy đẩy chiếc mũ với bàn tay phải: cánh tay đưa lên tựa như định làm dấu thánh, nhưng ông ta chỉ đẩy chiếc mũ mỗi lúc một cao lên, đẩy ngược nó lên tận đỉnh đầu, rồi lại kéo úp chặt xuống lông mày, về vụng về. Cái dáng điệu lấy bầy như động kinh ấy khiến tôi nhớ đến lão già ngốc nghếch Igôsa "Thần chết ở trong túi"⁽¹⁾.

- Đủ mọi loại cá chuối bơi trong khúc sông đục này của chúng ta, chúng chỉ tổ làm đục thêm nước mà thôi - lão Piôt Vaxiliep nói.

(1) Xem chương VII Thời thơ ấu của Gorki

Người giống như ông quản lý đồ bình thân hỏi nhỏ:

- Anh nói về tôi đấy à?
- Ừ thì cứ cho là nói về anh đi...

Người đó bèn hỏi tiếp, giọng nhỏ nhưng rất chân thành:

- Thế thì anh sẽ nói về bản thân mình như thế nào, anh bạn?

- Về bản thân tôi thì tôi chỉ nói với Chúa thôi. Đó là việc của tôi...

- Không anh bạn ạ, đó cũng là việc của tôi nữa, - người lạ mặt nói, giọng trịnh trọng và rắn rỏi, - Đừng có quay mặt tránh sự thật, cũng đừng tự tiện làm mê muội bản thân, đó là một tội lỗi lớn đối với Chúa và với mọi người!

Tôi thích ông ta khi thấy ông ta gọi lão Piôt Vaxiliep là anh bạn. Giọng nói nhỏ nhẹ, trịnh trọng của ông ta làm tôi cảm động. Ông ta nói chuyện giống như những cha cố đọc kinh "Lạy Chúa, chủ sinh mệnh của con"; người ông ta mỗi lúc một nghiêng về phía trước, ông ta tụt khỏi ghế và vung tay ra trước mặt.

- Đừng có buộc tội cho tôi, tội của tôi cũng không hơn hẳn hơn anh đâu.

- Lại phun ra như ấm nước sôi rồi, - lão già thông thái thốt lên, vẻ miệt thị. Còn ông khách thì vẫn tiếp tục nói, không chú ý tới lời của lão:

- Chỉ có Chúa mới biết được ai là kẻ khuấy đục hơn nguồn nước thánh thiêng liêng ấy. Có thể đó là lỗi của các anh, những con người sách vở, giấy tờ, còn tôi thì không phải là loại giấy tờ sách vở, mà chỉ là một con người bình thường, sinh động...

- Tôi đã được biết cái bình thường của anh rồi, đã nghe đồn về nó khá nhiều rồi.

- Chính các anh đã làm cho mọi người lầm đường lạc lối, các anh đã bẻ quật đi những tư tưởng chính đáng, các anh là bọn một sách, bọn đạo đức giả... Tôi nói như thế đó, anh thử trả lời đi!

- Đồ vô đạo! - Lão Piôt Vaxiliep nói; nhưng người lạ mặt giơ bàn tay ra trước mặt, tựa như để đọc những điều gì viết trong lòng bàn tay đó và hăng hái nói:

- Anh tưởng rằng chặn dắt con người từ chuồng này sang chuồng khác có thể làm cho họ sướng hơn hay sao? Tôi muốn nói rằng: không! Tôi nói rằng: phải giải thoát khỏi tất cả, anh bạn ạ! Nhà cửa, vợ con và tất cả của cải của anh đối với Chúa có nghĩa lý gì đâu? Anh bạn ạ, phải thoát khỏi tất cả những gì khiến người ta đâm chém, cắn xé lẫn nhau, khỏi mọi thứ bạc vàng, của cải khác, tất cả cái đó đều là những thói rửa, những thứ dơ bẩn! Cứu vớt linh hồn con người không phải ở trên mặt đất trần tục này, mà là ở trên những thung lũng thiên đường kia! Phải từ bỏ tất cả, tôi nói như vậy đây, hãy cắt đứt hết mọi dây nợ liên quan, hãy phá huỷ mọi màng lưới trên cõi

đời này đi. Những đầu mối đó đều phản lại Chúa cả... Tôi đi trên con đường thẳng, không hề quanh co ngoắt ngoéo, không hề tiếp nhận những cái mờ ám...

- Thế anh có tiếp nhận bánh mì, nước uống, quần áo không? Đó cũng đều là những đồ trần tục cả đấy thôi! - lão già nói vẻ thâm độc.

Nhưng những lời nói đó không làm Alêcxăng sờn lòng, ông tiếp tục nói, giọng mỗi lúc một chân thành hơn. Tuy giọng ông không to, nhưng có cảm giác như ông thổi một chiếc kèn đồng.

- Anh bạn ạ, cái gì thân thiết đối với anh? Chỉ có một mình Chúa là thân thiết thôi. Hãy đứng trước Người với một tâm hồn trong sạch không nghĩ đến điều gì khác, hãy dứt bỏ mọi xiềng xích trần tục trong lòng anh, và lúc ấy Chúa sẽ thấy: chỉ có mình anh trước Chúa thôi, chỉ có thể anh mới có thể gần Chúa được. Đó là con đường duy nhất để đến với Người! Chính vì thế mà muốn giải thoát thì phải từ bỏ cha mẹ, từ bỏ tất cả mọi thứ cho đến cả con mắt nếu nó còn cám dỗ anh thì hãy móc vứt nó đi! Vì Chúa, anh hãy thiêu hủy mọi thứ đi và hãy giữ lấy linh hồn lại. Linh hồn của anh sẽ đời đời sáng chói...

- Có cái lũ chó thối chúng mới nghe được anh, - lão Piôt Vaxiliep đứng dậy nói - tôi cứ tưởng rằng từ năm ngoái tới nay anh đã khôn hơn ra, ai ngờ mỗi ngày anh lại đồ đốn thêm...

Lão lắc lư mình rời cửa hiệu ra ngoài sân gác. Điều đó làm Alêcxăng lo lắng. Ông ta ngạc nhiên vội hỏi:

- Anh đi đấy à? Sao... lại thế?

Nhưng lão già Lukian hiền lành đã nháy mắt để an ủi ông ta và bắt đầu lên tiếng:

- Không sao đâu... Không sao đâu...

Ông Alêcxăng liền chồm sang lão:

- Còn ông nữa. Một người trần tục vất vả ngược xuôi như ông mà cũng gieo rắc những lời nói vô bổ ấy à, nhưng liệu có mang lại lợi ích gì không? Nào những "lạy Chúa tôi" nào những...

Lão Lukian tủm tủm với ông ta rồi cũng bỏ chuồn ra sân gác. Còn ông ta thì quay lại phía gã quản lý nói với giọng tự tin:

- Bọn họ không sao chịu được tính tôi. Thế là lại bỏ đi như mặt trăng mặt trời...⁽¹⁾

Gã quản lý lườm ông và lạnh nhạt nói:

- Tôi không biết đến chuyện ấy.

Người lạ mặt dường như xấu hổ, ông ta đẩy mũ lên lắm bắm:

- Sao lại có thể không biết được? Đó là những vấn đề... đòi hỏi phải đi sâu vào...

(1) Nguyên văn: như khói rời ngọn lửa.

Ông ta ngồi cúi đầu, lặng yên một lúc; sau đó các lão già gọi ông ta và cả ba người, không chào hỏi ai, cùng kéo nhau ra khỏi hiệu.

Con người đó hiện ra trước mắt tôi như một ngọn lửa bùng sáng trong đêm tối; nó cháy rực lên và lại tắt ngay, khiến tôi cảm thấy ngay được một sự thật nào đó trong việc phủ nhận cuộc sống của ông ta.

Buổi chiều, chờ dịp thuận tiện, tôi say sưa kể lại cho bác Ivan Lariônôvits, một người thợ cạo, tính hiền lành dịu dàng của xưởng làm tượng thánh nghe. Bác nghe tôi kể xong bèn giải thích:

- Chắc hẳn là dân lưu lạc rồi! Có một giáo phái như vậy, họ chẳng công nhận cái gì cả.

- Thế thì họ sống làm sao?

- Sống lang thang nay đây, mai đó, phiêu bạt khắp mọi nơi trên trái đất này, vì thế người ta mới gọi họ là dân lưu lạc. Họ nói rằng trái đất và mọi vật trên đời này đều xa lạ đối với họ. Còn cảnh sát thì cho họ là lũ dân nguy hiểm nên lùng bắt họ...

Mặc dù tôi sống rất khổ cực, nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao lại có thể từ bỏ hết mọi thứ được? Trong cuộc sống xung quanh tôi lúc bấy giờ có biết bao là những điều thú vị, thân thiết đối với tôi, cho nên chẳng bao lâu hình ảnh của Alêcxăng Vaxiliep cũng mờ nhạt dần trong trí óc tôi.

Nhưng đôi lúc, vào những giờ phút cay cực nhất, ông ta lại hiện ra trước mắt tôi: Ông ta đi băng qua

đồng, trên một con đường mờ xám, tới phía rừng, bàn tay “thư sinh”⁽¹⁾ trắng trẻo, lấy bầy đập đập chiếc gậy và lăm bắm:

- Tôi đi trên con đường thẳng, tôi không tiếp nhận cái gì cả! Hãy dứt bỏ hết mọi mối liên hệ...

Bên cạnh hình ảnh đó, tôi lại nhớ đến bố tôi, nhớ đến cảnh bà ngoại tôi năm mớ⁽²⁾ thấy người đang chống một chiếc gậy bằng gỗ đào, sau lưng là một con chó khoang thè lưỡi chạy theo...

(1) Nguyên văn: không lao động

(2) Xem chương XI Thời thơ ấu của Gorki.

XIII

Xưởng làm tượng thánh choán mất hai căn phòng của một ngôi nhà to, nền đá. Một phòng có ba cửa sổ trông ra sân và hai cửa sổ trông ra vườn. Còn phòng kia thì có một cửa sổ trông ra vườn và một cửa sổ trông ra đường phố. Các cửa sổ đều bé nhỏ, vuông vắn. Những tấm kính cửa sổ vì cũ quá nên nổi vân cả lên và miễn cưỡng để lọt vào xưởng một làn ánh sáng mờ mờ, tản mạn của những ngày đông.

Cả hai phòng đều chật ních những bàn là bàn. Sau mỗi bàn, có một hoặc hai người thợ vẽ tượng khom khom ngồi. Những quả cầu thuỷ tinh đầy nước treo trên trần, tập trung ánh đèn lại rồi toả những luồng ánh sáng trắng lạnh xuống những bức tượng gỗ vuông.

Trong xưởng nóng và ngột ngạt. Khoảng hai chục thợ vẽ tượng Chúa ở Palêkhơ, Khôlui, Moxtera(1)

(1) Tên những làng thuộc vùng Ivanôp, nổi tiếng vì có nhiều thợ vẽ tượng thánh giỏi. Hiện nay, những hoạ sĩ ở các làng trên cùng nổi tiếng ở nước Nga về phong cách vẽ dân tộc.

ngồi làm việc. Họ đều mặc sơ mi vải màu, cổ hở, quần lót chéo go, chân đi đất hoặc đi những đôi giày đã rách nát. Một màng khói xám, khét mùi thuốc lá rẻ tiền bay trên đầu đám thợ. Căn phòng sực mùi dầu gai, mùi sơn, mùi trứng ung. Một khúc hát buồn buồn của vùng Vladimira thong thả ngân lên như một dòng nhựa chảy.

Thời nay phong hoá suy đồi

Gái trai tình tự lả lơi giữa đường

Người ta còn hát nhiều bài hát khác cũng không lấy gì làm vui, nhưng bài này được hát nhiều hơn cả. Âm điệu ngân nga của bài hát không ngăn trở người ta suy nghĩ, cũng như đưa chiếc bút lông chôn nhỏ nhẩn trên bức tượng, tô màu vào những nếp áo, thêm những nếp nhăn đau khổ rất nhỏ trên khuôn mặt xương xẩu của các vị thánh. Lão thợ chạm Gôgôlep, một lão già nát rượu có chiếc mũi xanh to tướng ngồi gõ búa dưới cửa sổ. Tiếng búa khô khan xen đều đều với điệu hát uể oải như tiếng một găm gỗ.

Nghề vẽ tượng thánh này chẳng lôi cuốn được ai cả. Không biết kẻ thông thái độc ác nào đã xé vụn công việc thành ra một tràng động tác dài, vừa thiếu vẻ đẹp vừa chẳng kêu gọi được chút yêu thích, hứng thú nào đối với công việc cả. Bác thợ mộc lác mắt Panfin, một người độc ác và hay châm chọc, mang lại cho họ những tấm ván trắc bá, ván bồ đề dán đã bào nhẵn và đủ cỡ khác nhau. Anh thợ lao phổi Davidốp

phủ sơn lót nền, bạn của anh ta là anh Xôrôkin tô thêm màu. Anh Miliasin dùng bút chì vẽ theo bản mẫu. Lão Gôgôlep thếp vàng và khắc hình. Những thợ “phong cảnh” vẽ phong cảnh và quần áo. Sau đó tượng được xếp cạnh tường, không đầu, không tay, chờ “thợ mặt”.

Thật là khó chịu khi trông thấy những bức tượng lớn dùng để trang trí bàn thờ và những cửa giáo đường còn xếp cạnh tường, chưa có mặt mũi chân tay - chỉ rất những nếp viền hoặc những binh giáp và những chiếc áo ngắn của thiên sứ. Từ những tấm gỗ vẽ sặc sỡ đó toả ra một cảm giác chết chóc, không có gì có thể làm cho chúng sinh động lên được. Nhưng hình như vẻ sinh động đó đã có trước đây và đã biến mất một cách kỳ diệu và chỉ để lại những nét viền nặng nề.

Khi “thợ mặt” đã vẽ xong “thánh thể”, tượng được chuyển đến một anh thợ chuyên “đánh bóng” các hình chạm; chữ cũng do một thợ chuyên môn viết, còn sơn phủ thì do chính trưởng xưởng là bác Ivan Lariônôvits, một người tính tình điềm đạm làm.

Bác có khuôn mặt xám xám, chòm râu mảnh như tơ cũng màu xám; cặp mắt sáng của bác trông dường như sâu thẳm lạ lùng và đượm một vẻ buồn rầu ảo não. Bác cười rất tươi, nhưng không ai cười lại với bác vì họ cảm thấy lúng túng thế nào ấy. Bác giống như tượng thánh Ximêôn Xtônpnits - người cũng gây

còm, hốc hác như vậy và đôi mắt bất động của bác cũng nhìn qua mọi người và những bức tường về phía xa xăm một cách lơ đãng như vậy.

Tôi tới xưởng được vài ngày thì anh thợ vẽ phườn người Cô đặc vùng sông Đông tên là Kapendiukhin, một gã đẹp trai, lực lưỡng, say bí tỉ vào xưởng. Anh nghiện chặt răng, nheo cặp mắt hiền hậu như mắt đàn bà lại, rồi chẳng nói chẳng rằng, đánh tất cả mọi người bằng những cú thui nặng như sắt. Người tâm thước, cân đối, anh lỏng lộn trong xưởng như một con mèo giữa một hầm rượu đầy chuột. Mọi người cuống quýt nấp vào các góc nhà và quát nhau:

- Đánh đi!

Anh thợ chuyên vẽ mặt là Epgêni Xitanôp đã kịp dùng ghế đầu nện vào đầu tên điên cuồng hung hăng ấy. Anh chàng Cô đặc ngồi thụp xuống sàn. Người ta lập tức vật ngửa anh ta ra và dùng khăn mặt trời lại. Anh ta cắn xé khăn mặt như một con thú dữ. Thấy vậy anh Xitanôp nổi xung, nhảy lên bàn, co tay định nhảy xuống người anh Cô đặc. Người cao lớn, gân guốc, có lẽ anh đập vỡ ngực anh Kapendiukhin mất, nhưng vừa lúc đó thì bác Lariônôvits đội mũ, mặc áo khoác hiện ra bên cạnh anh. Bác giơ ngón tay dọa anh Xitanôp và bảo những người thợ, giọng bình tĩnh và dứt khoát:

- Mang hắn ra ngoài hành lang cho hắn tỉnh lại đã...

Người ta lôi anh Cô dắc ra khỏi xường, sắp xếp lại bàn ghế và lại ngồi làm việc. Họ trao đổi với nhau những nhận xét vắn tắt về sức lực của Kapendjukhin, đoán trước rằng sẽ có ngày anh ta bị đánh chết trong khi gây gỗ.

- Khó đánh hẳn chết lắm, - anh Xitanôp nói giọng rất thần nhiên như nói về một chuyện mình biết rất tường tận.

Tôi nhìn bác Lariônôvits và thắc mắc suy nghĩ: tại sao những con người lực lưỡng, dữ tợn này lại phục tùng bác dễ dàng vậy?

Bác thường chỉ dẫn cho mọi người cách làm việc, đến cả những người thợ giỏi nhất cũng vui vẻ nghe theo lời khuyên của bác. Bác chỉ bảo cho Kapendjukhin nhiều hơn và cẩn kẽ hơn so với những người khác.

- Kapendjukhin, chú tự cho mình là hoạ sĩ thì chú phải vẽ cho sinh động, theo phong cách Ý. Nghệ thuật vẽ sơn dầu đòi hỏi phải hoà hợp các màu ấm với nhau, thế mà chỗ này chú lại cho quá nhiều màu trắng, khiến mắt Đức Mẹ lạnh nhạt, thiếu hẳn thần sắc. Má thì hồng như quả táo, nhưng mắt thì lại trái hẳn so với má. Mà vẽ cũng không đúng nữa, một mắt nhìn vào chót mũi, một mắt hếch lên thái dương, thành ra không phải là một khuôn mặt thần thánh nữa mà là một khuôn mặt trần tục, lấu lỉnh. Chú không chịu suy nghĩ gì đến công việc của mình cả, chú Kapendjukhin ạ.

Anh Cô dắc vừa nghe vừa nhăn mặt. Sau đó anh cười một cách trơ trẽn với cặp mắt đàn bà và nói, giọng rất dễ thương hơi khàn khàn vì rượu:

- Chà, bố Ivan Lariônôvits ời, nghề này có hợp với con đâu! Con sinh ra để làm nhạc sĩ, thế mà lại phải làm anh thấy tu thế này!

- Có công mài sắt, có ngày nên kim...⁽¹⁾

- Không đâu, con là người như thế nào mới được chứ? Con chỉ cần là một gã đánh xe với ba con ngựa thôi, chà...

Rồi gân cổ lên, anh gào to thảm thiết:

*Ô...ôi, ta thắng vào xe
Ba con ngựa hồng thiên lý
Phóng nhanh trong đêm giá băng
Thắng tới nhà em yêu quý!*

Ivan Lariônôvits cười một cách dễ dãi, sửa lại kính trên chiếc mũ xám thiếu não rồi bỏ đi. Hàng chục giọng đồng thanh cất lên, ngân theo bài hát, hoà thành một dòng chảy hùng mạnh, như muốn nâng bổng cả xưởng lên không và nhịp nhàng đung đưa:

*Theo lối quen, ngựa đã biết
Nhà nàng ở nơi nao...*

Paska⁽²⁾ Ôđinxôp, thợ học việc cũng ngừng chuyên

(1) Nguyên văn: có cố gắng thì việc gì cũng làm được.

(2) Tức Paven, cách gọi thân mật.

lòng trứng, mỗi tay cầm một mảnh vỏ, miệng hát bè đệm với một giọng cao vút hay tuyệt.

Say sưa với âm thanh, mọi người quên tất cả, như thở chung một lồng ngực, sống chung một tình cảm và đều liếc nhìn theo dõi anh Côđắc. Khi anh hát, cả xưởng đều xem anh như thủ lĩnh của mình. Mọi người đều hướng về anh, theo dõi nhịp tay phóng khoáng của anh. Anh dang cánh tay ra như người muốn bay bổng. Tôi tin chắc rằng nếu đột nhiên anh ngừng hát và quát lên: “Đập phá tất cả đi!” thì mọi người, kể cả những người thợ đứng đắn nhất, đều có thể đập phá tan tành cả xưởng ra trong giây phút.

Kapendiukhin không hay hát, nhưng sức mạnh của những bài hát sôi nổi của anh bao giờ cũng quyến rũ và lấn át tất cả. Dù mọi người đang ở trạng thái nặng nề đến thế nào, anh cũng kích thích được họ và làm cho họ phấn khởi hẳn lên, mọi người đều trỗi dậy và trở thành một sức mạnh ào ạt giữa bao nhiêu tình cảm nồng cháy đang hòa với nhau.

Những bài hát đó gọi lên trong lòng tôi một cảm giác háo hức ganh tị với người hát, với cái quyền lực to lớn của anh trước mọi người. Một cái gì cảm động, bồi hồi lan tràn vào tim tôi, làm giãn nở ra đến nhức nhối. Tôi muốn khóc lên, muốn kêu lên to với đám người đang hát kia:

“Tôi yêu các người lắm!”

Anh David ôp lao phổi, da vàng vọt, người lờm chờm những lông cùng lá, cũng há miệng giống hệt như một con quạ đen nhỏ vừa mới phá vỏ trứng chui ra.

Chỉ khi nào anh Cô dắc bắt đầu cất giọng, mọi người mới hát những bài hát vui vẻ, hùng tráng. Nếu không thì họ ngân nga những bài buồn buồn “Thời nay phong hóa suy đồi”, “Trong khu rừng nho nhỏ” hoặc về cái chết của vua Alêcxăng đệ nhất: “Alêcxăng của chúng ta duyệt binh”.

Đôi khi, theo đề nghị của bác Jikharep trạc bốn mươi lăm tuổi, người gầy gò, đầu hói, có một vành tóc đen quăn như tóc dân Txigan, cặp lông mày đen, to như ria mép. Chòm râu rậm tía nhọn tô điểm thêm cho khuôn mặt thanh tú, ngăm ngăm đen không giống người Nga của bác. Những bộ ria cứng nhô ra dưới chiếc mũi gầy đâm ra thừa dưới cặp lông mày. Đôi mắt xanh của bác không đồng đều: mắt trái to hơn mắt phải một cách rõ rệt.

- Paska! - bác quát thẳng bạn học việc của tôi bằng một giọng nam cao, - nào, mày bắt đầu đi: “Hãy ngợi ca!”. Các bạn, chú ý nhé!

Paska chùi tay vào tạp dề, cất tiếng hát:

- “Hãy ngợi.... ca....a...”

- “... da....anh Chúa” một vài giọng cất lên hòa theo, nhưng bác Jikharep đã hoảng hốt kêu lên:

- Epgêni, hát thấp xuống! Phải hạ giọng xuống tận đáy lòng...

Anh Xitanôp bỗng rống lên ồm ồm như người gõ thùng:

- "Hỡi b....ây tôi của Chúa"...

- Không phải thế! Chỗ này phải bắt vào như thế nào để cho đất đai rụng chuyển cả lên, để cho tất cả các cửa ra vào, các cửa sổ phải mở toang cả ra!

Bác Jikharep toàn thân nhún nhảy trong một trạng thái kích động khó hiểu. Cặp lông mày kỳ diệu của bác dướn lên, nhúu xuống trên trán. Giọng bác lặc đi, những ngón tay của bác như đang gảy một chiếc đàn guxli⁽¹⁾ vô hình..

- Lũ bầy tôi của Chúa - hiểu chưa? - bác nói, giọng bao hàm nhiều ý nghĩa - Phải hiểu điều đó không những chỉ qua vỏ ngoài mà tận trong tâm can nữa. Lũ b...ây tôi, hãy ngợi ca Chúa! Có thể mà các cậu không hiểu sao?

- Bác đã thấy đấy, không bao giờ chúng ta hát nổi đâu, - anh Xitanôp lễ phép nói.

- Ừ, thì thôi vậy!

Bác Jikharep giận dỗi tiếp tục làm việc. Bác là một người thợ giỏi có thể vẽ được các kiểu mặt theo phong cách Bizanxơ, Pháp, theo phong cách nghệ thuật Ý. Khi nhận những đơn đặt tượng cho bàn thờ, bác Lariônôvits đều hỏi ý kiến bác Jikharep vì bác

(1) Một loại đàn dây cổ.

này rất sành về tượng cổ. Mọi phiên bản đất tiền về các tượng thánh của Đức Mẹ Fêôđôrôp, Xmôlen, Kazan mẫu nhiệm và các tượng khác đều qua bàn tay của bác cả. Nhưng vừa loay hoay với những nguyên tắc, bác vừa lầu bầu âm lên:

- Những nguyên bản này bó tay ta quá! Phải nói thẳng là: chúng trối tay mình lại!

Tuy giữ một vai trò quan trọng trong xưởng, bác ít kiêu căng hơn những người khác. Đối với học trò - với tôi và với Paven - bác rất âu yếm. Bác muốn dạy nghề cho chúng tôi, điều mà ngoài bác ra không ai nghĩ tới cả.

Bác là người khó hiểu. Nói chung thì tính bác không vui, đôi khi bác làm việc lặng lẽ hàng tuần như người câm. Bác nhìn mọi người với vẻ ngạc nhiên và xa lạ như lần đầu tiên mới gặp họ. Và tuy bác rất thích hát, nhưng trong những ngày đó bác không hát, thậm chí hầu như bác không nghe thấy tiếng hát nữa. Mọi người vừa nháy nhau về phía bác, vừa chú ý theo dõi bác. Bác gò lưng trên bức tượng đặt nghiêng trên đầu gối, phần giữa bức tượng tựa vào thành bàn. Chiếc bút lông nhỏ của bác nắn nốt tô vẽ khuôn mặt mờ tối, xa lạ, cũng xa lạ và mờ tối như chính bản thân bác.

Bỗng nhiên bác thốt lên, giọng rành rọt, bức tức:

- Tiền nhân là cái gì? Tiếng cổ thì tiền có nghĩa là trước. Tiền nhân là người lớp trước, có phải thế không?...

Không khí trong xưởng bỗng lắng xuống. Mọi người tùm tùm cười liếc nhìn bác Jikharep, còn trong không gian vẫn văng lên những câu nói kỳ lạ:

- Phải vẽ ông ta có cánh chứ không phải là mặc áo da cừu...

- Bác nói với ai đấy? - người ta hỏi bác.

Bác lặng thinh vì không nghe thấy câu hỏi hoặc vì không muốn trả lời. Rồi những lời nói của bác lại rơi tòm vào khoảng không lặng lẽ đang chờ đợi đó:

- Cần phải biết sự tích các thánh, nhưng ai biết những sự tích ấy? Chúng ta biết được những gì? Chúng ta sống thật quá tầm thường... Còn đâu là tâm hồn? Tâm hồn ở đâu rồi? Nguyên bản thì có đấy, nhưng trái tim thì không...

Những suy nghĩ nói lên thành tiếng đó khiến mọi người, trừ anh Xitanốp ra, đều mỉm cười vẻ giễu cợt; hầu như lúc nào cũng có một người nào đó đắc ý thâm thì:

- Thứ bảy này lại rượu chết thôi...

Anh Xitanốp, một thanh niên khoảng hai mươi hai tuổi, cao lớn, gân guốc, có khuôn mặt tròn trĩnh, mày râu nhẵn nhụi, dăm dăm nhìn vào góc nhà với một vẻ nghiêm trang buồn bã.

Tôi còn nhớ sau khi sao xong hình Đức Mẹ lên bàn để đem đến Kungua thì phải, bác Jikharep đi bức tượng lên bàn và nói to, giọng cảm động:

- Thế là xong tượng Đức Mẹ! Mẹ như một chiếc cốc, một chiếc cốc không đáy, trong đó những giọt nước mắt tâm tình cay đắng của loài người bây giờ sẽ nhỏ vào...

Rồi quàng lên vai chiếc áo khoác của một người nào đó, bác đi đến quán rượu. Đám thanh niên huyết sáo, cười âm ỉ. Những người đứng tuổi thở dài tị nạnh nhìn theo bác. Còn anh Xitanôp thì đến cạnh bức tượng, nhìn chăm chú và nói:

- Tất nhiên là bác ấy sẽ uống chết thôi vì phải nộp mất một công trình này thật đáng tiếc. Lòng tiếc rẻ ấy dễ mấy người có được...

Những trận uống tuý lúy của bác Jikharep thường bắt đầu vào những ngày thứ bảy. Phải nói rằng đó không phải là cái bệnh thông thường của một tay nghiện chuyên nghiệp. Việc đó bắt đầu như sau: buổi sáng bác viết một mẫu giấy và sai Paven mang đi, rồi tới trước bữa ăn trưa, bác nói với bác Lariônôvits:

- Hôm nay tôi đến nhà tắm đây.

- Có lâu không?

- Còn nhờ Chúa...

- Thôi được, nhưng không được muộn quá thứ ba đây!

Bác Jikharep gật gật cái sọ nhẵn nhụi ra chiều đồng ý; cặp lông mày của bác rung rung.

Ở nhà tắm về, bác đóng bộ, đeo *plaxtrông*, buộc khăn chéo vào cổ, thả một dây chuyền bạc dài trên chiếc áo gi-lê xa-tanh rồi lặng lẽ bỏ đi, sau khi bảo tôi và Paven:

- Chiều nay dọn xường cho sạch sẽ nhé. Cái bàn lớn kỳ cọ và rửa ráy cẩn thận vào!

Mọi người đều có vẻ hơn hớn như trong ngày hội. Họ chỉnh tề hơn mọi ngày, chải chuốt quần áo, tắm tấp và ăn bữa chiều rất nhanh. Bác Jikharep đến sau bữa ăn chiều với những gói đồ nhắm, rượu vang và bia. Theo sau bác là một người đàn bà tầm vóc cao lớn một cách kinh khủng. Mụ cao chừng hai mét⁽¹⁾. Tất cả những ghế tựa, ghế đẩu của chúng tôi đều trở thành những thứ đồ chơi bên cạnh mụ. Người mụ rất cân đối, nhưng ngực mụ như một quả đồi nhô lên phía cầm. Mụ cử động chậm chạp, vụng về. Mụ trạc ngoài bốn mươi tuổi, nhưng khuôn mặt trẻ trẻ và tròn trĩnh, với cặp mắt to như mắt ngựa còn tươi mịn; cái miệng nhỏ của mụ như được vẽ trên mặt một con búp bê rẻ tiền. Mụ mỉm cười yếu điệu chìa bàn tay lớn và ấm áp cho mọi người và nói những câu chẳng đâu vào đâu cả;

- Chào anh. Hôm nay lạnh lắm. Nhà các anh khó thở quá. Đó là mùi sơn đầy mà. Chào anh.

(1) Nguyên văn: Mụ cao chừng hai acsin cộng thêm với mười hai vecsôc nữa. (Một acsin bằng 0,71m; một vecsôc bằng 4,4cm - đơn vị đo lường của nước Nga cổ).

Trông mẹ với vẻ lực lưỡng và điềm đạm như một dòng sông tràn trề nước thì cũng thấy hay hay, nhưng nghe mẹ nói thì chán đến phát buồn ngủ; những câu nói của mẹ đều vô vị và dễ làm người ta chán. Trước khi thốt lên một tiếng, mẹ làm ra vẻ trịnh trọng, đôi má hầu như đỏ tía của mẹ căng phồng thêm.

Đám thanh niên cười khẩy, rĩ tai nhau:

- Thật là một cái tàu hỏa⁽¹⁾ nhé!

- Cứ như cái gác chuông ấy!

Mẹ chúm môi lại, khoanh tay dưới ngực, ngồi vào bàn đã bày sẵn thức ăn, bên cạnh chiếc ấm xamôva và lần lượt nhìn mọi người bằng cặp mắt hiền lành.

Mọi người đối với mẹ có vẻ kính cẩn, đám thanh niên có phần hơi sợ mẹ là khác; một chàng nhìn cái thân hình to lớn của mẹ với một vẻ thèm thuồng, nhưng khi cặp mắt của anh ta bắt gặp cái nhìn ôm áp mơn trớn của mẹ, anh lại ngượng nghịu nhìn xuống. Bác Jikharep cũng kính nể bà khách, gọi mẹ là “bà chị”, là kumuska⁽²⁾. Khi mời mẹ ăn, bác cúi đầu thấp xuống.

- Ông cứ yên tâm - mẹ ngọt ngào nói giọng kéo dài, - ông cứ phải lo lắng làm gì thế, thật đấy!

Chính bản thân mẹ cũng chậm chạp, cánh tay mẹ cử động chỉ từ khuỷu đến bàn tay, còn khuỷu tay

(1) Nguyên văn: cái máy

(2) Mẹ đỡ đầu cho con mình.

thì khép chặt vào sườn. Người mẹ tỏa ra mùi men nồng nồng của bánh mì nóng.

Lão Gôgôlep lấp bắp vì khoái trá, ca ngợi sắc đẹp của người đàn bà, trông lão hết như người thầy phụ lễ đọc kinh. Mẹ vừa nghe vừa tủm tỉm cười, vẻ hiền hậu. Gặp lúc lão nói câu nọ xọ câu kia mẹ bèn nói về mình:

- Cái hồi tôi còn con gái, chúng tôi cũng không đẹp đâu. Đó là nhờ cái cuộc đời phụ nữ của chúng tôi mà mỗi ngày một khá thêm. Khoảng năm ba mươi tuổi, chúng tôi đã nổi tiếng đến nỗi nhiều nhà quý tộc phải chú ý tới. Có một ông quan huyện đã hứa hẹn một cỗ xe song mã...

Kapendjukhin say ngật ngưỡng, đầu tóc rối bù, nhìn mẹ vẻ căm thù và thô bạo hỏi:

- Vì cái gì mà hứa hẹn?

- Tất nhiên là vì tình yêu của chúng tôi, - bà khách giải thích.

- Tình yêu, - Kapendjukhin bối rối, lầu bầu nói - tình yêu gì ở đây?

- Anh là một con người bánh trai thế kia thì còn lạ gì tình yêu nữa - người đàn bà nói một cách thản nhiên.

Cả xưởng rung chuyển lên trong tiếng cười âm ỉ, còn anh Xitanốp thì cầu nhàu nói với Kapendjukhin:

- Mẹ ngọc, không hơn không kém! Ai mà chẳng thấy, chỉ khi nào chán trường quá quắt lắm người ta mới có thể yêu được mẹ ta thôi...

Rượu vang làm cho mặt anh trắng nhợt ra, trên thái dương anh mồ hôi chảy lấm tấm như những hạt trai, cặp mắt thông minh của anh như bồi hồi bốc lửa. Còn ông lão Gôgôlep thì vừa dùng đưa chiếc mũi xấu xí, vừa lau nước mắt hỏi:

- Chị được mấy cháu rồi?

- Dạ, chúng tôi trước đây có một cháu...

Một chiếc đèn treo trên bàn; sau góc lò sưởi là một chiếc khác. Chúng tỏa sáng một cách yếu ớt; những bóng đen tụ lại ở các góc xường, nơi có những hình thù cụt đầu, vẽ dở dang nhìn ra. Trên những đốm xám phẳng phiu ở chỗ lế ra phải có tay và đầu đó, như phảng phất một điều gì ghê rợn, khủng khiếp hơn mọi ngày. Đường như thân hình của các thánh bỗng tan mất một cách kỳ ảo sau đám quần áo sơn vẽ kia và biến khỏi căn hầm này. Những quả cầu thủy tinh được rút lên sát trần nhà và treo trên móc. Chúng nằm giữa đám khói dày đặc như mây phủ và óng ánh một màu xanh biếc.

Bác Jikharep lảng xảng đi lại quanh bàn, mời mọc mọi người. Chiếc sọ nhẵn nhụi của bác lúc nghiêng xuống người này, lúc cúi xuống người khác, những ngón tay thon nhỏ của bác luôn luôn như đang gảy đàn. Bác gảy hân đi, chiếc mũi hung dữ của bác như nhọn thêm ra. Khi bác đứng nghiêng về phía đèn, trên má bác hiện lên bóng đen sì của chiếc mũi.

- Các bạn, ăn uống đi chứ, - bác nói, giọng nam cao ngân nga như tiếng chuông.

Còn bà khách thì nói thánh thót, giọng đảm đang:

- Có gì mà phải lo, ông dượng? Ai chả có tay, muốn ăn gì tùy thích. Hơn nữa, có muốn ăn bây giờ cũng không ai ăn được nữa rồi.

- Hãy nghỉ đã, các bạn ơi! - bác Jikharep kêu lên, vẻ kích động, - các bạn thân mến của tôi, tất cả chúng ta đều là bầy tôi của Chúa cả, vậy thì chúng ta hãy cùng nhau hát bài "Hãy ngợi ca danh Chúa" nhé.

Bài hát không thành: mọi người đều chệnh choáng say vì rượu và đồ nhắm. Kapendiukhin cầm chiếc đàn phong cầm có hai dây nút bấm trên tay. Anh Victo Xalantin, một người thợ trẻ, đứng đắn và đen đũi như một chú quạ con, lấy chiếc trống cơm và rê ngón tay trên lớp da căng. Mặt trống rền lên một âm thanh bùng bùng, những chiếc chuông leng keng inh ỏi.

- Chơi một bài Nga, - bác Jikharep ra lệnh, - Kumuska, xin mời bà chị!

- A, - mục đàn bà đứng dậy, thở dài, - sao ông cứ phải bận tâm thế!

Mục bước ra chỗ trống và đứng ở đấy vùng vằng như một cái tháp. Mục mặc váy nâu rộng, áo cộc vàng bằng vải mịn, đầu trùm một chiếc khăn đỏ chói.

Tiếng đàn phong cầm nghe dồn dập ngân vang, chuông kêu leng keng. Mặt trống phát ra một âm thanh nặng nề như tiếng thở dài khàn khàn nghe

thật là khó chịu: dường như có một người điên đang kêu la, nức nở và đập trán vào tường.

Bác Jikharep không biết nhảy. Bác chỉ chạy lon ton, giậm giậm gót đôi ủng đã được lau chùi bóng loáng, nhảy lên như con dê mà vẫn không sao đúng nhịp với điệu nhạc kích động. Chân bác như chân gỗ chắp vào, người bác uốn éo một cách xấu xí, bác lồng lộn như con ong bò vẽ vương mạng nhện hay như con cá bị sa lưới, trông thật chẳng vui vẻ tí nào. Nhưng mọi người, cho đến cả những người say bí tỉ, đều chăm chú nhìn cơn động kinh của bác: họ lặng lẽ theo dõi tay và mặt bác. Bác biểu diễn khuôn mặt mình một cách tuyệt diệu, lúc thì dịu dàng, ngượng ngịu, lúc thì bỗng trở nên kiêu hãnh và cau mày lại một cách nghiêm khắc. Có lúc bác như kinh ngạc vì một điều gì đấy, kêu lên, nhắm mắt lại trong giây phút, khi mở mắt ra khuôn mặt bác lại trở nên buồn rầu, ảo não. Tay nắm lại thành củ thui, bác rón rén đến phía người đàn bà rồi bỗng giậm chân một cái và quỳ xuống trước mộ. Tay bác dang rộng ra, lông mày giương lên, bác mỉm cười hiền hậu. Mộ nhìn bác từ trên xuống dưới với một nụ cười hảo tâm và bình tĩnh báo trước.

- Ông dưỡng ời, ông sẽ mệt đấy!

Mộ cố lim dim mắt một cách duyên dáng, nhưng cặp mắt to bằng đồng xu⁽¹⁾ của mộ không khép lại

(1) Nguyên văn: ba kôpêch.

được, và khuôn mặt nhăn nhó của mụ nom thật khó coi.

Mụ cũng không biết nhảy mà chỉ lúc lắc tấm thân đồ sộ của mình một cách chậm chạp và lặng lẽ xê dịch tấm thân đó từ chỗ này sang chỗ khác. Tay trái mụ cầm chiếc khăn và uể oải phe phẩy. Tay phải của mụ chống vào sườn. Tư thế đó khiến cho mụ giống như một chiếc bình khổng lồ có quai.

Còn bác Jikharep thì cứ vừa đi lại xung quanh pho tượng đá đó, vừa thay đổi nét mặt một cách trái ngược nhau. Hầu như không phải là một người nhảy mà là hàng chục người khác nhau: người này thì dịu dàng, ngoan ngoãn; người kia thì cáu kỉnh, dọa nạt; người thứ ba thì như sợ hãi một điều gì đó, vừa la khe khẽ, vừa muốn lên chuồn khỏi người đàn bà to lớn, khó chịu này. Và kia là người nữa, anh ta nhe răng ra và khom lưng run rẩy như một con chó bị thương. Điệu nhảy xấu xí, tẻ ngắt đó khiến tôi chán ngán vô cùng; nó thức tỉnh lại những ký ức không lấy gì làm tốt đẹp lắm về những người lính, những mụ bếp và đám thợ giặt, những chuyện bù khú đồi tệ.

Những lời nói nhỏ nhỏ của anh Xiđôrôp lại vang lên trong óc.

“Trong việc này, mọi người đều lừa dối nhau tuốt. Đó là một việc mà ai cũng thấy hổ thẹn. Có người nào yêu người nào đâu, chẳng qua chỉ là trò đùa đầy thôi...” “Tôi không muốn tin rằng “mọi người đều lừa

đối nhau trong việc này” nếu như vậy thì Nữ hoàng Macgô sẽ như thế nào? Và tất nhiên, bác Jikharep cũng không lừa dối rồi. Tôi cũng biết anh Xitanôp đã yêu một cô gái “giang hồ”; cô này truyền cho anh một cái bệnh thật ô nhục, nhưng anh không vì điều ấy mà đánh đập cô ta như bạn bè khuyên nhủ, mà lại thuê cho cô ta căn phòng, chữa chạy cho cô ta và bao giờ cũng nói về cô ta bằng một giọng thật vô cùng dịu dàng lúng túng.

Người đàn bà to lớn vẫn lắc lư, cười một cách nhạt nhẽo, tay vẫy vẫy chiếc khăn. Bác Jikharep vẫn nhảy nhót run rẩy xung quanh mộ. Tôi nhìn và nghĩ bụng: lẽ nào bà Eva lừa dối cả Chúa Trời mà lại giống như con ngựa này chẳng? Và tôi thấy ghét mộ cay đắng.

Những bức tượng thánh cụt đầu dựng bên các tường tối om nhìn ra. Bóng đêm nép sát mình vào các tấm kính cửa sổ. Đèn cháy lù mù trong khoảng không ngọt ngọt của gian xương.

Nếu chú ý lắng tai nghe thì sẽ thấy, giữa tiếng chân nặng nề, giữa những tiếng nói ồn ào, tách riêng ra tiếng nước nhỏ mau từ chậu rửa mặt bằng đồng xuống thùng nước rác.

Tất cả những cảnh tượng trên chẳng giống chút nào với cuộc sống mà tôi đọc trong sách. Hoàn toàn chẳng giống một chút nào cả. Cuối cùng mọi người cũng đều cảm thấy chán. Kapendiu khin vứt phong cầm vào tay Xalantin và quát lên:

- Chơi đi! Nhanh lên!

Anh nhảy giống anh Vanka Txuganôc⁽¹⁾, người như bay trong không khí. Sau đó đến Paven Ôđinxôp và anh Xôrôkin nhảy rất hăng, rất khéo. Anh Davidôp lao phối cũng rê chân trên sàn và ho húng hắng vì bụi, mùi rượu mạnh, mùi xúc xích lúc nào cũng có mùi như mùi da thuộc.

Họ nhảy, họ hát, họ la hét, nhưng ai cũng nhớ rằng mình đang vui chơi. Tựa hồ như họ thi với nhau, một cuộc thi tài khéo léo và dẻo dai.

Anh Xitanôp say chệnh choáng, hỏi hết người này đến người khác:

- Có thể nào yêu được người đàn bà như thế kia, hả?

Có lẽ anh sắp khóc oà lên mất.

Bác Lariônôvits nhô chiếc xương vai nhọn lên trả lời anh:

- Đàn bà nào chả là đàn bà, mày muốn gì cơ chứ?

Những người được nói đến dần dần biến đi đâu mất cả. Khoảng hai, ba ngày sau, bác Jikharep mới lại trở về xưởng. Bác sẽ đến nhà tắm, sau đó hàng nửa tháng bác lại sẽ lặng lẽ ngồi làm việc trong góc của mình, vẻ quan trọng, xa lạ với mọi người.

- Họ đi rồi à? - Anh Xitanôp tự hỏi và đưa cặp mắt xám xanh buồn bã xem xét khu xưởng. Khuôn

(1) Xem chương II, chương III Thời thơ ấu của Gorki.

mặt anh không đẹp, trông hơi già, nhưng cặp mắt của anh thì trong sáng và hiền hậu.

Anh Xitanôp đối với tôi rất thân thiết. Đó cũng là nhờ quyển vở dày của tôi, trong đó có chép những bài thơ. Anh không tin Chúa, nhưng cũng khó mà biết được rằng trong xưởng này ai là người tin yêu Chúa, trừ bác Lariônôvits ra. Mọi người đều nói về Chúa với một vẻ hời hợt, giễu cợt như khi họ nói về bà chủ. Tuy vậy khi ngồi ăn cơm trưa và chiều, mọi người đều làm dấu, khi đi ngủ họ cầu nguyện, ngày lễ họ vẫn tới nhà thờ.

Anh Xitanôp không làm gì trong số những điều kể trên nên người ta cho anh là vô đạo.

- Chẳng có Chúa đâu, - anh nói.

- Thế thì mọi vật do đâu mà có?

- Tôi không biết...

Khi tôi hỏi anh tại sao lại không có Chúa, anh giảng giải:

- Thế này nhé: Chúa thì cao siêu như thế này này!

Anh giơ cánh tay dài lêu nghêu lên trên đầu, sau đó hạ thấp tay xuống cách mặt sàn chừng một acsin, rồi nói:

- Còn con người thì thấp hèn như thế này này! Có đúng không? Thế mà lại nói rằng "con người được tạo nên theo hình dáng giống Chúa" như mày đã biết đấy! Thế lão Gôgôlep thì giống cái gì nào?

Lý lẽ đó của anh đã thuyết phục được tôi: lão Gôgôlep bán thịt và nát rượu, tuy đã già rồi mà vẫn còn giữ tật thủ dâm. Tôi lại nhớ đến anh lính người vùng Viatka, gã Ecmôkhin, bà dì Matriôna, họ có những gì giống Chúa?

- Con người đều một loại chó lợn cả, điều đó đã rõ rồi, - anh Xitanôp nói như vậy, nhưng lập tức lại an ủi tôi:

- Chẳng sao, Macximits ạ, còn có những người tốt nữa chứ!

Nói chuyện với anh thật là thoải mái, giản đơn. Khi không biết điều gì, anh thành thật nói:

- Tao không biết, không hề nghĩ gì đến chuyện ấy bao giờ!

Đó cũng là một điều khác thường, vì trước khi gặp anh, tôi chỉ thấy toàn những người cái gì cũng biết, chuyện gì cũng nói đến được.

Tôi lấy làm lạ khi thấy trong quyển vở của anh, bên cạnh những bài thơ hay, làm xúc động lòng người, có nhiều bài thơ bán thịt, khiến đọc lên phải xấu hổ lây. Khi tôi nói với anh về Puskin, anh chỉ vào bài *Gavriliada* mà anh đã chép vào vở...

- Puskin thì có nghĩa lý gì ? Ông ta chỉ là một người thích bông đùa thôi, chứ còn Bê-nê-đictôp⁽¹⁾ này mới thật đáng chú ý, Macximits ạ!

(1) Nhà thơ Nga vào những năm thứ ba mươi của thế kỷ 19. Những tác phẩm của Bê-nê-đictôp bị nhà phê bình Bêlinxki phê phán là vô vị tầm thường.

Rồi anh nhắm mắt lại, khẽ đọc:

Hãy ngắm nhìn cô em xinh đẹp

Bộ ngực mê hồn gợi đắm say...

Và không hiểu tại sao, anh lại đặc biệt nhấn mạnh đến ba câu sau và đọc lên với vẻ vui sướng kiêu hãnh:

Nhưng đến cả đại bàng cũng chịu

Không nhìn qua được cửa thâm nghiêm,

Để mà xem tận cùng trái tim...

- Có hiểu không?

Tôi rất lúng túng thú nhận rằng mình không sao hiểu được điều đã làm anh vui sướng như vậy.

XIV

Nhiệm vụ của tôi ở xưởng không có gì là phức tạp: sáng sớm khi tất cả mọi người còn ngủ, tôi phải chuẩn bị ấm xamôva cho anh em thợ; trong khi họ uống trà ở bếp, tôi cùng với Paven thu dọn xưởng và chuyên lòng đỏ riêng khỏi lòng trắng trứng để pha màu, sau đó tôi đi ra cửa hiệu. Buổi tối người ta bắt tôi tán nhỏ thuốc màu và “làm quen” với nghề nghiệp. Lúc đầu tôi “làm quen” rất hứng thú, nhưng chẳng bao lâu tôi hiểu rằng hầu hết tất cả những người theo đuổi cái nghệ thuật đã bị phân chia ra làm nhiều mảnh như thế nào đều không thích nghề đó và khổ sở đến phát ngấy lên được.

Các buổi tối tôi được rỗi, tôi kể cho mọi người về cuộc sống ở trên tàu thủy, tôi kể cả những câu chuyện khác nhau trong sách vở và vô hình chung tôi đã giữ một địa vị đặc biệt trong xưởng - địa vị người kể chuyện và đọc sách.

Chẳng bao lâu tôi hiểu rằng tất cả những người này đều thấy ít và biết ít hơn tôi; hầu hết ngay từ

khi còn nhỏ họ đã bị giam chân trong một cái lồng nghề nghiệp chật hẹp và từ đó cứ bị nhốt trong ấy. Cả xưởng chỉ có một mình Jikharep là đã đến Maxcova, bác nói về thành phố đó với một giọng oai vệ và cau có:

- Maxcova không tin ở những giọt nước mắt đau, ở đấy phải cần thận!

Tất cả những người còn lại mới đến có Suia, Vlađimia. Khi nói đến Kazan, họ hỏi tôi:

- Ở đấy có nhiều người Nga không? Có nhà thờ không?

Theo họ thì Penmơ ở tận Xibêri, họ không tin rằng xibêri lại ở phía bên kia dãy Uran.

- Người ta chở cá vược và cá chiên của Uran từ đấy lại, từ biển Kaxpiên lại phải không? Như vậy là Uran thuộc miền biển!

Đôi khi tôi tưởng họ chế giễu tôi, họ nói nước Anh nằm ở phía bên kia đại dương, còn Bônapactơ thì vốn xuất thân từ dòng dõi quý tộc ở Kaluga. Khi tôi kể cho họ những điều tai nghe mắt thấy, họ không tin tôi lắm, nhưng mọi người đều thích những câu chuyện khủng khiếp và rắc rối. Ngay cả những người đứng tuổi cũng rõ ràng là thích chuyện bịa đặt hơn chuyện thật.

Tôi thấy rõ rằng những sự việc càng vô lý bao nhiêu, người ta càng chú ý nghe bấy nhiêu. Nói chung,

thực tại không cảm kích được họ, tất cả đều nhìn về tương lai với con mắt mơ màng, không muốn nhìn đến sự nghèo nàn và xấu xa của hiện tại.

Điều đó càng làm cho tôi ngạc nhiên hơn, tôi cảm thấy rất rõ những mâu thuẫn giữa thực tế và sách vở. Trước mặt tôi là những con người sinh động, trong sách vở không thấy những con người như vậy: không thấy bác Xmurui, anh thợ đốt lò Iakôp, ông già chạy lăng xăng Alêcxăng Vaxiliep, bác Jikharep, chị thợ giặt Natalya...

Trong hòm của Davidôp có tập truyện ngắn của Gôlitxinxki đã rách nát, cuốn *Ivan Vujigin* của Bugarin, cuốn sách nhỏ của Nam tước Brambêut⁽¹⁾. Tôi đã đọc to tất cả những cuốn sách nhàu nát đó cho mọi người nghe, họ đều rất thích. Bác Lariônits bảo:

- Việc đọc sách đẹp được những cuộc cãi cọ và tán nhảm, - cái đó tốt lắm!

Tôi liền lo đi kiếm sách; thỉnh thoảng tôi đã tìm ra và hầu như tối nào cũng đọc. Thật là những buổi tối tuyệt diệu; trong xưởng im lặng như đêm khuya, phía trên bàn có treo những đèn thủy tinh hình cầu như những ngôi sao vừa trắng vừa lạnh; tia sáng của chúng chiếu vào những chiếc đầu hói Hoạc rồi bù đang cúi gằm sát xuống bàn. Tôi trông thấy những khuôn mặt trầm lặng, đăm chiêu. Thỉnh thoảng lại

(1) Các nhà văn phản động viết theo thị hiếu của đám tiểu thị dân.

có người thốt lên một tiếng khen nhân vật hoặc tác giả cuốn sách. Mọi người đều chăm chú và dịu dàng, trông khác hẳn trước đây; tôi rất thích họ trong những giờ phút đó, và họ đối với tôi cũng rất tốt, tôi cảm thấy trong người thoải mái dễ chịu.

- Có sách vở ở chúng ta đây đã trở nên như mùa xuân, khi lần đầu tiên những cửa sổ mùa đông được mở toang ra cho không khí trong sạch tràn vào, - có lần Xitanôp đã nói như vậy.

Kiểm được sách không phải chuyện dễ; chẳng ai nghĩ tới chuyện ghi tên đọc sách ở thư viện cả. Nhưng dù sao thì tôi cũng dùng mọi cách khéo, nài xin khắp nơi như xin của bố thí, và vẫn kiếm được những cuốn sách nhỏ. Một hôm ông đội trưởng đội chữa cháy cho tôi một tập sách của Lecmôntôp⁽¹⁾, và lúc đó tôi mới cảm thấy sức mạnh của thơ ca, ảnh hưởng lớn lao của nó tới mọi người như thế nào.

Tôi nhớ là ngay từ khi mới đọc những dòng đầu của bản trường ca Con quỉ, Xitanôp liền nhìn vào cuốn sách, sau đó nhìn vào mặt tôi. Anh đặt bút lông trên bàn, nhét hai tay dài ngoằng ngoằng vào giữa hai đầu gối, người lắc lư, miệng mỉm cười. Chiếc ghế ở phía dưới anh kêu cọt kẹt.

- Im lặng nào, các cậu - Bác Lariônits nói rồi cũng bỏ việc đi đến chỗ bàn của Xitanôp, nơi tôi ngồi

(1) Nhà thơ Nga (1814-1841).

đọc. Bản trường ca làm tôi xúc động say sưa và ghen ngào, giọng của tôi thường bị ngắt quãng, tôi nhìn không rõ những câu thơ, nước mắt cứ trào ra. Nhưng cảm động hơn nữa là sự đi lại im lặng và rón rén trong xưởng, mọi người từ từ quay lại, dường như có một miếng nam châm hút họ tới chỗ tôi. Khi tôi đọc xong phần đầu, hầu hết anh em thợ đều đứng xung quanh bàn, tựa sát vào nhau, ôm nhau, tươi cười hoặc trang nghiêm.

- Đọc đi, đọc đi - bác Jikharep vừa nói vừa ấn đầu tôi xuống cuốn sách.

Tôi đọc xong, bác giăng lấy cuốn sách, nhìn tên nó rồi cặp vào nách và tuyên bố:

- Cuốn sách này cần phải đọc lại một lần nữa! Ngày mai cháu lại đọc. Để bác giấu cuốn sách cho.

Bác đem Lecmôntôp cất vào trong ngăn kéo bàn của bác rồi lại bắt tay vào công việc. Trong xưởng im lặng; mọi người rón rén trở về chỗ của mình. Xitanôp lại gần cửa sổ, tựa trán vào kính và chờ ra, còn bác Jikharep thì đặt bút lông xuống và nói, giọng nghiêm nghị:

- Thế mới là sống chứ, ôi, những bấy tôi của Chúa Trời!...

Bác khẽ nhún vai, giấu đầu xuống rồi tiếp tục:

- Thậm chí tôi có thể vẽ được con quỉ: mình đen và đầy lông lá, cánh đỏ như lửa - Màu hồng đơn, còn

mặt mũi chân tay đều trắng xanh như tuyết trong đêm sáng trăng.

Cho đến tận bữa ăn tối, bác không thể ngồi yên trên ghế đầu, luôn luôn cựa quậy khác hẳn mọi ngày, tay gõ gõ, miệng nói linh tinh về ma quỷ, về đàn bà và Eva, về thiên đường và các vị thánh phạm tội như thế nào.

- Tất cả những cái đó đều có thực! - Bác xác nhận. Nếu các vị thánh đều có thể phạm tội với những người đàn bà có tội thì dĩ nhiên quỷ sứ cũng thích phạm tội với linh hồn trong sạch...

Mọi người đều im lặng nghe bác nói, có lẽ tất cả cũng giống tôi, không ai muốn nói cả. Họ làm việc một cách miễn cưỡng, luôn luôn nhìn đồng hồ, và khi chuông đồng hồ điểm chín giờ thì tất cả cùng nhất loạt bỏ việc.

Xitanôp và bác Jikharep bước ra ngoài sân, tôi cũng đi theo họ. Đứng ở sân, Xitanôp ngắm các vì sao và nói:

*Đàn lạc đà đi lang thang đầy đó
Trong không gian lạc lõng những vì sao...⁽¹⁾*

Câu đó không thể bịa ra được !

- Tôi không nhớ câu nào hết, - bác Jikharep vừa nói vừa rung mình vì đứng ở ngoài trời lạnh buốt. -

(1) Trích trong bản trường ca Con quỷ của Lecmônôp.

Tôi không nhớ gì cả, nhưng nhìn thấy hần! Cái đó thật kỳ lạ - con người lại có thể bắt ta phải thương xót con quỷ u? Thật đáng thương hần, phải không ?

- Đáng thương - Xitanôp tán thành.

- Đấy, con người là thế đấy! - bác Jikharep thốt lên một câu thật khó mà quên được.

Vào tới phòng ngoài, bác dặn tôi:

- Macximits, cháu không được nói với ai ở cửa hiệu về cuốn sách này nhé: tất nhiên đây là một cuốn sách cấm!

Tôi rất vui mừng: thì ra vì những cuốn sách này mà lão cố đạo lúc tôi xưng tội đã hỏi tôi đấy!

Mọi người ăn tối một cách uể oải, không ồn ào và nói chuyện như mọi khi, dường như có chuyện gì quan trọng xảy ra với họ khiến họ phải suy nghĩ dai dẳng. Sau bữa ăn tối, khi tất cả đã nằm ngủ, bác Jikharep rút cuốn sách ra và bảo tôi:

- Nào, cháu hãy đọc lại một lần nữa ! Đọc chậm thôi, đừng có vội vã...

Vài người mặc quần áo lót lạng lẽ nhồm dậy khỏi giường, đi lại gần bàn và ngồi co chân lại xung quanh.

Khi tôi đọc xong, bác Jikharep lại gõ gõ ngón tay lên mặt bàn và nói:

Thế mới là cuộc sống chứ! Chà, con quỷ, con quỷ... thế đấy, anh bạn ạ!

Xitanôp chồm qua vai tôi, đọc một câu, và cười nói:

- Tôi sẽ chép lại vào cuốn vở của tôi...

Bác Jikharep đứng dậy và đem cuốn sách tới chỗ bàn của bác, nhưng bỗng nhiên bác dừng lại và bắt đầu nói với giọng run run và tức giận:

- Chúng ta sống như những con chó mù, chẳng biết cái quái gì cả, chúng ta không có ích gì cho Chúa mà chẳng có ích gì cho ma quỷ! Chúng ta thế này mà là bầy tôi của Chúa à? Jôp là bầy tôi của Chúa, chính Chúa đã nói chuyện với Jôp! Cả với Môizơ nữa!⁽¹⁾ Thậm chí Chúa còn đặt tên cho Môizơ: họ đều là người của Chúa. Còn chúng ta là của ai?...

Bác cất cuốn sách đi, mặc quần áo và hỏi anh Xitanôp:

- Có đi ra quán rượu không?

- Tôi phải đi tới chỗ ấy bây giờ, - Xitanôp khề đáp.

Khi họ đi khỏi, tôi nằm xuống sàn ở cạnh cửa, bên cạnh Paven Ôđinxôp. Nó trần trọc hồi lâu không ngủ được, đột nhiên nó sụt sịt và thổn thức khóc.

- Cậu làm sao vậy?

- Tôi thương bọn họ quá⁽²⁾, - nó nói - tôi đã sống cùng với bọn họ hơn ba năm nay rồi, tôi biết tất cả mọi người...

Tôi cũng thương những người này; chúng tôi nằm nói chuyện thì thầm về họ mãi không sao ngủ được.

(1) Jôp và Môizơ là các nhân vật trong Kinh thánh.

(2) Nguyên văn: thương đến chết

Chúng tôi thấy ở mỗi người đều có những đức tính, những nét trung hậu, và ở tất cả mọi người đều có một cái gì đó khiến chúng tôi càng thêm thương họ với lòng thương trẻ thơ của chúng tôi.

Tôi sống với Paven Ôđixốp rất thân ái; sau này nó trở thành một người thợ giỏi, nhưng cũng chẳng được bền lâu; tới năm ba mươi tuổi nó bắt đầu uống rượu tợn; sau đó tôi gặp nó ở chợ Khitrôp ở Maxcova, lúc này nó đã biến thành một tay lưu manh. Gần đây tôi nghe đồn nó chết vì bệnh thương hàn. Tôi rùng mình khi nghĩ đến biết bao người trung hậu đã chết một cách vô nghĩa ở thời đại của tôi! Tất cả mọi người đều mòn mỏi đi rồi chết, điều đó là lẽ tự nhiên, nhưng không nơi nào người ta lại mòn mỏi một cách nhanh chóng đáng sợ và vô nghĩa như ở nước Nga chúng ta...

Lúc ấy nó còn là một đứa bé đầu tròn, lớn hơn tôi hai tuổi, linh lợi thông minh và ngay thật. Nó rất có tài: vẽ chim, mèo, chó rất giỏi và vẽ tranh châm biếm anh em thợ rất khéo, lúc nào nó cũng vẽ họ là loài chim. Xitanốp là con chim mỏ nhất buồn bã đứng một chân. Jikharep là con gà trống có cái mào rách, không có lông ở chóp, Đavilốp ốm yếu là con chim te te khiếp sợ. Nhưng đạt hơn cả là ông thợ chạm Gôgôlep được vẽ dưới hình thức một con dơi có tai to, mũi rất mĩa mai và đôi chân nhỏ, mỗi chân có sáu cái móng. Trên khuôn mặt tròn đen hiện lên hai vòng

mắt trắng, hai con ngươi giống như hai hột đậu và đứng dựng giữa mắt, - cái đó khiến cho khuôn mặt như sống hẳn lên và trông rất xấu.

Anh em thợ không bực mình khi Paven cho xem những bức tranh châm biếm, nhưng bức biếm hoạ về Gôgôlep đã gây cho tất cả một ấn tượng khó chịu, họ nghiêm khắc khuyên nhà hoạ sĩ:

- Tốt hơn cả là mày nên xé đi ngay, không có lão già mà nhìn thấy thì lão sẽ đánh mày chết mất!

Lão già vừa bần vừa hôi hám, luôn luôn say khướt ấy là một người sùng đạo một cách cuồng tín, độc ác ra mặt và hay đem chuyện của cả xưởng đến hót lẻo với gã quản lý. Bà chủ định gả đứa cháu gái cho gã, vì vậy lão cảm thấy mình đã là chủ toàn bộ ngôi nhà và mọi người. Cả xưởng thù ghét gã, nhưng lại sợ, vì vậy cũng sợ cả Gôgôlep.

Paven luôn luôn dùng đủ mọi cách quấy rầy gã thợ chạm, giống như nó tự đặt cho mình nhiệm vụ không để cho Gôgôlep được yên tĩnh lấy một giây một phút. Tôi cũng hết sức giúp đỡ nó trong việc này, cả xưởng thường thích thú trước những trò quấy rối, thường là thô lỗ một cách tàn nhẫn của chúng tôi, tuy nhiên họ cũng ngăn ngừa chúng tôi:

- Khéo không lại khốn đấy, các chú ạ! "Kuzma bỏ hung" sẽ trị các chú mất!

"Kuzma bỏ hung" - đó là tên lóng mà cả xưởng đã đặt cho gã quản lý.

Những lời ngăn ngừa ấy vẫn không làm cho chúng tôi sợ hãi, chúng tôi lấy màu bôi vào mặt lão thợ chạm lúc lão ngủ. Một hôm lão uống rượu say lăn ra ngủ, chúng tôi liền mạ vàng chiếc mũi của lão và suốt ba ngày không thể nào tẩy sạch vết vàng trong những khe kẽ của chiếc mũi xóp. Nhưng mỗi lần chúng tôi làm được lão tức giận, tôi lại nhớ tới tàu thủy, nhớ tới anh lính bé nhỏ vùng Viatka và trong lòng tôi lại thấy bối rối. Mặc dù đã có tuổi, Gôgôlep vẫn khỏe, nên lão thường xông vào đánh chúng tôi một cách bất ngờ, đánh chúng tôi xong, lão còn đi than phiền với bà chủ.

Bà này ngày nào cũng say rượu nên bao giờ cũng hiền hậu vui vẻ. Bà cố làm cho chúng tôi sợ, nắm hai bàn tay béo húp lên bàn và la lên:

- Lại lũ quỷ sứ, sao chúng mày tinh nghịch thế? Bác ấy già rồi, phải kính trọng bác ấy chứ! Đứa nào đã rót dầu hỏa vào cốc bác ấy giả làm rượu?

- Chúng cháu đấy...

Bà chủ ngạc nhiên:

- Trời đất ơi, chúng nó lại còn thú nhận nữa kia! Chà, lũ đáng nguyên rủa này... Phải kính trọng người già chứ!

Bà đuổi chúng tôi ra và đến tối lại than phiền với gã quản lý; gã này liền nghiêm khắc mắng tôi:

- Sao mày lại làm thế: mày đọc sách, thậm chí cả Kinh thánh nữa, thế mà mày lại dám tinh nghịch như vậy ư? Coi chừng đấy, chú mình ạ!

Bà chủ sống độc thân và rất đáng thương; thỉnh thoảng uống rượu ngọt xong bà ngồi bên cạnh cửa sổ hát nghêu ngao:

*Có ai để ý đến ta,
Có ai thương đến bà già này đâu,
Có ai thấu được nỗi sầu.
Biết cùng ai trút cạn bầu tâm tư?*

Rồi bà khóc nức nở, kéo dài cái giọng run run của người già:

- Hu-u-u-u-u....

Một hôm tôi trông thấy bà bưng bình sữa hâm nóng đi về phía cầu thang, nhưng bỗng nhiên bà khuyu chân rồi cứ tuột dần theo từng bậc thang xuống, nặng nề, tay vẫn không buông bình sữa. Sữa sánh ra cả áo, còn bà thì duỗi tay ra, bực tức mắng nhiếc cái bình:

- Mà làm sao thế, hờ đồ quý? Mà định đi đâu thế này?

Bà không to nhưng thân hình mềm nhẽo, giống như một con mèo già không thể bắt chuột được nữa vì ăn no quá, nên chỉ gừ gừ, nhớ lại một cách thú vị những thành công và khoái lạc của mình.

- Hừ, - Xitanôp vừa nói vừa cau mày, vẻ dăm chiêu, - đã có thời kỳ công việc phát đạt, xưởng làm ăn khấm khá, một người thông minh cai quản mọi việc đầu vào đấy, nhưng bây giờ hóa ra vô ích, tất cả

đều lọt vào tay “Kuzma bọ hung” cả! Dù có làm bao nhiêu thì cũng chỉ là làm cho kẻ khác! Cứ nghĩ đến chuyện đó là trong đầu óc như có một cái lò xo nào đó bỗng nhiên bị đứt - chẳng muốn làm gì nữa, chỉ muốn bỏ hết mọi việc, leo lên mái nhà và nằm ngấm bầu trời suốt cả mùa hè...

Paven Ôđinxốp cũng nhiễm những suy nghĩ ấy của Xitanốp. Nó vừa phì phèo hút thuốc ra về người lớn vừa triết lý về Chúa, về rượu chè, về đàn bà, và nói rằng công việc gì rồi cũng sẽ hỏng hết, một số người làm ra một cái gì đó, nhưng số khác lại phá hoại cái đã được tạo nên, không hiểu biết và không quý trọng nó.

Trong những giờ phút đó, khuôn mặt sắc sảo dễ thương của nó nhăn lại như già đi. Nó ngồi lên giường kê trên sàn, ôm hai đầu gối và nhìn rất lâu những chiếc cửa sổ vuông sơn màu xanh da trời, mái nhà kho bị những tảng tuyết đè lên và những ngôi sao trên bầu trời mùa đông.

Thợ vừa ngủ vừa ngáy khò khò và rên rĩ; có người mê sảng, nói những câu ngắt quãng, Davidốp nằm trên tấm phản khắc nhổ nốt ra mẩu đời còn lại của mình. Trong góc nhà, những “bầy tôi của Chúa” là Kapendiukhin, Xôrôkin và Pecsín nằm sát vào nhau như bị trói chặt bởi giấc ngủ và cơn say rượu. Những bức tượng thánh không mặt, không chân, không tay, dựng ở tường nhìn ra. Mùi dầu gai nồng nặc, mùi trứng thối, bùn chua bết lại ở kẽ sàn tỏa ra ngọt ngào.

- Lay Chúa! Tớ thương họ quá! - Paven thì thầm.

Lòng thương người ấy càng ngày càng làm cho tôi băn khoăn. Như trên tôi đã nói, hai đứa tôi cảm thấy tất cả anh em thợ đều là những người tốt, thế mà cuộc sống của họ lại khổ cực, không xứng đáng với họ và buồn chán không thể chịu được. Vào những ngày đông bão tuyết, khi tất cả mọi vật trên mặt đất - nhà cửa cây cối - đều rung chuyển, gào thét, khóc lóc, khi những tiếng chuông sâu não vang lên báo hiệu tuần chay, thì nỗi buồn chán lại tràn vào xương, tựa một làn sóng nặng như chì đè lên mọi người, huỷ hoại tất cả những gì còn sống trong người họ, đẩy họ vào quán rượu, tới đàn bà, một phương tiện để lãng quên cũng giống như rượu chè.

Vào những tối buồn thảm như vậy, sách vở không có tác dụng gì nữa. Khi ấy tôi cùng với Paven cố gắng dùng mọi phương tiện của mình để làm cho anh em thợ vui vẻ: chúng tôi lấy bồ hóng, thuốc màu bôi mặt, lấy xơ gai hóa trang và đóng những vở hài kịch do chúng tôi soạn; chúng tôi dùng cảm đấu tranh với buồn chán và bắt mọi người phải cười. Tôi nhớ lại *Chuyện một anh lính cứu sống Piôt Đại đế* và đem trình bày câu chuyện nhỏ dưới hình thức hội thoại; chúng tôi leo lên chỗ gác lửng của anh Davidôp và diễn ở đó, vui vẻ chặt đầu những người Thụy điển trong tưởng tượng khiến khán giả đều cười phá lên.

Họ rất thích chuyện *Con quỷ Trung quốc Trần Hữu Đông*, Paska đóng con quỷ bất hạnh muốn làm điều thiện, còn tôi đảm nhiệm tất cả những phần còn lại: tôi đóng cả vai nam lẫn vai nữ, vai các đồ vật, vai thần Thiện và thậm chí đóng cả vai hòn đá để các con quỷ Trung quốc ngồi nghỉ trong lúc nó vô cùng chán nản sau mỗi lần định làm điều thiện mà không có kết quả.

Các khán giả cười phá lên, và tôi rất ngạc nhiên không hiểu vì sao lại có thể làm cho họ cười một cách dễ dàng như thế, sự dễ dàng ấy khiến tôi hết sức bực mình.

- Chà, lữ hề! Lữ múa rồi! - họ gọi chúng tôi như vậy.

Nhưng càng về sau tôi càng có ý nghĩ ám ảnh rằng nỗi buồn thường gắn với tâm hồn của những người này hơn là niềm vui.

Niềm vui không bao giờ tự nó có được ở chúng tôi và bản thân nó cũng không đáng kể, nó có được là do người ta cố ý khơi lên từ lãng quên, như một phương tiện để làm giảm bớt nỗi buồn rầu nặng trĩu của người Nga. Sức mạnh bên trong của niềm vui thật đáng nghi, bản thân niềm vui không có, không phải vì nó muốn có, mà chỉ xuất hiện khi bị những ngày buồn bã kích động.

Niềm vui của người Nga thường hay đột nhiên biến thành một tấm thảm kịch tàn khốc khó mà thấy

được. Có người nhảy múa như đang đập tan xiềng xích trói buộc mình, bỗng đột nhiên thả con thú hung dữ nhất trong người ra, rồi trong cơn buồn chán dữ dội đó, anh ta nhảy xổ vào mọi người và cắn xé, đập phá hết mọi thứ.

Niềm vui giả tạo do những sự thúc đẩy từ bên ngoài gây nên ấy đã làm cho tôi tức giận. Bị kích động đến quên hết cả bản thân, tôi bắt đầu kể và đóng những chuyện ngông cuồng do tôi đột xuất tưởng tượng ra, vì tôi muốn gây cho mọi người một niềm vui thực sự, tự do thoải mái! Tôi cũng đạt được đôi chút thành công, người ta khen ngợi tôi, ngạc nhiên về tôi, nhưng nổi buồn mà tôi tưởng đã lay chuyển được vẫn cứ từ từ đậm đặc thêm, củng cố thêm và đè trĩu lên mọi người.

Bác Lariônits âu yếm bảo tôi:

- Trời ơi, cháu vui tính quá!

- Nó biết cách pha trò đấy! - Jikharep đỡ lời bác.

- Macximits ạ, cháu phải xin vào một rạp xiếc hay rạp hát nào đó, nhất định cháu sẽ trở thành một tay hề giỏi đấy!

Cả xưởng chỉ có hai người, Kapendiukhin và Xitanôp, là đi xem kịch vào ngày lễ Giáng sinh và tuần chay. Những người thợ lớn tuổi hơn nghiêm chỉnh khuyên họ giải tội ấy bằng cách tắm ở hồ băng, nơi lấy nước rửa tội. Xitanôp đặc biệt hay khuyên tội:

- Bỏ mẹ nó đấy, đi mà học thành tài tử!

Rồi anh xúc động kể lại *Cuộc đời đáng buồn của diễn viên Iakôplep*⁽¹⁾

- Có như thế đấy!

Anh thích kể về nữ hoàng Mari Xtuar⁽²⁾, gọi bà là “kẻ bịp bợm”, nhưng anh khâm phục nhất *Nhà quý tộc Tây-ban-nha*⁽³⁾.

- Đôn Xêza đơ Bazan, Macximits ạ, là một con người vô cùng cao thượng! Một người tuyệt diệu!

Trong chính bản thân anh hình như cũng có một cái gì giống với “nhà quý tộc Tây-ban-nha”. Một hôm tại quảng trường trước chòi canh có ba tên lính chữa cháy đánh một người mujich để giải trí; đám đông, khoảng bốn mươi người, đứng xem và khen ngợi bọn lính. Xitanôp xông vào đám đánh nhau, vung đôi tay dài, thụi bọn lính túi bụi, nâng người mujich dậy, ẩy anh ta vào đám đông, và quát âm lên:

- Đưa anh ta đi!

Còn anh thì ở lại, một mình chơi với ba tên lính chữa cháy. Sân của đội chữa cháy ở cách đó khoảng mười bước, bọn lính có thể gọi người tới giúp và họ có

(1) Diễn viên Nga nổi tiếng A.X.Iakôplep (1777-1877).

(2) Mari Xtuar (1542-1587) - nữ hoàng của Êcôt, nhân vật trong bị kịch Mari Xtuar của Sile.

(3) “Nhà quý tộc Tây-ban-nha Đôn Xêza đơ Bazan” - nhân vật trong vở kịch của Huygô Ruy Blat và vở kịch Nhà quý tộc Tây-ban-nha của hai nhà viết kịch người Pháp Đuymanua và Deckectơ.

thể đánh cho Xitanôp một trận toi bởi nhưng may cho anh, bọn này hoảng sợ, chạy biến ngay vào trong sân.

- Lũ chó! - anh mắng với theo bọn chúng.

Cứ chủ nhật là bọn thanh niên lại kéo nhau tới những bãi rừng sau nghĩa địa Pêtrôpaplôpxkôi để đấu quyền. Họ tụ tập ở đây để đấu với các cánh đồ rác và cánh mujich ở các làng lân cận. Đội đồ rác cử ra một đấu thủ trứ danh để đấu với bọn ở thành phố tới: một người Mordvin khổng lồ đầu nhỏ, mắt đau, lúc nào cũng ướt nhèm. Gã lấy vạt áo cánh ngắn và bắn lau nước mắt rồi đứng trước đồng bọn, dặng chân, hướng về địch thủ gọi một cách thân mật:

- Ra đi chứ, kéo cảm lạnh mất!

Phía chúng tôi cử Kapendjukhin; gã Mordvin bao giờ cũng thắng. Nhưng anh Côtắc luôn luôn bị sút đầu chảy máu và một gần chết ấy vẫn nói:

- Chết sống cũng phải thắng được tên Mordvin kia!

Rút cục, điều đó đã trở thành mục đích của đời anh, thậm chí anh bỏ rượu, trước khi đi ngủ lấy tuyết sát mình, ăn nhiều thịt, mỗi tối anh đều cử nhiều lần quả tạ nặng hai pút để cho bắp thịt nở nang. Nhưng làm thế vẫn chẳng ăn thua. Anh liền khâu vào trong bao tay những mảnh chì và khoe với Xitanôp:

- Lần này thì tên Mordvin phải chết!

Xitanôp nghiêm khắc cảnh cáo anh:

- Thôi ngay đi, không có tao sẽ nói ra trước khi đấu cho mà xem!

Kapendiukhin không tin lời anh, nhưng đến khi đến chỗ đấu, Xitanôp đột nhiên bảo gã Mordvin:

- Tránh ra, Vaxili Ivanôvits, để tôi đấu với Kapendiukhin trước!

Anh Côdắc đỏ mặt tía tai găm lên:

- Mình không đấu với cậu, tránh ra!

- Phải đấu, - Xitanôp vừa nói vừa đi về phía anh Côdắc, mắt nhìn chăm chăm vào khuôn mặt anh. Kapendiukhin giậm chân tại chỗ, tháo bao tay ra, nhét vào trong áo rồi vội vàng rời khỏi chỗ đấu.

Cả phía chúng tôi lẫn phía địch đều ngạc nhiên một cách khó chịu. Một người có vẻ đứng đắn nói với Xitanôp, giọng bức tức:

- Anh bạn ạ, giải quyết việc trong nhà ở ngoài bãi đấu công cộng là hoàn toàn không hợp pháp!

Mọi người từ tứ phía đổ dồn về chỗ Xitanôp, chửi rủa anh; anh im lặng hồi lâu, cuối cùng anh nói với người đứng đắn kia:

- Nếu như tôi muốn ngăn một vụ giết người thì sao?

Người đứng đắn đó lập tức đoán được ngay và thậm chí ngả mũ cát-két ra nói:

- Thế thì về phía chúng tôi, chúng tôi cần phải cảm ơn anh!

- Nhưng xin bác chờ làm ấm lên đây!

- Làm ấm để làm gì kia chứ? Kapendjukhin là một đấu thủ hiểm có, thất bại làm anh ta cáu, chúng tôi hiểu lắm! Bây giờ trước khi đấu chúng tôi sẽ xem xét bao tay của anh ta.

- Đó là việc của bác!

Khi người đứng đắn đó đi khỏi, phía chúng tôi bắt đầu chửi Xitanôp:

- Mày ngứa mồm chỗ vào làm gì mới được chứ! Đáng lẽ hôm nay anh chàng Côđắc thắng, nhưng từ nay ta sẽ lại thất bại mãi...

Người ta chửi rửa anh hồi lâu, chửi bằng chân, bằng thích mới thôi.

Xitanôp thở dài và nói:

- Chao ôi, các người thật đê tiện...

Rồi thật là bất ngờ đối với tất cả, anh gọi gã Mordvin ra đấu tay đôi. Gã này đứng ngay vào vị trí, vui vẻ vung vẩy nắm đấm và nói đùa:

- Đấu đi cho nó ấm người lên...

Mấy người nắm tay nhau dùng lưng gạt những người đứng đằng sau ra và làm thành một vòng tròn rộng lớn. Hai đấu thủ nhìn nhau chăm chăm, tay phải giơ về phía trước, tay trái để trước ngực. Những người giàu kinh nghiệm nhận thấy ngay tay của Xitanôp dài hơn tay gã Mordvin. Xung quanh đều im lặng, tuyết dưới chân hai đấu thủ kêu lạo xạo.

Một người nào đó không chịu nổi sự căng thẳng, lắp bắp với giọng ta thán và háu ăn:

- Bắt đầu đi thôi...

Xitanôp vung tay phải lên, gã Mordvin khê đưa tay trái ra đỡ và bị tay trái của Xitanôp đâm thẳng một cú vào bụng. Gã đằng hắng một tiếng, lùi lại và khoái chí nói:

- Trẻ, nhưng không phải là tay ngọc!

Họ bắt đầu xông vào nhau và vung những quả đâm nặng nề vào ngực nhau. Sau mấy phút, những người đứng xem của cả hai bên đều kêu ầm lên!

- Nhanh tay lên, anh thợ hoạ⁽¹⁾! Hãy hoạ hấn đi, chạm trổ đi nào!

Gã Mordvin khoẻ hơn Xitanôp nhiều, nhưng thân hình lại khá nặng nề nên gã không thể đánh nhanh, và cứ mỗi lần đâm được một quả thì lại bị giáng trả lại hai ba cú. Nhưng thân hình bị đâm của gã Mordvin có lẽ không đau đớn lắm nên gã vẫn hăng, vẫn cười cợt rồi bỗng đưa mạnh từ phía dưới lên trúng nách làm sái cánh tay phải của Xitanôp.

- Giãn ra, hoà! - mấy người lập tức kêu lên. Người ta phá vỡ vòng và bắt các đấu thủ giãn ra.

Gã Mordvin nói với vẻ hiền hậu:

- Tay thợ hoạ ấy không khoẻ lắm, nhưng nhanh!

(1) Nguyên văn: thợ hoạ tượng thánh.

Hắn sẽ trở thành một đấu thủ cừ, tôi có thể cam đoan với tất cả mọi người điều ấy.

Bọn thiếu niên bắt đầu một trận đấu chung; còn tôi dẫn anh Xitanôp tới chỗ viên y sĩ chữa xương. Hành vi của anh càng đề cao anh trước mặt tôi, càng làm tăng thêm cảm tình và lòng kính trọng của tôi đối với anh.

Anh là người rất thẳng thắn, ngay thật và hình như coi đó là nghĩa vụ của mình, nhưng anh Kapendiukhin ngang tàng lại khéo léo nói kháy anh:

- Chà Jên्या⁽¹⁾, cậu sống như để bày hàng ấy! Cậu đánh sạch tâm hồn cậu như đánh cái âm xamôva trước ngày lễ để hể có ai đến thì khoe: sáng nhoáng đấy chứ ! Nhưng tâm hồn cậu bằng đồng nên chơi với cậu chán lắm...

Xitanôp thản nhiên không nói gì cả, anh chăm chỉ làm việc hoặc chép vào những bài thơ của Lecmônôp. Anh đã bỏ tất cả thì giờ rồi để chép thơ, và khi tôi bảo anh: "Anh có tiền sao không đi mua quách một cuốn sách có được không?" - anh đáp:

- Không, tự chép tay tốt hơn cả!

Sau khi chép được một trang với nét chữ nhỏ và đẹp, có hình vẽ ở cuối, trong khi chờ đợi mực khô, anh khê đọc:

(1) Tức Xitanôp.

*Không chút xót thương, đứng dưng xa lạ
Bạn sẽ nhìn vào côi trần ai,
Nơi chẳng có hạnh phúc nào chân thật
Và cũng không có sắc đẹp lâu dài⁽¹⁾*

Rồi anh lim dim mắt nói tiếp:

- Điều đó rất đúng! Chà, sao ông ta biết rõ sự thật như vậy!

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên về quan hệ giữa Xitanôp với Kapendiukhin. Sau khi uống rượu vào, anh Côđắc bao giờ cũng sinh sự với bạn. Xitanôp khuyên can anh ta hồi lâu:

- Thôi đi! Đừng có mà sinh sự...

Nhưng sau đó, anh đánh cho tên say rượu một trận nên thân, đến nỗi anh em thợ vốn coi những cuộc đánh nhau như cơm bữa⁽²⁾ cũng phải can thiệp vào và bắt đôi bên phải giãn ra.

- Không kịp thời ngăn Epgêni⁽³⁾ lại thì cậu ta sẽ giết chết hẳn mất và cậu ấy cũng chẳng tiếc thân đâu - họ nói. Khi tỉnh, Kapendiukhin vẫn không ngớt lời nhạo báng Xitanôp, chế giễu lòng say mê thơ ca của anh và mối tình bất hạnh của anh, khêu gợi ở anh lòng ghen tuông một cách bỉ ổi, nhưng vô hiệu quả. Xitanôp đứng dưng, im lặng nghe những lời nhạo

(1) Trích trong bản trường ca Con quỷ của Lecmôntôp.

(2) Nguyên văn: như ngắm cảnh.

(3) Tức Xitanôp.

bảng ấy, nhưng đôi khi chính anh cũng cười với Kapendjukhin.

Họ ngủ cạnh nhau và đêm đêm thường thì thầm nói chuyện hồi lâu về một chuyện gì đó.

Những câu chuyện ấy khiến tôi không thể nào ngủ yên được. Tôi muốn biết những con người tính tình bất đồng này lại có thể tâm sự thân mật được với nhau về chuyện gì? Nhưng khi tôi tới gần họ thì anh Côđắc gầm lên:

- Mà đến đây làm gì?

Còn Xitanốp coi như không nhìn thấy tôi.

Nhưng có lần họ gọi tôi, anh Côđắc hỏi:

- Macximits, nếu như mày giàu có, mày sẽ làm gì?

- Sẽ mua sách.

- Gì nữa?

- Không biết.

- Ồ, - Kapendjukhin ngoảnh mặt đi với vẻ bức bối, còn Xitanốp bình tĩnh nói:

- Thấy chưa, không ai biết, cả người già lẫn trẻ con! Tôi có thể nói với cậu rằng: bản thân sự giàu có cũng chẳng cần thiết! Tất cả mọi vật đều đòi hỏi một sự ứng dụng nào đó...

Tôi hỏi:

- Các anh nói chuyện gì thế?

- Không muốn ngủ, nên tán gẫu đấy thôi, - anh Cồắc đáp.

Sau này lắng nghe những câu chuyện của họ, tôi mới biết rằng đêm đêm họ nói về những chuyện mà người ta thích nói cả ban ngày: về Chúa, về chân lý, hạnh phúc, về sự ngu ngốc và mảnh khoé của đàn bà, về lòng tham của kẻ giàu, về tất cả những điều rắc rối và khó hiểu của cuộc sống.

Tôi thường nghe những câu chuyện ấy một cách say mê, chúng làm cho tôi xúc động. Tôi rất thích khi thấy rằng hầu như tất cả mọi người đều nói giống nhau: cuộc sống rất tồi, cần phải sống cho tốt hơn! Nhưng đồng thời tôi thấy ý muốn sống tốt hơn chẳng phát sinh tác dụng gì hết, chẳng làm thay đổi gì cả trong cuộc sống trong xương, trong quan hệ giữa anh em thợ với nhau. Tất cả những lời nói ấy soi sáng cuộc sống trước mắt tôi, mở ra đằng sau nó một khoảng không buồn tẻ trong đó người ta bơi ngụp một cách hỗn loạn và bức tức, giống như những hạt bụi ở nước ao khi trời gió. Những người bơi đó lại chính là những người nói rằng sự xô đẩy nhau ấy vô nghĩa và làm cho họ tức giận.

Ở xưởng, họ thường bàn luận rất nhiều và thích thú; họ kết tội, chê bai một người nào đó, họ hối hận, khoe khoang, cãi nhau rất dữ vì những điều không đâu và làm cho nhau khổ nhục đủ điều. Họ cố đoán xem sau khi chết họ sẽ như thế nào. Cạnh cửa xưởng,

nơi để thùng nước rác, có một tấm ván mục thối, gió lạnh và mùi đất chua từ dưới sàn lùa qua lỗ hổng ẩm ướt, hơi thối đó vào khiến cho chân họ rét cứng, tôi cùng với Paven lấy giẻ rách và cỏ khô nhét vào lỗ hổng đó. Họ thường nói cần thay tấm ván đó, nhưng lỗ hổng càng ngày càng to thêm. Vào những ngày bão tuyết, gió lùa qua đấy như lùa qua ống khói, mọi người đều cảm lạnh và ho. Cánh quạt thông gió bằng sắt tây của chiếc cửa sổ con thông hơi rít lên ken két nghe thật đáng ghét; người ta chửi rủa nó thâm tệ, nhưng lúc ấy tôi lấy dầu tra vào đó, bác Jikharep lắng nghe xong lại bảo:

- Cửa sổ không kêu nữa rồi, buồn quá!

Mới từ nhà tắm về là họ đặt mình xuống những tấm phản bẩn thỉu và bụi bặm; bẩn thỉu và hơi thối hoàn toàn không làm cho ai khó chịu cả. Có nhiều chuyện nhỏ mọn không tốt đã cản trở cuộc sống, người ta có thể dễ dàng trừ bỏ những cái đó đi, nhưng không ai làm chuyện đó cả.

Họ thường nói:

- Không ai thương người đâu, kể cả Chúa lẫn chính bản thân mình...

Khi chúng tôi - tôi và Paven - tắm rửa cho Davidôp đang hấp hối vì bị cúm ghét, rận chấy cắn rứt, thì họ chế giễu chúng tôi. Họ cười sơ-mi ra đề nghị chúng tôi bắt rận hộ: họ gọi chúng tôi là "bôi" tắm và nói chung họ nhạo báng chúng tôi dường như chúng tôi đã làm một việc ô nhục và rất buồn cười.

Suốt từ hôm lễ Giáng sinh cho đến tận tuần chay, Davidôp nằm liệt trên tấm phản, ho liên miên, khạc ra những cục máu đỏ lôm: máu nhỏ không trúng chậu nước rác rơi cả ra sàn. Đêm đêm mê sảng, anh làm cho mọi người mất ngủ.

Hầu như ngày nào người ta cũng nói:

- Cần phải đưa hấn đi nhà thương thôi!

Nhưng đầu tiên thì vì giấy thông hành của Davidôp đã quá hạn, sau đó anh có đỡ hơn, và cuối cùng người ta quyết định;

- Dù sao thì hấn cũng sắp chết rồi!

Chính anh cũng bảo:

- Tôi chẳng sống được bao nhiêu nữa!

Anh là một nhà khôi hài hiền lành và bao giờ cũng cố gắng làm tiêu tan nỗi buồn nặng nề bực dọc trong xưởng bằng những câu pha trò hóm hỉnh. Anh cúi khuôn mặt xương xẩu đen sạm xuống và the thé hô to:

- Hỡi nhân dân, hãy lắng nghe tiếng nói của người đã được khiêng lên gác lửng...

Rồi anh nói rất mạch lạc những điều nhảm nhí buồn tẻ:

Tôi sống trên gác lửng

Thức giấc dậy rất sớm

Lũ gián ăn thịt tôi

Trong lúc tôi mê sảng...

- Hấn vẫn lạc quan! - mọi người khâm phục nói.

Thỉnh thoảng tôi cùng với Paven leo lên chỗ anh, anh nói đùa với vẻ gương gao:

- Các vị quý khách, biết lấy gì để thết đãi các vị đây? Các vị xơi một chú nhện con tươi nhé!

Anh chết rất chậm, điều đó làm cho anh rất chán ngán, anh nói với một vẻ bức bối thành thực:

- Tôi không thể nào chết được, thật là một điều bất hạnh!

Sự dửng dưng của anh trước cái chết đã làm cho Paven rất hoảng sợ; đêm đêm Paven thường đánh thức tôi và thì thầm:

- Macximits, hình như hấn chết rồi... Hấn mà chết vào ban đêm thì chúng ta sẽ nằm dưới xác hấn. Ôi! Tớ sợ người chết lắm!...

Hoặc nó bảo:

- Ôi, sống như thế thì sống làm gì? Mới chưa đầy hai mươi tuổi đầu mà phải chết...

Một hôm vào đêm sáng trăng nó đánh thức tôi dậy, nhìn tôi bằng cặp mắt tròn xoe hoảng sợ và nói:

- Nghe kìa!

- Trên gác lửng Davidôp thở khò khè, nói hấp tấp nhưng rất rành mạch:

- Đưa đây nào, đư...ư...

Sau đó anh bắt đầu nấc lên.

- Hắn đang hấp hối, lạy Chúa, thấy chưa? - Paven hốt hoảng.

Suốt ngày tôi phải chờ tuyết từ sân ra ngoài đồng nên rất mệt; tôi buồn ngủ quá, nhưng Paven van nài tôi:

- Đừng ngủ, tao lạy mày, vì Chúa, đừng ngủ!

Rồi bỗng nhiên nó nhòe dậy, hét tướng lên như người hoá dại:

- Tất cả dậy đi thôi, Davidôp chết rồi!

Có mấy anh tỉnh dậy, vài bóng người nhòe khỏi giường, những câu hỏi giần dữ thốt lên.

Kapendiukhin leo lên gác lửng và ngạc nhiên nói:

- Hình như hắn chết thật rồi... nhưng người vẫn nóng nóng...

Bốn bề yên lặng như tờ. Bác Jikharep làm dấu thánh giá rồi vừa trùm chăn vừa nói:

- Thế thì cầu cho anh ta được lên thiên đàng!

Có người đề nghị:

- Đưa hắn ra nhà ngoài thôi...

Kapendiukhin tụt xuống khỏi gác lửng và nhìn ra cửa sổ.

- Thôi để hắn nằm đến sáng, khi sáng hắn cũng chẳng quấy rầy ai nữa là. ..

Paven rúc đầu xuống dưới gối và khóc nức nở.

Còn Xitanôp vẫn không thức dậy.

XV

Tuyết ngoài đồng đã tan, những đám mây mùa đông trên trên trời cũng đã tan ra, biến thành mưa và tuyết rơi xuống đất. Mặt trời di chuyển mỗi ngày một chậm rãi thêm, khí trời trở nên ấm áp hơn. Hình như ngày xuân tươi vui đã đến, nó đang vui đùa ẩn nấp đâu đây trên cánh đồng ngoại ô và sắp sửa ập vào thành phố. Đường phố đều phủ một lớp bùn đỏ quạch. Dọc vỉa hè có những lạch nước chảy. Đàn chim sẻ vui vẻ nhảy nhót giữa những vũng nước trên quảng trường Arêxtantxkai. Và mọi người cũng có vẻ vội vàng bận rộn như chim sẻ vậy. Trong tiếng ồn ào của mùa xuân, tiếng chuông của tuần chay vang lên hầu như liên tục suốt từ sáng đến tối; những tiếng ngân nhẹ nhẹ làm lay động lòng người. Trong tiếng chuông ấy, cũng như trong tiếng nói của các cụ già, có một điều gì bất mãn; hình như chuông kia đang nói đến mọi thứ trên đời với một niềm tuyệt vọng xót xa:

“Thế là hết, là hết, là hết...”.

Nhân ngày lễ thánh của tôi, xường tặng tôi một bức tượng nhỏ xinh xắn được khắc hoa rất đẹp - tượng thánh Alêxi. Bác Jikharep đã đọc một bài diễn thuyết dài với giọng trang nghiêm khiến tôi không bao giờ có thể quên được.

- Cháu là người thế nào? - bác vừa nói vừa gõ gõ ngón tay, lông mày khê rướn lên - Cháu chỉ là một đứa bé mồ côi mới mười ba tuổi đầu. Bác nhiều tuổi hơn cháu gần như gấp bốn lần, vậy mà bác vẫn khen ngợi cháu, đồng tình với cháu vì cháu không có thái độ dửng dưng, mà luôn luôn nhìn thẳng vào mọi công việc. Cháu cứ nên như thế mãi, điều đó rất tốt!

Bác nói đến cả những bầy tôi của Chúa và con người, nhưng tôi không thể hiểu được sự khác nhau giữa hai lớp người đó, và có lẽ chính bác ta cũng không rõ. Bác nghe nói rất chán, cả xường đều cười nhạo bác. Tôi đứng im, cầm bức tượng thánh trong tay, lòng rất cảm động và bối rối, không biết nên làm gì. Cuối cùng bác Kapendjukhin nóng ruột phải kêu lên:

- Có thể chấm dứt cái bài điệu văn ấy được rồi đấy, tai nó đã tím ngắt lại rồi kia kìa.

Sau đó anh vỗ vai tôi và cũng khen ngợi:

- Chú được cái tốt là đối với ai chú cũng coi như họ hàng thân thích cả, cái đó rất tốt! Khi chú có điều gì không nên không phải, đừng nói đến chuyện đánh

chú, mà ngay cả việc mắng nhiếc, người ta cũng thấy không tiện!

Tất cả đều nhìn tôi bằng con mắt thiện cảm, họ âu yếm chế giễu sự lúng túng của tôi. Chỉ một tí nữa thì có lẽ tôi đã khóc oà lên vì niềm vui sướng đột ngột cảm thấy mình hữu ích đối với tất cả những con người ấy. Nhưng cũng chính vào buổi sáng hôm ấy, ở cửa hiệu, gã quản lý bán hàng vừa gạt đầu về phía tôi vừa nói với lão Piôt Vaxiliep.

- Thằng nhãi ranh nom đến khó chịu và chẳng được cái tích sự gì cả!

Như thường lệ, tôi đến cửa hiệu từ sáng sớm, nhưng quá trưa, lão quản lý bảo tôi:

- Đi về nhà, gạt tuyết trên mái nhà kho xuống và đổ đầy vào hầm đá...

Gã không biết hôm nay là ngày lễ thánh của tôi. Tôi cũng tin rằng không ai biết điều đó. Sau khi nghi thức chúc mừng ở xưởng kết thúc, tôi thay quần áo, chạy ra ngoài sân và trèo lên mái nhà kho, gạt đám tuyết nặng nề, rắn chắc và rất nhiều trong mùa đông ấy xuống. Nhưng vì xúc động, tôi đã quên mở cửa nhà hầm và để tuyết lấp cả cửa. Sau khi nhảy xuống đất, thấy sự sai lầm đó, tôi lập tức bắt tay vào gạt tuyết ra khỏi nắp hầm. Tuyết ẩm nên đặc cứng lại, xẻng gỗ khó lòng mà xúc được, mà xẻng sắt thì không có. Vừa đúng lúc gã quản lý xuất hiện ở cổng thì tôi làm gãy xẻng. "Sướng lắm thì khổ nhiều", câu tục ngữ Nga ấy đã trở thành sự thật.

- Thế-ế đây, - gã quản lý vừa nói với giọng châm biếm vừa tiến lại gần tôi - Chao ôi, làm với ăn, sao quỉ không tha ma không bắt mày đi! Tao phải nện vào cái đầu mất trí của mày...

Gã dơ cán xẻng dọa đánh tôi, tôi lùi lại và tức giận nói:

- Tôi đến đây không phải để làm người quét sân cho anh...

Gã lao chiếc cán vào chân tôi, tôi chụp lấy một nắm tuyết và ném vào giữa mặt gã; gã vừa nhổ vừa cầm đầu chạy mất, còn tôi thì bỏ việc đi vào xưởng. Một phút sau, cô vợ chưa cưới của gã, mặt cô gái hiếu động, mặt đầy trứng cá, từ trên gác chạy xuống.

- Macximits, lên gác ngay!

- Không lên, - tôi đáp.

Bác Lariônits ngạc nhiên khẽ hỏi tôi:

- Sao lại không lên?

Tôi kể cho bác nghe câu chuyện vừa rồi, bác cau mày về suy nghĩ rồi đi lên gác, sau khi nói thầm với tôi:

- Cháu bướng quá, chú em ạ...

Trong xưởng nhốn nháo hẳn lên, người ta chửi rủa gã quản lý. Kapendjukhin nói:

- Chà, lần này thì người ta đuổi mày mất!

Điều đó tôi không sợ. Quan hệ của tôi với gã quản lý đã từ lâu không thể nào chịu nổi. Gã thù ghét tôi

ra mặt và càng ngày càng ghét cay ghét đắng. Tôi cũng không thể chịu nổi gã, nhưng tôi muốn hiểu vì sao gã lại đối với tôi vô lý như thế.

Gã vớt tiền ra sàn cửa hiệu. Khi quét nhà, thấy tiền, tôi liền xếp vào cái chén nhỏ ở quầy hàng, nơi vẫn để tiền xu cho ăn mày. Khi tôi đoán ra được dụng ý của những vật tìm thấy ấy, tôi bèn nói với gã quản lý:

- Anh vãi tiền ra đất cho tôi nhặt thì chỉ mất thì giờ của anh thôi.

Gã đỏ mặt và buột miệng quát lên:

- Mày không có quyền dạy tao, tao khắc biết việc tao làm!

Nhưng lập tức gã chữa lại ngay:

- Tao vãi tiền ra để mà làm gì? Tự nó rơi đấy chứ.

Gã cầm tôi đọc sách ở cửa hiệu, gã nói:

- Đây không phải là việc hợp với đầu óc mày! Hay mày định trở thành một nhà thông thái, hờn thẳng nhãi lười biếng, ăn bám kia?

Gã chưa thôi ý định dùng những đồng hai mươi kôpếch để câu tôi; tôi thừa hiểu nếu trong lúc tôi quét sàn, đồng tiền có lẫn vào kẽ ván là gã sẽ tin chắc rằng tôi lấy cắp. Lúc đó tôi lại đề nghị với gã một lần nữa bỏ cái trò ấy đi. Nhưng cũng ngay hôm đó, khi mang ấm nước sôi từ quán ăn về tôi nghe

thấy gã gợi ý cho tên quản lý vừa tới làm thuê cho cửa hiệu bên cạnh...

- Cậu hãy xúi nó lấy cặp tập Thánh thi, chúng tớ sắp nhận được những tập Thánh thi đấy, ba hộp cả thảy...

Tôi hiểu gã đang nói về tôi. Khi tôi bước vào cửa hiệu, cả hai tên cùng lúng túng. Nhưng ngoài dấu hiệu đó ra, tôi còn nhiều lý do khác để tình nghi bọn họ đang bàn những mưu mô ngu xuẩn chống lại tôi.

Tên quản lý bên cạnh không phải là lần đầu tiên phục vụ cho gã; y được coi là một tay buôn bán khôn khéo, nhưng bị điều đứng vì bệnh nghiện rượu. Y đã bị lão chủ đuổi đi, nhưng sau đó lão chủ lại vẫn phải dùng đến tên quản lý gây ghét và yếu đuối có cặp mắt giảo quyệt đó. Nhìn bề ngoài, y vẫn nói có vẻ ngọt ngào, nhất cử nhất động đều tuân theo lão chủ. Y luôn mỉm cười kín đáo, láu lỉnh, thích dùng những tiếng cay độc. Người y tanh tanh hôi hôi như những người sâu răng, mặc dù răng y trắng tinh và rắn chắc...

Có hôm y làm cho tôi rất đổi ngạc nhiên: y lại gần tôi, miệng mỉm cười có vẻ dịu dàng, nhưng đột nhiên y gạt mũ của tôi xuống và túm lấy tóc tôi. Chúng tôi bắt đầu đánh nhau, y đẩy tôi từ ngoài hành lang vào cửa hiệu, và cố làm cho tôi ngã vào những tủ kính lớn kê ở trên sàn. Nếu y đạt được điều đó, chắc chắn tôi sẽ làm vỡ kính, làm hỏng những bức tranh khắc và có thể làm xây xát những bức tượng

thánh đất tiên. Y rất yếu nên tôi đã thắng được y; nhưng sau đó tôi rất ngạc nhiên khi thấy tên râu xồm ấy ngồi trên sàn, vừa lau chiếc mũi bị đánh tơi bời vừa khóc sụt sùi.

Sáng hôm sau, khi nhà chủ đi vắng và chỉ còn lại một mình chúng tôi, y vừa xoa bóp chỗ sưng trên sống mũi và ở sát ngay dưới mắt vừa thân mật nói với tôi:

- Chú tưởng hôm qua tớ tự ý và thích thú chồm vào người chú à? Tớ không phải là thằng ngốc, vì tớ biết rằng chú sẽ thắng tớ, tớ vừa yếu lại vừa say rượu. Đó là tại lão chủ sai tớ. Lão bảo: "Mày cứ gây sự với nó, cố để nó làm hỏng thật nhiều đồ đạc ở cửa hiệu của nó trong lúc đánh nhau, dù sao thì cũng gây thiệt hại cho chúng!" Còn tự tớ thì không đời nào, chú xem đấy, chú đã làm méo cái mặt mặt của tớ như thế đấy...

Tôi tin lời y và thấy thương hại y. Tôi biết y sống thiếu thốn bên một mụ đàn bà thường hay đánh đập y. Nhưng dù sao tôi vẫn hỏi y:

- Thế nếu như người ta bắt anh đấu độc một người nào đấy, chắc anh cũng đấu độc chứ?

- Lão sẽ bắt - tên quản lý khề nói và mỉm cười một cách đáng thương. - Lão có thể...

Một lát sau y hỏi tôi :

- Này, tớ không có lấy một đồng xu nào dính túi, ở nhà không có gì ăn, vợ tớ nó sẽ mè nheo. Anh bạn

hãy xoáy ở trong kho một bức tượng thánh nào đấy cho tớ, tớ sẽ đem bán đi, nhá ? Có xoáy được không ? Hay là xoáy tập Thánh thì vậy?

Tôi nhớ lại hiệu giày và ông lão gác nhà thờ; tôi nghĩ bụng, thằng này sẽ phản bội mình! Nhưng khó lòng mà từ chối được, tôi bèn cho y một bức tượng thánh, còn việc xoáy tập Thánh thì đáng giá mấy rúp thì tôi không dám, tôi cảm thấy đó là một tội lỗi lớn. Biết làm thế nào được? Trong đạo đức luôn luôn che dấu sự tính toán hơn thiệt; “Hình pháp” thiêng liêng trong trắng đã tiết lộ rất rõ điều bí mật nhỏ bé ấy; đằng sau nó bao giờ cũng ẩn nấp sự dối trá to lớn của óc tư hữu.

Khi tôi nghe thấy gã quản lý của tôi gọi cho con người đáng thương này dạy tôi lấy cắp tập Thánh thì, tôi sợ quá. Rõ ràng là gã quản lý của tôi biết tôi có lấy đồ của hắn để đem cho, và tên quản lý bên cạnh đã kể cho gã nghe về bức tượng thánh.

Sự xấu xa của việc làm phúc nhờ vào phương tiện của kẻ khác và cái cạm bẫy ti tiện kia đã kết hợp với nhau và gây cho tôi một cảm giác phẫn nộ, chán ghét chính bản thân mình và tất cả mọi người. Suốt mấy ngày, tôi rất đau khổ chờ đợi giờ phút người ta mang những hộp sách đó tới. Cuối cùng người ta đưa sách tới, tôi xếp những hộp đó vào kho. Tên quản lý của nhà lán giềng tìm gặp tôi và xin tôi cho y một tập Thánh thì.

Tôi bèn hỏi y:

- Thế anh đã kể cho tay chủ của tôi về chuyện bức tượng thánh rồi à?

- Kể rồi, yđáp với giọng buồn rầu - Anh bạn a, tính tôi không thể giấu được chuyện gì...

Câu nói đó làm tôi kinh ngạc, tôi ngồi thụp xuống sàn và tròn xoe mắt nhìn y. Y bắt đầu vội vã nói lắp bắp, trông y vừa có vẻ ngượng nghịu vừa đáng thương một cách vô cùng thiếu não:

- Chú mình có biết không, chính nhà chủ của chú đã đoán ra, tức là lão chủ của tôi đã đoán ra và nói với nhà chủ của chú...

Tôi tưởng tôi chết mất. Những con người này đã chơi xỏ tôi, và giờ đây ở tạm giam những tội phạm ít tuổi đã giành sẵn cho tôi một chỗ rồi! Đã vậy thì được ! Đã chết đuối thì chết hẳn ở chỗ sâu cho cam. Tôi liền giúi vào tay tên quản lý nhà lán giềng một tập Thánh thi, y giấu vào trong áo bành tô và đi ngay, nhưng y lại lập tức quay lại và ném tập Thánh thi vào chân tôi, vừa nói vừa bỏ đi thẳng:

- Tớ không lấy đâu ! Tớ sẽ chết theo chú mất...

Nhưng tôi không hiểu những lời nói ấy. Tại sao y lại sẽ chết theo tôi? Nhưng tôi rất hài lòng là y không lấy cuốn sách. Sau việc này gã quản lý nhỏ bé của tôi càng nhìn tôi với vẻ tức giận và nghi ngờ hơn.

Tôi đã nhớ lại tất cả chuyện đó khi bác Lariônits

đi lên gác. Bác ở trên đó không lâu rồi trở xuống với vẻ chán nản và trầm lặng hơn mọi khi. Trước bữa ăn tối bác nói riêng với tôi:

- Bác hết sức nài xin cho cháu thôi ở cửa hiệu và tới làm việc ở xưởng. Nhưng không ăn thua ! Kuzma không thích thế. Hẳn rất không ưa cháu...

Ở nhà này tôi còn có một kẻ địch nữa là cô vợ chưa cưới của gã quản lý, một cô gái cợt nhả quá mức. Tất cả bọn thanh niên của xưởng đều bông đùa với cô ả, họ đón cô ở phòng ngoài ôm lấy cô. Cô ả không bực mình về chuyện đó, chỉ khê kêu ư ử như con chó con. Từ sáng đến tối, cô ả luôn mồm nhai tóp tép, trong túi nào cũng nhét đầy bánh bèo, bánh xèo. Hai hàm của cô ả không ngừng động đậy. Nhìn khuôn mặt vô vị có cặp mắt xam xám không lúc nào yên của cô ả, thật là khó chịu. Cô ả thường đổ tôi và Paven những câu đố bao giờ cũng bao hàm một ý nghĩa thô tục. Cô ả dạy cho chúng tôi những câu, nói nhanh thành ra những câu tục tĩu.

Một hôm có một người nào đấy trong đám thợ cả đứng tuổi đã nói với cô ả:

- Kể thì cô cũng lẳng lơ quá đấy !

Cô ả trâng tráo dùng lời của một bài hát thô bỉ đáp lại:

*Nếu gái tơ biết nguyệt
Sao trở nên đàn bà ?*

Lần đầu tiên tôi thấy một cô gái như vậy. Cô ả ve vãn tôi một cách thô bạo làm tôi sợ và ghê tởm cô. Khi thấy tôi không ưa những tro ve vãn ấy, cô ả càng hay quấy rầy hơn.

Có một lần ở dưới hầm rượu, khi tôi cùng với Paven giúp cô ả gội nước sôi vào những thùng gỗ để đựng cơ vát và đưa chuột, cô ả đã bảo chúng tôi.

- Này, các cậu, có muốn tớ dạy các cậu hôn không?

- Tôi còn biết giỏi hơn chị là đằng khác, - Paven vừa cười vừa trả lời cô ả. Còn tôi thì bảo cô ả đi mà hôn chồng chưa cưới của cô. Tôi đã nói câu đó không được nhã nhặn lắm làm cô ả nổi giận.

- Chà, đồ lỗ mãng ! Một tiểu thư đối xử nhã nhặn với hần, mà hần lại lên mặt như vậy, gớm, ta đây ghê nhỉ!

Cô ả giơ ngón tay dọa tôi và nói thêm :

- Này, liệu hôn, tao sẽ cho mày biết tay!

Paven cũng vừa ủng hộ tôi vừa bảo cô ả :

- Nếu chồng chưa cưới của chị mà biết thì hần sẽ cho chị một mẻ.

Cô ả nhăn bộ mặt đầy trứng cá với vẻ khinh bỉ :

- Tao không sợ hần ! Với số hồi môn của ta, tao có thể kiếm được hàng chục đứa hơn hần. Con gái chỉ còn được đùa nghịch trước khi cưới mà thôi.

Cô ả bắt đầu đùa nghịch với Paven. Từ đây tôi lại có thêm một kẻ mách lẻo thường xuyên về mình là cô ả.

Cuộc sống ở cửa hiệu càng ngày đối với tôi càng khó chịu hơn. Tôi đã đọc hết tất cả các sách của tôn giáo, những cuộc tranh luận và trò chuyện của những nhà thông thái đã không còn lôi cuốn được tôi: họ nói đi nói lại cũng vẫn ngán ấy chuyện mà thôi. Chỉ có lão Piôt Vaxiep với cái vốn hiểu biết các khía cạnh tăm tối của cuộc sống con người và cái tài nói vừa sôi nổi vừa hấp dẫn là con lôi cuốn tôi như trước kia. Đôi lúc tôi nghĩ rằng nhà tiên tri Êlixây đơn độc và hay thù hằn cũng đã sống trên trái đất như vậy.

Nhưng mỗi lần tôi nói chuyện cởi mở với lão già về mọi người, về những ý nghĩ của mình thì sau khi gật gù đồng tình nghe tôi, lão lại kể lại cho gã quản lý những điều tôi đã nói. Gã này hoặc chế nhạo tôi thậm tệ, hoặc là cáu kỉnh chửi mắng tôi.

Một hôm tôi nói với lão già rằng thỉnh thoảng tôi có ghi những lời lẽ của lão vào quyển vở, trong đó tôi đã ghi nhiều câu thơ và nhiều câu châm ngôn trích trong các sách. Lão già thông thái rất kinh hãi, vội vàng ngắt ngừng đến chỗ tôi và lo lắng hỏi tôi:

- Cháu làm thế để làm gì? Cái đó, cháu bé ơi, không lợi đâu! Để ghi nhớ ư? Không, cháu hãy gác việc đó đi! Cháu thật là lạ lùng! Cháu đưa cho ông cuốn vở ghi ấy nhé, thế nào?

Lão kiên trì thuyết phục tôi hồi lâu để tôi đưa cho lão cuốn vở ấy hoặc sẽ đốt đi. Sau đó lão bực tức thì thầm với gã quản lý.

Trên đường về nhà, gã quản lý nghiêm khắc bảo tôi:

- Nghe nói mày vẫn hay ghi chép gì đó - không được làm cái trò ấy nữa, nghe chưa? Chỉ có bọn mật thám mới làm việc ấy thôi.

Tôi thiếu thận trọng hỏi:

- Thế Xitanôp thì sao? Anh ấy cũng ghi chép.

- Cũng ghi chép à? Thằng ấy lớn đầu mà ngốc...

Sau khi im lặng hồi lâu, gã gạ gẫm tôi, giọng dịu dàng khác thường:

- Này đưa cho ta xem cuốn vở của chú và của Xitanôp ta sẽ đưa cho chú năm mươi kôpếch! Nhưng phải làm thế nào cho Xitanôp không biết, phải thật khéo...

Có lẽ gã tin tôi sẽ thực hiện ý muốn của gã, nên chẳng nói thêm một lời nào nữa và chạy vượt lên phía trước tôi bằng đôi chân ngắn cùn cõn.

Về nhà, tôi kể cho Xitanôp nghe chuyện gạ gẫm của gã quản lý. Xitanôp cau mày lại.

- Em đã nói lộ bí mật một cách vô ích rồi đấy... bây giờ thì nhất định hấn sẽ dụ một tay vào đấy lấy cắp cuốn vở của anh và của em. Em nên đưa anh cuốn vở của em để anh giấu đi... Coi chừng, hấn sắp đuổi em đấy!

Tôi tin như vậy và đã quyết định chờ khi bà tôi trở về thành phố là lập tức rời khỏi nơi đây. Suốt cả

mùa đông bà tôi sống ở Balakhona vì có người mời bà tôi tới dạy các cô gái làm裳裳 ten. Ông tôi lại đến ở Kunavinô; tôi không đi thăm ông, và ông tôi tuy luôn vào thành phố, nhưng cũng không đến thăm tôi. Một hôm tôi chạm trán ông tôi ở ngoài phố; ông mặc chiếc áo lông gấu chuột nặng nề và đi có vẻ trịnh trọng, chậm rãi như một ông cố đạo. Tôi chào ông, ông che lòng bàn tay nhìn tôi rồi nói ề à, về suy nghĩ:

A, mày đấy ư... bây giờ mày là tay vẽ tượng thánh, đúng, đúng... Thôi, đi nhé, đi nhé!

Ông đẩy tôi lui ra bên đường, rồi lại đi vắn vỏi dáng điệu trịnh trọng và chậm rãi.

Tôi ít gặp bà tôi; bà tôi làm việc không biết mệt mỏi để nuôi thêm ông tôi bị bệnh lẫn căn tuổi già; ngoài ra bà còn phải vất vả với lũ con của các cậu tôi. Nhất là thằng Xasa, con cậu Mikhain, một thanh niên đẹp trai, một người hay mơ ước và thích đọc sách, đã làm cho bà tôi phải lo nghĩ rất nhiều. Nó làm việc ở các xưởng nhuộm, và thường đổi chủ luôn. Trong những khoảng thời gian chờ đợi, nó sống bám vào bà tôi, yên trí chờ bà tôi tìm cho nó một chỗ mới. Em gái của Xasa cũng ăn bám bà tôi. Nó không may lấy một người nghiện rượu, gã này đã đánh đập nó và đuổi nó khỏi nhà.

Mỗi khi gặp bà tôi, tôi càng khâm phục tâm hồn của bà tôi một cách có ý thức hơn; nhưng tôi đã cảm thấy rằng tâm hồn đẹp đẽ ấy đã bị những chuyện

thần thoai làm cho mù quáng, nó không có khả năng nhìn thấy, hiểu được những hiện tượng thực tế chưa xót. Những nỗi lo âu của tôi, những nỗi lo lắng của tôi đều xa lạ đối với bà tôi.

- Phải chịu đựng, Aliôsa a !

Đó là tất cả những gì mà bà tôi có thể nói với tôi để đáp lại những câu chuyện của tôi về cuộc sống quái gở, về nỗi đau khổ của mọi người, về nỗi buồn chán của tôi, về tất cả những điều gì đã làm tôi phần nộ.

Tôi không sao quen được với tính chịu đựng và nếu đôi khi tôi có biểu lộ đức tính ấy, vốn dĩ là của thú vật, của cỏ cây, của đá sỏi, thì chẳng qua cũng chỉ để tự thử thách, để biết khả năng của mình đến đâu, biết mức độ chịu đựng để sống trên trái đất của mình. Đôi khi những thiếu niên mới nhớn, vì tính trẻ con ngu xuẩn, ganh ty với sức lực người lớn, mà đã cố sức nâng những quả tạ quá nặng so với bắp thịt và xương cốt của chúng, huênh hoang như các lực sĩ làm dấu thánh giá với những quả tạ hai pút.

Tôi cũng đã làm tất cả cái đó, theo nghĩa đen và nghĩa bóng, bằng thể lực và tinh thần. Chỉ nhờ một sự ngẫu nhiên nào đấy mà tôi đã không chết vì cố gắng, và đã không tàn tật suốt đời. Bởi vì không có gì huỷ hoại con người một cách đáng sợ bằng tính chịu đựng, bằng sự khuất phục trước những sức mạnh của hoàn cảnh bên ngoài.

Tuy nhiên, nếu cuối cùng tôi có bị tàn phế và ngã xuống, thì trong giờ phút cuối cùng, tôi sẽ có thể hãnh diện nói rằng suốt bốn chục năm trời có những người lương thiện đã làm đủ mọi cách để bóp méo tâm hồn tôi, nhưng công việc ngoan cố của họ đã không lấy gì làm thành công lắm.

Ý muốn hãnh diện thích nghịch ngợm, làm trò vui cho thiên hạ, bắt họ phải cười, càng ngày càng choán lấy tôi nhiều hơn. Tôi đã đạt được cái đó; tôi khéo kể chuyện về những con buôn ở chợ Nijni và những bà nông dân mua bán tượng thánh, gã quản lý khéo léo vừa dối họ và những nhà thông thái tranh cãi nhau.

Mọi người trong xưởng đều cười rộ; anh em thợ thường bỏ việc để xem tôi biểu diễn, nhưng sau đó bao giờ bác Lariônits cũng khuyên tôi:

- Sau bữa ăn tối cháu hãy biểu diễn thì hơn, kẻo làm cản trở cả công việc...

Sau khi "biểu diễn" xong, tôi cảm thấy nhẹ nhõm như vừa trút được gánh nặng đè lên người. Khoảng nửa giờ, một giờ đầu óc tôi trở nên thanh thoi dễ chịu; nhưng sau đó hình như đầu tôi lại đầy những chiếc đinh nhỏ nhọn hoắt, chúng quấy rầy, khiêu khích không để tôi yên.

Xung quanh tôi như có sự rối beng bản thủ nào đó sôi lên sùng sục, tôi cảm thấy mình như đang bị rối lên ở trong đó.

“Chẳng lẽ suốt đời như thế này ư? Ta sẽ sống như những con người này, sẽ không nhìn thấy cái gì tốt đẹp hơn ư?”.

- Macximits a, sao dạo này cháu hay câu thế? -
Bác Jikharep vừa nói vừa chăm chú nhìn tôi.

Xitanôp thường hỏi tôi :

- Em làm sao thế ?

Tôi không biết trả lời sao cả.

Cuộc sống đã ngang nhiên xóa bỏ một cách thô bạo khỏi tâm hồn tôi những bản năng tốt đẹp nhất, thay thế một cách trắng trợn vào đấy bằng những điều ngu xuẩn phi lý. Tôi phản nộ và kiên trì chống lại sự cường bức của nó. Tôi cũng bơi trên một dòng sông như tất cả mọi người, nhưng đối với tôi nước có phần lạnh giá hơn và nó không giữ tôi dễ dàng như những người khác; đôi khi tôi cảm thấy mình bị chìm xuống một nơi nào đó.

Mọi người đối với tôi càng ngày càng tốt hơn; họ không mắng tôi như đối với Paven, không chế giễu tôi, họ gọi tôi bằng tên lót của cha để nhấn mạnh thái độ quý trọng đối với tôi. Tôi rất hài lòng với điều đó, nhưng tôi rất khổ tâm thấy họ uống nhiều rượu vôka quá, thấy họ thật là đáng ghét những lúc say rượu, thái độ thô bỉ của họ đối với phụ nữ, mặc dù tôi hiểu rằng rượu vốtka và đàn bà là những trò tiêu khiển duy nhất trong cuộc sống của họ.

Tôi thường buồn rầu nhớ lại rằng ngay cả Natalya Kôzlôpxkaia thông minh và can đảm cũng gọi đàn bà là trò tiêu khiển.

Nhưng còn bà tôi thì sao? Còn nữ hoàng Macgô thì sao ?

Tôi nhớ đến nữ hoàng với một cảm giác gần như sợ hãi. Trong ký ức tôi, bà như hư ảo, xa xăm tựa như tôi đã gặp bà trong mộng vậy.

Tôi đã bắt đầu nghĩ quá nhiều về phụ nữ và đã tự đặt câu hỏi: tại sao chủ nhật lại không đi tới chỗ mà tất cả mọi người đều tới? Cái đó không phải là đòi hỏi của xác thịt, tôi khỏe mạnh và thường khó tính; nhưng đôi khi tôi khao khát đến điên cuồng được ôm một người thân yêu thông minh và muốn nói rất lâu, rất cỏi mở với người đó về những bản khoản day dứt của tâm hồn mình như nói với một bà mẹ.

Tôi thêm muốn được như Paven. Đêm đêm nó thường nói với tôi về mối tình của nó với cô hầu phòng ở nhà đối diện.

- Câu này, thật là một chuyện buồn cười: một tháng trước đây mình lấy tuyết ném cô ấy, mình không thích cô ta, nhưng bây giờ mỗi khi mình ngồi trên ghế nẹp chặt vào người cô ta, mình thấy không còn có ai yêu quý hơn cô ta nữa!

- Câu với cô ta nói những chuyện gì?

- Dĩ nhiên là đủ mọi chuyện. Cô ấy kể cho mình về cuộc đời cô ta, mình cũng kể cho cô ấy về mình.

Rồi chúng mình hôn nhau... Được cái là cô ấy rất ngay thật... Gia cậu biết cô ấy đáng yêu như thế nào!... Chà, cậu hút thuốc như một tay lính già ấy!

Tôi hút rất nhiều. Thuốc lá khi say thường làm dịu bớt những ý nghĩ bồn khoăn, những cảm giác lo âu. Rất may là rượu vôka lại làm cho tôi ghê tởm vì mùi vị của nó. Nhưng Paven lại thích uống và khi say nó thường khóc lóc thảm thương:

- Tôi muốn đi về nhà, về nhà! Buông cho tôi đi về nhà...

Tôi nhớ là nó cũng mồ côi, bố mẹ nó đã mất từ lâu, anh chị em đều không có; mới tám tuổi đầu nó đã phải đi ở cho người khác.

Với tâm trạng dần vật ấy, lại thêm tiếng gọi của mùa xuân kích thích, tôi lại quyết định sẽ làm việc trên tàu thủy và, khi xuống đến Axtorankhan, sẽ chạy trốn sang Ba-tư.

Tôi không nhớ tại sao lại quyết định đi đến Ba-tư; có lẽ chỉ vì tôi rất thích những người lái buôn Ba-tư ở hội chợ Nijni - Nôp-gô-rôt: họ ngồi im như những bức tượng thần bằng đá, chìa bộ râu nhuộm ra nắng, điềm tĩnh hút ống điếu; mắt họ vừa to vừa đen, dường như có thể am hiểu được mọi thứ trên đời này.

Dáng lẽ tôi đã bỏ đi đến bất cứ một nơi nào đó rồi, nhưng trong tuần lễ Phục sinh, nhân lúc một số thợ về quê thăm nhà, số còn lại la cà trong các quán rượu, thì vào một ngày nắng ráo, đang lúc dạo chơi ở

cánh đồng bên sông Ôka, tôi gặp cậu chủ, cháu của bà ngoại tôi.

Cậu mặc chiếc áo khoác mỏng màu xám, tay thọc vào túi quần, mồm ngậm điếu thuốc lá, đầu đội mũ hất ngược ra sau gáy, khuôn mặt nhả nhận của cậu như mỉm cười thân mật đối với tôi. Cậu có cái vẻ dễ thương của một người tự do, vui vẻ, ngoài hai người chúng tôi ra, không có ai trên đồng cỏ.

- A, Pêskôp, Chúa đã sống lại! Chúc mừng cháu!...

Chúc mừng nhau xong, cậu hỏi tôi sống ra làm sao; tôi thành thật kể với cậu rằng xưởng, thành phố, và mọi thứ nói chung, đều làm cho tôi chán ngán và tôi đã quyết định đi Ba-tư.

- Không nên! - cậu nói rất đúng đắn - Đi Ba-tư làm khỉ gì kia chứ? Này anh bạn, tôi biết chuyện đó lắm; hồi vào trạc tuổi anh, tôi cũng thích bay nhảy khắp bốn phương trời.

Tôi thích lối nói nhẹ nhàng phóng khoáng như vậy. Trong cậu có một cái gì lôi cuốn, tươi xanh của trời xuân. Từ chân đến đầu, trông cậu rất là ngang tàng.

- Hút thuốc không? - cậu vừa hỏi vừa chìa cho tôi chiếc hộp đựng thuốc lá bằng bạc có những điếu thuốc kếp xù.

Sự mời mọc đó đã hoàn toàn chinh phục được tôi.

- Thế này nhé, Pêskôp, anh lại đến với tôi! Cậu đề nghị - Này anh bạn, năm nay tôi đã nhận thầu

khoảng bốn mươi ngàn rúp những công trình kiến trúc ở hội chợ, anh có hiểu không? Vậy tôi sẽ phái anh tới hội chợ làm việc giống như một người đốc công⁽¹⁾ của tôi. Anh sẽ nhận vật liệu, sẽ trông nom cho công việc được tiến hành đúng lúc, đúng chỗ và đừng để cho đám thợ lấy cắp, thế có được không? Tiền công mỗi tháng năm rúp, ngoài ra mỗi bữa ăn trưa được trả thêm năm kôpếch! Mấy mụ đàn bà không dính dáng gì tới anh cả; sáng sớm anh ra đi, tối trở về, phớt tỉnh họ đi! Nhưng anh chớ có nói với họ chuyện chúng ta gặp nhau đây, đến chủ nhật này, nhân ngày lễ thánh Fôma, anh cứ tới như thế nhé.

Chúng tôi chia tay nhau như những người bạn. Lúc tạm biệt cậu bắt tay tôi và thậm chí lúc đi xa rồi cậu vẫn còn vẫy mũ, vẫy niềm nở.

Về xưởng, tôi nói với mọi người rằng tôi sẽ đi khỏi nơi đây, lúc đầu mọi người luyến tiếc khiến tôi cũng cảm động; người tỏ vẻ lo ngại nhất là Paven.

- Cậu hãy suy nghĩ kỹ đi, nó nói với về trách móc - Bọn mình sống với nhau đã quen rồi, cậu làm sao có thể sống nổi với bọn mujich phức tạp, bọn thợ mộc thợ nề ấy... Chao ôi, cậu quên câu tục ngữ: "Cha có đời nào lại đi làm thằng nhỏ" rồi à?

Bác Jikharep lẩm bẩm:

(1) Gorki trở lại làm việc cho người cậu từ mùa xuân năm 1883 đến mùa thu năm 1884

- Cá tìm đến chỗ sâu, còn thanh niên thường tìm đến chỗ khó khăn nhất...

Buổi chia tay với tôi do xương tổ chức vừa buồn vừa nặng nề.

- Tất nhiên là cái gì cũng nên trải qua, - bác Jikharep nói, mặt bác vàng khè vì nôn nao sau khi uống rượu. - Nhưng tốt hơn cả là nên bám thật chắc ngay tức khắc vào một cái gì đó...

- Và cứ bám như thế suốt đời, - bác Lariônits khẽ bổ sung thêm.

Nhưng tôi cảm thấy họ nói với vẻ gượng gạo và hình như chỉ làm theo bốn phần. Sợ chỉ thất chặt tôi với họ dường như đã bị mục nát và đột nhiên bị đứt.

Lão Gôgôlep say rượu trở mình trên gác lửng và thở khò khè:

- Tôi muốn tất cả đều bỏ tù hết! Tôi biết một điều bí mật! Ở đây những ai tin vào Chúa? A-ha-a-ha!

Giống như mọi khi, những bức tượng thánh vẽ dở chưa có mặt mũi đều đứng tựa vào tường, những quả cầu thủy tinh thì gắn chặt vào trần nhà. Đã từ lâu người ta không làm việc bằng đèn, không dùng những quả cầu ấy nên chúng bị phủ một lớp bồ hóng và bụi màu xám. Tất cả mọi thứ xung quanh đã in sâu trong trí nhớ tôi đến nỗi nhắm mắt lại, tôi vẫn nhìn thấy trong bóng tối toàn bộ cái hầm nhà, tất cả những cái bàn, cái hộp sơn ở bên bệ cửa sổ, những

chùm bút lông có cán, những bức tượng thánh, thùng nước rác ở góc nhà, dưới chiếc chậ¹ rửa tay bằng đồng giống như chiếc mũ sắt của người lính chữa cháy, và cái chân trần trụi của lão Gôgôlep buông thõng từ trên gác lửng xuống, xanh tái như chân người chết đuối.

Tôi muốn đi khỏi nơi đây thật mau, nhưng ở Nga người ta thường thích kéo dài những giây phút buồn bã, khi tiễn biệt người ta làm như thể làm lễ an táng cho người chết.

Bác Jikharep nhíu mày nói với tôi:

- Cuốn sách *Con quỷ* ấy bác không thể trả cháu đâu, nếu cần bác sẽ trả cho cháu hai mươi Kôpếch nhé?

Cuốn sách đó là của riêng tôi, ông già đội trưởng đội chữa cháy đã tặng tôi, tôi rất tiếc, phải nhượng Lecmôntôp cho người khác. Nhưng lúc tôi hơi có vẻ bực tức từ chối lấy tiền thì bác Jikharep bình tĩnh nhét đồng hai mươi kôpếch vào ví và tuyên bố dứt khoát:

- Muốn thế nào thì bác cũng không trả cháu cuốn sách này đâu. Cuốn sách này không phải là loại để cho cháu, đó là một cuốn sách mà hễ đem theo mình ít lâu sau là có thể phạm tội ngay...

- Cuốn sách này ở hiệu cháu thấy người ta có bán đấy!

Nhưng bác nói với tôi với vẻ rất khẩn khoản:

- Cái đó không lạ, ở hiệu ngay cả súng lục cũng có bán...

Thế là bác không trả Lecmônôp cho tôi.

Khi đi lên gác để từ biệt bà chủ, tôi bỗng gặp người cháu gái ở phòng ngoài, cô ả hỏi:

- Nghe nói anh sắp đi phải không?

- Phải.

- Nếu anh không đi thì cũng bị đuổi thôi, - cô ả nói với tôi không được nhã nhặn lắm, nhưng giọng rất chân thành.

Còn bà chủ say rượu thì nói:

- Thôi từ biệt nhé, cầu chúa phù hộ cho cháu! Cháu là một thằng bé hư và hỗn láo! Mặc dù chính ta chưa nhìn thấy cháu làm gì xấu, nhưng tất cả đều nói cháu là một đứa bé hư!

Rồi bỗng nhiên bà bắt đầu khóc và nói với giọng nghẹn ngào:

- Giá mà chồng bà còn sống, ông ấy là một người dịu dàng, có tấm lòng rất đáng quý, nhất định ông chỉ chửi mắng hoặc bộp gáy cháu thôi, nhưng vẫn giữ cháu lại, không đuổi đi! Còn bây giờ mọi chuyện đều khác trước, đừng một tý là đuổi luôn! Chà, cháu định bỏ đi đâu bây giờ, nương tựa vào đâu bây giờ?

XVI

Tôi cùng với cậu chủ đi thuyền dọc theo những đường phố của hội chợ, giữa những cửa hiệu xây bằng đá bị ngập nước lũ đến tận tầng thứ hai. Tôi chèo thuyền, cậu chủ ngồi ở phía lái điều khiển một cách vụng về: cậu buông mái chèo phía lái quá sâu xuống nước. Chiếc thuyền xoay quẩn quanh, chuyển từ phố này sang phố kia trên mặt nước yên lặng, trầm tư vấn đục.

- Chà, năm nay nước to quá, mẹ kiếp! Nó làm cản trở cả công việc, - cậu chủ cầu nhàu, miệng hút điếu thuốc xì gà, khói thuốc toả ra mùi dạ cháy.

- Nhẹ chứ! - cậu kêu lên với vẻ sợ hãi. - Đi về phía cột đèn!

Cậu xoay xở với chiếc thuyền, mồm chửi rủa:

- Lũ dê tiện, đưa cho chúng ta chiếc thuyền như thế đấy!

Cậu chỉ cho tôi những chỗ mà sau khi nước rút sẽ bắt đầu công việc sửa chữa lại các quán bán hàng,

râu cạo nhẵn nhụi, ria mép tĩa tót mồm ngậm điều thuốc lá xì gà, trông cậu không giống như một người thiếu khoán chút nào. Cậu mặc áo da, đi đôi ủng cao đến tận đầu gối, vai đeo chiếc túi dết của người đi săn, ở phía chân nhô lên một khẩu súng hai nòng. Cậu hay mó má chiếc mũ cát kết bằng da với vẻ băn khoăn, lúc thì kéo sụp nó xuống mắt, bĩu môi nhìn xung quanh với vẻ lo lắng, lúc thì hất ngược nó ra sau gáy, trông vẻ hần ra, rồi mỉm cười trong bộ ria mép và suy nghĩ về một điều thú vị gì đó. Khó mà tin được rằng cậu đang rất bận, rằng việc nước rút xuống chậm đang làm cậu lo lắng. Có lẽ trong con người cậu đang dào dạt một luồng suy nghĩ nào đấy không dính líu gì đến công việc cả.

Còn tôi thì bị một cảm giác ngạc nhiên trầm lặng ám áp; nhìn thành phố chết này, nhìn những dãy nhà thẳng tắp có cửa sổ đóng kín này, thật là kỳ lạ. Thành phố bị ngập đầy nước và giống như đang trôi bên cạnh chiếc thuyền của chúng tôi.

Bầu trời xám xịt. Mặt trời lạc vào trong những đám mây, thỉnh thoảng mới lộ qua những đám mây dày đặc hiện ra như một vệt lớn bằng bạc lạnh lẽo.

Nước cũng xám xịt và lạnh ngắt, khó mà thấy được dòng nước chảy; hình như nó đông lại, ngủ thiếp đi cùng với những ngôi nhà trống rỗng, những dãy cửa hiệu sơn màu vàng ố. Khi mặt trời trắng nhợt ngó qua những đám mây, tất cả mọi vật xung quanh

hơi sáng lên, nước phản chiếu màn trời màu xám, thì chiếc thuyền của chúng tôi treo lơ lửng giữa hai bầu trời; những toà nhà bằng đá cũng khể nhô lên và dường như đang nhẹ nhàng trôi về phía sông Vonga và Ôka. Xung quanh chiếc thuyền, thùng gỗ, hòm, sọt hồng, những dăm gỗ vụn và rơm rạ trôi bập bềnh, thỉnh thoảng có một cái sào hay một cây gỗ trôi qua như một con rắn chết.

Đây đó có những cửa sổ mở, trên mái hành lang có phơi quần áo lót, những đôi ủng dạ thò ra ngoài; một người đàn bà đứng nhìn qua cửa sổ xuống mặt nước màu xám; một chiếc thuyền buộc vào đỉnh một cái cột gang của dãy hành lang, mạn thuyền màu đỏ phản chiếu xuống mặt nước trông như một miếng thịt mỡ.

Cậu chủ hất đầu về phía những dấu hiệu của sự sống ấy và giải thích cho tôi.

- Đó là chỗ ở của bọn gác hội chợ. Họ bò qua cửa sổ ra mái nhà, ngồi vào thuyền rồi đi kiểm soát xem có kẻ cắp ở đâu không? Nếu không có kẻ cắp thì chính họ lại ăn cắp...

Cậu nói với vẻ uể oải, bình thản, hình như đầu óc đang suy nghĩ về chuyện gì khác. Xung quanh im lặng, vắng vẻ và huyền diệu y như trong giấc mơ vậy. Sông Vônga và Ôka hoà vào nhau thành một cái hồ lớn. Xa xa, trên một quả núi lờm chờm, thành phố hiện ra đẹp đẽ với nhiều màu sắc sặc sỡ. Cả thành

phố chìm trong các vườn cây còn đen sẫm, nhưng cây đã nảy lộc, vườn cây như khoác lên các ngôi nhà và nhà thờ chiếc áo lông ấm áp màu xanh nhạt. Tiếng chuông trầm trầm của ngày lễ Phục sinh ngân trên mặt nước. Nghe thấy rõ cả tiếng ồn ào của thành phố, còn ở đây thì giống như trên một bãi tha ma bị lãng quên.

Thuyền chúng tôi lượn giữa hai hàng cây đen sẫm, theo đường phố chính về phía nhà thờ cũ. Điều gì đã khuấy rầy cậu chủ, khói hăng che kín cặp mắt cậu; mạn thuyền, mũi thuyền luôn luôn đụng vào thân cây. Cậu chủ ngạc nhiên nói về tức giận:

- Chiếc thuyền này đều thật!

- Thế thì cậu đừng lái nữa.

- Sao lại có thể thế được? - cậu cầu nhàu - Nếu trên thuyền có hai người thì bao giờ cũng có một người chèo, một người lái. Trông kìa, đây là những dây của hiệu Trung Quốc...

Tôi biết rõ khu hội chợ từ lâu; tôi biết cả những dây nhà buồn cười, mái lố lăng này. Trên các góc mái nhà có bức tượng bằng thạch cao ngồi, chân xếp vòng tròn. Ngày xưa tôi cùng các bạn tôi đã lấy đá ném vào những bức tượng ấy nên một số đã bị chính tôi làm cụt đầu, cụt tay. Nhưng tôi đã không lấy làm tự hào về việc đó.

- Thật vô ý nghĩa, - cậu chủ vừa nói vừa chỉ tay về phía những dây nhà ấy, giá mà người ta để cho mình xây dựng cái đó...

Cậu huyết sáo và hát chiếc mũ về phía sau gáy.

Còn tôi thì không hiểu sao, tôi lại nghĩ bụng rằng cậu cũng sẽ dựng thành phố bằng đá này buồn tẻ như vậy thôi, và cũng ở một chỗ trũng hàng năm bị nước của hai con sông làm ngập như vậy. Và những dãy nhà Trung Quốc cậu cũng sẽ xây dựng như vậy.

Cậu vút điệu xì gà ra ngoài mạn thuyền rồi nhổ nước bọt theo vói về chân gán và nói:

- Chán ngấy, Pêskôp ạ! Chán ngấy! Ở đây không có những người học thức, chẳng có ai mà nói chuyện cả. Muốn khoe khoang nhưng biết khoe khoang với ai? Không có người. Chỉ toàn là bọn thợ mộc, thợ nề, bọn mujich, bọn kẻ cắp...

Cậu nhìn sang ngọn đồi bên phải, phía ngôi nhà thờ quét vôi trắng rất đẹp nhô lên trên mặt nước rồi lại tiếp tục nói, như sự nhớ lại một chuyện gì đã bị lãng quên:

- Tôi đã bắt đầu uống bia, hút xì gà, sống theo người Đức. Anh bạn ạ, người Đức là những người sành sỏi, chà cái lữ quỳ ấy! Uống bia thật là dễ chịu, còn hút xì gà thì tôi vẫn chưa quen! Hút nhiều quá, nhà tôi hay cầu nhàu: "Anh có mùi gì như là một mùi của thợ đóng yên ngựa thế?" Đấy, anh bạn ạ, chúng ta sống phải có mảnh khỏe mới được... Thôi anh tự lái lấy nhé. ..

Sau khi đặt mái chèo lên mạn thuyền, cậu cầm súng bắn một phát vào bức tượng ở mái nhà. Bức

tượng không bị hư hại, viên đạn chì trượt vào mái nhà và bức tường, những đám bụi bốc lên trong không khí.

- Không trúng rồi, - xạ thủ thú nhận một cách không thương tiếc rồi lại nhồi đạn vào súng.

- Anh đối với bọn con gái ra sao, đã phá giới chưa? Chưa à ? Còn tôi mới mười ba tuổi đầu đã yêu đương rồi...

Cậu kể, như kể một giấc mơ, câu chuyện mối tình đầu của mình với cô hầu phòng của vị kiến trúc sư; cậu đã từng sống ở nhà ông ta với tư cách là học trò. Làn nước xám khê vồ oàm oạp, cọ sạch các góc nhà, ở phía sau nhà thờ là một biển nước hoang vắng mờ mờ lấp lánh, đó đây trên mặt nước nhô lên những cành liễu đen sì.

Ở xưởng làm tượng thánh người ta hay hát bài hát của trường Dòng:

Biển xanh

Biển rộng...

Có lẽ cái biển xanh ấy trông đến chán ngấy lên được...

- Ban đêm tôi không ngủ, - cậu chủ nói. - có khi tôi trỗi dậy khỏi giường và đứng cạnh cửa buồng cô ấy, run như cây sậy; ngôi nhà rất lạnh lẽo! Đêm đêm lão chủ của cô ấy thường mò tới, có thể sẽ bắt gặp tôi, nhưng tôi cóc sợ, thật đấy...

Cậu nói với vẻ suy nghĩ, như đang xem xét một chiếc áo cũ đã hỏng, xem liệu có thể mặc một lần nữa hay không?

- Cô ấy trông thấy tôi, thương hại, mở rộng cửa ra và gọi: “Vào đi, anh chàng ngốc...”

Tôi đã nghe nhiều câu chuyện như vậy, chúng đã làm cho tôi phát ngấy, mặc dù trong mỗi chuyện đều có một nét gì thú vị. Về “mối tình đầu” của mình, hầu hết mọi người đều nói một cách không khoác lác, không bí ối, mà thường dịu dàng và buồn bã khiến tôi hiểu rằng đó là cái tốt đẹp nhất trong cuộc đời của người kể chuyện. Hình như nhiều người chỉ có một cái đó là tốt đẹp thôi.

Cậu chủ vừa cười vừa gật đầu và thốt lên với vẻ kinh ngạc:

- Anh không được nói chuyện này cho nhà tôi nhé, tuyệt đối không được nói đấy! Chuyện cũng chẳng có gì là đáng kể. Nhưng chớ có nói lại đấy! Câu chuyện thế này nhé...

Hình như không phải cậu kể cho tôi, mà cho chính cậu nghe. Nếu cậu có im lặng thì tôi cũng sẽ nói, vì trong bầu không khí yên tĩnh và vắng vẻ này, cần phải nói, hát, chơi đàn phong cầm; nếu không thì sẽ vĩnh viễn ngủ thiếp đi trong giấc mơ nặng nề giữa thành phố chết đang chìm đắm trong làn nước giá lạnh và xám xịt này.

- Điểm trước tiên là không nên lấy vợ sớm! - Cậu khuyên tôi. - Lấy vợ, anh bạn ạ, đó là một việc vô cùng trọng đại! Chưa vợ có thể muốn sống ra sao thì tùy ý anh bạn! Có thể sống ở Ba-tư làm tín đồ Hồi giáo, cũng có thể làm cảnh sát ở Maxcova; muốn đốt nhà cướp của cũng được, tất cả đó đều có thể sửa chữa được! Còn lấy vợ vào, anh bạn ạ, nó giống như là thời tiết ấy, không thể nào sửa chữa được đâu... Thật đấy! Anh bạn ạ, vợ không phải là chiếc ủng có thể tháo ra và quăng đi dễ dàng được...

Nét mặt của cậu thay đổi, cậu nhìn xuống dòng nước xám, khe cau mày, lấy ngón tay xoa chiếc mũi gồ và nói lẩm bẩm:

- Thật đấy, anh bạn ạ... Hãy thận trọng! Giả sử anh có bị lôi cuốn về phía nào đi chẳng nữa thì anh vẫn cứ đứng cho thẳng... Tuy nhiên, anh nào rồi cũng mắc bẫy cả thôi...

Thuyền chúng tôi đi vào đám bụi cây của hồ Mesecxkôie, hồ này hoà vào với sông Vonga.

- Chèo khẽ chứ, - cậu chủ nói thầm và chĩa súng vào bụi rậm.

Sau khi bắn được mấy con chim mỏ nhát gày nhom, cậu ra lệnh:

- Chúng ta đi tới Kunavinô thôi! Tôi sẽ ở lại đó cho đến tối, còn anh về nhà bảo rằng tôi bận làm việc với những người thầu khoán nên về muộn.

Sau khi đưa cậu lên một đường phố thuộc vùng ngoại ô cũng bị ngập nước lũ, tôi trở về theo đường hội chợ tới phố Xtrênka, buộc thuyền lại và ngồi ở đó nhìn chỗ hai con sông hoà vào nhau, nhìn thành phố, tàu thủy và bầu trời. Bầu trời giống như chiếc cánh lông lầy của một con chim to lớn khoác bộ lông trắng bằng mây. Trong những vực thẳm xanh biếc, giữa những đám mây, mặt trời vàng óng lộ ra, nó vừa thoáng nhìn xuống mặt đất là cảnh vật trên đất liền thay đổi. Mọi vật chung quanh đều chuyển động một cách phấn chấn và vững chắc, dòng sông chảy xiết dễ dàng cuốn theo vô số những bè gỗ. Những người mujich rậm râu đứng vững trên bè, điều khiển những mái chèo dài và gọi nhau ới ới mỗi khi gặp tàu thủy đi ngược lại. Chiếc tàu thủy bé nhỏ, kéo theo một chiếc sà lan không, đi ngược dòng; dòng sông cuốn lôi nó đi. Chiếc tàu xoay mũi như một con cá măng, thở phì phì, bánh lái buồm bình rẽ mặt nước đang chảy xiết về phía tàu. Trên sà lan, bốn người mujich ngồi sát vai nhau, chân thông ra ngoài thành; một người mặc sơ mi đỏ. Họ hát một bài không nghe rõ lời, nhưng tôi biết bài hát ấy.

Tôi cảm thấy rằng ở đây, trên dòng sông sinh động này, mọi vật đều gần gũi với tôi, tôi biết và có thể hiểu tất cả mọi vật, còn thành phố bị chìm đắm ở phía sau tôi thì như một cơn ác mộng, như câu chuyện bịa đặt của cậu chủ, cũng khó hiểu như chính bản thân cậu vậy.

Sau khi ngấm chán mọi vật, tôi trở về nhà, cảm thấy mình như một người lớn có khả năng làm đủ mọi việc. Trên đường về, tôi nhìn từ trên núi Kremlin xuống dòng sông Vonga; từ trên núi này nhìn xuống, trái đất dường như rộng bao la và hứa hẹn cho tất cả những gì mà ta muốn.

Ở nhà, tôi có nhiều sách vở. Căn nhà của Nữ hoàng Macgô trước đây, bây giờ có một gia đình đông người ở; năm cô tiểu thư, cô nào cũng đẹp, và hai cậu học sinh trung học. Họ thường cho tôi mượn sách. Tôi say mê đọc Tuôcgêniep và ngạc nhiên vì thấy mọi điều ông viết đều dễ hiểu, giản đơn và trong sáng như mùa thu, các nhân vật của ông đều cao thượng và tất cả những gì ông nói tới một cách dịu dàng đều tốt đẹp.

Tôi đọc cuốn *Trường đạo* của Pômialôpxki⁽¹⁾ và cũng lấy làm ngạc nhiên vì những chuyện tả ở trong này rất giống cảnh sinh hoạt của xưởng làm tượng thánh. Nỗi tuyệt vọng vì buồn chán biến thành sự cuồng loạn dã man cũng rất quen thuộc đối với tôi.

Tôi rất thích đọc sách Nga, trong đó tôi thường cảm thấy có một cái gì quen thuộc và buồn buồn, dường như giữa những trang sách có ẩn náu tiếng chuông của tuần chay; tôi vừa mới giở cuốn sách ra là nó khe khẽ ngân vang.

(1) N.G.Pômialôpxki (1835-1863), nhà văn Nga.

Những linh hồn chết⁽¹⁾ tôi đã đọc một cách miễn cưỡng; *Bút ký từ ngôi nhà chết*⁽²⁾ cũng vậy; *Những linh hồn chết*, *ngôi nhà chết*, *Cái chết*, *Ba cái chết*, *Những cái xác còn sống*⁽³⁾ - tên gọi đều đều của những cuốn sách này tình cờ làm cho tôi chú ý đến, chúng gây một mối ác cảm không rõ rệt đối với những cuốn sách như vậy. *Triệu trùng của thời đại*⁽⁴⁾, *Bước một*⁽⁵⁾, *Làm gì?*⁽⁶⁾, *Ký sự làng Xmurur*⁽⁷⁾ - Tất cả những cuốn sách đại loại như vậy tôi đều không thích⁽⁸⁾.

Nhưng tôi rất thích Đickex và Oantơ Xcôt. Tôi đã đọc những tác giả này một cách thích thú đặc biệt. Mỗi cuốn, tôi thường đọc đi đọc lại hai, ba lượt. Những cuốn sách của Oantơ Xcôt làm cho tôi nhớ đến những buổi lễ sáng lộng lẫy ở nhà thờ, tuy có hơi kéo dài và chán, nhưng bao giờ cũng trang nghiêm. Đichenx đối với tôi đã trở thành một nhà văn mà tôi sùng kính, ông đã nắm được một cách tài tình thứ nghệ thuật khó khăn nhất là lòng yêu mến con người.

(1) Tác phẩm của N.V.Gôgôn (1809-1852), nhà văn Nga.

(2) Tác phẩm của T.M.Đôxtôiepxki (1821-1881), nhà văn Nga.

(3) Tác phẩm của I.X.Tuôcgêniep (1818-1883), nhà văn Nga.

(4) Tác phẩm của Đ.I.Mordôpsep (1830-1905), nhà văn Nga.

(5) Tác phẩm của Ômulepxki (tên thật là I.V.Fiôđôrôp) (1837-1883), nhà văn Nga.

(6) Tác phẩm của T.G.Tsecnusepxki (1828-1889), nhà văn Nga.

(7) Tác phẩm của P.V.Zaxôdimixki (1843-1912), nhà văn Nga.

(8) Sau này Gorki đã thay đổi hẳn thái độ của mình đối với những tác phẩm nổi tiếng của văn học Nga vĩ đại *Những linh hồn chết* và *Làm gì?*

Tối tối trên thềm nhà tụ tập một đám đông; anh chị em nhà K, bọn thiếu niên, cậu học sinh trung học mũi hếch Viatsexlap Xêmaskô; thỉnh thoảng cô tiểu thư Ptixuma, con gái của một vị quan to, cũng đến. Mọi người bàn luận về văn học, về thơ ca: đề tài đó đối với tôi rất gần gũi và dễ hiểu, tôi đọc nhiều hơn tất cả bọn họ và rất lấy làm ngạc nhiên về sức chịu đựng của họ, nhưng dù sao tôi vẫn thèm muốn được như họ vì họ được cấp sách tới trường.

Các bạn tôi đều lớn tuổi hơn tôi, nhưng tôi cảm thấy, mình già dặn hơn, chín chắn hơn và có kinh nghiệm hơn họ. Điều đó khiến tôi bối rối, tôi muốn cảm thấy mình gần gũi hơn đối với họ. Thường thường tối mịt tôi mới về nhà, người đầy bụi bặm và đất cát, đầy ấn tượng khác hẳn những ấn tượng thực ra rất tầm thường của họ. Bọn con trai bàn tán nhiều về con gái, yêu hết cô này đến cô nọ, và cố công làm thơ, vì tôi tìm ra vần rất dễ dàng; nhưng không hiểu sao, thơ của tôi bao giờ cũng trở thành thơ hài hước. Thơ làm để gửi cho cô Ptixuma thường nhiều hơn cả, trong các bài thơ này lúc nào tôi cũng chỉ ví cô ta với rau cỏ, với củ hành.

Xêmaskô bảo tôi:

- Thơ thần gì mà lại thế? Đó chỉ là những cái đinh đóng giấy.

Không muốn thua kém họ về mặt nào, tôi cũng yêu cô Ptixuma. Tôi không nhớ đã tỏ tình như thế

nào, nhưng câu chuyện kết thúc không được tốt đẹp lắm: có một tấm ván nổi lềnh bềnh trên mặt nước xanh lè và hơi thối ở ao Xvezđin, tôi mời cô đi dạo trên tấm ván đó. Cô ta đồng ý, tôi kéo tấm ván vào gần bờ và đứng lên đó; một mình tôi đứng không sao cả. Nhưng khi cô tiểu thư ăn mặc lộng lẫy, toàn là đăng-ten và dải lụa, duyên dáng đứng lên đầu kia tấm ván và tôi hãnh diện lấy gậy đẩy ra khỏi bờ thì tấm ván đáng nguyên rủa kia trông tránh dưới chân chúng tôi, và cô tiểu thư ngã lộn nhào xuống ao. Tôi lao theo cô ta như một chàng hiệp sĩ và đưa ngay được cô ta lên bờ. Kinh hãi và bùn xanh đã làm tiêu ma vẻ đẹp nàng tiên của tôi!

Cô ta giờ nắm đầm ướt dọa tôi và hét lên:

- Anh cố ý dìm tôi!

Rồi, không tin những lời biện bạch chân thành của tôi, từ đó cô bắt đầu coi tôi như thù địch.

Nói chung, sống ở thành phố không thú vị lắm. Bà chủ già đối với tôi vẫn ác cảm như trước đây, mợ chủ nhìn tôi với con mắt nghi ngờ, cậu Victoruska, mặt mũi ngày càng đỏ vì những nốt tàn nhang, như có điều gì bức bối không ngăn chặn được và thường hay cáu gắt với mọi người.

Cậu chủ rất bận công việc vẽ đồ án, vào khoảng năm giờ chiều; khi bước vào phòng ăn tôi thấy một người mà tôi đã lãng quên ngồi ở cạnh bàn trà, bên cạnh cậu chủ. Ông đưa tay cho tôi bắt.

- Chào anh...

Tôi choáng váng vì bất ngờ; quá khứ bùng lên như một đám cháy, lòng tôi se lại.

Anh ta sợ kìa! - cậu chủ kêu lên.

Ông bố dượng mỉm cười nhìn tôi; trên khuôn mặt hốc hác cặp mắt đen của ông lại càng to hơn, toàn thân ông nom tiêu tụy và quắt queo lại. Tôi nắm lấy những ngón tay thanh tú và nóng hổi của ông.

- Thế là chúng ta đã gặp nhau, - ông vừa nói vừa ho sù sù.

Tôi bước ra, bối rối như người bị đánh.

Giữa chúng tôi phát sinh một quan hệ không rõ ràng và dè dặt, ông gọi tôi bằng tên riêng kèm tên lót và nói với tôi như với một người ngang hàng.

- Khi nào đi ra hiệu, anh mua giùm tôi một phần tư funt thuốc lá Lafecmơ, một trăm giấy thuốc lá Victorxon và một funt xúc xích...

Tiền ông đưa cho tôi bao giờ cũng nóng hăm hập rất khó chịu vì bàn tay nóng hổi của ông. Rõ ràng là ông bị lao và chẳng còn sống được bao lâu nữa. Ông biết điều đó và nói với một giọng trầm tĩnh, tay vờ vờ bộ râu cằm đen và nhọn hoắt:

- Bệnh của tôi hầu như không chữa được. Tuy vậy, nếu ăn nhiều thịt vào thì cũng có thể khỏi. Có lẽ tôi sẽ bình phục...

Ông ăn rất nhiều, ăn và hút thuốc lá, chỉ khi nào ăn mới rời thuốc lá khỏi miệng. Hàng ngày tôi đều

mua xúc xích, giảm bông, cá trích cho ông, nhưng bà em bà tôi vẫn cam đoan với vẻ ác ý không duyên cớ:

- Không nuôi thân chết bằng những món ăn nhẹ được đâu, không lừa dối nó được đâu, chẳng ăn thua gì hết!

Bà già và mợ chủ-săn sóc bổ dưỡng tôi một cách đến khó chịu, họ luôn mồm khuyên ông thử hết thứ thuốc này đến thứ thuốc khác, nhưng sau lưng, họ lại chế giễu ông:

- Thật là nhà quý tộc! Hẳn bảo phải phải sạch vụn bánh trên bàn, kéo ruồi nó đến - mợ chủ kể; bà lão cũng hùa theo:

- Chứ sao, dòng dõi quý tộc mà lại! Chiếc áo trao thì đã sờn, bóng cả lên, thế mà hẳn vẫn chải luôn tay. Thật là một con người kỳ quặc, trên người hẳn không có lấy một hạt bụi.

Còn cậu chủ có vẻ như là an ủi họ:

- Hãy chờ đợi ít lâu nữa, lũ quỷ ạ, ông ta sắp chết rồi đấy!...

Thái độ thù địch vô nghĩa ấy của những người tiểu thị dân đối với nhà quý tộc vô tình đã làm cho tôi gần gũi với bố dưỡng tôi. Mukhomo cũng là một thứ nấm bỏ đi, thế mà nó rất đẹp!

Sống ngọt ngạt giữa những con người này, bố dưỡng tôi giống như một con cá tình cờ sa vào chuồng gà mái; một lối so sánh thật lố lăng, giống như toàn bộ cuộc sống lố lăng này vậy...

Tôi bắt đầu tìm thấy ở ông bố dượng tôi những nét của bác Tốt Lắm, người mà tôi không bao giờ quên; tôi đã tô điểm cho bác và Nữ hoàng bằng tất cả những gì tốt đẹp nhất mà sách vở đã mang lại cho tôi; tôi đã hiến cho họ những gì trong sạch nhất trong tôi và tất cả những mơ tưởng do việc đọc sách sinh ra. Bố dượng tôi cũng là người xa lạ, bị người ta ghét bỏ như bác Tốt Lắm. Ông đối xử với tất cả mọi người trong nhà đều như nhau; không bao giờ ông nói trước tiên; ông trả lời câu hỏi của người khác với một vẻ lịch sự và ngắn gọn đặc biệt. Tôi rất thích khi ông khuyên cậu chủ: ông đứng ở bên chiếc bàn, cúi gập người xuống, lấy móng tay khô héo gõ gõ vào mặt giấy dày cộp và bình tĩnh giảng giải:

- Ở đây cần phải nối các đầu đòn tay bằng một vòm cuốn. Nhờ đó sẽ phân tán sức ép lên các bức tường, nếu không đòn tay sẽ sập mất.

- Đúng, khỉ thật! - cậu chủ nói lẩm bẩm.

Khi bố dượng tôi đi rồi, bà vợ bảo ông chồng:

- Em rất lầy lăm lẹ, sao anh lại để cho người ta dạy anh như vậy!

Mơ khó chịu nhất khi thấy ăn tối xong ông bố dượng tôi lại đi đánh răng và súc miệng, để nổi cục yết hầu nhợn ra.

- Theo tôi, - mơ nói, giọng chua loét - Epgêni Vaxiliêvits, ông ngựa cổ như vậy rất có hại.

Ông mỉm cười lịch sự và hỏi:

- Vì sao vậy?

- Thế... đấy...

Ông bèn lấy chiếc que bằng xương đánh những móng tay tái nhợt của mình.

- Anh xem, ông ta còn đánh móng tay nữa! - mẹ chủ lo ngại nói - Sắp chết rồi, mà còn...

- Chao ôi! cậu chủ thờ dài. - Cái lũ quỷ này, sao các người ngốc không đồ đầu cho hết thế...

- Anh nói gì? mẹ vợ nổi tam bành lên.

Còn bà lão đêm đêm thường sôi nổi than vãn với Chúa:

- Lạy Chúa, bây giờ người ta lại khoác lên cổ con cái tên bệnh hoạn này, còn thằng Victoruska lại bị bỏ rơi...

Victoruska bắt đầu bắt chước kiểu cách của bố dượng tôi, dáng đi chậm rãi, cử chỉ đường hoàng của đôi tay quý tộc, cách thắt ca vát hoa mỹ hơi có phần đặc biệt và cách ăn nói khéo léo, không nhồm nhoàm như của ông. Cậu thường hỏi một cách thô bỉ:

- Macximôp, đầu gối tiếng Pháp nói như thế này?

- Tên tôi là Epgêni Vaxiliêvits, - bố dượng tôi thân nhiên nhắc.

- Thôi được! Thế vú gọi là gì?

Trong khi ăn tối Victoruska ra lệnh cho mẹ:

Ma mere, donnez-moi encore du⁽¹⁾ thịt muối.

(1) Tiếng Pháp: mẹ ơi, đưa thêm cho con...

- Chà, mày là người Pháp rồi, - bà lão xúc động.

Bố dượng tôi như một người vừa cầm vừa điếc, không nhìn ai cả, điềm nhiên nhai thịt.

Một hôm cậu anh bảo cậu em:

- Victo ạ, bây giờ mày đã học được tiếng Pháp rồi, mày nên kiếm tình-nhân đi thôi.

Đó là lần duy nhất mà tôi nhớ là bố dượng tôi lặng lẽ mỉm cười.

Còn mợ chủ thì tức giận ném chiếc thìa xuống mặt bàn và quát chồng:

- Thế mà anh không biết xấu hổ, có mặt tôi mà anh dám nói những điều đê mạt như vậy à!

Thỉnh thoảng bố dượng tôi tới chỗ tôi ở, trong một phòng xép tối om; tôi ngủ ở đây, phía dưới cầu thang lên gác thượng. Tôi thường đọc sách ở bậc cầu thang, đối diện với cửa sổ.

- Anh đọc sách đấy à? - ông vừa hỏi vừa thở ra khói, trong ngực ông như có những thanh củi cháy nổ lép bép. - Sách gì thế?

Tôi đưa cho ông xem cuốn sách.

- À, - ông nói sau khi liếc nhìn tên sách, - cuốn sách này hình như tôi đã đọc rồi! Anh có muốn hút thuốc không?

Chúng tôi vừa hút thuốc vừa nhìn qua cửa sổ ra ngoài sân bắn thủ. Ông nói:

- Rất đáng tiếc là anh không được học; theo tôi nghĩ, anh có nhiều khả năng...

- Con vẫn học đấy chứ, vẫn đọc sách...

- Như thế chưa đủ, cần phải đến trường, học có hệ thống...

Tôi muốn nói với ông:

“Dạ thưa ngài, ngài đã học ở nhà trường và học có hệ thống, nhưng kết quả ra sao?”

Nhưng hình như cũng đoán được ý nghĩ của tôi, ông nói thêm:

- Người có chí khí thì nhà trường sẽ phát triển cho người đó rất nhiều. Chỉ có những người có học vấn cao mới có thể đẩy cuộc sống tiến lên được!

Nhiều lần ông khuyên tôi:

- Tốt hơn hết anh nên rời khỏi đây; tôi thấy đối với anh không có ý nghĩa gì, và cũng không có lợi gì mà ở lại đây...

- Con thích những người thợ.

- A... Thích ở chỗ nào?

- Sống với họ rất thú vị.

- Cũng có thể...

Nhưng có lần ông nói:

- Thật ra, lũ chủ ở đây đều là lũ hèn hạ, hèn hạ...

Nhớ lại mẹ tôi đã nói tiếng ấy vào lúc nào và như thế nào⁽¹⁾, tôi vô tình lùi lại. Ông mỉm cười và hỏi:

(1) Xem chương XII Thời thơ ấu của Gorki.

- Anh không tin như vậy à?

- Có...

- Đúng... Tôi biết mà.

- Dù sao thì con vẫn thích cậu chủ...

- Phải, ông ta có lẽ là người tốt... Nhưng hơi ngô nghĩnh...

Tôi muốn nói với ông về chuyện văn chương, nhưng ông không thích sách và nhiều lần khuyên tôi:

- Anh không nên say mê quá; trong sách mọi vật đều được tô vẽ thêm, đều bị xuyên tạc về mặt này hay mặt khác. Phần lớn những người viết sách đều là những người tầm thường đại loại như ông chủ của chúng ta vậy.

Tôi cảm thấy những nhận xét ấy thật táo bạo khiến tôi đối với ông càng có cảm tình hơn.

Có lần ông hỏi tôi:

- Anh đã đọc Gôntsarôp chưa?

- Mới đọc cuốn *Chiến hạm Pallada* thôi.

Cuốn *Pallada* ấy rất chán. Nhưng nói chung Gôntsarôp là một nhà văn thông minh nhất ở Nga. Tôi khuyên anh nên đọc cuốn *Ôblômôp* của ông ta. Cuốn sách này của ông ta chân thật và táo bạo hơn cả. Và nói chung trong văn học Nga đó là cuốn sách hay nhất...

Về Dickenx ông nói:

- Tôi cam đoan với anh rằng đó là một tay hồ đồ... Trong phụ lục của báo *Thời mới*⁽¹⁾ có đăng một tác phẩm rất hay *Sự cảm dỗ của thánh Antôn*⁽²⁾ - anh nên đọc truyện đó! Hình như anh thích tôn giáo và tất cả các truyện đó đều thuộc về tôn giáo thì phải? Cuốn *Sự cảm dỗ* đối với anh rất có lợi...

Chính tay ông cầm đến cho tôi một tập phụ lục. Tôi đã đọc một tác phẩm viết rất khéo của Flôbe. Tác phẩm này đã làm tôi nhớ đến vô số sự tích của các thánh, có đôi chuyện do lão già thông thái kể cho tôi nghe. Nhưng tác phẩm này không gây cho tôi một ấn tượng đặc biệt sâu sắc. Tập *Hồi ký của Upiliô Faimali*, người nuôi dạy thú dữ đang ở bên cạnh lại làm cho tôi thích hơn.

Khi tôi nói với bố dượng tôi điều đó, ông thản nhiên bảo:

- Có nghĩa là anh chưa đến tuổi đọc những tác phẩm như vậy. Nhưng chớ quên về cuốn sách ấy...

Đôi khi ông ngồi với tôi rất lâu, không nói không rằng, chỉ ho và liên tiếp thở khói ra. Cặp mắt đẹp của ông sáng lên nom rất dễ sợ. Tôi nhìn trộm ông và quên rằng con người đang chết dần chết mòn một cách ngay thật và giản dị, không kêu ca than vãn này, ngày xưa là người thân yêu của mẹ tôi và đã làm nhục mẹ tôi. Tôi biết hiện giờ ông đang sống với một cô thợ may nào đấy, tôi thấy băn khoăn và thương hại cho cô ta. Có thể nào cô không kinh tởm khi ôm

bộ xương dài kia, khi hôn cái mồm sặc mùi hôi thối nồng nặc kia? Cũng như bác Tốt Lắm trước đây, bố dưỡng tôi thỉnh thoảng đột nhiên nói ra những câu rất độc đáo:

- Tôi thích lũ chó săn, chúng ngốc, nhưng mà đẹp. Đàn bà đẹp thường là ngốc...

Tôi không thể không kiêu hãnh mà nghĩ:

“Giá mà ngài được biết Nữ hoàng Macgô!”

- Những người sống lâu trong ngôi nhà, thì cuối cùng khuôn mặt họ đều trở thành như nhau hết, - có lần ông đã nói câu đó. Tôi liền ghi nó vào cuốn vở của tôi.

Tôi chờ đợi những câu châm ngôn ấy như chờ đợi một việc thiện. Thật là thú vị khi nghe được những câu nói độc đáo trong ngôi nhà mà tất cả mọi người đều nói bằng một thứ tiếng tầm thường, cứng đờ theo những khuôn mẫu đơn điệu, cũ rích.

Bố dưỡng tôi không bao giờ nói với tôi về mẹ tôi, ngay cả tên mẹ tôi hình như cũng không bao giờ ông nhắc đến. Điều đó làm tôi rất biết ơn ông, gây cho tôi cảm giác gần như là tôn kính đối với ông.

Có một lần tôi hỏi ông về Chúa; tôi không nhớ rõ tôi đã hỏi như thế nào về vấn đề này; ông nhìn tôi và nói bình tĩnh:

- Tôi không biết. Tôi không tin vào Chúa.

Tôi nhớ đến Xitanôp và kể chuyện về anh. Sau

khí chăm chú nghe tôi kể, bố dượng tôi nhận xét, vẫn với giọng bình tĩnh:

- Anh ta biện luận, mà người biện luận thì dù sao cũng tin vào một cái gì đấy... Còn tôi, tôi không tin, có thể thôi!

- Lại có thể thế ư?

- Tại sao lại không? Anh cũng thấy rõ như vậy, tôi không tin...

Tôi chỉ thấy có một điều: ông đang chết mòn. Chưa chắc tôi đã thương tiếc ông, nhưng lần đầu tiên tôi thấy mình quan tâm một cách tự nhiên và sâu sắc đối với một người thân cận sắp chết, đối với sự bí mật của cái chết.

Người ấy đang ngồi đây, đầu gối chạm vào tôi, toàn thân nóng bừng, và đang suy nghĩ. Ông ta phân loại mọi người với một vẻ tự tin theo thái độ của mình đối với họ. Ông nói về tất cả, như người có quyền nhận định và giải quyết mọi việc. Trong con người ông như có một cái gì vừa cần thiết vừa không cần thiết đối với tôi. Đó là một con người phức tạp không thể hiểu nổi, là trung tâm một cơn lốc thường xuyên của những ý nghĩ. Dù tôi có đối xử với ông như thế nào chăng nữa, ông vẫn là một bộ phận của chúng tôi, vẫn sống ở đâu đây trong con người tôi, tôi vẫn nghĩ tới ông, và linh hồn ông vẫn hoà lẫn với linh hồn tôi. Mai đây, ông sẽ biến mất, hoàn toàn biến mất; tất cả những gì ẩn náu trong đầu óc, trái tim

ông mà tôi cảm thấy được, mà tôi tưởng có thể đọc được trong cặp mắt đẹp của ông, cũng sẽ biến đi. Khi nào ông biến mất thì một trong những sợi chỉ sống ràng buộc tôi với thế giới cũng sẽ đứt; chỉ còn có hồi ức mà thôi, nhưng hồi ức ấy sẽ ở trong tôi nguyên vẹn, sẽ vĩnh viễn tồn tại, không gì có thể xoá nhoà được. Còn cái thể xác phải chết kia, nó sẽ thay đổi, sẽ biến mất...

Nhưng đó là những ý nghĩ, đằng sau những ý nghĩ ấy có một cái gì không thể nói ra bằng lời được, nó đang sinh ra và nuôi dưỡng những ý nghĩ ấy, nó đang có uy thế cường bức phải nhìn kỹ các hiện tượng của cuộc sống, mỗi hiện tượng ấy đều đòi hỏi câu trả lời - để làm gì?

- Anh có biết không, hình như tôi sắp quị rồi thì phải, - bố dượng tôi nói với tôi vào một hôm trời mưa.
- Tôi yếu lắm rồi! Và cũng chẳng muốn gì nữa...

Hôm sau, trong một bữa uống trà tối, ông phải rất cẩn thận những vụn bánh khỏi bàn và đầu gối, như gạt khỏi mình một cái gì vô hình. Bà chủ gia vừa lườm ông vừa nói thầm với ả con dâu:

- Trông kìa, hần đang rĩa lông và chải chuốt...

Hai ngày sau ông không tới làm việc nữa; sau đó bà chủ già dúm cho tôi một chiếc phong bì trắng to và nói:

- Này, trưa hôm qua có một cô mang cái này tới, tao quên chưa đưa cho mày. Cô ả trông cũng dễ

thương, không hiểu đối với mày thế nào, tao cũng chẳng rõ nữa!

Trong phong bì, trên tờ giấy in mẫu sẵn của nhà thương, có viết những hàng chữ lớn:

“Nếu anh rồi, mời anh tới thăm tôi. Tôi ở Mactumôpxkaia. E.M.”.

Sáng hôm sau, tôi đã ngồi ở trong phòng nhà thương, trên giường của bố dượng tôi. Thân hình ông dài hơn chiếc giường nên hai bàn chân đi đôi tất xộc xệch màu xám thò qua cả cọc thành giường. Cặp mắt lơ lơ dò dẫm trên những bức tường quét vôi vàng rồi dừng lại trên khuôn mặt tôi và dừng lại trên đôi tay nhỏ nhắn của cô gái ngồi trên chiếc ghế đầu ở đầu giường. Cô đặt hai tay lên chiếc gối, và bố dượng tôi há mồm ra, lấy má cọ vào tay cô. Cô gái nom đầy đặn, cô mặc chiếc áo đen giản dị; trên khuôn mặt trái xoan của cô nước mắt từ từ chảy; cặp mắt xanh ướt đầm nhìn chăm chăm vào khuôn mặt hom hem, vào cái mũi to nhọn hoắt và cái miệng thâm sì của bố dượng tôi.

- Đáng lẽ phải gọi cha cố đến, - cô nói thầm, - nhưng anh ấy không cho gọi... anh ấy chẳng hiểu gì cả...

Cô nhắc hai tay khỏi chiếc gối, áp tay vào ngực như thể cầu nguyện.

Bố dượng tôi hồi tỉnh lại trong giây lát, nhìn lên trần nhà, cau mày với vẻ nghiêm khắc và giống như

nhớ lại chuyện gì, sau đó nhích bàn tay xương xẩu lại gần phía tôi.

- Anh đấy à? Cảm ơn. Anh thấy đấy... Tôi cảm thấy mình... thật là...

Nói xong câu đó, ông mệt lử, nhắm mắt lại. Tôi vuốt ve những ngón tay lạnh giá dài ngoằng ngoằng, móng tay tái nhợt của ông. Cô gái khẽ hỏi:

- Epgêni Vaxiliêvits, xin anh ưng thuận cho!

- Đấy, - làm quen với nhau đi, - ông đưa mắt chỉ cô và bảo tôi. - Một người rất tốt...

Ông im lặng, miệng mở rộng hơn, rồi bỗng nhiên kêu thét lên khò khè như một con quạ; ông lỏng lộn trên giường, tung chăn ra, hai tay trần trụi sờ soạng quanh mình. Cô gái cũng kêu lên, rúc đầu vào chiếc gối nhàu nát.

Bố dượng của tôi chết rất nhanh và lập tức nét mặt của ông biến đổi, nom rất dễ thương.

Tôi khoác tay cô gái bước ra khỏi bệnh viện. Cô chệnh choạng như một người ốm khóc nức nở. Cô cầm chiếc mùi xoa vo chặt trong tay, hết đặt lên mắt này lại đặt lên mắt kia. Cô cuộn tròn chiếc khăn chặt hơn và nhìn nó, dường như đó là vật quý nhất và là vật cuối cùng của cô.

Bỗng nhiên cô dừng lại, nép vào người tôi và nói với giọng trách móc:

- Anh ấy không sống nổi đến mùa đông... Ôi, trời đất ơi, trời đất ơi, thế là thế nào nhỉ?

Sau đó cô giơ bàn tay ướt đẫm nước mắt bắt tay tôi.

- Xin từ biệt. Anh ấy rất khen ngợi anh. Ngày mai sẽ chôn cất.

- Có thể tiễn chân chị về nhà không?

Cô nhìn quanh.

- Tiễn làm gì? Trời hãy còn sáng.

Tôi đứng ở góc ngõ nhìn theo. Cô đi rất thông thả giống như người không có việc gì cấp thiết.

Lúc đó là tháng tám, lá bắt đầu rụng.

Tôi không có thì giờ để đưa bố dựng tôi ra nghĩa địa và cũng không bao giờ gặp lại cô gái ấy nữa...

XVII

Sáng sáng, vào lúc sáu giờ, tôi đến hội chợ làm việc. Ở đó có những con người lý thú đón gặp tôi: bác thợ mộc Ôxip tóc bạc nom giống như thánh Nikôla, một công nhân giỏi, ăn nói sắc sảo; bác thợ lợp mái gù lưng Êfimuska; bác thợ nề Piôt sùng đạo, một con người luôn tư lự nom cũng tựa như một vị thánh; bác thợ trát Grigôri Sislin, một người đẹp trai có bộ râu màu hạt dẻ nhạt và cặp mắt xanh, nét mặt luôn luôn rạng rỡ bởi một vẻ hiền hậu dịu dàng.'

Tôi biết những người này từ dạo tôi đến ở tại nhà người cậu lần thứ hai. Thường thường cứ đến chủ nhật là họ lại xuất hiện ở trong bếp, dáng điệu đường hoàng, trịnh trọng, nói năng nhã nhặn bằng những lời lẽ ngọt ngào, mới lạ đối với tôi. Hồi ấy tôi cảm thấy tất cả những người mujich đường hoàng này đều là những người hoàn toàn tốt. Mỗi người có cái hay riêng, tất cả đều khác xa những người tiểu thị dân độc ác, trộm cắp và rượu chè ở xóm Kunavinô.

Hồi đó tôi ưa bác thợ trát Sislin hơn cả, thậm chí đã có lần tôi xin vào phòng thợ của bác, nhưng bác vừa lấy ngón tay bạc trắng gãi hàng lông mày vàng ánh vừa nhẹ nhàng từ chối tôi:

- Đối với cháu còn sớm quá, công việc của các bác không phải là việc nhẹ nhàng đâu, cháu hãy chờ một hai năm nữa...

Rồi bác hất cái đầu đẹp ra phía sau và hỏi tôi:

- Chắc cháu sống khổ lắm phải không? Ô, không sao hãy chịu đựng một tí, cứ co mình lại khắc chịu đựng được tuốt!

Tôi không biết lời khuyên thiện ý ấy đã đem lại cho tôi những gì, nhưng tôi đã ghi nhớ nó với một lòng biết ơn.

Và cho đến bây giờ, tất cả bọn họ vẫn đến gặp cậu chủ tôi vào các buổi sáng chủ nhật. Họ thường ngồi trên những chiếc ghế dài chung quanh chiếc bàn nhà bếp và, trong lúc chờ đợi, họ chuyện trò một cách hứng thú. Cậu chủ sỏi lời và vui vẻ chào hỏi họ, nắm chặt những bàn tay rắn chắc của họ rồi ra ngồi ở góc ngoài. Bàn tính và những xếp giấy bạc được đem ra; đám mujich đặt lên bàn những tờ biên lai và những sổ tay nhàu nát của họ: thế là buổi đầu tính tiền công hàng tuần bắt đầu.

Cậu chủ vừa tán gẫu và pha trò, vừa cố ý tính sai cho họ, còn thì họ cũng cố tình tìm cách ăn gian

cậu. Đôi khi hai bên cãi nhau rất kịch liệt, nhưng thường là cười xoa thân mật với nhau.

- Hà hà, ông bạn, đúng là ông sinh ra đã là một tay lừa bịp! - đám mujich bảo cậu.

Cậu cười ngượng ngịu, trả lời:

- Hừ, còn các anh, đồ quỷ ạ, các anh lừa bịp cũng chẳng kém đâu!

- Thì biết thế nào khác được cơ chứ, ông bạn? - Êfimuska thú nhận, còn bác Piôt thì nghiêm trang nói:

- Người ta sống thực ra là nhờ vào những cửa ăn cắp, chứ còn những gì làm ra được thì đều cúng cho Chúa với Sa hoàng cả...

- Chính vì thế nên tôi cũng muốn ăn non ăn già các người! - cậu chủ cười.

Họ hồn hậu hưởng ứng lời cậu nói:

- Có nghĩa là ông định thó của chúng tôi chứ gì?

- Ông định úm chúng tôi phải không?

Grigori Sislin lấy hai tay áp chặt bộ râu lộng lẫy vào ngực đề nghị bằng một giọng nghe như hát:

- Anh em ạ, chúng ta hãy làm việc cho tử tế, đừng có lừa dối nhau nữa! Vì sống ngay thật có phải là sung sướng và yên ổn biết bao không? Chúng ta đều là anh em cả, phải không?

Cặp mắt xanh của bác thẩm lại và uơn ướm. Trong những giây phút đó trông bác đẹp và hiền lành lạ

thường. Mọi người dường như đều có phần bối rối trước lời yêu cầu của bác, tất cả đều ngượng ngùng quay mặt đi chỗ khác.

- Dân mujich không lừa dối quá quắt lắm đâu! - bác Ôxip dễ thương vừa thở dài vừa nói lầu bầu, có vẻ như thương hại người mujich.

Bác thợ nề nước da ngăm ngăm đen cúi gập cái lưng gù trên mặt bàn, nói giọng ồ ồ:

- Tội lỗi cũng giống như một bãi lầy vậy: càng ra xa càng nhầy nhụa!

Cậu chủ cũng bắt chước giọng của họ, lúng búng nói:

- Tôi ấy à? Cũng tùy việc tùy người chứ...

Triết lý xong, họ lại tìm cách lừa dối nhau. Rồi thanh toán với nhau xong, người nhể nhại mồ hôi và mệt mỏi vì căng thẳng, họ ra quán uống nước trà, mời cả cậu chủ cùng đi.

Ở hội chợ, tôi phải theo dõi không cho những người này lấy cắp đinh, gạch và ván. Ngoài phần việc làm cho cậu chủ, người nào cũng có những hợp đồng riêng, thành thử người nào cũng cố tìm cách thó được một thứ gì đó ngay trước mặt tôi để về dùng vào công việc của mình.

Họ đón tiếp tôi với thái độ dịu dàng, nhưng bác Sislin nói:

- Anh có nhớ hồi trước anh định xin vào phường

thợ của tôi không? Bây giờ thì anh đã leo cao lắm rồi, anh sẽ là người cai quản tôi, phải không?

- Ô... - bác Ôxip pha trò - cứ việc trông, cứ việc cai quản, cầu Chúa sẽ phù trì cho anh!

Bác Piôt nhận xét một cách ác ý:

- Họ cho một con sếu non đến điều khiển những con chuột già...

Những trách nhiệm của tôi đã làm cho tôi bối rối vô cùng: tôi thấy xấu hổ trước mặt những con người đó; tôi cảm thấy tất cả bọn họ đều hiểu biết một điều gì rất đặc biệt và rất tốt đẹp mà ngoài họ ra không ai biết, vậy mà tôi phải xem họ như những quân ăn cắp và lừa đảo. Những ngày đầu tiếp xúc với họ tôi cảm thấy khổ tâm: nhưng chẳng bao lâu bác Ôxip đã nhận thấy điều đó, và một hôm bác bảo riêng tôi:

- Này, chú mày, đừng có lên mặt, cái đó chẳng ích lợi gì đâu, hiểu không?

Tất nhiên là tôi chẳng hiểu gì cả, nhưng tôi cảm thấy rằng ông già này hiểu rõ địa vị lỗ bịch của tôi, và giữa tôi với bác ta đã có quan hệ cởi mở với nhau rất nhanh.

Bác kéo tôi vào một góc nhà và bảo tôi:

- Nếu anh muốn biết thì tôi nói cho mà biết: trong bọn tôi, lão thợ nề Pétrukha⁽¹⁾ là tay trùm ăn cắp đấy. Gia đình hắn ta đông người, hắn lại là người

(1) Tức Piôt

tham lam. Cứ theo dõi hắn kỹ mà xem. Hắn ta không từ một cái gì hết, cái gì đối với hắn cũng tốt: một *funf* đình, mười viên gạch, một bao vôi, hắn cần tất! Hắn ta chính là một người tốt, mộ đạo và suy nghĩ đứng đắn, biết chữ nghĩa, ấy thế mà lại thích ăn cắp! Êfimuska thì sống vì gái, hắn là người hiền lành, hắn không làm anh phải bực mình đâu. Hắn cũng là người thông minh. Những kẻ gù đều không phải là kẻ ngốc đâu! Còn Grigôri Sislin thì hơi dần. Hắn không những không lấy của người, mà còn đem của mình cho người nữa! Hắn làm ăn chẳng ra gì, bất kỳ ai cũng có thể đánh lừa được hắn, nhưng hắn thì không thể lừa dối được ai! Hắn khờ lắm...

- Bác ấy tốt chứ?

Bác Ôxip nhìn tôi như nhìn từ xa lại và nói những lời đáng ghi nhớ:

- Đúng, hắn là người tốt! Đối với kẻ lười biếng thì trở thành người tốt là một việc đơn giản nhất. Lòng tốt không đòi hỏi đến trí khôn, chú em ạ...

- Thế còn bác thì thế nào? - tôi hỏi bác Ôxip.

Bác ta mỉm cười, trả lời:

- Tôi giống như cô thiếu nữ. Bao giờ trở thành bà già, tôi sẽ kể về tôi. Anh cứ chờ đấy! Nếu không thì anh hãy dùng trí khôn mà tìm xem tôi là người thế nào⁽¹⁾. Anh cứ tìm xem tôi ở đâu!

(1) Nguyên văn: Tìm xem tôi ẩn nấp ở đâu.

Bác ta đã làm đảo lộn tất cả những quan niệm của tôi về bác và các bạn bè của bác. Tôi thấy khó mà nghi ngờ vào sự thật của những điều bác ta nói. Tôi nhận thấy rằng bác Êfimuska, Piôt, Grigôri đều coi ông già dễ thương này là người thông minh và hiểu biết mọi sự đời hơn chính họ. Trong bất kỳ việc nào họ cũng đều hỏi ý kiến bác, chăm chú nghe những lời khuyên của bác và đối xử với bác với một thái độ vì nể.

- Bác hãy làm ơn bảo chúng tôi - họ thường yêu cầu bác như vậy. Nhưng có một lần sau khi hỏi xong và chờ lúc bác Ôxip đã đi khỏi, bác thợ nề nói khế với bác Grigôri:

- Đồ tà giáo!

Bác Grigôri mỉm cười, bổ xung thêm:

- Một thằng hề!

Bác thợ trát đe tôi bằng giọng thân mật:

- Anh hãy coi chừng đấy, Macximits. Sống với lão già này phải cẩn thận, lão có thể trong nháy mắt xoay anh như xoay chong chóng ấy! Những lão già ấy chẳng qua chỉ là đồ ăn hại. Có trời biết được họ tai hại như thế nào!

Tôi chẳng hiểu ra sao cả.

Tôi có cảm tưởng rằng người ngay thẳng và thật thà nhất là bác thợ nề Piôt. Nói chuyện gì bác cũng nói ngắn và với giọng trang nghiêm; ý nghĩ của bác

thường thường là xoay quanh Chúa, địa ngục và cái chết.

- Ô, anh em ơi, dù có cố sức đến đâu, có hy vọng vào cái gì đi nữa thì cũng chẳng ai thoát khỏi chiếc quan tài và khu nghĩa địa đâu!

Bác ta thường xuyên đau bụng. Có những hôm bác hoàn toàn không ăn uống gì được, thậm chí một mẩu bánh mì con cũng làm bác bị đau đớn và nôn mửa khổ sở.

Tôi cảm thấy bác Êfimuska gù lưng cũng là một người rất tốt và ngay thật, nhưng lúc nào trông bác ta cũng có vẻ khô hài, đôi khi dần dần, thậm chí ngày dài giống như một thằng ngốc lâm li. Bác ta thường xuyên phải lòng đủ các hạng đàn bà, và hề nói đến mộ nào bác cũng chỉ dùng độc có mấy lời:

- Tôi xin nói thẳng: mộ ta không phải là đàn bà đâu, mộ ta là một bông hoa sữa cơ đấy, thật mà...!

Mỗi khi các mộ tiểu thị dân nhanh nhẩu ở xóm Kunavinô đến rửa sàn tại các cửa hiệu, bác Êfimuska lại tụt từ trên mái nhà xuống, đứng vào một góc nhà, miệng gừ gừ như mèo, cặp mắt xám linh hoạt nheo lại, chiếc mồm rộng toác lên đến tận mang tai.

- Ôi, Chúa mang đến cho tôi một ả mồm mồm làm sao! Thật sung sướng biết chừng nào! Ôi, thật là một bông hoa sữa! Tôi làm sao cảm ơn được số phận đã ban cho tôi món quà như thế này cơ chứ! Tôi đến chết vì người đẹp này mất!

Ban đầu các mục vừa cười bác ta vừa chốc chốc lại gọi bảo nhau:

- Trông lão gù đang chảy dãi ra kia, cha mẹ ơi!

Những lời chế nhạo chẳng làm cho bác thợ mài chạnh lòng chút nào. Khuôn mặt có hai gò má nhô cao của bác ta có vẻ như mê ngủ, bác nói năng hệt như một người mê sảng, những lời nói ngọt ngào của bác tuôn ra như một dòng suối có men say và rõ ràng là đám phụ nữ có ngây ngất. Sau cùng, một mục nhiều tuổi hơn cả ngạc nhiên nói với đám bạn gái của mình:

- Các bà nghe lão mujich tán kia, cứ ynhư là một thanh niên trai trẻ ấy!

- Lão nói như rót vào tai ấy...⁽¹⁾

- Hay là như một lão ăn mày trước cửa nhà thờ vậy, - một mục đàn bà ngang ngạnh không chịu thua thốt lên.

Nhưng Êfimuska không giống ăn mày. Bác ta đứng vững vàng hệt như một gốc cây lớn, giọng bác vang lên mỗi lúc một thêm hấp dẫn, lời nói trở nên quyến rũ hơn, khiến các bà phải lắng lắng nghe. Bác quả như tan ra trong những lời nói dịu dàng, ngây ngất đó.

Câu chuyện đó thường được kết thúc vào bữa ăn chiều hoặc sau ngày thứ bảy⁽²⁾. Lúc này bác ta vừa

(1) Nguyên văn: như chim hót.

(2) Ngày thứ bảy nghỉ việc trong tuần lễ của người Do-thái.

lắc lư cái đầu nặng nề, to xù, vừa nói với bạn bè bằng một giọng kinh ngạc.

- Ôi, cô ả mới dịu dàng và đáng yêu làm sao! Lần đầu tiên trong đời tôi mới được với tới một cô nàng như vậy đấy!

Khi kể về những thắng lợi của mình, bác Êfimuska không hay khoe khoang, không hay nhạo báng người phụ nữ đã bị mình chinh phục như những người khác thường làm. Bác ta thường chỉ xúc động với một vẻ vui sướng và biết ơn, cặp mắt xám của bác mở to với vẻ kinh ngạc.

Bác Ôxip lắc đầu, thốt lên:

- Ôi, anh thật là một tay bê tha bất trị! Anh bao nhiêu tuổi?

- Bốn chục lẻ tư rồi. Nhưng không sao! Hôm nay tôi trẻ lại đến năm tuổi, như vừa được tắm nước hồi sinh ở dưới sông lên. Thân thể trở nên khoẻ khoắn, trong lòng cảm thấy thanh thản! Ô, trên đời có những người đàn bà mới tuyệt làm sao chứ, hả?

Bác thợ nề nghiêm khắc đáp lại:

- Khi nào ngoài năm mươi thì hãy coi chừng: anh sẽ thấy chua xót vì những thói quen phóng đảng của anh cho mà xem!

- Anh là đồ vô liêm sỉ, Êfimuska ạ! - Grigôri Sislin thờ dãi nói.

Tôi thì lại cảm thấy rằng con người đẹp trai ấy ghen tức trước thành công của ông bạn gù.

Bác Ôxip nhìn mọi người từ dưới cặp lông mày xoắn tít rất đều, trắng như bạc, và nói đùa:

- Cô Maska⁽¹⁾ nào cũng có kiểu cách riêng, cô thì thích ăn, cô thì thích diện⁽²⁾, nhưng cô Maska nào cũng sẽ thành bà lão...

Bác Sislin đã có vợ, nhưng vợ bác ở nhà quê. Bác ta cũng thường ngắm nghía những bụi rửa sàn nhà. Tất cả những bụi đó đều có thể chải được một cách dễ dàng, bụi nào cũng có "kiếm chác thêm". Trong cái xóm nghèo đói này, đối với cách kiếm tiền đó người ta cũng xem bình thường như đối với bất kỳ công việc nào khác. Nhưng bác mujich đẹp trai này không hề động chạm đến các bụi, bác thường chỉ nhìn họ từ đằng xa bằng cái nhìn đặc biệt, hết như thương hại mình hay thương họ. Còn những khi họ tự ve vãn, quẩy rũ bác trước, bác chỉ cười ngượng ngịu và bỏ đi...

- Các người thật là...

- Sao lại thế, đồ ngốc! - Êfimuska ngạc nhiên hỏi

- Làm sao lại có thể bỏ lỡ cơ hội như thế được?

- Tôi đã có vợ rồi - Grigôri nhắc.

- Vợ làm thế nào biết được?

- Vợ anh thế nào cũng biết nếu như anh sống không chung thủy. Không lừa được họ đâu, người anh em ạ!

(1) Tức Masa

(2) Nguyên văn: cô thì thích tách và thìa, cô thì thích nhấn và khuyên.

- Nhưng vợ làm thế nào biết được cơ chứ?

- Điều đó tôi không rõ, nhưng họ nhất định phải biết nếu như bản thân họ sống chung thủy. Còn nếu như tôi sống chung thủy mà vợ tôi lại sai trái thì tôi sẽ biết...

- Bằng cách nào? - Êfimuska hét lên, nhưng Grigôri bình tĩnh nhắc lại:

- Cái đó tôi không rõ.

Bác thợ mái đang hai tay ra có vẻ bức tức.

- Xem đấy! Nào “chung thủy”, nào “không rõ”...
Chà, đầu óc anh mới lạ chứ!

Đám thợ của bác Sislin tất cả có bảy người, họ đối xử với bác ta rất tự nhiên, không cảm thấy bác ta là người chủ của họ, nhưng sau lưng, họ gọi bác là một con bê. Những khi ra chỗ làm việc mà thấy họ làm biếng, bác liền cầm lấy bay, xẻng và tự bắt tay vào làm một cách khéo léo, vừa làm vừa dịu dàng khích lệ:

- Gắng lên, anh em ơi, gắng lên!

Một hôm, trong lúc thi hành một nhiệm vụ khó chịu do cậu chủ tôi giao cho, tôi bảo bác Grigôri:

- Thợ của bác tôi lắm...

Bác làm ra vẻ ngạc nhiên:

- Thật à?

- Việc này đáng lẽ đến buổi trưa hôm qua là phải xong, thế mà hôm nay họ vẫn chưa làm xong...

- Đúng đấy, họ chưa làm xong đâu - bác đồng ý, và sau khi im lặng, bác nói một cách dè dặt:

- Tất nhiên là tôi cũng đã thấy, nhưng tôi không nỡ thúc họ, bởi vì họ đều là người cùng cánh, cùng làng với tôi. Chẳng qua cũng vẫn là sự trừng phạt của Chúa đấy thôi, cứ phải là làm đổ mồ hôi, sôi nước mắt mới ra miếng bánh mì mà ăn, đó là sự trừng phạt đối với tất cả chúng ta, cả anh lẫn cả tôi nữa. Mà tôi với anh lại làm việc ít hơn họ, thành thử không tiện thúc họ...

Bác luôn luôn tư lự. Nhiều khi đang đi trên những đường phố vắng vẻ của hội chợ, bác bỗng dừng lại trên một chiếc cầu bắc qua kênh Ôp-vô-tnưi, đứng rất lâu bên hàng tay vịn nhìn nước, nhìn trời, nhìn về phía xa bên kia sông Ôka. Nếu người nào bắt gặp và hỏi:

- Bác làm gì thế?

Thì bác như người tỉnh dậy, mỉm cười ngượng ngịu và trả lời:

- À, có gì đâu... Tôi đứng nhìn trời đất một chút...

- Người anh em ạ, mọi thứ Chúa đều xếp đặt thật là khéo - bác thường nói. - Nào trời, nào đất, nào sông chảy, nào tàu chạy. Cứ trèo lên tàu thủy là đi đâu cũng được: đi Riazan hoặc Rubinxkơ, đi Pecmơ hoặc đến Axtrakhan! Tôi đã đến Riazan rồi, thành phố ấy cũng không đến nỗi tồi, nhưng buồn lắm, buồn hơn Nijni. Nijni của chúng ta, chà, vui lắm!

Axtrakhan còn buồn hơn nữa. Ở Antrakhan chính là có nhiều người Kamưc, mà tôi thì lại không ưa họ. Tôi không thích những dân Mordvin, Ba-tư, Đức và bất kỳ dân ngoại lai nào...

Bác nói chậm rãi, những lời của bác như thận trọng dò kiếm một người nào đó đồng ý với mình và luôn luôn tìm thấy một người như thế ở bác thợ nề Piôt.

- Chúng có phải là dân ngoại lai đâu, mà chỉ là dân đẽ vãi - bác Piôt nói giọng tin chắc và bức tức - chúng sinh ra ngoài ý Chúa, sống ngoài mắt Chúa...

Bác Grigôri mặt mày tươi tỉnh, rạng rỡ hẳn lên.

- Muốn nói gì thì nói, còn tôi ấy à, anh em ạ, tôi chỉ thích dân thuần khiết, dân Nga chính trực mà thôi! Dân Do-thái tôi cũng không ưa, và thậm chí tôi không hiểu Chúa sinh ra những dân ngoại lai ấy để làm gì? Thật là quá sáng suốt...

Bác thợ nề bổ sung thêm bằng giọng buồn rầu:

- Sáng suốt thật, nhưng hình như có nhiều cái vô ích!...

Nghe câu chuyện của họ, bác Ôxip nói xen vào, giọng có vẻ giễu cợt và chua cay:

- Những cái vô ích thì có đấy, ngay câu chuyện này của các anh cũng hoàn toàn là vô ích! Chao ôi, lúc nào cũng cãi nhau! Dem mà nện cho tất cả các người một trận.

Bác Ôxip thường giữ ý kiến mình, nhưng khó mà biết được bác đồng ý cái gì hoặc sẽ phản đối cái gì. Đôi lúc có cảm tưởng rằng bác thờ ơ đồng ý với mọi người, với mọi ý kiến của họ, nhưng thường thường ta nhận thấy bác chán tất cả mọi người, bác xem họ như những đồ ngu xuẩn. Bác bảo Piôt, Grigôri và Êfimuska:

- Chao ôi, đồ lợn con...

Họ mỉm cười không được vui vẻ và thoải mái lắm, nhưng dù sao vẫn mỉm cười.

Cậu chủ cho tôi năm kôpếch tiền ăn một ngày. Ngân ấy tiền không đủ, lúc nào tôi cũng hơi đói. Thấy thế, các bác thợ thường mời tôi ăn sáng và ăn chiều với họ, đôi khi cả những chủ thầu cũng rủ ra quán uống trà. Tôi sẵn sàng nhận lời; tôi thích ngồi với họ, nghe những giọng nói chậm rãi và những câu chuyện kỳ lạ của họ. Sự hiểu biết của tôi về các sách đạo làm cho họ rất thích thú.

- Anh nhồi nhét sách no nề lắm rồi, dạ dày của anh đầy ứ những sách là sách - bác Ôxip vừa nói vừa chăm chú nhìn tôi bằng cặp mắt tím màu hoa mua. Khó mà thấy rõ ý nghĩa của cặp mắt đó, hai con ngươi của bác lúc nào cũng như sắp chảy và tan ra thành nước.

- Anh nên giữ gìn cái vốn hiểu biết đó, góp nhặt thêm nữa vào, sau này nó sẽ có ích cho anh. Lớn lên anh có thể trở thành một tu sĩ, dùng lời nói để an ủi

thiên hạ. Hoặc nếu không thì trở thành nhà “triệu đạo”...

- “Truyền đạo”⁽¹⁾ - bác thợ nề chữa lại, giọng nói không hiểu sao nghe có vẻ bực bội.

- Sao? - bác Ôxip hỏi lại.

- Tôi bảo: phải nói là “truyền đạo”, anh còn lạ gì nữa! Anh có điếc đâu...

- Thôi được, trở thành nhà truyền đạo, để rồi tranh cãi với bọn tà giáo. Nếu không được thì ra nhập luôn vào phái tà giáo thì cũng lợi chán! Khi người ta có trí tuệ thì tà giáo cũng vẫn nuôi sống người ta được.

Grigori cười ngượng ngịu, còn Piôt lúng búng trong chòm râu:

- Thì ngay bọn phù thủy sống cũng có đến nỗi nào, và mọi kẻ vô thần...

Nhưng bác Ôxip liền phản đối ngay:

- Bọn phù thủy là bọn vô học, học thức không thích hợp đối với bọn phù thủy...

Rồi bác kể cho tôi nghe:

- Tôi nói anh nghe: ngày trước ở xóm tôi có một gã cố cùng sống cầu bơ cầu bất tên là Tuska. Gã là một anh mujich ngu ngốc và đói khổ. Hắn sống như một chiếc lông chim, nay đây mai đó, gió thổi đi đâu

(1) Nguyên văn: bác Ôxip nói nhầm tiếng “Mixiôner” nghĩa là “người truyền đạo” thành “Milliôner” nghĩa là “nhà triệu phú”.

thì bay đi đấy, chẳng ra người làm lụng, cũng chẳng ra kẻ biếng nhác. Thế rồi một hôm, vì chẳng có việc gì làm, gã bỏ đi hành hương. Gã lang bạt suốt hai năm trời, sau đó bỗng một hôm gã xuất hiện với một hình dáng lạ lẫm: tóc dài đến tận vai, đầu đội một chiếc mũ chóp nhỏ, mình vận chiếc áo thầy tu màu hung đỏ bằng vải thô. Gã nhìn mọi người bằng cặp mắt như mắt cá vược và nói một cách ngang ngạnh: "Hãy sám hối đi, những kẻ đáng nguyên rủa kia!". Ai mà không có chuyện phải sám hối, nhất là các bà? Thế là mọi việc đều đúng như ý muốn: Tuska được chén no nê, Tuska uống rượu say khướt, còn đàn bà thì Tuska muốn mu nào cũng được...

Bác thợ nề cúi kính ngất lời:

- Cái chính đâu có phải ở chỗ no với say?

- Thế thì ở cái gì?

- Ở như lời nói ấy!

- Ô, tôi không đi sâu vào những lời nói của hần ta. Ngay tôi đây cũng đã có quá nhiều lời rồi.

- Tusnikôp Dimitri Vaxilits thì chúng tôi biết khá rõ - bác Piôt nói bằng giọng bực dọc, còn bác Grigôri thì cúi đầu im lặng nhìn vào cốc nước của mình.

- Tôi có định tranh luận đâu. - bác Ôxip tuyên bố bằng giọng dàn hoà - Tôi chỉ muốn nói cho Macximits của chúng ta biết những con đường kiếm sống khác nhau...

- Có những con đường còn dẫn đến nhà tù nữa...

- Chuyện đó chẳng phải hiểm! - bác Ôxip tán thành - không phải con đường nào cũng dẫn đến chức cố đạo cả đâu. Cần phải biết rõ chỗ nào mới được...

Bác luôn luôn hơi có ý châm chọc hai người mộ đạo là bác thợ trát và bác thợ nề. Có thể là bác không ưa họ, nhưng bác khéo che giấu thái độ đó của mình. Nói chung khó mà nhận thấy được thái độ của bác đối với mọi người như thế nào.

Đối với Êfimuska, bác nhìn bằng con mắt có vẻ dịu dàng và hiền từ hơn. Bác thợ lợp mái ấy không hay tham dự vào những câu chuyện bàn về Chúa, về chân lý, về các giáo phái, về nỗi khổ của đời người là những đề tài mà các bạn bè của bác thường ưa thích. Sau khi đặt chiếc ghế nguyên về phía bàn để lưng ghế khỏi làm phiền cái lưng gù, bác bình thản ngồi uống trà, hết cốc này đến cốc khác. Nhưng đột nhiên bác vểnh tai, nhìn quanh gian phòng mù mịt khói thuốc, lắng nghe những giọng nói ồn ào, rời rạc, rồi đứng phắt dậy và biến mất rất nhanh. Như thế tức là có một chủ nợ nào đó của Êfimuska vừa bước vào quán, mà chủ nợ thì bác ta có ít nhất cũng đến một chục người, và vì có một số chủ nợ hay đánh bác nên bác phải chuẩn ngay.

- Họ cáu đấy, bọn họ thật là kỳ quặc - bác nói với vẻ băn khoăn - Nếu có tiền thì việc gì tôi lại không trả cơ chứ?

- Ôi, thật là xơ xác rạc ròi... - bác Ôxip nói với theo bác ta.

Đôi khi Êfimuska ngồi trầm ngâm rất lâu, không nhìn và nghe thấy gì hết. Khuôn mặt với đôi gò má nhô cao trông dịu lại, cặp mắt hiền từ nhìn càng hiền từ hơn.

- Nghĩ ngợi gì thế, ông bạn? - mọi người hỏi bác.

- Tôi đang nghĩ giá như tôi trở thành một người giàu có thì, chao ôi, tôi sẽ lấy ngay một bà quý phái thật sự, một bà quý tộc ấy, con gái một ông đại tá chẳng hạn. Trời, khi đó tôi sẽ yêu nàng đến thế nào! Có lẽ tôi sẽ sống bên cạnh nàng cho đến chết... Anh em ạ, vì đã có lần tôi đến để lợp biệt thự cho một ông đại tá...

- Và lão ta có một cô con gái goá chồng chứ gì - chuyện ấy chúng tôi đã nghe nói rồi! - bác Piôt ngắt lời với vẻ thiếu thiện cảm.

Nhưng Êfimuska vẫn điềm nhiên lấy tay xoa hai đầu gối và lắc lư người, chiếc lưng gù như chọc vào không khí, rồi bác nói tiếp:

- Cô ta thường hay ra vườn, mặc toàn đồ trắng lộng lẫy. Tôi ngồi trên mái nhà nhìn cô ta, nghĩ thầm: mặt trời có ra gì, thế giới này có nghĩa gì nếu như không có nàng? Giá tôi có thể biến thành một con chim bồ câu để bay xuống đậu dưới chân nàng! Nàng đúng là một bông hoa xanh da trời trong bình sữa! Được sống với người một người như nàng, cả đời chỉ cần một đêm thôi cũng được!

- Thế các người định lấy gì mà đánh chén? - Piôt hỏi giọng nghiêm khắc, nhưng câu hỏi đó không làm cho Êfimuska bối rối.

- Lạy Chúa! - bác ta thốt lên - Chúng tôi có cần nhiều đâu cơ chứ? Nhất là nàng lại là người giàu có...

Bác Ôxip cười: -

- Êfimuska, anh hoang phí lắm, khi nào thì anh phung phí hết cái thân anh vào những công việc ấy?

Ngoài chuyện đàn bà, Êfimuska không nói chuyện gì khác. Bác làm việc cũng thất thường: khi thì làm rất tốt, rất nhanh; khi thì trì trệ, chiếc búa gỗ đóng xuống các thanh xà có vẻ uể oải và cầu thả, thường để lại những khe hở. Người bác ta luôn luôn bốc mùi dầu mỡ. Nhưng bác ta cũng có mùi riêng của mình, một thứ mùi khoẻ khoắn và dễ chịu, tựa như mùi gỗ mới xẻ.

Với bác thợ mộc, có thể nói chuyện một cách hứng thú, hứng thú nhưng không khoan khoái lắm. Những lời nói của bác luôn luôn làm trái tim bắn khoăn, và khó mà biết được khi nào bác ta mới nói đúng đắn, khi nào bác ta nói đùa.

Với bác Grigôri thì tốt hơn hết là nói chuyện về Chúa, bác thích những chuyện đó và thường tỏ ra kiên định trong các cuộc bàn cãi.

- Grisa, - tôi hỏi - bác có biết có những người không tin ở Chúa không?

Bác điềm tĩnh mỉm cười:

- Thế là thế nào?

- Họ bảo không có Chúa!

- À, ra thế! Điều đó tôi biết rồi!

Rồi vừa phẩy tay xua một con ruồi không nhìn thấy, bác vừa nói:

- Anh có nhớ không, vua Davit đã từng nói: “Kẻ điên rồ trong trái tim không có Chúa”. Đó, những kẻ điên rồ đã nói điều đó từ bao giờ ấy rồi! Không có Chúa, không thế nào ổn được...

Bác Ôxip có vẻ đồng ý với bác ta:

- Cứ thử cướp Chúa của Pêtrukha xem, hắn sẽ cho anh biết tay!

Khuôn mặt xinh đẹp của Sislin trở nên nghiêm nghị. Bác dùng những ngón tay có vôi khô bám trên móng chải bộ râu, và nói với vẻ bí mật:

- Chúa nằm trong từng mạch máu thớ thịt. Lương tâm và mọi thứ bên trong đều do Chúa ban cho cả!

- Thế còn tội lỗi?

- Tội lỗi là do xác thịt, do quỷ Xa-tăng gây ra. Tội lỗi là cái bên ngoài, giống như những nốt rỗ hoa mà thôi, không hơn không kém! Kẻ phạm tội nhiều nhất chính là kẻ hay nghĩ đến việc phạm tội. Đừng nghĩ đến nó thì không phạm tội! Những ý nghĩ tội lỗi là do quỷ Xa-tăng, chính chủ nhân của xác thịt kêu gọi...

Bác thợ nề hoài nghi:

- Hình như không phải như vậy...

- Đúng thế! Chúa không bao giờ phạm tội, còn con người là hình ảnh và sự tương đồng của Chúa. Hình ảnh và thể xác có thể phạm tội, còn cái tương đồng thì không thể phạm tội được. Cái tương đồng đó là linh hồn...

Bác ta mỉm cười một cách đắc thắng, còn bác Piôt thì cau nhàu:

- Điều đó hình như không phải như vậy...

- Vậy theo anh - bác Ôxip hỏi anh thợ nề - nếu không phạm tội thì không sám hối, mà không sám hối thì không được cứu vớt chứ gì?

- Như thế có lẽ đúng hơn! Đã quên qui sứ thì cũng chẳng còn yêu gì Chúa, các cụ ta đã nói như vậy...

Bác Sislin không biết uống rượu, chỉ uống độ hai ly nhỏ là bác đã say. Những lúc ấy mặt bác đỏ hồng lên, cặp mắt nom thơ ngây, giọng nói nghe như hát.

- Anh em ơi, mọi việc sao mà tuyệt vậy! Chúng ta sống, làm lụng đôi chút và được no nê. Cảm ơn Chúa! Ôi! thật là tuyệt!

Bác khóc, những giọt nước mắt nhỏ xuống chòm râu của bác và lấp lánh trên từng sợi râu trông như những chuỗi hạt cườm bằng thủy tinh.

Những lời bác thường xuyên ca ngợi cuộc đời cùng với những giọt nước mắt trong như thủy tinh ấy làm

cho tôi khó chịu. Bà tôi ca ngợi cuộc đời một cách giản dị hơn và có sức thuyết phục hơn, nhưng không lái nhai như vậy.

Tất cả những buổi trò chuyện ấy đã khiến tôi sống trong một trạng thái luôn luôn căng thẳng, chúng gợi lên một nỗi lo lắng vẫn vơ. Tôi đã từng đọc nhiều chuyện ngắn nói về con người mujich, và tôi thấy người mujich trong sách vở khác xa hẳn với người mujich bằng xương bằng thịt. Trong sách, tất cả những người mujich đều bất hạnh; dù họ hiền lành hay dữ tợn, lời nói và ý nghĩ của họ đều nghèo nàn hơn những người mujich có thật. Người mujich trong sách vở ít nói đến Chúa, đến các giáo phái và nhà thờ; họ thường nói nhiều về chủ của họ, về ruộng đất, về chân lý và những nỗi cực nhục của cuộc đời. Họ cũng ít nói về phụ nữ và không thô bỉ đến như thế, có phần thân ái hơn. Đối với người mujich thật, đàn bà là một thứ tiêu khiển, nhưng là một thứ tiêu khiển nguy hiểm. Với đàn bà luôn luôn phải ranh mãnh, nếu không họ sẽ áp đảo và làm rối loạn tất cả cuộc sống. Người mujich trong sách vở hoặc là xấu hẳn hoặc là tốt hẳn, không bao giờ lại vừa xấu vừa tốt. Còn những người mujich thật dù có thổ lộ hết tất cả trước mặt ta đi nữa, ta vẫn luôn luôn cảm thấy rằng ở họ, đang còn giữ lại một cái gì rất thâm kín, chỉ dành cho bản thân họ, và rất có thể chính cái không nói ra, cái ngấm ngấm đó lại là cái chủ yếu nhất.

Trong số tất cả những người mujich ở sách vở, tôi thích nhất nhân vật Piôt trong *Acten thợ mộc*⁽¹⁾. Tôi muốn đọc truyện ấy cho các bạn bè của tôi nghe, bèn đem cuốn sách đến hội chợ. Tôi thường hay phải ngủ đêm với phường này hoặc phường kia, đôi khi do tôi không muốn trở về thành phố vì trời mưa, nhưng thường là vì sau một ngày làm việc tôi rất mệt và không còn đủ sức để cuộc bộ về nhà nữa.

Khi tôi bảo tôi có một cuốn sách nói về thợ mộc, tin đó làm cho tất cả đều hết sức chú ý, nhất là bác Ôxip. Bác cầm lấy cuốn sách ở tay tôi, vừa giở từng trang vừa hoài nghi lắc lư cái đầu nom như đầu thánh.

- Mà có lẽ viết về chúng ta thật đấy! Hừ, lũ bip bọm! Ai viết thế? Một nhà quý tộc à? Hừ, tôi cũng nghĩ như vậy. Các nhà quý tộc và quan trên cái gì họ cũng có thể làm được? Những cái Chúa chưa đoán ra, quan trên đã nghĩ ra rồi. Họ sinh ra để làm chuyện đó mà lại...

- Ôxip, anh nói về Chúa chẳng thận trọng gì cả - bác Piôt nhận xét:

- Không sao! Đối với Chúa thì lời nói của tôi còn nhẹ hơn một bông tuyết hoặc một giọt nước mưa rơi vào cái đầu hói của tôi cơ đấy! Anh chớ lo, tôi với anh không đụng được đến Chúa đâu...

(1) Tùy bút của A.F.Pixemxki; nhân vật Piôt trong truyện giết chết tên ku-lắc đầu khoán.

Bỗng nhiên bác tuôn ra những lời gay gắt tựa như một hòn đá lửa bắn ra những tia lửa. Bác dùng chúng như dùng những cái kéo để cắt đứt tất cả những gì chống đối lại mình. Suốt ngày hôm đó mấy lần bác hỏi tôi:

- Đọc sách chứ, Macximits? Hừ, tốt lắm, tốt lắm! Nghĩ ra cái đó hay đấy.

Làm việc xong, chúng tôi đến phòng của bác ăn tối. Ăn xong thì bác Piôt, cùng người thợ của bác là Acđaliôn và Sislin cùng với chàng thanh niên trẻ tuổi Fôma tới. Trong gian nhà kho, chỗ ngủ của phòng, người ta thắp lên một ngọn đèn, và tôi bắt đầu đọc sách. Mọi người yên lặng nghe, không nhúc nhích. Nhưng một lát sau Acđaliôn cúi kính nói:

- Thôi, đối với tôi xin đủ!

Và bỏ ra ngoài. Người tiếp đi đầu tiên là bác Grigôri, mồm há ra trông thật kỳ dị. Tiếp theo, cánh thợ mộc cũng ngủ gật. Các bác Piôt, Ôxip và Fôma thì xích lại gần bên tôi và chăm chú nghe.

Tôi đọc xong, bác Ôxip liền tắt đèn. Nhìn các vì sao thấy trời đã gần nửa đêm.

Bác Piôt hỏi trong bóng tối:

- Câu chuyện đó viết ra để làm gì? Phản đối ai?

- Thôi, đi ngủ đi! - bác Ôxip vừa nói vừa tháo ủng. Fôma lặng lẽ dịch sang một bên.

Bác Piôt nhắc lại, giọng yêu sách:

- Tôi hỏi: cái đó viết để phản đối ai?

- Họ khác biệt ! - bác Ôxip vừa nằm xuống vừa trả lời.

- Nếu phản đối các cụ gì ghê thì đó là một việc hoàn toàn ủng hộ công: các cụ ấy không phải vì thế mà sẽ tốt hơn - bác thợ nề khẳng khái nói - Còn nếu để phản đối Piôt thì cũng vô ích: tội hán thì hán chịu ! Giết người thì xin mời đi Xibêri, chỉ có thế thôi ! Cuốn sách không giúp ích được gì trong trường hợp này... hình như không giúp ích được gì, có phải không?

Bác Ôxip im lặng. Bác thợ nề liền nói thêm:

- Họ không có việc gì làm, thành thử cứ đi tán chuyện người khác ! Cũng kiểu như các bà ngồi rồi chuyện tào lao với nhau. Thôi, xin chào, tôi phải đi ngủ đây...

Bác dừng lại một phút trong khoang cửa vuông màu xanh để ngó và hỏi:

- Anh nghĩ thế nào, Ôxip ?

- Hử? - bác thợ mộc đáp bằng giọng ngái ngủ.

- Thôi được, ngủ đi...

Bác Sislin nằm lăn ngay tại chỗ vừa ngồi. Fôma nằm trên đồng rơm nát bên cạnh tôi. Thôn xóm đã ngủ cả. Từ xa vẳng lại tiếng còi đầu máy xe lửa, tiếng âm âm nặng nề của những bánh xe bằng gang, tiếng ngân vang của những đầu đệm giữa các toa xe. Trong gian nhà kho vang lên những tiếng gáy khác nhau. Tôi cảm thấy lúng túng: tôi chờ đợi sẽ có những cuộc tranh luận nào đó, nhưng chẳng có gì hết...

Bỗng bác Ôxip cất tiếng nói nhỏ và rành rọt:

- Các chú này, đừng có tin một tí gì ở những điều ấy cả. Các chú còn trẻ, cuộc đời của các chú còn dài, hãy tích lũy thêm trí tuệ của mình! Nó đáng giá bằng hai của người khác! Ngủ rồi à? Fôma?

- Chưa - Fôma đáp lại ngay.

Thế đấy ! Hai chú đều biết chữ, vậy các chú cứ việc đọc, nhưng chớ có tin gì cả. Họ có thể tin tất cả những gì họ muốn, việc đó nằm trong tay họ !

Bác thả hai chân ở trên xuống, hai tay chống vào mép gác lửng, cúi về phía chúng tôi và nói tiếp:

- Sách đấy à? Cần phải quan niệm nó như thế nào? Sách là bản báo cáo về con người. Nó nói: hãy trông xem thế nào là một con người bình thường, chẳng hạn như một anh thợ mộc hoặc một người nào khác; còn đây là một nhà quý tộc, đó là một hạng người khác! Sách viết ra không phải không có mục đích, mà chính là để bảo vệ cho những hạng người nào đó...

Fôma nói bằng giọng trầm trầm:

- Piôt giết lão thâu khoán là đúng !

- Ô, đâu có phải thế! Giết người thì không bao giờ đúng cả. Tôi biết chứ không ưa Grigôri, nhưng chú phải bỏ những ý nghĩ ấy đi. Tất cả chúng ta đều là những người chẳng giàu có gì. Hôm nay tôi là chủ, nhưng mai tôi sẽ là người làm công...

- Cháu có nói bác đâu, bác Ôxip...

- Nói ai thì cũng vậy...

- Bác thật là một người công bằng.

- Khoan đã, tôi sẽ kể cho chú nghe người ta viết sách để làm gì - bác Ôxip cắt ngang những lời bực dọc của Fôma - Đây là một cuốn sách rất tinh quái! Này nhé: có địa chủ không có mujich, và có mujich không có địa chủ! Bây giờ thử hỏi xem sao: địa chủ cũng khổ mà mujich cũng chẳng sung sướng gì. Địa chủ trở thành yếu đuối, sa đọa; còn mujich thì trở nên khoác lác, rượu chè, đau ốm, bực tức. Đó, câu chuyện là như thế! Cuốn sách định nói rằng sống dưới thời nông nô người ta sống yên ổn hơn. Địa chủ không lợi gì nếu mujich nghèo đói. Họ muốn mujich giàu có nhưng ngu dốt, như thế có lợi cho họ. Điều đó tôi biết rõ bởi vì chúng tôi đã từng sống gần bốn mươi năm dưới thời nông nô. Trên da thịt tôi đã ghi lại nhiều dấu vết lắm rồi.

Tôi nhớ đến bác đánh xe ngựa Piôt ⁽¹⁾ - người đã cắt cổ tự tử - cũng đã nói về địa chủ như thế. Tôi cảm thấy rất khó chịu thấy những ý nghĩ của bác Ôxip lại trùng với những ý nghĩ của lão già độc ác đó.

Bác Ôxip vừa đưa tay sờ chân tôi, vừa nói tiếp:

- Cần phải hiểu được những cuốn sách vở và đầy đủ các loại tác phẩm ! Không ai đi làm những chuyện vô ích bao giờ. Nếu thấy tôi có vẻ như vô ích thì chẳng qua đó chỉ là bề ngoài

⁽¹⁾ Xem chương IX trong cuốn Thời thơ ấu của M.Gorki.

mà thôi. Ngay sách viết ra nhưng cũng không phải là không có mục đích, mà là để xáo trộn đầu óc người ta. Mọi thứ đều được làm ra bằng trí tuệ, không có trí tuệ thì dẫn gỗ cũng chẳng xong, bện giầy gai cũng chẳng nổi...

Trong bóng tối và trong bầu không khí yên lặng bác nói rất lâu, hết nằm xuống lại nhồm lên, miệng khe khẽ tuôn ra những câu khôi hài mạch lạc:

- Người ta bảo địa chủ là những kẻ xa lạ đối với mujich. Điều đó cũng không đúng. Chúng ta cũng là những người như địa chủ thôi, chỉ có điều chúng ta là hạng tốt cùng. Tất nhiên, địa chủ học theo sách vở, còn tôi thì học bằng những trận đòn, và những móng đít của địa chủ thì trắng hơn, khác nhau chỉ có thế thôi. Không đâu, các anh ạ, đã đến lúc thiên hạ phải sống theo một lối khác rồi, những sách vở đó cần phải vứt bỏ đi thôi, phải xếp nó lại! Hãy để cho mỗi người tự hỏi mình: Tôi là ai? Là con người. Còn họ là ai? - Cũng là con người. Vậy thì sao? Chúa có đòi hỏi họ hay tôi phải đóng góp khác nhau một hai kópéc nào chẳng? Ồ, không, nói về thuế má chúng ta và họ đều bình đẳng trước Chúa...

Cuối cùng, lúc gần sáng, khi bình minh đã làm tắt cả các vì sao, bác Ôxip bảo tôi:

- Chú đã thấy tài ăn nói của tôi chưa? Nhiều điều tôi nói, chính tôi trước kia cũng chưa bao giờ nghĩ đến! Các chú ạ, các chú chớ có tin tôi. Tôi làm như vậy, chính là vì không ngủ

được chứ không phải thật đâu. Nằm cứ trơ ra, thành thử phải nghĩ ra một trò gì để giải trí: "Đạo trước có một con quạ khoang, nó bay từ cánh đồng lên núi, từ bờ ruộng này sang bờ ruộng kia. Nó sống hết thời, Chúa bèn trừng phạt nó: quạ chết và khô đét lại!". Câu chuyện như vậy thì có ý nghĩa gì? Chẳng có ý nghĩa gì hết... Thôi, ta ngủ đi. Sắp đến lúc dậy rồi...

XVIII

Cũng giống như anh thợ lò Iakôp trước kia, dưới con mắt tôi bác Ôxip mỗi ngày một lớn và che khuất tất cả mọi người. Ở bác có một cái gì rất gần gũi với anh thợ đốt lò, nhưng đồng thời lại khiến tôi liên tưởng đến ông ngoại tôi, đến lão già thông thái Piôt Vaxilêvits và bác đầu bếp Xmurri. Tuy bác giống tất cả những con người mà hình ảnh của họ đã gắn chặt trong tâm trí tôi, nhưng bác vẫn để lại trong đó một vết hằn sâu, thâm nhập vào chất ôxyt găm nhấm chiếc chuông đồng hồ vậy. Có thể nhận thấy ở bác hai lối suy nghĩ: ban ngày trong lúc làm việc, trước mặt mọi người, những ý nghĩ lạnh lợi và giản dị của bác có phần thực tế và dễ hiểu hơn những ý nghĩ hiện ra trong đầu óc bác vào lúc nghỉ ngơi, vào những buổi chiều tối, khi bác cùng tôi đi về thành phố, về nhà bà cụ mẹ nuôi làm nghề bán bánh rán của bác, hoặc vào những đêm bác mất ngủ. Những ý nghĩ ban đêm của bác có những nét độc đáo, nhiều khía cạnh, giống như ngọn lửa trong chiếc đèn lồng vậy. Chúng rất sáng, nhưng không hiểu đâu là mặt chính của chúng, mặt nào của một ý nghĩ nào đó gần gũi và quý giá hơn đối với bác Ôxip?

Tôi cảm thấy bác thông minh hơn hẳn tất cả những người tôi đã từng gặp trong một lúc nào đấy? Tôi quần quanh bên cạnh bác với tâm trạng giống như khi quần quanh bên anh thợ dệt lò: tôi muốn tìm hiểu con người, nhưng bác cứ trơn tuột và ngoan ngoãn khiến tôi không tài nào bắt được. Sự thật của bác ẩn khuất ở đâu? Có thể tin những gì ở bác?

Tôi nhớ lại, có lần bác đã từng bảo tôi:

- Anh hãy tự tìm kiếm xem tôi là người thế nào. Anh cứ tìm đi!

Lòng tự ái của tôi bị va chạm, nhưng trong tôi còn có một cái gì khác va chạm hơn cả lòng tự ái. Đối với tôi, hiểu được ông già này là một điều hết sức cần thiết.

Mặc dù ở bác có những cái khó hiểu, nhưng bác là một con người kiên định. Tôi có cảm tưởng như dù có sống thêm một trăm năm nữa bác cũng vẫn y nguyên như thế, vẫn đứng vững giữa những con người hay dao động một cách kỳ lạ này. Lão già thông thái cũng đã từng gây cho tôi một ấn tượng về tính cương nghị như vậy, nhưng ấn tượng đó không làm cho tôi dễ chịu lắm. Tính cương nghị của bác Ôxip không giống như thế, nó có phần dễ chịu hơn.

Tính bấp bênh của mọi người đập vào mắt tôi một cách quá rõ rệt, những bước nhảy xảo trá của họ từ vị trí này qua vị trí kia đã từng làm tôi phải đảo lộn. Tôi không còn đủ sức để ngạc nhiên trước những bước nhảy không thể cắt nghĩa nổi

đổ nữa, và dần dần chúng đã dập tắt mất lòng quan tâm tha thiết của tôi đối với mọi người, làm lung lay lòng yêu mến của tôi đối với họ.

Một hôm, vào đầu tháng bảy, một chiếc xe ngựa ọc ạch vội vã chạy đến chỗ chúng tôi làm việc. Trên chỗ ngồi của người đánh xe có một bác xà ích say rượu rậm râu, đầu để trần, môi bị rách, vừa ngồi vừa nấc một cách buồn bã. Trong xe, bác Grigôri Sislin say rượu nằm ườn ra. Một cô ả to béo, má đỏ, đỡ nách bác ta. Cô ả đội chiếc mũ rom có tết băng đỏ và đính những quả anh đào bằng thủy tinh, tay cầm một chiếc ô đỏ, chân đi giày cao su không bít tất. Cô ta vừa múa chiếc ô, người đung đưa, vừa cười hô hố vừa la hét:

- Ô, lũ quỷ sứ! Hội chợ chưa khai mạc, chưa có hội chợ, thế mà họ lại lôi mình đến hội chợ!

Bác Grigôri người phờ phạc, ủ rũ, bò từ trên xe xuống ngồi phệt xuống đất, vừa khóc vừa nói với chúng tôi, những người đứng xem:

- Tôi... tôi xin quì ở đây, tôi đã phạm quá nhiều tội lỗi rồi! Tôi đã suy nghĩ mà vẫn phạm tội, như thế đấy! Éfimuska bảo: Grisa, Grisa¹⁾, hấn nói... Hấn nói đúng đấy, nhưng xin các người hãy tha thứ cho tôi! Tôi có thể thết đãi tất cả các người. Hấn nói đúng đấy: chúng ta chỉ sống có một lần... Sống quá một lần không thể được...

¹⁾ Tức Grigôri.

Cô gái vừa cười rần, vừa giậm chân văng cả giày cao su đi. Còn gã xà ích thì cau có nói:

- Mau lên, đi thôi? Không thể dừng ngựa lâu được !

Con ngựa, một con nghèo già nua, mệ lử, mồm sùi đầy bọt, đứng như chôn chân xuống đất. Nhìn những cảnh tượng không tài nào nhìn cười được. Toán thợ của bác Grigôri nhìn chủ, nhìn người con gái diêm dúa và lão xà ích ngây ngô, rồi cứ như thế mà cười bò ra.

Chỉ có Fôma là không cười. Anh đứng cạnh tôi trong khoang cửa của cửa hàng, nói lẩm bẩm:

- Đồ lợn ỉ... Trong khi đó thì ở nhà hán có một mụ vợ khá là xinh!

Lão xà ích vẫn cứ giục đi. Cô ả ở trên xe bước xuống vực Grigôri lên xe, đặt bác ta nằm bên chân mình, rồi vung ô hét:

- Đi thôi!

Theo tiếng gọi của Fôma, mọi người bắt tay vào công việc. Họ nhạo báng ông chủ của họ một cách hiền hậu, nhưng có phần ghen tức. Fôma hình như cảm thấy khó chịu khi thấy bác Grigôri trở thành lỗ lã như vậy.

- Thế mà cũng đòi gọi là ông chủ! - anh ta lẩm bẩm - Chỉ còn làm có không đầy một tháng nữa thôi, sau đó chúng ta sẽ trở về làng... Thế mà sao không chịu được...

Tôi cảm thấy giận thay cho bác Grigôri: ở bên cạnh bác ta, cô ả đội mũ có đính những quả anh đào ấy trông lỗ bịch đến phát ghét.

Nhiều lúc tôi tự nghĩ: tại sao Grigori Sislin là chủ, còn Foma Tuskôp là người làm công?

Là một thanh niên tráng kiện, trắng trẻo, tóc quăn, mũi nhọn như mỏ kền kền, có khuôn mặt tròn với cặp mắt xám không minh, Foma trông không giống mujich tí nào. Nếu được ăn mặc bánh bao, anh ta có thể đóng vai một gia đình chương nhân khá giả. Anh là một người luôn luôn râu rĩ, ít nói và thường nói giọng nghiêm trang. Vì biết đọc, biết viết nên anh làm công việc tính toán cho người thầu khoán và lập các bảng dự toán. Anh biết cách buộc các bạn của anh phải làm việc đến nơi đến chốn, nhưng bản thân anh lại làm việc một cách miễn cưỡng.

- Già đời cũng không làm hết việc đâu - anh thần nhiên nói.

Đối với sách vở anh nhận xét có vẻ miệt thị:

- Muốn in ra cái gì mà chẳng được. Tớ có thể bịa ra bất cứ chuyện gì mà cậu muốn, cái đó chẳng có gì đáng kể.

Nhưng đối với mọi chuyện anh đều chú ý lắng nghe. Và nếu anh thích thú điều gì, anh can đảm rất tỉ mỉ, anh luôn luôn suy nghĩ về một điều gì đó của riêng anh, luôn luôn ướm đo mọi thứ theo cách riêng của mình.

Một hôm tôi bảo Foma rằng đáng lẽ anh ta phải làm nghề thầu khoán mới phải. Anh uể oải đáp lại:

- Nếu như tớ có ngay được vài nghìn bạc thì xoay sở được... Đàng này cứ phải quần quanh bên thiên hạ để kiếm lấy từng xu thì đừng nói chuyện gì hết. Tớ còn xem sao đấy, chưa biết chừng tớ sẽ bỏ đến tu viện ở Ôremka. Tớ khoẻ mạnh, đẹp trai, rất có thể một mục sư thượng gia góa chồng nào đó cảm cũng nên! Những chuyện như vậy không phải là không có. Có một anh chàng người Xecgát chỉ trong có hai năm đã làm nên lại kiếm được vợ, cô ả là người ở thành phố này. Anh chàng hay đem tượng thánh đến các nhà, và thế là cô nàng mê tít anh ta...

Đây là một câu chuyện đã được anh sắp đặt cẩn thận. Anh ta biết nhiều chuyện về việc nhờ tu hành ngoan ngoãn mà người ta đạt đến một cuộc sống dễ chịu như thế nào. Tôi không thích những câu chuyện của Fôma, cả lối suy nghĩ của anh ta tôi cũng không thích, nhưng tôi tin rằng nhất định anh sẽ đi tu.

Hội chợ mở, và điều bất ngờ đối với mọi người là Fôma đi làm nghề hầu hạ ở quán ăn. Tôi không nói rằng việc đó đã làm cho các bạn bè của anh ngạc nhiên, nhưng họ bắt đầu nhạo báng anh. Cứ đến ngày nghỉ, khi tụ tập để đi uống trà, họ lại mỉm cười bảo nhau:

- Ta rái chỗ thẳng "bồi" của ta đi!

Đến quán ăn, họ lên giọng ông chủ hét:

- Ê, bồi! Bồi tóc quần, lại đây!

Fôma bước tới hơi ngừng đầu, hỏi:

- Các ông sai gì?

- Không nhận ra người quen ư?

- Tôi không có thì giờ nhận mặt người quen...

Anh cảm thấy bạn bè khinh miệt anh, muốn trêu chọc anh, và anh nhìn họ bằng cặp mắt chờ đợi buồn chán. Khuôn mặt anh lì lì như gỗ, nhưng hình như nó muốn nói:

"Các người cứ cười đi, nhanh lên, còn chờ gì nữa..."

- Muốn xin tiền chè nước không? - họ hỏi anh và cố lực lợi ví tiền thật lâu để rồi chẳng cho anh một kópếch nào.

Tôi hỏi Fôma tại sao anh ta đã toan đi tu lại bỏ đi làm tội tở.

- Tớ không định đi tu - anh đáp, - còn nghề đi ở thì tớ sẽ không làm lâu đâu.

Bốn năm sau, tôi gặp lại anh ở Xarixum, lúc này anh vẫn làm hầu bàn ở quán ăn. Sau đó tôi đọc báo thấy nói Fôma Tutskôp bị bắt vì tội định bẻ khóa ăn trộm.

Đặc biệt làm tôi kinh ngạc nhất là chuyện bác thợ nề Acdaliôn, người thợ cả giỏi nhất trong phường, bác Piôt. Bác mujich trạc bốn mươi tuổi ấy râu cằm đen, tính tình vui vẻ, cũng thường hay vô tình nêu ra câu hỏi: Tại sao chủ không phải là bác ta mà là bác Piôt? Bác ít khi uống rượu vôtka và hầu như không bao giờ uống đến say. Bác hiểu biết nghề nghiệp của mình một cách thành thạo. Bác làm việc với lòng

hăng say. Những viên gạch tung bay trong tay bác hết như những con chim bồ câu đỏ. Bên cạnh bác, bác Piôt bệnh hoạn và rầu rĩ trở thành một con người hoàn toàn thừa ở trong phòng. Bác nói về công việc của mình như sau:

- Ta xây nhà gạch cho thiên hạ ở, còn cho mình thì chỉ dành được một chiếc quan tài bằng gỗ...

Bác Acđaliôn hăng say vui vẻ đặt gạch để xây chốc chốc lại la lên:

- Ê, sáng danh Chúa, hãy nhanh tay lên anh em ơi!

Rồi bác kể với mọi người rằng mùa xuân năm sau bác sẽ đi Tômxkơ. Ở đó người em rể của bác vừa mới nhận thầu một công trình lớn - xây nhà thờ - nên mời bác tới làm trưởng kíp.

- Việc này tôi đã nhất quyết rồi. Tôi thích xây cất nhà thờ lắm! - bác nói và rủ tôi: Anh đi với tôi! Ở Xibêri những người có học dễ làm ăn lắm, người anh em ạ. Ở đó ai có học thức tha hồ mà làm vương làm tướng!

Tôi bằng lòng. Bác Acđaliôn liền kêu lên với về đặc thắng:

- Có thể chứ! Nói thật đấy, chẳng phải nói chơi đâu...

Đối với bác Piôt và Grigôri, bác thường hay nhạo báng với thái độ hiền hậu như người lớn chế nhạo trẻ con. Bác bảo bác Ôxip:

- Bọn khoác lác! Chúng khoe khoang với nhau về hiểu biết của mình như những tay cờ bạc ấy. Người này nói: Trông đấy, bài tôi thế này cơ mà! Người khác nói: Còn tôi, tôi có chủ bài đấy!

Bác Ôxip trả lời lơ lửng:

- Làm sao khác được? Ba hoa là thói của người đời. Có cô gái nào khi đi mà không uốn ngực về phía trước.

- Họ cứ kêu trời đất thế, trong khi đó thì tiền bạc vẫn tích cho rõ nhiều ! - bác Acđaliôn vẫn chưa chịu thua.

- Grisa có tích gì đâu...

- Tôi đang nói về ông chủ của tôi. Hãy cứ đi theo Chúa vào rừng đến một nơi hoang vu nào đó xem... Ôi, tôi chán chồn này lắm rồi. Đến mùa xuân là tôi đi Xibêri thôi...

Đám công nhân ghen tị với bác Acđaliôn, họ nói:

- Nếu chúng tôi có được một người để nương tựa như em rể ông thì chúng tôi cũng chẳng sợ gì Xibêri...

Rồi sau đó bác Acđaliôn bỗng nhiên biến mất. Chủ nhật bác bỏ phường đi và suốt ba ngày không ai biết bác ở đâu cả.

Mọi người lo lắng phỏng đoán:

- Có lẽ đứa nào giết hấn ta rồi chẳng?

- Hay là đi tắm rồi chết đuối?

Nhưng bác Êfimuska trở về, ngượng ngịu tuyên bố:

- Acđaliôn đi chơi gái rồi!

- Nói láo cái gì thế - bác Piôt hoài nghi hét lên.

- Chơi gái, rượu chè. Chẳng qua cũng như cái lò cháy từ bên trong cháy ra mà thôi. Hình như người vợ đáng yêu của hắn mới chết rồi...

- Hắn góa vợ rồi! Bây giờ hắn ở đâu?

Bác Piôt bức tức đi tìm Aedaliôn, nhưng bị bác Aedaliôn đánh cho một trận.

Thấy vậy, bác Ôxip cắn chặt môi, thọc sâu hai tay vào túi, nói: - Để tôi đi xem tại sao lại thế! Hắn là một người tốt...

Tôi đi theo bác ta. Dọc đường bác Ôxip bảo tôi:

- Thế đấy, một con người đã sống bao nhiêu năm, mọi công việc tưởng như đều đầu vào đấy cả, thế mà bỗng nhiên cong đuôi lên chạy và sống lẩn lóc ở các bãi hoang. Chú hãy trông đấy mà rút lấy bài học, Macximits a...

Chúng tôi tìm vào trong số những nhà rẻ tiền của "xóm giải sầu" ở Kunavinô. Một cụ già trông có vẻ gian xảo ra tiếp chúng tôi. Bác Ôxip nói thì thảo với cụ, dẫn chúng tôi vào một căn phòng nhỏ trống rỗng, tối tăm và bẩn thỉu như một ngăn chuồng bò. Trên giường một người đàn bà to béo đang nằm ườn ra ngủ. Cụ già gơ nắm tay thúc vào sườn người đó và bảo:

- Ê, con ếch này, đi ra ngoài kia!

Người đàn bà hoảng hốt nhònm dậy, lấy hai ngón tay lau mặt, hỏi:

- Lay chúa! Ai thế? Cái gì thế?

- Mặt thám đến - bác Ôxip nghiêm nghị nói.

Người đàn bà kêu lên rồi chuồn mất. Bác Ôxip nhỏ nước bọt theo mụ và giải thích cho tôi:

Chúng nó sợ mặt thám còn hơn cả sợ quỷ nữa...

Mụ già tháo ở tường xuống một chiếc gương nhỏ và khẽ nâng mảnh giấy bồi lên.

- Ông nhìn xem, có phải người này không?

Bác Ôxip nhìn qua khe vách.

- Chính hấn! Hãy đuổi cô ả ra...

Tôi cũng nhònm vào khe vách: trong một căn phòng cũng chật chội như căn phòng chúng tôi đang đứng, trên bệ chiếc cửa sổ có cửa chớp đóng kín thấp một ngọn đèn bằng sắt tây, cạnh đó có một cô gái người Tacta mắt hiếng, cời trần, đang đứng khâu áo. Phía sau cô ta, bộ mặt sưng húp của Acdaliôn nhò cao lên trên hai chiếc gối ở giường. Bộ râu đen rối tung của bác vểnh lên. Cô ả Tacta giật mình, khoác chiếc áo lên người, đi ngang qua giường và bỗng nhiên hiện ra ở phòng chúng tôi.

Bác Ôxip nhìn cô ta và lại nhỏ nước bọt nói:

- Hừ, đồ không biết sợ.

- Còn lão là đồ ngốc - cô ta cười trả lời.

Bác Ôxip cũng bật cười, giơ ngón tay lên dọa cô ta.

Chúng tôi vào phòng cô gái Tacta. Ông già ngồi lên giường, phía chân Acđaliôn và lay gọi bác ta rất lâu, nhưng vô hiệu quả. Bác ta cứ nói lảm bảm:

- Thôi được... chờ một lát, chúng ta cùng đi...

Cuối cùng bác tỉnh dậy, nhìn bác Ôxip và tôi bằng cặp mắt man rợ. Sau đó đôi mắt đỏ ngầu của bác lại nhắm lại, bác rên rĩ:

- Hừ, hừ...

- Đằng ấy làm sao thế? - bác Ôxip hỏi giọng bình tĩnh, không có vẻ gì trách móc, nhưng không được vui.

- Tuý lúy một trận - Acđaliôn thở khò khè, vừa ho vừa nói.

- Sao ông lại thế?

- Thì nó là như vậy.

- Chắc có điều gì không hay...

- Còn có điều gì hay nữa...

Acđaliôn với lấy một chai rượu vodka đã mở nút sẵn trên mặt bàn và bắt đầu tu, sau đó mời bác Ôxip:

- Uống không ? Hình như có đồ nhắm ở đâu đấy...

Ông già rót rượu vào miệng, nuốt ừng ực, mặt nhăn lại, sau đó lấy một miếng bánh mì và chăm chú nhai. Acdaliôn về mặt râu rì, nói uể oải:

- Tôi đi lại với cô ả Tacta ấy đấy. Chỉ tại Êfimuska cả thôi. Hắn bảo cô ta trẻ, là một cô gái mỡ côi ở Kaximôp, sắp đi dự hội chợ.

Từ bên kia tường vọng sang một giọng nói vui vẻ, đứt quãng:

- Con gái Tacta tuyệt nhất trần đời! Cứ như gà mái tơ ấy. Anh hãy đuổi lão già ấy đi. Lão ta có phải là bố đẻ của anh đâu...

- Chính cô ta đấy - Acdaliôn nói lẩm bẩm, cặp mắt đờ đẫn nhìn lên vách.

- Tôi đã trông thấy rồi - bác Ôxip nói.

Acdaliôn quay về phía tôi:

- Tôi bây giờ như thế đấy, người anh em ạ...

Tôi cứ tưởng bác Ôxip sẽ trách móc Acdaliôn, lên lớp cho bác ta, khiến bác ta sẽ bối rối hối hận. Nhưng chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Họ ngồi bên nhau, vai kề vai, trao đổi với nhau những câu ngắn ngủi một cách bình thản. Nhìn họ ngồi trong căn phòng tối tăm, bẩn thỉu này tôi cảm thấy thật là buồn. Cô gái Tacta vẫn nói qua khe vách những câu khôi hài, nhưng họ

không để ý nghe. Bác Ôxip cầm lấy con cá khô trên bàn, đập vào ủng và thận trọng bóc lớp da ra. Vừa làm bác vừa hỏi:

- Hết nhả tiền rồi phải không ?

- Petrukha còn nợ tôi một ít...

- Liệu đấy, bây giờ có còn định đi Tômxkơ nữa không?

- Ôi dào, chuyện đi Tômxkơ thì...

- Hay lại thay đổi ý rồi?

- Nếu người ngoài mời thì tôi sẽ đi.

- Thế là thế nào?

- Còn nếu như đưa em gái tôi với chồng nó mời thì...

- Thì sao?

- Chẳng hay ho gì cái chuyện phải quy luy họ hàng mình đâu...

- Chuyện ấy thì ở đâu cũng thế thôi.

- Nhưng dù sao...

Họ nói chuyện với nhau thân mật và nghiêm trang đến nỗi cô gái Tacta thôi không dám trêu chọc họ nữa. Cô ta vào phòng, lẳng lặng lấy chiếc áo dài treo trên tường xuống rồi chuồn mất.

- Cô á trẻ thật - bác Ôxip nói.

Acđaliôn nhìn bác Ôxip, nói một cách thân nhiên:

- Tất cả chỉ tại Êfimuska thôi, cái thằng ông mãnh ấy. Hắn không biết gì ngoài đàn bà sắt cả... Còn cô à Tacta thì vui tính thật, lúc nào cũng nhả nhớt...

- Cứ liều liều đấy, kéo không ra khỏi chốn này đâu - bác Ôxip dặn Acđaliôn, và sau khi nhai nốt miếng cá cuối cùng, bác ra về.

Đọc dường về nhà, tôi hỏi bác Ôxip:

- Bác đến chỗ bác ấy làm gì?

- Để xem thế nào. Hắn là chỗ quen biết. Tôi đã gặp nhiều chuyện như thế này lắm rồi: sống bao nhiêu năm chẳng sao, bỗng nhiên bỏ đi như trốn tù ấy - bác nhắc lại điều trước kia bác đã nói - Cần phải tránh đừng có rượu chè vào!

Nhưng lát sao bác lại bảo:

- Nhưng không có nó cũng buồn lắm!

- Không có rượu ấy ư?

- Phải! Mỗi khi uống rượu vào tường như được đi sang một thế giới khác...

Bác Acđaliôn quả không thoát ra được. Mấy hôm sau bác đi làm, nhưng chẳng bao lâu bác lại biến mất. Đến mùa xuân thì tôi gặp bác trong đám người du thủ du thực, đang phá lớp băng đóng xung quanh một chiếc sà lan đậu ở một lạch sông. Gặp nhau tay bắt mặt mừng, chúng tôi rủ nhau vào quán uống trà. Trong lúc uống, bác khoe với tôi:

- Anh còn nhớ tôi là một tay thợ như thế nào chứ hả? Phải nói thẳng, trong cái nghề của tôi thì tôi là chúa! Tôi có thể kiếm được hàng trăm rúp...

- Vậy mà bác chẳng kiếm được một đồng nào cả.

- Không kiếm được đồng nào, tất nhiên! - bác kêu lên với vẻ kiêu hãnh - Tôi không thèm làm đấy chứ!

Bác nói bô bô. Những người ở trong quán chăm chú lắng nghe những lời nói sôi nổi của bác.

- Anh còn nhớ Pêtrukha, tên ăn cắp ngấm ngấm ấy nói về công việc như thế nào không? Đi xây nhà gạch cho thiên hạ, còn cho mình thì chỉ dành được một chiếc quan tài bằng gỗ. Đó, tất cả công việc là thế đấy!

Tôi nói:

- Pêtrukha ốm, bác ấy sợ chết.

Nhưng Acđaliôn thét lên:

- Tôi cũng ốm, tâm thần tôi hình như cũng không ổn định!

Vào những ngày nghỉ, tôi thường rời trung tâm thành phố đi xuống phố "Miliôn", nơi trú ngụ của những người du thủ du thực. Và tôi đã thấy Acđaliôn trở thành một tên lính của đội quân "lưu manh" một cách nhanh chóng như thế nào. Mới năm ngoái bác ta còn vui vẻ và đứng đắn là thế, vậy mà bây giờ đã trở thành một người ba hoa, có một lối đi đứng đặc biệt, khệnh khà khệnh khạng, thường nhìn mọi người bằng cặp mắt thách thức, hệt như muốn thách người ta tranh luận và đánh nhau với mình.

Hơn nữa, lúc nào bác ta cũng khoe khoang:

- Anh hãy xem mọi người đối với tôi như thế nào. Ở đây tôi chẳng khác gì một thủ lĩnh!

Vốn không tiếc tiền, kiếm được bao nhiêu bác thường cho những người du thủ du thực chè chén. Mỗi khi đánh nhau bác thường đứng về phe yếu và hay kêu gọi.

- Anh em ơi, sai rồi! Cần phải hành động cho đúng đắn!

Do thế mà mọi người đặt cho bác cái tên là "Đúng đắn". Bác rất thích thú với cái tên đó.

Tôi ra sức quan sát những con người bị lèn chặt vào trong cái túi đã cũ kỹ và bẩn thỉu của cái khu phố này. Bọn họ đều là những người đã bị tách ra khỏi cuộc sống, nhưng hình như họ đã tự tạo cho họ một cuộc sống riêng, vui vẻ, không bị phụ thuộc vào các ông chủ. Nhìn những người bị bỏ rơi, không được ai săn sóc đó, tôi nhớ đến những chuyện ông tôi kể về những người kéo thuyền đã trở thành kẻ cướp và ẩn sĩ một cách dễ dàng như thế nào. Khi đã không có việc làm thì họ không còn coi việc ăn cắp vặt ở các tàu thủy và sà lan là đáng ghê tởm nữa. Nhưng điều đó không làm cho tôi cảm thấy bối rối. Tôi nhận thấy toàn bộ cuộc sống đều được chấp vá bằng những sợi chỉ màu xám vậy. Đồng thời tôi cũng nhận thấy rằng những con người này đôi khi làm việc rất say sưa, không hề tiếc sức, một cảnh tượng thường thấy trong những chuyến bốc hàng cấp tốc, những khi cháy nhà hoặc lúc băng trôi, và nói chung họ sống vui vẻ hơn cả những người khác.

Nhưng khi thấy tôi kết bạn với Acđaliôn, bác Ôxip liền cản ngăn tôi với thái độ một người cha:

- Nghe đây, cháu của bác, cháu chơi thân quá với cái bọn ở đường "Miliôn" ấy làm gì? Coi chừng, đừng có chuốc lấy vạ vào thân đấy...

Biết sao nói vậy, tôi bảo bác rằng tôi ưa những người đó, họ sống vui vẻ, không phải làm việc.

- Bọn chúng sống như chim trên trời ấy - bác mỉm cười, ngắt lời tôi - Chúng muốn sống như thế vì đó là bọn lười biếng, bọn người vô dụng. Làm việc đối với chúng là một điều khổ sở!

- Làm việc để làm gì cơ chứ? Người ta thường nói: thực thà sao kiếm nổi nhà cao!

Tôi nói như vậy một cách dễ dàng vì tôi đã được nghe quá nhiều lần câu ngạn ngữ này, và tôi cảm thấy nó đúng. Nhưng bác Ôxip nổi nóng với tôi và thét lên:

- Ai nói như thế? Bọn ngu ngốc và lười biếng hẳn hoi. Cháu đừng có nghe những lời đó, con chó con ạ! Hừ, liệu đấy! Những điều ngu xuẩn ấy đều do những kẻ hay ghen ghét và bọn thất cơ lỡ vận nói ra cả. Cháu hãy mọc cho đủ lông đủ cánh rồi hãy đòi bay bổng! Còn chuyện kết bạn của cháu, bác sẽ mách ông chủ cho mà xem, rồi chờ có giận!

Và bác mách thật. Ngay trước mặt bác, cậu chủ bảo tôi:

- Pêskôp, anh đừng có bèn mắng đến cái phố "Miliôn" ấy nữa! Ở đó toàn là bọn ăn cắp và gái điếm cả thôi. Con đường

đến đây chính là con đường đưa đến nhà tù và nhà thương.
Anh hãy thôi ngay đi!

Từ đó trở đi mỗi khi xuống chơi phố "Miliôn" tôi đều phải giữ kín, nhưng rồi chẳng bao lâu tôi buộc phải thôi hẳn việc đó.

Một hôm tôi với Acđaliôn và người bạn của bác ta biệt hiệu "Con nít" ngồi chơi trong mái nhà kho trong sân một ngôi nhà. "Con nít" kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện vui về việc bác ta đã cuộc bộ từ thành phố Rôxtôp trên sông Đông tới Maxcova như thế nào. Nguyên bác là lính công binh, đã từng được thưởng huân chương thánh Jojơ. Trong cuộc chiến tranh Thổ-nhĩ-kỳ bác bị thương ở đầu gối và từ đó bị thọt. Dáng người thấp, vạm vỡ, hai cánh tay bác có một sức mạnh đáng sợ, nhưng cũng chẳng giúp ích gì cho bác vì bác thọt nên không thể làm gì được. Không hiểu bác bị bệnh gì mà râu tóc bác rụng hết cả, thành thử đầu bác nom giống hệt như đầu một đứa trẻ mới đẻ.

Long lanh cặp mắt hung, bác nói:

- Thế là tôi đến Xecpukhốp. Tôi gặp một ông cố đạo đang ngồi ở mảnh vườn trước nhà. Tôi bèn nói: "Thưa cha, xin cha hãy bố thí cho người anh hùng của cuộc chiến tranh Thổ-nhĩ-kỳ..."⁽¹⁾

Acđaliôn lắc đầu nói:

⁽¹⁾ Cuộc chiến tranh Nga - Thổ năm 1877-1878.

- Chà, lão nói lão...

- Tôi nói lão cái gì? - "Con nít" hỏi, không hề tỏ ra bực dọc.

Acđaliôn cầu nhàu bằng giọng uể oải và có vẻ dặt dờ:

- Anh là một người không đứng đắn! Lẽ ra anh nên xin làm một chân gác thì phải. Những người thọt thường là sống bằng nghề gác. Nhưng anh thì chỉ lông bông và tán phét...

- Tôi nói cho vui thôi, để mọi người cười...

- Anh nên tự cười anh thì hơn...

Ngoài sân tối om và bẩn thỉu, tuy lúc này trời nắng ráo. Một người đàn bà hiện ra, chị giữ một mảnh vải gì đó và kêu lên:

- Chị em ơi, có ai mua váy không nào?...

Từ những khe nhà, các mẹ đàn bà chạy ra, xúm xít xung quanh người bán hàng. Tôi nhận ngay đó là chị thợ giặt Natalya. Tôi liền nhảy phóc từ trên mái xuống, nhưng chị ta sau khi bán chiếc váy cho người vừa trả tiếng thứ nhất đã lảng lảng bỏ đi mất.

- Chào chị! - Tôi vui vẻ chào khi đuổi kịp chị ở ngoài cổng.

- Còn muốn nói gì nữa? - chị hỏi sau khi liếc nhìn tôi. Bỗng chị dừng lại, giận dữ thét lên:

- Lạy Chúa! Em đến đây làm gì?...

Tiếng kêu sợ hãi làm tôi động lòng và bối rối. Tôi hiểu rằng chị sợ thay tôi: về sợ hãi và kinh ngạc hiện ra thật rõ ràng trên khuôn mặt thông minh của chị. Tôi liền giải thích cho chị rằng tôi không sống ở khu phố này, mà chỉ thỉnh thoảng đến xem thôi.

- Xem ư? chị thốt lên với vẻ giễu cợt và bực tức - Em xem cái gì đây? Xem túi những người qua đường và ngực đàn bà ấy à?

Mặt chị nhăn nhó, dưới đôi mắt có những quầng thâm, đôi môi trề xuống và có vẻ mệt mỏi.

Chị dừng lại trước cửa một quán ăn, bảo tôi:

- Chúng ta vào đây uống trà! Em ăn mặc sạch sẽ, không như những bọn ở đây, nhưng em vẫn có cái gì khiến chị không tin được...

Nhưng vào đến quán ăn thì hình như chị đã tin tôi. Chị rót trà, và bằng một giọng buồn tẻ bắt đầu nói cho tôi biết chị vừa ngủ dậy trước đó một giờ, chưa kịp ăn uống gì cả.

- Còn hôm qua thì nằm trần, say bí tỉ, đến nỗi không nhớ là uống ở đâu và uống với ai nữa.

Tôi thấy thương hại chị. Trước mặt chị, tôi cảm thấy lúng túng. Tôi muốn hỏi xem con gái chị bây giờ ở đâu. Còn chị, sau khi uống rượu vodka và nước trà nóng vào, bắt đầu nói bằng cái giọng sôi nổi và thô lỗ quen thuộc, giống như tất cả những

người đàn bà ở phố này. Nhưng khi tôi hỏi về con gái chị, chị liền thét lên:

- Em hỏi chuyện đó để làm gì? Không đâu, chú em thân mến ạ, em không với được con gái chị đâu!

Chị uống thêm và kể:

- Con gái chị mà ở với chị thì chẳng có việc gì để làm. Chị là người thế nào? Một mù thợ giặt. Chị làm mẹ nó thế nào được? Nó là người thông thái, có học thức. Như thế đấy, chú em ạ! Thế là nó bỏ chị đến ở với một đứa bạn gái giàu có, hình như để làm nghề dạy học thì phải...

Yên lặng một lát, chị hỏi khẽ:

- Nay, mù thợ giặt này không xứng với cậu à? Thế gái mãi dâm có xứng không?

Tất nhiên tôi đã thấy ngay chị là "gái mãi dâm". Đàn bà phố này có còn nghề nào khác nữa. Nhưng khi nghe chính miệng chị nói ra điều đó, tôi vẫn ứa nước mắt ra vì xấu hổ và thương hại thay cho chị, hết như lời thú nhận đó của chị đã thiêu đốt tôi. Mới trước đó ít lâu chị còn là một người đàn bà mạnh dạn, tự chủ và thông minh là thế!

- Ôi, - chị liếc nhìn tôi, thờ dãi và nói - Em đi khỏi đây đi! Chị van em và khuyên em đừng có bèn mảng đến đây, chết mất thôi!

Sau đó chị cúi lom khom trên bàn, lấy ngón tay vẽ hình gì đó trên mặt khay và bắt đầu nói khe khẽ bằng giọng đứt quãng, dường như tự nói với mình như vậy:

- Nhưng cậu có thêm để ý gì đến những lời yêu cầu và khuyên nhủ của tôi? Ngay đến con gái tôi cũng có nghe lời tôi đâu... Tôi vẫn thường la lối nó: "Mày không được bỏ mẹ mày mà đi, hiểu chưa?". Nhưng nó trả lời: "Con sẽ tự tử". Thế rồi nó bỏ đi Kazan,... nó muốn học nghề bà đỡ. Như thế cũng được... Nhưng còn tôi thì sao? Tôi bây giờ như thế này đây... Tôi còn biết nương tựa vào đâu nữa?... Vào những người qua đường ư?...*

Chị im lặng, suy nghĩ rất lâu một điều gì đó, cặp môi mấp máy không thành tiếng và hình như đã quên mất tôi. Hai bên mép chị trễ xuống, miệng cong lại như lưỡi liềm. Lớp da trên đôi môi chị giật giật trông thật đau khổ, những nếp nhăn rung rung như muốn nói thầm một điều gì. Về mặt chị trông non trẻ, bực dọc. Dưới chiếc khăn một mớ tóc thò ra và xoã xuống má, vắt cả ra đằng sau cái tai bé nhỏ của chị. Một giọt nước mắt nhỏ xuống chén trà đã nguội lạnh. Thấy thế, chị đẩy dịch chén nước sang một bên rồi nhắm nghiền mắt lại. Thêm hai giọt nước mắt nhỏ li ti nữa ứa ra. Sau đó chị lấy khăn lau mặt.

Không còn đủ kiên nhẫn ngồi với chị lâu hơn nữa, tôi bèn lảng lạng đứng dậy.

-Thôi, chào chị!

- Hừ? Đi đi, đi đi cho khuất mắt! - chị đưa tay xua tôi, không nhìn tôi, chắc hẳn chị đã quên là đang ngồi với ai.

Tôi trở lại sân tìm Acđaliôn: bác ấy muốn đi câu tôm với tôi. Tôi muốn kể cho bác ta nghe về người đàn bà này, nhưng bác và “Con nít” không còn ở trên mái nhà kho nữa. Trong lúc tôi tìm họ giữa cái sân bê bết đó thì ở ngoài đường nổi lên những tiếng ồn ào vốn đã trở thành quen thuộc đối với phố này.

Tôi ra cổng và chạm trán ngay với Natalya. Chị đang khóc nức nở, một tay cầm khăn trùm đầu lau bộ mặt bị đánh thâm tím, tay kia sửa lại mớ tóc rối tung. Chị bước dò dẫm trên vỉa hè, theo sau là Acđaliôn và “Con nít”. “Con nít” nói:

- Cứ cho nó một trận nữa!

Acđaliôn chạy đuổi theo chị, vung nắm đấm lên. Chị quay ngược về phía bác ta, vẻ mặt trông thật đáng sợ, cặp mắt ánh lên vẻ căm hờn.

- Đây, đánh đi! Chị hét lên.

Tôi nắm lấy tay Acđaliôn. Bác ta nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên:

- Mày định làm gì thế?

- Đừng động đến chị ấy - tôi nói một cách khó khăn.

Bác ta cười phá lên.

- Nó là nhân tình của mày hẳn thôi? Ôi, Nataska⁽¹⁾, mày vợ được anh thấy tu rồi!

“Con nít” cũng cười hô hố, hai tay vỗ vào đùi đen đét. Sau đó họ còn bêu riếu tôi rất lâu. Điều đó mới thật là cay cực! Nhưng trong khi họ làm việc đó thì chị Natalya đã đi mất. Còn tôi, cuối cùng không thể chịu nổi, bèn húc vào ngực “Con nít” làm bác ta ngã lộn nhào, rồi tôi bỏ chạy.

Từ đó, lâu lắm tôi không lai vãng đến phố “Miliôn”, nhưng tôi còn gặp Acđaliôn một lần nữa, lần này là ở trên một chuyến phà.

- Bấy lâu nay anh đi biệt tăm? Bác ta vui vẻ hỏi tôi.

Khi tôi bảo bác rằng tôi cảm thấy ghê tởm mỗi khi nhớ lại bác ta đã đánh chị Natalya và chửi bới tôi thậm tệ như thế nào, bác liền cất tiếng cười một cách hiền hậu.

- Anh tưởng đó là chuyện thật à? Chúng tôi trêu chọc anh cho vui đấy thôi. Còn con ấy tại sao lại không nên đánh nếu chẳng qua nó chỉ là một con đi. Vợ con còn nện thẳng cánh, huống hồ những hạng như thế thì thương tiếc làm gì! Nhưng tất cả những cái đó chẳng qua chỉ là trò đùa thôi! Roi vọt đâu có dạy bảo được người ta, điều đó tôi cũng hiểu lắm!

(1) Tức Natalya.

- Bác mà cũng đòi dạy chị ta cơ à? Bác thì hơn gì chị ấy?...

Bác ôm lấy vai tôi lắc lắc và nói với giọng giễu cợt:

- Điều tệ hại của chúng ta chính là ở chỗ không hơn ai... Tôi hiểu cả, người anh em ạ, hiểu từ trong đến ngoài, hiểu tất! Tôi có phải là dân nhà quê đâu...

Lúc này bác hơi say nên rất vui vẻ. Bác nhìn tôi với vẻ thương hại triu mến của một ông thầy tốt bụng nhìn đứa học trò ngu dốt...

... Thỉnh thoảng tôi lại gặp Paven Ôđinxốp. Độ này nó càng ranh mãnh hơn trước, ăn vận rất diện, thường nói với tôi bằng giọng khoan dung và luôn luôn trách tôi:

- Sao cậu lại làm cái nghề ấy? Cậu sẽ hỏng mất thôi, cái bọn mujich ấy. ..

Rồi nó buồn rầu kể cho tôi nghe những tin tức ở xưởng:

- Jikharep vẫn cứ lẩn quẩn với cái con bò cái ấy. Xitanốp hình như có chuyện gì đau khổ lắm, anh ta bắt đầu uống rượu chết thôi. Còn Gôgôlép thì bị chó sói ăn thịt rồi: hôm lễ Thiên Chúa giáng sinh, lão ta về nhà uống rượu say, thế là bị chó sói xơi mất!

Paven vừa cười như nắc nẻ, vừa sáng tác cho câu chuyện thêm khôi hài:

- Lũ sói chén xong và cũng bị say! Trở nên vui tính, chúng đi lại ở trong rừng bằng hai chân sau giống như chó làm xiếc và sủa ầm lên. Đến hôm sau thì cả bầy sói đều chết hết!...

Nghe chuyện, tôi cũng cười. Nhưng tôi cảm thấy xương thọt cùng với những gì tôi trải qua ở đây đến nay đã trở thành xa xưa đối với tôi. Điều đó khiến tôi buồn buồn.

XIX

Mùa đông công việc ở hội chợ hầu như không có; để bù lại, ở nhà cũng như trước đây, tôi phải đảm nhiệm một số những việc lặt vặt. Những việc này đã choán hết cả ngày, chỉ có buổi tối là rỗi rãi. Tôi lại đọc cho nhà chủ nghe những tiểu thuyết mà tôi không thích trong tờ *Niva* và *nhật báo Maxcova*. Ban đêm tôi đọc những cuốn sách hay và tập làm thơ.

Một hôm, khi cánh đàn bà đi chầu, cậu chủ vì mệt nên ở nhà; cậu hỏi tôi:

- Victo cười anh, nói là hình như anh có làm thơ, đúng không, Pêskôp? Anh thử đọc xem nào!

Thấy từ chối không tiện, tôi đành phải đọc mấy bài thơ. Những bài này rõ ràng không làm cậu vừa lòng, nhưng dù sao cậu vẫn khuyến khích tôi:

- Cố làm đi! Biết đâu sẽ trở thành Puskin cũng nên; anh đã đọc Puskin chưa?

*Có thể đi chôn gia thân,
Hay có thể họ gả chồng cho cụ phù thủy?*⁽¹⁾

- Trong thời đại ông ta, người ta còn tin vào gia thần, còn chính bản thân ông ta có lẽ là không tin, mà chỉ giễu cợt thôi! Thật đấy, anh bạn ạ, - cậu nói giọng kéo dài, vẻ dăm chiêu, - lẽ ra anh cần phải học, nhưng muộn mất rồi! Có quý mà biết được anh sẽ xoay xoả ra sao... Anh phải giấu quyền vớ anh kỹ hơn nữa, không có cánh đàn bà nhúng vào thì anh mất ăn mất ngủ đấy... Anh bạn ạ, chuyện đó đàn bà thích lắm, họ thích chọc tức người ta...

Ít lâu nay cậu chủ trở nên lặng lẽ, hay trầm ngâm suy nghĩ và luôn luôn nhìn quanh với vẻ dè dặt, tiếng chuông reo cũng làm cho cậu hoảng sợ. Thịnh thoảng bỗng nhiên cậu nổi nóng vì những chuyện nhỏ nhặt, quát tháo mọi người và bỏ đi khỏi nhà, đến đêm khuya mới bò về, người say mèm... Hình như trong đời cậu đã xảy ra một chuyện gì, ngoài cậu ra không ai biết, đã làm cho cậu đau khổ, và giờ đây cậu sống với thái độ hoài nghi, miễn cưỡng, buông xuôi theo thói quen.

Vào những ngày lễ, từ bữa ăn trưa cho đến chín giờ, tôi đi chơi; buổi tối tôi thường ngồi trong quán ăn ở phố Iamxkaia. Lão chủ quán, một người to béo và lúc nào cũng đầm đìa mồ hôi, rất thích nghe hát. Những người hát ở hầu hết các nhà thờ đều biết thế và thường tụ tập ở chỗ lão. Họ hát xong, lão chủ liền

(1) Trích trong bài thơ Lữ quý của A.X.Puskin.

mời họ uống vodka, bia, nước trà. Người hát toàn là những dân say rượu không đáng chú ý, họ hát chẳng khoái hoạt, chẳng ra kiểu cách gì cả, chỉ cốt được mời ăn, bài hát của họ thường là những bài thánh ca trong nhà thờ. Vì có những khách nghiện rượu sùng đạo cho rằng quán ăn không phải là nơi để hát thánh ca nên có khi lão chủ mời họ tới phòng riêng; lúc ấy tôi chỉ còn nghe thấy tiếng hát qua khe cửa. Nhưng ở quán ăn, không hiếm những người mujich quê mùa và thợ thủ công tới hát. Chính lão chủ quán đã đi khắp thành phố tìm kiếm người hát, hỏi dò những người tốt giọng trong số nông dân qua lại trong những ngày phiên chợ và mời họ tới nhà mình.

Người hát bao giờ cũng ngồi cạnh bàn bán thức ăn nguội, gần cái thùng gỗ nhỏ đựng rượu vodka, đầu in vào giữa đáy thùng như đóng trong một chiếc khung tròn.

Người hát hay hơn cả bao giờ cũng có những bài hay đặc biệt, là anh thợ da Klêsôp. Anh người nhỏ bé gầy còm, nét mặt ủ rũ, mái tóc hung xoã thành từng món; chiếc mũ nhỏ của anh ánh lên như mũi người chết; cặp mắt ti hí ngái ngủ của anh không động đậy.

Có lúc anh nhắm mắt lại, tựa gáy vào đáy thùng, ưỡn ngực ra rồi bắt đầu hát rất nhanh, giọng khe khẽ, nhưng cao vút không ai địch nổi:

*Sương mù buông xuống cánh đồng khô,
Và che khuất những nẻo đường xa vắng...*

Đến đây anh đứng dậy, dựa vào bàn bán thức ăn, uốn ngực về phía sau, mặt ngẩng lên trần nhà, miệng hát rất ý vị:

*Ôi, ta biết đi đâu, biết đi đâu,
Biết tìm đâu ra con đường rộng lớn?*

Giọng anh nhỏ, nhưng khoẻ khoắn; nó giống như một sợi dây bằng bạc luồn qua tiếng ồn ào hỗn loạn của quán ăn; những lời buồn bã, những tiếng rên rỉ và kêu gọi đã áp đảo tất cả mọi người. Ngay cả những người say rượu cũng trở thành nghiêm nghị lạ thường; họ im lặng nhìn ngắm chiếc bàn trước mặt. Còn tim tôi như tan vỡ, tràn đầy một cảm xúc mạnh mẽ thường do những điệu nhạc tuyệt diệu gợi nên, rung động tận đáy tâm hồn.

Trong quán ăn, không khí trở nên yên tĩnh như ở nhà thờ, và người hát tựa như một linh mục hiền từ. Người hát không truyền đạo, mà thực sự hết lòng cầu nguyện cho loài người, thành thật nghĩ đến và nói lên thành tiếng tất cả nỗi đau khổ của kiếp người đáng thương. Từ bốn phía, những con người râu ria đều nhìn về phía anh ta; trên những khuôn mặt cực cần, những cặp mắt trẻ thơ, chớp chớp với vẻ đắm chiều; thỉnh thoảng có người thở dài, và tiếng thở dài càng làm nổi bật sức mạnh chiến thắng của bài hát. Trong những giờ phút ấy, tôi thường có cảm giác là tất cả mọi người đều sống một cuộc sống giả tạo, có tính chất định mệnh và giờ đây họ mới được biết cuộc sống thực của con người.

Mụ lái buôn Luxukha béo ị - một mụ đàn bà đánh đá và dĩ thoã ra mặt - ngồi ở góc phòng; mụ giấu đầu vào đôi vai béo nung núc và khóc, lén dùng nước mắt để rửa cặp mắt trơ tráo của mình. Cạnh mụ, anh Mitrôpônki, một tay chuyên hát giọng trung người lúc nào cũng ủ rũ, gục xuống bàn. Anh là một chàng trai lực lưỡng, tóc rậm rạp giống như thầy phụ lễ bị tước chức, cặp mắt mở to trên bộ mặt say rượu. Anh nhìn ly rượu vốtka đặt trước mặt, cầm lấy ly rượu đưa lên gần miệng rồi lại khẽ đặt xuống bàn, vẻ thận trọng; không hiểu vì sao anh không thể uống cạn được.

Tất cả mọi người trong quán ăn đều im lặng như lắng nghe một cái gì đã bị lãng quên từ lâu, một cái gì thân thiết và gần gũi với họ.

Khi Klêsôp kết thúc bài hát và nhũn nhận ngồi xuống ghế, lão chủ quán liền đưa cho anh một ly rượu và mỉm cười khoan khoái nói với anh:

- Chà, hay thật! Tuy anh hát ít ngâm nhiều, nhưng anh là một nghệ sĩ, đúng thế! Không ai có thể chối cãi được.

Klêsôp thông thả uống cạn cốc vốtka, húng háng thận trọng và khẽ nói:

- Hát thì ai có giọng cũng đều có thể hát được, còn cách biểu hiện tình cảm trong bài hát như thế nào thì không ai bằng tôi.

- Này, đừng có tự phụ thế.

- Kẽ nào không có gì để tự phụ thì kẻ ấy chẳng tự phụ đâu, - anh vẫn nói với giọng khe khẽ, nhưng có vẻ ngang bướng hơn.

- Anh kiêu căng lắm, Klêsôp ạ! - lão chủ quán thốt lên, vẻ bức bối.

- Tôi không kiêu căng quá mức đâu...

Trong góc phòng anh chàng ủ rũ chuyên hát giọng trung gầm lên:

- Đồ sâu bọ, đồ nấm mốc, các người làm sao có thể hiểu nổi tiếng hát của vị thiên thần quái gở ấy?

Anh thường không tán thành với tất cả mọi người, tranh cãi chống lại tất cả, tố cáo tất cả, vì thế mà hầu như ngày lễ nào anh cũng bị những người ở ban hát và tất cả những ai có thể, những ai muốn, đánh đập một cách tàn nhẫn.

Lão chủ quán thích những bài hát của Klêsôp, nhưng không thể chịu đựng nổi chính anh ta; lão nói xấu anh trước mọi người và công nhiên tìm cách mặt sát anh ta, chế giễu anh ta. Điều đó những khách hàng quen của quán ăn và chính Klêsôp cũng biết.

- Một tay hát hay, chỉ phải cái kiêu căng thôi, cần phải sửa cho hẳn, - lão nói, và một số khách cũng tán thành với lão:

- Đúng đấy, thật là một chàng trai kiêu căng!

- Có đếch gì mà kiêu căng kia chứ? Giọng là do Chúa ban cho, có phải tự hẳn kiếm được đâu! Mà

giọng thì có to gì cho cam? - Lão chủ quán khẳng định với vẻ ngang bướng.

Những người nghe tán thành phụ họa theo lão:

- Đúng, vấn đề ở đây không phải là giọng, mà là ở tài cán.

Có lần, khi Klêsôp hát mệt, đi rồi, lão chủ quán mới gợi ý cho mục Luxukha:

- Marya Epđôkimôpna, chị nên chiêu chuộng Klêsôp, phung phí cho hắn một ít có tốt không? Đối với chị thì có đáng là bao?

- Giá tôi trẻ hơn một chút, - mục lái buôn vừa nói vừa mỉm cười.

Lão chủ quán kêu to, vẻ nồng nhiệt:

- Tụi trẻ thì biết cái cóc gì? Chị cứ thử làm đi! Tôi thích xem hắn quăn lấy chị như thế nào! Hãy làm cho hắn buồn phiền, như thế hắn càng hát hay, phải không? Cứ thử làm đi, Epđôkimôpna, tôi sẽ cảm ơn chị đấy, được chứ?

Nhưng mục không nhận lời. Người to béo, mắt nhìn xuống, mục vắn về những tua khăn trên ngực, nói một cách uể oải và đơn điệu:

- Việc ấy phải người trẻ mới làm được. Giá tôi trẻ hơn thì chẳng phải do dự...

Hầu như bao giờ lão chủ quán cũng cố làm cho Klêsôp uống say, nhưng anh ta, sau khi hát hai ba bài và sau mỗi bài uống một cốc, liền lấy khăn đan

quán cổ kỹ lưỡng, đội thật chặt mũ lên chiếc đầu bù xù rồi ra về.

Lão chủ quán thường tìm những đối thủ để độ với Klêsôp; anh thợ da hát xong một bài, lão liền khen ngợi và nói với vẻ hồi hộp:

- Nhân tiện, hôm nay có thêm một ca sĩ vừa mới đến đây! Nào, xin mời cứ việc biểu diễn!

Người mới đến đôi khi có giọng tốt, nhưng tôi không thấy có ai trong số đối thủ của Klêsôp lại hát một cách giản dị và gợi cảm như anh thợ da bé nhỏ và xấu xí đó...

- Chà, - lão chủ quán nói với vẻ tiếc rẻ, - hay đấy! Cái chính là giọng thì được, còn tình cảm thì...

Những người nghe đều cười nhạo:

- Không, rõ ràng là không ai địch nổi anh thợ da đâu!

Còn Klêsôp thì nhìn tất cả mọi người từ dưới cặp lông mày màu hung phân ra thành từng dùm, điềm tĩnh và lịch thiệp nói với lão chủ quán:

- Ông chỉ mất thì giờ thôi. Ông không thể tìm được người nào địch nổi tôi đâu, thiên tài của tôi là nhờ Chúa ban cho...

- Tất cả chúng ta đều nhờ Chúa mà có cả!

- Ông cứ bỏ tiền ra mua rượu đến hết nghiệp cũng vẫn không tìm được ai đâu...

Lão chủ quán đỏ mặt lên và nói lẩm bẩm:

- Để xem, để xem...

Klê-sôp kiên tâm nói cho lão rõ:

- Tôi phải nói thêm với ông rằng việc hát không giống như chọi gà đâu...

- Tôi biết rồi! Sao anh nói dai thế?

- Tôi không nói dai mà chỉ muốn giảng giải cho ông rõ nếu hát là một trò đùa thì đó chỉ là việc của quỉ sứ thôi!

- Thôi được! Tốt hơn là hãy hát nữa đi...

- Hát thì lúc nào tôi cũng có thể hát được, thậm chí ngay cả trong giấc mơ, - Klê-sôp tán thành, khẽ ho một cái và bắt đầu hát.

Thế là tất cả những chuyện nhỏ mọn, tất cả những lời lẽ và ý định thấp hèn, tất cả những cái tầm thường, những điều dung tục trong quán ăn đều tiêu tan thành mây khói; một cuộc sống khác đã tràn đến với tất cả mọi người - nó mơ màng, trong sạch, đầy tình yêu và nỗi buồn.

Tôi thèm muốn được như con người ấy, rất thèm muốn thiên tài của anh, uy lực của anh đối với mọi người: anh đã sử dụng uy lực ấy một cách thật kỳ diệu! Tôi muốn làm quen với anh thật da, muốn nói chuyện với anh thật lâu, nhưng tôi không dám đến gần anh. Klê-sôp nhìn tất cả bằng cặp mắt mờ đục kỳ lạ, dường như không thấy ai ở trước mặt cả. Và ở anh như có một cái gì làm cho tôi khó chịu khiến tôi

không thể mến anh được; mà tôi thì muốn yêu mến con người ấy con người ấy không phải chỉ riêng khi anh hát. Tôi khó chịu nhất khi thấy anh kéo chiếc mũ cát kết xuống tận tai theo kiểu ông cụ và quần chiếc khăn đan đỏ vào cổ như khoe với mọi người. Anh nói về chiếc khăn đó như sau:

- Chiếc khăn này là do một cô gái đáng yêu đan tặng tôi, một cô gái...

Khi không hát, anh thường làm ra vẻ quan trọng, lấy ngón tay xoa chiếc mũi lạnh cóng như chết và nếu có ai hỏi thì chỉ trả lời nhát gừng và miễn cưỡng. Có lần tôi ngồi cạnh anh và hỏi anh một câu gì đó, anh không nhìn tôi, nói:

- Thăng ranh, cút đi!

Tôi thích anh Mitrôpônxi hát giọng trung hơn nhiều; khi đi đến quán ăn, anh này thường đi tới một góc với dáng đi của người mang nặng; lấy chân kéo chiếc ghế rồi ngồi xuống chống khuỷu lên bàn, bàn tay đỡ lấy chiếc đầu to xù. Sau khi im lặng uống hai ba ly rượu, anh đằng hắng mạnh một tiếng: mọi người giật mình, quay về phía anh, còn anh thì chống cằm vào lòng bàn tay, nhìn mọi người với vẻ thách thức. Mớ tóc bù xù giống như cái bờm ngựa xoa xuống khuôn mặt màu nâu xám sừng phù.

- Ngó cái gì? Thấy cái gì nào? - đột nhiên anh hỏi với giọng khàn khàn.

Đôi khi người ta trả lời anh:

- Thấy cái thằng người rừng!

Có những tối anh chỉ im lặng uống rượu, rồi lại im lặng đi ra, chân lê giày với vẻ nặng nề, nhưng cũng có vài lần tôi nghe thấy anh bắt chước giọng nhà tiên tri tố cáo mọi người:

- Tôi là người bầy tôi liêm chính của Chúa, tôi tố cáo các người như Ixaia⁽¹⁾! Tai họa cho thành phố Ariin, vì ở đây những kẻ xấu bụng, những kẻ bịp bợm và tất cả những kẻ ti tiện đều sống trong lớp bùn nhơ của những dục vọng dê hèn của chúng! Tai họa cho những con đường thủy bộ, bởi vì chúng chở đi khắp nơi những kẻ dê mặt, nghĩa là các người: những tên nghiện rượu, những tên phạm ăn, lớp cận bã của thế giới này - những kẻ đáng nguyên rủa, các người đông vô kể, và ngay trái đất cũng sẽ không tiếp nhận các người vào trong lòng đâu!

Giọng của anh rít lên đến nỗi kính cửa sổ cũng phải rung lên thành tiếng. Những người nghe rất thích thế, họ khen nhà tiên tri:

- Cái con chó xồm kia, nó đập mới dữ chứ!

Chỉ cần mời anh ăn đôi chút là có thể làm quen với anh rất dễ dàng; anh yêu cầu một bình rượu vodka và một suất gan bò rắc ớt, món ăn mà anh rất ưa thích, nó đốt cháy mồm anh và tất cả ruột gan. Khi

(1) Theo truyền thuyết trong Kinh thánh, Ixaia là nhà tiên tri kịch liệt tố cáo bọn vua chúa.

tôi yêu cầu anh nói cho tôi biết cần phải đọc những cuốn sách gì, anh trả lời tôi bằng một câu hỏi với vẻ hung dữ và không nề nang:

- Đọc để làm gì?

Nhưng thấy tôi có vẻ bối rối, anh lại nói với giọng ôn tồn hơn:

- Đã đọc Ecclêziastơ⁽¹⁾ chưa?

- Đọc rồi.

- Thế thì đọc lại! Ngoài ra không cần đọc gì hơn. Ở đây tập trung tất cả trí tuệ của thế giới, chỉ có một mình lũ cừu ngốc nghếch là không hiểu cái đó thôi - tức là chẳng ai hiểu đâu... Cậu là ai - đi hát à?

- Không.

- Tại sao? Cần phải hát. Đó là việc vô nghĩa nhất.

Ở bàn bên cạnh có người hỏi anh:

- Nhưng chính cậu cũng hát cơ mà?

- Phải, tôi là kẻ vô công rồi nghề! Rồi sao nữa?

- Không sao cả.

- Chẳng mới lạ gì! Tất cả đều biết rõ rằng trong đầu óc cậu chẳng có gì cả. Mà cũng không bao giờ có được cái gì đâu! Amen!

Anh nói với tất cả mọi người theo giọng ấy, tất nhiên với tôi cũng vậy, mặc dù sau hai ba lần mời ăn, anh bắt đầu đối với tôi có vẻ dịu dàng hơn, thậm chí có lần anh nói với vẻ ngạc nhiên:

(1) Một trong những cuốn sách được đưa vào Kinh thánh.

- Tớ nhìn cậu mà không hiểu: cậu là cái gì, cậu là ai và cậu sống để làm gì? Nhưng thôi... mặc xác cậu!

Thái độ của anh đối với Klê-sôp thật khó hiểu: anh lắng nghe anh ta hát với vẻ rất hứng thú, thậm chí có lúc còn mỉm cười âu yếm; nhưng anh không làm quen với Klê-sôp và nói về anh ta với giọng thô lỗ và khinh bỉ:

- Hắn là thằng ngốc! Hắn biết cách thở, hắn hiểu những lời hắn hát, nhưng đầu sao hắn vẫn là con người!

- Tại sao?

- Bản chất hắn là như vậy.

Tôi muốn nói chuyện với anh lúc anh không say rượu, nhưng lúc không say anh chỉ kêu rống lên, nhìn mọi người bằng cặp mắt lơ đãng và buồn rầu. Nghe nói con người suốt đời say rượu ấy đã từng học ở viện đại học Kazan và lẽ ra đã trở thành giám mục, - tôi không tin điều đó. Nhưng có lần, khi kể cho anh nghe về bản thân, tôi đã nhắc đến giáo sĩ Crixantho⁽¹⁾; anh gật đầu nói:

- Crixantho? Tớ biết. Đó là thầy dạy của tớ và là một người tốt. Ông ta ở viện đại học Kazan, tớ còn nhớ! Crixantho có nghĩa là màu hoàng kim, theo đúng như lời của Pamva Berunđa⁽²⁾. Đúng, ông ta có màu hoàng kim thật. Crixantho!

(1) Xem chương XII trong cuốn Thời thơ ấu của M. Gorki.

(2) Một giáo sĩ uyên bác của thế kỷ XVII đã biên soạn cuốn từ điển tên riêng.

- Thế Pamva Berunda là ai? - tôi hỏi, nhưng Mitrôpônki chỉ trả lời vắn tắt:

- Không phải việc của cậu.

Về nhà tôi ghi vào quyển vở của tôi: "Nhất định phải đọc Pamva Berunda"; hình như là việc đọc Berunda sẽ tìm được những câu trả lời cho nhiều câu hỏi đã giày vò tôi.

Mitrôpônki rất thích dùng những chữ kỳ quái, những tên bí ẩn đối với tôi! Cái đó làm cho tôi rất bực mình.

- Cuộc sống không phải là Anixya! - anh nói.

Tôi hỏi:

- Anixya là ai?

- Có ích, - anh đáp, nỗi thắc mắc của tôi càng làm anh thích thú.

Những tiếng này và việc anh học ở viện đại học khiến tôi suy nghĩ rằng anh biết nhiều, và tôi rất bực mình là anh không nói gì cả, mà có nói thì cũng khó hiểu. Có thể là tôi không biết hỏi anh chăng?

Nhưng dù sao thì anh cũng để lại trong tâm hồn tôi một cái gì; tôi thích anh trong lúc say rượu đã phát ra những lời tố cáo gan dạ nấp dưới anh hiệu nhà tiên tri Ixaia.

- Ôi, trên trái đất này toàn là những đồ căn bã và hôi thối! - anh kêu rống lên - Trong số các người, có những đứa rất tồi lại có đứa danh vọng, còn những

người rất tốt thì bị xua đuổi; rồi cái ngày khủng khiếp sẽ đến, lúc ấy các người sẽ hối hận về chuyện đó, nhưng sẽ muộn rồi, muộn rồi!

Khi nghe anh rống lên như vậy, tôi nhớ đến bác Tốt Lắm, nhớ đến chị thợ giặt Natalya bị sa ngã một cách tội nghiệp và dễ dàng, nhớ đến Nữ hoàng Macgô phải sống giữa những điều đơm đặt bỉ ổi; không thiếu gì những chuyện khiến tôi có thể nhớ lại được đó...

Cuộc làm quen ngắn ngủi của tôi với con người ấy đã kết thúc một cách kỳ lạ.

Một sáng mùa xuân tôi gặp anh ở ngoài cánh đồng, gần các doanh trại; anh bước đi giống như con lạc đà, đầu lắc lư, người sưng phù lên, vẻ cô độc.

- Đi chơi à? - anh hỏi, giọng khàn khàn - Chúng ta cùng đi nhé. Tớ cũng đi dạo. Anh bạn ạ, bị ốm, chà...

Chúng tôi im lặng đi được mấy bước, bỗng nhiên nom thấy một người ở dưới hố cạnh một chiếc lều vải: hấn ngồi ở dưới đáy hố, người lệch sang một bên, vai tựa vào thành hố, một bên áo bành tô xệch lên quá mang tai, hết như hấn muốn cởi ra nhưng không được.

- Thăng cha say rượu - Mitrôpôn-xki nói và dừng lại.

Nhưng gần cánh tay người này, trên đám cỏ non, có một khẩu súng lục lớn; cạnh đó, một chiếc mũ lưỡi trai, và sát ngay chiếc mũ, một chai rượu vodka vừa

bị uống một ít; chiếc cổ chai trống rỗng lấp kín trong đám cỏ xanh. Khuôn mặt người đó lẩn dưới áo bành tô dường như hổ thẹn.

Chúng tôi đứng im lặng một lát, sau đó Mitrôpônxi đứng dạng chân ra và nói:

- Tự sát.

Tôi hiểu ngay rằng người kia không say rượu mà đã chết rồi, nhưng điều đó xảy ra đột ngột đến nỗi khó mà tin được. Tôi nhớ lúc ấy tôi không cảm thấy sợ hãi và thương xót khi nhìn chiếc sọ to lớn, nhẵn nhụi thò ra từ dưới chiếc áo bành tô, và chiếc tai xanh lè đỏ. Tôi không tin rằng một con người lại có thể tự sát trong một ngày xuân dịu dàng như vậy.

Mitrôpônxi lấy mu bàn tay xoa mạnh lên đôi má chưa cạo như người bị lạnh và giọng nói khàn khàn:

- Một người đứng tuổi. Chắc là vợ bỏ đi, hoặc hẳn đã ăn tiêu phung phí tiền của người khác...

Anh phái tôi về thành phố tìm cảnh sát, còn anh thì ngồi ở miệng hố, hai chân buông thõng xuống, xuýt xoa co ro trong chiếc áo bành tô đã cũ nát. Sau khi báo tin cho viên cảnh sát về vụ tự sát, tôi lập tức chạy trở lại, nhưng trong thời gian đó Mitrôpônxi đã uống nốt chỗ rượu vodka của người chết và khi đón tôi, anh giơ chiếc chai rỗng vẩy vẩy.

- Đây, chính cái này đã giết hại hẳn! - anh kêu

rống lên rồi đập tan chiếc chai xuống đất với vẻ tức giận.

Viên cảnh sát chạy theo sau tôi, liếc nhìn xuống hố, bỏ mũ lưỡi trai ra, do dự làm dấu thánh giá rồi hỏi Mitrôpônxi:

- Anh là ai?

- Không phải việc của anh...

Viên cảnh sát suy nghĩ một lát rồi hỏi tôi với thái độ lịch thiệp hơn:

- Thế là thế nào? Ở đây có người chết, mà anh ngồi bên uống rượu à?

- Tôi đã uống rượu hai mươi năm nay rồi! - Mitrôpônxi vỗ ngực kiêu hãnh nói.

Tôi tin rằng nhất định anh sẽ bị bắt vì tội uống rượu của người chết. Một đám người ở thành phố chạy tới; viên cảnh sát trưởng hà khắc đi xe ngựa đến, nhảy xuống hố khê nhấc chiếc áo bành tô của người tự sát lên và nhìn vào mặt người đó.

- Ai là người đầu tiên trông thấy?

- Tôi - Mitrôpônxi đáp.

Viên cảnh sát trưởng nhìn anh và nói với giọng kéo dài như báo trước điều chẳng lành:

- A... a, xin chào ngài!

Những người tới xem tụ tập lại có tới mười lăm người; họ thở hổn hển, nhốn nháo, nhìn xuống dưới

hố và chạy vòng quanh trên miệng hố; có người kêu lên:

- Đó là một công chức ở phố chúng tôi, tôi biết ông ta!

Mitrôpônxki lão đảo đứng trước mặt viên cảnh sát trưởng, anh bỏ mũ cát xuống và vừa tranh cãi với hắn với phát ra những tiếng khàn khàn, không rõ ràng; sau đó viên cảnh sát trưởng hích vào ngực anh, anh lại lão đảo, ngồi xuống. Viên cảnh sát liền từ từ rút sợi dây ở trong túi ra, trói hai cánh tay ngoan ngoãn mà Mitrôpônxki vẫn quen khoanh sau lưng. Viên cảnh sát trưởng tức giận quát tháo những người xem;

- Cút đi! Lũ đốn mạt...

Lại thêm một viên cảnh sát già, mắt đỏ lèm nhèm và mồm há hốc vì chạy đến mệt; lão cầm lấy một đầu dây và từ từ dẫn anh ta về thành phố.

Tôi cũng rời khỏi cánh đồng, lòng nặng trĩu, trong trí nhớ tôi vang lên những lời quả như một tiếng vang không rõ ràng:

“Tai họa cho thành phố Ariin!...”

Trước mắt tôi hiện ra một cảnh tượng nặng nề: viên cảnh sát từ từ móc ở trong túi áo bađờsuy ra một sợi dây, nhà tiên tri dữ dội ngoan ngoãn khoanh hai cánh tay đỏ tía đầy lông lá ra sau lưng và bắt chéo hai bàn tay lại một cách khéo léo và quen thuộc...

Ít lâu sau tôi được biết nhà tiên tri ấy đã bị trục xuất ra khỏi thành phố. Tiếp theo, anh Klêsôp cũng biến mất; anh lấy được vợ giàu và dọn về huyện ở, mở một xưởng làm đồ da.

... Tôi hết sức tán dương những bài hát của anh thợ da với cậu chủ đến nỗi có lần cậu đã nói:

- Cần phải nghe anh ta hát mới được...

Thế là cậu đã trở mặt ngồi sau chiếc bàn con, đối diện với tôi, giương cặp lông mày lên với vẻ kinh ngạc.

Trên đường đi tới quán ăn, cậu cười nhạo tôi, và những phút đầu tiên ở quán ăn vẫn chế giễu tôi, chế giễu đám người nghe và những mùi ngọt ngào. Khi anh thợ da bắt đầu hát, cậu mỉm cười vẻ châm biếm và rót bia vào cốc; nhưng rót được nửa cốc thì cậu ngừng lại và nói:

- Ô... đồ quý quái!

Tay cậu bắt đầu run run, cậu khẽ đặt chai bia xuống và hết sức chú ý nghe.

- Chà, anh bạn ạ, - cậu vừa nói cậu vừa thở dài khi Klêsôp hát xong, - quả thật anh ta hát khá lắm... mẹ kiếp! Thậm chí mình phát nóng lên.

Anh thợ da lại cất tiếng hát, đầu ngẩng, mắt nhìn lên trần nhà:

Cô gái trẻ một làng giàu có

Trên đường đi băng giữa cánh đồng...

- Hát hay thật, - cậu chủ nói khê; gật gật và mỉm cười, Klêsôp ngán lên như tiếng sáo:

Cô gái đẹp xinh mới trả lời:

- Tôi mồ côi, tôi chẳng còn ai...

- Hay tuyệt, - cậu chủ nói thì thầm, nhấp nháy cặp mắt đỏ ngầu, - chà, quý quá!... hay thật!

Tôi nhìn cậu rất hài lòng; những lời ca nức nở át cả tiếng ồn ào của quán ăn vang lên càng mạnh, càng hay, càng tâm tình:

Quê làng tôi sao cô đơn quá!

Có ai mời tôi dự tối vui?

Tôi nghèo khổ, áo xiêm đâu có.

Đâu xứng đôi với các chàng trai!

Một người goá hỏi tôi làm vợ,

Nhưng tôi đâu khất phúc mệnh trời!

Cậu chủ của tôi bắt đầu khóc một cách không ngượng ngùng gì cả; cậu cúi đầu, khịt khịt chiếc mũi khoằm, nước mắt lã chã trên hai đầu gối.

Sau bài hát thứ ba cậu nói, giọng cảm động và hình như có vẻ ngập ngừng:

- Tôi không thể ngồi ở đây được nữa, tôi ngạt thở, nặng mùi quá, quý quá thật... Về nhà đi!

Nhưng ra ngoài phố cậu lại đề nghị:

- Pêskôp, đi tới khách sạn ăn lót dạ cái đã... Tôi không muốn về nhà!

Không mặc cả, cậu ngồi luôn vào một chiếc xe trượt tuyết của người đánh xe ngựa và suốt dọc đường cậu im lặng không nói không rằng. Tới khách sạn, cậu ngồi vào một chiếc bàn con ở góc phòng và lập tức bắt đầu nói khe khẽ, mắt nhìn quanh, vẻ buồn buồn tức giận:

- Con dê ấy đã làm cho lòng tôi nhức nhối, khiến tôi thấy buồn bã vô cùng... Không, anh có đọc sách, có suy nghĩ, anh hãy nói đi, cuộc sống quỉ quái này là thế nào? Sống mãi, sống hoài, bốn mươi tuổi đã qua rồi, có vợ có con mà vẫn không có ai để trò chuyện. Có những lần anh muốn thổ lộ tâm tình, muốn nói ra hết cả, nhưng không biết nói với ai! Nói với vợ ư, cô ta không hiểu tôi... Cô ta là cái gì? Công việc của cô ta là con cái... là việc nội trợ! Cô ta không hiểu được tôi. Như người ta thường nói, vợ chỉ là bạn cho đến khi sinh đứa con đầu lòng thôi... Nhà tôi, nói chung... như anh thấy đấy... chỉ là một xác thịt vô tri vô giác, có biết đâu đến chuyện thơ ca, tâm tình⁽¹⁾, mẹ kiếp! Buồn thật, anh bạn ạ...

Cậu hồi hả uống cạn một cốc bia lạnh đắng, im lặng một lát, vuốt mái tóc dài ra sau rồi lại nói tiếp:

- Nói chung, anh bạn ạ, người ta là đồ đê tiện! Anh thường trò chuyện với những người mujich về chuyện này chuyện nọ... tôi hiểu lắm, rất nhiều cái

(1) Nguyên văn: chẳng biết thổi sáo cũng không biết nhảy múa.

sai trái, nhiều chuyện đều giả, đúng như vậy đấy, anh bạn ạ... Toàn là lũ kẻ cắp cả! Thế anh tưởng họ hiểu lời nói của anh đấy phỏng? Hiểu cóc gì! Thật đấy! Bọn họ, Piôt, Ôxip, toàn là bọn kẻ cắp cả! Họ kể với tôi hết mọi chuyện, từ chuyện anh nói về tôi ra sao đến mọi chuyện khác... Thế nào, anh bạn?

Tôi ngẩn người, yên lặng.

- Chuyện đời như vậy đấy! - cậu chủ vừa nói vừa mỉm cười - Anh định đi Ba-tư là đúng, ở đấy ngôn ngữ bất đồng, chẳng ai hiểu ai! Còn nói bằng tiếng mẹ đẻ thì rất những chuyện đều giả thôi!

- Bác Ôxip kể về cháu à? - tôi hỏi.

- Phải! Anh tưởng thế nào? Hẳn là tay ba hoa nói nhiều hơn tất cả mọi người. Anh bạn ạ, hẳn giáo quyết lắm... Không, Pêxôp ạ, lời nói không ăn thua gì đâu! Còn nói thật ư? Nói thật để làm gì? Cái đó cũng giống như tuyết mùa thu vậy - nó rơi xuống bùn rồi tan ngay. Bùn lại càng nhiều thêm. Tốt hơn hết là anh hãy im lặng...

Cậu uống hết cốc bia này đến cốc khác, nhưng vẫn không say, cậu nói mỗi lúc một nhanh hơn và vẻ tức giận hơn:

- Tục ngữ có câu: "Lời nói không phải là dao trổ, im lặng mới là vàng". Ôi, anh bạn, buồn quá, buồn quá... Hẳn ta hát rất đúng: "Quê làng tôi, sao cô đơn quá". Cảnh cô cút của con người...

Cậu nhìn quanh một lượt rồi hạ giọng nói tiếp:

- Tôi có tìm được... một người bạn gái chân thành, một người đàn bà goá ở gần đây: chồng cô ta bị kết án đi Xibêri vì tội tiền giả, bây giờ hắn còn đang ngồi tù ở đây. Tôi làm quen với cô ta... Cô ta nghèo lắm, một đồng xu dính túi cũng không có. Chà, thì cô ta ấy à, anh biết không... Mẹ tôi đã giới thiệu tôi với cô ta... Để ý nhìn, thấy cô ta là một người thật đáng yêu! Một cô gái đẹp, trẻ... thật là tuyệt diệu! Gặp nhau một đôi lần. Sau đó tôi nói với cô ta: "Thế là thế nào, chồng cô ta là một kẻ gian, chính cô cũng sống không được ngay thật, vậy cô đi theo hắn tới Xibêri để làm gì kia chứ?" Nhưng anh xem, cô ta vẫn một lòng một dạ theo hắn, đúng thế đấy... Cô ta nói với tôi thế này: "Dù anh ấy thế nào chẳng nữa, em vẫn cứ yêu anh ấy: đối với em, anh ấy là một người tốt! Có thể vì em mà anh ấy đã phạm tội này! Em dan díu với anh cũng vì anh ấy, anh ấy cần phải có tiền, anh ấy là một nhà quý tộc và đã quen sống sung sướng rồi. Nếu như chỉ có một mình em thì có lẽ em sẽ sống ngay thật. Anh cũng là một người tốt và em cũng rất mến anh, nhưng chỉ mong anh đừng nói với em về chuyện đó...". Mẹ kiếp! Tôi đưa cho cô ta tất cả những gì có trong người - tám mươi rúp cùng những tiền lẻ, - và nói: "Xin cô tha lỗi cho ... tôi không thể vào gặp cô được nữa, không thể nào!" Thế là tôi bỏ đi...

Cậu im lặng và bỗng ngà ngà say, người hơi ngã xuống. Cậu nói lắp bắp:

- Tôi đã đến với cô ta sáu lần... Anh không thể hiểu nổi như thế nào đâu! Có lẽ còn đến sáu lần nữa tôi đã đến gần căn nhà của cô ta... nhưng không dám vào... không thể vào được! Bây giờ cô ta đã đi rồi...

Cậu đặt tay lên bàn, ngón tay động đậy, rồi nói khẽ:

- Miễn là tôi không gặp lại cô ta... mong Chúa giúp cho tôi... Nếu không thì mọi việc sẽ đi đứt! Thôi, về nhà... về đi thôi!

Chúng tôi đi ra ngoài, cậu bước đi lảo đảo, mồm cậu nhàu:

- Thế đấy, anh bạn ạ...

Câu chuyện của cậu kể không làm cho tôi ngạc nhiên: từ lâu tôi đã cảm thấy nhất định có chuyện gì khác thường xảy ra với cậu.

Nhưng tôi thấy rất nặng nề sau khi nghe tất cả những điều mà cậu nói về cuộc sống, nhất là những lời của cậu nói về bác Ôxip!

XX

Ba năm trời tôi sống ở cái thành phố chết, giữa những toà nhà rỗng và làm “đốc công” trông những người thợ cứ mùa thu thì phá những cửa hiệu thô kệch bằng đá đi và mùa xuân thì xây dựng lại như cũ.

Cậu chủ rất chú ý sử dụng tôi cho xứng đáng với tiền công năm rúp của tôi. Nếu ở cửa hiệu có lát sàn thì tôi phải xúc đất cho toàn bộ bề mặt đổ đi với chiều sâu là một acsin. Bọn dân du thử du thực nhận làm việc này được trả một rúp, còn tôi không được trả gì cả. Nhưng vì bận làm việc ấy nên tôi không có thì giờ theo dõi thợ mộc; họ tháo đi những ổ khoá, quả đấm cửa, ăn cắp đủ mọi thứ lặt vặt.

Cả thợ lẫn thầu khoán đều cố tìm đủ mọi cách để đánh lừa tôi, để xoáy một vật gì; họ làm việc đó hầu như công khai, dường như tuân thủ theo một nhu cầu tẻ ngắt. Mỗi khi tôi bắt được quả tang, họ không hề tức giận, mà chỉ ngạc nhiên:

- Vì năm rúp mà cố công như được đến hai mươi đồng không bằng, trông thật nực cười!

Tôi bảo với cậu chủ rằng cậu được lợi của tôi một rúp tiền công thì thường mất đi hơn mười lần, nhưng cậu nháy mắt với tôi rồi nói:

- Thôi được, cứ vờ vịt mãi!

Tôi biết cậu nghi ngờ tôi cũng tham dự vào việc ăn cắp, điều đó khiến tôi có ác cảm với cậu, nhưng tôi không tức giận. Lệ thường là như vậy: tất cả đều ăn cắp, ngay cả cậu chủ cũng thích lấy của người khác.

Sau hội chợ, cậu chủ đi xem xét các cửa hiệu mà cậu nhận sửa chữa, khi trông thấy một chiếc ấm xamôva bỏ quên, bát, đĩa, một chiếc thảm, một cái kéo, có khi cả một hòm hoặc một gói hàng, cậu mỉm cười và nói:

- Anh lập một bản danh sách các đồ đạc và đem thu tất cả vào kho.

Rồi từ nhà kho cậu chở các thứ ấy về nhà mình, bắt tôi sửa đi sửa lại nhiều lần bản kê khai đồ đạc...

Tôi không thích đồ đạc, tôi không muốn có một thứ gì cả, ngay cả sách vở cũng làm cho tôi cảm thấy chật chội. Tôi chẳng có thứ gì hết, ngoài tập sách nhỏ của Bêrăngiê và tập thơ của Hainơ⁽¹⁾. Tôi muốn có một tập của Puskin, nhưng lão bán sách cũ duy nhất

(1) Henrich Hainơ (1797-1856, nhà thơ lớn người Đức.

của thành phố, một lão già độc ác, đã đòi cuốn Puskin với giá quá cao. Đồ đạc, thảm, gương và tất cả những thứ chất đầy căn nhà cậu chủ, tôi đều không thích. Những hình thù vụng về, thô kệch và mùi sơn, mùi véc-ni, tất cả đều làm cho tôi thấy khó chịu. Nói chung tôi không thích những căn phòng của nhà chủ; chúng giống như những cái hòm chất đầy, những thứ thừa, không cần thiết. Và tôi rất khó chịu khi thấy cậu chủ tha những đồ đạc của người khác ở kho về, làm tăng dần xung quanh mình những thứ vô ích đó. Các phòng Nữ hoàng Macgô cũng chật chội thế, nhưng đẹp đẽ biết bao.

Nói chung tôi cảm thấy cuộc sống rất rời rạc, vô nghĩa, trong đó có quá nhiều cái rõ thật là ngu xuẩn. Chúng tôi xây dựng lại các cửa hiệu, nhưng đến mùa xuân, nước lũ lại tràn ngập tất cả, làm lở nền nhà, làm hỏng hết các cửa. Khi nước rút, xà nhà bị mục nát hết. Năm này qua năm khác, đã hàng chục năm nay, nước ngập hội chợ, làm hư hỏng các toà nhà, các đường lát. Nạn lụt hàng năm ấy gây nhiều thiệt hại lớn lao cho mọi người, mà ai cũng biết trước rằng những nạn lụt ấy sẽ còn tái diễn mãi.

Mỗi mùa xuân đến, băng trôi cắt đứt những chiếc sà lan và hàng chục chiếc tàu nhỏ. Người ta than thở rồi lại đóng những chiếc tàu mới, nhưng vẫn lại bị băng trôi phá vỡ. Tình trạng dầm chân tại chỗ ấy thật là vô nghĩa!

Tôi hỏi bác Ôxíp về điều ấy, bác ngạc nhiên cười phá lên:

- Chà, anh như là con giang ấy, cái gì cũng muốn đớp lấy! Chuyện ấy anh cần biết làm quái gì kia chứ? Nó có liên quan gì đến anh đâu?

Nhưng ngay sau đó bác lại nói với giọng nghiêm nghị hơn; tuy vậy trong cặp mắt xanh, trong và không có vẻ già nua chút nào, vẫn ánh lên vẻ giễu cợt:

- Anh nhận xét xác đáng đấy! Cho rằng nó không liên can gì đến anh, nhưng có thể cũng có ích! Anh có còn chú ý thấy rằng...

Rồi bác kể bằng những lời lẽ khô khan, thường chen vào những câu khôi hài, những so sánh đột ngột và đủ thứ chuyện vui cười:

- Người ta thường than vãn: ít đất quá! Vậy mà cứ đến mùa xuân sông Vonga lại lấy đất ở bờ, bồi xuống lòng sông làm cho nó trở thành nông. Lúc ấy những người khác lại phản nản: Vonga nông quá! Những dòng nước lũ mùa xuân và những trận mưa mùa hè xói thành các khe, đất lại dồn về sông!

Bác nói không tỏ vẻ thương xót, cũng không có ác ý, mà dường như tự hào về sự nhận xét xác đáng của mình. Mặc dù những lời của bác trùng với những ý nghĩ của tôi, tôi vẫn không thích nghe.

- Anh có còn chú ý thấy rằng: những đám cháy...

Tôi nhớ hình như không có mùa hè nào là ở phía bên kia sông Vonga không có đám cháy rừng; hàng

năm, vào tháng bảy, bầu trời thường bị che kín bởi một đám khói vàng đục; mặt trời đỏ tía mất hết tia sáng, giống như một con mắt đang nhìn xuống mặt đất.

- Rừng rú không có nghĩa lý gì cả - ông Ôxip nói.
- Đó là tài sản quý tộc, hoặc của nhà nước; bọn mujich làm gì có rừng. Thành phố có cháy cũng không quan trọng lắm; ở thành phố toàn là những bọn giàu có ở, không nên thương chúng nó! Anh cứ thử đếm số làng mạc, thôn xóm trong một mùa hè có biết bao nhiêu thôn xóm bị cháy! Có lẽ không dưới một trăm cái, đó mới thật là một tổn thất!

Bác khề cười:

- Có tài sản, nhưng không biết sử dụng! Cứ theo anh với tôi thì người ta làm việc không phải cho bản thân, không phải vì ruộng đất, mà cho lửa và nước!

- Tại sao bác lại cười?

- Tại sao à? Không thể dùng nước mắt dập tắt đám cháy được, và nước mắt cũng không làm to thêm dòng nước lũ!

Tôi biết lão già dễ thương này là một người thông minh nhất trong số tất cả những người mà tôi gặp, nhưng tôi không biết được lão thích cái gì, ghét cái gì?

Tôi suy nghĩ về điều đó, nhưng bác lại tiếp tục nói, lời nói của bác như những thanh đóm khô ném vào ngọn lửa trong lòng tôi:

- Anh xem đây, người ta thường ít giữ sức, cả sức mình lẫn sức người khác. Ông chủ xài phí sức của anh như thế nào? Người ta cần rượu vodka để làm gì? Không thể nào tính nổi, cái đó vượt quá mọi trí tuệ uyên bác... Một căn nhà gỗ bị cháy thì có thể dựng lại một ngôi nhà khác, thế nhưng một người mujich tốt bị sa ngã một cách vô ích thì không thể cứu vớt được nữa! Như Acdaliôn hay Grisa chẳng hạn, hãy xem lão mujich ấy sa ngã⁽¹⁾ như thế nào! Grisa tuy hơi ngốc, nhưng là một lão mujich thành tâm! Hắn bốc khói giống như một bó rơm vậy. Các mục đàn bà xông vào xâu xé hắn tựa như những con bọ xâu xé một xác chết ở trong rừng.

Tôi hỏi bác với về tò mò, không tỏ ra tức giận:

- Bác kể với cậu chủ những ý nghĩ của cháu để làm gì?

Bác bình tĩnh giải thích, thậm chí có vẻ dịu dàng:

- Để ông ấy biết anh có những ý nghĩ tai hại như thế nào mà dạy bảo anh; ngoài ông chủ ra thì còn có ai dạy bảo anh nữa? Tôi nói với ông ấy không phải với ác ý gì, mà chỉ do tình thương của tôi đối với anh mà thôi. Anh không phải là kẻ ngốc, nhưng đầu óc anh đã bị ma quỷ làm xáo trộn lên rồi. Anh có lấy cắp, tôi cũng im lặng, có đi với gái, tôi cũng im lặng, có uống rượu tôi cũng không nói ra! Nhưng những

(1) Nguyên văn: bốc cháy.

cái buồng bình của anh thì bao giờ tôi cũng nói lại với ông chủ, anh nên biết thế đấy...

- Tôi sẽ không nói chuyện gì với bác nữa!

Bác im lặng, lấy móng tay cạy nhựa cây khỏi lòng bàn tay rồi liếc nhìn tôi bằng cặp mắt dịu dàng và nói:

- Nói dối, nhất định anh sẽ còn nói! Ngoài ra còn ai để anh nói chuyện nữa? Không có ai cả...

Bỗng nhiên tôi cảm thấy bác Ôxip sạch sẽ và gọn gàng ấy giống như anh thợ đốt lò Iakôp với vẻ bằng quan đối với tất cả mọi thứ trên đời.

Có lúc bác giống như lão già thông thái Piôt Vaxiliep, có lúc giống bác đánh xe ngựa Piôt, đôi lúc bác có nét giống ông ngoại tôi; nói chung, ở khía cạnh này hay khía cạnh khác, bác giống tất cả những ông già mà tôi đã từng gặp. Họ đều là những ông già rất thú vị, nhưng tôi cảm thấy không thể sống với họ được vì nặng nề và khó chịu. Hình như họ gặm mòn dần tình cảm của con người, những lời lẽ thông minh của họ bao bọc lấy trái tim bằng một lớp gỉ màu hung đỏ. Bác Ôxip là người tốt ư? Không phải. Là người độc ác ư? Cũng không phải. Bác là một người thông minh, điều đó thì tôi đã rõ. Nhưng sự thông minh mềm dẻo đáng kinh ngạc ấy đã làm tiêu ma lòng hăng hái của tôi, cuối cùng tôi bắt đầu cảm thấy thù ghét bác về mọi mặt.

Trong đầu óc tôi sục sôi những ý nghĩ đen tối:

“Tất cả mọi người đều là người dưng nước lã với nhau, mặc dù họ có những lời nói và nụ cười âu yếm với nhau. Trên trái đất này tất cả đều là những người xa lạ. Hình như không có ai gắn bó với trái đất bằng một tình yêu vững chắc. Chỉ có một mình bà ngoại tôi là yêu cuộc sống và yêu tất cả. Bà tôi và Nữ hoàng Macgô xinh đẹp”.

Đôi lúc những ý nghĩ ấy và những ý nghĩ tương tự quện với nhau như một đám mây đen; cuộc sống trở nên ngọt ngào và nặng nề, nhưng biết sống theo cách khác như thế nào, biết đi đâu? Ngoài bác Ôxip ra, tôi không còn có ai để nói chuyện, nên tôi càng nói chuyện với bác nhiều hơn.

Bác nghe những câu chuyện huyền thuyên đầy nhiệt tình của tôi với vẻ hứng thú rõ rệt; có khi bác hỏi lại tôi để rõ một điều nào đó rồi điềm tĩnh đáp:

- Chim gõ kiến ngang bướng, nhưng không đáng sợ, không ai sợ nó cả! Tôi thành thật khuyên anh: anh nên đi tu đi. Anh sẽ sống ở đấy cho đến khi trưởng thành; anh sẽ dùng những câu chuyện hay để an ủi những người đi lễ. Anh sẽ được yên ổn, mà nhà thờ cũng sẽ có lợi! Tôi thành thật khuyên anh đấy. Anh không có khả năng làm những việc của thế gian đâu, có phải không?

Tôi không muốn đi tu, nhưng tôi cảm thấy mình đã bị lạc lối và đang xoay trong cái vòng luẩn quẩn khó hiểu. Thật là chán nản. Cuộc sống đối với tôi

giống như một khu rừng mùa thu; nấm đã hết, không có gì để làm trong khu rừng trống cả, tôi có cảm giác như khu rừng đó đã quá quen thuộc với mình rồi.

Tôi không uống được rượu vodka, không đi lại với phụ nữ; ở tôi sách vở đã thay thế hai hình thức làm say đắm tâm hồn ấy. Nhưng tôi càng đọc nhiều sách thì càng thấy khô sống hơn. Tôi cảm thấy mình sống một cách vu vơ và vô ích giống như mọi người.

Tôi mới mười lăm tuổi đầu, nhưng đôi lúc tôi có cảm giác như mình đã là một người đứng tuổi. Tôi như đã phát triển quá nhiều ở bên trong và nặng nề thêm vì phải mang tất cả những cái mà tôi đã trải qua, đã đọc, đã băn khoăn suy nghĩ. Nhìn sâu vào nội tâm, tôi thấy nơi chứa đựng những ấn tượng của tôi cũng giống như một gian nhà kho chật chội, chất đầy những đồ vật khác nhau một cách hỗn độn. Tôi không có sức và cũng không có tài để sắp xếp chúng lại.

Tất cả những gánh nặng đó tuy rất nhiều nhưng không vững chắc, chúng đang đưa và làm tôi nghiêng ngả, giống như nước chứa lác lư một cái bình để không vững chỗ.

Tôi ghét những chuyện bất hạnh, những bệnh tật và những lời than vãn. Khi nhìn thấy những điều tàn nhẫn, máu mê, những vụ đánh nhau, thậm chí ngay cả những lời nhạo báng chửi rủa - là tôi cảm thấy ghê tởm trong cơ thể và phút chốc nó làm cho

tôi phát điên lên, rồi chính tôi cũng đánh nhau như một con thú dữ; sau đấy tôi xấu hổ đến tột độ.

Đôi khi, với lòng hăm hở muốn đánh chết kẻ chuyên hành hạ người khác, tôi đã xông vào đánh nhau một cách mù quáng đến nỗi ngay cả bây giờ, nhớ lại những cơn tuyệt vọng do bất lực sinh ra ấy, tôi cảm thấy xấu hổ và buồn rầu.

Trong tôi có hai con người: một con người sau khi đã biết quá nhiều điều ghê tởm và bẩn thỉu, hơi sợ hãi những điều đó; nản lòng trước sự hiểu biết những điều khủng khiếp xảy ra hàng ngày, nó bắt đầu nhìn cuộc sống, nhìn mọi người với thái độ thiếu tin tưởng và hoài nghi, thương hại một cách bất lực tất cả mọi người cũng như chính bản thân mình. Con người ấy mơ ước một cuộc sống cô độc, yên tĩnh, chỉ có sách vở, không dính líu đến ai; nó mơ ước đến một tu viện, một chòi canh trong rừng, một vọng gác đường sắt, mơ ước đến đó thuộc ngoại ô thành phố. Càng ít người càng tốt, càng tránh xa họ càng tốt...

Còn con người kia, được nuôi dưỡng bằng ý chí thiêng liêng của những cuốn sách tốt và sâu sắc, mỗi khi quan sát thấy sức chiến thắng của những điều khủng khiếp xảy ra hàng ngày đó, và cảm thấy sức mạnh ấy có thể dễ dàng đè bẹp mình, làm nhor bấn trái tim mình⁽¹⁾, liền cố sức tự vệ, cắn chặt răng, siết

(1) Nguyên văn: cắt đứt đầu mình, lấy gót chân bấn thiu giày xéo lên trái tim mình.

chặt nắm đấm, luôn luôn sẵn sàng xông vào bất kỳ cuộc tranh cãi và trận chiến đấu nào. Con người này yêu thương một cách tích cực và giống như những nhân vật dũng cảm trong những cuốn tiểu thuyết Pháp, chỉ cần đến câu thứ ba là đã rút ngay kiếm ra khỏi bao và đứng vào vị trí chiến đấu.

Thời kỳ này tôi có một kẻ thù rất thâm hiểm, đó là gã quét sân của một trong những ngôi nhà thổ ở phố Malaia Pôkrôpxkaia. Tôi gặp gã vào một buổi sáng, lúc đi hội chợ. Gã lôi một cô gái say mềm xuống khỏi chiếc xe bốn bánh của người đánh xe ngựa đồ ở cạnh cổng nhà. Sau khi nắm lấy hai chân cô gái ở chỗ bit tất tụt xuống, lột trần cô ta đến thắt lưng, gã trâng tráo lôi cô gái, vừa cười hét vừa khạc nhổ vào người cô. Cô này khi bị đẩy khỏi xe, người rũ ra, mắt nhắm nghiền lại, mồm há hốc, hai cánh tay mềm nhũn như bị sai khớp quật ra đằng sau đầu, lưng, gáy và khuôn mặt tái xanh của cô va vào chỗ ngồi của chiếc xe, vào bậc xe, cuối cùng cô ngã vật xuống đường, đầu đập vào đá.

Người đánh xe quất ngựa đưa xe đi, còn gã quét sân thì túm lấy hai chân cô gái, đi giật lùi, kéo lê cô ta lên vỉa hè như kéo một cái xác chết. Tôi giận điên lên, chạy bổ tới, may cho tôi trong lúc chạy tôi đã vứt hoặc vô tình đánh rơi mất cái ống đo mực nước dài một xajen⁽¹⁾, việc đó đã cứu gã quét sân và tôi khỏi

(2) Đơn vị đo lường Nga dài 2,12m.

chuyện rầy rà lớn. Sau khi lao vào gã theo đà chạy, tôi quật ngã gã quét sân, rồi nhảy lên bậc cửa, kéo chuông dồn dập; những người râu ria xồm xoàm chạy ra, tôi không sao giải thích được gì cho họ, mà chỉ nhặt chiếc ống đo mực nước lên và bỏ đi.

Tôi đuổi kịp người đánh xe ở chỗ đường dốc, hần nhìn tôi từ trên cao xuống - từ chỗ ngồi của người đánh xe - và nói với vẻ tán thưởng:

- Anh hạ hần khéo đấy!

Tôi bực mình hỏi hần tại sao hần lại cho phép gã quét sân có những hành động thô bạo đối với người con gái như vậy, hần bình tĩnh nói với giọng kinh tởm:

- Tôi cần đếch gì! Bọn chủ trả tiền cho tôi khi họ bỏ cô ả lên xe; còn chuyện ai đánh ai thì có liên can gì đến tôi?

- Thế lỡ họ đánh chết cô ta thì sao?

- Ừ, loại ấy người ta cũng đánh chết thôi - người đánh xe nói tựa như hần đã nhiều lần thử làm cái trò đánh chết những cô gái say rượu rồi thì phải.

Từ ngày đó hầu như sáng nào tôi cũng gặp gã quét sân. Tôi đi ngoài đường phố, còn gã thì quét quảng đường lát hoặc ngồi ở bậc tam cấp như có ý chờ đợi tôi. Khi tôi đến gần, gã đứng dậy, xắn tay áo lên và báo trước:

- Nào, bây giờ tao mới sửa cho mày một trận!

Gã khoảng bốn chục tuổi, người nhỏ bé, chân khoằm, bụng to như bụng đàn bà có chửa; gã cười khẩy nhìn tôi bằng cặp mắt long lanh và tôi rất làm lạ khi nhìn thấy cặp mắt của gã có vẻ lương thiện và vui vẻ. Gã không có tài đánh nhau, tay gã ngắn hơn tay tôi; sau hai ba hiệp gã chịu thua tôi, tựa lưng vào cổng, và nói với vẻ ngạc nhiên:

- Thôi được, rồi có ngày biết tay, đồ chó!...

Nhưng trận đánh nhau ấy làm cho tôi chán ngấy, có lần tôi bảo gã:

- Này, đồ ngốc đừng có quấy rầy tao nữa!

- Thế sao mày lại đánh tao? - gã hỏi với giọng trách móc.

Tôi cũng hỏi gã xem tại sao gã lại làm nhục cô gái một cách đểu cáng như vậy.

- Việc ấy có quan hệ gì đến mày? Mày thương nó à?

- Dĩ nhiên là thương.

Gã im lặng, chùi mép rồi hỏi:

- Thế mày có thương con mèo không?

- Tất nhiên, cả mèo cũng thương...

Lúc ấy gã bảo tôi:

- Mày là thằng ngốc, thằng bịp bợm! Liệu hồn đấy, tao sẽ cho mày biết tay...

Tôi không thể tránh con đường ấy được; đó là con đường ngắn nhất. Nhưng tôi dậy sớm hơn để

không gặp con người ấy; tuy vậy qua vài ngày tôi lại gặp gã. Gã ngồi ở bậc tam cấp và vuốt ve con mèo màu tro nằm trên đầu gối gã. Khi tôi còn cách gã khoảng ba bước, gã nhồm dậy, nắm lấy chân con mèo và vung tay quật mạnh đầu nó vào cột thềm; một tia máu âm ỉm phọt cả vào người tôi. Xong đó, gã liền ném con mèo vào chân tôi rồi đứng vào trong cửa và hỏi tôi:

- Thế nào?

Chà, còn biết làm thế nào nữa! Chúng tôi quần nhau trên sân như hai con chó đực. Sau đó tôi ngồi trên bãi cỏ dại ở bờ dốc, phát điên lên vì một nỗi buồn chán khôn tả, tôi măm mòi để không gào lên, thét lên. Bây giờ nhớ lại chuyện đó tôi còn thấy run lên vì ghê tởm và ngạc nhiên là khi đó tại sao tôi đã không hoá điên, không giết người?

Tôi kể những chuyện ghê tởm này để làm gì? Để các bạn - những người có thiện tâm - biết rằng đó không phải là những chuyện đã qua, không phải là chuyện đã qua rồi đâu! Các bạn thích những chuyện khủng khiếp khéo bịa đặt ra, thích những chuyện rùng rợn được kể một cách ly kỳ; chuyện khủng khiếp hoang đường dễ làm cho các bạn hồi hộp một cách thú vị. Nhưng tôi lại biết đến những chuyện khủng khiếp có thật, những chuyện rùng rợn xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, và tôi có cái quyền không ai chối cãi được là làm cho các bạn xúc động một cách

không lấy gì làm thú vị bằng những câu chuyện đó, nếu các bạn nhớ lại rằng các bạn đang sống như thế nào và đang sống trong tình huống nào?

Tất cả chúng ta đang sống một cuộc sống đê tiện và bẩn thỉu! Đó là một sự thật!

Tôi rất yêu mọi người và không muốn làm ai đau khổ, nhưng không thể đa cảm, cũng không thể che giấu sự thật khủng khiếp trong những lời nói dối trá bóng bẩy loè loẹt được! Hãy sống đi, hãy sống đi! Cần phải hoà vào trong đó tất cả những gì tốt đẹp và nhân đạo ở trong tim và trong đầu óc chúng ta.

... Đặc biệt cách đối xử với phụ nữ đã làm cho tôi rối trí. Sau khi đọc khá nhiều tiểu thuyết, tôi nhìn người phụ nữ như nhìn một cái gì tốt đẹp nhất và quan trọng nhất trong cuộc sống. Người làm tôi tin tưởng vững chắc vào điều đó là bà ngoại tôi, là những câu chuyện của bà về Đức Mẹ và về Vaxilixa Anh minh, là chị thợ giặt bất hạnh Natalya, là hàng trăm hàng ngàn những cặp mắt, những nụ cười mà tôi được thấy, và đã được các phụ nữ, các bà mẹ của cuộc sống dùng để điểm tô cho cuộc sống rất nhiều thiếu thốn niềm vui, rất thiếu thốn tình yêu này.

Những cuốn sách của Tuôcgêniep thường ca ngợi người phụ nữ; tôi đã dùng tất cả những hiểu biết tốt đẹp về phụ nữ để điểm tô cho hình tượng Nữ hoàng đáng ghi nhớ của tôi. Về điểm này Hainơ, Tuôcgêniep đặc biệt đã cho tôi nhiều điều quý báu.

Buổi chiều, khi từ hội chợ trở về nhà, tôi thường dừng lại ở trên đồi, ở chân tường điện Kremlin; tôi nhìn mặt trời lặn ở phía bên kia sông Vonga, nhìn những dòng sông lửa trôi trên bầu trời, nhìn con sông đáng yêu trên mặt đất đang biến thành màu đỏ thắm và xanh biếc. Đôi lúc, trong những phút như vậy, tôi cảm thấy toàn bộ trái đất như một chiếc xà lan lớn của tù nhân, như một con lợn, mà một chiếc tàu thủy vô hình uể oải kéo đi đâu không rõ.

Nhưng tôi thường suy nghĩ nhiều hơn về sự bao la của trái đất, về những thành phố mà tôi biết trên sách vở, về những nước ngoài nơi người ta sống theo một lối khác. Trong những cuốn sách của các nhà văn nước ngoài, cuộc sống được miêu tả trong sạch hơn, đáng yêu hơn, ít khó nhọc hơn so với cuộc sống chậm chạp và đơn điệu đang sôi sục xung quanh tôi. Điều đó làm dịu bớt những nỗi băn khoăn của tôi và gợi trong tôi những ước mơ về khả năng thực hiện một cuộc sống khác.

Và tôi luôn luôn cảm thấy rằng nhất định tôi sẽ gặp một người thông minh giản dị nào đó có thể dẫn tôi tới con đường thênh thang sáng sủa.

Một hôm tôi đang ngồi trên một chiếc ghế dài ở chân tường điện Kremlin thì bỗng nhiên cậu Iakôp xuất hiện ở bên cạnh tôi. Tôi không để ý đến cậu khi cậu đi tới gần tôi và không nhận ngay ra cậu. Mặc dù trong vòng mấy năm qua chúng tôi sống trong

cùng một thành phố, nhưng hoạ hoằn mới gặp nhau, có khi tình cờ, cũng có khi chỉ gặp thoáng qua.

- Chà, cháu lớn gớm rồi nhỉ, - cậu hích tôi một cái và nói đùa, chúng tôi bắt đầu nói chuyện như những người dưng nhưng đã quen biết nhau từ lâu.

Nghe bà tôi kể thì cậu Iakôp trong mấy năm qua hoàn toàn bị phá sản, cậu tiêu pha hết sạch, ăn chơi bừa bãi. Có lần cậu làm phó cai ngục của một trại tù, nhưng kết quả chẳng ra gì: viên cai ngục bị ốm, cậu Iakôp liền tổ chức ở nhà riêng của mình những bữa tiệc vui để cho các tù nhân tham dự. Việc này để lọt ra ngoài, cậu bị cách chức và bị đưa ra toà vì bị kết tội là đã thả tù nhân đi “đạo chơi” ở thành phố ban đêm. Không có ai trong đám tù nhân chạy trốn cả, nhưng có một người bị bắt đúng lúc anh ta đang cố sức bóp cổ thầy phụ lễ. Cuộc điều tra kéo dài rất lâu, nhưng kết quả cậu vẫn không bị xử án, vì tù nhân và cai ngục đều biết chống chế cho người cậu lương thiện của tôi thoát khỏi chuyện ấy. Bây giờ cậu không có việc làm, sống nhờ vào đứa con trai làm nghề hát mướn ở ban ca của Rukavisnikôp nổi tiếng thời bấy giờ. Cậu nói về đứa con trai thật là lạ lùng.

- Thăng bé nhà cậu đã đứng đắn, chẳng chạc ra phết! Nó hát đơn ca. Hể không kịp đặt xamôva hay chải sạch quần áo cho nó và nó làm inh cả lên! Một thanh niên rất chỉnh tề và ưa sạch sẽ...

Cậu trông già đi nhiều, người nhem nhuốc, râu

tóc đã rụng bớt, sức yếu hẳn đi. Mớ tóc quăn xinh đẹp của cậu thưa đi nhiều, hai tay phồng lên, trên lòng trắng của đôi mắt và trong lớp da xanh nhợt của cặp má cao nhẵn đã xuất hiện một mạng lưới dày đặc những đường gân màu đỏ. Cậu nói giọng bông đùa, nhưng ta có cảm giác như trong miệng cậu có một cái gì làm vướng lưới, mặc dù rằng cậu vẫn còn nguyên.

Tôi vui mừng vì có dịp được nói chuyện với một người biết sống vui vẻ, từng trải và chắc chắn là hiểu biết nhiều. Tôi còn nhớ rõ những bài hát sôi nổi, buồn cười của cậu, và trong trí nhớ của tôi còn vang lên những lời của ông tôi nói về cậu:

“Nó hát thì như vua Đavít, nhưng làm thì lại như Alaxalôm độc ác!”

Trên đại lộ có trồng cây hai bên, một tốp người ăn mặc sạch sẽ đi ngang qua chỗ chúng tôi, đó là những bà quý phái giàu có, những viên công chức và sĩ quan. Cậu tôi mặc áo bành tô mùa thu cũ kỹ, đội mũ lưới trai nhàu nát, đi đôi ủng màu hung; cậu co mình lại, chắc là ngượng vì bộ quần áo của mình. Chúng tôi đi tới một quán ăn ở khu Pôxainxki và ngồi ở cạnh cửa sổ trông ra phía chợ.

- Cậu có nhớ cậu đã hát:

*Một gã ăn mày phơi đôi xà-cạp,
Gã khác xoay mất lúc nào...*

Vừa thốt ra những câu hát đó, tôi bỗng nhiên cảm thấy lần đầu tiên ý nghĩa giấu cọt của nó và cảm thấy rằng người cậu vui tính ấy là một người độc ác và thông minh.

Nhưng sau khi rót đầy rượu vodka vào ly, cậu nói với vẻ đăm chiêu:

- Đúng, cậu đã sống rất thoải mái, rất kỳ quặc, nhưng vẫn còn ít! Bài hát ấy không phải là của cậu, mà là của một thầy giáo trường dòng, tên ông ta là gì nhỉ? Ông ấy chết rồi, nên cậu cũng quên mất. Cậu với ông ấy sống như bạn bè. Ông ta chưa vợ, rượu chè be bét và đã chết cồng. Cậu nhớ có biết bao nhiêu người đã trở nên nghiện ngập - khó mà tính nổi! Cháu không uống chứ? Chớ uống, hãy khoan đã. Cháu có thường gặp ông không? Ông là một lão già kỳ cục. Hình như ông mất trí rồi thì phải.

Sau khi uống rượu vào, cậu tươi tỉnh hẳn lên, thân thể cũng ngay ngắn hơn, trông trẻ ra và bắt đầu nói hoạt bát hơn.

Tôi hỏi cậu về câu chuyện tù nhân.

- Cháu cũng nghe thấy à? - cậu hỏi dò, nhìn quanh rồi hạ thấp giọng nói:

- Chuyện tù nhân ấy à? Cậu không phải là kẻ xử tội họ. Cậu thấy họ cũng là những người bình thường cả, nên cậu nói anh em ơi, tất cả hãy sống thật thân ái, thật vui vẻ đi! Có một bài hát như thế này:

*Số phận không cản trở được niềm vui,
Cứ mặc nó giam ta trong xiềng xích;
Chúng ta sẽ sống vui thoả thích,
Chỉ kẻ ngu là sống khác mà thôi!*

Cậu cười và nhìn qua cửa sổ xuống dưới khe vực tối om, ở dưới đáy khe có nhiều hiệu buôn nhỏ. Cậu sửa lại ria mép cho ngay ngắn rồi lại tiếp tục nói:

- Tất nhiên họ rất vui sướng vì ngôi mãi ở trại giam thì buồn lắm. Thế là điểm danh xong, họ đến ngay chỗ cậu uống rượu vodka, ăn đôi chút; có lúc cậu mời họ, có lúc họ mời cậu; ăn uống xong bắt đầu nhảy múa và hát bài "Nước Nga mẹ"! Cậu thích múa hát, trong đám họ có những người múa hát rất giỏi, thật là cừ khôi! Đôi khi có người bị gông cùm không nhảy múa được, cậu liền cho phép tháo gông ra, thật đấy! Tự họ khắc biết tháo, không cần nhờ thợ rèn, họ khéo tay đáo để, thật là cừ khôi! Còn chuyện đồn rằng cậu thả họ vào thành phố để cướp bóc thì thật là chuyện bậy bạ, chuyện đó thậm chí vẫn chưa có bằng cứ gì để xác minh...

Cậu im lặng nhìn qua cửa sổ xuống dưới khe, ở đấy những người mua đồ cũ đang khoá cửa hiệu, tiếng then cửa bằng sắt kêu lách cách, tiếng bản lề gỉ kêu ken két, tiếng rơi của những tấm ván nào đó âm vang. Sau đó cậu vui vẻ nháy mắt với tôi rồi tiếp tục nói nhỏ:

- Nếu đúng ra thì chỉ có một người quá là dèm

đêm có lên đi, nhưng đó không phải là người bị cùm, mà chỉ là một tên kẻ cắp ở đây, ở Nijni-Nôpgôrôt; hẳn có một ả tình nhân ở gần đây, ở Pêsoka. Và cũng có xảy ra câu chuyện với một thầy phụ lễ, chỉ là do sự nhầm lẫn thôi: thầy phụ lễ bị nhận lầm là con buôn. Việc đó xảy ra vào một đêm mùa đông, bão tuyết, tất cả mọi người đều mặc áo lông, trong lúc vội vã như vậy thì còn phân biệt làm sao được ai là con buôn, ai là thầy phụ lễ nữa?

Tôi cảm thấy chuyện đó thật là buồn cười, chính cậu cũng cười và nói:

- Trời đất ơi! Chỉ có ma quỷ mới phân biệt được họ...

Nói xong cậu đột nhiên nổi giận một cách kỳ lạ, cậu gạt đĩa thức ăn ra, nhăn mặt với vẻ kinh tởm, châm điếu thuốc lá hút và nói lảm bảm:

- Ăn cướp lẫn nhau, rồi lại bắt lẫn nhau, tống vào các nhà tù, đẩy đi Xibêri, đi làm khổ sai, chà, tao thì có liên can gì đến việc ấy? Tao cóc cần dính dáng đến mọi chuyện... Tao có tâm hồn của tao!

Trước mắt tôi hiện ra hình ảnh anh thợ đốt lò mình đầy lông lá - anh cũng hay nói chữ "cóc cần". Tên anh cũng là Iakôp.

- Cháu đang nghĩ gì đấy? - cậu hỏi với giọng dịu dàng.

- Cậu có thương những tù nhân không?

- Trông họ rất dễ thương, có những chàng trai thật là cừ khôi! Có lúc cậu nhìn họ và nghĩ bụng: mình không đáng là gót giày của họ, thế mà lại làm người cai quản họ. Họ thật là thông minh và khéo léo...

Rượu và hồi ức lại gây cho cậu một cảm giác dễ chịu; cậu tỉa khuỷu tay lên bệ cửa sổ, khẽ ve vẩy bàn tay vàng khè đang cầm mẫu thuốc là hút dở và bắt đầu nói với giọng sôi nổi:

- Có một người chột mắt làm thợ khắc và chữa đồng hồ; hắn bị bỏ tù vì tội làm tiền giả, hắn trốn rồi; giá cháu được nghe hắn nói nhỉ! Cứ như là lửa cháy ấy! Như một nhà nghệ sĩ đang hát vậy! Hắn nói: "Các người hãy giải thích tại sao kho bạc có thể in tiền, còn tôi thì lại không thể? Hãy giải thích đi!" Không ai có thể giải thích cho hắn điều đó. Không ai cả, cậu cũng không thể giải thích nổi. Thế mà cậu lại là người cai quản hắn! Còn một người nữa, một gã ăn cắp nổi tiếng của Maxcova, tính tình rất trầm lặng, ăn mặc sang trọng, ưa sạch sẽ, nói năng lịch thiệp. Gã nói: "Người ta làm việc đến暮 người đi, nhưng tôi không thích thế. Tôi đã trải qua cái cảnh đó: làm việc, làm mãi, làm đến nỗi mệt phờ ra, trở thành một thằng ngốc, uống rượu mất hai kôpếch, đánh bạc thua mất hai kôpếch, cho đàn bà mất năm kôpếch để được vuốt ve, cuối cùng lại nghèo đói. Không, tôi không chơi cái trò ấy..."

Cậu Iakôp mặt đỏ tía lên⁽¹⁾ và bị kích động đến nỗi ngay cả đôi tai nhỏ của cậu cũng rung rung, cậu cúi xuống bàn và nói tiếp :

- Họ không phải là lũ gốc đầu, anh bạn ạ, họ phê phán rất đúng. Tất cả những trò bỉ ổi ấy thật là quái! Đây, cứ thử xem cậu đã sống như thế nào? Nhớ lại thật là xấu hổ, thật là một cuộc sống tủn mủn, thâm lén. Đau khổ là của mình, còn vui vẻ là thứ xoáy được của người khác! Khi thì bố quát “đừng cộ hòng”, khi vợ la “không thể được”, đôi lúc chính cậu sợ đến không dám ngóc đầu lên nữa. Thế là cậu đã bỏ qua mất cả cuộc đời, bây giờ già rồi thì đi làm đầy tớ cho thằng con trai của mình. Giấu giếm mà làm gì? Anh bạn ạ, cậu ngoan ngoãn hầu hạ nó, nhưng nó lại quát tháo cậu như là ông chủ ấy. Nó gọi cậu là “bố”, nhưng cậu lại nghe thành “đầy tớ”! Cậu sinh ra để làm cái trò ấy ư? Loay hoay mãi trong cuộc sống để rồi đi hầu con ư? Giả sử không có cái đó đi chẳng nữa thì cậu sống để làm gì chứ, cậu đã được hưởng bao nhiêu lạc thú rồi?

Tôi nghe cậu với vẻ lơ đãng, tuy nhiên cũng đáp lại một cách miễn cưỡng và không hy vọng gì ở câu trả lời của cậu:

- Cháu cũng không biết nên sống như thế nào...
Cậu mỉm cười.

(1) Nguyên văn: đỏ tận đến đỉnh đầu.

- Chà... Ai biết được điều đó? Cậu chưa thấy người nào biết được điều đó cả! Thế đấy, người ta sống và mỗi người đều quen với lối sống riêng của mình...

Đột nhiên cậu lại nói với giọng giận dữ, bực tức:

- Trước đây ở chỗ cậu có một người vùng Ôriôn phạm tội cường bức, một gã quý tộc, một tay nhảy múa rất cừ, đôi lúc hẳn làm cho tất cả phải phì cười, hẳn hát về Vanka:

Chú Vanka đi trong nghĩa địa

- Chuyện ấy thật là giản đơn!

Này, Vanka, hãy thò đầu ra tí

Cho xa hơn khu nghĩa địa thôn làng...

Cậu nghĩ rằng cái đó hoàn toàn không đáng cười, mà là sự thật! Dù tránh thế nào thì cũng không thể vượt ra khỏi nghĩa địa được. Đã vậy thì đối với cậu thế nào cũng xong: làm tù nhân hay là cai ngục cũng thế thôi.

Nói đã mệt, cậu uống nốt chỗ rượu vốtka, rồi giống như con chim dùng một mắt nhìn vào cái bình trống rỗng, im lặng hút thêm một điếu thuốc nữa và phà khói qua bộ ria mép.

“Dù có cố sức đến đâu, có hy vọng vào cái gì đi nữa thì cũng chẳng ai thoát khỏi chiếc quan tài và khu nghĩa địa đâu”, bác thợ nề Piôt, một người hoàn toàn khác hẳn cậu Iakôp cũng thường nói thế. Tôi

biết bao nhiêu những câu cách ngôn như vậy và tương tự như vậy rồi!

Tôi không muốn hỏi thêm cậu điều gì nữa. Ở bên cậu, tôi cảm thấy buồn rầu và thấy thương cậu. Tôi nhớ lại bài hát sôi nổi và tiếng đàn ghi-ta nhen lên niềm vui trong một nỗi buồn dịu dàng. Tôi cũng không quên anh Txuganôc vui tính, không quên và khi nhìn thân hình mình ủ rũ của cậu Iakôp tôi chợt nghĩ:

“Liệu cậu còn nhớ vụ cây thánh giá đè chết anh Txuganôc không?”

Tôi nhìn xuống dưới khe vực tràn đầy bóng tối ẩm ướt của tháng tám. Từ dưới khe bốc lên mùi táo và mùi dưa bở. Trên con đường hẹp đi vào thành phố đã rực ánh đèn, tất cả những cảnh đó hoàn toàn quen thuộc. Vào giờ này tàu thủy đi Rubinxơ và tàu đi Pecmơ sắp bắt đầu kéo còi...

- Đến giờ phải đi rồi! - cậu nói.

Bên cửa quán ăn, khi bắt tay tôi, cậu khuyên với vẻ bông đùa:

- Cháu đừng buồn, hình như cháu buồn thì phải? Vui lên chứ! Cháu hãy còn trẻ. Cái chính cháu nên nhớ là “số phận không cản trở được niềm vui!” Thôi, tạm biệt, cậu phải đi đến nhà thờ “Đức Mẹ lên trời” đây!

Người cậu vui tính đi khỏi càng khiến tôi bối rối thêm vì những lời nói của cậu.

Tôi đi ngược lên thành phố, rồi đi ra phía cánh đồng. Trăng rằm tròn vành vạnh, trên trời những đám mây nặng nề trôi, những bóng đen của chúng xoá sạch cái bóng của tôi trên mặt đất. Tôi đi tránh thành phố bằng đường ruộng, ra tới bờ dốc trên sông Vonga rồi nằm dài trên bãi cỏ đầy bụi và mảnh đất bất động ấy. Những bóng mây chậm chạp kéo qua sông Vonga; sau khi hoà lẫn vào cánh đồng cỏ, chúng sáng sủa hơn, như được nước sông rửa sạch. Mọi vật chung quanh đều như nửa thức nửa ngủ, như bị chìm đi, tất cả dường như chuyển động một cách miềm cưỡng, do sự bức thiết, chứ không phải do lòng yêu tha thiết đối với hoạt động, đối với cuộc sống.

Tôi muốn đá tung tất cả trái đất và cả ngay chính mình nữa để cho mọi vật - kể cả tôi - xoay như một cơn lốc mừng vui trong điệu múa tung bùng của những con người yêu nhau say đắm, những con người đang yêu cuộc sống này, cuộc sống mở đầu cho một cuộc sống khác đầy tươi đẹp phấn khởi và ngay thật...

Tôi nghĩ bụng:

“Tôi phải làm được một việc gì chứ, nếu không thì ta sẽ sống vô ích...”

Vào những ngày thu âm đạm, khi mà không những không nhìn thấy, không cảm thấy, mà còn quên mất cả mặt trời, vào những ngày thu như vậy tôi thường bị lạc trong rừng. Tôi đi chệnh đường, chẳng tìm ra được một lối hẻm nào: cuối cùng, sau

khi tìm kiếm đến một bã người, tôi cần rằng lại và cứ đi thẳng xuyên qua rừng rậm trên những cành cây mục nát, trên những mô đất tròn trành của vũng lầy. Cuối cùng bao giờ tôi cũng tìm ra được đường đi.

Tôi quyết định cũng sẽ làm như vậy.

Mùa thu năm ấy tôi đến Kazan với hy vọng ngấm ngấm rằng có thể tôi sẽ kiếm được chỗ học ở đó.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 8.294 684 - 8.294 685

Fax: 04 8 294 781

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN VĂN LƯU

Chịu trách nhiệm bản thảo

NGUYỄN CỪ

Biên tập: **BAN BIÊN TẬP**

Vẽ bìa: **TRẦN ĐẠI THẮNG**

KIẾM SỐNG - MACXIM GORKI

In 1000 cuốn, khổ 13x19cm. In tại: Xí nghiệp in 15
Giấy TNKHXB số: 138/VHGF
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2002.

MACXIM GORKI

KIẾM SỐNG



Sách phát hành tại
TẦNG 2 - SỐ 5 PHỐ ĐỊNH LỄ
HÀ NỘI

Điện thoại: 8.261652

GIÁ: 60.000Đ